TRƯƠNG SỸ HÙNG
Chủ biên

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 2

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
& VIỆN VĂN HOÁ

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 2

Các huyện Từ Liêm, Gia Lâm,
Đông Anh và Sóc Sơn

TRƯƠNG SỸ HÙNG
Chủ biên

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 2

Các huyện Từ Liêm, Gia Lâm, Đông Anh và Sóc Sơn

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
& VIỆN VĂN HÓA
HÀ NỘI - 2009

Chủ biên

TRƯƠNG SỸ HÙNG

Cộng tác sưu tầm tư liệu

ĐÀO TỐ UYÊN

HOÀNG THỊ MAI HƯƠNG

TRƯƠNG SỸ TÂM

PHONG TỤC XÃ HOÀNG XÁ

Tổng Hạ Trì, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

(Dịch bản chữ Hán lưu hành tại địa phương)

Các quan viên, hương lão, lý trưởng, thôn trưởng cùng toàn thể mọi người trong xã để làm rõ hệ sự trong xã, vì việc xã từ trước đến nay từ việc thờ thần đến việc quan, hôn, tang tế, các tiết có từ lâu, song có việc quá phiền phức, có việc quá giản đơn chưa được vừa phải. Nay san định để việc quá phiền thì tước bỏ đi, việc quá giản đơn thì bổ sung lại làm cho mọi việc đều vừa phải để làm hậu dân tục. Các điều lệ như sau:

1. Mỗi năm vào ngày ky 10 tháng Giêng, cần dụng khoản bánh tròn, bánh thanh tiêu, trâu một con, hành lễ nấu chín 8 mâm, tế xong kính tư văn hai mâm, rượu một hồ kính viên chính tế. Cắt thịt ra, một bát thịt chín kính trưởng văn. Cũng như vậy kính nhạc giáp một mâm, rượu một bát, thôn trưởng một mâm, rượu một bát, bản binh long bàn thịt một bát, đùi trâu một cái. Đến thứ giáp, cai tế: đùi trâu một cái; chõ xôi 9 cân, khang mễ hai mâm 8 đấu kho. Ky lấy ở một sào ruộng tế ngày mồng 9 lễ cáo ky: gà một con, xôi một cân, rượu một vò, giầu cau 30 khẩu. Lấy ở ruộng một sào, ngày mồng 10 tế xong mang về bản xã chiêu đãi các tiết lệ đương cai, thịt thái nhỏ cùng tim, xương và một mâm vuông bằng đầu bằng đuôi một chiếc lệ: thôn trưởng nuôi trâu: thịt một miếng dài 5 thốn rộng 3 thốn, thịt chả một miếng

dài 5 thốn rộng 5 thốn.13 tháng giêng ky, chỉnh biện gà hai con, xôi hai mâm, giầu cau 20 khẩu, rượu một vò. Vàng bạc tinh 100, cùng toàn xã kinh tế.

2. Mồng một tháng hai mỗi năm lễ cáo ky lấy ở ruộng một sào vẫn dùng gà một con, xôi một mâm, rượu một vò, giầu cau 30 khẩu.

3. Ngày 2 tháng 2 mỗi năm khoán bánh ở lễ nhạc 2 giáp chỉnh biện, lễ 2 năm, nhạc một năm. Dùng bánh tròn 2 cân, xôi 4 cân đặt ruộng một sào, cùng toàn xã trên dưới theo thứ tự. Canh điền chỉnh lễ lợn một đầu, lấy ở ruộng 1 sào 10 thước. Căn cứ theo thứ tự canh điền. Lễ xong mang nguyên hai má phải, trái của lợn kính tư văn, còn thừa chia cho đều mọi người (15 tháng 2 ky hậu) lấy ruộng 4 sào 6 thước đều là hai giáp, mỗi giáp đến lượt canh điền thì chỉnh biện gà một con, xôi 2 cân, oản 1 cân thanh tiêu (chuối tiêu xanh) 1 nải, rượu một vò, giầu cau 20 khẩu. Lễ xong đãi bản tộc. Gà một cánh, oản một phẩm, xôi một đấu, công kim ngân một trăm, còn thừa mỗi giáp lấy gạo nếp 50 đấu kho.

4. Ngày 3 tháng 3 mỗi năm, tiết Thanh Minh: nước suối mát, bánh gạo khang mễ một mâm; xôi 2 mâm, gà 2 con, giầu cau 30 khẩu. Lệ thôn trưởng mua đường, rượu, giầu cau, (tiền 6 mạch).

5. Ngày mồng 10 lệ Nhập Tịch, cần dụng: một đầu bò, giết xong nấu chín làm 8 mâm, tế xong kính tư văn 2 mâm, rượu 1 hồ. Tế biếu tư văn long bàn một lễ, rượu một bát, giầu cau 10 khẩu. Nhạc giáp một mâm, rượu một bát, trưởng thôn một mâm, rượu một bát, bản binh lao, đùi một chiếc. Lệ đương cai: Xương sườn liền thịt 3 dẻ. Thứ giáp cai, sườn liền thịt 2 dẻ. Chiêu đãi các tiết còn thừa, bản xã mỗ chia phần đều. Đương cai xương sườn lệ đã quy định nên đãi 1 cỗ theo bản xã, riêng thịt chia 1 góc nay định.

6. Ngày 11 tháng 3 hàng năm, đến thứ giáp cai tế, cỗ: lợn một đầu, làm chín xôi, cơm, giầu rượu y như nghi lễ. Sau khi tế xong đuôi lợn kính tư văn, xôi 1 cân và 3 đấu công, rượu 8 bát, phủ khăn 3 vuông vải bông từng dùng như giầu cau.

7. Ngày 15 tháng 2 hậu kỳ. Lấy ở ruộng 4 sào 6 thước đều là 2 giáp, mỗi giáp đến lượt canh điền thì chỉnh biện, gà 1 con, xôi 2 cân, chuối tiêu xanh 1 nải, rượu 1 vò, giầu cau 20 khẩu. Lễ xong đãi bản tộc gà 1 cánh, oản 1 phẩm, xôi 1 đấu công, kim ngân 1 trăm, còn thì mỗi giáp gạo nếp 50 đấu kho.

8. Ngày 3 tháng 3 mỗi năm tiết Thanh Minh: nước suối mát, bánh gạo, khang mễ 1 mâm, xôi 2 mâm, gà 2 con, giầu cau 30 khẩu. Lệ trưởng thôn mua đường, rượu, giầu cau (tiền 6 mạch), ngày mồng 10, lễ Nhập Tịch cần dụng bò 1 đầu, giết xong nấu chín làm 8 mâm tế xong, kính tư văn 2 mâm, rượu 1 hồ. Tiến biếu trưởng văn long bàn 1 cỗ, rượu 1 bát.

9. Ngày 5 tháng 5 hàng năm tiết Đoan Dương, cần dụng gà 2 con, xôi 2 mâm, giầu cau 30 khẩu, rượu 1 vò.

Ngày 15 hội lệ mỗi giáp chay cỗ 1 mâm. Ngày 14 lễ mã, lễ chay, xôi 2 cân, chuối tiêu 1 nải, rượu 1 vò, giầu cau 20 khẩu. Lễ xong đem về bản xã. Ngày thứ 2, riêng giầu cau chỉ có 10 khẩu, tế cỗ xôi 2 cân, chuối tiêu 1 nải, giầu cau 20 khẩu. Tế xong đem về kính tư văn bản xã. Tế xong cấp cho 3 xã để chiêu đãi. Biếu trưởng văn xã 1 mâm cũng như vậy.

10. Ngày 16 mỗi giáp, cỗ chay mỗi loại bánh một mâm, 3 xã tế xong đem về hoặc cấp cho 100 khẩu, kính viên trưởng văn 10 khẩu; viên ứng tế và nhạc giáp mỗi viên 2 khẩu, bản giáp 5 khẩu. Bồi tế thì lập mỗi viên 1 khẩu, thôn trưởng 6 khẩu còn thừa văn hội nhận lấy, một cỗ gà: nhạc giáp một nửa, thôn trưởng một nửa; xôi mỗi người 1 cân, rượu nhạc giáp 2 bát, thôn trưởng 1 bát. Nếu có phường đồng văn, phường tài tử thì đãi mỗi phường 2 cỗ, rượu 1 bát, tế tạ dùng lợn 1 đầu. Tế xong kinh viên chính tế thịt chả một miếng, đãi thủ từ thịt một miếng và quả tim lợn.

11. Các nữ quan chồn sau 5 tháng giở xuống cho hành sự. Việc lễ người nào vô cớ khiếm khuyết, bản xã định phạt tiền 1 quan 2 mạch, giầu cau 20 khẩu. Ứng lễ 1 vò rượu tinh; kim ngân 100, giầu cau 20 khẩu. Ứng lễ là do chính giáp cai chỉnh biện.

12. Ngày 13 tháng 7 hàng năm lễ cáo ky lấy ở ruông 1 sào chỉnh biện, gà 1 con, xôi 1 mâm, chuối 1 nải, giầu cau 30 khẩu.

Ngày 14 chính ky cần dụng: bò một đầu, đặt ruộng mới xử tổng cộng 2 sào, lấy xôi 10 cân để giáp đăng thượng cẩn làm chuẩn, khang mễ 6 mâm, giá 24 đấu kho, trong ngày chính ky 4 mâm 16 đấu kho. Còn 2 mâm 8 đấu lưu đến 10/3, lấy một mâm cơm tế; còn 4 đấu để tế tạ. Nấu cơm giao cho giáp cai chỉnh biện. Một cỗ chính tiến long bàn 12 bát.

13. Ngày 15 tháng 8 tiết Trung thu dùng lợn 1 đầu, xôi 4 mâm để ở miếu thuộc 3 xã hành lễ. Gà 1 con, xôi 2 mâm, giầu cau 10 khẩu, rượu 1 hồ, lễ thần bản thổ.

Đầu lợn nguyên, rượu 1 hồ, nách 1 miếng, giầu cau 10 khẩu biếu khoa mục 3 xã.

14. Mỗi năm Thường Tân lễ sớm muộn tuỳ thời, cần dụng gà xôi mỗi người một mâm, lễ ở miếu sở tại 5 mâm; lễ tấu tiên Thần Nông 1 mâm, lễ thần bản thổ 1 mâm, quan thuỷ phủ 1 mâm, lễ các bậc tiên hiền 1 mâm, chùa to, nhỏ mỗi chùa 1 mâm gà, 2 mâm xôi. Còn thừa lưu lại đến 28 tháng 10 thiết tế. Ngày tế mồng 4 Nhập Tịch thì kính tư văn, gà 1 con, xôi 1 mâm, giầu cau 10 khẩu, rượu 1 hồ.

Ngày thứ thì kính nhạc giáp gà 1 con, xôi 1 mâm, rượu 1 hồ. đến ngày tế tạ thì kính tư văn: gà 1 con, xôi 1 mâm, giầu cau 10 khẩu, rượu 1 hồ. Như kính viên chính tế gà một cánh, xôi một đấu; kính trưởng văn cũng như vậy.

Từ ngày Nhập Tịch đến ngày tế tạ: hai lần đãi thôn trưởng, một lần cũng như nhạc giáp.

15. Ngày 15 tháng 4 mỗi năm bản xã hội tế hậu ky tại chùa lớn, cần dụng lợn 1 đầu nấu chín, hành lễ như nghi lễ xôi, cơm đã có, sau khi đặt tế điển xong, kính tư văn lợn 1 đầu, kính nhạc giáp lợn 1 đầu, kính viên mệnh bái văn 1 phẩm, chuối tiêu 1 quả.

16. Lễ lan nhai người bản thôn theo lệ: tiền là 3 quan 1 mạch, giầu cau 200 khẩu. Trong thì biếu trưởng văn tiền 2 mạch, giầu cau

10 khẩu, biếu khoa trường 1 mạch, giầu cau 10 khẩu, kinh tư văn tiền 3 mạch, giầu cau 20 khẩu, kinh nhạc giáp tiền 1 mạch, giầu cau 10 khẩu. Trưởng hương lý, trưởng thôn, tiền 3 mạch, giầu cau 10 khẩu. (...) tiền 1 mạch, giầu cau 10 khẩu.

Bản giáp tiền 1 quan 2 mạch. Giầu cau mỗi người 1 khẩu. Bản hạng tiền 3 mạch, giầu cau mỗi người 1 khẩu. Bản binh tiền 18 văn, giầu cau mỗi người 1 khẩu. Thương lão tiền 2 mạch, giầu cau mỗi người 10 khẩu. Hội lão tiền 1 mạch giầu cau mỗi người 10 khẩu. Giáp cai tính toán còn thừa nhìn mặt chia đều. Nếu người xã khác lấy con gái bản xã thì chiếu thu 7 quan 2 mạch, còn biếu đãi tiền mỗi tiết số lương gấp đôi.

17. Lệ có ai trúng hương cống hoặc thi trúng khoa trường thì giống như sự thần. Mỗi tiết xin nhập tế chính tịch. Nếu trúng hương cống thì uống ở công miếu, công điếm. Tức là ngồi ở bàn trên, bàn trên đó nhường xuống 1 người vị thứ tuổi tác không được câu nệ cố chấp.

Ai có duyên cớ gì thì xin với nhân viên tả tạp võ giai nhập chính tế. Nếu chưa có khoa trường và nhân viên chức sắc tả tạp võ giai thì nên chọn trong văn hội tuổi và đức hạnh đủ tôn kính mà diện mạo hoàn bị cho nhập chính tế. Nếu nhân viên, chức sắc khoa trường có đủ công xuất, thì văn tế cũng viết tên tuổi chủ tế, người được chọn cũng nên viết giám mỗ vái thay. Tế xong thịt chả chia đôi; viên tịch gia chính tế một nửa, viên vái thay một nửa.

18. Lệ nếu ai thi trúng tiến sĩ vinh quy thì kinh bản xã 1 con trâu, xôi 4 mâm, rượu 1 vò. Nếu bản xã đến chúc mừng thì tiền 10 quan, trướng văn 1 bức, cau 1 buồng, rượu 1 vò cùng mọi người trong xã ra quán, ai cũng phải cầm cờ trống nghênh đón về nhà.

Ai trúng cử nhân, hai, ba ngày hương lý, dịch, hương lão lấy 2 dân phu cùng ra quán nghênh tiếp về nhà.

Người trúng cử nhân, kinh bản xã lợn 1 đầu, tiền trên dưới 10 quan, xôi 2 mâm, rượu 1 vò, cau 1 buồng. Bản xã chúc mừng tiền 5 quan, câu đối 1 đôi.

Người trúng tú tài kính bản xã lợn 1 đầu, tiền trên dưới 6 quan, cau, rượu cũng như thế. Bản xã mừng: tiền 3 quan. Sau khi hướng lên bể trên kính lễ, bản xã đem về giáp cai uống rượu.

Ngày khai hạ, đầu tiên đem giầu cau 10 khẩu giao cho lý trưởng cầm, trưởng thôn đi mời bản xã cỗ bàn, rượu uống, hậu bạc thế nào tuỳ tâm.

Cùng năm tế trâu, phụng sự thần xong kinh quan tiến sỹ quy bàn một cỗ: cỗ một miếng; kinh cử nhân quy bàn nửa cỗ. Tú tài kính một bát thịt thái nấu chín.

19. Lệ trong làng có quan vũ giai, tứ chính tam phẩm giở lên và tiến sỹ đồng chính tứ phẩm cùng cử nhân đồng chính ngũ phẩm giở xuống, cùng tú tài, cùng kính các ngạch bản xã như vậy. Bản xã mừng, lễ tuỳ nghi chiếu biện. Hoặc có lại điển bát cửu phẩm hoặc cai tổng thực thụ, mỗi người kính: một bát thịt thái nấu chín, ngồi dưới võ quan, khoa trưởng.

20. Lệ người bản xã tuổi đến 70 kính bản xã lợn 1 đầu, tiền trên dưới 6 quan, xôi 2 mâm, giầu cau 100 khẩu, rượu 1 vò. Đến 80-90 tuổi: giầu cau 100 khẩu, rượu 1 vò xuất trình xôi, lợn thì miễn. Bản xã còn cấp tiền để giao dịch. 90 tuổi bản xã kính biếu lệ quan tiến sỹ giấy.

(...)

21. Bản xã kính viên trưởng văn thửa ruộng 1 sào 5 thước lại thu lăng xứ châu thổ hoàng. Hai trượng lấy từ đầu đến bên sông làm địa giới như quan khoa trường nhận biếu, tú tài nhường cử nhân, cử nhân nhường tiến sỹ võ quan và văn quan; đồng thời tuỳ phẩm bậc cao thấp nếu trong làng chưa có những quan viên này thì mời dự trưởng văn cũng được phép nhận kính biếu ruộng đất đó để đợi người có danh khí. Không được làm càn.

22. Lệ trong làng người nào đương thời làm lý trưởng, bản xã biếu đất châu thổ 1 trượng, dài rộng như tiền lệ để biểu dương sự cần lao. Nếu từ chối không nhận, không được cố chấp. Nếu lý trưởng

không có lỗi gì mà phải từ chối không nhận thì miễn cho các loại tạp dịch - tiền binh, các loại đóng góp khác. Khi ông ta 70 tuổi cũng hiến cho 1 trượng đất.

23. Lệ: bản xã nếu có châu thổ kinh văn hội thì chia đất 2 trượng, nhạc giáp 2 trượng. Mỗi binh chia 10 trượng, còn thừa chiếu theo số lượng trên dưới mà chia đều.

24. Nhà nào có chuyên hiếu, thành phục, lệ: bánh 1 cỗ, tế 1 cỗ, nếu bản xã uống rượu hậu lạc tuỳ nghi.

25. Lệ bắt tay: mỗi mâm xôi 1 đấu; còn bày thịt mỗi mâm 24 miếng thái vuông, thịt nách 4 miếng, thịt bụng 4 miếng, thịt chỉ 4 miếng, giò 8 miếng. (...)

26. Lệ tống chung: tiết khởi quan soạn cỗ, một cỗ tư văn hành lễ uống rượu bái vong. Lệ: tiền 6 mạch, giầu cau 40 khẩu. Nếu bạch đinh tuổi chưa đến 50, không được bái quan tài, nếu cùng với chức sắc và bản xã hoặc tân, cựu lý trưởng thì không câu lệ 50 hay không.

Lệ đường thăng liễn: mỗi cỗ giao trả cho nhà hiếu chủ. Không còn lệ hậu thổ 1 cỗ. Tại bản giáp tiết thành phần (mộ): 1 cỗ cho tư văn hành lễ uống rượu. Tiết nghênh diện phu tế: hết một cỗ (hậu bạc tuỳ nghi). Chiếu theo suất người bản giáp: tư văn 1 cỗ, bánh 1 cỗ, nhạc giáp 1 cỗ, bả lệnh 1 cỗ. Còn chiếu theo suất người trên dưới; uống rượu, mỗi cỗ bánh tròn 8 cái, xôi nửa cân, chuối tiêu 4 quả, thực phẩm loại mới cũng như lệ bắt tay. Nếu không có bánh tròn thì dùng xôi, mỗi mâm 1 cân. Còn như mật trà nên chảm chước hoặc có bánh phẩm các loại tuỳ ý không nên đòi hỏi.

27. Lệ: hoặc có gia đình nghèo, hiếu sự lúng túng chỉnh được thành phục hoặc bắt tay, lệ tế cỗ chung tư văn cỗ bánh 1 cỗ, tế cỗ 1 cỗ, nhạc giáp 1 cỗ hậu bạc tuỳ nghi, còn như bản giáp trên dưới uống rượu một tiết cũng cho phép đủ lệ.

Tống chung đại lệ phàm ai có tế ngu kinh lễ hùng lạc 1 gà, xôi 1 cân, rượu 1 hồ, giầu cau 10 khẩu, tiền 3 mạch. Nhạc giáp gà, xôi,

rượu cũng như vậy. Dùng tiền thì 2 mạch, tế xong gia chủ kính nhị giáp cùng biện.

28. Bản giáp lại định lệ hoặc người nào có việc tống chung soạn cỗ tế tự, uống rượu các tiết. Riêng về các mục, nếu nhà giàu có tuỳ tâm, không được đàm tiếu. Nhà nghèo có thể giữ lâu ngày không thể làm trái lệ thâm chi chỉ trích nhau...

Lệ: sau khi tư hành táng đến 3 năm đại tường, nhà hiếu chủ có năng lực chỉnh biện như lệ ở bản xã trên dưới uống rượu. Nếu sau lễ đại tường chưa kịp chỉnh biện không được thiết rượu ngon bánh phẩm như trước. Nếu không theo bản xã không nhận. Ngày định là 3 lệ. Tiền có 3 hạng thượng, trung, hạ. Thượng hạng: lệ tiền là 22 quan nạp, giầu cau 100 khẩu.

Tư văn thu 3 quan, nhạc giáp 1 quan, bản giáp 2 quan, hương lý 6 mạch. Chỉ còn 15 quan 4 mạch nộp tại bản xã chi việc công.

Trung hạng: lệ nạp tiền là 16 quan, giầu cau 60 khẩu. Tư văn 2 quan, nhạc giáp 6 mạch, bản giáp 1 quan, hương lý 4 mạch. Còn 12 quan nộp cho bản xã chi việc công.

Hạ hạng: lệ nạp bản xã tiền là 12 quan để tiến việc công, giầu cau trên dưới mỗi người 1 khẩu. Còn như nhà nghèo không thể nộp tiền cho làng thì cho phép nộp cho bản giáp tiền 3 quan 6 mạch. Giầu cau bản giáp trên dưới mỗi người một khẩu cũng là đủ lệ.

29. Sau hội tháng năm và tháng 8 Trung thu, bản xã người nào trúng khoa mục, kính biếu cỗ theo định lệ.

Ngày 6 tháng 2 năm Tự Đức thứ 13.

Xã khoán cựu lý trưởng: Nguyễn Văn Nghiệp ký.

Hương lão giáp Nam Thái: Nguyễn Huy Vượng ký.

Hương lão giáp Đông Thịnh: Đỗ Nguyên Cát ký.

Nguyễn Văn Chuyên ký

Nguyễn Văn Khuê ký.

Trưởng thôn: Trần Thế Ngoạn ký.

Trưởng thôn: Nguyễn Văn (...) ký.

Thay mặt cho toàn xã

Lý trưởng Nguyễn Văn Phúc ký.

Lý dịch kỳ mục xã Hoàng Xá - tổng Hạ Trì - huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức - tỉnh Hà Đông, phụng khai mục phong tục, mục chính trị, hộ mục, hình mục trong xã nhất nhất khai rõ như sau:

Hình mục:

1. Đánh nhau: Dân xã nếu có người đánh nhau nhờ tuần tráng, để canh, kỳ lý phân xử. Kẻ vi phạm phạt tiền 1 quan 2 mạch. Việc nặng trình quan cứu xử. Nếu phí tổn bao nhiêu kẻ vi phạm phải chịu.

1. Làm việc gian: dân xã nếu có kẻ làm việc gian bắt được đích trạng thì phạt bạc để răn dạy, nếu vẫn chưa từng hôn phối, tình nguyện đoàn tụ thì cho theo sở nguyện.

2. Vi phạm khoán ước: Dân xã nếu có kẻ lăng mạ người dưới, trên khi rượu vào gây huyên náo, thì đem người đó về xã xét xử. Kẻ nào trộm cướp hái rau, cau, chuối... tạp vật khác như chó, gà... mỗi loại, bắt được đích trạng thì phạt tiền 3 quan. Vi rượu phạm vào khoản ước, người đó từ sau không được dự lão bàn.

3. Khám biên mệnh án: Dân xã nếu gặp khoản này thì trình quan thừa phái, hội đồng trưởng lý, kỳ mục khám biên, nếu có phí tổn thì do hộ mục chịu.

4. Hộ mục

1. Dân xã nếu có ai nợ 3 phân hoặc điền thuế ruộng vườn nhà cửa, viết khế ước, xuất lý trưởng đóng triện nhận trình.

2. Cấp liêm hội: Dân xã có 2 hội hiến lũ, bản hội mỗi người cấp cho 3 quan hoặc 6 quan, người nào có việc trình hội. Mọi người đến kỳ sẽ cấp cho phí cơm rượu do người xin chịu.

3. Lập tự. Dân xã nếu có ai không nối dõi hội trai lộc sẽ chọn nữ người trong tộc đủ để tế tự. Gồm tờ cam kết lập tự xuất cho lý trưởng thấy sự thực làm bằng cớ.

4. Phân chia tài sản: Dân xã nếu người nào yêu cầu có đất đai gia sản muốn chia cho các con, ngoài việc để riêng phần hương hoả ra, còn chia cho con trai, lập chúc thư rõ ràng, trình lý trưởng áp triện làm bằng.

5. Thu sương liễm: Dân xã mỗi năm đến kỳ thu hoạch thì giao cho tuần phiên chiếu thu trong làng, mỗi sào liễm 6 bả, phụ canh gấp đôi để chi cho tu bổ cầu cống và đường nông nghiệp.

6. Chia ruộng công: Dân xã chỉ có chia đều ruộng cho từ người nhập giáp bạ giở lên. Mỗi người 1 trượng còn thừa lưu lại quanh năm chi tiêu việc công và hỗ trợ thuế sưu.

7. Lan nhai: Dân xã nếu có người lấy vợ, lấy chồng nộp tiền 3 quan 1 mạch, giầu cau 300 khẩu, rượu 1 chai. Người ngoài làng đóng gấp đôi nộp cho lý trưởng hội trai, thôn trưởng chiếu thu chi vào việc công.

8. Ly dị: Dân trong xã nếu có vợ chồng nào không hoà thuận muốn ly dị, gia đình bên nam viết đơn, ký kết đủ rõ, lý trưởng áp triện. Nhà gái hoàn sính lễ, hai bên cùng thoả thuận.

Mục chính trị:

1. Kỳ mục hội nghị việc công: Dân trong xã nếu có việc công và việc làng, kỳ mục và lý dịch bàn bạc, thoả thuận.

2. Phận sự của kỳ mục: Dân xã nếu có việc làng, kỳ mục và lý trưởng bàn bạc và đốc tuần tráng canh phòng.

1. Bảo cử tổng lý: Dân xã nếu khuyết chân phó lý, kỳ mục chính đinh thì cả làng cùng họp tại đình, cử ra, ký kết, đệ trình. Phí tổn do lý trưởng chịu.

2. Bổ thu sưu thuế: Đến kỳ sưu thuế dân xã họp ở đình chuẩn y bài chỉ đinh điền từng người chấn bổ thu. Ngày hội bổ thu phí tổn do đinh điền chịu.

3. Tu bổ đường, cầu, cống: Dân xã nếu có tu bổ đường cùng dân đinh làm, phí tổn do đinh điền chịu.

Mục phụ lục:

1. Tế tự: Tháng 1 mỗi năm dân xã chỉnh biện, cỗ thái lao 1 đầu, đệ tại đền Thuy Phương hành tế, bạc 20 nguyên, đồng dân cấp cho châu thổ 2 mẫu. Mồng 2 tháng 2 biện lợn 1 đầu, hành lễ tại đền Thuy Phương cấp cho 2 sào ruộng.

10/3 cầu phúc ở bản xã biện lợn 1 đầu và xôi, rượu đương cai sổ biện cho 5 sào ruộng.

15/5 biện mâm chay lên đền Thụy Phương đương cai sở nhận cho 6 sào đất.

14/7 một đầu lợn và xôi rượu, đương cai sổ nhận, cấp 2 sào ruộng.

Cấu thần

Dân xã tế lễ xong. Khoa mục phẩm sự và người 70, 80 tuổi được biếu đầu trâu hoặc lợn. Thủ khoa được biếu đầu lợn, còn lại chia đều cho dân.

Thứ vị dân xã nếu có khoa mục cử nhân, tú tài tọa ở trên. Phẩm ngự tiếp theo kỳ mục, dân đinh chiếu theo tuổi ngồi không được hỗn loạn.

Khao vọng

Dân xã nếu có ai khoa mục, phẩm ngự thì biện lợn 1 đầu và giầu cau, xôi 1 mâm, yết thần kinh dân. Xôi rượu người thường khao vọng tư văn giáp, thêm tiền 15 quan sung công quĩ.

Hôn lễ: Dân xã nếu có ai cưới hỏi giàu, nghèo tuỳ nghi. Không được định lệ.

Tang lễ: Dân xã người nào có việc tang nếu về quê lệ biện lợn 1 đầu, xôi, giầu, rượu kinh dân nếu kinh nộp tiền 20 quan làm công quĩ. Người nghèo nộp lệ là 3 quan, giầu cau 100 khẩu, rượu 2 chai.

Lão lệ

Dân xã có ai 50 tuổi hoặc 60 chỉnh biện gà, xôi, giầu cau, rượu yết thần kinh dân, được trừ phu tráng.

Mua thứ vị

Dân xã nếu có tu bổ đình miếu người nào mua xã nhiêu, xuất tiền 30 quan, sung biện vả lợn 1 đầu, xôi, rượu để yết thần cùng dân uống rượu mới dự tế tự. Cấp tiền ruộng cho binh, cho kỳ mục. Dân xã từ trước đến nay chưa cấp loại này. Nay người nào là binh cho phép cấp 3 mẫu đất châu thổ, nếu chưa có ruộng binh thì trích tự sưu đinh cấp cho.

Duy Tân năm thứ 4 (1910) tháng 7 ngày 26.

Cựu lý trưởng Nguyễn Văn Quy ký

Hương lão trưởng Nguyễn Văn Hoạt ký

Lý trưởng xã Hoàng Xá Đỗ Đình Oanh

Áp triện

HƯƠNG LỆ XÃ THƯỢNG CÁT

Lập năm Tự Đức thứ 7 (1854)

Ký hiệu: A.721 - Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Làng có lệ cũng như nước có luật. Nước có luật là để giữ yên nước, làng có lệ để chỉnh đốn phong tục, nên không thể thiếu được. Từ khi có làng ta đến nay, các viên quan, hôn, tang, tế[1] kính biếu chúc mừng hay có sự lạm vượt, tuy đã từng được sửa đổi nhưng giảm được cái này thì lại tăng cái kia, vẫn theo như cũ, trong đó chứa cả những cái tệ hại.

Nay các kỳ mục trong làng cùng nhau sửa sang các điều thường gặp. Từ đây trở đi chiếu theo khoán lệ, ai dám vi phạm sẽ bị phạt nặng. Điều lệ này được trình bày ở dưới đây.

- Việc thờ cúng thần các tiết: tư văn, kỳ lão, sắc mục, thôn trưởng chỉnh tề áo mũ để chuẩn bị tế lễ, ai sai sót bị phạt giấu, rượu bằng tiền 1 quan 2 mạch.

- Lễ mộc dục tháng 2: đến lượt người nào thì mỗi người phải chuẩn bị 1 con gà giá tiền 1 quan 5 mạch, 1 mâm xôi 10 đấu, 1 vò rượu giá tiền 2 mạch; một mâm cỗ chay 15 bát chè đậu, mỗi đấu gạo làm 4 bát; 15 đĩa bánh trôi, mỗi đĩa 24 viên như viên long nhãn to. Các thứ phải tinh khiết, theo như tiết Thanh Minh, không được xem

[1] Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam... Sđd. Văn bản này do Bùi Xuân Đính chỉnh lý.

nhẹ, từ việc sao đầu bao ngoài đến như việc mổ bò lợn ở nhà làm cỗ khoản đãi các hàng cũng vậy.

Phàm các vị kỳ lão, tư văn, sắc mục, thôn trưởng làm đô giả, lệ có một đầu lợn giá tiền 6 quan để làm lệ, 6 mâm xôi mỗi mâm 10 đấu, 5 hũ rượu, 1 mâm cỗ chay (bánh vuông, bánh tròn). Bánh vuông cứ mỗi đấu gạo 3 chiếc, bánh tròn mỗi đấu 7 chiếc; cau giầu theo lệ cho đủ cùng đình tiền thưởng 6 quan cho ca hát và đấu cờ. Các cỗ phải bảo đảm làm đủ trước 1 ngày.

Ngày chính tiệc, giết bò, lợn làm cỗ khoản đãi các hàng đều cấm.

Ngày 16-3 nghênh thần, có lệ bàn giao đồ tế khí rước thần, các cựu thôn trưởng giao đồ tế khí cho tân thôn trưởng rước về phụng thờ.

Thứ hạng làm đồ lễ: các lợn, xôi, rượu, giầu cau đều do đô trước đã chuẩn bị, ngoài ra đều cấm.

Tiết Thường Tân (cơm mới): mua một con bò (hoặc trâu) cứ đúng ngày thì mổ để tế, giáp trưởng chuẩn bị xôi, giết bò lợn làm cỗ mời mọi người ăn uống. Sáng sớm ngày chính nhật, các gia đình cáo tế trước, bất kinh khoản nào đều bị cấm. Sau nghi tiết thờ thần, các gia đình bắt đầu có thể được cáo lễ gia tiên.

Tiết Thượng Điền, Hạ Điền: lệ dùng 2 con gà, mỗi con giá tiền là 1 quan 2 mạch, 2 mâm xôi, mâm xôi 10 đấu, 2 bình rượu, mỗi bình 200 mạch, giầu đủ dùng. Cỗ bàn khoản đãi ở nhà đều cấm.

Lệ giá thú (lấy vợ lấy chồng): khi 2 gia đình xin ngày cưới, lý trưởng, thôn trưởng họp tại đình chiếu lệ lan giai, thu tiền cheo là 1 quan 1 mạch 48 văn, 1 con gà giá tiền 1 quan 2 mạch, 1 mâm xôi 3 đấu, 1 bình rượu giá 1 mạch 30 văn, giầu cau đủ dùng, lại còn tiền nộp cho bản giáp 3 quan, 30 khẩu giầu; tiền cho bản phiên, bản xóm mỗi khoản là 3 mạch, 30 khẩu giầu. Đến khi sinh lễ, nhà gái chỉ đòi lấy 1 con lợn trị giá 10 quan tiền, 10 đấu xôi, 1 vò rượu, giầu cau đủ dùng. Duy nội tộc và láng giềng thân thuộc họp ăn uống không được mời các hàng. Nếu nhà trai túng thiếu thì chỉ lấy tiền là

15 quan giở xuống, giầu cau đủ dùng. Đến lễ vu quy, chiểu theo ngũ tục nội tộc và làng giềng thân thuộc tuỳ nghi làm cỗ, các hàng tạp khác đều cấm chỉ.

Lệ về tang lễ: ngày thành phục, nếu mổ bò thì chỉ cho mổ một con làm cỗ bàn để bày tế. Nếu mổ lợn thì mời ban lễ nhạc để hướng dẫn lễ nghi.

Lệ dùng thịt dù là thịt bò hay thịt lợn chỉ dùng 4 đĩa. Duy cỗ cho ban lễ thì có thêm 1 thủ bò hoặc thủ lợn, 6 đấu xôi, giáp Nhạc đặt 1 thủ lợn, 3 đấu xôi. Lệ cũ mỗi mâm 7 đĩa thịt cùng bánh tròn đều cấm chỉ.

Ngày đưa tang, tiền tế hay hậu tế chỉ dùng 1 chiếc hay 1 bàn lễ ở giữa đường đưa tang. Duy bản giáp 2 cỗ và ban nhạc hành lễ cỗ bàn các khoản chiếu theo lệ của năm Thiệu Trị thứ 3 (1843). Duy đồ mã vàng chỉ dùng 4 đĩa giở xuống, bánh tròn thì mỗi mâm 6 chiếc. Bánh vuông thì mỗi đấu gạo làm 3 chiếc, bánh tròn mỗi kiện gạo làm 6 gộp (cặp). Nếu không có bánh chưng thì làm cỗ thảo, bằng không có bánh cũng được.

Phàm việc tang lễ nếu có mổ bò hoặc trước hoặc sau thì đặt ở bản giáp 1 khoanh cổ bò, 10 đấu xôi, 10 vò rượu, giầu cau theo như cũ. Nếu kiêm ước thì chỉ nộp bản giáp 1 con lợn giá 3 quan tiền, 10 đấu xôi, 1 vò rượu, giầu cau theo như cũ. Việc làm cỗ bàn mời các hàng lễ điếu đều cấm.

Việc khuyến học là biếu đất: trong làng người nào đỗ tiến sĩ làng mừng 100 quan tiền và biếu 1 mẫu đất bãi; đỗ tú tài mừng 20 quan, biếu 3 sào đất bãi.

Còn như các hạng tạp lưu, võ biền, quan tử phẩm giở lên được biếu 6 sào đất bãi. Ai được bổ làm cai tổng hoặc được bổ dụng thì sai (viên chức chưa vào chính ngạch) đều được biếu 2 sào đất bãi. Còn như lý trưởng, phó lý thì cấp cho mỗi người một sào đất bãi để tỏ sự ưu đãi riêng.

Lệ khao vọng: người nào dự trúng khoa trường phải làm lễ vọng 1 con lợn giá 3 quan tiền, 10 đấu xôi, 1 vò rượu, đãi các hàng trong làng ăn uống ở đình.

Người nào muốn vọng tư văn thì nộp một con lợn giá 3 quan tiền, 10 đấu xôi, 1 vò rượu, 100 khẩu giấu cau để ở văn chỉ kính lễ tiên hiền. Lễ xong, giáp đương cai thông báo mời toàn giáp lễ đến ăn uống.

- Trong hội Tư văn, các chức y quan lễ nhạc sở tại đâu có thể xem nhẹ, người nào muốn khao vọng vào thì phải trình báo với quan trưởng tư văn cùng với quan khoa mục xem xét. Bản thôn chiếu thu tiền 100 quan dùng để chi cho các việc chung. Lệ vọng này chiếu theo khoa trường (mức đỗ); còn việc bày cỗ ở nhà để khoản đãi các hàng đều cấm.

- Trong bậc kỳ lão, người nào muốn vọng giáp nhạc thì thu tiền 30 quan. Còn như vọng sắc mục thì cũng chiếu thu tiền 30 quan. Lệ khao chiếu theo vọng tư văn.

- Ai muốn khao xã chiếu thu tiền 15 quan, 1 con gà giá 1 quan 2 mạch, 10 đấu xôi, 1 vò rượu, 100 khẩu giấu mang đến đình, bản thôn chiếu nhận.

- Ngôi hương mục dành cho người có công lao; hoặc như người nào đang được lý trưởng, phó lý, hương trưởng, sau 6 năm mãn khoá mà thanh thoả (không sai phạm) thì được vọng vào. Lệ vọng 1 con lợn giá 3 quan, 10 đấu xôi, 100 khẩu giấu.

- Lệ các tiết thỏ thần: có mâm cỗ chay gồm bánh chưng, bánh dày để biếu quan trưởng văn 1 phần, còn lại chiếu theo số người, mỗi người một phần, không được tinh gộp. Còn như hương mục và hàng thôn trưởng thì cũng chỉ 1 phần.

- Tuần phu thì phải chia nhau trông giữ, chỉ miễn cho học trò đang đi học, ngoài ra cứ chiếu từ 18 đến 49 tuổi luân phiên nhau mà làm, không được mua bậy bạ để thử sức dân.

- Lệ ngày 13 tháng Giêng hàng năm có khảo hạch học trò trước một ngày, thôn trưởng cần đến trình báo văn thân, đến ngày thi ra đình để khảo hạch. Phàm học trò dự trúng thi được miễn sưu dịch để tiện việc học.

- Phàm trong làng người nào sửa sang các tiết thờ cúng Thần cùng với các khoản quan hôn tang tế cần mang 10 khẩu giầu đến trình lý trưởng chiếu theo khoán theo lệ mà làm. Người nào làm trái sẽ bị phạt tiền là 1 quan 2 mạch đồng, 1 vò rượu, 60 khẩu giầu.

- Tiết Giao Thừa, hàng năm tại đình làng lập đàn làm lễ tế, còn các xóm tế lễ theo tục cũ đều cấm.

- Lễ xuân tiết hàng năm: có nhương sao (tế sao) sau đó lấy ngày lành, trong làng từ kỳ lão đến tráng đinh mỗi người sửa tiền một mạch cấp tại lục phiên, thôn trưởng biện lễ bày tế. Các xóm không được theo lệ này.

- Các giáp nhạc, giáp lễ cùng các sắc mục thôn trưởng, mọi người dáng dấp cử chỉ, lời nói phải đứng đắn. Ai say rượu nói càn sẽ bị phạt 1 quan 2 mạch tiền, truất xuống bậc dưới.

- Tệ cờ bạc làm thua lỗ phá sản, khánh kiệt thành trộm cướp, lý dịch phải hết sức nghiêm trị. Nếu ai dám vi phạm sẽ chiếu theo pháp luật Nhà nước mà trừng trị.

HƯƠNG ƯỚC THÔN ĐỖ

Xã Nhân Mỹ, tổng Phương Canh, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông
Le 20 Février 1936 (ngày 28 tháng Giêng, năm Bảo Đại thứ 11)

Chúng tôi là kỳ lão, huynh thứ, hương hội, chức dịch ở thôn Đỗ, xã Nhân Mỹ, tổng Phương Canh, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông.

Kính trình quan lớn, làm ơn cho dân chúng tôi một việc sau này:

Nguyên dân chúng tôi có hương hội đã lâu mà chưa sửa đổi tục lệ, xem ra những tục cũ trước thì nay thi hành không tiện mà việc cai trị ngay là không có trình độ và việc ăn uống nặng nề đến có người không gánh góp được, thực là sự ăn uống hại, chứ không được công ích gì cho dân cả. Nay lại nhờ lệnh quan lớn có lòng thương dân chỉnh đốn lại việc phong hóa cho dân có công ích và có được trật tự. Vậy đồng dân sửa hầu hương ước thỏa thuận ký kết để trình bản phủ đường quan chuyển bẩm.

Bản tỉnh công sứ đại thần

Đốc bộ đường đại thần duyệt y.

Kê:

Phần I
Chính trị

Điều thứ 1: - Làng chúng tôi nhất xã nhị thôn, việc đồng điền hỗn canh nhân thân hỗn cư, còn các việc đều riêng cả, duy trong thôn có 4 giáp là giáp Đoài Nhất, Đoài Nhì, Nam Tả, Nam Hữu thời việc tế tự và chữa đình chùa miếu, vũ đều chung nhau cả.

Điều thứ 2: - Nhân đinh 4 giáp theo như sau đinh của quan thống sứ thời được phép bầu một bên hội đồng hương chính quản trị, tức là hội đồng giáp biểu để thi hành các công vụ trong làng v.v...

Điều thứ 3: - Nhân đinh trong làng tuổi từ 25 giở lên mới được bầu làm giáp biểu, chức ấy phải là người có thanh vọng và có tài sản, biết chữ, hoặc giáp nào có bao nhiêu nhân đinh thời cứ số 25 người được bầu một người giáp biểu, hoặc còn số thiếu mà không đủ bầu một giáp biểu thời phải góp mấy số giáp khác mà bầu thêm người.

Điều thứ 4: - Nhân đinh tuổi từ 18 giở lên đều được đi bầu giáp biểu, trừ những người can điều thứ 29 hình luật không được đi bầu và không được ra ứng cử.

Điều thứ 5: - Khi bầu xong giáp biểu rồi, thời những người giáp biểu ấy phải chọn trong ban người nào chính đáng hơn cả sẽ cử làm chánh hội hoặc phó hội và chọn trong các giáp biểu lấy một người làm thư ký, một người làm thủ quĩ, nếu không chọn được nội ban, thời phải chọn bầu ngoại mà người làm thư ký tuổi từ 21 giở lên và xảo thông thư toán, người làm thủ quĩ tuổi từ 30 giở lên, tính hạnh thuần, căn cơ, có gia sản vật lực thì mới được làm chức ấy.

Điều thứ 6: - Hội đồng cứ 6 năm là mãn hạn thời phải làm giấy trình quan sức bầu ban khác, nhưng người lý trưởng phải tích nhân thông hô trước một tuần lễ mà khi bầu xong thời phải biên bản giao trưởng hoặc chức vị nào xứng đáng để nhằm danh sách đệ trình quan sở tại chuyển bảo quan trên duyệt y, giao về, thời hội đồng mới được thi hành, nếu chưa giao về thời công việc ban cũ vẫn phải chuyên

trách cả, còn người thư ký có muốn lưu lại ban sau, thời tùy ý là người ấy không từ thời ban sau không được phép bầu người thư ký khác.

Điều thứ 7: - Hoặc giáp nào khuyết giáp biểu thời hạn trong 1 tháng, giáp ấy lập biên bản chọn người khác thay, giao chánh hội hoặc phó hội để trình quan sở tại chuyển bẩm, nếu ban hội đồng còn độ nửa năm mãn hạn, thời giáp ấy không phải bầu chức thay người khuyết nữa.

Điều thứ 8: - Hội đồng phải làm việc cai trị trong làng và quản trị những việc công ích cho dân như việc chi thu thường hoặc bất thường phải có trình độ, hoặc thay đổi việc gì hoặc đánh thuế trong làng cùng mọi việc phải lấy sự công bình mà thi hành cho chính đáng.

Điều thứ 9: - Việc sưu thuế khi nào lý trưởng lĩnh bài chỉ về phải họp đại hội đồng mà tính số thuế bổ cho hợp mấy sổ đinh điền của làng mà phải rất công bình, không được chia đàn anh, đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh, khi bổ xong giao lý trưởng thu để nộp kho bạc mà những người nộp sưu thuế xong thời lý trưởng phải biên lai giao cho người nộp tiền ngay, nếu lạm thu hay sai nhầm điều gì thời trách nhiệm người lý trưởng phải chịu riêng.

Điều thứ 10: - Đến kỳ sưu thuế lý trưởng phải thu thuế chính ngạch và tiền thuế ngoại phụ của làng, khi thu xong thuế chính ngạch để nộp kho bạc, còn thuế ngoại phụ phải nộp vào quĩ của làng.

Điều thứ 11: - Trong thôn khi nào xảy ra việc thưa kiện, hoặc việc hộ hay là việc thương mại thời trước hết phải tường hương lý dịch xét xử hoặc hòa giải hoặc kháng cáo phải lập biên bản đệ trình quan sở tại để ghi vào sổ và hương lý dịch được phép bắt phạt những người gian phạm vào điều chỉnh trị tuần phòng mọi việc mà phạt tiền từ 0,10$ đến 0,50$ sung quĩ, nếu người nào quá phạm thời phải theo chiểu hình luật mà lập biên bản giải nộp toà án kết nghĩ.

Điều thứ 12: - Việc bầu hội đồng kỳ mục trong làng mà có số từ 4 người giở lên hợp như nghị định, thời hương lý dịch phải lập biên bản danh sách bầu một ban hợp đồng kỳ mục để khi hội đồng giáp

biểu làm việc gì can thiệp đến việc tài chính, việc tế tự, việc tục lệ thời phải tường hội đồng kỳ mục cho ý kiến chứ không phải trực tiếp việc quan và việc quản trị trong làng.

Điều thứ 13: - Việc bầu chức dịch, hội đồng giáp biểu, trừ ra bố con, bố vợ con rể, anh em ruột không được cùng làm một thời như người làm chánh hội, người làm phó hội, người làm thư ký, người làm thủ quĩ cũng vậy và lý phó trưởng không được kiêm những chức ấy.

Điều thứ 14: - Trong làng có việc gì thời chánh phó hội chức dịch phải bá cáo trước để họp hội đồng sẽ bàn định cho được việc mà đầu tháng Giêng Tây, phải họp một kỳ đại hội đồng, thường để dự thảo sổ biên bản chi thu hoặc làm việc gì mà nhờ bàn của hội đồng được quá nửa số giáp biểu thời sẽ thi hành mà phải lập biên bản đệ trình quan, khi quan đã duyệt y giao về thời cũng phải họp một kỳ để chọn định cho dân thi hành mà mỗi kỳ họp chánh phó hội chi 0,10$ hay 0,05 $ trả thủy.

Điều thứ 15: - Các kỳ họp hội đồng, người giáp biểu nào mắc bận không đến họp được thời phải có nhời cáo để hội đồng biết nếu người nào không có duyên cớ gì đích thực, mà tự bỏ đến 3 lần vắng mặt và ăn nói càn quá, thời hội đồng lập biên bản đuổi người ấy rồi người chánh phó hội phải báo cho giáp ấy biết để bầu người khác thay.

Điều thứ 16: - Người chánh phó hội là đầu chức dịch trong sưu thuế, phải trông coi các việc cho chỉnh đốn việc hội đồng có trật tự và chi tiêu việc gì không được quá số dự định và những khi đương hội định việc gì hoặc có người dự thính, thời người dự thính ấy không được quyền nói, nếu người nào làm nào động việc hội đồng thời phải trục xuất không được dự thính nữa.

Điều thứ 17: - Khi nào có lệnh quan sức việc gì trong cả làng cũng phải đi hoặc cử 2 viên giáp biểu đi với Lý trưởng thời phải chi tiền lộ phí, thời viên chánh, phó hội phát cho mỗi người lên phủ là 0,20$, xuống tỉnh 0,30$; nếu vì việc riêng mà phải đi thì do người chủ sự phải chi phí tổn ấy.

Điều thứ 18: - Những khi đã dự thảo sổ biên bản chi thu rồi thời không được thay đổi khoản nào nữa, nếu có việc gì bất thường chi, bất thường thu thời phải đủ mặt hội đồng bỏ phiếu công dân, hoặc quá nửa hội đồng thì sẽ thi hành, nếu hai bên bằng nhau thời bên nào có chánh phó hội thời được thi hành việc ấy và lập biên bản phân minh ký kết.

Điều thứ 19: - Hội đồng chức dịch làm việc gì trễ nải không được cẩn thận mà để thiệt hại cho dân hoặc việc chính trị không được hoài bão, thời đồng dân hội tề tại đình xét ra mục đích người nào hoặc cả hội đồng thời bắt phạt bồi giả dân số thiệt hại ấy mà phạt mỗi người 1,00$.

Điều thứ 20: - Trong làng phải bầu một chức Lý trưởng, chức ấy trong cả xã trông nom việc binh lương, thuế lệ, tuần phòng, đê điều, mọi việc trong làng và thừa lệnh của quan thi hành mọi việc nữa, khi nào khuyết chức ấy thời trong xã phải chọn người nào hợp nghị định rồi sẽ trình quan bầu cử mà người lý trưởng khi quan trên đã y cho làm rồi mà làm việc gì trái hương ước và trễ nải để thiệt hại về việc công dân, thời đồng dân hội tề tại đình bắt phải bồi dân số thiệt hại ấy và lập biên bản trình quan xét định.

Điều thứ 21: - Bắt lính khi nào nhà nước sức giấy bắt bao nhiêu, thời lý trưởng phải xét người nào hợp lệnh sức mà bắt nhưng miễn trừ cho nhà có một con, khi bắt giữ số người chánh hội hoặc phó hội phải phát cho mỗi người mỗi ngày lên phủ là 0,20$, xuống tỉnh là 0,30$ để lý trưởng dẫn trình kiểm soát.

Điều thứ 22: - Việc thay tuần trong làng chia làm 4 phiên, cứ đệ niên mồng một tháng Giêng Tây là ngày thay tuần, theo lần lượt đến phiên nào có bao nhiêu người phải ra cho đủ rồi phiên ấy phải chọn một người nhiều tuổi nhất trong phiên và vật lực mẫn cán làm trương phiên, 12 người tráng lực để canh phòng ngoài đồng trong làng cho linh thiếp.

Điều thứ 23: - Chi lương của các chức dịch phát bằng tiền công quỹ, lý trưởng một năm là 30,00$, phó lý 10,00$, trưởng ba 5,00$, hộ lại 5,00$, thủ quĩ 3,00$, thư ký 3,00$, còn số tiền lộ phí đi việc quan quanh năm của hương lý dịch thời hội đồng đã ghi trong biên bản sổ chi, những chức nào nên phải chi 0,20$, xuống tỉnh nên để đạt là chi 0,30$, tráng phát 0,15$, đi ngày nào phải do chánh hội hoặc phó hội và thủ quĩ phát ngày ấy hoặc để đồng niên tính lấy cũng được.

Điều thứ 24: - Về việc sương tức vụ tháng 10, ruộng tư điền lấy mỗi sào 4 nắm, ruộng phụ canh mỗi sào 6 nắm, vụ tháng năm ruộng tư điền và phụ canh lúa chiêm mỗi sào 4 nắm, ruộng giống ngô mỗi sào 15 bắp, nhưng lấy đâu phải hết đến đấy không được chọn từng bắp to, những thửa nào giống ngô lai giống đậu hay giống thứ khác lẫn vào chỉ được lấy ngôi mà thôi, ruộng tư điền phụ canh giống khoai sọ mỗi sào 15 khóm, khoai giây 10 thước An Nam chiều dài, nhưng khi người chủ điền giở khoai tuần mới được lấy, ruộng giống các thứ hoa mầu khác v.v... lấy mỗi sào 0,05$, thửa ruộng nào cấy giống, thời tuần không được lấy tiền sương nữa, tuần lấy được lúa sương và hoa màu cùng tiền bao nhiêu phải quên phân cho đều kể cả trương phiên không được suy tỵ gì.

Việc canh phòng cứu cấp

Điều thứ 25: - Việc canh phòng là để giữ tính mệnh và tài sản trong cả làng, hoặc khi xảy ra hỏa tai, việc trộm cướp, thời nhân dân từ 18 tuổi giở lên, 49 tuổi giở xuống, đều mỗi người phải giữ 1 cái gậy 7 thước 1 bó đuốc, hễ nghe tuần phiên đương thứ phát hiệu động thời phải đồng tên ra ứng cứu, nếu ai bắt được kẻ trộm, dân thưởng từ 2,00$ giở xuống, nhưng tùy tang vật nhiều ít, bắt được kẻ cướp dân thưởng 5,00$, nếu ai bị thương dân cấp tiền chữa thuốc, người nào trong thương mà thành tật thì dân làng thưởng cho một ngôi thứ như lý trưởng tư dịch, ai bị chết dân cấp cho 10,00$ và người thừa kế một ngôi thứ vị, đều cả làng đi đưa ma, việc thưởng ấy hoặc người làng hay người trong phiên đều thế cả.

Điều thứ 26: - Những hoa màu ngoài đồng hoặc tài sản trong làng tuần phiên phải canh phòng cho cẩn thận, nếu để thất thoát đâu có người tường hương lý dịch, trương phiên xét ra đích thực thời chiểu nguyên số bắt tuần phải đền sự chủ và phạt tuần từ 0,10$ đến 0,50$ sung quĩ.

Điều thứ 27: - Nếu kẻ gian xâm phạm sản vật gì hoặc trong làng ngoài đồng mà tuần đã hết sức kháng cự không nổi phải báo hiệu cho dân làng biết để ứng cứu mà cũng không thể giữ được thời tuần cũng phải đền người chủ mất của nhưng không phải phạt nữa.

Điều thứ 28: - Trương phiên tuần tráng phải trông nom các đìa canh ngoài đồng về việc giữ nước thảo nước, khi nên đắp, nên thảo phải giữ chỉ vừa nước cày cấy, nếu thấy người nào thảo đìa trộm thời phải bắt tường hương lý dịch xét phạt người ấy từ 0,10$ đến 0,50$ thời thưởng người tuần bắt được một nửa số tiền phạt, nếu tuần trễ biếng không trông nom bỏ cạn đồng thời hương lý dịch phạt trương tuần như người bị bắt ấy.

Điều thứ 29: - Nếu ai tháo nước làm chỗ tát qua đường cái ngoài đồng hoặc trong làng mà bỏ không chịu đắp giả y nguyên ngay hoặc làm hại cầu cống cũng vậy, thời tuần phải bắt tường hương lý dịch xét sẽ phạt từ 0,10 đến 0,50$ sung quĩ.

Điều thứ 30: - Tuần phiên chia lượt tuần ngày mà trông nom chuyên trách các việc, nếu không bắt được những người phạm ấy, hương lý dịch xét ra phiên canh của tên nào thời phạt tên ấy 0,20$.

Điều thứ 31: - Năm nào tuần về tháng ba tháng tư tuần cũng phải tu bổ các bờ đìa ở ngoài đồng mà phải đắp bề ngang to 3 thước, cao 2 thước rưỡi đều phụ ra 2 bên và khai sửa các bờ ngòi cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 32: - Hoặc trong làng ai đắp lấp chỗ nào để đến nỗi úng thủy trong làng hoặc ngoài đồng thời hương lý dịch phạt từ 0,10$ đến 0,50$. Mà người ấy lại phải khai thông như cũ.

Điều thứ 33: - Người làng khác để trâu bò phá hại hoa mầu gì của ai thời tuần phải bắt tường hương lý dịch xét thực sẽ phạt người ấy, trâu là 0,30$ bò là 0,10$, còn trâu bò của làng thời số tiền phạt giảm một nửa, nhưng số tiền ấy đều thưởng cho tuần cả, còn người chủ trâu bò phải bồi thiệt hại, nếu đến lượt người tuần nào canh gác trễ biếng không bắt được thời phải bồi thường cho người sự chủ và phải phạt 0,10$ sung quĩ.

Điều thứ 34: - Ngoài đồng điền cấm hẳn không ai được chăn vịt, nếu ai không tuân thời hương lý dịch bắt phạt 2,00$ sung quĩ và bắt phải đem vịt đi nơi khác.

Điều thứ 35: - Cấm không ai được phá hủy các gò đống trong làng hoặc ngoài đồng thuộc về tư gia hay của công cũng vậy và lấp lối thủy tiêu, nếu ai không tuân thời hương lý dịch phạt từ 0,10$ đến 0,50$ sung quĩ và người làm xuyên tạc ấy lại phải bồi hoàn như cũ.

Điều thứ 36: - Việc bờ cõi ngoài đồng, dù công dân cũng vậy, cấm không ai được phạt lấn của nhau, các điền chủ ruộng cao, ruộng sâu gần nhau ai tham tâm lấn lẫn của nhau, người bị lấn ấy tường hương lý chức dịch xét trong đồ bản đích thực phạt người lấn ấy từ 0,10$ đến 0,50$ sung quĩ mà lại bồi giả như cũ. Các đường cái khuyến nông đều phải để to 3 thước rưỡi và đường cái dưới từ cống Kẻ đến cầu Khoang phải để to 6 thước, dân đã đắp rồi, nếu ai không tuân mà phạt bé đi, thì bị phạt như người lấn bờ vậy và bắt bồi giả.

Điều thứ 37: - Việc đê điều khi nào nước lên to, có giấy quan sức bắt tráng bao nhiêu thời hương lý phải bắt cho đúng không được tự tiện mà thêm bớt, nhưng khi cần kíp hương lý cứ bắt tráng cho kịp rồi lấy tiền công quĩ phát cho tráng mỗi người mỗi ngày là 0,15$.

Điều thứ 38: - Khi nào hội đồng bán thuê ruộng công điền, công thổ v.v thời hội đồng phải yết thị trước 15 ngày để mọi người đều biết, đến kỳ bán phải đấu giá bỏ phiếu kín từ 8 giờ đến 12 giờ trưa sẽ mở phiếu, ai giá cao hơn thì được, nếu 2 người bằng nhau, ai mở trước thời được mà hương lý lập biên bản bán cho người ấy không được tư tình.

Điều thứ 39: - Khi bán xong hương lý phải lấy tiền ký quĩ trước mỗi trăm bạc là 10,00$, còn thiếu bao nhiêu hạn trong một tháng người thuê ấy phải nộp đủ không được để chậm trễ, nếu để chậm thời ruộng lại bán thuê cho người khác mà mất số tiền ký quĩ không được hối.

Xét sự gian lậu

Điều thứ 40: - Cấm không được nấu rượu và buôn thuốc phiện lâu và chứa đánh bạc, chứa đồ cấm vật mà để thiệt hại đến công tư, thì phải bồi hoàn người sự chủ số tiền ấy và hương lý dịch định phạt từ 0,50$ đến 1,00$ những việc ấy hương lý dịch khám xét luôn để trừ những kẻ làm việc gian lận, những kẻ đã bị phạt không thôi thời hương lý dịch lập biên bản giải nộp trình quan kết nghĩ, nếu người phạm ấy quan xét ra phải án, hoặc phạt tiền thời đồng dân không ăn ngồi với một năm, nếu tái phạm lần nữa, dân không ăn ngồi với nữa.

Việc vệ sinh

Điều thứ 41: - Những đình chùa miếu và giếng uống nước ở trong làng cùng ngoài đồng cấm không ai được để trâu bò xâm phạm vào đình chùa miếu và cùng bờ giếng và cho xuống uống nước mà tuần phải trông nom cho sạch sẽ, nếu ai xuống tắm rửa hay là vo gạo ở giếng, tuần bắt tường hương lý dịch xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$ sung quĩ.

Điều thứ 42: - Hoặc trong làng bất hạnh người nào phát ra các chứng bệnh truyền nhiễm, thời hương lý dịch phải trông nom xét thực rồi sẽ trình quan khám bệnh hoặc nên uống thuốc hay là đi nhà thương thường tùy nhời quan thày thuốc mà tuân theo.

Điều thứ 43: - Nếu ai có trâu bò phát ra bệnh dịch tả tức là truyền nhiễm thời người ấy phải tường hương lý dịch trình quan về cho thuốc, tiền lộ phí bao nhiêu thì trích ở quĩ, hoặc thú vật nào chết thì gia chủ phải xin phép quan chôn cách xa đình chùa miếu, dân cư và giếng, còn ở trong nhà cùng chỗ chôn phải phép vệ sinh mà tuân theo.

Điều thứ 44: - Nếu trong nhà có súc vật gì bị chết cấm không được bỏ ô uế các đường ngõ và không được làm chuồng tiêu ở gần bên đường hoặc đổ chất khí uế cũng vậy, nếu không tuân hương lý dịch phạt người ấy 0,20$ sung quĩ và lại bắt người ấy quét dọn sạch sẽ đem đi chỗ khác.

Sự giáo dục

(Một điều này khi nào làng có đủ tiền công làm được nhà trường thời sẽ y thức mà thi hành).

Điều thứ 45: - Trong làng khi nào có đủ tiền công làm được nhà trường dạy trẻ con trong làng, thời dân trích tiền công chi lương cho viên giáo học, mà trẻ con trong làng lên 8 tuổi phải cho theo học cả, nếu những nhà nghèo quá không mua được giấy bút, thời hương lý dịch trích công quĩ cấp cho những trẻ ấy mỗi đứa một năm là 3,00$ giấy bút.

Sự ngụ cư kỵ táng

Điều thứ 46: - Người nào ngụ cư trong làng, người ấy trước phải tường hương lý dịch, trưởng phiên xét thực có lương thiện, mà người ấy đã đáo tuế phải có thẻ thời mới cho ở, mà phải chịu ngay tạp dịch mới làng, chưa đáo tuế đến khi 18 tuổi phải chịu trách nhiệm canh phòng tạp dịch mới làng ngay.

Điều thứ 47: - Việc kỵ táng trong làng ai cất mồ mả cấm không được táng phạm vào gần những nơi đình chùa miếu vũ và nơi cấm địa phải theo luật Nam triều, nếu ai không tuân, hương lý dịch phạt từ 0,10$ giở lên đến 0,50$ sung quĩ và người bị phạt ấy lại phải cất đi chỗ khác, người làng khác đến xin kỵ táng ở gò đống hoặc công tư điền cũng phải nghiêm cấm như thế, nhưng phải tường chức sắc huynh thử hương lý dịch biết trước và phải nộp lệ 5,00$ sung quĩ, một cỗ xôi, một cái thủ lợn, một chai rượu lớn, 100 khẩu giấu lễ thần kinh dân rồi mới được táng còn đình thôn là chung một xã chí phải sửa 100 khẩu giấu, 1 chai rượu lớn lễ thần kinh dân mà thôi.

Điều thứ 48: - Người nào không cẩn để xảy ra việc cháy nhà mà lại cháy ra nhà khác, thời người làm sự cháy ấy phải chịu chiểu nguyên giá mà bồi hoàn người bị thiệt hại ấy, nếu ai không tuân thời hương lý dịch lập biên bản trình quan xét định.

Phần II
Tục lệ

Điều thứ 1: - Về tết Nguyên Đán tự mồng một tháng Giêng An Nam cho đến ngày mồng bốn, mỗi giáp phải sửa một ngày mà lễ vật gà 1 con, xôi 1 cỗ, 1 quả cam sành, 1 nải chuối, 1 chai con rượu, 1 trăm vàng đại, 12 khẩu giấu lễ và giấu ăn cho đủ, đến 11 giỗ nổi trống để 4 giáp ra lễ, khi xong thời biểu ông khai trống 1 khẩu giấu, còn các cụ huynh thứ, chức dịch ai rà lễ thời thụ phúc không kính biếu ai, còn ngày mồng 5, 6 mỗi ngày 2 giáp, mỗi giáp sửa 12 khẩu giấu, 1 chai rượu con, đệ ra đình lễ để việc làng.

Điều thứ 2: - Ngày mồng 6 tháng Giêng ai đến tuổi 80 thời phải sửa một cơi giấu, 1 bánh pháo lễ thần rồi kính dân, quân về 4 giáp, mỗi người 1 khẩu thời đồng dân miễn trừ cho các tạp dịch và đến lượt đương cai hội lão phải sửa 1 cơi giấu, cơi giấu ấy quân phân những người ít tuổi có vọng hội lão mỗi người 1 khẩu mà thôi.

Điều thứ 3: - Ngày mồng 7 tháng Giêng là ngày nhập tiệc, năm nào được mùa, dân định vào đám đại tiệc từ mồng 7 đến 23 thời giã đám, 4 người đương cai phải tự hôm nhập tiệc đến hôm xuất tiệc, ngày đêm phải túc trực trông nom ở đình, còn nhân dân ai phải việc gì phải ra rước cho đủ theo yết thị đã định từ ngày mồng 2 tháng Chạp năm trước, nếu ai tranh tỵ nhau chậm thiếu, thời đồng dân phạt từ 0,30$ đến 0,50$ sung quĩ, nếu người nào cường ngạnh không chịu phạt, thời đồng dân cấm 1 năm không được dự chốn đình trung, còn tư vấn các cụ, huynh thứ chức dịch đều phải thanh khiết đi phù giá cho đủ, mà 11 giờ hôm ấy 4 giáp đều phải sửa 1 cỗ xôi, 1 con gà cân, 1 chai rượu lớn, 1 nải chuối, 1 bánh pháo giá 0,20$, 2 giáp đương cai,

mỗi giáp 36 khẩu giầu đê xuống miếu để tế, còn 2 giáp đê ra chùa để tế yến, xong lễ vật giáp nào giáp ấy nhận, còn giầu đều phải để việc làng đến 7 giờ tối, 4 giáp lại phải sửa như buổi trưa, khi rước về đình tư văn tế yên vị xong thời 4 giáp đều để thờ tại đình, hoặc có chầu hát thời hương hội phải trích tiền công ra chi, còn tự mồng 8 giở đi luân lưu mỗi giáp phụng sự một đêm, một ngày phải sửa lễ vật như mồng 7, hoặc giáp nào có lợn hoặc lễ vật gì thời tùy các giáp, còn giầu thời ngày nào giáp nào cũng để việc làng đến hôm xuất tiệc, tư văn tế xong, 4 giáp phải để giầu việc làng tư mồng 7 đến 23, lễ chín của giáp nào, giáp ấy nhận mà tiền khai quang tạp phí hương hội trích tiền quĩ ra chi.

Điều thứ 4: - Năm nào dân định vào đám thường tiệc là 6 ngày thời luân lưu mỗi giáp phụng sự một ngày đêm mà hôm mồng 7 và ngày xuất tiệc thời 4 giáp cũng phải sửa lễ vật theo như đại tiệc, còn chiếu tiệc thì chỉ ngày mồng 7 mồng 8 mà thôi, hôm mồng 7, 2 giáp đương cai phải sửa lễ vật xuống miếu là lễ ở đình, 2 giáp không đến lượt đương cai thời sửa lễ vật ngày mồng 8 đệ ra đình để tế 2 tối hôm ấy hoặc có chầu hát thời 2 giáp chịu chung, còn lễ vật giáp nào giáp ấy nhận.

Điều thứ 5: - Năm nào dân định vào đám đại tiệc hoặc thường tiệc thời nhân dân đều phải chấp sự cả, duy chỉ trừ chức sắc, chức dịch cựu, đương thứ công chức và những người đại tang. Còn các người có tư văn thời phải đem đồ lộ bộ, những người 49 tuổi giở lại, theo thứ tự phải vác tàn tán, quạt long, việc khiêng trống chiêng 4 người hình cai phải trích tiền các giáp ra mượn.

Điều thứ 6: - Ngày 15 tháng Giêng là lễ Thượng Nguyên, nhà sư phải sửa lễ lảng, không phải chi tiền công quĩ, còn các đồng môn ra chùa lễ thời tùy tâm.

Điều thứ 7: - Ngày 18 tháng 2 là ngày tiếc tế xuân, 4 giáp phải sửa lễ, mỗi giáp 2 con gà, 2 cỗ xôi, 1 nải chuối, 1 chai rượu lớn, 1 bánh pháo, 1 cơi giầu 36 khẩu, nếu không phải đương cai chỉ sửa 12 khẩu

giấu, 1 chai rượu con, mỗi giáp 1 trăm vàng đại đem ra đình miếu để tế, khi xong lễ vật giáp nào giáp ấy nhận, còn giấu thì việc làng.

Điều thứ 8: - Ngày mồng 2 tháng 3 là ngày tiệc lễ kỳ bình yên, mũ mã đồ hóa vật lệ mỗi năm sửa hết bao nhiêu tiền và 1.00$ hương đăng giấy số thời chia về 4 giáp, chiếu nhân suất quân san đồng phụ; còn lễ vật của các giáp hoặc gà lợn tùy nghi, nhưng mỗi giáp phải 1 cơi giấu 12 khẩu, khi tế xong những cơi giấu ấy để dân thọ phúc, còn lễ của giáp nào giáp ấy nhận, nhưng phải góp mỗi giáp xôi 1 cỗ rưỡi để đãi chư bà, ông từ, thày cúng và tuần cùng thợ mã lĩnh cả.

Điều thứ 9: - Ngày 29 tháng 4 là ngày giỗ hậu ở đình, 4 giáp mỗi giáp phải sửa con gà, 1 cỗ xôi, 1 chai rượu con, 1 trăm vàng đại, 12 khẩu giấu, lễ xong của giáp nào giáp ấy nhận.

Việc kinh biếu

Điều thứ 10: - Ai đến đương cai trong hội lão được cấy hơn 2 sào ruộng Hạ Điền ở xứ đồng giẫy, cứ vào khoảng tháng 5 tháng 6 Hạ Điền, người cấy ruộng ấy phải sửa 36 khẩu giấu, 2 chai rượu con lễ đức Thần Nông và ở đình, xong cơi giấu ấy ai ra lễ thời hưởng, đến tháng 9 lễ Thường Tân phải sửa hồng, chuối, mỗi thứ đều 100 quả hảo hạng, xôi mới, cơm mới mỗi thứ 14 bát, 100 khẩu giấu, một con lợn cả lòng thủ thăng bằng, 4 cân xôi, 1 bánh pháo, 4 trăm vàng đại, 1 chai rượu lớn tế hoặc lễ xong giao các chức dịch đương thứ kinh biếu; người tế chủ 3 quả hồng, 3 quả chuối, 3 khẩu giấu, còn các giòng món như là các cụ thất bát thập, chức sắc, mỗi thứ chất một quả chuối, 1 quả hồng, còn các chức dịch đương cựu, mỗi thứ chỉ được một quả hồng một quả chuối, giáp biếu, thứ vị mỗi người 1 quả hồng, còn các cụ ngũ thập dĩ thượng đãi 10 quả hồng, 10 quả chuối, thủ từ 1 miếng thịt, 1 cỗ xôi, 1 quả hồng, bình cả mỗi người 1 quả hồng, bà 5 quả chuối, 5 quả hồng. Còn tuần, phường trống kèn, phường bát âm, mỗi giòng một miếng thịt, 1 phẩm oản, người cúng ruộng Thường Tân 1 bát cơm, 1 phẩm oản, 1 quả chuối, 1 quả hồng, còn những

người cúng ruộng hương đăng ở đình cùng nhà sư mỗi người 1 quả hồng, 1 quả chuối và những người cúng vào công dân thứ vật gì hóa giá đáng từ 20,00$ giở lên hay là tiền cũng thế đãi 1 quả hồng, 1 quả chuối, còn lễ vật bao nhiêu quân về 4 giáp và lễ riêng giáp nào giáp ấy nhận.

Điều thứ 11: - Ngày mồng 2 tháng 7 là ngày lễ Thượng Điền, 4 giáp mỗi giáp phải sửa 1 cơi giầu 12 khẩu, 1 chai con rượu đề ra đình lễ xong giầu để việc làng.

Điều thứ 12: - Khi cày cấy xong làm lễ đưa sâu, thời sưu thuế trích tiền công quĩ ra 3,00$ giao cho trương phiên tuần tráng đi mua mũ mã và xôi ba bàn, 1 cái thủ lợn, 1 chai rượu lớn, 36 khẩu giầu để làm lễ đưa sâu, nhưng phải mời các hương lão, chức sắc chức dịch, hội đồng cùng dân ra lễ, phải để phần các cụ bản nhất, chức sắc, chức dịch, huynh thứ, sưu thuế.

Điều thứ 13: - Ngày 15 tháng 8 là ngày có tiệc làm lễ cơm mới, thời hội lão tùy nghi biện lễ.

Điều thứ 14: - Ngày mồng 2 tháng Chạp là lễ chạp vua, mỗi giáp phải sửa một con gà, 1 cỗ xôi, 1 cơi giầu 12 khẩu, 1 chai con rượu, 1 trăm vàng đại, duy 2 giáp đương cai mỗi giáp 36 khẩu giầu, nửa chai rượu lớn, khi lễ xong giáp nào giáp ấy nhận, việc làng tại đình và là ngày đình đám, năm nào dân định vào đám đại tiệc từ mồng 7 đến 23 thời kỳ lão, huynh thứ, sưu thuế đồng dân phải họp đại hội đồng luôn hai ba kỳ, chọn cắt 4 người lĩnh cai mà những người ấy phải có thanh vọng để ứng tạm thay cho 4 giáp và cắt nhân dân phải việc gì, thời hương lý dịch phải yết thị ngay cho mọi người biết và để 4 giáp trù tính sắm sửa cho được chỉnh tề. Năm nào dân định thường tiệc thời cũng cắt 4 người lĩnh cai như đại tiệc, năm nào dân đã định đám rồi thời ngày mồng 3 tháng Chạp, 4 người lĩnh cai phải tạm ứng sửa cho 4 giáp 1 con gà, 1 cỗ xôi, 1 chai rượu lớn, 1 cơi giầu trăm khẩu, lễ xong việc làng tại đình để sửa việc đám.

Điều thứ 15: - Ngày 18 tháng Chạp là lễ hóa vàng, mỗi giáp đều phải sửa 1 cỗ xôi, 1 con gà, 1 cơi giấu 12 khẩu, 1 trăm vàng đại, 1 chai rượu con, lễ xong giáp nào giáp ấy thọ phúc còn giấu thời phải để việc làng.

Điều thứ 16: - Lễ xuân thu nhị đinh tế đức Tiên Thánh, Tiên Hiền, thời trong hội tư văn tùy nghi chỉnh biện.

Điều thứ 17: - Việc sửa mã thờ tết, sửa hết mấy đồng quân về 4 giáp cùng chịu và tối hôm 30 tháng Chạp lễ Giao Thừa, mỗi giáp phải sửa 1 con gà, 1 cỗ xôi, 1 quả cam sành, 1 nải chuối, 1 chai rượu con, 1 bánh pháo ước 0,200$ mà tối hôm ấy người nào có vợ con đề huề và thuận hòa, thời dân cử vào làm lễ và khai trống cho dân, nếu người ấy từ chối thời dân cử người khác.

Điều thứ 18: - Tối hôm 30 tháng Chạp là lễ Giao Thừa cứ đệ niên cuối tháng Chạp trích ở quĩ ra 3,00$ giao cho tuần mua lễ là 2 cái mũ, 3 trăm vàng đại, 2 con gà, 2 cỗ xôi, 2 nải chuối, 2 quả cam sành và phủ tửu hương hoa cho đủ lễ, nhưng phải mời các cụ bàn nhất, chức sắc chức dịch sưu thuế ra đình làm lễ, khi lễ xong giao tuần ăn uống.

Điều thứ 19: - Cứ đệ niên các kỳ tế ở đình, ở các miếu, hoặc ở các nơi khác trong các hội tư văn có bao nhiêu người đã nộp sư làng rồi phải ra tế cho đông, nếu người nào không có duyên cớ gì chính đáng thời không được vắng mặt.

Việc vị thứ khao vọng

Điều thứ 20: - Hễ trong thôn ai được phẩm hàm cao nhất thời tế chủ, từ người cao hàm thứ hai giở xuống chánh phó tổng, lý phó trưởng chánh phó sưu thuế đương thứ thời bồi tế, nếu người trên bận việc ngăn trở thì cứ lần lượt cử người dưới thay và những người được dự tên vào văn tế thời tự chức dịch đương thứ giở lên nhưng đều đã nộp lệ khao dân rồi mới được dự những việc ấy, khi người mới nhận việc tế chủ phải sửa 100 khẩu giấu, 1 chai rượu lớn, lễ thần kính dân,

bất thường người tế thay không phải sửa lễ ấy, còn bàn nhất hương lão khi tế xong thời vào lễ trước và lễ chiếu trên nhất.

Điều thứ 21: - Việc tả văn từ người phẩm hàm cao thứ hai giở xuống đến chức dịch thì giữ việc tả văn, nếu người hàm cao ấy có ngăn trở sự gì từ chối cứ luân lưu đến người dưới mà đã khao dân xong việc ấy không được bỏ khuyết mà chức ấy phải sửa trăm khẩu giầu, 1 chai rượu lớn lễ thần kinh dân.

Điều thứ 22: - Trong làng người nào từ 18 tuổi giở lên sao thông văn tự mà có thanh vọng muốn vào tư văn phải nộp vào quĩ là 3,00$ và sửa 50 khẩu giầu, 1 chai rượu lớn lễ thần kinh dân, còn những chức vị nào có vọng vào tư văn cũng phải nộp như thế, còn lệ vọng vào hội tư văn nào thời theo khoán của hội ấy.

Điều thứ 23: - Người nào mới ra làm lý trưởng cứ đến mồng 6 tháng Giêng An Nam năm nào chiểu tiệc thời ngày mồng 7 phải sửa lệ khao 7 cỗ xôi, 1 con lợn, 1 chai rượu lớn, 74 khẩu giầu để ra đình tế thời, người lý trưởng được vào tế chủ tuần tế ấy. Khi tế xong, lễ vật ấy, dân để việc làng tại đình, ai làm được chánh phó tổng, chánh phó hội, phó lý phải nộp một hạng là 3,00$ người làm chánh phó hộ lại, trưởng ba, thủ quĩ, thư ký phải nộp tiền đều lại phải sửa 1 cái thủ lợn, 1 cỗ xôi, 1 chai rượu lớn, 200 khẩu giầu lễ thần kinh dân rồi ăn uống tại đình, những hạng khao đã nói, nếu huynh thử vắng mặt phải để phần những chức kê trên này đã khao dân rồi mà ra làm chức dịch sưu thuế, chánh phó hộ lại, trưởng ba thời không phải khao nữa, khi những chức ấy hết hạn hay từ dịch thì dân không phải kính biếu chức ấy nữa.

Điều thứ 24: - Ai khao 70 tuổi không phải nộp số tiền gì cả, chỉ những người khao phẩm hàm phải nộp vào quĩ là 5,00$ mà 2 hạng khao ấy đều phải 1 con lợn cân thăng bằng là 4 cân xôi của hội lão, 4 cỗ xôi, 4 chai rượu lớn, 100 quả chuối, 100 khẩu giầu lễ thần rồi chia về 4 giáp cho những trẻ con cũng được hưởng, nếu người 70 tuổi mà nghèo cùng quá thời dân cũng miễn cho, còn những người thăng hàm

và người lên tám, chín mươi tuổi không phải nộp tiền nữa, chỉ phải sửa 100 khẩu giầu, 1 chai rượu lớn lễ thần kinh dân, chỉ biếu những người huynh thứ mỗi người 1 khẩu giầu, còn thời đồng dân hưởng phúc tại đình.

Điều thứ 25: - Trong làng người nào nhất nhì trường, khóa sinh văn bằng, sơ học tốt nghiệp Pháp Việt giở lên cùng người mua vị thứ thời đều phải nộp là 10,00$ vào quĩ và phải sửa lễ theo điều 23 mà sửa.

Điều thứ 26: - Trong làng chỉ những khi phải chi tiêu việc cần kíp như là nộp tiền nhà nước hoặc chữa đình chùa miếu giếng, xây đường sá cầu cống mà trong sổ chi thiếu thời hương lý đồng dân mới được chọn bán vị thứ, mà những người mua vị thứ phải có thanh vọng mới được mua, mà phải mỗi tên là 40,00$ sung quĩ và phải nộp lệ khao theo điều thứ 25 ở trên mà sửa.

Điều thứ 27: - Các hạng người đã nói ở điều thứ 23, điều thứ 24, điều thứ 25, điều thứ 26, điều thứ 28, điều thứ 29, ở dưới có nộp đủ lệ khao thời đồng dân miễn trừ cho việc tuần phòng đê điều, tạp dịch và kính biếu theo điều thứ 10 đã nói.

Điều thứ 28: - Ai có văn bằng sơ học yếu lược tuyển sinh, thư ký có nộp được 20,00$ sung công quĩ và 100 khẩu giầu, 1 chai rượu lớn lễ thần kinh dân thời đồng dân miễn trừ tuần phòng, đê điều, tạp dịch.

Điều thứ 29: - Trong làng có những người đi phường trống kèn, bát âm, những khi tế lễ và những khi nghênh thần, tống tử thời đồng dân theo lệ nhà nước miễn trừ cho tuần phòng, tạp dịch.

Điều thứ 30: - Trong làng những người đi các hạng lính được mãn khóa nhà nước về thời đồng dân theo lệ nhà nước miễn trừ sưu sai tạp dịch, nếu hết hạn trừ ấy thời đều phải chịu gánh góp mới làng, ai có phẩm hàm theo điều 24 mà khao vọng.

Điều thứ 31: - Về việc làm ma phải nộp hạng nhất là 5,00$ và sửa lễ 1 con lợn, tính nội tâm, cân thăng bằng 5 cân xôi của hội lão, 4

cỗ xôi, 4 chai rượu lớn, 400 khẩu giấu, nộp hạng nhì là 3,00$, 1 cái thủ lợn, 1 cỗ xôi, 1 chai rượu lớn, 100 khẩu giấu, ai làm ma nộp được hạng nhất, hạng nhì có muốn nộp theo mấy đầu cũng được, mỗi đầu tiếp chỉ phải nộp 1,00$ và 50 khẩu giấu, hạng ba ai cùng nghèo quá thời dân cũng miễn cho, ai nộp hai ba đầu ma vào hạng nào thời lễ chín chỉ phải sửa một đầu thôi, cứ đến ngày mồng 2 tháng Chạp phải sửa lễ tại đình lễ thần kinh dân đều ăn uống, còn ai chết tự khi chưa có hương ước này mà chưa nộp lệ cũ thời phải theo lệ này mà nộp, hoặc ai chết muốn làm ngay cũng được.

Điều thứ 32: - Người con gái lấy chồng trong làng phải nộp vào quĩ 1,50$, người nào lấy chồng làng khác thời phải nộp vào quĩ là 5,00$, cứ ngày cưới nội ngoại đều phải nộp ngay và phải sửa 1 cái thủ, 1 cỗ xôi, 1 chai rượu lớn, 100 khẩu giấu, 1 bánh pháo lễ thần kinh dân mà người lấy chồng làng khác, khi cưới phải tường các cụ bàn nhất, chức sắc, huynh thứ, sưu thuế, lý dịch biết trước mà cấm không ai được lôi thôi sự chăng dây nữa, hoặc năm nào làng vào đám các ngoại tế phải đến lễ giải.

Điều thứ 33: - Đồng dân có sửa một cỗ đòn đưa đám để ở các công sở, hễ ai có việc đều có quyền lấy đi đưa đám, nếu đòn ấy hỏng nát đâu thời hương lý phải trích tiền quĩ ra sửa cho chỉnh đốn.

Điều thứ 34: - Trong hương ước này phần chính trị có 48 điều, tục lệ có 33 điều đồng dân soạn định về sau hoặc có điều nào không hợp nghị, hoặc điều nào thi hành không tiện, muốn hoán cải thời đồng dân sẽ thỏa định xin phép quan trên cho phép chữa thêm và khoản lệ cũ thời nay không theo nữa.

Phụng đệ
Le tri phủ: Nguyễn Hữu Chi
Vu et transmis
Hadông le 17 mai 1938
Le tổng đốc
signé Vi Văn Định

HƯƠNG ƯỚC THÔN THỊ CẤM

Xã Phương Canh, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông
Năm Bảo Đại thứ 11 tháng Giêng ngày 21
(tức là ngày 12 tháng hai năm 1936)

Thân viên, chức sắc hương lão lý dịch hương hội, giáp trưởng đồng dân thôn thị cấm xã Phương Canh, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông họp tại đình sở làm khoán ước về việc cải lương hương ước.

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng từ xưa hoặc chỉ truyền từ khẩu mà không có minh văn hoặc có minh văn mà hành không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh nhóm lệ thuở trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc thịnh giầu dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục - Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng cấm, thì phải theo nghị định quan thống sứ và các thể lệ quan trên về việc chỉnh đốn hương ước mà tuân theo.

Điều thứ 2: Sưu thuế khi đi việc quan về việc công dân thời tiền lộ phí mỗi người được bao nhiêu theo thể lệ sau này, mà tiền lộ phí ấy

trích ở tiền công của làng khi đi ra phủ hầu việc quan thời dân cấp cho mỗi người mỗi ngày là 0,20$ và khi lên tỉnh mỗi người mỗi ngày dân cấp cho 0,30$.

Việc chi thu

Điều thứ 3: Việc chi thu trong làng thì hương hội phải theo nghị định quan thống sứ mà làm nhật ký chi thu, biên chép phân minh và phải biên hết các khoản tiền công của làng và cuối năm thì phải làm sổ kết toán công bố cho dân được biết và phải trình quan bản hạt.

Việc sưu thuế

Điều thứ 4: Khi lý phó trưởng tiếp bài chỉ của nhà nước phát về, thì phải tường chánh phó hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 5: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ. Không được chia đàn anh, đàn em và nội canh hay ngoại canh mà bổ nhiều hay bổ ít, nhưng chỉ bổ thêm cho hành thân tiền chi phí mỗi mẫu ruộng là 0,10$, còn thuế đinh thì bổ thêm mỗi suất ba xu để về việc thu nộp sưu thuế nên lý phó trưởng không làm hành thu thời chỉ chi tiền lộ phí đăng nạp là 10,00$ tiền ấy lấy ở số tiền hành thu.

Điều thứ 6: Trong sổ bổ phải biên rõ điền thổ là bao nhiêu, sưu thuế là bao nhiêu, thành bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 7: Khi đã bổ sưu thuế xong rồi thì hương hội giao sổ bổ cho lý phó trưởng trình quan xét duyệt, việc sưu thuế thì lý phó trưởng phải thu đệ nộp.

Điều thứ 8: Ngày bổ sưu thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Điều thứ 9: Những người thiếu sưu thuế thì lý phó trưởng phải trình hội đồng để hội đồng xử, không xong lên trình quan cứu xử mà hết bao nhiêu tiền phí tổn thì người thiếu sưu thuế phải chịu.

Điều thứ 10: Lý phó trưởng phải tha thải mà nộp cho người thiếu sưu thuế, thì người để thiếu sưu thuế khi nộp cho lý phó trưởng phải chịu hết các tiền phí tổn.

Việc kiện cáo

Điều thứ 11: Trong làng có ai kiện về dân sự hay thương sự trước hết phải trình lý dịch hội đồng hoà giải.

Điều thứ 12: Hội đồng tiếp được ai trình thì hop hội đồng lấy lẽ chính đáng và lấy lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thời theo kiểu trong luật làm biên bản hoà giải, giao lý phó trưởng trình quan sở tại biên vào sổ hoà giải.

Điều thứ 13: Việc hoà giải không xong thì hai bên nguyên bên bị mà phải đi làm chứng trước toà án thì người thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 14: Những việc hình sự dù không có thể hoà giải được thì bắt người đương sự cũng phải trình Hội đồng biết.

Điều thứ 15: Trong làng ai đi kiện vu cáo cho ai nếu quan xét thực là vu cáo, thì phí tổn bao nhiêu cứ người vu cáo phải chịu và làng lại phạt bất dự đinh trong trong hạn ba tháng.

Việc tuần phiên

Điều thứ 16: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung cả làng, tuổi từ 49 giở xuống phải chịu trách nhiệm đi tuần, trừ ra những người chức sắc kỳ mục người có vị thứ trong làng người đang làm các sở, người đang đi học các trường, người có tật bệnh và các tộc biểu đương thứ, còn việc cắt cử tuần tráng và xếp đặt canh phòng thì theo ở sau này.

Điều thứ 17: Tục dân cứ đến ngày mồng bảy tháng 12 An Nam thì lý phó trưởng cắt lấy 10 người tuần mà cần chọn lấy người khoẻ mạnh nhanh nhẹn, người nào mang tiếng bất hảo thì không được cắt.

Điều thứ 18: Lý dịch hội đồng phải chọn lấy một người có hạnh kiểm tốt làm trương tuần hay hương trưởng, ba năm là một hạn để trông nom nội hương ấp ngoài đồng điền và coi mười người tuần tráng.

Điều thứ 19: Ai bắt được kẻ trộm thời làng thưởng cho 1,00$ và ai bắt được kẻ cướp làng thưởng cho 10,00$.

Điều thứ 20: Trong làng đặt ra hai sở tuần một sở ở xóm trên một sở ở xóm dưới những điểm sở ấy lấy tiền công quĩ mà sửa sang.

Điều thứ 21: Hương trưởng và tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng, nhưng nhà nào mất trộm cướp có tang chứng rõ ràng mà sơ khoáng không đến ứng cứu thì phải liên đới chiểu giá mà đền cho sự chủ như khi trộm cướp phát ra mà tuần phiên hết sức chống cự không thể giữ được thì không phải đền.

Điều thứ 22: Mỗi ngày thời trương tuần phải cắt hai người tuần để đi xét ngoài đồng nếu bắt được người ăn trộm ngô, khoai, lúa, mạ, đậu, dạ có bằng cớ tang vật đem về điểm tường lý dịch Hội đồng xét thực thì phải phạt từ 0,50$ đến 5,00$ người ấy không chịu thời lập biên bản trình quan xét trị.

Tuần ngoài đồng

Điều thứ 23: Tuần tráng phải coi sóc các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hư hỏng thì tường lý dịch hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 1,00$ sung công.

Điều thứ 24: Tuần phiên và trương tuần phải coi việc giữ nước thảo nước nhưng khi nên thảo nên giữ phải hỏi ý kiến lý dịch không được tự quyết.

Điều thứ 25: Người nào thảo nước đơm cá làm cho ruộng bị cạn thì tuần phải bắt ngay về tường lý dịch xét qua, thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$ nếu trương tuần và tuần tráng để nước ruộng cạn, thì lý dịch phạt cũng như người phạm.

Điều thứ 26: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu phải chiếu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 27: Không cứ nội canh hay ngoại canh đồng niên theo cổ tục lệ làng cho mỗi sào là một gồi lúa (nghĩa là mỗi gồi lúa là hai nắm), đa cứ mỗi mẫu là một sào và ruộng đồng lúa, ngô mỗi sào cho tuần ba xu.

Điều thứ 28: Đến kỳ lúa sương túc thời trương tuần phải thu các số tiền mà tuần tráng sơ suất phải phạt mà nộp vào công quĩ.

Việc cứu cấp

Điều thứ 29: Trong làng gặp lúc cần kíp như là hoả tai và trộm cướp nhà nào trừ ra những người già yếu thì thôi còn người trong làng nghe hiệu đều phải đến ngay mà cứu ứng nếu ai lười biếng không đi cứu cấp hội đồng lý dịch xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$ sung công.

Điều thứ 30: Ai vì việc cứu cấp ấy mà bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, nếu trọng thương thành tật làng cho vị thứ hương sắc, nếu có rồi thì cho con hay cháu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đi đưa ma.

Việc vệ sinh

Điều thứ 31: Muốn cho người làng được mạnh khoẻ luôn thì cần phải theo đúng phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 32: Hội đồng lý dịch thường hiểu bảo người làng trong nhà riêng và đường cái chung phải giữ gìn cho rất sạch sẽ, tre giồng bên đường cái đi không cứ của công hay của tư phải phát luôn cho được quang đãng, nếu ai không chịu phát thì lý dịch cho tuần phạt những cành cây hay tre thời không được ca thán, nếu ai không tuân mà để tuần phiên phải phạt đến hai lần thời phải phạt 0,50$ sung công.

Điều thứ 33: Cấm không ai được vất uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường của công sở, cạnh ao (...) phạm cấm ấy thì hội đồng phạt 0,50$ sung công.

Điều thứ 34: Các giếng nước ăn phải tìm cách giữ gìn, cho được trong sạch, những phí tổn về việc sửa giếng thời xóm nào xóm ấy trừ tiền sửa chữa, lấy cho được sạch sẽ luôn luôn.

Điều thứ 35: Khi trong làng phát chứng truyền nhiễm lý phó trưởng phải trình quan ngay xin thầy chữa thuốc.

Điều thứ 36: trong làng ai mắc phải bệnh phong, lý phó trưởng phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế ngay không được vị nể để ở trong làng.

Điều thứ 37: Những đồ dùng của người bệnh phong và người chết không được vất xuống hồ ao ngòi, ai phạm cấm ấy phải phạt 0,50$ sung công. Lại cấm không được đem chôn ở bên hồ ao có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá cầu cống và đê điều.

Điều thứ 38: Thường năm cứ về tháng hai thì lý phó trưởng phải họp bốn giáp trưởng, chia người làm bốn phiên để sang hộ đê và đắp đường cái trong năm ấy.

Điều thứ 39: Các đường cái chung thấy nhiều chỗ hư hỏng thì lý phó trưởng bảo người trương tuần và tuần phiên đốc thúc dân đinh 4 phiên sửa đắp lại cho được bằng phẳng, còn các đường khuyến nông và bờ đìa cũng thế.

Điều thứ 40: Ai làm việc riêng mà hại đến cầu cống thì phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 41: Ai cần tháo nước qua đường cái phải trình hội đồng lý dịch biết trước, tháo xong phải đắp lại như cũ nếu không được như cũ phải phạt 0,50$.

Việc vệ nông

Điều thứ 42: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và đắp bờ đìa, bờ bạn để giữ nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 43: Cấm không ai được đắp bờ qua ngòi mà đơm cá để nước không thông, ai phạm cấm phạt 0,30$ sung công.

Điều thứ 44: Cấm không ai được dắt trâu bò qua bờ ruộng khi lúa mạ ngô khoai v.v đã tốt, ai phạm cấm ấy trâu thời 0,50$ bò 0,30$, tiền phạt thưởng cho người bắt được 0,10$ còn sung công, trâu bò ăn những hoa mầu ngoài đồng thời phải chiếu mà đền nữa.

Điều thứ 45: Cấm chăn vịt ở ngoài đồng khi đã gieo mạ cấy lúa rồi, ai phạm cấm phạt 0,50$ và phải đền lúa mạ ấy nữa.

Các của công

Điều thứ 46: Đã gọi là của công làm người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải đền.

Điều thứ 47: Khi làng có bán thuê ruộng và địa thì lý dịch hương hội phải cho đấu giá, ai hơn thì được nhưng phải yết thị trước khi đấu giá mười ngày ai đấu giá cao hơn thì được nhưng còn phải ký tên vào sổ và hội đồng phải làm biên bản về tên người thuê và số tiền là bao nhiêu để lưu chiểu, nếu ai ký tên vào sổ đến kỳ nộp tiền giả dân mà không có tiền giả dân để dân phải họp ban lại mà hụt thiếu bao nhiêu và phí tổn đều phải chịu cả.

Việc gian lậu

Điều thứ 48: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện đánh bạc lấy hồ thì lý dịch hội đồng xét trong làng để trừ gian lậu ấy đi, ai cố ý phạm cấm ấy hội đồng lý dịch không thể khuyên ngăn được thì hội đồng lý dịch bắt lấy tang vật lập biên bản giao lý phó trưởng trình quan xét trị.

Việc giao thiệp

Điều thứ 49: Khi quan khách đến làng thì lý dịch hội đồng phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại công sở. Nếu các quan cần khám nhà nào thì lý dịch hội đồng phải dẫn đi khám, nếu có sự gì ngăn trở thì hội đồng lý dịch phải giữ cho được ổn thoả.

Điều thứ 50: Khi nào ở trong địa giới có người ốm đau hay tai nạn gì, hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu giúp.

Việc giáo dục

Điều thứ 51: Dạy trẻ con có phổ thông học thức là nghĩa vụ của người phụ huynh không ai được từ chối mà phải cho tới trường học, nếu ai đi học mà đã đỗ được bằng sơ học Pháp Việt giở lên, mà sửa giầu rượu rạ đình lễ thần và cho dân xem bằng thì dân miễn trừ cho không phải đi tuần.

Việc ngụ cư ký táng

Điều thứ 52: Làng chỉ cho những người nào có căn cước minh bạch nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi, trừ ra những người ngụ cư tạm thời khi đến phải tường lý dịch xét hạnh kiểm và căn cước, còn những người ngụ cư có gia sản ở làng nếu mỗi năm chịu nộp cho làng 1,00$ sung quĩ thì trước trừ cho sự canh phòng tạp dịch, trừ người thôn Hoè Thị thì thôi mà số tiền ấy để niên cứ đến thượng tuần tháng hai thì phải nộp sung quĩ.

Điều thứ 53: Ai ký táng ở trong đồng điền của làng dù mua đất của ai mặc lòng, nhưng cũng phải trình hội đồng lý dịch biết và nộp tiền trích lễ là 15,00$ và 100 giầu, 1 chai rượu ra lễ thần rồi kính dân trừ người thôn Hoè Thị và bố mẹ vợ người trong làng con rể, con gái làng về nhà mà chết ở làng, thì chỉ phải sửa lễ 1 chai rượu 100 giầu ra lễ thần kính dân.

Việc làm sổ đinh

Điều thứ 54: Thường năm có giấy quan sức làm sổ đinh hay tục sổ đinh thì lý phó trưởng sai tích nhân thống hộ ai có con đến 15, 18 tuổi đến khai với lý phó trưởng vào sổ đinh, ai không khai nhỡ xảy ra sự gì thì người ấy phải chịu trách nhiệm, làng cấp cho lý phó trưởng về việc làm sổ đinh, mỗi lần 4,00$, tục sổ đinh mỗi lần 2,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ

Điều thứ 55: Làng trích lấy ruộng tam bảo ky điền mười mẫu đấu giá được bao nhiêu tiền để cấp sưu đinh, đặt ruộng mà thờ sáu sào, đặt ruộng lý phó trưởng bốn sào đi việc quan quanh năm, đặt ruộng hương trưởng ba sào 5 thước để trông nom bờ đìa và đắp đầu cầu đầu cống quanh năm đất ruộng, phường trống 1 sào, phường bát âm 1 sào, phường kèn 1 sào để phụng sự quanh năm, đất 1 mẫu 3 sào giao cho giáp trưởng cày cấy để sửa lễ sóc vọng quanh năm, đặt ruộng thủ từ 7 sào đặt ruộng dư 12 thước, giao cho nhất đăng cày cấy và một cái đìa ở xứ Cầu Canh để niên bán thuế sung quĩ.

Cưới cheo

Điều thứ 56: Trong làng ai có con gái gả chồng lấy người làng phải nộp cho làng 2,500$, lấy người làng khác phải nộp 3,5 và đều phải sửa một trăm giầu, một chai rượu lễ thần rồi kính dân, còn thói chăng dây đóng cổng làm ngăn việc người ta thì cấm chỉ.

Điều thứ 57: Trong làng ai có con gái lấy chồng khi nộp cheo cho làng phải mời lý phó trưởng và chức dịch, ra đình nhận tiền cheo sung quĩ, còn phải biếu lý phó trưởng 0,50$ và hộ lại 0,50$ tiền vào sổ.

Việc đám ma

Điều thứ 58: Người tang chủ là sự buồn rầu đau đớn nhà người ta, như thói cũ đặt ra mời dân thật là trái lễ nay làng bỏ thói ấy đi.

Điều thứ 59: Trong làng ai có việc hiếu trước khi chưa an táng thời không được ta sự làm lễ 4 phiên và các hàng đấu làng đến ăn uống và khách đến viếng.

Điều thứ 60: Đến ngày an táng tang chủ ở giáp nào mời người giáp ấy đến hộ táng, nghĩa là khiêng quan tài và các đồ tang nghi và mời các phường đến hò lễ trong giáp đi đưa mà là giả nghĩa lẫn nhau,

chính bổn phận phải làm, trừ những người đi vắng nhà còn phải đi đưa cả.

Điều thứ 61: Người tang chủ ở giáp nào an táng xong rồi theo tục lệ giáp ấy mà giả lễ hàng giáp.

Điều thứ 62: Người tang chủ nào đầu có an táng xong rồi mà muốn mời các tích các món trong dân làng đến nhà ăn uống thì dân cũng đi ăn, nhưng không được lấy phần, việc ấy tuỳ lòng tang chủ chứ không bắt buộc ai cũng phải mời như thế.

Điều thứ 63: Ông cụ nhất dậu và ông tiên chỉ khi nào qui hoá bốn giáp trưởng lấy tiền công sửa một đôi câu đối và vàng hương đến viếng, còn các cụ 70 và khoa trạng chức sắc lý dịch đã nộp khao cho làng rồi mà qui hoá, thì lý dịch đương chức bá cáo cho tuần phiên đếm khẩu hiệu của làng đi đưa ma.

Việc tế lễ

Điều thứ 64: Lễ sóc vọng 4 giáp trưởng phải chia nhau sửa 26 phẩm oản, 26 quả chuối, giầu 30 khẩu, rượu 1 chai để lễ thần lễ xong thì hương lão chức sắc tân cựu lý dịch kỳ mục hương hội và 4 người giáp trưởng đều quân hệ suốt năm đều như thế.

Điều thứ 65: Lễ thần trong ba ngày tết 4 giáp trưởng phải sửa oản chuối 30 phẩm, giầu 30 khẩu rượu 1 chai, pháo một bánh, lễ thần rồi đồng dân đều quản mục, duy đãi tuần phiên 6 phẩm.

Điều thứ 66: Lễ khai hạ mùng bẩy tháng Giêng bốn giáp mỗi giáp đều phải sửa 1 cỗ xôi, 1 gà sống, 1 be rượu, 1 cơi giầu 10 miếng lễ xong giáp nào giáp ấy ăn uống.

Điều thứ 67: Ngày mùng tám tháng Giêng 4 giáp trưởng cũng phải sửa xôi gà, giầu rượu như lễ khai hạ duy chỉ có viên chủ tế và hương sắc ra làm lễ còn 4 giáp mỗi giáp phải sửa 3 đấu thóc và đỗ kéo lửa, 4 cái be 4 cái chầy và cối mỗi giáp cắt một người con giai khoẻ mạnh chạy thi lấy nước. Ở đình thì kéo giang lấy lửa giã thóc lấy

gạo để thổi cơm. Làm lễ động thổ dân đặt ra ba giải mỗi giải 0,06$ và sáu miếng giầu giáp nào được giải thời lấy tiền ở giữ giáp.

Điều thứ 68: Khi viên chủ tế và hương sắc làm lễ động thổ xong đinh ngày vào đám tháng hai thế nào thời bá cáo để 4 giáp dân làng và lý dịch đều biết.

Điều thứ 69: Ngày rằm tháng Giêng là lễ thượng nguyên trên chùa thì nhà sư phải sửa 15 cỗ chay và 5 chai rượu lễ Phật xong chư ông, chư bà, khoa tràng chức sắc chức dịch và Hội đồng đương thứ hàng đội, hàng phiên, giáp trưởng bát bàn đều thụ phúc và đều được lĩnh mỗi người 1 phẩm oản quả chuối.

Điều thứ 70: Dân có 14 cái giỗ hậu ở chùa nhà sư phải sửa mỗi cái giỗ oản chuối 15 phẩm 1 cơi giầu, lễ xong hương lão lý dịch hàng đội hàng phiên bát bàn đều được thụ phúc.

Điều thứ 71: Dân có ba mẫu ruộng ở quanh chùa và 1 mẫu năm sào ở ngoài đồng giao cho nhà sư cày cấy các lễ và đèn hương quanh năm, đến tháng chín xôi mới nhà sư phải sửa 60 phẩm oản chuối, 1 cơi giầu lễ xong chư bà thụ phúc.

Điều thứ 72: Giỗ cụ Hiệp ngày 29 tháng Giêng 4 giáp phải sửa 1 con lợn giá độ 7 đồng, xôi 60 đấu, vàng 3 trăm, giầu 2 trăm, chuối một nải, rượu 2 chai và một gà sống lễ xong cả dân ăn uống và biếu người kỵ hậu một cái lầm lợn một đĩa xôi và biếu quan viên tư văn hành lễ như cũ (1 cái thủ lợn xôi ước 6 đấu 1 lít rượu 20 miếng giầu).

Điều thứ 73: Ngày 12 tháng 2 là ngày lệ Nhập Tịch sự thần, rước giao hiếu với thôn Hoè Thị lệ thường năm là hai ngày. 7 giờ sáng quan viên tư văn quang quẻ ra làm lễ mộc dục thánh vị, 4 giáp phải sửa mà thờ giá 3,00$ vải tây đỏ và trả ngũ vị đều lấy tiền ở công quĩ và 4 giáp đều phải sửa xôi gà như lễ khai hạ, 4 giáp lại phải sửa 1 cơi giầu 20 miếng một lít rượu làm lễ cáo từ.

Điều thứ 74: Đến 12 giờ trưa hôm ấy lễ Nhập Tịch thì hai giáp mỗi giáp phải sửa 72 phẩm bánh dầy, 12 bát chè kho mật, 72 quả chuối, 1 chai rượu, ba mươi khẩu giầu, một bánh phảo tư văn hương

sắc làm lễ, khi lễ xong thì giầu rượu biếu quan viên 2 hàng, đến ngày hôm sau là ngày 13 còn hai giáp cũng phải sửa lễ như ngày 12 còn tế lễ cũng biện đúng cũng như trên.

Điều thứ 75: Đến 7 giờ sáng ngày 12 dân ra lễ thỉnh sinh thì 4 giáp, mỗi giáp phải cắt hai cụ và mỗi giáp người cán biện mỗi giáp 15 người trung nam để đi phụng sự.... thương đẳng ngay hôm ấy ai phải đi thì người cán biện kể tên giao cho viên thư ký ban Hội đồng đăng lên biển, nếu giáp nào thiếu lý dịch Hội đồng xét thực thì giáp ấy phải phạt 1,00$ sung quĩ.

Điều thứ 76: Đến hai giờ chiều ngày hôm ấy thì quan viên tư văn và hương sắc đã ra ứng tế, cùng những người đã cắt ở trên nghe ba hồi trống phải ra đình rước lên đình thôn Hoè Thị để lễ giao hữu và lễ ấy bốn giáp trưởng phải mua một buồng cau độ 100 quả 1 mâm vàng và hương nến pháo tiền ấy lấy ở quĩ làng.

Điều thứ 77: Hai ngày đám tháng hai thì 4 giáp trưởng phải in oản chuối để đãi về việc công dân như là người hành hương công dân và chức dịch giáp trưởng mỗi người mỗi ngày một phẩm, phường kèn và thủ từ thời 2 ngày đều chỉ có 6 phẩm, tuần phiên mỗi ngày một cỗ nếu trong hai ngày đám mà có xướng ca phụng sự thời đãi cỗ đầu một cỗ.

Điều thứ 78: Bốn người giáp trưởng đến chiều ngày 12 tháng 2 phải sửa mỗi giáp 20 phẩm oản 20 quả chuối đem ra đình để làm cỗ. Khi đi rước giao hiếu về thời 8 cụ quan viên 2 hàng 4 người cán biện 60 người chung nam và chức dịch đương thứ đều quân lục.

Điều thứ 79: Ngày 13 thôn Hoè Thị rước xuống đình thôn nhà lễ giao hiếu, thì bốn giáp trưởng phải sửa giầu cau, chè, thuốc lá cho đủ dùng và 2 bánh pháo để tuần phiên, chức sắc hương lão, lý dịch tiếp đãi người qui thôn.

Điều thứ 80: Còn buồng cau của qui thôn mang lễ khi xong biếu cụ nhất dân, cụ thất thập thủ chỉ, ông chủ tế và khoa trảng chức sắc, chức dịch đương thứ mỗi người một quả còn thời chia làm năm phần quan viên chung đình và giáp.

Điều thứ 81: Ngày mồng ba tháng ba, mùng năm tháng năm, mùng mười tháng mười đều phải sửa oản chuối 18 phẩm, rượu một chai, giầu trăm khẩu, lễ xong hương lão chức sắc kỳ mục chức dịch tân cựu, giáp trưởng đều quán huệ, ba lễ này người thủ từ cấy ruộng phải sửa.

Điều thứ 82: Ngày mồng 10 tháng 3 là lệ trí qui bốn giáp trưởng mua hai con lợn giá 15,00$, giầu 60 khẩu rượu 2 chai, 1 bánh pháo, oản chuối 20 phẩm, xôi 10 cân, vàng hương trầm nến và lại sửa 20 khẩu giầu, 1 lít rượu để làm lễ cáo từ, còn đi lính văn thời giáp trưởng phải đi lính đến mùng 10 háng 7 và mùng 10 tháng Chạp 4 giáp trưởng cũng đều phải sửa như kỳ tháng ba, khi tế xong giầu rượu biếu quan viên 2 hàng, biếu quan viên tư văn một cái.

Điều 83: Ngày 1 tháng 5 là lễ Hạ Điền 4 giáp, phải mua hai con lợn đáng giá 15,00$, xôi mỗi giáp ba cân, rượu 2 chai, giầu 30 khẩu, phảo 2 bánh, oản chuối 20 phẩm, vàng, hương, trầm để lễ văn chỉ, lễ đức tiên nông một lễ, một lễ ở đình lễ xong biếu đãi cũng như kỳ tháng ba.

Điều thứ 84: Về sự khi lúa chín thì giáp trưởng phải gặt về làm gạo lúc được gạo phải sửa hai mâm xôi hai con gà, rượu 2 chai giầu 100 miếng, vàng hương nến trầm và 4 giáp trưởng phải sửa lễ lên chùa lễ Phật, lễ xong đồng dân ăn uống.

Điều thứ 85: Tháng 9 là lễ thường tân đại hạ 4 giáp trưởng sửa lễ và biện đãi cũng như kỳ tháng ba, duy biếu viên thủ chỉ 1 khẩu giầu.

Điều thứ 86: Ngày mồng 7 tháng Chạp giỗ hậu quan xứ, 4 giáp trưởng cũng sửa như ngày 29 tháng Giêng còn biếu đãi cũng như thế.

Điều thứ 87: Dân có 15 cái giỗ hậu ở chùa, 4 giáp trưởng mỗi giáp phải sửa một cân xôi, 12 giầu 4 giáp mua một cái thủ lợn và một cái giò chân lợn, vàng ba trăm rượu 1 be, giầu 20 miếng, lễ xong thần viên hương lão lý dịch, hàng đội, hàng phiên, bát bản giáp trưởng đều thụ phúc.

Điều thứ 88: Ba mươi tết là lễ trừ tịch 4 giáp phải sửa lễ xôi gà cũng như lễ khai hạ, tháng Giêng.

Điều thứ 89: Lễ Giao Thừa 4 người giáp trưởng phải sửa oản chuối 30 phẩm, rượu 1 chai, pháo một bánh, giầu 30 khẩu đến 12 giờ đêm thời lễ, lễ xong biếu quan viên tư văn và chủ tế 4 phẩm và đãi thủ từ 1 phẩm và đãi phường kèn 1 phẩm còn đồng dân quân huệ.

Điều thứ 90: Miếu vũ đại quản sứ là nơi kỷ niệm tiền nhân lễ bái các tiết tứ quí, lệ giáp Đông phải sửa xôi gà và giầu rượu ra lễ đức thần minh.

Điều thứ 91: Từ mùng một tết cho đến 30 tháng Chạp các tiết sự thần và các giỗ hậu 4 giáp trưởng phải sửa, thì đã có ruộng của dân giao cho các giáp trưởng cày cấy sửa lễ không phải lấy tiền công quĩ.

Điều thứ 92: Thường năm cứ đến ngày rằm tháng Chạp 4 người giáp trưởng mới ra tại đình, trình các cụ và lý dịch xem phải mua các thứ dùng gì ở đình như là chiếu, lọng, võng...v.v, nên mua thế nào thì các cụ và lý dịch báo, sẽ vào quĩ lĩnh tiền đi mua và tiền lộ phí dân cấp cho mỗi người mỗi ngày là 0,30$.

Việc khao vọng

Điều thứ 93: Văn võ quan từ tứ phẩm giở lên phải nộp tiền trích lễ khao cho làng là 50,00$, còn lễ thần 1 con lợn, 1 mâm xôi 100 khẩu giầu 10 chai rượu và 5,00$ tiền mũ áo thời được ra đình tế lễ, lễ xong thỉnh dân, còn tiền ấy sung quĩ và dân sửa cái lễ mừng đáng giá 2,00$.

Điều thứ 94: Văn võ quan từ ngũ lục phẩm phải nộp lễ trích khao cho dân là 40,00$, còn người nào đi làm việc các sở hay là đi làm việc quan mà có bằng sắc từ cửu phẩm đến thất phẩm trích khao vọng cho dân là 30,00$, còn lễ thần theo như điều thứ 93 ở trên.

Điều thứ 95: Chánh phó tổng, lý phó trưởng, chánh phó hội, chánh phó hộ lại, trưởng ba và trương tuần ra làm việc làng nộp lễ

trích khao cho dân là 10,00$, giầu 100 khẩu, rượu 1 chai lễ thần xong kính dân và lại còn phải mời khoa trạng chức sắc Hương lão kỳ mục Hội đồng lý dịch và giáp trưởng về nhà ăn uống tuỳ nghi, nhưng dân mừng lại 2,00$ những viên chức nói ở trên ra làm việc làng mà công ơn được bằng sắc, thời chỉ phải nộp thêm 10,00$ và trăm khẩu giầu 1 chai rượu ra lễ thần, xong kính dân còn tiền thời sung quĩ và được ra đình đi tế lễ.

Điều thứ 96: Trong làng cụ nào lên 50 tuổi, đến mồng một tết phải sửa cơi giầu 60 khẩu, 1 chai rượu ra lễ thần lễ xong rồi hương lão chức sắc kỳ mục lý dịch giáp trưởng và chức dịch tân cựu cùng ăn uống cụ nào lên 70 cũng phải sửa như cụ 50.

Điều thứ 97: Hương sắc là người mua vị thứ trung đình phải nộp lệ cho dân là 20,00$ và tiền trích lễ cho dân là 2,00$ và sửa lễ 100 khẩu giầu và 1 chai rượu ra lễ thần xong kính dân.

Điều thứ 99: Trong làng khi nào cho tử tôn vọng tư văn những người vọng ấy mỗi người phải nộp lệ vọng cho dân là 5,00$ và tiền trích lễ 2,00$ và phải sửa một trăm khẩu giầu, 1 chai rượu lễ thần xong kính dân.

Điều thứ 100: Những số tiền khao vọng và các số tiền ai đã trái với những điều hương ước này đã nói ở các khoản ở trên đều phải sung công quĩ có phái lại làm bằng, không thời coi như là chưa nộp và trước khi nộp quĩ phải có giấy thu ngân của viên chánh phó sưu thuế.

Điều thứ 101: Viên chủ tế là người trên đối với thần mình dưới thay mặt làng, trên dụng khoa trạng chức sắc thứ dụng hương lão tư văn lý dịch được vào chủ tế như đã nói ở trên ai không có vị tư văn thời không được vào dự tế.

Điều thứ 102: Người giáp trưởng là người đang cai phải giữ các đồ tự khi tự đầu năm đến cuối năm, hễ bất cẩn thời hội đồng lý dịch phạt người ấy 1,00$ mà thất thoát đâu phải đền đấy.

Nói về vị thứ ngồi ở công đình nghe hát

Điều thứ 103: Gian giữa đình sập trên nhất là chiếu giường hành đọc văn kinh thần không ai được ngồi, còn ở dưới thì chủ tế, điển văn, điển lễ, hương sắc được ngồi dùng chiếu cạp.

Điều thứ 104: Gian bên tả đình thời hương lão, lý dịch, bá hộ, hàm phó lý và giáp trưởng ngồi dùng chiếu cạp.

Điều thứ 105: Gian bên hữu đình thời thân viên chức sắc chánh phó tổng, lý phó trưởng, chánh phó hương hội, chánh hộ lại, trưởng ba, phó hộ lại, tộc biểu đương thứ, hương trưởng tân cựu và tư văn ngồi dùng chiếu cạp.

Nói về vị thứ ngồi ăn uống

Điều thứ 106: Gian bên tả đình hương lão, lý dịch đương thứ và giáp trưởng ngồi.

Điều thứ 107: Gian bên hữu đình thời thân viên chức sắc chánh, phó trưởng, lý phó trưởng, chánh phó hội, chánh hộ lại, trưởng ba, phó hộ lại, kỳ mục chức dịch tân cựu ngồi.

Điều thứ 108: Việc viết văn dùng khoa trảng chức sắc, nếu không có hay đi vắng thì người trong tư văn có học thức phải viết.

Điều thứ 109: Trong làng ai có sửa lễ thần như các điều đã nói ở trên thì lý phó trưởng sai tịch nhân đi lưu biệt kính cụ, nhất dân và cụ thủ chỉ mỗi cụ một khẩu giầu, còn thì biếu khoa trảng chức sắc hương lão kỳ mục chức dịch tân cựu, giáp biểu đương thứ mỗi viên một khẩu giầu, còn chai rượu thì đãi lý phó trưởng đương thứ.

Điều thứ 110: Kể từ ngày khoán ước này, các điều khoán ước gì trái với Hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 111: Trong làng ai trái với những khoản ước này, hội đồng lý dịch tuỳ tình nặng nhẹ mà phạt từ 0,50$ đến 1,00$, bằng không chịu phạt thì không được dự đình trung tế lễ ăn uống tự sáu tháng đến một năm.

Điều thứ 112: Đệ niên khi làng có việc lễ thần thời thơ ký phải đem hương ước này đọc cho dân làng cùng nghe.

Điều thứ 113: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho thôn Thị Cấm, thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 114: Quyển hương ước này làm thành bốn quyển và một quyển chữ Nho, phải có chữ những người giáp biểu và cả người trong làng ký, có chữ quan sở tại phê có chữ quan tổng đốc và quan công sứ duyệt y cho, làm thành 5 quyển, quyển thứ nhất ở dinh quan tổng đốc, quyển thứ nhì ở toà án, quyển thứ ba lưu chiểu ở nhà quan sở tại, còn 2 quyển một quyển chữ Nho và một quyển Quốc ngữ thời ở làng giữ.

Làm tại Thị Cấm ngày 20 tháng Giêng năm Bảo Đại thứ mười một (Tây lịch ngày 12 tháng 2 năm 1936, đồng dân lý dịch sưu thuế ký kết sau khi đã nghe đọc những khoản ước ở trên.

Nay lập hương ước đồng dân thoả thuận cải lương hương ước ký kết.

Theo điều 69 ở trên về việc nhà sư phải sửa 15 cỗ chay, song từ khi nhà nước khai con sông Nhuệ giang đào mất ruộng nên hội đồng đã lập biên bản bỏ 15 cỗ chay ấy đi, chỉ còn sửa có 100 phẩm oản chuối và giầu rượu.

Đồng dân thoả thuận ký kết, ba mươi tám người.

Thừa sao y như bản chính.

Thị Cấm ngày mồng hai tháng bảy năm Bảo Đại thứ mười bẩy (tức ngày 13 Aout 1942)

Le thư ký

Nguyễn Viết Thọ

HƯƠNG ƯỚC LÀNG YÊN NỘI

Tổng Hạ Trì, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có minh văn hoặc có minh văn, mà không hợp thời thế. Bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở xưa. Điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị
Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ hợp lại thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt, để mà trông coi, gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Theo số người trong họ mà cử tộc biểu, họ nhớn cử 2 hay 3 người, họ nhỏ cử 1 người họ nhỏ quá chỉ vài ba suất, thời 2, 3 họ cử chung nhau một người.

Điều thứ 3: Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên, thông thái có gia sản, không can án phạt giam, tộc biểu giữ việc 3 năm là một hạn.

Điều thứ 4: Hết hạn 3 năm cử lại một lần ai được tái cử thời lại được làm nữa, những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch,

như là đắp đê canh phòng, tu bổ đường sá, cầu cống... khi hết hạn 3 năm, chiếu lệ khao vọng, dân cho ngôi kỳ mục.

Điều thứ 5: Chức phận tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng, dưng sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6: Tộc biểu tự chọn một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội trưởng. Khi có hội đồng do hội trưởng báo cáo, nếu hội trưởng có phương trở việc gì, thời phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu 2 người trong ban, một người thông hiểu thư toán làm thư ký, để biên sổ và một người giàu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không thể bầu được người làm thủ quĩ, thời hội đồng chọn người làng mà bầu, người được bầu làm thủ qũy ấy được quyền dự hội đồng.

Điều thứ 9: Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường còn thời mỗi tháng cứ ngày mồng một ngày 15, hội đồng một lần, để bàn việc làng, ai say rượu thời cấm không được dự.

Điều thứ 10: Được quá nửa số người trong ban dự hội thời có thể bàn được việc, bàn xong thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy cuộc tửu phiếm, mỗi kỳ hội đồng chỉ lấy 0,20$ tiền công chi giầu nước mà thôi.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì phải lập thành biên bản, tờ biên bản ấy, phải có chữ ký của những người hội viên hiện tại và phải bỏ công hòm để lưu chiểu.

Điều thứ 12: Người tộc biểu nào mắc bận không đến hội được phải có lời cáo để hội đồng biết, nếu ai không duyên cớ đích thực, mà tự bỏ đến hai lần thời hội đồng phải bắt họ ấy cắt người khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc hội đồng, nếu trong làng có ai theo lễ phép mà hỏi điều gì thời hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc hội đồng bàn, được qúa nửa số người ý hợp mới được thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu kín

nhưng một phiếu của hội trưởng được kể thành hai, dùng cách bỏ phiếu kín hay dùng cách giơ tay cũng vậy, phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước, rồi dần dần đến tộc biểu họ to nhất là cuối cùng.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan toà án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng, thời hội đồng tự chọn trong ban nhiều là hai người đi với lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những việc quan hệ mà quyền lợi chung cả làng, thời 2 người tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng, tất được mỗi người ý hợp, rồi sẽ trình quan sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà phải đi xuống phủ, thời làng chi lộ phí mỗi người mỗi một ngày 0,20$, xuống tỉnh 0,40$.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước, hoặc cả hội đồng, hoặc một họ nào trong làng giác ra, thời chức sắc, kỳ lão trong làng họp hội đồng mà xét xử, hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền của trách hay phạt tiền từ 1 đồng cho đến 10,00$ bạc, hay là không cho dự hội đồng nữa, người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3, hay là làm tổn hại quyền lợi của làng, thời hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy, nếu hội đồng xử không xong hay người tộc biểu có lỗi không phục tình, thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực, để khỏi tổn dân, thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ ngày mồng một tháng một Tây, các tộc biểu hội đồng dự toán sang năm thu những tiền gì, tiêu những việc

gì, rồi làm thành sổ, cả hội đồng ký kết, trình quan sở tại kiểm xét, đệ trình bẩm duyệt, đến mồng một tháng Giêng Tây mới được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng do trưởng hội giữ, trưởng hội được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã dự định ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận được tiền ai nộp, thời phải biên ngay vào sau sổ răng cưa, và xé một nửa giao cho người nộp tiền, làm biên lai. Tiền nộp ấy thuộc về khoản gì thì thư ký phải chiểu vào sổ chi thu, ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền mà không có thủ quĩ, biên lai thì tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì, thì ngay ngày hôm ấy, thì thư ký phải biên vào sổ chi thu ở chương đã để dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu bất thường, các tộc biểu phải mời hội đồng làm biên bản, nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải đính ngay vào sổ chi thu.

Những khoản chi tiêu bất thường, quá số 20,00$ thì những tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước đã, rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra, mà không có chữ hội trưởng thì không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ cũng phải bắt người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phải lai, xé ở sổ răng cưa ra và có chua chữ ký trưởng hội, cùng thư ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy.

Cứ cuối tháng hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm một tờ biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thì hội đồng soạn sổ, xem số tiền thực thu vào là bao nhiêu, tiền chi ra là bao nhiêu, tiền còn lại là bao nhiêu,

yết thị tại đình, ít ra là một tháng, để đồng dân đều biết, hễ không yết thị, thì phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự định và phải cho rất tiết kiệm, để cho số tiền công còn thì làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29: Món tiền lưu hạ ấy, làng dùng làm việc lợi, hay là để chi tiêu bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thì lấy lãi nhẹ mà thôi, những người vay phải đem điền sản làm tin, nếu không cầm thì không cho vay.

Điều thứ 31: Những điền sản cầm cố, giá đáng mười phần chỉ cầm được ba phần.

Điều thứ 32: Hội đồng định cho ai vay, phải làm biên bản và báo người vay tiền phải viết văn tự. Văn tự ấy phải trước bạ, biên bản giao hội trưởng giữ, mà văn tự thì giao thủ quĩ giữ, thủ quĩ, sẽ chiểu trong văn tự mà giao cho người vay.

Ai vay tiền công hễ đến hạn thì giả cả gốc và lãi, chứ không được viết lãi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay tiền công, không được quá một năm.

Điều thứ 33: Nếu số tiền có ít, mà người vay nhiều, vả lại số điền sản của người vay ấy đem cầm đều bằng nhau, thì hội đồng phải bỏ thăm ai bắt được thăm thì cho vay.

Điều thứ 34: Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu phải làm hết bổn phận, vậy nên cấm những người có chân hội đồng và vợ con những người ấy không được vay tiền công của làng.

Điều thứ 35: Làng trích tiền công phụ cấp cho trưởng hội, thủ quĩ, thư ký đồng niên, mỗi người 2,00$.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36: Lý phó trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý phó trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng. Hội đồng trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 38, 39, 40, 41, 42, 43: (mờ không đọc được)

Điều thứ 44: Khi đã bổ xong, lý trưởng hiệp gửi tộc biểu hành thu còn đệ nạp thời chuyên chách ở lý trưởng hễ ai đã nộp sưu thuế, lý trưởng phải biên lai cho rành, giao cho người nộp tiền ngay.

Điều thứ 45: Làng không bổ tiền ngoại phi cho lý phó trưởng nữa vì làng đã cấp tiền có lệ nhất định.

Điều thứ 46: Những người thiếu sưu thuế, lý trưởng phải trình hội đồng, hội đồng không xong sẽ lên trình quan xét xử, hết bao nhiêu tổn phí, trách cứ người bỏ thiếu thuế phải bồi.

Điều thứ 47: Ngày họp bổ thuế, không được bày ra ăn uống, để làng phải gánh nặng thêm, chỉ trích lấy 0,50$ (...) để chi giấu nước mà thôi.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 49: Hội trưởng tiếp ai trình, thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hoà giải cho vơi, nếu hoà giải xong, thời theo kiểu trong luật làm hoà giải chứng thư, giao lý trưởng trình quan sở tại biên sổ.

Điều thứ 50: Việc hoà giải không xong. Hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án, thì người thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 51: Những việc lĩnh án dù không có thể hoà giải được những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 52: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan, chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 53: Trong làng ai đi kiện vu cho ai việc gì. Quan xét ra quả thực là vu cáo, thời phí tổn bao nhiêu cứ người vu cáo phải chịu, lại cấm không được dự đình trung tế tự một năm.

Canh trong làng

Điều thứ 54: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung của làng, thời hết thảy người làng từ 18 tuổi cho đến 50 tuổi, đều phải chịu trách nhiệm trừ ra những người chức sắc khoa mục, người hiện làm việc các sở, người đang đi học các trường, người chưa đến tuổi và người có tật bệnh, người nào phải phiên canh mà đi vắng, thời có thể nhờ bà con, hoặc bạn hữu canh thay cho, nếu người nào thiếu thời phạt 10,00$ sung công.

Điều thứ 55: Làng cắt ba người trương tuần và 4 người tuần để canh phòng cả năm ở trong làng và đồng điền ở nội đê, 3 người trương tuần này là những người hữu điền, cứ làm hết hạn một năm thời lại cắt người khác. Khi trong làng có cướp bóc thời tất cả những người trai cường tráng trong làng nghe động hiệu, thời phải ra cứu ứng ngay.

Điều thứ 56: Những khí giới để canh, của ai người ấy phải sắm, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công mà sắm cho, nhưng hết hạn lại phải giao giả lại làng.

Điều thứ 57: Làng dựng một điếm ở giữa làng và một điếm ở ngoài đê, phí tổn bao nhiêu, thời làng trích tiền công để trừ.

Điều thứ 58: Người trương tuần đốc canh, cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban canh ra điếm, ai có phương trở phải mượn người thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu, mỗi lần hội đồng phạt 0,20$, lần thứ ba thời hội đồng chiểu khoản không theo hương ước mà bắt phạt.

Điều thứ 59: Ban canh thường xóm phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 60: Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng cho 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng cho 10,00$.

Điều thứ 61: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng nhà nào mất trộm cướp, mà tuần không bắt được đứa phạm thời phải chiểu vật giá mất mà đền cho sự chủ, như khi cướp bóc, mà tuần đã hết sức kháng cự cũng không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 62: Lý trưởng phó lý thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không thẻ tuỳ thân và căn cước đáng ngờ, thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 63: Làng cắt 8 người tuần và 2 người trương tuần, thời hai năm một khoá, để trông coi ruộng châu thổ ở ngoài đê và sứng giọt.

Điều thứ 64: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo, thời không được làm.

Điều thứ 65: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp hội đồng và lý phó trưởng.

Điều thứ 66: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm huỷ tổn, phải tường hội đồng xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,60$.

Điều thứ 67: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước những khi nên giữ nên thảo, phải hỏi ý kiến hội đồng, không được tự quyết.

Điều thứ 68: Những người nào thảo nước bắt cá, làm ruộng bị cạn, thì tuần phải bắt ngay, giải hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hội đồng phạt tuần cũng như người phạm.

Điều thứ 69: Lúa má hoa mầu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu phải chiểu vật giá mà đền cho phải.

Điều thứ 70: Làng cấp tiền canh cho tuần, không kể nội canh hay phụ canh, đồng niên mỗi mẫu 0,40$, tiền ấy chia làm hai thứ, một thứ tháng năm, một thứ tháng mười, tiền ấy sẽ thế cho lúa sương

mà ngày trước tuần vẫn được thu. Từ giờ về sau, cứ đến vụ cắt, thời các điền chủ phải đem nộp ngay tiền lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 71: Nóc nhà và trâu bò, mỗi năm đóng hạ gia tiền hai lần, mỗi lần trâu 0,15 $, bò 0,10$, nóc nhà thì nhà gạch 0,20$, nhà gỗ 0,10$, nhà tre 0,06$, còn nhà bé quá thời miễn thu, những tiền ấy các chủ có nóc nhà có trâu bò, hễ thấy mõ rao, phải đem nộp ngay cho hội đồng để làng chi lương cho tuần, nhược bằng quá kỳ không nộp thời thu bội lên gấp hai.

Điều thứ 72: Trong làng ai đi đêm, thời từ 10 giờ đêm cho đến 5 giờ sáng phải có đèn đuốc, nếu ai đi không cho là người gian, thời tuần phải bắt ngay lúc ấy, đem trình hội trưởng chứ không được vì nể mà tha, đến sáng mai đem ra công sở để hội đồng phạt người ấy 3,00$, nhược tuần dung túng không bắt, thời phạt tuần cũng như người phạm.

Điều thứ 73: Trong làng những chỗ phên rào trúc luỹ, không cứ của chung hay của riêng, cấm không được kiếm củi bẻ măng, chém cây đẵn cành, nếu ai phạm tuần bắt được thực tang hội đồng phạt 1,00$ sung công.

Điều thứ 74: Những nơi thần từ Phật tự là chốn tôn nghiêm, cấm không được chăn trâu bò và những người huyên hoa du hí vào chốn ấy, nếu không tuân hội đồng phạt người có trâu bò mỗi con 0,30$ sung công, còn đứa bẻ củi và người huyên hoa du hí, thì cũng phạt như thế.

Điều thứ 75: Cuối năm tháng một, tháng Chạp, là tháng tối giữ việc canh phòng lại càng gia cẩn lắm, hễ đến tháng ấy, mỗi ngõ phải làm thêm một điếm, người làng từ 18 tuổi cho đến 50 tuổi, hết thảy phải ra canh, nếu bỏ thiếu thời hội đồng phạt, đã nói ở điều 54, còn như việc làm điếm ngõ nào ngõ ấy phải chịu, không được lấy tiền công quĩ.

Điều thứ 76: Hai người trương tuần đốc canh ở đê bao, làm việc hai năm, đều được chu thoả, nếu khao vọng theo như trong lệ, thời

dân cho vì thứ cũng như hương trưởng, nếu không làm hết bổn phận, thời phải bãi ngạch, đã bãi dịch thời mất ngôi hương trưởng.

Sự cứu ứng

Điều thứ 77: Gặp lúc cần cấp, như là nước to đê sạt, hoặc lửa cháy nhà nào, hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,60$.

Điều thứ 78: Ai vì sự cứu cấp mà bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết, làng cấp tiền tuất cho 20 $00 đồng và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 79: Muốn cho người làng mạnh khoẻ, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là giữ bệnh.

Điều thứ 80: Hội đồng thường hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 81: Cấm không ai được vất súc vật chết ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 82: Các giếng nước ăn, phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về việc sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 83: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, xin thày thuốc chữa.

Điều thứ 84: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế, không được vì nể, mà để ở trong làng.

Điều thứ 85: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm ấy, làng phạt 0,30$, lại cấm không được làm chuồng lợn, tiêu ở cạnh hồ ao, hay là những chỗ dơ bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá cầu cống, đê điều

Điều thứ 86: Làng cử hai người trương tuần và tám người tuần để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi nào hư hỏng, phải trình hội đồng sửa lại.

Như việc đê bãi, thời tuần chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê phải giữ những nơi hư hỏng, lại phải giữ gìn lúc nào cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời trương tuần phải tường hội đồng để trình quan.

Điều thứ 87: Các đường chung của làng, thời làng chia nhân suất mà sửa, các đường riêng từng xóm, thì xóm nào xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 88: Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá cầu cống, chung của làng, thì phải bồi thường và phải phạt từ 0.20$ đến 1,00$.

Điều thứ 89: Ai cần thảo nước qua đường, trước phải trình hội đồng biết, thảo xong phải đắp lại như cũ.

Sự vệ nông

Điều thứ 90: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước, cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 91: Cấm không ai được phạt cỏ bờ ruộng mà không đắp lại, để bờ lở dần đi, ai phạm hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 92: Cấm không ai được đắp đất qua ngòi mà bắt cả khiến nước không thông, ai phạm hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 93: Cấm chăn trâu, bò bờ ruộng, khi lúa đã tốt, ai phạm hội đồng phạt 0,30$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta, thì phải đền nữa.

Điều thứ 94: Cấm không được thả lợn gà, vịt ngỗng nhiều ngoài đồng, khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hội đồng phạt mỗi con lợn 0,20$, gà, vịt, ngỗng mỗi con 0,10$, nếu phá hại lúa má của người ta, thì phải đền nữa.

Điều thứ 95: Khi nước to phải canh hộ, thời lý dịch bắt tráng đi, phải chiếu thu điền chủ lấy gạo cấp cho tráng, mỗi người mỗi ngày hai bát, không được hơn.

Các của công

Điều thứ 96: Đã gọi là của công làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại, thời phải bồi thường.

Điều thứ 97: Khi làng có bán động sản, hay bất động sản, thì hội đồng phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 98: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 99: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và gá bạc lấy hổ, thời hội đồng phải khám xét luôn trong làng, để trừ gian lậu.

Điều thứ 100: Ai có ý phạm cấm, hội đồng không thể khuyên ngăn được, thì hội đồng bảo lý trưởng và bắt tang vật làm biên bản giao lý trưởng để giải quan trừng trị.

Điều thứ 101: Những người phạm ấy, mà quan đã chiểu luật trị tội rồi, nhưng làm mất phong thể trong làng thì hội đồng phạt không được dự đình trung, tế tự một năm.

Điều thứ 102: Trong làng nhà nào gá bạc và người đánh bạc để tuần tráng, lý dịch bắt được quả tang, đem trình hội đồng thì phạt mỗi người lấy hổ 3,00$. Còn người đánh bạc phạt 2,00$ bạc, nhà nào và người nào lần trước phạm cấm, hội đồng đã phạt, mà lần sau không chừa, thì lý dịch phải giải quan trừng trị.

Điều thứ 103: Trong làng nhà nào gá bạc và người đánh bạc hễ lý dịch, tuần tráng bắt quả tang đem trình hội đồng thì phạt mỗi người lấy hổ 3,00$, nhà nào và người nào lần trước phạm cấm. hội đồng đã phạt, mà lần sau không chừa, thì lý dịch phải giải quan trừng trị.

Sự giao tiếp

Điều thứ 103: Theo thói quen khi trước có quan khách đến làng chí lý phó trưởng đương thứ ra tiếp ứng, nếu đi vắng, thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người hội đồng.

Điều thứ 104: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo ngay những người có chân hội đồng.

Điều thứ 105: Các người hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp sở công. Nếu các quan muốn khám xét nhà nào, thì hội đồng dẫn khám khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thì hội đồng phải giữ gìn cho được ổn thoả.

Khi ở trong địa giới làng, có người ốm đau hay bị tai nạn hội đồng nghe tin báo, phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu giúp ngay.

Điều thứ 106: Làng là hợp nhiều gia tộc mà thành làng, trong gia đình mọi nhà cha con anh em vợ chồng cư xử phải có luân lý, không được hỗn độn, thời phong hoá trong một làng mới hay, nếu nhà nào lục đục, con trẻ cãi giả cha mẹ, em mắng anh, vợ chửi chồng, cùng là sự dâm ô gian đạo, làm mất phong hoá của làng, thời hội đồng bắt khoán người phạm ấy 1,00$ sung công, lần thứ hai, thời phạt gấp đôi, lần thứ ba, thời hương đảng bát sỉ.

Sự giáo dục

Điều thứ 107: Dạy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai được từ, khi nào làng nhiều tiền công sẽ dựng một trường... học và trả lương thày giáo.

Điều thứ 108: Khi làng có trường học, thời trẻ con trong làng đủ 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 109: Làng trích tiền công mua bút giấy, cấp cho con nhà nghèo, nhưng hội đồng phải xét thực không thể mua được thời mới cấp cho.

Việc ngụ cư ký tảng

Điều thứ 110: Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng, ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 111: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn như người đã có gia sản ở làng, thời phải chịu nhận canh phòng mấy làng, nếu không muốn đi canh thì phải nộp mỗi năm hai thứ, mỗi thứ 1,00$ để sung công, mới được trừ canh phòng tạp dịch.

Điều thứ 112: Người nào có thê hương mà muốn đóng góp vào làng, thì làng lấy 3,00$ sung công và phải một trăm giầu, một chai rượu, lễ thần trình dân, còn như người ngụ cư muốn đóng góp vào làng, thời phải nộp 6,00$ và một trăm giầu một chai rượu, lễ thần trình dân, giầu rượu đồng dân quân huệ, tiền thời bỏ vào công quĩ.

Điều thứ 113: Ai ký tảng ở đồng điền của làng, ai mua đất của ai nhưng cũng phải trình hội đồng biết vào nộp tiền kiểm cố cho làng, người giàu có thì phải 10,00$ sung công, một chai rượu, một trăm giầu, người trung thường phải nộp 5,00$, còn giầu rượu cũng thế.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 114: Làng có công điền 2 mẫu 5 sào, công thổ 7 mẫu 1 sào, cứ đệ niên đến tháng 1 đấu giá bán mẫu, được bao nhiêu tiền bỏ vào công quĩ.

Hôn lễ

Điều thứ 115: Trong làng ai có con gái gả chồng ngoại quán, nhà giầu có phải nộp lan nhai 5,00$, nhà nghèo lấy 3,00$, còn cưới cho người trong làng thì lấy 1,00$ và đều phải sửa xôi gỏi, một chai rượu một trăm giầu, lễ thần trình dân, lễ xong, lý dịch chiếu nhận kính biếu thủ chỉ một miếng mà nhiều lệ hội lão mỗi bàn một cỗ, còn thì lý dịch thôn trưởng thừa huệ tiền bỏ vào công quĩ.

Tang lễ

Điều thứ 116: Tang là sự buồn đau, đến nhà người ta theo thói quen đặt tiệc mời khách, thực là trái nhẽ nay làng bỏ thói tệ ấy.

Điều thứ 117: Tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc hộ lễ thì cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang, không được theo tục cũ mà mời kỳ mục.

(...)

Điều thứ 119: Trước khi chưa táng, dân làng đến viếng, chỉ dụng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 120: Đến ngày an táng, tang chủ ở giáp nào thì mời người giáp ấy hộ táng, nghĩa là khiêng quan tài và mang các đồ tang nghi.

Điều thứ 121: Hàng giáp đưa ma, là giả nghĩa lẫn nhau chính bổn phận mình phải làm, trừ những người vắng nhà, còn thì phải đi tất cả.

Điều thứ 122: Tang chủ cũng được báo cho dân làng được biết ngày an táng, để ai nhớ tình hương đẳng thì đi đưa ma, nhưng báo hay không thời tuỳ ý tang chủ.

Điều thứ 123: Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy. Khi an táng xong, thì chào tang chủ ngay ở ngoài mộ địa, rồi đâu về đấy, không nên vào nhà tang chủ ăn uống.

Điều thứ 124: Tang chủ cũng nên tạ ơn hàng giáp hay người đi đưa ngay ở ngoài mộ địa, không được mời khách về nhà.

Điều thứ 125: Tang chủ muốn để danh dự cho người chết mà gửi một món tiền kỷ niệm làm của công làng, làng thời cũng nhận món tiền ấy nhiều ít tuỳ ý tang chủ, chứ làng không bắt buộc ai cũng đều phải.

Điều thứ 126: Làng sẽ làm một quyển sổ, để biên những món tiền kỷ niệm ấy lưu chiểu về sau.

Điều thứ 127: Làng chỉ đem những món tiền ấy làm những việc ích lợi chung của làng.

Tế tự

Điều thứ 128: Khi làng có việc Kỳ Phúc là sư tôn kính hoặc lúc nghênh, hoặc lúc tế, trong làng từ quan viên đến sắc mục, giáp lão, ai không tang trở gì, đều phải nhất tề chỉnh đốn áo mũ ra đình ứng tế nếu ai phương trở phải có nhời cáo, hễ đến lúc tế, thời những người có chân dự tế, bỏ thiếu không có nhời cáo mấy dân, thời phạt 0.30$ sung công, còn như tử giáp nghe hiệu chiêng phải đứng áp hàng cho nghiêm chỉnh, nhược bằng ai thiếu, thời cũng phạt như thế.

Điều thứ 129: Trong làng chia làm bốn giáp (nguyên làng có 6 giáp, giáp Đông Chính, giáp Đông Trung, giáp Đoài, giáp Nam, Bắc Hoà, Bắc Thuận, nhưng Đông Trung Đông Chính, thuộc là một giáp, Bắc Hoà Bắc Thành thuộc là một giáp) mỗi giáp đương cai một năm, ai đến lượt đương cai thời phải giữ đồ tế khí sự thần của đồng dân phải cho cẩn thận, nếu sơ suất thì người đương cai giáp nào, cứ giáp ấy phải đền.

Điều thứ 130: Tháng Giêng ngày Nguyên Đán, bốn giáp, mỗi giáp sửa một con gà, năm đấu gạo xôi, một chai rượu, mười khẩu giầu, ngày mồng hai giáp nhất, giáp nhì, ngày mồng ba giáp ba giáp tư, giáp nào sửa lễ miếu thì lại phải làm một cỗ chay oản quản, giá 0,30$, còn như lễ xôi gà trong hai ngày ấy, thì cũng như lễ ngày mồng một, mỗi lễ giá 0,40$, tiền ấy giáp đã có ruộng công, mỗi giáp một sào, làm lễ cứ tuỳ tiền biện lễ, không được bổ liễm, lễ xong, giáp nào giáp ấy thừa huệ.

Điều thứ 131: Tháng Giêng ngày mồng 8, có lệ canh chay chùa, mỗi giáp làm một cỗ chay (bánh vừng, bánh nổ, chè, oản, hoa quả) lễ ấy mỗi giáp đã có ruộng công một sào để làm lễ không phải bổ liễm, lễ xong thôn trưởng thu mỗi giáp một góc cỗ, chi đãi giáp đương cai một góc cỗ, thày chùa một góc cỗ, còn hai góc nữa lý dịch và thôn trưởng chia nhau quân huệ.

Điều thứ 132: Tháng hai ngày 11 có lệ mã thờ ở đình, đã có ruộng công một mẫu hai sào, giao cho người nhận canh, cứ đến ngày

ấy, thời phải bỏ ra 8 đồng giao lý dịch thôn trưởng mua mã, lại mua một con gà, mười đấu gạo xôi, một chai rượu, một trăm khẩu giấu, đem ra đình lễ mã, lễ xong đồng dân quân huệ.

Điều thứ 133: Tháng hai ngày 12 lễ nghinh tế, bốn giáp chung nhau biện một con lợn và mỗi giáp mười đấu gạo xôi, một chai rượu nhớn, hai mươi bốn khẩu giấu, tiền lợn thì đã lấy vào ruộng công của các giáp, tế xong lý dịch thôn trưởng chiểu thu thủ lợn và cổ lợn và mỗi giáp hai đấu gạo xôi, một lào con rượu, thôn trưởng mỗi người mười khẩu giấu, biếu bên hàng hương viên, một cái thủ lợn, năm đấu gạo xôi, năm lào rượu, tám mươi khẩu giấu, biếu bên hàng hội lão một cái cổ lợn, ba đấu gạo xôi, ba lào rượu, ba mươi khẩu giấu, còn thời các giáp chia nhau quân huệ.

Điều thứ 134: Tháng hai ngày 14 lễ đại tế ở đình, mỗi giáp làm một cỗ bánh (bánh dầy, bánh cuốn) một cỗ cả và một con lợn một mâm xôi, 2 chai rượu, 24 khẩu giấu, lễ ấy các giáp đã có ruộng ai đã sửa lễ, không phải bổ liễm gì, nhưng trong tiệc ấy cũng có giáp biện lợn, giáp biện thủ, bởi vì ruộng các giáp có giáp nhiều giáp ít. Cho nên tuỳ tiền mà biện không cứ nhất tề, lễ xong lý dịch và thôn trưởng chiểu theo bốn giáp mỗi giáp một cái thủ lợn, hai đấu gạo xôi, hai lào rượu, thôn trưởng mỗi người 10 khẩu giấu để làm phần biếu và làm cỗ. Các hương hội lão, ai dự tế thì ăn uống ở đình, còn thì giáp nào giáp ấy đem về quân huệ.

Điều thứ 135: Tháng hai tư văn hội lão xuân tế ở văn chỉ làng, đã có ruộng công 3 mẫu 4 sào, bán mẫu lấy tiền bổ quĩ, hễ đến ngay lệ thì lấy tiền công mà làm lễ ấy, giá đáng 30,00$ lễ xong, hội lão kính biếu những ông 70 tuổi giở lên chung một cái cổ lợn và 3 đấu gạo xôi, nếu có một ông 70 tuổi thì cũng biếu như thế, tư văn thì biếu những người có chân nhiêu lễ ngồi bàn mà thôi, còn thừa hội lão tư văn quân huệ.

Điều thứ 136: Tháng Tư ngày mồng 2 có lệ xuống đồng mà cứ mỗi giáp một con gà, năm đấu gạo xôi, một chai con rượu, mười khẩu

giầu, giá 0,40$, lễ ấy mỗi giáp đã có ruộng công để làm, không phải bổ liễm gì, lễ xong của giáp nào giáp ấy thừa huệ, còn như lễ Thượng Điền Ha Điền thì lễ phẩm cũng biện như lễ xuống đồng.

Điều thứ 137: Tháng năm ngày mồng 5 lễ Đoan Ngọ, mỗi giáp lấy tiền công 0,20$, giao lý dịch thôn trưởng sửa lễ gà, xôi, giầu rượu, chỉ cứ tăng tiền mà biện lễ, không phải phụ thêm, lễ xong lý dịch thôn trưởng thừa huệ.

Điều thứ 138: Tháng bảy ngày 16, lễ Trung Nguyên ở đình, bốn giáp, mỗi giáp một con gà, năm đấu gạo xôi, một chai con rượu, mười khẩu giầu, giá đáng 0,70$, tiền ấy bốn giáp đã có ruộng công, không phải bổ liễm gì, lễ xong giáp nào giáp ấy thừa huệ.

Điều thứ 139: Các kỳ hậu bốn giáp, mỗi giáp biện một con gà, năm đấu gạo xôi, một chai con rượu, 500 vàng, mỗi lễ giá 0,70$, tiền ấy quân bổ bốn giáp đều đóng.

Điều thứ 140: Tháng tám ngày mồng 3, có kỵ đức chúa ở trên miếu. Mỗi giáp làm một cỗ chay, (bánh vừng, bánh nổ, hương hoa quả phẩm) giáp giá 5,00$ và lại làm một con lợn chung cả bốn giáp, giá 5,00$, mỗi giáp mười đấu gạo xôi, một chai rượu, tiền ấy các giáp đã có ruộng công không phải bổ thêm gì, lễ xong lý dịch và thôn trưởng chiếu thu thủ lợn, cổ lợn xôi giầu rượu, kính biếu những hương viên dự tế và hội lão, y như lệ ngày 12 tháng hai, còn thời chia về các giáp quân hưởng.

Điều thứ 141: Tháng tám ngày Trung thu, bốn giáp sửa chung một con lợn, xôi mỗi giáp 5 đấu, rượu mỗi giáp một chai, giầu cau thôn trưởng mỗi người 10 khẩu, tất cả giá 7,00$, tiền ấy quân bổ về các giáp cũng đáng, lễ xong lý dịch thôn trưởng chiếu thu thủ lợn biếu bên hàng hương viên, cổ lợn biếu bên hàng hội lão và xôi giầu rượu để chia biếu y như lệ ngày 12 tháng hai.

Điều thứ 142: Tháng chín, hoặc tháng mười lễ Thường Tân, bốn giáp biện chung một con bò, xôi mỗi giáp 10 đấu, rượu mỗi giáp 2 chai, giầu thời thôn trưởng mỗi người mười khẩu, tất cả giá 30,00$,

tiền ấy đã có 3 mẫu ruộng công dân, giao giáp nhất đương cai nhân canh để mua hộ, lễ xong rồi các giáp cân lấy 2 tạ bốn yến An Nam, thịt bò còn thừa giao giả lại giáp đương cai ấy, nếu thịt thiếu thì phạt mỗi yến 2,00$ sung công, tế xong lý dịch và thôn trưởng chiểu thu biếu bên hàng hương biểu, một cái thủ bò, biếu bên hàng hội lão một cái cổ bò và xôi giầu rượu để biếu cũng như lệ ngày 14 tháng hai, còn thời giáp nào, chiểu nhân số giáp ấy quân huê.

Điều thứ 143: Tháng mười ngày mồng 10, lễ Trùng Thập ở đình lễ phẩm thời y như tiết tam ngũ.

Điều thứ 144: Tháng 11 ngày mồng 5 lễ các quan bộ hạ mỗi giáp 2 con gà, 10 đấu gạo xôi, 2 chai con rượu 20 khẩu giầu, lễ ấy giá 1,50$, đã có ruộng công trong các giáp, lễ xong giáp nào giáp ấy thừa huê.

Điều thứ 145: Tháng Chạp ngày mồng 2 lệ tế chạp, mỗi giáp một con lợn, 10 đấu gạo xôi, 2 chai rượu, giầu thì hàng thôn mỗi người 10 khẩu, lễ ấy giá 7,00$, đã có ruộng công các giáp lễ xong giáp nào giáp ấy thừa huê.

Điều thứ 146: Tháng Chạp ngày 30 các giáp lấy 0,20$ tiền công, giao lý trưởng thôn trưởng biện lễ Giao Thừa đến 12 giờ đêm hôm ấy thì lễ, lễ xong lý dịch thôn trưởng thừa huê.

Điều thứ 147: Đệ niên tháng 2, tháng 8, lệ sự thần ở đình, nếu hôm ấy có hát thờ, thời tiền chi lấy ở công quĩ.

Điều thứ 148: Những số ruộng công của các giáp để cung biện về việc tế tự.

Các tiết quanh năm ở sau này:

Giáp Đoài 3 mẫu 6 sào, giáp Bắc Thuận 2 mẫu, giáp Bắc Hòa 1 mẫu 9 sào, giáp Đông Chính 1 mẫu 1 sào, giáp Nam 1 mẫu 1 sào, giáp Đông Trung 1 mẫu.

Điều thứ 149: Nói về việc chủ tế, bồi tế, tư văn, đọc văn:

Tháng 2 ngày 12, ngày 14 tháng 8, ngày mồng hai, ngày 15 và tiết thường tân trong năm kỳ tế ấy, thời những ông khoa mục, phẩm

hàm là người thủ chỉ vào túc tế, hai người hương lão nhiều tuổi hơn vào bồi tế, nếu người trên có phương trở hay là suy nhượng thời đến lượt người thứ hai, người thứ hai có phương trở hay là suy nhượng, thời đến lượt người thứ ba cứ chiểu theo phẩm hàm hay là vị thứ cao hơn mà cắt cử, còn các tiết khiết chỉ làm lễ thập bái thời lý trưởng đương thứ hay là phó lý vào làm lễ cáo, việc tả văn thời cử khoa mục, chức sắc về hàng văn giai mới được tả văn, nếu trong làng ít hạng người ấy thời dân cử người có chân hương viên mà thông thái biết chữ và biết viết được quyển tả văn, trong lòng văn tế chỉ được viết tên nội xã hương viên, hương lão lý dịch binh đinh đồng xã thượng hạ đẳng mà thôi, chứ không được viết tên cho khán phiến.

Việc đọc văn thời dân cử những người có chân hương viên thông thái biết chữ vào đọc văn như là nhất nhì trường thí sinh khoá sinh v.v...

Điều thứ 150: Nói về việc biếu đãi và phân chia, những kỳ tế tháng hai ngày 12 ngày 14 tháng tám, ngày mồng 2 ngày 15 và tiết Thường Tân, trong 5 tiệc lễ ấy thời biếu chủ tế một miếng thịt thục tựa đáng nửa cân, tả văn một miếng má một đĩa xôi bốn khẩu giầu mầu.

Điều thứ 151: Những người đã vọng lên nhiều lễ bàn nhất, dù ai phương trở vắng mặt cũng có phần mà hoặc hai người hay ba người hay là chỉ một người, cũng được cho riêng cả một mâm ấy.

Bên nhiều nhạc ngồi bàn nhất, dù ai phương trở vắng mặt cũng có phần.

Điều thứ 152: Trong làng những người chánh phó tổng đương thứ, chánh phó lý đương thứ, những ông lão bẩy, tám mươi giở lên dù có phương trở việc gì, nhưng khi tế xong đồng dân ăn uống cũng có phần y như hiện tại. Những người tiên thứ chỉ, kỳ mục những người đương làm hội đồng tộc biểu, nếu có phương trở vắng mặt thời không phần, nhưng vì có việc quan mà đi vắng thời có phần.

Còn thời những người trợ tế mà người hậu bái ở đình đều được quân huệ, hễ ai vắng mặt một thời không phần.

Khao vọng và thứ vị

Điều thứ 153: Văn vũ quan từ tam phẩm giở lên thời chiết nộp lệ khao cho dân 30,00$ mà dân mừng lại 10,00$.

Văn vũ quan từ ngũ phẩm giở lên chiết nộp lệ khao cho dân 60,00$ mà dân mừng lại 10,00$.

Văn vũ quan từ thất phẩm giở lên và Tây, Nam cử nhân tú tài chiết nộp lệ khao cho dân 40,00$ mà dân mừng lại 6,00$.

Những các bậc trên này đều phải sửa xôi, giầu, rượu yết thần trình dân rồi cứ chiểu chức phận mà ngồi lên chiếu trên.

Bát cửu phẩm, chánh phó tổng, thông sự, kỳ lục, giáo học, ấm sinh, viên tử, thừa phái, tổng sự, đội trưởng, có bằng sắc và học trò, có trung học tốt nghiệp văn bằng, đều phải chiết nộp lệ khao cho dân 20,00$ và phải sửa xôi, thủ, giầu, rượu yết thần trình dân, mà dân mừng lại 3,00$, các bậc này thời ngồi vào chiếu nhiêu lễ bàn nhất cứ chiểu phẩm hàm và lương ăn, nhiều ít làm thứ tự.

Lệ vọng kỳ mục

Điều thứ 154: Lý trưởng mãn khoá vọng vào ngôi kỳ mục phải nộp 14,00$, phó lý mãn khoá 13,00$, nhất nhì trang muốn vọng vào ngôi kỳ mục thời nộp lệ cũng bằng như lý trưởng mãn khoá.

Thư sinh, khoá sinh muốn vọng vào ngôi kỳ mục, thời nộp lệ cũng bằng như phó lý mãn khoá, đều phải sửa xôi, thủ, giầu, rượu yết thần trình dân.

Hễ lý phó trưởng làm mãn khoá 3 năm giở lên được thanh thoả và người lý trưởng làm trước tuy chưa mãn khoá mà tuổi đã đến sáu mươi tuổi giở lên thời tọa thứ cũng theo như người lý trưởng mãn khoá ấy.

Còn người nhất, nhì, trung và lý trưởng, thí sinh, khoá sinh và phó lý cũng thứ tự cứ chiểu tuổi hơn kém mà ngồi.

Lệ mua xã trưởng hương mục phó lý

Điều thứ 155: Trong làng ai mua xã trưởng thời dân lấy mỗi người 12,00$ và phải vọng 1,00$, 100 khẩu giầu, một chai rượu thời dân cho vọng vào tư văn giáp.

Ai mua hương mục thời dân lấy mỗi người 8,00$ bạc và phải vọng 1,00$, một trăm khẩu giầu một chai rượu thời cho vọng vào sắc mục giáp.

Ai mua phó lý người nào đã có chân hương mục thời dân lấy 15,00$, nhưng không có chân ấy thời dân lấy 20,00$ và phải vọng 12,00$ nữa, sửa lễ gà xôi giầu rượu yết thần trình dân thời dân cho vọng vào ngôi kỳ mục.

Điều thứ 156: Các sắc linh dân cắt đi khi mãn khoá về, muốn vọng vào ngôi kỳ mục phải nộp 12,00$ và xôi thủ giầu rượu yết thần trình dân, người nào chưa có chân xã trưởng thời dân cho ngôi xã trưởng để được vọng vào tư văn, người đã có chân xã trưởng, thời dân cho ngôi hương mục, để được vọng vào sắc mục, người đã có tên hương mục thời dân cho vọng vào ngôi kỳ mục.

Điều thứ 157: Những người hương trưởng làm việc và những người lý phó hương trưởng mục trong các hạng người ấy, ai vọng trước ngồi trên, vọng sau ngồi dưới.

Điều thứ 158: Người tộc biểu nào chưa có chân hương viên thời ai khi đương làm tộc biểu ngồi dưới hương trưởng phó lý mua, rồi đến hàng hương mục, hàng lính cựu cứ chiểu theo thứ tự mà ngồi.

Lệ vọng lão

Điều thứ 159: Trong làng ai đến 50 tuổi mà muốn vào hội lão, thời phải biên 112 khẩu giầu, một chai rượu và 4,00$ để lễ thần trình dân, đến 60 tuổi thời phải biên 62 khẩu giầu và 2,00$ còn từ bẩy, tám mươi tuổi giở lên không phải tiền vọng gì nữa.

Điều thứ 160: Trong làng ai nộp lệ khao vọng hoặc xôi, lợn, giầu, rượu hoặc xôi, thủ, giầu, rượu hoặc xôi, gà, giầu, rượu, lễ thần

xong rồi kính biếu dân bên hương viên, nhiêu lễ bàn nhất và bên hương lão, nhiêu nhạc bàn nhất, đều 1 cỗ, còn thời lý trưởng dịch thôn trưởng quản huế, tiền thời bỏ vào công quĩ.

Điều thứ 161: Đệ niên tháng hai ngày 15 ai đến lượt thăng thôn trưởng thì phải sửa lễ xôi, gà, giầu, rượu, yết thần trình dân, vong vào hàng thôn trưởng, nhưng không phải nói với người tả văn, viết tên vào văn tế như trước nữa.

Điều thứ 162: Trong làng dù ai làm chức việc gì mặc lòng, nhưng cũng phải theo tục dân khao vọng, rồi mới có ngôi thứ ở chỗ đình trung, nếu ai chưa khao vọng thời chưa được ra đình tế, đi ăn uống.

Thi hành khoản ước

Điều thứ 163: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các điều lệ gì cũ trái với khoản ước này, đều bỏ đi cả.

Điều thứ 164: Trong làng ai trái với những khoản ước trên thì hội đồng tuỳ tình lý nhẹ nặng mà bắt phạt.

Điều thứ 165: Đệ niên tháng Giêng ngày mồng tám, thư ký phải đem hương ước này đọc cho cả dân đều nghe.

Điều thứ 166: Do cải bổ thêm những khoản ước về phần chính trị và tục lệ, điều gì không hợp với nghị định quan thống sứ ngày 12 Auot 1921 thì xin bỏ đi, mà tuân như trong nghị định.

Khải Định lục niên, tam nguyệt sơ nhật, lập hương ước.

Hoài Đức phủ trợ tá

Nguyễn Quỳ Phụng Kiểm

Thừa sao hương ước chính bản

Thư ký Nguyễn Đình Lăng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG VĨNH KỲ

Xã Thượng Hội, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông

Vĩnh kỳ xã hương ước xin phép cải lương

Nguyên lệ của làng xưa nay để lại chỉ lấy khẩu truyền không có minh văn, nhiều sự phù phí không hợp thời nghị, thâm đến cả tiền công tiêu tán không có ích gì xã hội. Nay thừa lệnh quan trên duyệt y cho hương hội, vậy cần nêu sự cải lương trước đem tục lệ các điều đổi cũ làm mới, san năng làm nhẹ, giảm ăn uống lấy điều đặt ra khuôn phép công tâm, có hạng người thu chi có giấy mực, nhà người được thịnh giầu dân làng có trật tự, sau này sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm.

Hạng thứ nhất: Chính trị
Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ họp làm một làng chia ra các giáp, vì thế việc làng do bởi các giáp cử người thay mặt coi nom gọi là giáp biểu.

Điều thứ 2: Làng có tám giáp, giáp nào nhiều người cử nhiều, giáp nào ít người cử ít, phải cử những người xứng đáng và không can khoản gì làm giáp biểu để sung hội đồng.

Điều thứ 3: Tư cách giáp biểu phải từ hai mươi nhăm tuổi giở lên, có gia sản mấy được làm giáp biểu sáu năm là một khoá.

Điều thứ 4: Chức phận người giáp biểu là phải phát nghị và quyết định việc làng, lập sổ chi thu và kiểm soát sổ bạc.

Điều thứ 5: Các giáp biểu tự chọn trong ban một người dùng mực làm chánh hội trưởng, một người làm phó hội trưởng, để khi hội đồng có người chánh hội trưởng báo cáo, nếu người chánh hội trưởng có duyên có gì thời phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ 6: Làng có người đỗ thư ký thời làm thư ký, nếu người đỗ ấy không bằng lòng làm thời hội đồng để người trong ban làm thư ký, phải tinh hiểu Quốc ngữ, Hán tự nếu trong ban không có, bầu người ngoài cũng được và bầu một người giầu có làm thủ quĩ để giữ tiền công cho làng.

Điều thứ 7: Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường sẽ định, còn thời mỗi tháng một lần cứ ngày mùng một họp hội đồng tại điếm sở bàn việc làng, cấm không được say rượu mà nói những điều bất tất.

Điều thứ 8: Hễ ngày hội đồng được hơn nửa số người trong ban có thể bàn được việc, bàn xong phải giải tán ngay không được bày ra cuộc rượu thuốc phiện.

Điều thứ 9: Hội đồng bàn việc gì phải làm biên bản, những viên hiện tại phải ký để công hòm lưu chiểu.

Điều thứ 10: Phiên hội đồng người nào có bận, không ra được phải có lời để hội đồng biết, nếu không có duyên cớ gì tự tiện bỏ đến hai lần thời hội đồng phải làm giấy trình quan để cử người khác.

Điều thứ 11: Đương khi hội đồng trong làng có ai biết thế cách mà hỏi việc gì, thời hội đồng cũng phải lấy lời lẽ đáp lại một cách minh bạch cho người ta, nhưng xem bàn điều gì có ích lợi cũng nên nghe, không được cậy mình là hội đồng mà khinh bạc, nếu người ấy hoặc có ương tính hay mượn tiếng rượu chè mà làm ngăn trở hội đồng, thời lập biên bản định phạt từ 0,20$ đến 1,00$ sung công, nếu không chịu đệ biên bản trình quan cứu xử.

Điều thứ 12: Những việc hội đồng định làm việc gì được hơn nửa số người ý hợp mấy được thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu kín nhưng một phiếu của chánh hội được kể làm hai.

Điều thứ 13: Khi có lệnh quan toà án hoặc quan cai trị đòi hỏi đến làng thời hội đồng theo số giấy đòi cử trong ban đi với lý trưởng, nếu không nói rõ số người thời hội đồng cử một hai người đi với lý trưởng nhưng cắt lượt mà đi.

Điều thứ 14: Trừ ra những khi quan trên hạ lệnh bắt làm việc gì thời không tính, còn những khi quan có hiểu thị ý kiến về việc quan hệ hay quyền lợi trong làng thời hội đồng đi với lý trưởng không được tự quyết, phải xin phép về bàn mấy hội đồng bàn định cho đích xác rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 15: Hội đồng và lý trưởng phó lý làm việc làng mà phải đi xuống phủ thời làng chi mỗi người mỗi ngày 0,50$ xuống tỉnh sáu hào.

Điều thứ 16: Những người hội đồng ai làm việc gì trái hương ước hoặc người làng giáp xuất thời chức sắc kỳ mục, kỳ lão được phép họp hội đồng cứu xử có quyền trách quở và phạt 1,00$ sung công, lỗi nặng quá thời đuổi không cho dự hội đồng nữa, nếu người có lỗi không phục tình thời lập biên bản trình quan cứu xử.

Sổ chi thu

Điều thứ 17: Muốn cho trong làng chi thu có chừng mực, thời phải lập sổ chi thu.

Điều thứ 18: Mỗi năm cứ đến ngày mùng một tháng mười một Tây hội đồng dự toán năm sau định chi những việc gì, hết bao nhiêu, thu những món tiền gì, được bao nhiêu thời làm quyển sổ cả hội đồng ký kết trình quan sở tại xét thực, đệ tỉnh duyệt y đến ngày mùng một tháng Giêng Tây mới được thi hành.

Điều thứ 19: Sổ chi thu của làng do người chánh hội làm chủ và được quyền cho phép thu phát những món tiền đã dự định ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 20: Hội đồng nhận được tiền của ai nộp về tiền gì, thời thư ký phải biên ngay vào sổ rằng cưa, thủ quĩ biên nhận rồi xé một

nửa đưa cho người nộp tiền làm giấy biên lai và phải biên sổ chi thu ở chương đã dự định.

Điều thứ 21: Ai có nộp tiền mà không có thủ quĩ biên nhận thời tiền ấy kể như tiền chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 22: Ngày nào phải chi tiêu việc gì, ngay ngày ấy thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở chương đã định để dành cho biên những món tiền tiêu ấy.

Điều thứ 23: Trong khi làng trình sổ bạc sưu do bát giáp hành thâu, sổ bạc điền thập dân hành thu, giao lý trưởng đăng nạp, thu của ai bao nhiêu bạc giao lý trưởng phải biên vào sách tủ cho phân minh rồi xé một nửa giao cho người nộp bạc không được hàm hỗn.

(...)

Sự kiện cáo

Điều thứ 35: Trong làng ai có kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết đem nhẽ trình hội đồng hoà giải.

Điều thứ 36: Hễ người nào tiếp ai trình việc gì, phải lấy giấy mở hội đồng trước lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hoà giải cho hai bên, xong rồi thời phải thu biểu mẫu ở trong luật rồi làm giấy giao cho lý trưởng đệ trình.

Điều thứ 37: Hễ hoà giải không xong hội đồng phải làm giấy cả hai bên cùng chứng tá mà xét xử, hễ bên nào trái nhẽ thời phạt từ 0,20$ giở lên sung công, nhược bằng không nghe lại đi kêu các toà, hễ xét khác thời thôi, ví cũng như làng xử thế thời bắt phạt bội nhi đừng kêu.

Điều thứ 38: Hễ ai thưa nhau việc gì mà lại đến hội đồng làm chứng, phí tổn bao nhiêu người ấy phải chịu, nếu mà đôi bên không lại mà quân lấy sự công bằng đòi hỏi đến hội đồng thời người thua phải chịu, hay là quan phân xử đôi bên thuận tình hoà giải thời phí tổn đôi bên phải chịu.

Sự canh phòng

Điều thứ 39: Canh phòng để giữ tính mệnh chung cho cả làng, thời hết thảy nam đinh từ mười tám tuổi cho đến bốn mươi chín tuổi đều phải đi tuần, tuy nhiên, trừ những viên kỳ mục, tư văn, tộc biểu.

Điều thứ 40: Đệ niên ngày mùng một tháng Chạp An Nam cắt tuần lượt một năm tám tên, lý phó trưởng phải chọn giai đinh làng, người nào mạnh khỏe có gia sản vợ con thời cắt và phải biên họ tên trình.

Điều thứ 41: Lệ làng cắt mỗi năm là năm mươi điền hộ coi việc tuần phòng trong làng ngoài đồng, hết năm lại cắt người khác những người điền hộ phải có từ một mẫu trở lên mới cắt.

Điều thứ 42: Tư cách người trương tuần: tuần tráng phải canh phòng trong làng ngoài đồng, nếu làm không hết bổn phận, nếu để mất thức gì, phải chiếu để bồi thường hoặc gia chủ nào xảy ra mất trộm trâu bò, gia chủ xét đích trâu bò đi ra cổng làng thời lý lịch trương tuần, tuần tráng chiểu y số bồi thường, nhược bằng trâu bò đi ra vào qua lũy làng thì chiểu số bồi một nửa.

Điều thứ 43: Trong làng có bốn điếm mỗi điếm hai tên tuần thời lý lịch trương tuần phải ra đẹp bản canh phòng, hễ người nào có việc bận không ra được chỉ phải có nhời cáo, nếu không có duyên cớ gì mà tự tiện sơ khoảng người nhà chức dịch phải biên họ tên người tuần ấy trình hội đồng, nhà ai mất tang vật gì bao nhiêu phải trình hội đồng khám lập biên bản, cứ bắt người tuần bồi.

Điều thứ 44: Trong làng trước kia có nhà thường xảy ra mất trộm cũng chỉ vì lý dịch không biết chế ngự tuần tráng, trễ biếng canh phòng, nay định từ cuối chín giờ tối cho đến năm giờ sáng ai đi đâu phải có đèn đuốc để phân biệt gian ngay, ai không theo tuần tráng bắt được người ấy thực là lương thiện xưa nay thời cũng bắt đem về điếm trình lý dịch hội đồng bắt phạt 0,20$ sung công. Người ấy đã có tiếng bất hảo mà lại có đeo của gian thời lý dịch hội đồng làm giấy giao nộp.

Điều thứ 45: Đêm hôm tuần tráng bắt được kẻ gian ăn trộm nhà nào hay nhà chủ bắt được, lý dịch hội đồng khám đích xuyên tạc và tang vật bao nhiêu giao giả chủ còn kẻ gian ấy giải nạp.

Điều thứ 46: Đêm canh thường phải thay đổi nhau mà đi luôn trong làng và quanh lũy cho kẻ gian khỏi vào.

Điều thứ 47: Trong làng nhà ai mất trộm tang vật gì, hiện có xuyên tường tại bích mà tuần tráng không bắt được kẻ gian thời lý dịch trương tuần, tuần tráng phải đền đủ số, nếu nhà ai mất cướp thì lý dịch tuần tráng hết sức ứng cứu nhưng cự không được thời không phải đền.

Điều thứ 48: Chức dịch tuần tráng và người làng hễ ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 3,00$, bắt được kẻ cướp mỗi đứa thưởng năm đồng bạc, chẳng may cự bắt mà phải đau, dân làng cho tiền thang dược năm đồng bạc, nhược bằng phải chết làng cho tiền tử tuất hai mươi đồng bạc và cho người con trưởng ngôi hương mục vì không có con thời cho người thừa tự.

Điều thứ 49: Trong làng hễ có nhà nào cho người lạ nghỉ, thời phải trình lý dịch biết, nếu tự tiện cho ngủ chức dịch xét hỏi những người lạ ấy căn cước bất minh hay không có thẻ tùy thân thời đem giải nộp, còn nhà chủ phạt 0,20$ bạc sung công.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 50: Đệ niên cứ đến vụ lúa tháng mười thời lý phó trưởng, trương tuần phải trích mỗi điếm một tên tuần ra đồng canh giữ, hễ mất đâu phải đền đấy, thời làng chiểu số ruộng cho trương tuần mỗi mẫu sáu hào, khi thu hoạch xong thời lý dịch, tuần tráng trong làng ngoài đồng quân bổ cho nhau rồi chia lương cho tuần tráng, mỗi một tên năm đồng bạc, còn chi xuất hành nhiều việc.

Điều thứ 51: Đệ niên nếu tháng mười thu hoạch xong thu lương tuần hễ có chánh phó tổng biếu lương mỗi thày ba mẫu, biếu lý trưởng ba mẫu, biếu phó lý hai mẫu còn thừa bao nhiêu phải tính nộp cho làng là ba mươi đồng bạc.

Điều thứ 52: Về vụ lúa chiêm tháng năm và các thức mầu khoai đậu, lúa mỗi mẫu bốn lượm lúa sương, mỗi lượm ba tay, khoai đậu mỗi sào hai xu hễ ai làm dâu thời được thu đấy.

Điều thứ 53: Có con đường khuyến nông từ xứ đồng Thanh Lương đến đồng thôn Than Long lại một con đường từ xứ Bờ Nga đến xứ Cầu Dạ giao cho mỗi xứ một người được thu ngư lợi và thu lúa chiêm mỗi thửa một lượm ba tay, lại một con đường từ cửa chùa Quanh đến xứ Cầu Đất là đường bao giữ nước xứ đồng các nhà trường giao cho một người coi giữ, được thu lúa mùa mỗi thửa một lượm mỗi lượm hai tay, lúa chiêm cấy được sâu cũng được lấy như thế, các xứ giao cho mỗi xứ một người coi nom các con đường, khuyết liệt đâu đắp giữ cho kỳ đầy thảo cạn đắp, cấm trong làng không ai được tự tiện thảo bỏ và cấm không ai được đi ra đồng bắt cua cá đơm tôm, bắt được đem về điếm bị phạt từ 0,20$ cho đến 1,00$ sung công, nếu không chịu giải nộp.

Điều thứ 54: Trương tuần tráng phải theo quyền pháp của hội đồng và lý phó trưởng.

Điều thứ 55: Mỗi năm đến vụ nước sông thừa sức canh đê và vật liệu sang hộ, hết bao nhiêu quân bổ về điền, khi nước sông lên to thừa lệnh quan sức tráng sang hộ và tráng canh thường dân, lấy tiền công chi cho mỗi ngày một người được 0,10$, chánh phó hội thủ quĩ phải đi phát lương cho tráng.

Sự vệ sinh

Điều thứ 56: Muốn cho người mạnh khoẻ phải theo phép vệ sinh, hội đồng phải hiểu bảo các nhà riêng và đường chung cho rất sạch sẽ.

Điều thứ 57: Cấm không ai được làm nhà xí ở bên đường và ở gần ao giếng, ai không nghe bắt phạt từ 0,20$ đến 1,00$ sung công, đường cái làng từ đầu làng đến cuối làng từ tường đến ao phải đủ bốn thước Tây người có ao phải đắp.

Điều thứ 58: Trong làng các giếng phải cho tinh sạch, khi nào sửa sang lại hết bao nhiêu trích lấy tiền công chi biện.

Điều thứ 59: trong làng phát chứng bệnh gì có thể truyền nhiễm về người hay súc vật, thời lý dịch phải làm giấy trình quan xin thầy thuốc về chữa.

Việc làm ruộng

Điều thứ 60: Khi cấy lúa xong rồi cấm không được cắt đất bờ và đem trâu bò ra đồng chăn, ai không theo tuần tráng bắt được đem về công sở tường lý dịch hội đồng, bắt phạt 0,30$ và mười khẩu giấu.

Điều thứ 61: Cấm không ai được chăn vịt và đánh chim ngoài đồng khỏi phá huỷ lúa mạ của làng, ai không nghe bắt phạt 1,00$ sung công.

Sự của công dân

Điều thứ 62: Đã gọi là hội đồng của làng thời có nghĩa vụ mấy nhau, phải giữ gìn lấy nhau, đừng làm sự tổn hại của nhau.

Điều thứ 63: Khi nào làng có bán về việc động sản hay bất động sản thời hội đồng phải làm giá yết thị công sở mười ngày, để dân đều biết, đến ngày đấu giá phải rất cẩn mật ai đấu giá cao thời được, hội đồng phải làm biên bản đinh theo giấy tình nguyện ấy.

Cấm gian lậu

Điều thứ 64: Những việc nấu rượu, buôn thuốc phiện, gá bạc lấy lời thực là nghiêm cấm, chức dịch tuần tráng phải đi khám xét luôn để trừ những sự ấy.

Sự giao thiệp

Điều thứ 65: Khi nào các quan đến làng xét hỏi việc gì thời tuần tráng phải đi báo lý dịch hội đồng ra ứng tiếp.

Quan hỏi về việc gì và phải lấy lễ nghi chính đáng mà phụng tiếp.

Sự giáo dục

Điều thứ 66: Làm cha anh có con em cần phải cho đi học biết chữ, ấy là nghĩa vụ con người.

Điều thứ 67: Làng nên trù lấy món tiền công để mở tràng ấu học và lương thầy giáo, trẻ con đúng tám tuổi đều phải đi học nếu con nhà nghèo không có tiền mua giấy bút, hội đồng xét thực nói mấy làng trích tiền công cấp cho.

Hạng thứ hai
Lệ tục
Hôn lễ

Điều thứ 68: Việc cưới nhà giai mừng bằng tiền, nhà gái chỉ mừng bằng miệng, còn cỗ cúng chỉ đưa hai bên bố mẹ mà thôi, cheo nội nộp dân 1,00$ sung công, lý trưởng 1,00$ hộ lại 0,50$, cheo ngoại nộp dân ba đồng bạc sung công, lý trưởng 2,00$, hộ lại 1,00$, ngay ngày cưới phải đem năm mươi khẩu giầu ra công sở mời lý dịch, hội đồng nhận số tiền ấy sung công, còn kỳ tảng địa phận ruộng làng nộp lệ làng cũng như giá thú ngoại, nếu ai để chậm thì phải nộp một gấp hai, ai không chịu lập biên bản đệ trình.

Tang lễ

Điều thứ 69: Việc tang chia làm ba hạng: hạng nhất 3,00$, hạng hai 2,00$, hạng ba 1,00$ hoặc nhà nào giầu có muốn thảo làng thời chiết can 10,00$ và một trăm khẩu giầu, nhà ai có người chết hiếu chủ sửa lợn, xôi mời tư văn trong giáp trợ tế, rồi cắt người đưa ma mỗi người chấp sự 0,10$ bạc, gọi là tiền đi đường, rồi về nhà hiếu chủ cân lợn xôi biếu quan viên giáp một cái cổ dầy, một tấc xôi, một mâm còn làm cỗ hai hàng ăn uống cơm rượu nhà chủ sửa biện, còn số tiền về làng nhà chủ muốn nộp vào hạng nào, đem ngay số tiền ra công sở và năm mươi khẩu giầu mời lý dịch, hội đồng ra nhận số tiền ấy sung công, còn người nào giầu có ai muốn thảo sung ngay ngày

hôm ấy đem nộp sung công, nếu không nộp thì một gấp hai nếu không chịu lập biên bản đệ trình.

Điều thứ 70: Còn như hàng phục không ai được ra đình tế tự, hễ ai không theo thì phạt 1,00$ sung công nếu không chịu trình quan cứu xử.

Sự tế tự

Điều thứ 71: Làng nhà thờ chung một đình, một miếu mới hàng tổng (thượng hội, thuỷ hội, thân long) đệ niên ngày rằm tháng Giêng là ngày vào đám, ngày rằm, mười sáu tháng tám là ngày thu tế, ngày rằm mười sáu tháng Chạp là ngày cáo tế chung mấy hàng tổng, những viên chức sắc, tổng lý, kỳ mục, hương trưởng mấy được ứng tế.

Điều thứ 72: ngày mùng một tháng Giêng là ngày Nguyên Đán chức dịch phải sửa sáu lễ gà, xôi, giầu rượu đưa lễ các sở, chỉ mỗi lễ 1,00$, ngày mùng sáu tháng Giêng lễ họp vào đám, đương cai sửa gà, xôi, giầu rượu chi giá 2,00$, ngày mùng bẩy tháng Giêng lễ khai hạ trị giá 1,00$, các lễ quân khác giáp đóng giả.

Điều thứ 73: Ngày rằm tháng Giêng là ngày vào đám, xưa kia trong làng chia làm tám giáp, các giáp đóng tiền mua ruộng riêng, mỗi giáp được hai mẫu để làm cỗ thờ, bây giờ triết can ăn uống lấy mỗi mẫu 8,00$ bạc tính cả thuế, để trợ vào sưu, còn người nào đương cai cày ruộng, sửa một cỗ chay và lợn, bánh, giầu rượu rước cỗ ra đình tế lễ, xong rồi giáp nào đem về giáp ấy ăn uống, cứ mỗi ngày hai giáp sáng cử từ mười giờ, chiều cử hai giờ trong bốn ngày thời xong.

Điều thứ 74: Ngày mười hai tháng ba là ngày kỵ thần, tiết tháng chín là Thường Tân, xưa kia các giáp đóng tiền mua được ba mẫu ruộng chia làm hai tiết, tám giáp, giáp nào đương cai phải mua một con trâu sáu tuổi, xôi một mâm, rượu mười chai và một cỗ chay đem ra đình tế lễ, xong rồi quân về tám giáp, giáp nào đem về giáp ấy ăn uống, số tiền giáp nào đương cai phải chịu tiền hai tiết cũng thế.

Điều thứ 75: Biếu quan viên nhất một cái thủ trâu, thất bát thập một cái một cái hình, khoa mục tả văn biếu một cái hình hoạn, tứ ngũ

phẩm giờ lên biếu một cái hĩnh, khoa mục chung một cái hĩnh, viết văn không có, khoa mục lý trưởng quyền tả thời không có biếu. Biếu từ thất bát cửu phẩm chung một cái cổ dầy một tấc, biếu chánh phó tổng, biếu lý hương chức sự chung một cái cổ dày một tấc nhạc một mảnh sườn, bình chung một mảnh sườn hai tiệc như nhau. Ngày Thường Tân giáp đương cai sửa xôi giầu rượu tế tiên nông, hết bao nhiêu quân bổ các giáp đều chịu, biếu lý phó trưởng chánh phó hội chung nhau một cái cổ dầy một tấc.

Điều thứ 76: Ngày mùng một tháng sáu là tiết xuống đồng cấy mới, khi cấy xong là tiết lên đồng, lý trưởng sửa lễ độ tám chín đồng bạc xôi, rượu, giầu tế tiên nông, đến vụ thuế bổ vào điền đóng cả.

Điều thứ 77: Đệ niên ngày rằm, mười sáu tháng tám tiết thu, tế ngày rằm mười sáu, ngày rằm tháng Chạp tiết cáo tế chung mấy hàng tổng, chức sự ứng sửa lễ xôi, lợn, giầu, rượu xuống miếu cùng sắc mục kỳ dịch hàng tổng, hội tế xong rồi chia về bốn làng, phần làng nào ăn ngồi phần làng ấy, số tiền lễ tiền hát quân bổ bốn làng, phần làng nhà phải bao nhiêu quân bổ tám giáp, năm nào đương cai đến hàng tổng phải mua mà chiếu thờ.

Điều thứ 78: Tiết rằm tháng ba là tiệc Kỳ Yên, xưa kia các giáp đóng tiền mua được một mẫu tám ruộng để làm ruộng lễ Kỳ Yên, đến giáp nào đương cai cày ruộng phải mua long chu tương mã, các đồ minh khí y mạo và một con lợn cân, xôi một cân, rượu mười chai, giầu một trăm khẩu đệ lên chùa, chư ông vãi bà, tư văn, đồng dân tế xong thượng hạ đồng dân quân huê.

Điều thứ 79: Ngày rằm tháng bảy là tiết trung nguyên, xưa kia các giáp đóng tiền mua được chín sào ruộng để làm lễ đài bách linh, đến giáp nào đương cai cày ruộng phải sửa một con lợn cân, xôi một cân, giầu rượu đem lên nhà bách linh tế lễ xong rồi đồng dân quân huê.

Sự khao vọng

Điều thứ 80: Văn võ đại khoa tiền vọng mười năm đồng bạc, văn vũ trung khoa tiền vọng mười đồng, tú tài vọng tiền 3,00$, văn hàm

từ lục phẩm, võ hàm tự ngũ phẩm giở lên vọng tiền 10,00$, văn võ giai tự thất bát cửu phẩm vọng tiền năm đồng bạc, chánh phó tổng vọng tiền 3,00$, thông ngôn ký lục vọng tiền năm đồng bạc, đều phải sửa một trăm khẩu giầu, một chai rượu yết thần, tiền nộp về dân sung công, còn người nào làm lễ khao vọng mời đến dân làng rượu chè hát xướng tuỳ tình, còn người nào đi ra lính được bằng cai đội đến khi về phải vọng 2,00$, nhưng ăn biếu chung mấy hàng binh mãi mãi, người lý, phó trưởng, chánh phó hội, cựu từ dịch, vọng tiền 2,00$, còn người lạc quyên đi lính bồi tòng công nghệ được thưởng hàm, phải đủ ngôi dân mấy được dự hàm chức sắc.

Điều thứ 81: Đệ niên cứ ngày mười hai tháng ba là ngày vọng làng, lệ lên năm mươi vọng tiền 2,00$, sáu, bảy, tám mươi không phải tiền vọng, phải đều biện một chai rượu, một trăm khẩu giầu đệ ra đình lễ thần kính dân số tiền công dân.

Thứ vị

Điều thứ 82: Văn khoa mục, quan hàm, chức sắc tổng lý, chánh phó tổng, lý phó trưởng chiếu theo vọng lệ mà ngồi theo chiếu trên, thứ đến kỳ mục hương mục mua, còn những hàng tư văn ngồi theo dưới hàng kỳ dịch hàng hương lão mà không dự vào lý dịch tư văn, cùng người giai đinh ngồi riêng một giòng không được hỗn độn.

Điều thứ 83: Người nào dự vào hàng hạng nào sau hoặc phải can án không được dự nữa, phải ngồi theo dưới hàng hương mục.

Thi hành khoán ước

Điều thứ 84: Ai mà làm trái điều ước của làng bắt lỗi phạt đã nói ở trên, nếu mà không chịu, lập biên bản trình quan cứu xử.

Điều thứ 85: Đệ niên cứ ngày rằm tháng ba là tiệc Kỳ Yên, thư ký phải đem hương ước đem ra tuyên đọc cả làng đều nghe.

Năm Bảo Đại thứ mười hai tháng hai ngày mùng mười lập hương ước.

Thừa sao hương ước làng Vĩnh Kỳ

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TÂY MỖ

Tổng Đại Mỗ, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

Tựa

Sự cải lương cho dân một ngày một mới, đã là việc cần kíp mà người trong cải lương lại là việc quan hệ. Mong rằng những người trí thức có lòng yêu mới quê hương, đứng dậy mà làm hết phận sự của dân đối với làng cho thành công cuộc cải lương.

Đối với làng tức là đối với nước, vì góp làng lại thành nước, làng là gốc nước, làng có hay thì nước mới thịnh vậy. Được anh em trong làng tín nhiệm trông coi việc làng, tôi rất làm hân hạnh và cảm kích, không có từ nan đã bắt tay vào làm việc được ít lâu nay, thứ nhất là quyển hương ước này, vì nó là nền tảng của cải lương trong sáu tháng giời dò tải là cứu rộng hỏi các lời bàn bạc tham lấy ý kiến của mình, nay đã thảo xong, tôi giám khoe rằng: đã đặt được một viên đá tảng cho sự kiến lập cải lương. Rồi đây chúng ta sẽ bắt đầu xây cái lâu đài tân dân rực rỡ. Nay tựa

Bổ chánh trí
Cải lương hương chính

Điều thứ 1: Việc cải lương hương chính sau này là tuân theo đạo dụ ngày 18 tháng Tư năm Bảo Đại thứ 16 (23 mai 1941) và nghị định của quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 25-9-1927 (chỉnh đốn lại sổ chi thu và từ 18 tháng Tư tiếp theo nghị định ấy).

Phần thứ nhất
Hương chính

Mục thứ nhất
Hội đồng kỳ mục gồm có

Điều thứ 2: Phàm những người quán bản xã ít ra 15 tuổi hợp thể lệ đinh trong hương ước, có danh tiếng tốt, không can án khoản gì phạm đến danh dự hay sự thật thà ngay thẳng và hợp điều kiện sau này thì được dự vào hội đồng kỳ mục.

1. Về khoa cử cũ, có chân từ khóa sinh giở lên.

2. Về tân học, có bằng tiểu học Pháp -Việt giở lên.

3. Chân ấm sinh, ấm thụ hay phẩm hàm.

4. Các quan lại, hay viên chức về ngạch cao đẳng, hay trung đẳng tại chức, hạng hưu trí, từ chức, thuộc ngạch chính phủ Pháp quan lại An Nam.

5. Các viên quản đội tại ngũ, hay hưu trí hoặc từ chức, thuộc lục quân, thủy quân hay không quân về ngạch khố xanh hay lính cơ.

6. Các chánh phó, hương hội cựu đã làm việc ít ra là ba năm.

8. Các tiên thứ chỉ cựu (điều 3 trong dụ).

Hết cả các hạng người trên này, nguyên quán bản mà vì sự tiện lợi, lĩnh thẻ thuế thân ở nơi khác nhưng vẫn có đóng góp ở làng thì cũng kể như có tên ở sổ đinh hàng xã.

Ban hành chính

Điều thứ 3: Về kỳ mục bản xã quá số 20 người, cho nên lập ra và ủy quyền cho một ban hành chính gồm có người chọn trong các kỳ mục có vị vọng nhất (điều 8 trong dụ).

Việc cử ban hành chính và việc thay đổi trong ban đều phải do quan tỉnh chuẩn y.

Nếu có cần thì do quan tỉnh có thể giải tán ban hành chính được (điều 8 trong dụ).

Ban hành chính do hội viên nào cao chức nhất, theo như tục lệ làng xã làm chủ tịch (tức tiên chỉ) điều 8 trong dụ).

Điều thứ 4: Ban hành chính gồm có:

1. Một chánh ban, chức này tiên chỉ sung vào.

2. Một phó ban chức này thứ chỉ sung vào.

3. Năm hội viên

Nếu tiên chỉ không thể đương chức chánh ban hành chính được thì sẽ giao cho một người kỳ mục nào theo đẳng cấp đứng liền ngay dưới mình (điều 4 trong dụ).

Chức phó ban hành chính cũng để cử theo như lệ trên này (điều 1 trong dụ).

Còn các kỳ mục khác chỉ thức vị thứ bậc quyền lợi vẫn giữ nguyên và phải làm nghĩa vụ theo như trong tục lệ đã định.

Điều thứ 5: Danh sách các kỳ mục ban hành chính hàng xã phải kê theo như thứ vị định trong hương ước và chức vị của mọi người mà làm và mỗi khi có người nào thay đổi thì phải chữa lại cho đúng. Danh sách ấy ký tại hội đồng hàng xã và tại nha quan địa phương (điều 4 trong dụ).

Chức vụ và trách nhiệm

Điều thứ 6: Ban hành chính hàng xã phải trông nom việc cai trị hàng xã, việc quản trị các quyền lợi hàng xã theo như tục lệ và phải thích hợp với những điều nhu yếu và nguyện vọng của hàng xã.

Phải làm sổ chi thu hàng xã và kiểm soát việc thi hành sổ chi thu ấy, phải bổ sưu thuế nộp vào kho chính phủ bảo hộ và đính phân số về việc đánh thuế thu vào quĩ hành xã là bao nhiêu.

Phải sắp đặt việc tuần cảnh hàng xã và kiểm soát việc thi hành các điều lệ tuần cảnh cùng là các mệnh lệnh của quan trên sức cho lý phó trưởng.

Để cử những chức dịch thừa hành công việc hàng xã để quan tỉnh bổ, kiểm soát công việc của những người thừa hành cùng là ra

mệnh lệnh cho những người chức dịch ấy và nếu cấm thì giúp cho những người ấy để công việc hàng xã làm được chu đáo (điều 5 trong dụ).

Mỗi năm 2 lần phải trình công việc quản trị của ban với hội đồng kỳ mục, lần thứ 14 vào khoảng tháng Giêng và lần thứ 22 vào khoảng tháng bảy An Nam.

Mỗi khi có việc quan trọng thì ban hành chính phải họp hội đồng kỳ mục và những khi bổ sưu thuế thì nhất định phải họp (điều 8 trong dụ).

Điều 7: Chánh ban hành chính có quyền giám đốc các kỳ mục và trông nom các kỳ mục làm công việc được chu đáo theo tục lệ. Chánh ban hành chính phải trông nom nhất về các việc sau này:

1. Quản trị các tài sản của hàng xã.

2. Kiểm soát các việc tuần cảnh và việc vệ sinh chung của hàng xã.

3. Tùy theo phong tục của làng mà trừng phạt các điều vi cảnh lặt vặt trái với hương ước, mà không phạm vào hình luật cùng là hòa giải của những việc tranh tụng lặt vặt và tầm thường của nhân dân trong làng với nhau (điều 6 trong dụ).

Điều 8: Chánh ban hành chính đi vắng hay mắc bận thì phó ban phải giúp chánh ban làm công việc. Viên chánh ban có thể ủy một phần chức vụ của mình cho viên phó ban.

Viên phó ban lại có thể nhận làm những chức vụ hay những chức việc ủy thác riêng mà hội đồng kỳ mục giao cho (điều 6 trong dụ).

Những chức dịch thừa hành của ban hành chính:

Thơ ký - Thủ quĩ

Điều 9: Thơ ký là người giữ các công văn của hội đồng kỳ mục và của ban hành chính, phải giữ sổ ghi chép những điều thảo luận tại các hội đồng ấy (điều 9 trong dụ).

Điều 10: Thủ quĩ là người coi việc giữ quĩ hàng xã và việc quản trị tiền quĩ ấy cùng là thâu nhận các thứ thuế của hàng xã và những

số tiền hàng xã được thâu theo tục lệ và hương ước hoặc các giấy hợp đồng làm đúng phép. Các công việc của thủ quĩ làm phải do chính sự hành chính kiểm soát, thủ quĩ thuộc quyền viên chánh ban hành chính (điều 20 trong dụ).

Điều 11: Chức thư ký và thủ quĩ đều cử theo như điều 28 trong dụ.

Điều 12: Thư ký, thủ quĩ làm việc được đủ 3 năm được vọng vào quan viên hạng năm.

Lập sổ chi thu

Điều 13: Trong nửa tháng đầu tháng Giêng Tây (janvier) do chánh ban hành chính họp hội đồng với lý trưởng và thơ ký, dự thảo sổ chi thu của hàng xã. Trước ngày 15 tháng Giêng Tây thì lý trưởng phải đệ nộp các sổ này lên quan phủ sở tại (Trích ở điều 3) trong nghị định số 785 - I ngày 25 Février 1927 chỉnh đốn lại sổ chi thu.

Điều 14: Cứ 6 tháng ban hành chính phải nộp quan phủ sở tại hai bản kê khai các sổ thu nhập và các sổ chi tiêu trong hồi 6 tháng ấy.

Điều 15: Mỗi năm cứ đến ngày 31 Décembre là trục sổ số tiền thu nhập, hơn sổ tiền được chừng nào thì sẽ vào số tiền lưu trữ.

Khoản tiền lưu trữ này gọi là khoản thu nhập bất thường mà chỉ được chi tiêu vào khoản bất thường (trích ở điều 16 trong nghị định số 785 -I ngày 25 Février 1927 chỉnh đốn lại sổ chi thu và tờ thông tư về việc thi hành nghị định này).

Điều 16: Hết năm Tây trục sổ thì phải đệ sổ thuế và một bản sổ chi thu có thủ quĩ ký tên lên quan phủ sở tại để đệ lên quan công sứ kiểm soát mà phê cho (trích ở điều 23 trong nghị định số 785 - ngày 25 Février 1927 chỉnh đốn lại sổ chi thu).

Điều 17: Cứ cuối tháng ban hành chính phải kiểm soát tiền quĩ một lần hết năm tính sổ, số thực thu và số thực chi và số còn lại rồi tức yết thị ở nhà hội đồng, ít ra trong một tháng cho dân làng đều biết.

Bổ sưu thuế

Điều 18: Khi tiếp được bài chỉ thuế lý trưởng phải trình chánh ban hành chính để họp các kỳ mục các điền hộ (cả đàn ông đàn bà) có điền thổ để cùng tính bổ.

Điều 19: Sự bổ thuế không được chia đàn anh đàn em, nội canh ngoại canh mà bổ kẻ nhiều người ít.

Điều 20: Trong biên lai nhận tiền thuế lý trưởng phải chiểu các khoản ở bài bổ mà biên vào cho minh bạch.

Điều 21: Những người chết sau khi làm sổ đinh và trước khi thu thuế thì làng trích công quĩ nộp cho, nhưng mỗi suất chỉ đến 3,00$ là cùng, còn thiếu bao nhiêu thì người được hưởng tài sản của người chết phải đóng cho đủ.

Điều 22: Khi hội họp bổ thuế không được bày ra ăn uống để làng phải chịu.

Điều 23: Những số thuế và bản trích lục sổ thuế (mẫu 4 bis đinh theo nghị định ngày 25 Février 1927) đều phải yết thị cho dân làng đều biết.

Tiền sương túc

Điều 24: Tiền sương túc chỉ cho 2 trương tuần và tuần phiên, đệ niên ban hành chính cùng các điền hộ quân bổ.

Điều 25: Tiền sương túc này giao cho lý trưởng nhận phát lệnh, có chữ ký của chánh ban hành chính mà thu vào cùng vụ thuế điền, rồi giao cho thủ quĩ nhận và đem vào sổ chi thu.

Điều 26: Người điền hộ nào không bằng lòng đóng tiền sương túc, thời những ruộng nương của người ấy giao cả lại cho người ấy giữ lấy, mất mát đâu tuần phiên không phải đền.

Mục thứ II
Canh phòng

Điều 27: Có 2 trương tuần và 8 người tuần phiên.

Điều 28: Hai trương tuần thời ban hành chính cùng lý dịch và điền hộ hợp cử.

Điều 29: Hai trương tuần phải tự cắt lấy mỗi người là 4 người tuần phiên cộng 8 người để theo trương tuần làm việc.

Điều 30: Hai trương tuần phải từ 25 tuổi đến 45 tuổi, 8 tuần phiên phải từ 20 đến 25 tuổi đều có tinh nết tốt sức khỏe, không can án khoản gì.

Điều 31: Gặp năm đói kém nhiều trộm cướp, tuần phòng khó khăn, ban hành chính cùng lý dịch có thể mô thêm mấy người tuần nữa để thêm vào sự canh phòng ban đêm, trong 4 tháng (từ tháng 9 đến tháng 12) lương mỗi tháng mỗi người độ 2,00$ tiền ấy cũng bổ vào sương túc.

Chức vụ trương tuần và tuần phiên

Điều 32: Về việc tuần phòng trương tuần và tuần phiên phải tùy tòng lý phó trưởng đốc xuất.

Điều 33: Phải tuần phòng trong làng và ngoài đồng ruộng nương, hoa mầu, cờ bạc, trộm cướp, hỏa tai lại xem xét những người can án trộm cướp hay có tiếng trộm cướp (khi có cần bắt ra nằm điếm) người lạ mặt, người đem khí giới khả nghi, đồ quốc cấm và các điều phạm cấm ở mục thứ IX.

Điều 34: Khi có quan trên đến, trương tuần nhất diện cho báo lý dịch, hành chính, nhất diện đem ngay tuần phiên ra giữ trật tự không được để cho người lớn hay trẻ con huyên náo chen chúc gần vào quan khách, phải đứng xa ra 10 thước Tây ở hai bên vệ đường, các quan đã vào trong sân nhà hội đồng, không được nói ồn ào không được làm những cử chỉ thô bỉ vô phép, người nào bẩn thỉu hay không mặc quần áo tử tế thì đuổi ra chỗ khác.

Điều 35: Khi có quan khách lạ hoặc Tây hoặc ta đến khám bắt người, hay yêu cầu sự gì thì trương tuần phải mật phái ngay một người tuần phiên chạy đi phi trình quan thủ sở tại.

Điều 36: Khi có auto vào làng thời trương tuần, tuần phiên phải ra ngay đường cái làng mà trông nom không cho kẻ con chạy ra đường và đến gần auto, phải đứng cách xa 10 thước Tây, hay ném đất đá vào auto, nếu là xe của người lạ khả nghi, thì trương tuần phải biên lấy hiệu xe và số xe, để khi có cần tiện việc tra xét, cho nên trương tuần nên có một quyển sổ tay.

Điều 37: Phải thường thì xem xét các nơi công tư điền thổ, không được để ai chôn giấu các cấm vật như thuốc phiện, rượu lậu, khí giới và hài cốt v.v...

Điều 38: Phải trông nom và trình ngay ban hành chính về các việc vệ sinh và các việc cứu cấp, như là khi có tật bệnh truyền nhiễm, bệnh dại, người hay súc vật, hay có tai nạn gì phát sinh ra.

Điều 39: Phải trình ban hành chính những chỗ đường sá, cầu cống, hay vật kiến chú, của công dân bị khuyết liệt, để tu bổ lại.

Điều 40: Phải chia nhau mà trừ cho tiệt hai thứ bèo Nhật Bản và bèo ong ở các ao, chuôm, ngòi, lạch (ao tư thì chủ ai phải vớt, còn ngòi lạch thì tuần phiên chia nhau mà vớt).

Điều 41: Về mùa làm ruộng thì phải trừ cho hết các sự có thể làm trở ngại được việc cày cấy như đổi đồng, xin lúa, mót lúa v.v...

Điều 42: Cứ đến tháng củ mật thì phải sửa sang, dào dạn bờ lũy cho kín đáo chắc chắn.

Điều 43: Những buổi hội đồng thường hay bất thường, hễ nghe thấy trống hội đồng (3 hồi 9 tiếng) thời trương tuần phải cắt ngay tuần phiên ra ứng trực ở nhà hội đồng, để sai phái như: giữ trật tự, đòi hỏi hay bắt bớ kẻ phạm.

Điều 44: Phải giữ các hiệu lệnh và khí giới như chuông, trống, tù và, giáo, mác, v.v... lại phải giữ đồ chữa cháy cùng đồ tống táng, thuống, cuốc (sẽ có sổ kê khai đồ đạc). Nếu để mất phải đền và cấm không được đem về nhà làm việc tư.

Điều 45: Kỳ mục, lý, phó trưởng, trương tuần không được lấy tuần phiên về làm việc.

Quyền lợi

Điều 46: Lương 2 trương tuần đồng niên mỗi người được 50,00$ lương 8 người tuần phiên mỗi người đồng niên được 40,00$ (đều lấy vào sổ sương túc, nhưng có thể tăng giảm tùy giá sinh hoạt hàng năm).

Điều 47: Lương trương tuần và tuần phiên phát làm 12 tháng (theo tháng Tây) cứ vào cuối tháng thì phát của người nào người ấy ký tên lĩnh lấy, nhưng mỗi kỳ mỗi người trương tuần phải lưu lại tại quĩ là 1,60$ mỗi người tuần phải lưu lại tại quĩ là 0,36$ để phòng khi đến những hoa mầu bị mất, đến cuối năm mà không phải đền sự gì thì được lĩnh ra nốt.

Điều 48: Mãn hạn ba năm các trương tuần và tuần phiên bắt buộc phải từ dịch nhưng được tái cử.

Điều 49: Ba năm mãn hạn 2 trương tuần làm việc mẫn cán không bị trách phạt, thì được vọng vào tư văn quan viên hàng xã.

Điều 50: Bắt được một tên cướp thì trích tiền công quĩ ra thưởng họ 5,00$.

Điều 51: Bị thương thành tàng tật hay bị chết trong khi làm việc công, như đánh cướp, hay chữa cháy, cứu người chết đuối hay tai nạn gì thì trích công quĩ; bị thương nhẹ thì cấp cho đến khỏi, bị tàng tật thì tùy nặng nhẹ mà cấp tiền ít nhiều (khi ấy ban hành chính sẽ bàn định số tiền), bất hạnh bị chết, thì cấp tiền làm ma là 20,00$. Ban hành chính và lý dịch đều phải đi đưa đám như quan viên hạng nhất; lại cho con một tên lý hảo, chưa có con thì cho anh hay em mà đều không phải khao vọng gì cả.

Trách phạt

Điều 52: Tuần phòng bất lực, gian dối thiên vị tùy việc nặng nhẹ, mà có thể phạt từ 10 hảo đến một tháng lương.

Điều 53: Nếu để mất trộm hoa mầu ở ngoài đồng thì phải chiếu giá mà đền, không đền được thì trừ vào lương tháng, khi quân cướp mạnh quá sức, tuần địch không nổi thì không phải đền.

Vũ dũng

Điều 54: Tuân lệnh quan trên, lại lập thêm một ban vũ dũng, chuyên để chống cự trộm cướp, khi bình cứ 1 người đoàn trưởng còn 4 người vũ dũng, khi nghiêm trong thì có 40 người (do 8 đoàn trưởng 32 vũ dũng). Lúc cần lập 40 người, thì xin phép quan trên.

Điều 55: Sự cắt vũ dũng có 2 cách như sau: tùy ban hành chính lâm thời bàn định:

1. Xóm Đình kiêm xóm Phượng.
2. Xóm Chùa kiêm xóm Cò.
3. Xóm Rộc.
4. Xóm Dưới.
5. Xóm Hạnh.

Các huynh thứ, các điền hộ, các nhà tư bản trong 5 xóm cử ra, cắt người về hạng vũ dũng này chỉ cắt những người không có tình nghi và có lòng trung thành với hai chính phủ, can đảm mạnh khỏe chứ không phân biệt giầu, nghèo, người tư bản hay cung đình, có lòng giúp làng đều ra được cả.

Hai là cắt lượt vào hết thảy trai tráng trong làng (chỉ trừ những người tình nghi) từ 20 đến 35 tuổi, quan dân ai cũng phải đi, chỉ trừ người tàng tật và những người đang làm chức dịch ở trong làng, lệ cắt từ trên xuống dưới (tức là người nhiều tuổi) lại cắt lại ai mắc việc như buôn bán học hành, đương chức nhà nước không ra vũ dũng được, thì phải nộp vào công quĩ làng 3,00$ thì được miễn một hạn.

Người làng nên bắt việc bảo vệ quê hương là việc danh giá của tất cả người làng từ người cùng đinh cho đến quan chức. Vậy là không nên coi khinh mà nhãng bỏ đi.

Điều 57: Khi giới thì sắm các thứ đồ dùng như tuyết giáo, mác, quẩm v.v... còn như đèn pile, giày, sà cạp, thời khi nào cần mới sắm (tiền sắm khí giới lấy ở công quĩ làng xã).

Điều 58: Tiền lương thời có 2 cách, tùy theo ban hành chính cùng huynh thứ bàn định, một là trả lương năm, đoàn hướng mỗi người đồng niên độ 6,00$ bạc; vũ dũng mỗi người đồng niên độ 5,00$ bạc. Hai là lương ngày, cứ ngày nào làm việc ngày ấy được ăn lương, mỗi người mỗi người được độ 0,25$ (do ban hành chính và huynh thứ sẽ định).

Điều thứ 59: Số lương vũ dũng trích vào công quĩ, mỗi năm dự tính ra độ 100,00$. Khi tình thế nghiêm trọng phải chi nhiều thì sẽ xin phép quan trên quyên thêm

Điều 60: Những quyền lợi của tuần phiên ở điều số 50, 51, 52 đều thi hành cho ban vũ dũng.

Điều 61: Ai không tuân hiệu lệnh người trên thì bị phạt ở mục IX số I mà có thể thải hồi.

Gia đình trong làng

Điều 62: Khi có hiệu lệnh cấp báo, từ tuần phiên vũ dũng thấy người làng chỉ trừ từ 17 tuổi giở xuống, 60 tuổi giở lên cùng người tàn tật, còn đều phải đến cấp cứu. Ai không tuân theo sẽ bị phạt ở mục IX số I.

Điều 63: Những quyền lợi của tuần phiên ở các điều số 50, 51, 52 đều thi hành cho tất cả người làng.

Việc canh phòng riêng các xóm

Điều 64: Những chỗ xung yếu đều phải lập điếm canh và những bờ lũy đều phải rào dậu thuộc về địa phận xóm nào, xóm ấy phải làm lấy.

Điều 65: Vào tháng củ mật và những lúc nghiêm trọng, hàng xóm phải cắt người ra nằm điếm canh, mỗi điếm ít ra là phải 5 người giở lên. Sự cắt người canh thì do huynh thứ trong xóm, sự kiểm soát thì do lý trưởng, phó lý và trương tuần trông coi.

Điều 66: Khi có động thời các người canh gác, điếm canh phải nhất diện chống cự, nhất diện phi báo tuần phiên và vũ dũng.

Điều 67: Các đồ báo động như trống, tù và, các đồ khí giới do hàng xóm sắm lấy.

Hiệu lệnh báo động

Điều 68: Hiệu cấp báo chỉ dùng vào các sự nguy biến khẩn cấp như: cướp, cháy, sạt đê mà thôi, nổi hiệu như sau này:

1. Trống đánh ngũ liên: cướp.

2. Tù và thổi và liên thanh: cướp.

3. Chuông đánh liên thanh: bị cháy, sạt đê.

Các đồ trên này trích lấy tiền công quĩ để sắm và để luôn ở điếm canh, giao cho một người trương tuần canh giữ (do 2 trương tuần mỗi người phải giữ một năm, các đồ công như: khí giới tuần phong, đồ chữa cháy, đồ báo động, đồ lấp huyệt.

Người mõ

Điều 69: Người mõ phải hầu hạ làng canh gác nhà hội đồng, đi mời các kỳ mục, lý dịch, điền hộ và các công việc hương ẩm, được chi lương đồng niên 20,00$ trích ở công quĩ.

Điều 70: Những tiền lương của tuần, vũ dũng, mõ, thủ lộ v.v... đều có thể tăng lên hay giảm xuống, tùy theo giá sinh hoạt trong năm ấy sẽ do ban hành chính bản định.

Mục thứ III
Vệ sinh và cứu tế
Vệ sinh

Muốn cho trình độ của nhân dân tăng tiến phải nên chú ý vào sự sinh hoạt như là: sự sạch sẽ, sự phòng bệnh, sự thể thao vận động cho người đi học bà mụ, học khán hộ, lập nhà hộ sinh, nhà phát thuốc (những thuốc cần dùng như là chốc đầu, đau mắt ...v.v.), khai thêm giếng nước, mở trường vận động... v.v.

Điều 71: Nhà nào có người bị ốm hay ông lang nào chữa bệnh cho người ốm nào, nghi là bệnh truyền nhiễm hay bệnh thời trứng

(như bệnh tả, bệnh ly, bệnh hạch, bệnh màng óc, bệnh thương hàn, bệnh đậu mùa, bệnh chó dại cắn, v.v... thì đều phải lập tức tường với ban hành chính và lý trưởng để trình quan trên, nếu không tuân thì bị phạt ở mục IX số I.

Điều 72: Nhà nào có các giống súc vật như: trâu, bò, lợn, chó, mèo v.v... bị ốm nghi là truyền nhiễm hay hóa dại lập tức tường với ban hành chính và lý trưởng để trình quan trên hay trừ đi.

Điều 73: Nhà nào bất hạnh phát ra bệnh hủi thì phải tường ngay ban hành chính và lý dịch để trình quan trên xử trí (ba điều trên này ai cố ý giấu giếm sẽ bị phạt ở mục IX - I.

Cứu tế

Điều 74: Nếu nhà nào nghèo bị bệnh cấp cứu như là khó đẻ, ngã cây hay tai nạn gì, ban hành chính phải trích ngay tiền công quĩ một số cho đủ, thuê xe hay cáng người bị ốm đi nhà thương nếu có cần, lại cấp cho người ốm một ít tiền nữa để chi dung trong khi ở nhà thương.

Điều 75: Nhà nghèo bị ốm đau nặng xin cứu giúp, ban hành chính sẽ trích tiền công quĩ độ 3,00$ để giúp đỡ cho người ta về thuốc men.

Điều 76: Bị cháy nhà mất cả sản nghiệp ban hành chính sẽ trích tiền công quĩ 3,00$ để giúp đỡ cho.

Điều 77: Người nghèo ở làng chết hay người chết đường, thuộc địa phận làng mình đều trích lấy một số tiền mua cho một bộ áo quan.

Điều 78: Những đường trong làng ở trước cửa hay ở cạnh nhà thì nhà ấy nên thường thì quét dọn luôn, thứ nhất là cống nước phải dọn cho sạch sẽ, không tuân theo để bẩn thỉu ô uế sẽ bị phạt ở mục IX.

Điều 79: Mỗi năm ít ra là một lần ban hành chính trích tiền công quĩ và thuê tát giếng cho sạch sẽ và phải cho thêm đá sỏi và than xuống.

Mục thứ IV
Đường sá, cầu cống, chợ
Thủ lộ

Điều 80: Làng thuê một thủ lộ tiền lương đồng niên đó 72,00$ (tùy theo giá sinh hoạt từng năm).

Điều 81: Phải làm việc mỗi ngày 7 giờ, sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 1 giờ đến 5 giờ, nghỉ 3 ngày tết Nguyên Đán và các ngày chủ nhật.

Điều 82: Phải trông nom đường sá, cầu cống, trong làng và ngoài làng chỗ nào khuyết liệt ít thì phải sửa sang lấy, nhiều thì phải tường ban hành chính cho tu bổ.

Điều 83: Phải quét dọn sạch sẽ các đường cái công của làng, nhà trạng học và nhà hội đồng

Điều 84: Phải phát các cành cây ngả ra đường cho đường sá lúc nào cũng được quan đãng và sạch sẽ.

Điều 85: Phải chăm bón cả các cây cối của công dân và chỗ đất công nào ban hành chính xét ra nên trồng cây hay làm vườn cây.

Điều 86: Thủ lộ làm ở chỗ nào thì phải cắm cờ ở chỗ ấy (những khí cụ của thủ lộ là: cờ, cuốc, xẻng, thuổng, dao, liềm v.v... ban hành chính trích tiền công quĩ sắm cho) cấm không được đem về nhà các đồ này làm việc riêng.

Điều 87: Phải trình ban hành chính những người đã phạm vào các điều thuộc về đường sá, cầu cống, cây cối ở mục thứ IX.

Điều 88: Làm việc không chăm chỉ thì bị bãi.

Mục thứ V
Ruộng đất, ao và đìa công

Điều 89: Ruộng công, công có 54 mẫu, 10 thước, 1 mẫu, 5 sào 0 thước 6 tấc (do cấp chùa Vĩnh Phúc 10 mẫu 2 sào 0 thước 0 tấc, cấp chùa Liên Trì 1 mẫu 4 sào 7 thước 0 tấc, cấp công trừ đèn hương 1 mẫu 3 sào 6 thước 0 tấc, cấp cho làng làm giỗ hậu bà cốt am 5 sào và

cấp 7 giáp thổi mãi mới 9 sào 4 thước 6 tấc) còn 48 mẫu 5 sào 0 thước 5 tấc, chia làm 24 lô, để miễn bán đấu giá bỏ vào công quĩ.

Điều 90: Đất công có 3 mẫu 8 sào 9 thước 4 tấc (do đất đình, chùa 2 mẫu 5 sào 1 thước 3 tấc, tha ma 17 mẫu ba sào, đất hoang 2 mẫu 9 sào 8 thước 1 tấc.

Điều 91: Xét ra đất chùa thường cho người làm nhà ở nhờ, thành ra mất cả cảnh đẹp ở chốn thuyền môn. Nay định nhất thiết cấm chỉ không cho người nào được làm nhà lên đất chùa nữa.

Điều 92: Ao công có 8 cái, cộng 4 mẫu 1 sào thước, để miễn bán đấu giá lấy tiền sung vào công quĩ.

Điều 93: Đìa công có 5 cái công cộng và 5 thước đìa công, không nên bán chung hay giao cho tuần vì họ ham lời, khi ngăn nước lại khi tháo nước đi và đơm đó, thường làm thiệt hại ruộng nương ở hai bên đìa, ngòi và cầu cống cho nên chánh phó lý phải kiểm soát lấy khi ngăn nước, tháo nước đều tùy theo sự ích lợi cho ruộng nương ở hai bên bờ ngòi (...).

Cách bán đấu giá ruộng và ao

Điều 94: Cách thức bán đấu giá ruộng và ao, ban hành chính phải yết thị 10 ngày trước ngày bán đấu giá, lệ thường đấu giá ở nhà hội vào ngày 1 tháng hai ta, hôm ấy hương hội họp tất cả ban hành chính và lý dịch, ai giả giá cao hơn thì mua được. Khi đấu giá ai muốn mua phải nộp trước 5,00$ rồi đến 15 tháng hai ấy phải nộp một nửa số tiền đấu giá nếu không được, thì số tiền ký quĩ mất không, mà ruộng lại bán đấu giá lại; còn một nửa số tiền đấu giá thì đến 1 tháng 4 ta phải giả nốt.

Ruộng thì bán từng năm một, còn ao thì có thể bán một kỳ hai hay ba năm, ai mua ao cũng phải ký số tiền giấy 5,00$ còn số tiền mua thì giao từng năm một.

Việc bán đấu giá này ban hành chính đều phải lập biên bản và hợp đồng có người mua ký nhận.

Làm nhà lên đất công

Điều 95: Ai làm nhà lên đất công của làng phải làm giấy xin phép ban hành chính, giấy nộp phải cam đoan lúc nào làng cần lấy đất đai, thì hạn trong một tháng phải giỡ nhà đi không được đòi phí tổn gì cả.

Điều 96: Ban hành chính cắm đất và cấp đất cho một cái giấy phép. Giấy phép này chỉ có hiệu lực trong 3 năm, hết 3 năm người thuê phải xin ban hành chính cấp cho cái giấy khác, nếu không tuân thì bị phạt ở mục IV số I.

Điều 97: Cứ mỗi nóc nhà ở trên đất công, đồng niên phải nộp vào công quĩ từ 0,20$ đến 1,00$ tùy nơi rộng, hẹp và buôn bán tốt xấu, số tiền giao lý trưởng thu.

Điều 98: Vì sự giữ vẻ tôn nghiêm vẻ mỹ quan của đình chùa, nhất thiết công, tư, điền thổ ở khu trước mắt và ở xung quanh đình, chùa, miếu mạo đều cấm không cho ai được làm nhà cả.

Giồng cấy lên đất công

Điều 99: Ở các miếng đất công dân và hai bên vệ đường, ai muốn giồng cây, phải trình ban hành chính sẽ trích tiền công quĩ thưởng cho mỗi gốc từ 0,02$ đến 0,50$.

Chăn vịt ngoài đồng

Điều 100: Xét ra sự chăn vịt làm hại ruộng nương nhiều, cho nên ai muốn chăn vịt từng đàn 20 con dĩ thượng ra đồng ruộng, thì phải xin phép ban hành chính và phải nộp vào công quĩ một số tiền ít nhất là 40,00$ tùy theo số vịt nhiều ít, mà chỉ cho chăn từ tháng 11 ta cho đến tháng 4 năm sau mà thôi. Nếu không xin phép thì phải phạt ở mục IX số 33 và cấm không cho chăn nữa.

Mục thứ VI
Các việc linh tinh
Ngụ cư

Điều 101: Những người ngụ cư có gia sản ở làng thời đều phải chịu hết thảy về sự canh phòng của làng và tạp dịch nhà nước như công việc hộ đê, phu vận tải, nếu không tuân thi phải phạt ở mục IX số I và có thể đuổi đi không cho ở làng nữa.

Táng mả và ký táng

Điều 102: Ban hành chính lập một quyển sổ gọi là sổ mộ địa, để biên chép những mả táng ở ruộng đất công và ở tha ma của làng cho tiện việc kiểm soát.

Điều thứ 103: Bất cứ người làng hay người ngoài, ai để mả hay cải táng ở ruộng đất công, hay ở tha ma, đều phải trình ban hành chính để vào sổ, ai không tuân sẽ bị phạt ở mục IX - 29.

Điều thứ 104: Làng sẽ cắm ra một miếng đất công hay ruộng công, để làm nghĩa địa. Người làng táng ở nghĩa địa thời không phải mất tiền, còn táng ở ruộng công thì phải nộp vào công quĩ 5,00$. Người ngoài táng vào nghĩa địa thì phải nộp vào công quĩ 5,00$ mà táng ở ruộng thì phải nộp 15,00$. Táng ở ruộng tư của người làng hay người ngoài cũng như nhau thì phải nộp 5,00$.

Điều 105: Táng mả ở ruộng đất công, nhất thiết cấm không được đắp nấm chiếm xung quanh, còn những mả cũ, khi cải táng có mả bắt buộc phải phá cái nấm đi và phải dọn những đồ trong mộ như đồ khâm niệm, ván quan tài cho sạch sẽ và phải lấp chỗ huyệt cũ đi cho bằng phẳng, nếu không thì bị phạt ở mục IX số 29.

Nhà cửa

Điều 106: Ai làm nhà lá nên làm cách nhà khác độ 1 thước Tây, phòng khi hỏa họa cháy bén sang nhà khác, có khi gây nên một sự thiệt hại rất quan hệ cho dân làng.

Cưới cheo

Điều thứ 107: Nộp cheo cải giá cũng phải nộp vào công quĩ có hai lệ như sau này:

1 - Cheo nội - Con gái người làng hay con gái người làng khác ngụ cư ở làng lấy chồng làng cheo 1,00$.

2 - Cheo ngoại - Con gái người làng và con gái làng khác ngụ cư ở làng, lấy chồng làng khác cheo 2,00$.

Các món tiền này bỏ vào công quĩ hàng xã. Lại có hội cứu tế đám cưới nào muốn cúng vào bao nhiêu tùy ý; để hàng năm cứ đến cuối tháng Chạp đem ra phát cho người nghèo

Phúng viếng

Điều 108: Năm hạng người sau này khi quá cố được cả làng phúng viếng và đi đưa đám:

1. Có công to với làng, hoặc về tinh thần (nghĩa là làm cho trình độ, trí thức dân làng tăng tiến) hoặc về vật chất (nghĩa là giúp dân làng về tiền tài).

2. Các ông bà quan từ tứ phẩm giở lên.

3. Tiên thứ chỉ.

4. Làm việc công dân phải tàn tật hay là chết mất.

5. Các cụ ông, bà thọ từ 80 tuổi giở lên. Những người thay mặt làng đi đưa ban hành chính và lý dịch.

Ai không có lời cáo mà không đi, thì bị phạt ở mục IX số I.

Tiền phúng định là 2,00$ trích ở công quĩ để sửa lễ phúng.

Hai trương tuần và thủ lộ đi giúp đám 6 người tuần mặc áo trắng cầm 5 lá cờ trắng và bức trướng để chữ "bản xã hương lý đồng bái vãn" 2 người tuần thổi ốc hiệu, người mõ đánh trống.

Khi đến huyệt những người đi đưa thay mặt làng đứng sắp hàng vái 3 vái về không ăn uống.

Lễ tết

Điều 109: Sáng hôm mồng ba tết Nguyên Đán vào khoảng 10 giờ, nhòng Trạ phải tế tựu ở đình, rồi thay mặt làng chia nhau đem cau (cửa to 5 quả, cửa bé 3 quả) đi lễ nhà thờ các quan không được ăn cỗ.

Chia ra làm 2, 3 toán, mỗi toán phải có một người đàn anh như: Lý trưởng, phó lý, hộ lại v.v...

Hiện nay có 15 cửa nhà thờ là:

1. Cụ Thượng quán.
2. Cụ tiến sĩ Nghiêm Bá.
3. Cụ Hầu Khanh họ Trần.
4. Cụ Hiệp, Nguyễn Hữu.
5. Cụ Thượng, Tây Đình.
6. Cụ Hiệp, Nguyễn Hữu.
7. Cụ cố Hiệp.
8. Cụ lang trung họ Nghiêm
9. Cụ án cao họ Nghiêm
10. Cụ án nam Cao họ Nghiêm
11. Cụ án tuyên họ Nghiêm
12. Cụ thị giảng họ Nguyễn
13. Cụ cố tuấn họ Nghiêm
14. Cụ đốc họ Đỗ
15. Cụ huyện (...).

Lễ giỗ

Điều 110: Ngày giỗ các nhà quan, có mời làng, thời cắt lấy nhòng Trạ, độ 4 người phải có một vài người đàn anh như phó lý trưởng hay hộ lại đi lễ được trích công quỹ 1,00$ để sửa đổ lễ, nếu nhà chủ mời ăn cỗ thì được ăn, có đại tang đều đi được cả.

Mục thứ VII
Ban văn học

Ban văn học là cơ quan trí dục và thể dục của dân làng

A. Cách tổ chức

Điều 111: Thư ký và thủ quĩ của làng phải kiêm các việc sổ sách và giữ tiền tài của ban văn học này.

Điều thứ 112: Ban văn học có các hội viên tán trợ, để giúp các công việc hội viên tán trợ đều phải là người bản xã.

B. Công việc

Điều thứ 113: Công việc ban văn học như sau này:

1. Trông coi thư viện (sách vở, báo chí, địa đồ v.v...)

2. Trù liệu việc phát phần thưởng hàng năm cho học trò trường trong làng sau khi nghỉ hè.

3. Trông coi việc thể thao trong làng.

4. Nghiên cứu các nghề nghiệp canh nông kỹ nghệ.

5. Dạy chữ Quốc ngữ cho những người không đi học được trường công vì nghèo hay quá tuổi v.v...

6. Mua giấy bút phát cho học trò nghèo.

7. Trông coi việc vệ sinh và y tế trong làng (như cho người đi học bà mụ, khán hộ...) để đỡ đẻ hay làm thuốc, những bệnh thông thường cho người làng như tra thuốc đau mắt, rửa chốt ghẻ ...v.v.

8. Trông coi việc vệ sinh, sinh lợi cho dân như trồng cây thả cá.

9. Đặt giải thưởng để khuyến khích học trò.

10. Đặt giải thưởng để khuyến khích các công việc như (văn chương nghệ thuật, sinh kế vân vân).

Những điều trên này điều gì quan hệ phải xin phán quan trên, thời trước khi ban hành phải xin phép.

(...)

Điều 115: Các công việc trên này lấy các hội viên tán trợ và trông coi.

Điều 116: Tiền tài chi vào các công việc trên này thì công quĩ hàng xã cấp cho, hay các hội viên tán trợ giúp cho.

Mục thứ VIII
Các điều tưởng lệ

1. Giải điển

Điều 117: Từ thượng cổ làng có đặt giải điển ai đỗ tiến sỹ thì làng biếu (tương truyền giải điển những mẫu ruộng và cả cái giải sau rút xuống 2 mẫu 8 sào 9 thước, 1 tấc. Khi cụ tuần Nghiêm Xuân Giảng đỗ Tiến sỹ lệ được ăn nhưng cụ biếu lại chi làng). Nay đinh lại để giữ lấy cái mỹ tục ấy và cho hợp thời như sau này:

Làng sẽ trích ra 1 mẫu làm ruộng giải điển để thưởng cho người đỗ docteur các khoa về tân học, được hưởng lợi một năm, nếu nhiều người đỗ thì ai nhiều tuổi ăn năm trước, ít tuổi ăn năm sau.

2. Bia kỷ niệm

Điều 118: Sẽ lập một cái bia bằng đá (nên dựng ở chỗ nào sau sẽ đinh) nay hãy tạm để ở nhà hội đồng để ghi chép tên tuổi và công nghiệp những hạng người này:

1. Có công to với làng về đường tinh thần (như làm cho trí thức dân làng tăng tiến) hoặc về đường vật chất (như là giúp tiền của cho dân làng để làm việc to tát).

2. Sinh được kỹ nghệ mới, có ích cho sự kinh tế của dân làng.

3. Giữ được sự yên ổn cho dân làng những năm kém đói.

4. Chu cấp cho dân làng, những năm kém đói.

5. Các quan tỉnh giở lên, các ông đỗ tiến sĩ, docteur giở lên.

6. Các nhà văn học nghệ thuật, các nhà nông thường lập được tiếng tăm ở trong nước.

Việc khắc tên vào bia này, trước hết bản để nghị phải được đa số ban hành chính tán thành và hội đồng kỳ mục chuẩn y, rồi sẽ thông đạt cho người được khắc tên đã thừa nhận, rồi ban hành chính

mới khắc tuổi và công nghiệp của người được khắc vào bia và đình ngày họp cả hội đồng kỳ mục, ban hành chính nhòng Hòa Nhạc, nhòng Trạ và ban văn học mời cả các người được khắc tên đến dự lễ. Khi ấy chánh ban hành chính hay người thay mặt cả dân làng, đọc mấy câu chúc từ thế là lễ xong.

3. Giấy khen

Điều 119: Ai giúp dân làng được việc nhỏ, thì ban hành chính và ban văn học sẽ cấp cho một cái giấy khen, kiểu giấy khen sẽ định sau.

Mục thứ IX
Các điều phạm cấm

Điều 120: Ai phạm cấm các điều sau này thì bị phạt tiền từ 0,40$ đến 1,00$ sung vào công quĩ và bị mất ngôi thứ trong một hạn, hay chỉ bị một thứ trong hai thứ trên này; nếu người bị phạt chưa đến tuổi hay là người mướn thì cha mẹ hay chủ mướn phải chịu về số tiền phạt.

1. Ai phạm các điều cấm trong hương ước này phải phạt từ 0,10$ đến 1,00$ và bị mất ngôi. Thứ hai đình trung từ một đến hai năm hay là chỉ bị một thứ trong hai thứ trên này.

2. Cờ bạc nhỏ (do cờ bạc to thì phải giải quan trên) phạt từ 0,20$ đến 1,00$ và có thể bị cất ngôi hương ẩm một năm.

3. Cãi nhau đánh nhau, làm mất việc yên ổn trong làng phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$, nếu trong một tháng mà tái phạm lần sau phải phạt gấp đôi.

4. Làm huyên náo để mất trật tự hay làm cách trở trong khi đón tiếp quan khách, khi hội họp, khi tế lễ, phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

5. Đi xe auto, xe đạp, xe tay vào trong làng đã có hiệu bắt dừng lại mà không tuân theo phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

6. Làm trở ngại sự giao thông như bày hàng hóa, để tre gỗ, đánh chỉ v.v... ra ngoài đường phải phạt từ 0,10$ đến 0,30$.

7. Đóng cọc, buộc trâu bò hay chăn trâu bò lên các đất công trong làng, các nơi kiến trúc vệ đường lát gạch xứ Đầu Voi (trong 4 mốc gạch) đều phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$ và phải dọn sạch sẽ đi.

8. Đào xẻ hay làm tổn hại các đường cái lát gạch vật kiến trúc các nơi công thổ, sứ Đầu Voi trong 4 mốc, phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$ mà phải tu sửa lại như cũ.

9. Đào xẻ hay làm tổn hại các đường cái đã lát gạch hay chưa lát gạch nhưng đã xây cống, mà không xin phép đều phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ lại phải san lấp lại như cũ.

10. Phóng uế (ỉa) đổ rác, vất xác súc vật, thảo nước cống, nhất thiết những đồ bẩn thỉu ra đường cái, giếng nước cạnh đình, chùa, cầu quán, trên mả người ta, tất cả các nơi đất công, đất tư, hồ ao, phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$ lại phải dọn dẹp các uế vật ấy đi cho sạch sẽ.

11. Làm nhà xí, chuồng trâu, bò, lợn ở bên vệ đường, không kín đáo và sạch sẽ phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$ lại phải làm lại hay đem đi chỗ khác.

12. Đánh đống các thứ phân lên đất công hay tư gần đường sá, nhà người ta ở, đình, chùa, cầu, quán, giếng nước phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$ lại phải dọn sạch sẽ ngay đi.

13. Kéo xe sắt, xe bò vào đường lát gạch cao, xe sắt phải phạt 0,20$ xe bò 0,50$, nếu vỡ gạch phải đền nếu không chịu phạt, xe sắt giữ lại đến 24 giờ, xe bò giữ lại 3 ngày.

14. Thả trâu bò xuống ao làm lở bờ ao và hỏng đường sá phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$ lại phải đắp bờ ao và đường lại.

15. Để trẻ con chạy rông ra đường cái, làm cản trở xe cộ như: auto, xe tay, xe đạp v.v.... hay xúm quanh nghịch ngợm vào các xe ấy trong khi đỗ ở trong làng, bố mẹ đứa trẻ ấy phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$, lại phải đền cho chủ xe, nếu xe ấy bị hư hỏng.

16. Cạp đất ra để lấn ao công, phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ có thể bị cắt ngôi thứ một năm lại phải giữ chỗ đất cạp ấy đi.

17. Trâu bò không dóng khấu thả rông ra ruộng đã cấy lúa, phải phạt mỗi con trâu 1,00$ bò 0,50$ lại phải chiểu giá chỗ lúa bị hại mà đền cho chủ ruộng, nếu không chịu phạt và bồi thường thì giả lại ruộng đất cho người ấy giữ lại.

18. Kéo cả ban đêm, đơm cả ruộng lúa làm hại các thứ hoa mầu phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$ lại phải đền sự thiệt hại ấy cho chủ.

19. Không vớt hết bèo Nhật, bèo ong ở ao của mình hay ở ao công, hay ngòi lạch về phần mình trông nom phải phạt từ 0,2$ đến 1,00$.

20. Lĩnh canh hay lĩnh cư mà phá hoại điền thổ công dân phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$, lại phải bù đắp, sửa chữa chỗ bị phá ấy như cũ.

21. Ngăn nước tháo nước ở các địa công không xin phép đơm đó cá ở các địa, phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

22. Rào dậu làm nhà hay dùng cách gì để lấn đường sá hay đất công phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ lại phải dỡ rào dậu hay nhà đi.

23. Lấy quả lấy lá, hay làm tổn hại đến các cây cối làng phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$ lại phải đền sự thiệt hại cho làng.

24. Đào lấy đất ở ruộng công tư, tha ma mộ địa về làm việc tư như đắp nền nhà, lấp ao, bón vườn v.v... phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$ lại phải đắp như cũ.

25. Để các súc vật như gà, lợn, vịt phá hại ruộng lúa, hoa mầu, đường cầu cống, công viên phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$ lại phải đền sự tổn hại cho sự chủ sau làng.

26. Chôn cất hài cốt hay xác súc vật làm cho động phạm hại vào xứ Đầu Voi (trong 4 mốc gạch) phải phạt 1,00$ lại phải đem ngay hài cốt hay xác súc vật ấy đi nơi khác.

27. Đổ những đồ uế vật của người ốm hay ngâm đặt những đồ dùng của người ốm (như phân giò, quần áo, chăn chiếu, bát đũa v.v...) xuống ao phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ lại phải dọn sạch sẽ đi.

28. Cất mả không xin phép không lấp huyệt cũ, không phá nấm cũ đi và đắp nấm mới, phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ lại phải san lấp huyệt cũ và phá các nấm đi.

29. Đào chuột vào mả người ta và cầu cống phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$ lại phải lấp chỗ bị đào cho bằng phẳng.

30. Đóng cổng chăng dây đám cưới, phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

31. Ngày gặt lúa, ai đổi đồng (tức là dùng quà bánh đổi lấy lúa, mót lúa, xin lúa đều phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

32. Chăn vịt từng đàn ra đồng ruộng không xin phép, phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ lại phải đền bồi sự thiệt hại cho làng.

33. Tự tiện vào sân nhà trường học và trường học phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Phần thứ hai
Hương ẩm

Mục thứ I
Thể lệ chung cả làng về việc hương ẩm

A. Cách tổ chức

I. Bảy giáp

Điều 121: Làng chia ra làm 7 giáp, để chia nhau chịu các việc hương ẩm là:

1. Cối Hương
2. Thượng Đông
3. Hội Đông
4. Liên Đông
5. Chính Đông
6. Đông
7. Ngoại Tây

Lại chia các họ thuộc 7 giáp như sau này:

STT	Tên giáp	Tên các họ
1	Cối Hương	Nghiêm Bá, Nghiêm Hoàng và Nghiêm Quang
2	Thượng Đồng	Nghiêm Xuân, Nghiêm Phú và Nghiêm Văn
3	Hội Đồng	Nguyễn Viết, Nguyễn Duy và Nguyễn Văn
4	Liên Đông	Nguyễn Hữu, Trần, Đỗ và Đào
5	Chính Đông	Nguyễn Văn, Nguyễn Đình và Trần
6	Đông Lộc	Bùi, Đỗ Văn, Nguyễn Văn
7	Ngoại Tây	Đỗ Văn, Phạm Văn, Nguyễn Thế Nguyễn Văn và Nguyễn Phú

Điều 122: Mỗi giáp có 15 ông lềnh là người nhiều tuổi nhất giáp và 2 người giáp trưởng là người cắt lượt (mỗi giáp 2 năm) để lo liệu các công việc hương ẩm trong họ phải chịu với làng.

II - Ba nhòng

Ba nhòng là: tư văn, hoa nhạc và trạ

Người ba nhòng này là những người có ngôi thứ ở trong đình, trực tiếp với việc hương ẩm ở đình.

Nhòng tư văn

Điều 123: Nhòng tư văn (tức là bên chức tước) là hết thảy những người có chức sắc chánh phó hương hội, tộc biểu và cựu lý dịch đã khao vọng (...) và những người mua tổng hào, lý hào, nhiêu nam đều thuộc vào nhòng này, chuyên coi đứng đầu về việc tế tự.

Nhòng hoà nhạc

Điều 124: Nhòng hòa nhạc (tức là bên lão) mỗi giáp lấy 5 ông, 7 giáp lấy 35 ông họp lại thành nhòng hòa nhạc, chuyên coi về các việc sắm sửa đồ tự khí, trông nom việc phát đãi (tức chia phần) và trợ tế.

Nhòng Trạ

Điều 125: Nhòng Trạ là đương thứ chánh phó tổng, lý phó trưởng, hộ lại, trương tuần, hai ông tử và 14 người giáp trưởng chuyên trông coi về việc đang cai mua lễ phẩm, phát đãi chia phần tự tế, thay mặt làng đi nói, khi có phần đi biếu các quan (do đã có mõ bưng đi cùng) vào thay làng giỗ hậu, lễ tế các nhà thờ các quan v.v...

III. Khao vọng

Lệ vào làng tư văn

Điều 126: Những người có chức tước phẩm hàm và phó hương hội, chánh hội, phó tổng lý, phó trương tuần, đã làm đủ niên hạn 3 năm và những người mua tổng hào, lý hào, nhiêu đều được vào nhòng tư văn, có ngôi thứ ở đình chia làm sáu hạng, nhưng phải khao vọng.

Lệ khao vọng đều quy vào số điều (tức là mua cỗ bàn) như sau:

Lệ vong

Điều 127: Quan viên hạng nhất (từ nhất phẩm tứ phẩm) phải nộp 30 ,00$.

Quan viên hạng nhì (từ ngũ phẩm đến thất phẩm) phải nộp 25,00$.

Quan viên hạng ba (bát, cửu phẩm) phải nộp 15,00$.

Quan viên hạng tư (chức dịch không phẩm hàm phải nộp 10,00$.

Mua tổng hào thứ vị quan viên tư phải nộp 100,00$.

Mua lý hào vào thứ vị quan viên hạng năm, phải nộp 60 đồng.

Mua nhiêu nam vào thứ vị quan hạng sáu phải nộp 30,00$.

Các món tiền này, đều chia ra làm ba, hai phần bỏ vào công quĩ hàng xã, một phần bỏ vào công quĩ tư văn, khi nộp tiền có thủ quĩ cấp biên lai cho.

Điều 128: Ngoài sự nộp tiền, lại phải ra đình 2 chai rượu một buồng cau và nếu có muốn vào hội tư văn thì lại phải sửa ra văn chỉ hai chai, tiền vọng trống tức là để bưng trống.

Lễ này phải chọn vào ngày sóc vọng, hay ngày có tế lễ tại đình và hai văn chỉ.

Điều 129: Các lệ trần này đã nộp đủ thì thư ký phải ghi tên tuổi, chức sắc, người "thứ vị" của làng mà hội tư văn cũng phải ghi vào sổ của hội.

Điều 130: Còn ai muốn làm cỗ bàn ăn mừng, thì phải tường với ban hành chính xem xét có phải là nhà giàu có, thì mới cho làm, chứ những nhà không được dư dụ thì không được làm, vì sợ ganh tị nhau mà sinh ra tổn hại

Điều 131: Sau khi đã khao vọng mà bị cách chức thì phải xóa tên ở sổ thứ vị đi.

Điều 132: Khi đã nộp rồi, sau được thăng chức thăng hàm, cao hơn vào thứ vi hàng trên thời chỉ phải nộp thêm số tiền còn thiếu mà thôi.

Lệ vào nhóng hòa nhạc

Điều 133: Mỗi giáp 5 ông nhiều tuổi nhất, được vào nhóng có ngôi thứ ở đình, cứ hai ông quá cố thì ông nào nhiều tuổi hơn trong ông lệnh, sau thay vào là sự tự nhiên, chỉ phải biện 35 miếng giầu ra trình các ông hòa nhạc cũ, chưa phải khao vọng gì cả.

Điều 134: Ai đã khao vọng và nhóng tư văn mà đến lượt lên lệnh, thời cứ lên và cứ giữ cả quyền lợi tư văn và quyền lợi Lệnh, nhưng không phải lấy vào nhóng hòa nhạc nữa, hàng giáp cả cắt ông Lệnh khác thay vào cho đủ năm ông.

Điều 135: Chỉ có năm cụ Lệnh nhiều tuổi nhất trong các giáp, là được vào nhóng hòa nhạc.

Khi có khuyết thì phải cử cụ Lệnh nào cao tuổi nhất trong 10 cụ lệnh, sau trong giáp thay vào, chứ không được lấy người kém tuổi (vì có cái tệ người tử tế đến tuổi không chịu ra đình) mà làm cho người khác kém tuổi ra thay.

Ông lệnh nào được cử ra đình vào nhòng hòa nhac thì phải trình quan tiên thử chỉ gọi lý trưởng đem sổ đinh ra xét, thực có phải là người nhiều tuổi nhất trong giáp, mới được vào nhòng hòa nhạc.

Lệ vào nhòng Trạ

Điều 136: Nhòng Trạ là các chức dịch đương thứ, cùng 2 ông từ và 7 người giáp trưởng như đã nó ở trên, lúc đương thứ làm việc thì không có khao vọng, nhưng lúc thôi việc thì không có vị thứ ở đình nữa. Duy những người nào làm việc đủ niên hạn mà khao vọng vào nhòng tư văn thì mới có ngôi thứ ở đình về nhòng tư văn.

IV. Thứ vị ở đình

Điều 137: Trong đình có 6 hạng chia ra làm bên hữu (bên phải) và bên tả (bên trái) bên ba hàng làm ngôi thứ chỉ ngồi 4 nhòng như sau:

1. Ba bục bên hữu (bên phải đi trong đình trông ra) là ngôi thứ của nhòng tư văn.

- Bục thứ nhất (ở bên trong giáp với bái đường).

- Chiếu thứ nhất là chỗ quan viên hạng nhất ngồi (nhất phẩm đến tứ phẩm).

- Chiếu thứ nhì là chỗ quan viên hạng nhì ngồi (ngũ phẩm đến thất phẩm).

- Chiếu thứ ba là chỗ quan viên hạng ba ngồi (bát cửu phẩm).

- Trừ chiếu thứ nhất biệt đãi quan viên hạng nhất, dù vắng mặt cũng phải bỏ trống, còn lại chiếu dưới nếu rộng thì được ngồi dồn lên không có sự gì ngăn cả.

Bục thứ nhì (ở dưới)

- Chiếu trên là chỗ ngồi quan viên hạng tư.

- Chiếu dưới là chỗ ngồi quan viên hạng năm.

- Chiếu trên và chiếu dưới đều là chỗ ngồi quan viên hạng sáu nhiều tuổi ngồi trên ít tuổi ngồi dưới (ai hàm cao ngồi trên nhưng hai người cùng hàm ai hơn tuổi ngồi trên).

2. Bục thứ nhất (ở bên trong giáp bái đường)

- Chiếu thứ nhất là chỗ ngồi các cụ hòa nhạc nhiều tuổi nhất (tức là lềnh nhất).

- Chiếu thứ nhì là chỗ ngồi các cụ hòa nhạc nhiều tuổi thứ nhì (tức là lềnh nhì).

- Chiếu thứ ba là chỗ ngồi các cụ hòa nhạc nhiều tuổi thứ ba (tức là lềnh ba).

Bục thứ nhì (ở giữa).

- Chiếu trên là chỗ ngồi đương thứ chánh phó tổng, lý phó trưởng, thủ ba, hộ lại, 2 ông từ.

- Chiếu dưới là chỗ ngồi giáp trưởng.

Bản đồ thứ vị.

Điều 138: - Vị thứ sáu hạng quan viên ban tư văn liệt kê như sau này:

<table>
<tr><td>Quan viên hạng sáu nhiều tuổi</td><td>Quan viên hạng tư</td><td>Quan viên hạng nhất</td><td rowspan="3">Giữa đình

Bái đường</td><td>Các cụ hòa nhạc thứ nhất</td><td>Đàn anh nhòng Trạ</td><td rowspan="3">Chư bà</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Quan viên hạng sáu ít tuổi</td><td rowspan="2">Quan viên hạng năm</td><td>Quan viên hạng nhì</td><td>Các cụ hòa nhạc thứ nhì</td><td rowspan="2">Đàn em nhòng Trạ</td></tr>
<tr><td>Quan viên hạng ba</td><td>Các cụ hòa nhạc thứ ba</td></tr>
</table>

Quan viên hạng nhất

1: - Tổng đốc

2: - Tuần phủ

3: - Thống chế

4: - Bố chánh

5: - Án sát

6: - Đô thống

7: - Đốc học

Quan viên hạng nhì

8: - Tri phủ
9: - Tiến sỹ doctur
10: - Đề đốc
11: - Kiểm học
12: - Chi huyện
13: - Lãnh binh
14: - Giáo thụ
15: - Cử nhân tân, cựu
16: - Huấn đạo
17: - Kỹ sư
18: - Thú y
19: - Dược y
20: - Cán sự
21: - Tham tá
22: - Phán sự ngạch tòa
23: - Thông phán (ngạch quan)

Quan viên hạng ba

24. Tú tài tân, cựu
25. Nghị viên
26. Hội viên
27. Chánh phó quản
28. Thừa phái
29. Xuất đội

Quan viên hạng tư

30. Chánh tổng
31. Phó tổng
32. Chánh hương hội
33. Phó sưu thuế
34. Lý trưởng
35. Trung học tốt nghiệp
36. Đội trưởng (cai)
37. Tổng hào

Quan viên hạng năm

38. Phó lý
39. Thủ ba
40. Hộ lại
41. Thủ quĩ
42. Phó lý
43. Khán hộ (infimia)
44. Lý hào
45. Tộc biểu

Quan viên hạng sáu

46. Nhiêu nam
47 Trương tuần

B. Công việc hương ẩm

1 - Tế lễ

Điều 139: Dân không vào đám thì đệ niên chỉ có 13 kỳ tế ở trong đình và ở sân đình như sau; là việc của cả làng chia làm 4 đang cai phải chịu là:

Đang cai xôi rước

Đang cai năm

Đang cai chính

Đang cai Kỳ Yên

Bảng kê các kỳ tế lễ:

Năm ta Ngày tháng		Tên các kỳ tế lễ	Lễ phẩm	Đang cai nào chịu	Tạp biên
7	1	Tế minh biên	Xôi gà	Đang cai năm	Các làng tế lễ từ 7 đến 11 tháng Giêng, tục gọi là trà tháng Giêng, tức là vào đám có tiểu trà (theo lệ thường) trung trà và đại trà (nào đám hạng trung hay đám là đám đại trà dài ngày hơn nhất từ 7 ngày đến 16-17 tháng Giêng Tế hộp hay là tế nào có 7 giáp hội lại để tế lễ Kỳ An là lễ các quan ôn không có tế lễ, chỉ có ông từ cúng khai quang ở trong đình và lễ này các xóm ngõ đều góp nhau để sửa lễ riêng ra cúng ở sân đình và 7 nơi là trong đình, 2 chùa, đền Phúc
8	1	Sáng tế giáng thần chiều tế yếu	Xôi gà	Đang cai chính	
9	1	Tế giới giải	Xôi gà	Đang cai chính	
10	1	Tế hộp	Trâu, bò và hát ả đào	Đang cai chính	
11	1	Tế giả	Xôi lợn	Đang cai chính	
18	2	Tế xuân	Xôi lợn	Đang cai chính	
1	4	Tế Kỳ	Xôi gà	Đang cai	

		Yên		Kỳ Yên	Nương, miếu Đồng Hiến này ở xóm Lò chứ không phải là văn chỉ của tư văn. Tế xuống đồng tế lên đồng là tế ma Thần Nông ở ngoài sân đình, hễ xuống đồng thời các giáp trưởng ra đồng làm lễ cấy lúa. Tế xôi mới cũng gọi là đại hạ, kỳ lễ này ông từ phải chọn ngày tốt, vì kỳ tế này có nhiều con trai vào làng Tế khoán là tế gia tiên 7 giáp tế ở sân đình
25	5	Tế xuống đồng	Xôi gà	Đang cai năm	
12	7	Tế lên đồng	Xôi gà	Đang cai năm	
18	5	Tế thu	Xôi lợn	Đang cai chính	
	9	Xôi mới hay đại hạ	Xôi bò và hát à đào	Đang cai năm	

Lễ phẩm các kỳ tế trên này như xôi gà, lợn, bò, hương nến v.v... và tiền hát à đào đều do công quĩ chi cấp, tùy theo tăng giảm.

Điều 141: Những ngày có tế lễ ở đình thì miếu nhà bà, ở sau hay cung đình cũng có lễ phù. Cúng như ở đình lễ xôi gà thì ở miếu lễ phủ tửu, ở đình lễ bò lợn thì miếu lễ lăm bò hay lăm lợn (do cắt ở bò, lợn cúng ở đình ra) chỉ trừ ba lễ minh niên, giỏi giải và giang thần thì ở miếu không cỗ cúng.

Lễ phẩm

Điều 142: Xôi rước - Xét ra tục thổi xôi rước là một tục làm phiền nhiễu và thiệt hại cho các cụ đã cao niên. Xôi rước là rước xôi từ nhà người thổi ra đình, cho nên gọi là xôi rước. Nguyên 12 cụ Lệnh nhiều tuổi hơn ở trong giáp đến lượt thổi xôi rước, phải thổi chia làm 3 phe, mỗi phe 4 cụ, do 3 cụ nhiều tuổi đứng đầu, (tục gọi là cụ mấu nhất, cụ

mấu nhì, cụ mấu ba) còn cụ ít hơn 9 tuổi phải theo (tục gọi là cu theo). Cứ 3 cu theo một cụ mấu.

Về phí tổn việc thổi xôi, thì làng cấp cho các cụ 60,00$ và 2 mẫu sào 5 thước ruộng công, kể ra thời cũng dư dụ. Nhưng thời đời thường mừng cỗ bàn rất là tốn kém, làm thiệt cho các cụ quá nhiều, cho nên nay quyết cải cách như sau này:

Ba ván xôi rước, mỗi ván 4 cân (cân riêng của làng) và kỳ tế chiều hôm mồng tám tháng Giêng do ban hành chính thuê thổi, hoặc 1 phường hoặc hai ba phường, nếu có nhiều người xin thổi thi nhau, khoản này công quĩ trích cho độ 60,00$ (do mỗi ván 20,00$ để phòng làm tiền phạt), khi thi xôi nếu không bị phạt mới giả đủ.

Phường thổi xôi phải gác cả rạp

Ván xôi giải nhất được thưởng 2,00$, giải nhì được thưởng 0,50$ đều trích ở công quỹ, ván xôi nào thổi vụng, hay không được tinh khiết thì phường thổi xôi ấy phải phạt từ 0,50$ đến 2,00$ lại có thể không cho thổi xôi năm sau nữa.

Nơi thổi xôi lập ở cầu chùa trên (đã trích tiền quĩ sửa sang lại rồi) trong cầu để thờ các quan bộ hạ, sàn cầu để thổi xôi. Hai ông từ phải thay đổi túc yết đèn hương việc thờ các quan bộ hạ. Khoản này công quĩ trích cho 2 ông từ 6,00$. Hai ông từ phải trông nom nơi thổi xôi, gạo nước cho được tinh khiết. Liệu năm do trích công quĩ độ 6,00$ để sắm tùy theo thời giá (giao đang cai xôi nước cùng trạ đi sắm).

Người rước xôi phải 60 người giở lên thời gian lý phó trưởng và các giáp trưởng 7 giáp, phải cắt lấy trung nam 7 giáp ra cho đủ, công quĩ sẽ cho 20,00$, hoặc chia nhau hoặc làm rượu cùng nhau ăn uống tùy các trung nam đi rước.

Trương tuần phải cắt 2 người tuần canh nơi thổi xôi nhặt da, công quĩ trích cho 1,00$ dịch và nhông Trạ phải kiểm soát luôn luôn việc thổi xôi.

Nhất thiết cấm chỉ không ai được tạ sự xôi rước mà làm cỗ bàn ăn uống gì cả.

Điều 144: Các tục cụ mấu nhất đưa biếu các tư văn, cụ mấu nhì, chửa nhòng và 7 cụ theo chửa 7 giáp, trong kỳ tế khoán, nay bãi đi mà đình lại rằng, nhòng Trạ đi biếu các quan, còn nhòng nào phải chửa nhòng ấy và giáp nào phải chửa giáp ấy như các điều bên sau sẽ nói.

Điều 145: Xôi con - Mỗi giáp mỗi năm phải thổi ra đình 6 ván xôi vào 6 kỳ tế là: tế minh niên, tế hợp, tế giả, tế xuân, tế thu và tế xôi mới (duy một ván xôi mới là làng cấp ruộng, còn 5 ván xôi trên là của quĩ 7 giáp) còn xôi kỳ tế gội giải thì bãi đi, duy năm nào vào đám to thì mới phải làm 6 ván xôi này) tế xong thì về các giáp để làm phần thượng hạ trong giáp.

Sáu ván xôi con này, trừ ván xôi mới do trai (tức giáp trưởng) thổi, còn 5 ván khác thì các giáp cũng phải thuê thổi, chứ không được cắt lượt nhau mà thổi nữa.

Xôi con giải nhất thưởng 01$, giải nhì thưởng 0,60$ (do trích ở tiền sắm đồ lễ ra) nếu xôi gà giáp nào làm không được tinh khiết thì giáp ấy phải phạt 50 miếng giầu, đem ra lễ đình, tạ thần, rồi chia các nhòng.

Chia phần

Điều 146: Lễ phẩm do tiền quĩ chi, rồi gà, khi tế xong thì phát đãi 4 nhòng và phường bạn; có mặt trợ tế, còn xôi lợn hay xôi bò thì tùy thể lệ từng kỳ mà chia 4 nhòng cùng phường bạn và 7 giáp phải nhận mà chia cho thượng hạ trong giáp.

Những kỳ tế bò, lợn, thì tiên thứ chỉ được biếu mỗi vị một quả cau và quan viên chức sắc mỗi vị được biếu một miếng giầu.

Các cụ có ngôi thứ ở đình từ 70 tuổi giở lên vì già yếu không ra đình lễ được, cũng được phần như kiến diện.

Người tàng tật có ngôi thứ ở các nhòng, tuy không được ra lễ đình, nhưng cũng dược phần biếu như kiến diện.

Phần biếu các quan về kỳ tế khoán, nhóng Trạ phải đưa (vì cụ mấu nhất không được cấp tiền và ruộng xôi rước cho nên không phải đưa phần biếu nữa.

Lễ nghi

Điều 147: Các ngày lễ về chà tháng Giêng thì phải bày biện, tàn, quạt, lộ bộ, cờ v.v... ra ngoài sân đình, còn các kỳ tế khác thì chỉ bày tàn, quạt và đồ tế ở trong đình mà thôi.

Điều 148: Công việc các kỳ tế, hoặc tiểu trà, hoặc đại trà cũng đều do nhóng hòa nhạc, nhóng Trạ vào trợ tế được các quan viên tư văn kiến diện ở đình, ai làm cao thì chủ tế, còn thì vào chấp sự, người hàm cao ủy cho người hàm thấp hơn mình vào chủ tế cũng được.

Khi tế xong, các quan viên trợ tế đều vào làm lễ một lượt, chớ không được vào lễ lẻ tẻ từng hai ba người một. Nơi lễ chia làm hai chiếu, tùy theo ngôi thứ mà đứng làm 2 hàng.

Điều 149: Văn tế, viên chủ tế phải viết (mướn người viết cũng được) và để thờ ở nhà viên chủ tế, khi tế sẽ có dân làng đem kiệu, tàn, quạt, cờ v.v... (do kỳ tế ấy thuộc vào giáp nào thì đang cai giáp ấy phải cắt người) cùng bát âm, phường trống và con giai gươm vàng đến rước văn ra đình, các viên chấp tế và quan viên các nhóng đi sau theo hiệu.

Văn tế chỉ viết thượng hạ đồng dân đẳng, chớ không viết chức tước, tính danh người nào cả.

Khi đến nhà viên chủ tế rước văn thì nên cử viên đọc chúc soát ngay văn tế, xem có chữ nào sai thì chữa ngay vào.

Điều 150: Khi tế các quan viên tư văn vào làm lễ có thể lấy cáo nhóng vào văn tự, đều mặc phẩm phục theo như phẩm hàm, chức tước của mình chỉ trừ tế khoán các quan viên bởi tế và chấp sự chỉ mặc áo thụng không đội mũ.

Điều 151: Chỉ trừ đại tang cơ niên, còn tiểu cơ đều được ra đình làm lễ cả.

Kỷ luật

Điều 152: Người bị can án, hay bắt được ăn trộm quả tang và người tàn tật đều không được ra đình, duy người tàn tật tuy không được ra đình nhưng cũng có phần.

Điều 153: Những người hạnh kiểm không tốt, hoặc ăn ở bậy bạ đối với gia đình đối với dân làng, hoặc nát rượu nói ngang đều bị truất ngôi hương ẩm từ 1 đến 3 năm, nếu không chữa lại truất hạn nữa.

Điều 154: Cấm không được nói to, hay bàn bạc sự gì trong khi tế tự và đang khi ăn uống. Ai muốn bàn việc gì, thì chỉ được nói sau khi tế và trước khi ăn uống.

Điều 155: Nếu ai thất lễ, hay làm huyên nào khi tế lễ, hay bàn bạc nói to đang khi ăn uống, hay sau khi ăn uống, thì phải phạt 100 miếng giầu hay phải trục xuất ra ngoài đình.

Điều 156: Khi tế lễ, quản tuần phải cắt tuần giữ trật tự không được huyên nào.

II. Vào đám

Vào đám tục gọi là "trà" có tiểu trà (tức là vào đám nhỏ chiếu lệ) trung trà (vào đám hạng trung trà và đại trà (vào đám to).

Đệ niên sau khi tế khoán, bốn nhòng trình quan tiên thử chỉ, nếu cho vào đám trung trà hay đại trà thời ban hành chinh lập ban khánh tiết, chọn người bốn nhòng sung vào xin phép quan trên là lo liệu các việc vào đám.

Điều 157: Vào đám ngắn ngày từ 7 đến 11 thời lễ phụ vẫn để như cũ, nếu dài ngày mà ngày nào cũng có tế thời 7 giáp phải sửa 7 ván xôi kỳ tế (giỗi giải) 1 cân xôi, 3 nén gà tức là xôi kỳ tế giỗi giải) để chia ra tế các ngày hội, chứ không bắt các nhòng món được ăn phần biếu xôi rước, phải sửa lễ phẩm như ngày xưa nữa (do ngày xưa những nhòng món và 7 giáp, ba lão, ba mẫu chư bà (các bà vãi) cùng linh đều có phần biếu xôi rước thời đều phải sửa một tuần tế cả (do nhòng tư vào tế thay).

Điều 158: Vào đám thì rước một kỳ vào ngày mồng 8 tháng Giêng, bắt đầu rước từ 3 giờ chiều ở đình, 7 giờ tối thì phải đến nền tế ở Đầu Voi 8 giờ tối thì tế, 10 giờ đêm lại rước về, 3 giờ sáng phải đến đình, chứ không được rước lâu như ngày xưa nữa.

Điều 159: Năm nào có đại trà, thì 3 ván xôi rước chung cho các trung nam khiêng kiệu.

Điều 160: Hết thảy trai tráng trong làng từ 18 tuổi đến 25 tuổi (gọi là trung nam) không có thứ vị ở trong đình đều phải đi rước (khiêng kiệu, cầm cờ, tàn quạt lộ bộ v.v....), chỉ trừ cho trung nam hai giáp đang cai chính và đang cai xôi rước vì đã phải chịu nhiều công việc rồi.

Điều thứ 161: Trung nam đi rước được công quĩ cấp cho mỗi người 0,25$.

Điều 162: Lý phó trưởng phải chiểu số đinh mà cắt trung nam đi rước 15 ngày để sắm sửa quần áo. Ai không tuân, tự tiện trốn tránh việc đi rước, thì phải phạt ở mục IX số I ở phần hương chính bên trên.

III. Bốn đang cai

A - Đang cai xôi rước

Điều 163: Đang cai xôi rước phải chịu với làng các việc hương ẩm sau này:

1. Phải chịu cả các công việc kỳ tế xôi rước (tức là tế yến chiều mồng 8 tháng Giêng) còn việc thổi xôi rước làng đã nhận làm (xem điều 43 bên trên).

2. Phải chịu cả các công việc kỳ tế khoán này, chỉ phải chứa một giáp mình về kỳ tế khoán này, chỉ phải sắm bát đũa và chiếu ra sân đình vì các cụ ở giáp đang cai xôi rước không được cấp tiền và ruộng xôi rước, cho nên các cụ không phải chịu các việc như: chia phần các quan, chứa các nhóng và chứa thất giáp nữa.

3. Đồng niên phải sửa ra đình 6 ván xôi (điều 145).

B. Đang cai chính

Điều 164: - Đang cai phải chịu với làng các việc hương ẩm như sau này:

1. Phải chịu cả các công việc các kỳ tế trả tháng Giêng (từ mồng 8 đến 11 và 2 kỳ tế xuân vị tế thu).

2. Phải chịu chứa 1 giáp mình về tế khoán (chỉ phải sắm bát đũa và chiếu ra sân đình).

3. Phải làm 2 cái giỗ hậu. Bà cốt Âm và ông Trăn, việc này làng cấp cho 5 sào ruộng công.

Lễ phẩm mỗi cái giỗ này là 1 cân xôi và 3 nén gà, vàng hương, phủ tửu (do giai 2 ông Tử làm mà nhòng Trạ và nhà trưởng ra lễ).

4. Phải cắt 2 ông từ để đèn hương trông coi trong đình trong năm chịu đang cai ấy.

5. Phải chịu hết các công việc nếu làng có vào đám đại trả (tức là vào đám to).

6. Đồng niên phải sửa ra đình 6 ván xôi (điều 145).

C. Đang cai năm

Điều 165: Đang cai năm phải chịu với làng các việc hương ẩm như sau này.

1. Phải chịu hết cả các công việc, về kỳ tế minh niên, xuống đồng lên đồng và xôi mới.

2. Phải chịu chứa 1 giáp mình về kỳ tế khoán (chỉ phải sắm bát đũa và chiếu ra sân đình).

3. Đồng niên phải sửa ra đình 6 ván xôi.

4. Phải cấp các nhân công vật liệu như tre lạt làm giòng khi có việc công tác ở đình, xong việc thì giả lại vật liệu giá vật liệu chỉ đến 10,00$, quá 10,00$ thì công quĩ chịu, còn nhân công thì công quĩ chi tiền công cho.

5. Phải chịu công việc các kỳ tế bất thường như: đảo vũ, kỳ trinh v.v... lễ phẩm thì trích vào công quĩ làng.

D. Đăng cai Kỳ Yên

Điều 166: 1. phải chịu công việc về kỳ tế Kỳ Yên.

2. Phải chịu chửa 1 giáp mình về kỳ tế khoán (chỉ phải sắm bát đũa và chiếu ra sân đình).

3. Đồng niên phải sửa ra đình 6 ván xôi (Điều 145).

Điều 167: Con giai nhà thờ (để giúp 2 ông từ đèn hương khi tế) và con giai gươm vàng (cầm gươm thờ gián hầu khi tế) những ngày tế, trong trả tháng Giêng và hai kỳ tế xuân, thu thì giáp đang cai chính phải cắt 2 người con giai nhà thờ, còn 6 giáp khác phải cắt 6 người con giai gươm vàng; mà ngày tế xôi mới đại hạ, thì giáp đang cai năm phải cắt 2 người con giai nhà thờ, còn 6 giáp khác phải cắt 6 người con giai gươm vàng.

Điều 168: Kỳ tế nào thuộc về đang cai nào, thì đang cai ấy phải cắt ra đình cho đủ người hầu hạ quan viên bốn nhòng và đầu đèn, nếu có phải túc trực ban đêm, những người hầu này phải đeo băng (sẽ làm sau).

Điều 169: Cứ mỗi giáp phải chịu 4 đang cai, trong 7 năm (do nghỉ 3 năm), hết lượt lại bắt đầu như sau này:

Năm 1. Đang cai chính.

Năm 2. Đang cai xôi rước.

Năm 3. Nghỉ.

Năm 4. Đang cai năm.

Năm 5. Nghỉ.

Năm 6. Nghỉ.

Năm 7. Đang cai Kỳ Yên.

Năm 8. Bắt đầu lại đang cai chính.

IV - Hai ông từ

Điều 170: Hai ông từ giáp nào đến lượt chịu đang cai chính, thì phải cắt ra, hạn 1 năm, phải là người khỏe mạnh sạch sẽ.

Ngày 15 tháng 12 ta, thì 2 ông từ mới nhận việc với 2 ông từ cũ.

Các công việc của 2 ông từ như sau này:

A. Tại đình

1. Đèn hương quanh năm, khoản này công quĩ cho chi 18,00$ niên (năm nào có tháng nhuận thì chi thêm độ 5,00$).

2. Lễ Giao Thừa: Khoản này theo vào ruộng cấp sóc vọng (bên sau).

3. Lễ Nguyên Đán: Khoản này cấp riêng cho 2,00$ do công quĩ

4. Sóc vọng: Ngày sóc 1 cân xôi, 3 nén gà và giấu rượu, (ngày vọng, phủ tửu) khoản này được cấp 1 mẫu 3 sào 6 thước 1 tấc ruộng công.

5. Lễ mồng 5 tháng 5: 1 cân xôi, 3 nén gà, khoản này được cấp 14 thước ruộng công.

6. Lễ Thường Tân: 2 cân xôi 4 nén gà vào tháng 9 mới có gạo mới, thì làm khi làm lễ này, 2 ông từ phải chọn ngày tốt trình quan tiên chỉ để làm lễ xôi mới đại hạ, vì kỳ lễ này có nhiều người vào làng cho con cháu. Nhưng lễ đại hạ phải cách lễ Thường Tân độ 10 ngày để cho các giáp đủ thì giờ kịp sửa.

7. Lễ 10 tháng 10: Hai cân xôi, 4 nén gà. Hai lễ Thường Tân và 10 tháng 10 được cấp 5 sào ruộng.

B. Tại miếu Nhà Bà (ở sau cung đình):

Đèn hương những ngày sóc vọng, về tiền phí tổn thì chung với số tiền cấp về việc sóc, vọng ở đình.

C. Tại đền Phúc Vương

1. Đèn hương những ngày sóc vọng được công quĩ cấp cho đồng niên 0,30$.

2. Các lễ Nhập Tịch, tế xuân tế thu ngày sinh ngày hóa và xôi mới; đều sửa xôi gà mỗi lễ được công quĩ cấp cho 0,50$. Những lễ phẩm trên này, cúng xong các nhòng có mặt ra lễ thụ phúc, không chia 7 phần.

Phụ - Ba lão

Điều 171: Ba lão là: lão thượng thụ, lão ngoại yên, lão trung thắng, vào tháng Giêng ngày tốt (khoảng 16-17-18) ba lão sửa lễ xôi, lợn ra đình, lễ xong đem về nhà trưởng (tức là nhà cụ đến lượt chịu chúa đang cai) chịu chúa tức là phải biện thêm gạo, rượu, mắm muối, mâm bát, củi lửa, chè nước để làm cỗ các lão ăn uống (cũng như đang cai nhòng tư vấn các nhòng khác).

Nếu tiền công của lão không đủ sửa lễ phẩm thì các cụ phải đóng.

Lệ vào nhòng lão, ai đến 50 tuổi, thời được vào, phải nộp cho nhòng này 0,12$ và ai không muốn chịu đang cai thì phải mua hết 6,00$ bỏ vào quĩ lão.

Ba lão này là 3 cái hội riêng của các cụ giả. (Thường đã có chân lềnh; hay vị thứ ở nhòng hòa nhạc hay nhòng tư vấn rồi; cũng biệt lập như các hội đồng niên - Các hội đồng niên nay đã bỏ gần hết - Ngày xưa các hội đồng niên phải cung tiến đồ thờ ở đình về hồi tục hương ẩm đang thịnh).

Ba lão có ba cái cầu gạch; lợp ngói để các lão ra hội họp. Cầu của lão thượng thụ ở xóm Chùa; nay sửa làm nơi thổi xôi rước, cầu của lão trung thắng ở sân đình; nay làm điếm tuần; cầu của lão ngoại yên; nay sửa sang làm nhà hội đồng.

V. Giỗ hậu

Điều 172: Làng có 4 giỗ hậu như sau:

1. Giỗ cụ tiến sỹ Nghiêm Bá Đỉnh mồng 3 tháng 3.

2. Giỗ cụ quận công Nguyễn Bao, 23 tháng Chạp.

Hai cái giỗ hậu trên này; nhòng Trạ phải sửa lễ phẩm, 1 thủ lợn, 1 đĩa xôi và phủ tửu, hương nến, cúng ở nhà thờ các Ngài, lễ xong biếu nhà chủ ít nhiều, còn nhòng Trạ đem ra đình ăn uống.

Công quĩ cấp cho mỗi cái giỗ trên này 2,00$.

3. Giỗ bà Cốt Am 14 tháng Giêng.

4. Giỗ ông Trăm 25 tháng 5.

Bà Cốt Am họ Trần là cô thầy bói, ông Trăm là người đầy tớ giắt bà đi bói, ruộng hậu làng bà Cốt Am có nhiều lắm.

Mỗi cái giỗ hạn trên này, lễ phẩm 1 cân xôi, 3 nén gà, phủ tửu, hương nến cúng ở Am hay ở đình, tùy tiện, lễ xong biếu nhà chủ ít nhiều còn thì nhóng Trạ ăn uống.

Điều 173: Hai cái giỗ lậu bà Cốt Am và ông Trăm trên này, đang cai chính phải làm (do giao 2 ông từ làm mà nhóng Trạ và nhà chủ ra lễ làng cấp cho 5 sào ruộng công).

Điều 174: Từ nay ai muốn mua hậu làng, ngày ky nhật cả làng phải làm giỗ, thời phải cúng vào làng ít nhất là 3 mẫu ruộng tốt, hay một số tiền tương đương với ba mẫu ruộng ấy. Lễ phẩm ngày kị những gì và cúng ở đâu, sẽ cùng dân làng đình ước vào giấy.

Điều 175: Các giỗ hậu của làng đều do nhóng Trạ thay mặt làng làm lễ.

Mục thứ II

Thể lệ riêng 7 giáp về việc hương ẩm:

1. Cách tổ chức

Điều 176: Mỗi giáp có 15 ông Lềnh, người nhiều tuổi hơn trong giáp, tựu trung 5 ông Lềnh nhiều tuổi nhất được vào nhóng hòa nhạc có thú vị ở trong đình. Mười lăm cụ lềnh này phải lo liệu hết thảy các công việc hương ẩm ở đình và trong giáp mình.

Điều 177: Mỗi giáp lại có 2 người giáp trưởng là những gia đình trong giáp cắt lượt mỗi người phải làm 2 năm, một người năm trước một người năm sau, nghĩa là mỗi năm lui lại một người cũ đã quen việc, để dắt người mới. Hai công việc hương ẩm ở đình và giáp mình, cùng là việc ma chay trong giáp.

Điều 178: Lệ mua trưởng làng (tức là giáp trưởng) ai không muốn làm giáp trưởng thì mua 1,00$ hay 2,00$ tùy từng giáp, tiền mua trưởng này bỏ vào quĩ hàng giáp.

Điều 179: Vào làng: Ai vào làng thì phải vào giáp mình, phải nộp 1,00$ để vào công quĩ hàng giáp và 15 miếng giầu để trình 15 ông Lệnh, nộp tiền và giầu xong, thì hàng giáp kê tên tuổi mỗi người ấy vào các sổ hàng giáp (do các họ to trong giáp đều có sổ này).

2. Công việc

Điều 180: Các công việc của hàng giáp như sau này:

1. Phải luân lưu chịu với 4 làng cải đang cai là: Đang cai chính, đang cai năm, đang cai xôi rước, đang cai Kỳ Yên ở điều 163, 164, 165, bên trên.

2. Phải cắt con giai gươm vàng và con giai nhà thờ ở điều 167 bên trên.

3. Phải thổi sáu ván xôi ra đình điều 145 vào 6 kỳ tế: tế minh miên, tế hộp, tế giả, tế xuân, tế thu và tế xôi mới. Kỳ tế khoán cũng phải có xôi ra, nhưng nhiều ít tùy trong giáp, còn xôi gà tế giội giải thì nay định rằng: năm nào vào đám đại trà mới phải thổi. Xôi gà kỳ tế giội giải này là 1 cân xôi 3 nén gà, vì làng lấy để phát đãi 3 nhòng cho nên mới phải cân, còn xôi các kỳ tế trên kia đều giáp nào đem về giáp ấy để quân phân thượng hạ trong giáp cho nên không phải cân.

4. 15 cụ Lệnh và 2 giáp trưởng phải đệ niên bán đấu giá ruộng công hàng giáp.

5. 15 cụ Lệnh phải bổ bán tiền nong thượng hạ trong giáp, nếu tiền công của hàng giáp không đủ chi tiêu các việc.

6. 15 cụ Lệnh và 2 giáp trưởng phải chia phần tế ở Đình về giáp mình, cho thượng hạ trong giáp.

7. Phàm làm giỗ hậu (có hậu làng và hậu giáp đây là hậu giáp) duy giáp Tối Thượng không có hậu.

8. 15 cụ Lệnh và 2 giáp trưởng phải cắt người đi tống táng (tức đô tùy) các người mạnh một trong giáp mình, nếu hiếu chủ nhờ đến hàng giáp.

3. Ruộng công và tiền công của các giáp:

Điều 181: Ruộng công của 7 giáp thì hàng năm bán đấu giá lấy tiền chi tiêu về các việc trên này: tùy theo thể lệ riêng của các giáp.

Số ruộng công của 7 giáp:

Giáp Thượng Đông - 3 mẫu 4 sào 11 thước 7 tấc.

Giáp Liên Đông - 4 mẫu 5 sào 2 thước 3 tấc.

Giáp Hội Đông 3 mẫu 9 sào 2 thước 3 tấc.

Giáp Chính Đông 3 mẫu 9 sào 2 thước 3 tấc.

Giáp Ngoại Tây 4 mẫu 0 sào 0 thước 6 tấc.

Giáp Đông Lộc 2 mẫu 2 sào 7 thước 4 tấc.

Giáp Tối Thượng 1 mẫu 2 sào thước 6 tấc.

(Giáp Tối Thượng không có hậu cho nên không có ruộng) hạn mà chỉ có chỗ ruộng làng cấp cho để thổi xôi này thôi.

Trong các số ruộng của 7 giáp trên này mỗi giáp có 1 sào 5 thước (duy giáp Tối thượng có 1 sào 2 thước 6 tấc) là ruộng của làng cấp cho để thổi xôi vào làng tế xôi mới, còn toàn là ruộng hạn cả.

Điều 182: Tiền công của các giáp là tiền vào làng, tiền mua trưởng, tiền mua chay, tiền bán ruộng và tiền lãi.

Điều 183: Ruộng và tiền công của 7 giáp thì của giáp nào giáp ấy quản trị lấy, chứ không thuộc vào công quĩ của làng mà không do ban hành chính quản trị.

4. Ma chay

Điều này rất quan hệ, nguyên ngày xưa là cái hội hiếu ở trong các giáp, giúp đỡ lẫn nhau trong khi tang ma, hàng giáp thì giúp sự tống táng, hiếu chủ thì biện cơm nước, sau sinh cái tục nợ miệng rất là phiền phức nặng nề, làm mất cả ý nghĩa tương trợ của cổ nhân.

Cái tục ăn uống ấy, không những tổn hại về tiền tài, mà lại sinh ra sự nguy hiểm nữa: như năm trước đã có đám ma trong làng, nhà đám có người bị bệnh thời khí, làm cho những người đến ăn cỗ chết đến ngoại 50 người, thực là đáng sợ! Nay phải cải lương lại cái tục bại

hoại này cho thực tinh giảm mới được, nghĩa là bỏ hết lệ hàng giáp ăn uống đi mà quy cả vào tiền.

Điều 184: Việc tống táng: Ai muốn nhờ họ mình, hàng xóm mình hay giáp mình cũng được.

Điều 185: Ai nhờ họ hay nhờ hàng hàng xóm thì lệ hàng giáp bao giờ cũng được, còn nhờ hàng giáp thì phải giả ngay.

Điều 186: Lệ ăn uống quy cả vào tiền, một phần bỏ vào quĩ hàng giáp, một phần chia ông Lềnh và một phần chi cho những người đi rước, nặng nhẹ tùy theo tục lệ của từng giáp như sau này:

Tên giáp	Nộp lệ hạng mấy	Số tiền lệ	Số tiền bỏ quĩ hàng giáp	Số tiền chi 15 ông Lềnh	Số tiền chia cho người đi rước
Thượng Đồng	Nhất	30$,00	15$,00	3$,00	12$,00
	Nhì	20$,00	10$,00	2$,00	8$,00
	Ba	10$,00	5$,00	Không	5$,00
	Tư	5$,00	Không	- d -	5$,00
	Lệ theo	3$,00	3$,00	- d -	Không
Liên Đông	Nhất	30$,00	15$,00	5$,00	10$,00
	Nhì	20$,00	10$,00	3$,00	7$,00
	Ba	10$,00	5$,00	1$,00	3$,50
	Lệ theo	3$,00	3$,00	Không	Không
Tối Thượng	Nhất	8$,00	3$,00	1$,50	3$,50
	Nhì	6$,00	2$,00	1$,00	3$,00
	Ba	5$,00	1$,00	1$,00	3$,00
	Lệ theo	1$,50	1$,50	Không	Không
Ngoại Tây	Nhất	20$,00	10$,00	3$,00	7$,00
	Nhì	15$,00	8$,00	2$,00	5$,00
	Ba	10$,00	5$,50	1$,50	3$,00
	Tư	6$,00	3$,00	1$,00	2$,00
	Lệ theo	2$,00	2$,00	Không	Không

Chính Đông	Nhất	10$,00	5$,00	- d -	5$,00
	Nhì	6$,00	3$,00	- d -	3$,00
	Ba	4$,00	2$,00	- d -	2$,00
	Tư	3$,00	1$,50	- d -	Không
	Lê theo	1$,50	1$,50	- d -	3$,00
Đông Lộc và hội đồng cùng một lệ	Nhất	10$,00	5$,50	1$,50	3$,00
	Nhì	3$,00	1$,50	Không	1$,50
	Lệ theo	1$,00	1$,00	- d -	Không

Lệ theo làm ma khô, nộp theo vào lệ nhớn.

Điều 187: Khi có người quá cố, nhà hiếu muốn mời hàng giáp thì phải sửa giầu cau, giao giáp trưởng đem đưa 15 cụ Lềnh và tất cả thượng hạ trong giáp.

Tiếp được giầu các cụ Lềnh, phải đến nhà hiếu chủ để cắt người đi tống táng.

Nếu giáp nào có cái tục làm 3 mâm cơm đãi các cụ Lềnh, để cắt người thì nay cũng quy vào tiền là 3,00$, nhưng cụ nào đến thì được 0,20$, cụ nào không đến thì nhà chủ không phải đưa còn 3 mâm cơm thì bãi đi.

Điều 188: Lệ cắt người đi rước ma, cắt từ 49 tuổi giở xuống đến 18 tuổi, giáp to có thể xin đến 150 người là cùng.

Điều 189: Đám to, nếu phát dẫn từ đêm thì phải phát cho các người đi đô tùy, mỗi người 2 vuông vải trắng, 1 bát gạo và 0,01$.

Điều 190: Đám rước ma không được đi chậm quá 3 tiếng đồng hồ, kể từ nhà ra đến huyệt, tục đi chậm, để lấy tiền thưởng hay để tỏ lòng thương xót nay không hợp thời bãi bỏ đi.

Điều 191: Những người đi tống táng (tức đô tùy) phải lấp huyệt và khiêng hết thảy các đồ táng (đòn, linh xa v.v...) về giả hàng giáp. Hai người giáp trưởng thì một người cầm lệnh và một người cầm cuốc,

thuổng (làng sẽ sắm thuổng cuốc để làm việc lấp huyệt cho các giáp) chứ không phải cầm đuốc nữa. Cái tục 5 ông Lệnh bản cuối phải đem thuổng cuốc đi để lấp huyệt lấy 0,10$ của nhà hiếu chủ, cùng là tiền cho đỡ tủy lấp huyệt đều bãi cả.

(...)

Điều 202: Mỗi năm hội có hai kỳ tế xuân và tế thu riêng, là 19 tháng 2 và 19 tháng 8, tức là sau các ngày tế xuân tế thu của cả làng.

Lễ phẩm 2 kỳ tế ở văn chỉ là:

Hai con lợn, hai ván xôi, giầu rượu, hương nến hoa quả và 1 bánh pháo.

Khi tế lại phải sửa tế cúng ở các nơi này:

Ở đình: 1 con lợn, 1 ván xôi, giầu, rượu, hương, nến, hoa quả và 1 bánh pháo.

Ở đền Nhà Bà: 1 cái lầm (do cắt ở con lợn cúng ở đình ra) 1 đĩa xôi, giầu rượu, hương nến hoa quả.

Ở đền Phúc Vương: 1 con gà, 1 đĩa xôi, giầu rượu hương nến hoa quả.

Điều 203: Chỉ trừ, đại tang còn được đi tế cả.

Điều 204: Lệ chia phần (do tế xong, các lễ phẩn ở văn chỉ và các nơi đem về nhà đang cai chia phần) ai ở lại ăn hay đem về nhà đang cai.

Một là, những đồ lễ ở đình ở miếu Nhà Bà và ở đền Phúc Vương đem chia phần riêng cho các quan viên có mặt trợ tế, và 2 ông tư phường trống, phường bát âm.

Hai là, những đồ lễ tiên hiền thì chia phần chung cho tất cả hội viên có mặt và vắng mặt (nghĩa là hội viên có mặt thì được 2 phần, vắng mặt thì chỉ được 1 phần thôi).

Điều 205: Hội viên ai đỗ tiến sỹ thì mỗi kỳ tế được biếu một cái thủ lợn và 1 đĩa xôi, về sau này ai đỗ docteur các khoa, thì được biếu 3 quả cau.

Điều 206: Người thủ quĩ mỗi kỳ được biếu một cái chân giò lợn.

Điều 207: Ai đến lượt chịu tư văn về kỳ tế xuân hay tế thu thì phải chịu các công việc sau này:

1. Bỏ ra 6,00$ để sửa thêm vào lễ phẩm.

2. Phải chịu gạo tế, rượu, mắm muối, củi lửa, mâm bát, giầu cau, chè nước, cho đủ (để các quan viên ở lại ăn với phần tế của mình).

3. Phải có đủ người nhà độ 10 người để quét dọn văn chỉ, làm lễ phẩm, bài trí đồ thờ rước văn hầu hạ cỗ bàn v.v...

4. Phải giữ một ít đồ thờ (do đã có hòm đựng đồ thờ ở đình cho nên không phải giữ nhiều nữa).

5. Phải làm 2 bữa cơm cho hai cán viên một bữa vào hôm hai cán viên đi mua lễ phẩm, một bữa vào sáng hôm xuân tế hay thu tế để trông nom lễ phẩm.

6. Đang cai xuân tế, lại phải chịu chứa hôm bán ruộng công của tư văn, đang cai thu tế, phải chịu kỳ tế khoán (do ngày trước cụ mẫu nhì phải chưa chức tư văn về kỳ tế khoán này, nay xôi rước đã lấy về làng chứa lấy). Hai hôm chứa này hôm bán ruộng đã lấy vào tiền quĩ, còn hôm tế khoán thì cũng trích công quĩ ra độ 1,00$ cho người chịu chứa mua gạo tẻ và lặt vặt.

Điều 208: Ai mua đang cai về xuân tế hay thu tế cho khỏi chịu các điều trên này, thì phải nộp vào quĩ hội 20,00$ nhưng phải bảo cho hội biết 1 tháng trước ngày xuân tế hay thu tế, để hội kịp cắt người thay.

Nếu hội không cần tiền thì mỗi năm chỉ được bán 2 đang cai thôi.

Điều 209: Người chịu chứa kỳ tế hộp thì quĩ hội trích cho độ 6,00$ để mua thêm thực phẩm.

Điều 210: Ai mua đang cai kỳ tế hộp cho khỏi phải chịu chứa thì phải nộp vào quĩ 3,00$.

Điều 211: Hai cán viên phải chịu các công việc sau này: mua lễ phẩm (lợn, gà, gạo nếp, hoa quả, hương nến v.v...) trông nom làm lễ

phẩm cỗ bàn, chia phần và tính toán tiền nong, cũng là đòi tiền là của hội trong kỳ ấy.

Điều 212: Phúng viếng - Có hội viên quá cố được trả quĩ hội 2,00$ để phúng vợ cả hay vợ kế và phụ mẫu hội viên mà quá cố thời được trích quĩ hội 1,00$ để phúng và cắt hội viên ít nhất là 3 người đi đưa, mà ít ra cũng phải có người có phẩm hàm chức tước.

Tài sản

Điều 213: Hội tư văn lại có ruộng riêng của họ 2 mẫu 7 tắc, để niên bản đấu giá lấy tiền bỏ quĩ.

Nếu chi tiêu không đủ thì quân bổ vào hội viên.

Điều 214: Công quĩ của tư văn là tiền khao vọng tiền bán đang cai, tiền bán đấu giá ruộng và tiền lãi.

Điều 215: Ruộng và tiền công của nhóng tư văn quản trị lấy, chứ không thuộc quĩ làng và không do ban hành chính quản trị.

Nhóng hòa nhạc

Điều 216: Nhóng hòa nhạc là 35 ông Lệnh nhiều tuổi nhất trong 7 giáp (do mỗi giáp 5 ông họp lại).

Điều 217: Ai đến lượt vào nhóng hòa nhạc chỉ phải sửa 35 miếng giấu ra đình vào nhóng và trình quan tiên thứ chỉ là được.

Điều 218: Công việc riêng của nhóng này chỉ để niên vào ngày 19 tháng 2 và 19 tháng 8 có làm lễ riêng ra đình, 1 hay 2 con lợn và 1 ván xôi, lễ xong thì đem về nhà trưởng (tức đang cai) làm phần dọn chung vào mâm, để ông nào ở lại thì ăn uống, ông nào về thì lấy phần tùy ý.

Điều 219: Người chứa đang cai phải bỏ ra 3$,00 để sửa thêm vào lễ phẩm và phải biện gạo tẻ, rượu và mắm muối, củi lửa mâm bát, chè nước, cũng là hầu hạ cỗ bàn v.v...

Điều 220: Ai mua trưởng tức là mua đang cai cho khỏi phải chịu chứa, thì phải nộp vào quĩ hoà nhạc 5,50$, năm nào có ít người

vào nhóng thì không được bán trưởng (vì sợ không có người chịu đang cai).

Điều 221: Quĩ của nhóng hòa nhạc thì nhóng hòa nhạc tự quản trị lấy, chứ không thuộc vào quĩ làng và cũng không do ban hành chính quản trị.

Nhóng Trạ

Điều 222: Nhóng trạ là chánh, phó tổng, lý, phó trưởng làm trưởng nhóng.

Điều 223: Công việc đệ niên chỉ có sửa lễ ra đình 1 kỳ lễ vào ngày 12 tháng 8, lễ phẩm 1 lơn, 1 ván xôi. Lễ xong thì làm cỗ và chia phần ở đình.

Điều 224: Lễ này làng có cấp cho lý trưởng 1 sào 11 thước ruộng công còn thì trong nhóng phải đóng tiền lá.

Điều 225: Nhóng trạ là nhóng đại biểu cho cả làng, để đi thay làng những việc như: thông đạt nhời nói nhóng nọ sang nhóng kia, đi biếu, lễ Tết, lễ giỗ, đưa đám v.v...

Điều 226: Nhóng trạ không có tiền quĩ.

Điều 227: Cả ba nhóng tư văn, hòa nhạc và trạ khi hội họp, có bàn việc gì thì phải nói trước khi ăn uống, lúc đang ăn uống, hay sau khi ăn uống mà bàn việc nói to huyên náo, thì bị đuổi ngay ra ngoài.

Điều 228: Sau này có điều nào đồng dân nghĩ nên sửa đổi lại, thì sẽ sửa đổi lai và xin quan trên duyệt y.

Công trên này có 228 điều, còn những tục lệ khác, không có ở trong hương ước này đều bãi bỏ đi.

Nay lập hương ước

Tây Mỗ le16 aviet 1942

Có cả kỳ mục ký kết và thừa quan tổng đốc duyệt y.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TRUNG TỰU

Xã Trung Tựu, tổng Tây Tựu, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

Trung Tựu 20 Aout 1942

Chúng tôi là lý dịch kỳ mục ở làng Trung Tựu, tổng Tây Tựu, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông kính trình quan lớn phủ làm ơn cho dân chúng tôi một việc như sau này: Trong làng có khoán lệ luật để coi trị cũng như là nước có bộ luật để coi trị, thế mà làng chúng tôi chưa có sổ sách khoán lệ, việc chi thu không được phân minh, việc chính trị trong làng thời chưa được mặc lý trưởng cho nên phong tục chưa được thuần mỹ. Nay trên nhờ có quan công sứ, quan tổng đốc có lòng vì dân dạy bảo cho các điều công ích thực, lấy làm vui vẻ quá, tất cả dân dã các điều khoản lệ mấy kê ra như sau này, xin quan lớn duyệt để lên quan công sứ, quan tổng đốc phê phó để cho dân chúng tôi cứ thế mà bắt lỗi.

Nay kính trình

Khoản thứ nhất
Nói về việc bảo cử các chức dịch hội đồng

Điều thứ nhất: Trong làng lập một tòa hội đồng, bầu một ông hội trưởng (chức sắc hay là hương dịch cả) một người thơ ký biết chữ, một người thủ ngân (điều độ, vật lực cẩn thận) và 6 ho, mỗi họ một người

tộc biểu, nếu họ to thì được hai người, đều hai mươi nhăm tuổi giở lên, năm mươi tuổi trở lại mà tinh hạnh thuần cẩn, không can án, ba năm một lượt bầu hội đồng, thời cứ ngày sóc vọng cùng mấy lý lịch ra họp tại đình, bàn định việc dân ngày ỷ chi 0,20$ giầu nước, hễ bất thần có việc cần, lý dịch cho tuần thông báo, thời phải ra ngay để bàn định mà làm, bàn việc gì cũng lấy bên nào nhiều người là phải, hễ hai bên đều nhau thời bên có ông chánh hội trưởng là hơn, tiền công quĩ thời giao cho người thủ ngân giữ, chi tiêu việc gì phải hội đồng thỏa thuận rồi giao cho ông hội trưởng làm măng đa, hễ người thủ ngân thấy có chữ ông trưởng hội mấy được chi ra. Nhưng phải biên vào sổ cho rõ, còn chi tiêu việc gì hay là tiền gì bao nhiêu thời người thơ ký phải biên cho rõ, mỗi năm cứ ngày rằm tháng Chạp, lập đại hội đồng lý dịch cùng hội đồng ra đình chiểu tinh các sổ chi tiêu quanh năm còn là bao nhiêu, hết là bao nhiêu, xong rồi các sổ lại giao cho ông trưởng hội giữ, mỗi năm lấy tiền công cấp cho ông hội trưởng 5,00$ (năm đồng bạc), cấp cho người thủ ngân 3,00$ bạc, cấp cho thư ký cũng thế để đền công coi sóc cho dân. Trong chín người sở hội đồng đều được dịch trừ tạp dịch, hoặc ai nhầm lẫn mất tiền công của dân, y sổ lại phạt 0,30$ để sung công mà không cho làm nữa. Khi nào có quan Tây, Nam, các quan đến làng thời tuần đánh 9 tiếng trống, hội đồng phải ra chào hỏi tiếp đãi cho tử tế để giữ tục tốt cho dân, còn như việc trình sổ, sinh tử, giá thú thời cứ đến kỳ sóc vọng ra trình hội đồng thời lý trưởng phải vào sổ ngay, không được lấy tiền nếu ai chưa trình thời hội đồng cho gọi, đã gọi mà không chịu ra trình thời phạt 0,20$ sung công; rồi lại bắt phải trình vào sổ, lại còn không chịu sẽ trình quan mà bao nhiêu phí tổn ăn uống về việc ỷ phải chịu cả, trong tháng ai thừa việc phải mang mười miếng giầu, trình sổ hội đồng thời lấy nhẽ công bằng mà phân xử cho thỏa đáng, bên nào trái thời phải phạt việc trọng 0,50$, việc khinh 0,20$ để sung công, nhược bằng không phục tình mà lên quan xử cũng thế, thời hội đồng phải đi khai báo phí tổn cơm nước bao nhiêu người thua phải chịu, rồi

bắt phạt 0,50$ sung công, nhược bằng không chịu thời một năm các món không được dự. Mỗi tháng cứ ngày sóc vọng ông trưởng hội, 6 người tộc mục, người thủ ngân, người thơ ký và lý trưởng hội đồng họp ở đình bàn định các việc, ai đi vắng hay là có tư trở việc gì, thời phải có lời cáo khiếm, như ai không cáo khiếm và thoái thác mà không đi cũng phải phạt 0,20$ sung công. Quan trên đòi công dân có việc gì mà hội đồng đi việc quan, lấy tiền công chỉ, mỗi người mỗi ngày 0,20$, lên tỉnh hạn hai ngày, lên phủ hạn một ngày, còn như đòi lý trưởng thời thôi. Nhưng lính tỉnh phái về đòi dân việc gì, công dân thì lấy tiền công chỉ cho 0,30$, lính phủ thì chỉ cho 0,20$ không được chỉ hơn.

Khoản thứ hai
Nói về việc tiên, thứ chỉ

Điều thứ 2: Theo phép nhà nước có đặt tiền thứ chỉ, thời trong làng ông nào khoa mục chức sắc, được dự vào nhưng phải theo khoa thứ, phẩm hàm trước sau, cao thấp không được trái hoặc không có khoa mục phẩm hàm hay là người trở việc gì thời chọn người chức dịch bình chỉnh bầu nhưng phải có thứ tự.

Khoản thứ ba
Nói về việc bảo cử lý trưởng

Điều thứ 3: Trong làng bầu một người lý trưởng để thừa hành việc quan. Việc bầu cử đã tuân theo thể lệ nhà nước, duy phải có chân hương mục thời làng mấy bầu. Khi lĩnh bằng về phải làm xôi, thủ một bàn, rượu một chai, giầu một trăm khẩu yết thần, trong đình biếu sở hội đồng, làm đủ lệ ba năm không có lỗi gì thời cho vọng hương sinh vào hàng văn hội, nộp 10,00$ sung công, giầu một trăm khẩu, nộp hàng văn lại như đã có chân hương sinh rồi, thời cho con một suất hương mục phải nộp 5,00$ bạc sung công, giầu một trăm khẩu nộp đồng dân, dẫu ai làm được lâu thời dân cũng cho có thể mà thôi, nhược bằng không đủ lệ hay là can cách, bãi thời không

được, mỗi năm dân bổ thuế, bổ vào điền cấp cho lý trưởng năm mươi đồng bạc để chi về việc tọa thu dịch nạp, sưu thuế cùng lộ phí các việc quan cả năm, còn như sổ đinh, điền cùng sổ sinh tử, giá thú thời lý trưởng phải giữ, khi nào thôi về, thời sổ sách, đồng triện niêm lại mang nộp sở hội đồng, để hội đồng giao cho người lý thưởng mới. Việc ấy có riêng một quyển sổ để lấy dấu làm bằng, lưu lại công hòm ông hội trưởng coi giữ, đến như chánh, phó trưởng quanh năm thừa sức việc quan, dân cấp cho chánh tổng ba đồng, phó tổng 2,00$ làm tiền lộ phí đến kỳ thuế bổ vào điền cứ lý trưởng thu, giao.

Khoản thứ tư
Nói về việc tuyển linh

Điều thứ 4: Trong làng ngạch linh ba người, ruộng chỉ có bốn mẫu tám sào (ở địa phận làng Tây Tựu, xứ Sậy 3 mẫu ba sào, gọi là ruộng quan điền kỳ tại, còn ở xứ Ghem hai sào, xứ Cửa Khâu một sào. Ở địa phận làng thời xứ Đồng A năm sào, Y Xứ một sào, xứ Đầu Chày một sào, xứ Đội Giao hai sào, xứ Bờ Cả một sào, cấp cho linh mỗi người một mẫu sáu sào, khi nào đủ ngạch thì cấp cả, khi nào không đủ ngạch, còn thừa phần nào thời hội đồng đấu giá hủy bỏ vụ, lấy bạc sung công. Việc đấu giá nói ở điều thứ 14.

Mục lục: – Lệ sau này bao giờ có tuyển linh, lý trưởng cùng hội đồng xét trong làng nhà nào hai anh em giở lên, người nào mạnh khỏe hợp lệ mà không can án trách gì thời hội đồng cắt ra linh, không được thêm những người nào ứng tuyển linh, nhà nước chưa tuyển mà dân còn phải nuôi, thời lấy tiền công cấp cho mỗi người mỗi ngày 0,20$, không được lấy hơn, người nào đi mãn khóa về không có can khoản gì, thì dân cho một suất hương mục, phải nộp 2,00$, giấu một trăm khẩu, người nào đã có chân hương mục rồi, thời cho con một suất hương mục, phải nộp năm đồng bạc, giấu một trăm khẩu, bạc ấy để sung công.

Khoản thứ năm
Nói về việc cắt tuần

Điều thứ 5: Trong làng có tuần cũng như nhà nước có lính, nước có lương nuôi lính, làng có lương nuôi tuần. Nay đình lệ bầu một người khán thủ, một người khán tuần, 8 người tuần phiên. Người khán thủ có chân giai làng do đi tuần rồi và cần mẫn mới được làm, còn tuần phiên những người từ 40 tuổi giở xuống, mười tám tuổi giở lên, không có chân hương mục thời phải theo lần lượt cắt đi tuần, hễ đến lượt đi tuần người giai hạng nào đi buôn bán làm ăn xa xôi, tuần ba năm thời mỗi năm phải nộp 1,00$ để sung công, thời dân cắt người khác, trong tám người tuần phải cắt lấy hai người quanh năm canh trực ngày đêm và đón tiễn quan An Nam cùng quan Tây, mấy việc quan, việc dân cho phải cần, còn các người khán mấy tuần cứ đêm phải ra điểm cho đủ, như tuần người nào khiếm với 2 người khán không được thoái khác, nhược bằng thoái thác cùng không cáo khiếm, thời lý trưởng hoặc hội đồng đến tối hỏi mà không thấy thời phạt một đêm, 0,10$ sung công, nhưng đến tháng năm tháng mười thời người ấy phải trông nom ngoài đồng trong làng ngoài đồng cho tử tế, cùng các bờ khuyến nông, mỗi năm dân cho lấy lúa sương, lúa mùa cùng lúa chiêm mỗi sào năm xu (0,05$), ra mỗi sào hai xu còn ngô và các thứ hoa mầu mỗi sào 0,03$, như ruộng phụ canh cho lấy tiền lúa sương mỗi sào bảy xu, ra mỗi sào 0,03$, ngô cùng hoa mầu mỗi sào bốn xu hoặc người nào cắt bỏ ngô cùng lấy thức hoa mầu mà không trình tuần thời phải phạt 0,10$ cho tuần, còn như lúa mùa tháng mười thu hoạch đâu mà phải lấy phiếu lý trưởng ai mà không lấy phiếu cùng người gặt lúa nhầm của người ta, thời phạt 0,20$ cho tuần, hai người khán mấy tám người tuần, phải tuần phòng cho nghiêm mà mất đâu thời đến đấy cho xong, như không xong người chủ nhà trình hội đồng xét thực của mất là bao nhiêu, chiếu giá bắt tuần phải đền cho đủ mà tuần phải phạt 0,20$ sung công. Trong làng ngoài đồng cũng thế, còn như mất con trâu xét ra không có tinh gian

phi thông đồng gì thời tuần phải đến 10,00$ (10,00$), mất con bò thời tuần phải đền 6,00$ (sáu đồng bạc). Hoặc khi mà có cướp, người làng hay là tuần phiên đi đánh mà phải đau nặng, dân cấp cho 10,00$, phải đau nhẹ dân cấp cho 5,00$ (năm đồng bạc), còn người nào chẳng may mà chết dân cấp 20,00$ (hai mươi đồng bạc), lại cho con một suất hương mục, chỉ nộp một trăm khẩu giầu mà thôi. Nhược bằng bắt sống được cướp dân thưởng 10,00$, hay là đánh chết được cướp dân thưởng cũng thế, vả như bắt được kẻ trộm lấy trộm to phải giao lý trưởng giải nộp, dân lấy tiền công thưởng người ấy 0,50$, nhưng khi đánh cướp trộm mà người tuần nào vắng mặt thời phạt 0,20$ sung công. Còn lý trưởng lúc không việc quan mấy, không phải kỳ sưu thuế cũng phải trông nom việc tuần phòng mấy được.

Điều thứ 6: Người khán thủ làm việc đủ lệ 6 năm không can cách gì, thời dân cho con một suất hương mục, phải nộp 3,00$ một trăm giầu. Người khán tuần làm đủ lệ 6 năm không can cách gì, thời dân cho bản thân người ấy một suất hương mục phải nộp 3,00$ bạc, một trăm giầu, ai đã có chân hương mục rồi thời thôi, nhưng bạc ấy để sung công.

Điều thứ 7: Trong làng ai có đánh nhau thời hai người khán và tuần phải đến tận nơi mà hỏi, việc nhỏ thời phân giải cho xong, hoặc có bên nào phải đau thời giữ cả hai bên, mời hội đồng phân xử phải trái, phạt bên trái 0,50$, mười khẩu giầu, để cho tuần 0,30$ còn 0,20$ sung công. Nếu có bị trọng thương mà quan ngại đến việc minh án sẽ trình quan cứu xử.

Điều thứ 8: Địa phận trong làng việc làm điếm canh phòng hai người khán và tuần coi sóc, bao giờ đến tháng củ mật thời bắt các ngõ phải ra các điếm mà canh phòng, đến tối ai có khách lạ ngủ đêm phải tường cho tuần biết, không tường thời bắt phạt năm xu cho tuần.

Điều thứ 9: Cứ những người ở địa phận trong làng, mỗi năm trâu 0,20$, bò 0,10$ đến hết năm tuần đi thu mà lấy, ai có trâu bò khi mới mua về phải trình tuần biết, ai không trình thời phạt 0,10$ cho tuần, người làng Tây Tựu cũ cũng thế.

Điều thứ 10: Tháng năm, tháng mười, tuần phu cấm những kẻ ra đồng bán nước, cùng những kẻ ra mà làm nhiễu ở ngoài đồng, nhược bắt được thời phạt 0,10$ cho tuần, như không cấm được thời hội đồng phạt tuần cũng thế. Từ khi cấy xong rồi cho đến lúc thu hoạch thời tuần phải cấm trâu bò không được dắt ra chăn ngoài đồng, ai không nghe bắt phạt 0,10$ cho tuần, tuần không cấm được mà trâu bò ăn lúa hoặc dẫm nát thời tuần phải đền mà lại phạt tuần 0,10$ sung công. Dân cấm không ai được chăn vịt ngoài đồng, hễ ai chăn mà tuần bắt được mang trình hội đồng một trăm con giở lên phạt 3,00$, năm mươi con giở lên phạt 2,00$, hai mươi con giở xuống phạt 0,20$, tiền phạt cứ mười phần lấy một cho tuần, còn để sung công, ba con thời thôi.

Điều thứ 11: Trong làng nhà nào bất cẩn mà phải cháy lây, thời dân làng phải đi cứu, như thiếu nhà nào không đi cứu thời phải phạt 0,10$ sung công, còn tuần phiên mấy cả làng đến cứu như tuần phiên không đến thời phạt 0,20$ mà người chủ ấy cũng phạt 0,20$ sung công.

Khoản thứ sáu
Nói về việc bổ sưu thuế

Điều thứ 12: Đến kỳ sưu thuế lý trưởng cùng hội đồng chiểu số măng đa mà bổ cho đúng số, cùng các tiền lý trưởng ứng ra lộ phí quanh năm là bao nhiêu, viết làm hai bản bài bổ ký kết trình quan, rồi giao lý trưởng hành thu đầu nạp kỳ hội đồng ấy chỉ chi 0,20$ giấu nước mà thôi, không được rượu chè ăn uống gì. Ai có sưu thuế nộp đủ thời lý trưởng phải biên lai cho rõ không được hàm hỗn.

Khoản thứ bảy
Nói về việc đê điều

Điều thứ 13: Năm nào có phải đi đắp đê, thời hội đồng chiểu án đê trừ được những người được đích trừ trưởng hội, tộc biểu, thủ ngân, thơ ký, giáp trưởng cùng những ông ấm tử, viên tử, người thi khóa

sinh, thủ từ, khán thủ, khán tuần và tuần phiên. Còn chia từ 18 tuổi đến 54 tuổi, người nào phần thu bao nhiêu lý trưởng bảo tuần phải thòi đốc đắp cho kịp hạng, như bằng người nào chậm thiếu can phạt thế nào người ấy phải chịu, khi nào nước cả phải đi sang hộ thời lý trưởng phải bắt trảng đi sang hộ, rồi hội đồng chiếu trích điền sổ thu gạo cấp cho trảng, mỗi người mỗi ngày hai bát hoa, còn vật liệu điền hộ chia ra cùng chịu.

Khoản thứ tám
Nói về việc bỏ sá

Điều thứ 14: Những người nào chém phát đường cái cùng bao lấn các đường cái của công dân, thời bắt đắp đền mà lại phạt 0,20$ sung công, cùng mấy lần bỏ ruộng của nhau mà trình đến hội đồng xét thực, thời phải đắp giả mà phạt 0,20$ sung công.

Điều thứ 15: Những đường cái trong làng về phần ngõ nào phải đắp cho tốt và phải quét tước cho sạch sẽ, nếu ngõ nào bỏ khuyết huyệt, ô uế thời tuần phải trình hội đồng bắt những người ngõ ấy phải ra cho đủ mà sửa đắp cho tử tế, mấy lại không được làm những nhà xí ở bên đường cái đi và bỏ ô uế ra ngoài đường cái, ai mà làm nhà xí bên đường cái thời phạt 0,20$ sung công, ai bỏ ô uế ra đường cái đi thời phạt 0,05$ sung công.

Khoản thứ chín
Nói về việc cấm chứa gian phi

Điều thứ 16: Trong làng ai ăn trộm nhỏ như buồng cau dẻ chuối, cắt măng, dẫn tre, kéo cá, bắt gà và bắt chó các hạng tuần bắt được đích tang trình hội đồng, phạt 0,20$ cho tuần như không có tiền phải dọn dẹp các việc ở đình sở ba ngày, như không chịu thời không được dự các món nữa, nhược bằng sinh sự thế nào trình quan trên xét trị, còn như các người tuần sơ khoáng để người chủ mất thời phạt tuần 0,10$, thưởng cho người ấy.

Điều thứ 17: Trong làng có ai can án nặng như là ăn cướp, làm giặc chứa người đốt nhà thời cả đường không được ra đình dự các việc làng, trong làng giai gái hòa dâm xét thực đích trạng thời phạt 10,00$, sung công.

Khoản thứ mười
Nói về sổ đinh điền

Điều thứ 18: Đinh, điền bạ viết làm hai bản lý trưởng một bản, hội đồng giữ một bản mỗi năm ai đến 18 tuổi ra đóng góp thời biên tên vào sổ, như điền ba ai có mua bán ruộng, ngày tháng nào đến kỳ hội đồng ra trình, thời lý trưởng áp triên. Hội đồng sang sổ thuế phải nộp mỗi sào 0,20$ sung công, 0,10$ cho lý trưởng, còn như mua bán ruộng hủy vụ cũng phải trình hội đồng làm chứng biên vào sổ cho, mỗi sào phải nộp hai xu sung công.

Khoản thứ mười một
Nói về việc phần mộ

Điều thứ 19: Ai làm mồ mả ở địa phận ở làng phải sửa giầu cau trình được biếu người làng Tây Tựu thời cũng thế còn như người làng khác thời phải sửa xôi đủ một bàn rượu một chai, giầu một trăm khẩu mang yết thần kinh hội đồng, lý dịch và tuần uống rượu, lại một lệ năm đồng bạc để sung công. Còn việc cải mả mùa hè thời cấm.

Khoản thứ mười hai
Nói về việc vệ sinh

Điều thứ 20: Trong làng ai có con lên đậu mùa cùng là những người phải tả đích, lệ thời phải trình hội đồng, để hội đồng trình quan lấy phép vệ sinh mà nếu ai không trình phạt 0,30$ sung công.

Khoản thứ mười ba
Nói về việc năng lực và trái phạm vô phép

Điều thứ 21: Những kỳ hội đồng cùng đồng dân ăn uống lệ gì, mà người nào uống rượu say nói càn và đánh nhau, người nào trái

nhẽ thời hội đồng phạt 0,20$ để sung công. Như không chịu thời không được đi việc làng các món nửa năm. Còn như người lếu láo cãi chửi người hơn mình mà có thôi thực phạt 0,20$ sung công, không chịu thời các món thứ nửa năm như người trên năng bậc người dưới mà có thôi thực phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ 22: Trong làng ai nấu rượu lậu, bán thuốc phiện lậu và gá cờ bạc mấy giữ đồ cấm vật, cùng giữ kẻ gian phi, bắt được đích tang, hễ can phạt bao nhiêu thời người ấy phải chịu, rồi người ấy dân lại phạt 1,00$ bạc để sung công mà một năm không được ra đình và dự các món tục lệ dĩ hạ.

Khoản thứ mười bốn
Nói về việc đấu giá ruộng công

Điều thứ 23: Nay dân lấy những ruộng các món ra được hai mẫu năm sào để mà đấu giá bán mẫu, lấy tiền sung công. Lệ đấu giá yết thị mười hôm trước, rồi tại đình đấu giá, ai hơn thì được, nhưng bán chỉ hạn trong một năm.

Khoản thứ mười lăm
Nói về việc thuộc lệ các tuyết

Điều thứ 24: Mỗi năm tuyết từ tịch, lý dịch xuất tuần ra đình cúng thần bày đặt sửa sang đồ thờ, lại lấy xôi gà 6 bản, lễ yết rồi để đồng dân uống rượu, còn mua mã trích lễ 1,00$ lý trưởng ứng ra. Đến kỳ sưu thuế thì bổ vào điền giao giả.

Điều thứ 25: Tuyết Nguyên Đán nguyên có năm sào ruộng giao cho người thủ từ cày cấy để sửa sang hương hoa, oản quả kính lễ, cùng sửa giầu nước để dân ra lễ.

Điều thứ 26: Ngày mùng hai, ngày mùng ba tháng Giêng lấy bàn luân lưu mỗi ngày xôi gà hai bàn, ngày mùng bẩy tháng Giêng xôi gà bốn bàn, lễ ấy lý dịch hội đồng, thủ từ tuần được dự ngả.

Điều thứ 27: Ngày mùng chín tháng Giêng đồng dân ra đình cao yết lễ chỉ có xôi gà bốn bàn xong rồi đồng dân uống rượu.

Điều thứ 28: Ngày mười hai tháng Giêng đồng dân ra đình làm lễ xuân tế, đồ lễ thời hạn lơn một con, rượu ba chai, hương, pháo, nến đều đủ giá 10,00$ bạc, lý trưởng ứng ra mà sửa xôi đến kỳ sưu thuế thời dân bổ vào điền giao giả. Hôm ấy lại lấy bốn bàn luân lưu để kinh tế (trong ấy một bàn gạo tẻ để làm lợn) xong rồi mang kính biếu các quan chức sắc cùng chi các món còn thời đồng dân uống rượu.

Điều thứ 29: Ngày 12 tháng 2 ở cung đình lệ có cáo yết thời đồ lễ cúng các vị cũng như ngày mười chín tháng Giêng.

Điều thứ 30: Ngày rằm tháng hai là tuyết xuân tế, Xuất Tịch năm nào phong đăng thời hát một tuần lấy bàn luân lưu xôi gà, hai bàn mấy lý trưởng ứng ra 3,00$ để chi cho đầu hát, còn lễ vật cùng các việc ứng sửa cũng như ngày 12 tháng Giêng. Như năm nào có hát thời các hàng cứ bốn người một cỗ thời chỉ có được làm một con gà, một đĩa xôi, giầu rượu đủ và cháo bốn bát, không được làm hơn.

Điều thứ 31: Ngày mùng một tháng Tư lệ Kỳ Yên lý trưởng cho khán tuần đi quyên các ông viên sắc cùng cả dân để lấy tiền sửa mua đồ tài mã hương vàng hoa quả mà thôi, lại lấy sáu bàn luân lưu làm oản cúng, xôi kính lễ, xong rồi dân ngả lễ ấy.

Điều thứ 32: Ngày rằm tháng ba là tuyết hạ sương, lấy xôi gà 4 để kính lễ, đến ngày rằm tháng Tư là lệ Hạ Điền thời cũng thế. Lễ ấy lý dịch cùng hội đồng và tuần được ngả.

Điều thứ 33: Ngày rằm tháng tám tuyết tế thu, lý trưởng phải mua cốm kính lễ giá 1,00$ bạc còn lễ vật cùng các việc ứng sửa cũng như 12 tháng Giêng tuyết tế xuân.

Điều thứ 34: Tuyết Thường Tân, làng có hai sào ruộng ở xứ Đôi Gạo giao lý trưởng cày cấy, đến tuyết ấy lý trưởng sửa xôi mười hai đấu cả, gà 4 con phải giá 1,00$, rượu một chai, giầu 50 khẩu, sửa làm bốn lễ mang ra lễ đình cùng các sở, xong rồi đồng dân ngả uống rượu.

Điều thứ 35: Quanh năm có những ngày sóc, vọng, người thủ từ phải sửa oản mười chiếc, chuối một nải yết cáo xong biếu ông tiên chỉ, oản chuối đều một chiếc, lý trưởng, trưởng giáp cũng thế, làng có năm sào ruộng giao cho thủ từ cày cấy sửa vào lễ ấy.

Khoản thứ mười sáu
Nói về việc kính biếu

Điều thứ 36: Lệ kính biếu văn thời Tây, Nam đại khoa cùng các khoa từ phẩm giở lên, võ thời từ tam phẩm giở lên thời biếu thủ, Tây, Nam trung khoa cùng các quan ngũ phẩm đến thất phẩm, võ thời từ lục phẩm giở lên thời biếu cảnh. Tây, Nam tiểu khoa, bát cửu phẩm cùng người tổng, lý đương thử thời biếu chân lợn; nghĩa là võ phải nhún văn một trật còn lệ khác cũng cứ thế mà chi, đồ biếu chỉ có thế mà thôi, nhiều người thời chiểu từng bậc mà phân cho đủ để biếu, như không có đại khoa tam tứ phẩm quan, thời biếu trung khoa cùng các quan ngũ phẩm đến thất phẩm, không có trung khoa cùng các quan ngũ phẩm đến thất phẩm thời biếu tiểu khoa cùng bát, cửu phẩm. Còn như những người được thưởng phẩm hàm chỉ được biếu cảnh mà thôi, lại như không có ông nào chức sắc phẩm hàm thời thủ cảnh (...) phá làm cỗ, còn làng văn làm lễ thời biếu một đùi lợn hoặc bò thời (...) sửa bàn, người đại bái thời biếu lãnh, tả văn thì biếu chân khi nào không có ông tả văn mà tả tại đình thời thôi không phải biếu. Còn những nhạc phường dân để cho một lãnh thịt.

Khoản thứ mười bảy
Nói về việc tả văn và chủ tế

Điều thứ 37: Lệ tả văn thời có các ông Tây, Nam khoa mục và ấm sinh, thì khóa sinh viết văn tế, hoặc có ngăn trở gì thời tư văn hội tả tại đình mà tế.

Điều thứ 38: Việc chủ tế do ông tiên chỉ hoặc ông thứ chỉ, như có ngăn trở gì thời có người chức sắc hay là lý trưởng hoặc người kỳ mục quang quẻ, không có tang trở gì thời vào đại bái phải sửa hai mươi khẩu giấu, lại cắt trong văn hội hai người để đủ người bồi tế.

Điều thứ 39: Việc tế tự ở đình cùng ở văn chỉ, thời khán tuần phải sang sửa cỗ bàn và đi lĩnh văn, khán thủ tuần phiên phải phục dịch tất cả.

Khoản thứ mười tám
Về việc lệ bàn luân lưu

Điều thứ 40: Lệ bàn luân lưu ở trong làng từ 18 tuổi giở lên, 54 tuổi trở lại thời phải chiếu lần lượt mà viết vào một cái sổ, tuyết nào đến lượt ông nào thời người ấy phải sửa chỉ trừ các ông chức sắc, phẩm hàm, ấm sinh, khóa sinh và lý trưởng, trưởng giáp, lính tại ngũ, khán thủ, kỳ tuần, thủ từ mà thôi, còn như tuần phiên cùng nhạc phường thời trừ cho nửa. Lệ bàn luân lưu ấy, ai sửa rồi thời 6 đấu cả mấy hai mươi khẩu giầu. Ai sửa gà một gà sống phỏng 0,50$ mấy cả một á rượu phỏng 0,05$ (năm xu) như ai đến lượt sửa mà bỏ thời phạt 0,20$ sung công mà tuyết khác lại phải sửa.

Khoản thứ mười chín
Nói về việc lệ tiến lan nhai

Điều thứ 41: Ai có con gái gả chồng trong làng nhà giai phải sửa 1,00$ mấy năm mươi khẩu giầu, gả chồng ngoại hương thời phải sửa 3,00$ mấy một trăm giầu mang nộp hội đồng trước họ như gả ngoại hương thời hội đồng chi cho lý trưởng 0,50$, còn 2,00$0,50$ để sung công, người trong làng thì lý trưởng không được, còn giầu thì cho đứa mõ mang chia cả làng từ trên giở xuống mỗi người một khẩu.

Khoản thứ hai mươi
Nói về việc an táng

Điều thứ 42: Trong làng ai có bố mẹ chết mà làm được đám ma, thời sửa hai mươi khẩu giầu nói với hai người giáp trưởng, lại sửa giầu cho mõ mang suốt cả hai giáp từ 18 tuổi giở lên mỗi người một miếng. Trương, giáp đông hiệu cả làng ra hội ở sở, rồi đến nhà tang chủ cắt việc hộ tống. Hiếu chủ phải nộp lê một trăm khẩu với mấy ba đồng 0,20$, để đồng dân biếu hai người trưởng giáp 0,20$, còn ba đồng giao hội đồng sung công. Như ai có muốn ra thảo thời có nhời nói mới làng thời cũng được làm cỗ đãi dân cơm rượu, nhưng mà chỉ có hạn

trong một cỗ chỉ được làm có năm bát đĩa mà thôi không được làm hơn. Nếu ai làm hơn thì phạt 1,00$ bạc sung công.

Điều thứ 43: Việc đi hội tống, như trong hai giáp chỉ trừ những ông chức sắc, phẩm hàm và những người đi việc quan mấy những người đại tang thì không đi hộ tống, còn những người làm ăn buôn bán xa xôi cùng người có ngăn trở thời cũng cho sửa mười khẩu giầu cáo khiếm, còn như những người ở nhà mà thoái thác không đi hộ tống thời phạt 0,20$ để sung công. Việc hộ tống như người chết ấy tuổi đã đến năm mươi giở lên thời cả làng đến hộ tống thời cả làng phải lễ một lễ, người nào tuổi chưa đến năm mươi thời con cháu phải lễ tang hai lễ.

Điều thứ 44: Trong làng ai có mà chưa kịp sửa lễ hộ tống rồi sau muốn làm giả lệ ấy thời cũng chiểu như điều bốn mươi hai mà làm, còn như những người nghèo mà không làm được thì chỉ sửa 1,00$ 0,20$ giao trưởng giáp biên vào sổ nhận lấy 0,20$ giấy bút, còn 1,00$ đến kỳ hội đồng giáp trưởng đem nộp để sung công. Lệ ấy những người 18 tuổi giở lên phải nộp lệ, đàn ông đàn bà cũng thế, những người con gái chưa chồng thì thôi. Lệ chết ấy trong ba năm phải nộp, nhược bằng không nộp cùng giáp trưởng ẩn lậu mà hội đồng trích ra thời phạt 0,20$ sung công.

Điều thứ 45: Trong làng ai có việc tang hoặc kỵ mà mời suốt cả văn hội giở lên, thời phải sửa 2,00$ để giao hội đồng sung công và sửa cỗ năm bát đĩa mà thôi, không được làm quá hạn thời phạt 1,00$ để sung công, còn như những người chỉ mời năm ông trong hội trợ lễ thời sửa 1,00$ để sung công mà cỗ thì cũng theo như trên.

Khoản thứ hai mươi mốt
Nói về việc lên lão

Điều thứ 46: Trong làng ai có tuổi đến bảy mươi thời sửa ba đồng, một chai rượu, năm mươi thời sửa ba đồng và một chai rượu, năm mươi khẩu giầu, cứ ngày 12 tháng Giêng ra đình lễ yết xong rồi

giầu rượu kính dân. Đồng dân chế một cái mũ, một cái sắc vàng để biếu ông bảy mươi ấy, bạc ấy giao hội đồng 2,00$ để sửa mũ áo ấy, còn 1,00$ để sung công.

Điều thứ 47: Trong làng ai có tuổi đến năm mươi nhăm thời lên lão hội, các ông chức sắc được dự thời sửa 8,00$ bạc, một trăm sáu mươi miếng giầu, một chai rượu, cứ ngày 12 tháng Giêng đem ra đình lễ yết kính dân, giầu ấy biếu hàng lão hội hai mươi khẩu, biếu hàng hương sinh bảy mươi khẩu. Thần, kỳ, lý, hương sinh, mười mục sửa năm đồng bạc, còn giầu rượu thời sửa 3,00$, còn giầu rượu thời cúng lễ, như ông chức sắc thì giao về lão hội hai đồng, hạng lý dịch giở xuống thời giao lão hội 1,00$, còn thời để sung công, khao nộp lệ lão xong rồi thời từ đấy trở về sau các thứ sưu dịch dân trừ cho hết tất cả, không phải góp gì nữa.

Điều thứ 48: Các ông lên lão mới như có muốn trang hoàng ra dựng đình cùng lễ yết thần mấy nhau, thời cũng có thứ bậc, như các ông khoa mục chức sắc lễ ở trên, thứ tổng, lý, hương sinh, giáp trưởng, cựu binh, hương mục, tam bàn bạch đinh. Ai không muốn trang hoàng thì lễ thờ nộp lễ cũng được.

Điều thứ 49: Cứ mỗi năm đến ngày mười lăm tháng Giêng, các cụ đến nhà cụ thượng sửa lễ, xôi gà giầu rượu giá 1,00$ 0,50$ để lễ tiên lão xong rồi, các cụ ngả cái lễ uống rượu như những tiền sửa lễ ấy 0,50$ có người lên lão thì các cụ lấy bạc dân chi giao mà chi tiêu, năm nào không có người lên lão các cụ không có bạc công thời hội đồng lấy của công chi 1,00$ 0,50$, giao về lão hội sửa lễ ngày hôm ấy, ai mới lên lão cứ ngày ấy thời đem nộp năm mươi khẩu giầu để vào lão hội.

Điều thứ 50: Trong lão hội cũng có các hàng như các ông chức sắc thì ngồi riêng, còn các ông bảy mươi tuổi thì ngồi mấy nhau, không ai được ngồi kế ở đình cùng ở hai giáp cũng thế, còn lão hội thì chiếu thứ tự mà ngồi, lại có ai tuổi nhiều hơn cả, thì bầu làm trưởng hội gọi là cụ thượng, lại cắt lại người nào sau ấy lên lão thì làm các đang, chỉ trừ những ông chức sắc không phải làm câu đương.

Khoản thứ hai mươi hai
Nói về việc ngôi thứ việc vọng

Điều thứ 51: Ở đình có ngôi thứ trên thời Tây, Nam khoa mục, chức sắc lấy cao thấp làm thứ tự, thứ hàng lão hội, hàng kỳ lý cùng những người tòng sự các sở nhà nước, hàng hương sinh, hàng hương mục chiểu vị thứ mà ngồi không được hỗn đồn.

Điều thứ 52: Ông nào thi đỗ đại, trung khoa Tây, Nam ngày nào vào vinh quy thời lý dịch họp cả dân đi đón rước, về đến nhà thì sửa cơm rượu cho dân ăn uống, các ông tiểu khoa thi thôi rồi lại sửa lễ ra đình lễ thần khao dân, ông đại khoa Tây, Nam sửa một con lợn phỏng 10,00$, rượu một chai xôi một bàn, giầu 20 khẩu, ông trung khoa Tây, Nam thì sửa một con lợn phỏng 8,00$ bạc, ông tiểu khoa Tây, Nam sửa một con lợn phỏng năm đồng bạc, giầu, rượu xôi cũng thế, còn người được thưởng phẩm hàm khi nào lễ trình bằng sắc thời khao cũng như ông tiểu khoa, nếu muốn triết nạp thì ông đại khoa sửa mười hai đồng, trung khoa mười đồng, tiểu khoa cùng những ông được hưởng phẩm hàm thì nộp 8 đồng sung công, còn lễ nhất nhị phẩm thi khao cũng như đại khoa, tam tứ ngũ phẩm thi khao cũng như trung khoa, lục phẩm giở xuống thi khao cũng như ông tiểu khoa.

Điều thứ 53: Ai chưa vọng hương mục, hương sinh mà thi đỗ đại, trung, tiểu khoa Tây, Nam cùng võ quan và người được thưởng phẩm hàm, thời vọng chân hương sinh năm đồng bạc, giầu một trăm khẩu, ai đã vọng rồi thì thôi, những ông ấm sinh viên tử thì cũng thế.

Điều thứ 54: Dân có việc công phải tiêu đến tiền, ai vọng hương mục phải nộp mười lăm đồng bạc để công tiêu, giầu một trăm khẩu lễ thờ kính dân, ai có chân hương mục được ăn giầu ấy tại đình, còn như vọng hương sinh phải nộp hai mươi nhăm đồng bạc để công tiêu, giầu một trăm khẩu đem lễ văn chỉ vào hàng văn hội.

Điều thứ 55: Ông nào thi đỗ đại khoa Tây, Nam thời dân mừng năm đồng bạc mấy một buồng cau, thi đỗ trung khoa Tây, Nam thi dân mừng 3,00$, tiểu khoa Tây, Nam cùng mấy người được thưởng

phẩm hàm mà khao dân thì mừng 1,00$, còn cau thời cũng thế, bạc ấy lấy tiền công chi ra, võ quan thời cũng theo như lệ khao trở về trên, ai khao vọng hạng nào thời cũng đều phải lập một quyển sổ mà biên ghi cho rõ.

Khoản thứ hai mươi ba
Nói về việc bầu hương từ

Điều thứ 56: Ở đình thì phải bầu một người thủ từ, xem trong làng người nào già mà vợ chồng song toàn, con cái phương trưởng thời bầu làm thủ từ đều..... thờ thánh, phải quyét tước cho..... ai không được đi đến những nhà ô uế, dân đã có ruộng để giao cày cấy sửa về các tuyết, còn như tiền dầu đèn quanh năm đến kỳ bổ thuế dân bổ vô điền cấp cho 3,00$ cứ lý trưởng thu giao.

Khoản thứ hai mươi bốn
Nói về việc ngôi trong làng giáp

Điều thứ 57: Trong làng có hai giáp cứ trong sổ hàng giáp trừ những ông lên lão rồi, còn ai lên ở trên thì bàn giáp trưởng giữ sổ hàng giáp được cày cấy ba sào ao, thứ dưới mười một người làm tam bàn lệ được cấy ruộng kỵ hậu cùng cầm tiền sinh tức để làm ky làm giỗ, chỉ được cấy đến tuổi lên lão thôi. Ai chẳng may chết mất thời con cháu cũng được cấy hết năm ấy, rồi giáp trưởng lại gọi người khác kế điền.

Điều thứ 58: Trong làng ai đẻ con giai thời sửa sáu hào bạc với mười khẩu giấu đem trình hội đồng, hội đồng mời người giáp trưởng đem sổ ra đình biên cho minh bạch chi 0,10$ giấy bút cho người giáp trưởng còn 0,50$ sung công.

Điều thứ 59: Giáp trưởng mấy tam bàn đến tuổi lên lão, ngày 19 tháng Chạp thì mời tam lão và các cụ đến nhà giáp trưởng, xem ai đến ngôi giáp trưởng thời giao sổ hàng giáp cho người ấy, còn tam bàn cứ chiểu tên mà gọi kế điều.

Khoản thứ hai mươi nhăm
Nói về việc ky hậu

Điều thứ 60: Các ky hậu có ruộng hậu vào hai giáp, mỗi năm cứ ngày mùng hai tháng Giêng, hai người giáp trưởng sửa giầu cau cùng tam bàn đi lễ các nhà trưởng hậu, còn ngày ky nhật xôi tiền bao nhiêu thời giáp trưởng tam bàn cầy ruộng cứ theo trong văn hâu mà sửa, các ngày ky nhật trong hai giáp có hai người tam bàn câu đương phải đi sửa sang các việc (chỉ trừ những ông chức sắc) nhu ky nào có tế giáp trưởng sửa giầu mười khẩu để người câu đương đem đến lý trưởng lĩnh văn tế rồi mang đến từ đường để hai giáp làm lễ, xong rồi biếu người trưởng họ một cái thủ lợn, gà thì cái đùi, xôi thì một đĩa cùng chi các món còn thời hai giáp uống rượu.

Điều thứ 61: Trong hai giáp, giáp trưởng, tam bàn hoặc chết hay lên lão thì ngày mười chín tháng Giêng, giáp trưởng cho mời tam bàn và các cụ họp để chia ruộng ky hậu, ai được cấy phần nào sửa giỗ ngày nào thời biên một cái phiếu giao cho người ấy giữ, hàng giáp họp ngày hôm ấy chỉ có giầu nước mà thôi.

Điều thứ 62: Lệ bầu hậu từ nay định bằng người nào nộp làng được hai trăm đồng bạc và một mẫu ruộng tốt, khi người còn sống cứ ngày vào đám đồng dân cắt người đem cờ trống và phường bát âm đón ra đình lễ thờ dân tùy nghi kính biếu (như tuần thịt bò thời biếu một miếng thịt đáng ba cân, một đĩa xôi mươi khẩu giầu, tuần thịt lợn thì biếu một miếng thịt đáng một cân, giầu xôi thì cũng thế). Cứ ngày Nguyên Đán đồng dân sửa một bánh..... một đĩa giầu, một chai rượu vào mừng tuổi, người chủ chỉ khoản đãi giầu nước mà thôi, đến khi chết đồng dân sửa riêng lễ phúng phóng 1,00$ bạc rồi lĩnh thuy hiệu khắc bia tại đình, cứ ngày húy nhật đồng dân sửa xôi một ván, rượu một chai, mũ áo tinh sạch ra đình hoặc văn chỉ rồi cho cắt cử mà làm lễ, chỉ trừ các ông chức sắc và những người đi việc quan mấy những người đại tang cơ niên mà thôi, còn ai không đi tế thì phải sửa mười khẩu giầu mà cáo khiếm, như không nhời cáo khiếm hay là làm lễ có

nhầm lỗi gì thì phạt ba mươi khẩu giầu, việc ở đình các làng hương mục cũng theo như thế.

Điều thứ 63: Sổ khai lệ này sửa làm ba bản xin chũ quan công sứ, quan tổng đốc, quan chủ phê phó, lĩnh về một bản giao ông hội trưởng hội đồng giữ.

Hương ước cộng hai mươi sáu khoản, sáu mươi sáu điều, nếu về trước có điều gì khác thì bỏ đi, còn về sau bàn được điều gì công ích xin lại kế tục về sau.

Khải Định nhị niên nhị nguyệt sơ nhật.

Thừa sao y chính bản

Nay thừa sao

Le 20 Aout 1942

HƯƠNG ƯỚC LÀNG ĐẠI MỖ

Huyện Đại Mỗ, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

Điều lệ tục và chính trị trong làng ai nấy đều nghe rõ và ưng thuận, liệt rõ như sau này kỷ hết để trình duyệt y.

Phần I
Chính trị
(Lập ngôi thứ vị)

Điều 1: Cứ ngày mồng 2 tháng Giêng An Nam tế thần xong thì hương lý sắc mục hội ngay lại tại công đình chọn lấy 10 người từ 46 tuổi đến 49 tuổi sung vào nhóng giáp trưởng (nhị bàn để sửa sang tế tự quanh năm, những người được vào nhóng này phải là người lương thiện, từ thủa nhỏ không can điều gì xấu ở trong làng và pháp luật khoản án gì).

Ngày mồng chín chọn 10 người từ 60 tuổi đến 80 tuổi gọi là kỳ lão (do các ông này từ thủa nhỏ chưa có tai tiếng gì và đã theo đóng góp đủ các nhóng món mới được vào nhóng này để dự bàn các việc quan việc dân).

Ngày 11 như tế đảm xong lại chọn lấy 11 người từ 40 tuổi đến 46 tuổi vào hai mâm đại hạ (toàn là người thanh khiết cả, để theo các việc quan và việc dân để canh đê gác điếm vân vân).

Những việc đặt ngôi thứ ở trên thì bất cứ kỳ lão hay đại hạ nếu ai có tang từ điển có thì nhóng được dự.

Việc lập sưu thuế đã do nghị định quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 27 Fevrie 1927 không phải đặt ra ở đây.

Điều 2: Công tư điền thổ

Hiện nay trong làng đã có sổ địa ba nhất định do trưởng bạ ấy thì các hạng điền thổ đã kê minh bạch.

Điều 3: Việc bổ sưu thuế

Hằng năm thì cứ đến kỳ sưu thuế, khi có giấy sức lĩnh bài chỉ sưu thuế về, thì lý trưởng phải tường hương hội lập biên bản niêm yết tại công sở và trong 5 ngày cho mõ đi rao, đồng dân ra đình hội họp, chiểu bài chỉ rõ các hạng sinh điền thổ, quân bổ phân minh, lập thành bài bổ trình quan bản phải y phê.

A, thuế điền thổ giao lý trưởng thu

B, thuế sinh sưu giao giáp trưởng đại hạ cùng đàn anh bốn xóm hai thôn thu về giao lý trưởng đăng nạp, nếu ai để thất thoát thì người ấy phải chịu trách nhiệm.

Điều 4: Quân cấp công điền

Khi trước làng có 15 phần ruộng để quân cấp cho lính người làng, nhưng nay làng ít người đi lính và đã được ăn lương nhà nước, thì số ruộng đó sung quĩ công điền.

Điều 5: Việc đắp đê, đắp đường, đào sông. Ngày nay đã có sở lục lộ làm, dân trang không phải đi nữa.

Điều 6: Việc bàn cử lý phó trưởng

Đã có nghị định quan thống sứ Bắc Kỳ, đăng ở quân báo.

Điều 7: Việc cắt tuần phiên

Hằng năm thì cứ đến cuối năm Tây thì 10 người giáp trưởng phải theo trong sổ đinh cắt lấy 15 tên tuần từ 18 tuổi giở lên phải là người lương thiện để tòng giữ lý dịch mà quản trị trong làng ngoài đồng, một hạn là 2 năm (trừ ra là chân tư văn nhiêu cùng những người yếu đuối tàn tật và phường bát âm kèn trống thì được miễn, nếu ai không đi thì khi lên ngôi phải nộp 5,00$ sung quĩ còn như

trương tuần thì làng rộng chia làm 4 xóm, phải bàn lấy 4 người trương tuần, người bàn ra phải khỏe mạnh lương thiện có gia sản.

Điều 8: Ứng cứu trộm cướp

Bất hạnh nhà nào xảy ra có việc trộm cướp mà sự chủ kêu la, thì lý dịch, trương tuần tráng phải nổi hiệu hết sức đến phó cứu, hễ người nào bắt sống được một tên kẻ cướp thì làng thưởng 15,00$, bắt được tên kẻ trộm có tang chứng làng thưởng 6,00$. Hoặc người nào đi kháng cự sự kẻ gian mà bị thương nặng làng cho 5,00$ nhẹ 3,00$ thuốc thang, nếu bất hạnh đi đánh cướp trộm bị chết thì thưởng cho 20,00$ làm ma, mà người thừa kế được 1 chân nhiêu, các khoản tiền thưởng kể trên, do sưu thuế trích ở công quĩ ra cho, nếu có trộm cướp mà xử ra tuần phiên không chịu ứng cứu thì sẽ lại trách nhiệm, còn về việc hoa màu và đồng điền, thì sẽ theo số mất nhiều ít mà khấu vào tiền lúa sương hoặc lương làng xã cấp cho.

Nếu những kẻ gian là người trong làng thì sau khi giải trình quan hoặc mãn lệ tù về làng, cũng không ai được ăn ngồi với tên ấy nữa.

Điều 9: Việc đánh chửi nhau, ai mang khi có việc xảy ra thì phải tường hương lý nhe lập biên bản hòa giải, nặng thì trình lên quan xét xử, tiền phí tổn người bị lỗi phải chịu, việc người ấy cùng nghèo thì thân nhân người ấy phải chịu đựng, nếu tên nào bị án vào việc này, thì khi về làng cũng không được dự ngồi hương ẩm.

Hoặc có những kẻ bất hạnh chết ở trong địa phận làng mình mà vô thừa nhận, thì sưu thuế phải trích một số tiền rất ít ở khoản trợ cứu tế giúp tống táng.

Điều 10: Tạp tụng

Nếu trong làng có người gây ra việc kiện nhau, trước hết sưu thuế phải lấy lý hòa giải, nếu không xong thì lập biên bản trình quan phân xử, lộ phí do người khởi tố phải chịu hết.

Điều 11: Thuốc phiện, rượu lậu, cờ bạc, trong làng có những kẻ làm điều trái pháp luật, buôn các đồ lậu thuế nhà nước như là thuốc phiện, rượu lậu và vân vân, để hương lý bắt được lần thứ nhất phạt

1,00$ sung công quĩ và phá hủy tang vật, nếu tên ấy chẳng tuân thì lập biên bản giải trình, lần thứ 2 lại bắt được tên ấy thủ phạm, thì lý dịch cứ lập biên bản giải trình, tịch luân gia sản phát mại. Khi kẻ ấy ở tù về thì cấm không được dự vào ngồi hương ẩm ở chốn đình trung nữa, nếu lần thứ ba lại bắt được tên ấy làm trái phép thì đồng dân sẽ tống vãng trục xuất cảnh ngoại hương, nếu trong làng hoặc thân nhân còn chứa thì phạt từ 0,$5 giở xuống để sung công quĩ, nếu bắt được nhà nào gá chứa cờ bạc thì phạt 1,$,00 sung quĩ và các bạc mỗi tên 0,$20, nếu không chịu thì giải trình quan nghị trị.

Điều 12: Đắp giả, cầu cống đường đi

Ngoài đồng điền thì phải đắp giả ải giữ được làm ruộng việc và do lệnh 8 giáp án phận như lệ cổ, hễ địa nào để phải phạt 0,$20. Đường đi và cầu cống trong làng, trừ khi nào công quĩ dư dật, là phải trù dễ xây lát chỗ sung yếu, nếu chỗ nào chưa xây lát đến thì vẫn do trưởng điếm ở các xóm đốc xuất giai tráng phỉ quẩy đất đắp nước chảy qua đường sạch sẽ. Những chỗ có rãnh nước chảy qua đường cái hay nơi chảy tiêu phải (...).

Điều 13: Việc cứu hỏa

Trong làng đã thiết lập 5 điếm canh lúc nào mỗi điếm cũng để sẵn một đôi thùng gỗ, 2 chiếc thau vảy, hai cái câu liêm và một cái thuyền thúng nhỏ, bất ngờ và trong làng có ai vào phát hỏa thì trưởng điếm phải nổi hiệu đốc xuất mọi người đến phó cứu, nếu người nào biết mà không cứu thì sưu thuế sẽ phạt 0$,50 sung công, hễ để lan sang láng giềng nữa thì sưu thuế lập biên bản trình quan.

Điều 14: Việc cắt đầu mục và tráng canh, đê trang rộng dài chia làm 4 xóm, coi như 4 làng, ở giữa lại có đường quan lộ đi qua, đầu làng có chợ to, xung quanh phần nhiều bao bọc bởi các cánh đồng rộng trống trải, nếu từng xóm, từng điếm hương điếm mỗi phiên 10 tối danh sách kê vào sổ cắt tuần và biên lên hiểu để ở điếm canh, tráng đinh là trai làng từ 18 tuổi giở lên đến 45 tuổi, đầu mục là các người giáp trưởng đại ha sổ danh sách đem trình quan phê.

Ai đến phiên canh mà để sơ khoảng thì phải chịu trách nhiệm

Điều 14 b: Kỷ lý đi việc quan

Làng ta ở xa phủ ly, nếu khi người hương chức đi việc quan (thuộc về việc công thì mỗi người mỗi ngày được lĩnh 0$,40, nếu lên tỉnh thì chỉ được lĩnh 0$,20 lộ phí.

Điều 15: Việc hộ tịch

Trong làng cần lúc nào cũng phải có một người Hộ lại để giữ sổ sinh tử giá thú, những người làng ai có việc đến xin đăng bạ việc sinh, tử, giá thú nhất thiết cấm hộ lại không được lấy tiền mang của ai cả.

Điều 16: Cấm chấp việc gian phi

Trong làng nếu kẻ nào phạm vào tội gian phi, ăn cắp trộm việc gì từ nhỏ cho đến tiền, trâu bò mà bắt được thì người ấy trộm phải giả lại tang vật nhà sự chủ, mà tên gian phi bị phạt 1,00$ và truất ngôi hương ẩm.

Điều 17: Cấm chấp những người thả trâu bò lợn gà, ngỗng vịt và những giống lục súc vào lúa và người lấn bờ ruộng trộm và tát nước trộm, bắt được người nào thả các giống súc vật vào lúa của điền chủ phá hủy, ví mà bắt được bị phạt 1,00$ sung vào quĩ và nếu thiệt thòi nữa như lúa, mạ, ngô khoai, đậu, đỗ lại phá hoại sẽ trình quan xét xử bắt bồi cho người chủ điền.

Còn những kẻ tát nước trộm, hay lấn bờ ruộng trộm của tư hay của công thì sẽ bị phạt 1,00$ sung quĩ.

Nếu người ấy không chịu thì đồng dân làm giấy nghị trị, còn những kẻ đánh lũy chia cò hoặc bắt cua cá làm nát lúa, tuần phiên bắt được phạt 0,50$.

Điều 18: Việc giữ hoa lợi ở ao, đất công hoặc lấy trộm các thứ hoa quả ở nơi đình chùa miếu quán và những đứa vẽ bẩn ở tường và đình hay nhà hội đồng, những đứa lạm đất công, kẻo cá trộm ở các ao công, nếu bắt được quả tang, những đứa nào như vậy, xét ra nhẹ thì

phạt 1,00$ không những phạt 1,00$ sung công đồng dân còn làm biên bản cắt ngôi trừ ngoại, không được dự đình trung.

Điều 19: Trừng phạt những kẻ đi mua bán vào những việc công của làng mà ăn bớt tiền và những đứa chiếm ruộng đất công, nợ tiền nợ thóc của làng, nếu bắt được quả tang đồng dân sẽ phạt 1,00$ sung công, tên ấy phải sửa 30 phẩm giấu tử tạ đồng dân, nếu tên ấy còn gian lậu lần thứ hai mà có người bắt được thì đồng dân phạt 1,00$ sung công tên ấy ngày sau chỉ được ngồi bàn ba, không được ngồi bàn trên nữa, còn những người nợ tiền nợ thóc mà lươn khươn không chịu giả, sai tuần đi đòi đã nhiều mà không giả thì đồng dân phạt 1,00$ nếu tên ấy không chịu thì hội đồng làm giấy trình quan nghiêm trị còn những người đến lượt cấy ruộng công, cấy năm trước đến năm sau lượt người khác, không chịu giao hết ruộng cho người ta, lại còn ẩn lậu một vài thửa về sau bắt được thì phạt 1,00$ sung công và sẽ trình quan nghị phạt và bắt bồi thường cho dân giả người cấy sau, còn kẻ nào chiếm công vi tư, đồng dân bắt được làm giấy giải trình, tên ấy tù về thì đồng dân không ai ngồi với tên ấy tại chốn đình trung nữa.

Điều 20: Trừng trị những kẻ gian dâm

Giai gái tân có tình với nhau làm những sự vô giáo dục, người ta bắt được hoặc thân nhân người ấy bắt được mang trình, hương hội nghị phạt người con gái 1,00$ đồng, đàn ông 0,50$, những người gái góa chồng, có người bắt được nằm với giai thì phạt 1,00$ đến khi lấy chồng thì phải nộp tiền cheo một gấp hai, người nào góa mà có con giai, không thể đứng thờ chồng nuôi con được mà lấy chồng khác, thì phải nộp cheo lần nữa, người có chồng mà nằm với giai có người bắt được hoặc thân nhân nhà chồng bắt được, đem trình hội đồng có đủ chứng cớ thực hương hội phạt 1,00$ sung công, nếu vợ chồng không thuận hòa lập lý như vậy thì hội đồng phải làm giấy trình quan xét xử.

Điều 21: Về việc này phải theo dân luật, trang 25, chương thứ ba điều 116 đến 150.

Điều 22: Việc vệ sinh

a. Hết thảy các nhà cửa trong làng và ngoài phố, chợ nhà nào cũng phải quét vôi tường vách cho sạch sẽ, trong nhà, trên nhà dưới cổng ngõ, chuồng trâu, chuồng lợn, chuồng gà lúc nào cũng phải sửa sang quét dọn cho sạch sẽ, ao và rạch ở gần nhà không được để nước tù hãm. Nếu xét ra nhà nào không tuân, làm trái vệ sinh, thì sẽ phải phạt 0,400$ sung công.

b. Bệnh truyền nhiễm và chó dại, trong làng hễ thấy bệnh dịch tả phát ra ở nhà nào, hay có chó dại, thì hộ lại phải đi trình quan để xin thầy thuốc về cho thuốc, còn chó dại thì phải bắt đi lên viện thú y bản tỉnh khám nghiệm, người nào bị chó dại cắn phải đi tiêm không được ẩn nặc, để những bệnh nhân đến chết, thì phải đem chôn xa đào hố sâu, đổ vôi bột, quần áo giường chiếu đem đốt hết.

Những nhà có trâu bò chết, nhà sự chủ phải tường lý dịch và nhà ấy làm đơn trình quan bản phủ y phê, rồi về nhà ấy phải đem chôn những trâu bò chết ấy ra cách đồng xa, nhà ấy phải quét sạch sẽ vẩy nước crésyl.

Nếu lý dịch đến khám những nhà kể trên mà không làm theo phép vệ sinh thì nhà ấy sẽ phải phạt 1,00$ sung công.

Điều 23: Những người ký cư, ngụ cư

a. Những người đến ngụ cư ở làng, ở chợ thì phải là người lương thiện mới cho ở, nếu xét ra là người bất hảo thì sẽ trục xuất.

b. Còn những người ở lâu, mà vẫn lương thiện, muốn ra nhập vào phe giáp, đóng góp theo người làng, thì người ấy phải sửa 100 giầu, tường hương lý xét sai đủ hạnh kiểm căn cước thì mới cho vào làng.

c. Những tên nào đến 18 tuổi, muốn xin vào nhập bạ và hàng phe, thể lệ hàng phe tùy phe ấy đinh. Còn việc đóng sưu thuế phải cam đoan như người làng, nếu sưu thuế, bổ, thu mà không đóng sẽ trình tòa án truy tố.

Nhà nào ngụ ở làng đóng góp quá ba đời, con cháu mới được dự vào ngồi đại hạ ở trung đình, còn các địa vị khác thì không được.

Điều 24: Việc hiếu thuận

Những người trong làng phải theo điều hiếu thuận, con mà không hiếu thuận với cha mẹ, không hòa thuận mấy anh em, không kính trọng các bậc tộc trưởng trong họ hàng. Những đàn bà vô lễ với ông cố, cãi cọ với chồng như thế là tê tội, nếu đã vào trình hương ý đòi ra hội đồng, xét đủ chứng cớ thì bất kể có lỗi phải tạ lỗi với người hơn ở chỗ đương điên, đồng dân phạt 1,00$ sung công, nếu không chịu thì hương hội phải làm giấy trình quan.

Điều 25: Những người làng khác đến xin ký táng ở ruộng đất làng, nếu ai đã tìm được ngôi đất bất cứ công tư điền, trước 2, 3 ngày phải tường hương lý xét xem có phạm vào long mạch nào không, nếu không phạm vào cấm địa của làng hay của người khác mới cho, nhà chủ ký táng phải nộp mỗi ngôi mộ là 10,00$. Những người cất mộ đều phải lấp lỗ cũ, không được để trống, nếu không tuân phạt 0,50$ sung công quĩ.

Điều 26: Việc tôn giáo (hương giáo)

Người trong làng phải cho lương thiện, theo việc công nghệ, như ngày nay nhà nước bảo bộ. Đều lấy luật công bằng, dân phồn thịnh không ai ức chế gì ai mà làng xưa nay cũng có kẻ giả danh theo đạo Gia tô để muốn làm nát dân. Sự tích ấy làng đã đều biết, từ nay trở đi ai có lòng trung thành theo đạo thì dân cũng bằng lòng theo, nhưng các việc binh lương thuế lệ vẫn phải theo. Theo pháp luật nhà nước, bên lương thờ Phật bên đạo thờ Thiên Chúa, sự bổ liễm, bên nào theo bên ấy, không có hỗn độn nhau, ai đã theo giáo mà không trung thành, nay theo giáo mai về lương thì dân không được nhận cho vào ngôi thứ nữa.

Phần II
Phong tục (34 điều)

Điều 1: Việc lễ Giao Thừa

Đêm 30 (rạng ngày mồng một tết An Nam cứ theo lệ cũ thì ông từ được ăn 9 sào ruộng phải sửa 4 con gà, 4 mâm xôi, 4 lít rượu, 4

trăm vàng, một bánh pháo, 4 chục giấu. Đến 12 giờ đêm giờ tý đánh trống đốt pháo để đồng dân ra lễ Giao Thừa xong quân huệ.

Sau khi lễ Giao Thừa, thì 10 ông xỉ lão lễ minh niên, lễ này xin bỏ. Vì đến 6 giờ sáng có tư văn hội lão lễ sóc vọng.

Điều 2: Tế xuân

Ngày mồng hai tết tế xuân, cứ theo lệ cổ thì 8 giáp góp 2 con lợn, 8 cỗ xôi, 2 lít rượu thơm, 4 lít rượu hoa vàng, hương giấu cau. Điều này nặng quá, nay trích 2 mẫu ruộng công giao cho 10 liền anh giáp trưởng, cấp ruộng làm lễ này phải 2 lợn 10 lít rượu, 40 phẩm oản, 9 trăm vàng, 50 khẩu giấu, 1 bánh pháo, 8 giáp chỉ mỗi giáp phải thổi một cỗ xôi tinh khiết đáng 7 cân, trước 12 giờ trưa phải tế tựu đều để làm lễ.

Năm người sĩ năm phải đi mời các quý quan gia tộc ba chi các viên đến đình dự lễ, còn dầu đèn, hương nến thì giáp đương cai phải sắm sửa đủ dùng, trong 8 giáp nhà nào mới đẻ xong, giai thì ngày hôm ấy phải đem 1 bánh pháo để nhập giáp đốt pháo ngay ở đình, khi tế lễ xong thì lợn xôi tế tác kính biếu còn bao nhiêu thì mới chia về 8 giáp, mang về nhà chứa ăn uống.

Những cỗ biếu đãi kê như sau này:

Mỗi cỗ 1 bát xôi đơm bằng miệng bát, 1 đĩa lòng, 1 đĩa 5 miếng thịt mỏng, 1 bát đựng ít thịt xào dưa, 1 đĩa 5 miếng thịt xào, 1 khẩu giấu.

Tuy lấy cỗ biếu ấy, thủ chỉ 1 cái sỏ lợn, 1 cỗ chính hạng, 1 khẩu giấu, nếu không có viên thủ chỉ thì sỏ lợn và cỗ ấy chia 5 nhòng ăn.

Biếu qui quan tộc 1 sỏ lợn, 3 cỗ chính 3 khẩu giấu.

Biếu chức sắc, chánh phó tổng, người làm lý trưởng, hương lý, dịch đương thứ, bô lão mỗi viên 1 cỗ kể trên và 1 khẩu giấu.

Bốn viên chủ tế, 4 cỗ chính hạng, 4 khẩu giấu.

Biếu tả văn một cỗ, 1 khẩu giấu.

Đặt cỗ ăn như sau này:

Ai có mặt đến thì mới được dự cỗ, duy chỉ có lý dịch đương thứ vắng mặt, thì đương cai phải chia phần đem đến tận nhà, nếu có dự cỗ ở đình thì phần chia đương cai đem đến tận nhà.

a. Nhòng chức sắc, lý dịch và kỳ mục 5 cỗ chính hạng, 5 bát rượu con, giầu 10 khẩu và một cái lăm lợn.

b. Nhòng tư văn hai cỗ chính hạng, 6 cỗ thứ hạng, 1 cái lăm lợn, 1 cân thịt, 1 cỗ xôi giải nhì, rượu 12 bát con, giầu 20 khẩu.

c. Người đọc chúc và đông xướng 2 người được 1 cỗ chính hạng, hai khẩu giầu.

d. Sáu người bồi tế được 1 cỗ chính hạng, 2 bát con rượu và 10 khẩu giầu.

e. Giáp trưởng 10 người ba cỗ chính hạng, rượu 3 bát con, 10 khẩu giầu.

g. Năm người giáp trưởng đàn em 1 cỗ chính hạng, 1 bát con rượu, 5 khẩu giầu.

h. Để cho 10 người đại hạ và 1 người thư ký của làng 2 cỗ chính hạng, 2 bát con rượu 11 khẩu giầu.

i. Để cho thủ từ 1 cỗ chính hạng 1 bát con rượu, 1 khẩu giầu.

k. Để cho giai hương và đương cai một cỗ chính hạng, một bát đàn con rượu, một khẩu giầu.

l. Đãi phường trống kèn 1 bát đàn con rượu, 1 cỗ chính hạng và một khẩu giầu.

m. Đãi phường bát âm một cỗ chính hạng, rượu một bát đàn con, 1 khẩu giầu.

Còn giao cho 8 giáp 8 đùi lợn, cho lệnh trưởng từng giáp đem về ăn uống. Còn bao nhiêu xôi thịt, giao giả đương cai tế tác, mà giáp trưởng phải quản nhận, bày đặt đủ các nhòng và các phường ăn uống tại đình.

Điều 3: Ngày mồng ba tết

Những người mới làm lý dịch, hoặc mới vào giáp trưởng huynh thứ hạng nhì, bàn những người đại hạ, những người lên lệnh 8 giáp,

lệ nộp tiền thì lý dịch chịu điều 27, giáp trưởng giở xuống, chiểu điều 30 dưới này.

Mỗi lễ vật 4 con gà, 4 mâm xôi, 4 lít rượu, 90 khẩu giấu, 9 trăm vàng, một bánh phảo giá độ 0,20$. Đàn anh giáp trưởng thu sửa sớm ngày ấy đệ lễ tại đình.

Khi lễ xong thì các nhòng vị thứ ai có mặt đến lễ thì quân huệ, không phải biếu ai cả, hoặc năm nào số tiền thu thiếu, thời do chức dịch giáp trưởng, đại hạ ứng ra cho đủ, nếu thừa thì đem đặt lãi, sang năm sau sửa lễ.

Hồi 4 giờ chiều hôm ấy, 10 người giáp trưởng phải sửa 40 khẩu giấu mời lý dịch đương thứ đến lễ hóa vàng.

Điều 4: Ngày mồng 8 tháng Giêng, tinh tiền cheo làm lễ, việc ấy bây giờ xin bỏ đi.

Điều 5: Ngày mồng 9 tháng Giêng, cứ theo như trước thì lễ khám mã, đang cai có một mẫu ruộng còn thiếu tiền thì bổ vào 8 giáp, mỗi giáp 2,00$ tiền mã, tưởng như thế thì dân đinh phải đóng nặng, bây giờ xin trích một mẫu ruộng nữa, giao cho giáp đương cai cày cấy để đóng vào tiền mã, việc mua mã thì cứ ngày 15 tháng Chạp, đàn anh xỉ gọi thợ mã đến làm, đến ngày mồng 9 tháng Giêng thì phải xong các thứ mã, để đồng dân lễ khoản, nếu thợ mã làm đơn sai thì đồng dân giảm giá tiền mà năm sau không được mượn nữa.

Ngày hôm ấy đồng dân lại trích ra 2 mẫu ruộng công, giao cho 10 người giáp trưởng phải sửa 1 con lợn, 200 phẩm oản, 200 quả chuối, 200 miếng giấu, 1500 vàng, 10 lít rượu, sớm ngày đệ lễ tại đình lại đem lên chùa Linh Thông và chùa Trung Quang, mỗi chùa 55 phẩm oản, 55 quả chuối, 55 khẩu giấu 1 cái năm lộng và 300 vàng, giao cho sư hai chùa ấy đọc sớ cùng Phật, còn bao nhiêu thịt oản lễ tại đình, cả nhòng hội lão, hương hội, 10 người giáp trưởng làm lễ Kỳ Phúc và khám mã một thể, khi lễ đình xong, đều lên hai chùa lễ, xong về đình rồi chiểu lão từ 50 tuổi giở lên, trước có ăn sửa ngôi thứ, đủ việc tuần linh (Họ Nguyễn Qui thời không phải theo lệ ấy). Người nào

không trở tang mới được ngồi gian giữa tế đường. Người có tiểu tang có thì ngồi với họ Nguyễn Qui ở bên hữu, những người không ăn sửa ngôi thứ gì và bất hảo thanh chủy thời ngồi ở cuối nhòng gian bên tả, còn những quan viên, chức sắc kỳ mục, lý dịch hương hội và 10 người giáp trưởng ngồi riêng một dòng, khi ngồi yên cả các nhòng vị thứ thì đồng dân xét gian trung chính, các cụ 60 tuổi giở lên chọn lấy 10 người đệ nhất nhị lão hạng để hiệp dữ cùng nhòng vị thứ, hội đồng nghị viện, để dự bàn các việc trong dân 10 cụ xỉ lão ấy lại được trích ra 5,00$, tiền cheo, chia nhau lên chợ làm tiền trà nước, lên chợ lấy giải phường thịt một cái sỏ lợn sống, phiên chợ ấy có bao nhiêu lợn thì lấy tất cả bấy nhiêu đôi bầu dục đem về đình sửa lễ.

Đương cai chiếu khoản đãi mỗi nhà sư 5 phẩm oản, 5 quả chuối, 3 miếng giầu, còn bao nhiêu đem về đình giao giả giáp trưởng.

Khi lễ vật xong đem cân thịt lòng 40 cân, oản 40 cân, rượu 10 lít, chuối 190 quả, giầu 190 khẩu cùng với sỏ lợn bổ dục lấy ở chợ về, giao đương cai tể tác làm cỗ, đãi thủ từ một cỗ, đương cai hai cỗ, đãi nhạc phường một cỗ, còn bao nhiêu lấy ra các hàng thứ vị ăn uống, 10 người giáp trưởng phải đong gạo tẻ 150 bát đàn, giao đang cai thổi cơm, rau sống cùng với dưa mắm cho đủ để các nhòng thứ vị ăn uống, khi tiệc rượu xong, người nào có chân tư văn thì đến đền thờ ba đức Đại Vương mà lễ tế xuân, lễ vật này là họ Nguyễn Qui sửa sang, ngày hôm ấy đương cai phải đem bản chức, châu quản tẩy, giá chậu đũa chén và chiếu các hạng đủ dùng, đem đến tại từ đường, khi tế xong qui tộc khoản đãi đang cai ăn uống, người nào không tuân thời bị phạt 1,00$.

Điều 6: Ngày mồng 10 tháng Giêng vào nhập định đám lệ thường, 5 người giáp trưởng đàn em sửa 40 khẩu giầu đệ tại các miếu quan viên tư văn lễ cáo từ, khi về phải 40 khẩu giầu lễ an vị, xong ba thôn sửa hai lợn giả là 20,00$, 12 cỗ xôi, mỗi cỗ xôi 7 đấu cân, thôn Khế Ngang 8 giáp 1 cỗ xôi, thôn Huyền Phố 2 cỗ, An Thái 2 cỗ, trích 6 lít rượu, 40 khẩu giầu 9 trăm vàng 1 bánh pháo đến 10 giờ ngày hôm

ấy cứ soát đủ lễ vật, trước khi khám xôi, sau khi làm lễ, khi lễ xong cắt cỗ biếu chiểu theo ngày mồng 2 tết mà tuân hành. Biếu đãi xong, còn bao nhiêu quân làm 7 phần chia cho Huyền Phố An Thái một phần, còn 6 phần để lại Khế Ngang thôn, giao 10 người giáp trưởng ủy đang cai làm cỗ, các hàng thứ vị 8 giáp trưởng kiến tại ẩm thực, đêm ấy đến giờ Tý giáp trưởng phải sửa 40 khẩu giầu làm lễ sang canh ngày hôm ấy mỗi lễ vật hết tất cả bao nhiêu tiền chia ra làm 7 phần, Huyền Phố và An Thái một phần còn 6 phần thôn Khế Ngang phải chịu thời bản thôn giáp trưởng năm người đàn em được thu tiền, 8 giáp mỗi giáp 0,50$ người nào đến cai phiên cũng phải 0,50$ những người giai đinh đến 18 tuổi cũng phải nộp tiền 0,50$ để làng phải cúng 0,15$, nhược bằng thiếu thốn, ít thời 5 người giáp trưởng phải chịu.

Ngày 11 nếu có quan thủ chỉ thì quan thứ chỉ sửa lễ 1 con lợn, hoặc con bò, 4 mâm xôi, 8 lít rượu, 9 khẩu giầu, 9 trăm vàng, nhưng bây giờ không có quan thứ chỉ, thì lễ ấy gọi là chẩu kỳ mục (do các viên chức, kỳ lý sửa 1 con lợn, 8 lít rượu, 4 cỗ xôi, 90 khẩu giầu, 9 trăm vàng, tế xong giao cho 10 người giáp trưởng giao đang cai tể tác cỗ bàn, kính đãi các nhòng rồi đồng dân từ 18 tuổi giở lên uống rượu.

Ngày 12 - Tế trù

4 giáp: Đồng, Lão đình, Ngang đình, Thượng đình mỗi giáp 1 con lợn, 1 cỗ xôi, 4 lít rượu kính biếu đồng dân như ngày mồng 2 Tết, còn bao nhiêu 4 giáp chia nhau, giáp nào về nhà chửa giáp ấy uống rượu. Đến ngày 13, 4 giáp: Tây Nội, Ngang Khế, Tây Thượng và giáp Chính Tây, 4 giáp đều sửa lễ cúng như 4 giáp trước. Kính lễ xong rồi ăn uống cũng như thế. Đến chiều ngày 13 tế Xuất Tịch, tục gọi tế dã, thì 8 giáp cùng 2 thôn, mỗi giáp cùng mỗi thôn một cỗ xôi, 1 con gà, 1 lít rượu, chung nhau mua 100 giầu, 9 trăm vàng để lên đình tế. Khi tế xong giáp đang cai phải sửa 40 khẩu giầu để lễ hóa mã. Còn giầu thì biếu mỗi viên vị thứ 1 khẩu, còn xôi gà của hai thôn giả mùng về, còn của hàng xã 8 xôi, 8 gà, giao đang cai tể tác làm cỗ tại đình. Đại quan viên 4 gà, 4 xôi, còn đồng dân quần huệ.

Điều 7: Gián hữu hoặc 15 hay 20 năm có được mưa, hay đắt hàng cửu, hay nhà vua thời không có ruộng nương chi cả, phải bổ bán vào dân đinh, tùy đảo, tùy biện, còn phải làm giấy trình quan có cho lệnh thì mới thi hành.

Điều 8: Đám tháng 2

Rằm tháng hai là kỷ niệm ba Đức Đại Vương ở nhà thờ Nguyễn Qui tộc của hương Đức Đại Vương có để lại cho 18 mẫu ruộng chia cho xã nhà và 3 thôn: Phú Như, An Thái và Huyền Phố thường tế lễ ba ngày (từ 15 đến tới 17) ngày xuân tế ba lợn (theo như lệ cổ không thay đổi) giầu cau rượu vàng, tế xong biếu họ Nguyễn Quý 3 sỏ lợn, 3 cỗ xôi và 4 cỗ thờ, còn thời đều tế tác ăn uống tại từ đường.

Năm nào đắt hàng hay gặp dịp nhà vua ban sắc bách thần, rước sắc to thì mới mở đám dài 5 ngày phải xin phép quan.

Điều 9: Tế đinh

Làng ta có 4 miếu là miếu: Hàm Rồng, miếu Nhà Cảnh, miếu Vườn Chùa, miếu Phú Thứ, xuân thu cứ nhằm ngày đinh cuối tháng hai và tháng 8 mỗi kỳ lý dịch và 10 giáp trưởng phải ứng tiền mua 2 con lợn, mỗi con trị giá là 5,00$ 4 cỗ xôi, 2 lít rượu 50 khẩu giầu và 2 trăm vàng để lên miếu Hàm Rồng và miếu Nhà Cảnh để tế, khi tế xong đem về đình làm cỗ biếu cũng như ngày mồng 2 tết và còn đồng dân đều uống rượu tại đình.

Hai miếu Vườn Chùa và Ba Đông thì ở thôn Phú Thứ và thôn Huyền Phố và An Thái phải tế.

Tế thánh sư Công Nghệ

Xuân thu nhị kỳ làng phải bầu một người câu đương (cai biên) cứ trước ngày 28 tháng hai và tháng 8 thì những câu đương đi từng nhà những người làm cửi thu tiền, lúc đắt hàng thì mỗi công cửi đóng 0,20$, lúc ế thời mỗi công cửi đóng 5,00$, tùy số tiền thu mà sửa lễ tại nhà thờ Thánh Sư, khi tế lễ xong, đem về đình tế tác cho các chủ làm cửi và đồng dân uống rượu.

Điều 10: Tư văn tế tiên hiền

Xuân thu nhị tế, hàng năm cứ tế đinh xong, thì văn hội cứ lần lượt theo số thứ tự mà cắt một người chứa chịu. Trước đặt lệ quá nặng, nhiều người phải cầm bán mà chứa chịu. Từ nay ấn định rằng hễ đến lượt người chứa thì sáng hôm ấy chỉ phải sửa 4 con gà, 40 phẩm oản, 40 khẩu giầu, 2 lít rượu, 4 trăm vàng đem đến đình để lễ, xong rồi tế tác để các cụ cùng câu đương có mặt đi lễ được dư huệ.

Đến trưa thì xôi thịt, giầu rượu của văn hội (nhà chứa thì phải sửa soạn) đề đến văn chỉ quan viên mũ áo chỉnh tề, tế tiên hiền xong, mang về nhà chứa, hay người nhờ ở đình, tế tác cùng uống rượu, không có cơm tẻ, nhà chứa chỉ phải phụ giầu cau mắm muối và tăm nước.

Điều 11: Lễ Kỳ Yên

Trước ngày mồng 1 tháng Tư, 4 xóm trù số tiền 20,00$ để sửa vàng mã, voi ngựa và con lợn xôi rượu đem lên văn chỉ tế Kỳ Yên, sau khi hóa mã, thì 4 xóm lại chia cỗ đem về nhà chứa quân huệ không có cơm tẻ.

Điều 12: Lễ xuống đồng mạ

Cứ đến ngày 10 tháng 4 ta thì làm lễ xuống đồng mạ, tế vua Tiên Nông, 8 giáp sửa một con gà, 1 cỗ xôi, 1 lít rượu, giáp nào đang cai phải mua 1000 vàng, 2 trăm khẩu giầu, sáng sớm hôm ấy đều đệ lên đình làm lễ. Khi lễ xong, thì cắt cử mấy cụ cao tuổi song toàn, đi gieo mạ xuống đồng, bao giờ cũng gieo vào thửa ruộng của lý trưởng đã làm đám sẵn. Gieo mạ xong thì giáp nào giáp ấy đem xôi gà chia làm cỗ, còn các giầu cau thì kính biếu các nhòng vị thứ mỗi viên một khẩu.

Lễ xuống đồng cấy, cuối tháng năm hay đầu tháng sáu, lý trưởng chọn được ngày tốt thì phải nói để 8 giáp sửa lễ Hạ Điền, các lễ vật như trên, không khác chút nào.

Điều 13a: Lễ Thượng Điền

Ngày 22 tháng 7 ta, cày cấy xong cả, 8 giáp lại làm lễ Thượng Điền, lễ vua Tiên Nông (Lệ cũ mỗi giáp một con lợn) hai cỗ xôi cùng

vàng hương giầu cau đem đến đình tế lễ. Nếu cứ như thế thì từ đứa trẻ ẵm ngửa giờ lên đều phải đóng góp rất nặng nề) nay nghị xin cải bỏ lệ cũ và định như sau này.

Hằng năm cứ trích 2 mẫu ruộng công giao cho 10 người giáp trưởng, cấy ruộng, đến ngày 22 tháng 7 phải sửa lễ 2 con lợn, 8 lít rượu, 1 trăm giầu, 1.000 vàng, 8 giáp chỉ phải sửa 8 cỗ xôi tinh khiết (lợn rượu thì tùy tiền ruộng) hằng năm mà biện lễ).

Đúng giờ Ngọ ngày 22 thì đồng dân tề tựu tại đình hành lễ, khi tế lễ xong giáp trưởng cũng phải kính biếu như ngày mồng 2 tết còn chia về tám giáp quân huệ (theo lệ mới biếu quan họ 1 thủ lợn), 3 cỗ thờ, 1 cỗ xôi, 3 khẩu giầu).

Điều 13b: Tống hoàng trùng

Cứ ngày 27 tháng 7 ta, đồng dân theo lệ cổ phải làm lễ tống hoàng trùng), do 5 người giáp trưởng ứng biện, xin trích ở khoản tiền thuế trâu bò ra 6,00$ do chánh hội phát lệnh đến lĩnh ở thủ quĩ sửa lễ đem đến tha ma thiềm liềm và mua ngựa mã đem đến các gò đống, sau khi làm lễ xong, thì tế tác cỗ bàn ăn ngay ở đấy.

Điều 14: Lễ đảo vũ

Hoặc có năm giời làm tiêu khô hạn hán thì đồng dân phải làm lễ cầu mưa, việc này là tiền thuế trâu bò của các điền chủ đóng, do chánh hội phát lệnh lấy ở quĩ ra, tùy đảo tùy biện tiền mã lễ không biết đâu mà kể ra, chóng mưa thôi thì hết ít, lâu mưa thì hết nhiều tiền.

Điều 15: Bốn xóm tế thu

Làng từ xưa có 4 xóm bản gốc: là xóm Ngõ Ngoài, xóm Ngõ Cả, xóm Đình, xóm Ngang, hằng năm lệ đến 14 tháng 8 ta thì mỗi xóm cắt lần lượt một người chứa chịu. Sáng hôm ấy thì 4 nhà chứa ở 4 xóm, phải sửa lễ yết, xóm to phải sửa lợn 90 cân, xóm nhỏ lợn 24 cân, xôi 24 cân, cơm rượu uống say no, đều do nhà chứa phải đệ tế, như thế thực là nặng lệ, mỗi suất thời phải đóng tới ba bốn hào, mà nói về sự chứa chịu thì những người nghèo túng đến lượt chứa phải bán cả

nhà, đổ đạc đi để lo giả đủ nợ riêng, không lo được phải bỏ làng đi xiêu bạt, rõ là tục nên cải cách.

Nay định như sau này, hễ người nào đến lượt chứa xóm bản gốc thì buổi sáng phải sửa 4 con gà 10 phẩm oản, 1 lít rượu, 40 khẩu giấu và 4 trăm vàng, đều đệ đến đình làm lễ yết, khi ấy cho mõ thông hô, mời các cụ từng phiên đến lễ, sau khi lễ xong, thì xóm nào xóm ấy tể tác gà rượu quân huệ tại đình, lễ này trị giá 4,00$, trở lại, cấm không được hơn.

Buổi trưa thì mỗi xóm mua 1 con lợn trị giá 5,00$, một cỗ xôi 7 cân, 1 lít rượu, 4 trăm vàng, đến giờ ngọ thì đệ tới đình để tế thu, khi tế xong, bốn xóm góp cỗ, chỉ phải biếu 4 viên tế chủ và người tả văn mỗi người một cỗ, trống và bát âm mỗi phường một cỗ, còn các những vị thứ, chức sắc, lý dịch, bô lão thì biếu mỗi viên 1 khẩu giấu, đặt nhóng quan viên 4 cỗ, 4 bát đàn rượu, 16 khẩu giấu, đãi giai hương và đương cai 2 cỗ, còn bao nhiêu xóm nào đem về nhà chứa xóm ấy ăn uống, tiền mãi lễ 4 xóm bổ cho nhân suất, chỉ mỗi người 0,10$ giở xuống cấm không được hơn.

Điều 16: Sửa lễ xôi mới

Lễ này từ xưa đến nay đã có ruộng công lý trưởng và giáp trưởng cấy để sửa lễ, không phải đóng góp gì, ruộng cho 10 người giáp trưởng 20 mẫu, lý trưởng 8 sào, cày cấy, cứ đến vụ lúa chín thì chọn ngày làm lễ xôi mới, giáp trưởng mua 2 con lợn trị giá 24,00$, 200 quả chuối tiêu chín, 1.000 vàng tốt, 100 khẩu giấu, 10 lít rượu, theo giá ruộng màu tùy tiền mãi lễ, gạo thì lý trưởng phải làm 70 đấu cân gạo nếp mới giao giáp trưởng và lệnh 8 giáp thổi in oản, giờ ngọ hôm ấy đệ lễ thần và tế vua Tiên Nông, còn biện lễ oản chuối giấu cau để đang cai đệ lên chùa Thông, chùa Cả, nhà sư dâng lễ Phật (xong đãi mỗi vị sư 5 phẩm oản 5 quả chuối 3 khẩu giấu) còn đem cả về đình làm cỗ.

Việc biếu đãi theo như thể lệ ngày mồng 2 tết đã nói ở trên, còn xôi, thịt, oản, chuối, giấu rượu giao giáp tưởng, giao đang cai tể tác để

5 nhòng vị thứ và hội lão đến ăn uống tại đình, cơm tẻ và dưa muối, hoa trái giầu cau phải sửa soạn cho đủ dùng.

Điều 17: Lễ giao đồ

Ngày 13 tháng 11 ta, giáp đang cai cũ giao những đồ tư khí cùng hết thảy đồ vật công dân đều giao cho giáp mới, theo lệ cũ, 8 giáp mỗi giáp một con gà, 1 lít rượu, đang cai phải sửa 90 khẩu giầu, 9 trăm vàng, đều đệ lên đình làm lễ giao đồ, khi lễ xong, giầu cau đem biếu các viên chức sắc lý dịch 5 nhòng vị thứ, mỗi viên một khẩu, cũng như xuống đồng cấy, còn như là xôi gà, rượu thì giáp nào giáp ấy đem ăn ở tại đình, khi ăn uống xong, thì người nào có chân 5 nhòng phải lưu lại ở đình chứng kiến giáp cũ giao đồ cho giáp mới, nơi các thứ đồ đồng, thau, thiếc, gỗ, vải, bát đũa và các thứ đồ dùng quanh năm, xưa nay đồng dân đã lập thành 2 quyển sổ, ghi chép các đồ vật ấy, hai bản sổ do lý trưởng giữ một bản, đang cai giữ một bản, tới khi giao đồ, các viên năm nhòng đem sổ kia ra gọi lên từng khoản, nếu giáp đang cai nào để mất, hoặc rách nát cái gì thì đáng 0,01$ dĩ thượng, lập tức phải mua sửa đền ngay hoàn toàn như cũ, thời 5 nhòng mới ký chứng kiến và giáp mới người ta mới nhận.

Khi nhận xong cả rồi, thì sổ lại giao viên lý trưởng một, đang cai một quyển, ngày hôm ấy 5 nhòng có phép lấy ở quĩ ra 6,00$ do chánh hội phát lệnh, giao cho 10 người đàn anh sửa lễ chứng kiến, xong thời 5 nhòng uống rượu tại đình.

Điều 18: Lễ Tất Niên

Cứ ngày 28 tháng Chạp làm lễ Tất Niên xưa nay vẫn có 1 mẫu 2 thước ruộng công, giao cho 10 người giáp trưởng cày cấy, để chiểu giá tùy tiền mãi lễ để sửa lễ tại đình. Lễ thời sửa 4 con gà, 40 khẩu giầu, 4 trăm vàng, 40 phẩm oản, 40 quả chuối, sớm ngày đệ lễ tại đình, quan viên, chức dịch, kỳ mục, kỳ lão, giáp trưởng đại hạ và giáp đang cai phải đủ mặt tế tựu tại đình để lau rửa đồ thờ và đánh chấn các đồ đồng, quét sạch trên dưới, trong ngoài đình, mắc cờ quạt treo y nhôm, khi lễ xong, năm nhòng và giáp đang cai uống rượu xong rồi

giáp đang cai phải cất những lễnh trưởng lưu lại tại đình giữ các đồ thờ phụng sự 3 ngày tết.

Điều 19: Lễ Giao Thừa

Việc này đã kể điều thứ nhất.

Điều 20: Lễ sóc vọng

Tục lễ cũ thời mỗi tháng 2 kỳ là rằm và mồng một, những người nào có chân quan viên cứ lần lượt mà sửa, lớn sửa trước, kém sửa sau, ai sửa thời phải 4 con gà, 40 phẩm oản, 40 khẩu giấu, 4 lít rượu, 4 trăm vàng, khi lễ xong đồ lễ đã có cân, gà thịt 1 cân, oản thì 8 cân làm hạn. Cứ sửa mãi hết lượt lại bắt đầu. Việc lễ này văn hội có tiền công, hễ ai sửa thì cấp cho 3,00$. Nếu ai phải sửa, thì hôm 14 hay hôm 30 phải sửa mỗi miếu là 10 khẩu giấu lễ yết, còn đồ lễ thời phải làm tinh bạch, nếu ai sửa thời phải làm sớm 4, 5 giờ sáng đã đủ lễ vật tại đình, rồi rung trống quan viên hễ ai có chân văn hội ra đình uống rượu, các lễ vật của ai khám mà không tinh khiết thì phạt 40 khẩu giấu và 1 lít rượu để tạ lễ thần và nói lại với văn hội.

Điều 21: Việc xôi giải

Ai đến lượt phải thổi xôi, thì phải làm tinh bạch đệ lên đình để đồng dân khám, ai đẹp nhất thời dân thưởng 0,15$, giải nhì 1,10$, giải ba 0,05$. Những ngày đám ai giải nhất dân thưởng thêm 1 cỗ và 1 khẩu giấu, nếu người làm không được tinh bạch mà ô uế thì dân phạt 100 giấu và 1,00$ sung công, mà cỗ xôi ấy không được đệ lên tế nữa, làm thế răn người không cẩn thận.

Điều 22: Đình tế chủ

Tư văn làm lễ theo như cổ giả, thì ai có quan viên trước mới được vào tế chủ, tả văn, nhưng trong làng bây giờ không có ai là khoa mục, thì những viên chức sắc và các người lý dịch đương thử, kỳ mục và những người có chân giáp trưởng hoặc người thứ vị cũng được vào tế, nếu người nào cứ tế chủ thì năm người cha đàn em phải đi mời từ hôm trước, trong khi tế nếu ai mũ áo không được hợp nghị thì chiếu theo điều 23 nghị phạt.

Điều 23: Chỉnh đốn việc tế tự lễ nghi

Việc tế tự tại đình, hương đảng chức là tiểu triều đình, ai vào chân tế thời phải chỉnh đốn mũ hia hốt, bên đông tây phải có chiếu giải chữ nhất, từng trong thời các viên chức sắc, từng dưới thì các cụ, từng ngoài thì các tráng hạng, đều đứng bên tả, hữu cả, khi tế xong, chức sắc và các cụ được lễ ở chiếu trên, còn những tráng hạng lễ ở chiếu dưới, khi nào lễ xong tất cả mới được cởi mũ áo, khi uống rượu không được cãi nhau và chốn đình trung là nơi lễ nhạc y quan, trước mặt các vị thượng đẳng linh thần ở chỗ đình trung không được giở các việc nhà ra nói, chỉ nói các công việc công mà thôi. Người nào trái lệ luật thời dân cất phẩn biếu, đọc văn mà nhầm thời người ấy giở về sau không được đọc văn nữa, nếu đọc phạm húy nhiều thời dân phạt 40 khẩu giầu và 1 lít rượu tạ lễ thần và nói với đồng dân.

Điều 24: Việc tế tự ở từ đường

Cứ lệ xưa nay 4 xóm bản giáp mỗi xóm góp 2,00$, như thế là 8,00$ tất cả, giao cho cai phiên các xóm mua 1 con lợn, sáng ngày hôm ấy có ky phải đệ đến từ đường, khi tế xong biếu qui tộc một cái sỏ, đem về bốn xóm chia nhau đem về nhà chứa ăn uống, không được đóng góp mua gì ăn nữa, mỗi năm có 3 kỳ giỗ, cứ cai phiên 4 xóm ứng ra, đến 14 tháng 8 thì xóm giả, còn ba giỗ Đại vương phu nhân cùng ngày xuân tế ở từ đường, lệ cử 10 người giáp trưởng và lý dịch đương thứ, đem 1 lít rượu, khi xong thì qui tộc lại đãi 1 đùi lợn và 3 đấu cân xôi, cả tuần phiên cũng đem lít rượu đến lễ, qui tộc đãi 1 thỏi thịt và 1 đấu cân xôi. Một năm có 6 ngày giỗ và ngày xuân tế thì nhòng tư văn mua 1 lít rượu đem đến từ đường làm lễ tế, hoặc người nào tế nhầm lẫn, thì cứ chiểu điều 23 nghị phạt, khi tế xong thì qui tộc khoản đãi các người tế ăn uống cẩn thận, lệ có đãi viên tả văn một chiếc giò chân lợn.

Điều 25: Những người giáp trưởng cùng những đàn anh cai phiên quanh năm bát tiết các việc sự thần ở đình, chùa, miếu mạo và tư đường, các lễ phẩm phải làm cho tinh khiết đến lúc tế thì đủ rồi, nếu

sắp lễ mà người nào vắng chưa đủ, để phải chờ đợi, hoặc ở các miếu, từ đường thì các người phải hợp soạn với nhau mà đến một lúc, nếu mang đến thì các người giáp trưởng đàn anh phải khám, nếu mang chậm quá phạt 0,60$ kẻ nào đổ lễ bất khiết, lợn hạng cộc đuôi, cộc móng hay lợn có bệnh, xôi rượu không được tinh bạch phạt 1,00$ để sung công còn phạt 40 giầu lễ tạ, sau nói với dân cho nghiêm khoán ước.

Điều 26: Nói về việc đang cai

Làng có 8 giáp, 4 giáp nhiều người, 4 giáp ít người, giáp Tây Thượng cùng giáp Chính Tây, hai giáp đang cai một năm, giáp Tây Nội, giáp Ngang Khê một năm, còn 4 giáp nhiều người cứ mỗi giáp một năm lần lượt nhau, hết lượt lại bắt đầu, trong giáp lại chọn 1 người nhanh nhẹn, là người biết chữ, 50 tuổi giở lên, vợ chồng song toàn, con cái đề huề, bầu làm thủ từ, để qua đình, đèn hương phụng sự quanh năm hợp với lệnh trưởng giáp đang cai, ngày đêm ở đình, trông coi giữ các thứ đồ thờ và đồ dùng, giáp nào đến lượt đang cai thì cứ quanh năm bát tiết sắm sửa nồi, xanh, bát đũa, dao thớt, chiếu mâm và dưa tương cứ dùng những khi có tiệc lệ, còn đèn hương giầu cau là do tự ngày Nhập Tịch, tế tự các tiết, giáp đang cai phải là đủ đã có đặt một mẫu ruộng, còn như thường lệ các tiết và ngày dựng giầu hương và đèn hương nến, thì thủ từ phải mua đủ, dân đã đặt 2 mẫu ruộng. Nếu người nào thiếu thốn, nhẹ thì phạt 1,00$, nặng thì phạt 2,00$ sung công, còn như các đồ vật để mất mát, rách mục cái gì thì cứ đang cai năm ấy cùng thủ từ chiếu theo điều lệ thứ 17. Đem ra trách phạt còn như cỗ du huệ đem biếu đãi các viên giáp trưởng, giao đang cai đem đi, nếu bất cẩn mà người ăn biếu làng, thì cứ giáp đang cai mà trách phạt, còn như biếu quan thủ chỉ và biếu qui tộc thì giáp trưởng phải cắt người đàn em đi theo với đang cai, không được chậm.

Điều 27: Việc khao vọng

Lệ làng xưa nay, văn từ cử nhân giở lên võ từ chánh lục phẩm trở lên, hoặc như văn võ ngang hàng nhau thì phải lấy bằng sắc ra so, ai trước thì được ăn thủ chỉ, lệ khao thì bỏ 25,00$ vào nhóng chức

sắc, 10,00$ để vào đồng dân, 15,00$ một con bò hay con trâu, xôi 4 cỗ, rượu 10 lít, vàng 400, giấu 100 đệ lên đình lễ yết, xong rồi kính đãi đồng dân từ 18 tuổi giở lên cùng tại đình uống rượu, lại mời các nhòng vị thứ về khoản đãi tùy tình lại sửa 1 con lợn, 1 cỗ xôi, 10 lít rượu, 100 giấu đệ lên văn chỉ lễ yết rồi kính đãi giáp tư văn uống rượu, tiền thi chỉ nộp 10,00$ để làm lễ xuân, lại mời tư văn về nhà khoản đãi, cứ 4 người 1 cỗ. Lại nói đến chánh, phó, tổng, lý phó trưởng được thưởng hàm mà khao, mỗi viên bỏ ra 20,00$, để vào nhòng chức sắc, còn 10,00$, để vào đồng dân làm lễ, hôm mồng 3 tết, lại biện 1 con lợn 4 cỗ xôi, 10 lít rượu, 100 giấu, 4 trăm vàng đệ lên đình lễ yết, xong rồi kính đãi đồng dân từ 18 tuổi giở lên uống rượu, lại mời các nhòng về nhà khoản đãi tùy tình, người nào muốn khao quan viên lệ cũng như viên thủ chỉ khao, hoặc người nào trước đã khao vọng rồi thì tiền và giấu giảm đi một ít nữa, các việc thanh khoản, thì tư văn cứ chiếu điều 10 mà biếu đãi, viên nào chưa khao vọng gì thì không được ăn biếu, còn như lý, phó trưởng vọng tiền 1,00$, hộ lại, trưởng ba cũng 1,00$, trương tuần 0,60$, tiền này để sửa lễ ngày mồng 3 tết, lại biện 1 con lợn, 1 cỗ xôi, 4 lít rượu, 40 khẩu giấu, 4 trăm vàng đệ lên đình lễ, rồi mời các nhòng vị thứ về nhà uống rượu, lại vọng vào nhòng sắc mục, lý phó trưởng, hộ lại, trưởng ba mỗi người 5,00$, trương tuần mỗi người 4,00$.

Điều 28: Nói về việc đi mừng

Các viên chức sắc, lý dịch khao vọng, mời đến đồng dân sửa đồ mừng, như phẩm hàm, chức sắc, đồng dân mừng 1 bức trướng thêu chỉ kim tuyến, 1 buồng cau, 1 bánh pháo, những viên lý dịch, kỳ mục khao vọng một bức câu đối satin, chữ nhung, buồng cau bánh pháo để trọng sự thể.

Điều 29: Ngôi thứ chốn đình trung

Khi nào làng có viên thủ chỉ, thì ngồi ở chiếu trên gian giữa đình, không có thì ngôi ấy để các viên chức sắc ngồi với chánh phó tổng lý trưởng, chiếu thứ nhì các kỳ mục, phó lý hương trưởng ngồi,

chức sắc, lý dịch người nào chưa có khao vọng thì ngồi đầu nhòng giáp trưởng ở gian bên tả, 10 ông kỳ lão thì ngồi ở đầu nhòng gian bên hữu, đầu nhòng gian bên tả đình trong thì quan viên ngồi, đầu nhòng gian bên tả đình ngoài thì 10 ông giáp trưởng ngồi trên, đầu nhòng ở gian bên hữu thì 11 người đại hạ ngồi, hội đồng ngồi đầu nhòng gian giữa đình ngoài.

Điều 30: Việc lên lão

Lệ ngôi giáp trưởng và đại hạ, người nào đến 50 tuổi khi nộp tiền 1,00$ như người nào từ thuở trẻ không có ngôi giáp trưởng không ăn gì, mà lên lão thì nộp tiền 6,00$ người trong họ Nguyễn Quí mà lên lão thì chỉ nộp 1,00, những người đi linh và những người đã nhận được chức ấy rồi mà có tang phải về thì cho miễn nộp 6,00$ ấy, tiền này để sửa lễ ngày mồng 3 tết thì mới được nhập dự vào bàn cử chiếu điều thứ năm mà ngồi, việc đặt chỗ ngồi đã nói ở điều thứ nhất (1) việc chỉnh trị thì đợi bao giờ chính bản sẽ chua đặt.

Điều 31: Bán thứ vị

Trong làng có sửa sang đình, miếu, vũ, hoặc sắm sửa đồ thờ, hay hoặc nhà nước có việc công có cần đến tiền, trong quĩ không có tiền thì đồng dân phải bán thứ vị. Muốn vọng vào ngôi bô lão, dân xét những người từ 50 tuổi giở lên, từ bé đến giờ là người trong sạch, không có tai tiếng lại là người không có tàn tật gì dân mới ưng thuận cho, người ấy phải đưa vào làng 20,00$, sửa 40 khẩu giầu lễ trình thế khi dân có việc gì, cứ chiếu luật mà biếu, những người nào không làm dịch, mà vọng vào chiếu kỳ mục vào lý trưởng thì chồng 100,00$, còn khao vọng tiền thì cứ chiếu điều lệ như lý phó, trưởng khao mà làm thì gọi là lý hội, ai muốn vọng phó lý thì chồng tiền 60,00$ còn khao vọng cũng thế, ai muốn vọng hương trưởng thì chồng tiền 40,00$, khao cũng thế. Những người muốn vào chức thì dân xét diện mạo có đáng không, ít nhất là 25 tuổi, từ bé không có can án gì, còn người nào muốn vọng tư văn phải 30,00$ đến khi tế thành xuân thu thì phải sửa 40 khẩu giầu lên văn chỉ và 3 trăm vàng, dân miễn cho không phải đi tuần.

Điều 32: Việc cưới cheo

Việc cưới hỏi trước đua nhau ăn uống nặng nề pha phí, thách nhiều tiền quả, nên nay dân định tước bỏ tục ấy đi và nghị rằng. Nhà nào giầu có từ 3 mẫu giở lên chỉ được thách 100,00$, gần tới 3 mẫu trở xuống mà hai họ cùng nghèo thì chỉ được thách 50,00$, người nào không tuân khoản ước là người bất thuận hương đảng. Nếu gả chồng làng thì nộp cheo 2,50$, thiên hạ nộp 5,00$ đem tiền đến trình chánh hội lấy giấy pháp lệnh rồi đem nộp thủ quĩ trước ngày cưới, cưới xong phải đến hộ lại vào sổ giá thú, đem cả tờ biên lai của thủ quĩ.

Điều 33: Tang sự

Việc tống táng gần đây đặt ra rất nặng nề, nhà nào bất hạnh có người chết phải lo.

Đại lệ 30 cân thịt, 30 cân xôi, 4 lít rượu, giầu 100 khẩu, tiền 2,50$.

Tiểu lệ: 15 cân thịt, 15 cân xôi, 4 lít rượu, tiền 2,50$, giầu 100 khẩu.

Tang chủ có lo được đủ lệ hàng giáp đến ăn lệ và đi khiêng chôn cho, khi chôn xong những người vào việc lại về uống rượu cỗ to lệ nhất định hai hạng, ai không lo được thì hàng giáp không đến chôn cho, mà về sau vào phải giả lệ mới yên, vì thế trong làng thương rủ nhau ho cấp, sức cho người chết, trong phường phải 7, 8 hào đến góp họ, phần nhiều nhà nghèo chơi họ ấy lúc phải đóng tiền kịp, nhà không có phải cầm đồ hay vay lãi một gấp hai lấy tiền góp, như thế là bại tục, còn khi có bệnh thời khí, truyền nhiễm cũng giở ra ăn uống, như thế là trái vệ sinh. Nay đồng dân cho là hủ tục, xin cải cách tuân theo lệnh cổ của Ba Đức Đại Vương đặt như sau này: nhà phong lưu bất hạnh có việc tang lo được đại lệ thì cứ 100 đĩa lòng, thịt, xôi, rượu 4 bình, tiểu lệ lòng, thịt, xôi 50 đĩa, rượu 2 bình. Những nhà đại trù phú trong làng thì làm cỗ bát giò nem mời làng, có khi thịt trâu bò lại cắt 8 miếng thịt, 8 cỗ xôi, đem ra đình hay điếm sở để mời làng, 8 giáp chia phần, gọi là phát đãi cả làng.

Bây giờ, giở về sau, đồng dân xin theo lệ ấy có thêm một điều nữa nhẹ hơn.

Đại lễ 100 đĩa lòng thịt, xôi một mâm, rượu 2 lít, giấu 100 khẩu, tiền 1,20$, (việc làm cỗ này hậu bạc tùy tình gọi là đủ đĩa thì thôi không ai được trách) còn khi đô tùy đi chôn đắp mồ mả xong, tùy tang chủ muộn về nhà ấy cũng được, không ai nên trách.

Đồng dán lại nghĩ xin đặt thêm một lệ rất giản dị cho nhà nghèo hợp vệ sinh.

Cứ nhà nào có người mệnh một, tang chủ cùng nghèo hay chính lúc truyền nhiễm, thì tang chủ chỉ sửa lấy 100 giấu, 1,20$ cho lệnh trưởng hàng giáp ấy, định xin bao nhiêu người vào việc tống táng, thì người lệnh trưởng ấy phải cắt cử, kê giấy và đi truyền bảo những người nào vào việc gì, đều đến hội tại đình hay điếm sở gần nhà tang chủ, trong lúc nhà tang sắp sửa thì cứ việc vào khiêng đi chôn, khi chôn xong đô tùy đắp mả cẩn thận rồi cứ đem 1,20$ và 100 giấu do người lệnh trưởng chia cho các người đi chôn, rồi các đô táng, người nào về nhà ấy.

Phàm người lệnh trưởng đã liệt kê cắt cử người trong giáp vào vai đi khiêng, nếu giở bân hay đi vắng thì người nhà đi thay, nếu đi vắng mà không có người nhà đi thay hoặc ở nhà mà không đi thì lần thứ nhất phạt 0,10$, lần thứ hai phạt 0,20$, ba lần mà không đi, thì sau nhà ấy có người chết là hàng giáp không đi nữa.

Lệ 100 giấu, 1,20$ nhất định giấu nghèo cũng thế thôi.

Còn trong khi có bệnh truyền nhiễm thì nhà nào giấu có đều không được giở ra ăn uống gì (đến sau khi nào bình tĩnh có lo được thời làng mới ăn).

Điều 34: Phụng thủ khoản ước

Nay làm thành 4 bản hương ước trong có nhiều điều thay cũ đổi mới, tỏ sự cải lương giảm các tục lệ nặng nề.

Đệ trình

Quan trên thẩm chiểu

Le tiên chỉ

Nguyễn Qui Kế

(...)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG PHÚ DIỄN

Xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền tự cổ hoặc chỉ truyền khẩu mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế. Bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo mục đích làm cho gia tộc được thịnh, dân làng có trật tự cẩn thận theo trình độ tiến hóa mà bảo bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều bộ tổng tác - Chính trị

Điều thứ 1: (...) chính thức trong làng

Thời phải theo nghị định quan thống sứ ngày 22 (...) 1 giới về việc chỉnh sưu thuế vận phải tuân lệnh truyền đình thứ (...) ấy để thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày (...) thời những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1) Khi phải đi xa trong vòng năm ky-lô-mét thời không được tiền lộ phí.

2) Khi đi xa quá vòng ấy thời được tiền lộ phí mỗi ngày là 0,40$ khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn nửa ngày, khi lên phu khứ hồi không được quá hạn một vòng ấy.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong làng phải làm theo (...), trong nghị định quan thống sứ, ngày 20 aout 1921 sổ chi thu trong hương hội phải định theo bản nghị định ấy (...).

Điều thứ 4: (...) điều thứ sáu trong nghị đinh (...) trên cấm không ai được bắt dân làm cỗ mời công dân, khi trong làng có người thi đỗ thăng bổ, nhận chức nguyên thử tổng lý hoặc lên lão (...).

(...) điều lệ đã định trong hương ước này thời ngoài ra không mà phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Cứ nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên nhận thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh - hương - hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của người chánh hội, chữ ký hay điểm chỉ, của người lĩnh tiền, cứ đến cuối tháng thời chánh hương hội phải điểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu là bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại sở hội đồng ít ra là một tháng để dân cùng biết.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thời phải tường chánh - hương - hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương - hội cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được phân dân anh hay dân em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thời lý phó trưởng người nào việc ấy, phải hành thu mà đem nộp vào kho bạc.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thời lý trưởng phải trình quan khảng cứu.

Điều thứ 13: Ngày họp bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng thêm nặng.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương - hội tiếp ai trình thì phải đặt giấy hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong, thời lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong, hương hội vì nguyên bị mà phải làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự tuy hương hội không có phép hòa giải, phàm những người có việc cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm sao, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để được sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Tuần định

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung cả làng, thời hết thảy người làng từ mười sáu tuổi đến năm mươi tuổi đều phải trách nhiệm việc canh phòng, mỗi người cứ đến tuổi phải tuần một năm, trừ ra những người hiện đương làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, đương đi học các trường và người có tật bệnh và người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thì có thể nhờ đàn em, bạn hữu canh thay hoặc nộp cho làng 2,00$ để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 20: Làng cử một người trương tuần để đốc canh; khi trong làng có cướp phạt thì tất cả các ban canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay với bạn canh đương thứ.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh phòng làng trích tiền công sắm cho hết hạn phải giao giả lại làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhơn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phi tổn tiền lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh phòng, cứ gần tối thời nổi hiêu trống mà gọi các người trong ban ra điếm, có phương trở phải mượn người canh thay nếu bỏ không đi canh thời hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thời sẽ phải giải lên tòa án xét phạt về tội phạm vào khoản thứ mười một điều 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thời phải đi tuần luôn chung quanh trong làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thời thưởng 6,00$, bắt được một đứa cướp thời thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm thời phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phát tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 28: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước, đáng nghi ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Tư cách người trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 29: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp các tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 30: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hội đồng xét thực nặng nhẹ phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 31: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo thời phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 32: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị can thời tuần phải bắt ngay giải trình hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$. Nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt đều như người phạm dụng.

Điều thứ 33: Lúa mạ hoa màu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 34: Làng cấp điền công cho tuần không kể nội canh hay ngoại canh đều đồng niên mỗi mẫu là 0,60$, tiền ấy chia làm hai thứ một thứ tháng năm, một thứ tháng mười tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày vụ gặt thời chủ điền đem nộp tiền lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 35: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thời mất cả tộc biểu.

Sự cấp cứu

Điều thứ 36: Gặp lúc cần cấp như là hỏa tai hay là đề sat thì trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 37: Ai làm sự cấp cứu bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trong thương, thành tật thời làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 38: Muốn cho người làng được khỏe mạnh, cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh, hai là giữ bệnh.

Điều thứ 39: Hương hội thường hiểu thị bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ, đường các xóm đoạn nào thuộc về đất nhà nào thời nhà ấy phải quét cho sạch.

Điều thứ 40: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy hội đồng phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 41: Các giếng ăn nước, phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 42: Khi trong làng phát chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 43: Trong làng có ai mắc phải bệnh độc phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vì nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 44: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm hội đồng phạt từ 0,10$ đến 1,00$. Lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao hay là những dơ bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang
Cầu cống, đê điều và đường sá

Điều thứ 45: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hội đồng để sửa lại, đến như việc đê điều thời thủ lộ chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê, lại phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng đi, mà phải cần nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hội đồng sẽ trình quan.

Điều thứ 46: Ai về lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 47: Ai cần tháo nước hay tát nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo nước xong lại phải lấp lại đẹp đẽ như trước.

Điều thứ 48: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn làng cho ngồi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức về.

Về sự vệ nông

Điều thứ 49: Thường năm làng ta bổ các đường khuyến nông và khai thông các ngòi lạch giữ nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 50: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại để bị lở dần đi, ai phạm hương hội phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 51: Nếu hương hội không cho phép thời cấm không ai được đắp đập qua ngòi đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 52: Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội tùy nặng nhẹ phạt từ 0,10$ đến 1,00$ nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì lại phải đền nữa.

Điều thứ 53: Cấm chăn vịt đi ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm Sưu thuế tùy theo nặng nhẹ phạt từ 0,10$ đến 1,00$. Nếu vịt phá lúa mạ lại phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 54: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 55: Chiểu theo nghị định ngày 8 Mars 1906, cấm không ai được vay mượn hoặc cầm cố bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho, thời không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc ấy.

Việc cầm bán công điền công thổ đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 Aoril 1894 cùng các điều thứ hai nghị định ngày 8 Mars 1906 thời cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể được cách cho phép mà cầm bán được, như vậy cốt là khi làng có động sản hay bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín và yết thị cho mọi người đều biết.

Điều thứ 56: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu truyền.

Trừ gian lậu

Điều thứ 57: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng gá bạc, lấy hổ thì hương hội phải khám xét luôn để trừ gian lậu.

Điều thứ 58: Những người hương hội đã bảo trước lại còn có ý phạm cấm, thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải trừng trị.

Điều thứ 59: Những người phạm ấy dẫu quan đã chiểu luật trị rồi nhưng vì mất phong thể làng, thời hương hội phạt không được ra đình dự tế tự trong một năm.

Sự giao tiếp

Điều thứ 60: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý trưởng đương thứ ra tiếp. Nếu đi vắng thì quan không biết hỏi ai như thế thì không tiện. Nay định giao các việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 61: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 62: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý trưởng phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại công sở. Nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa, khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu ngay.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 63: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 64: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng cho làng.

Điều thứ 65: Ai kỵ táng ở đồng điền của làng, dẫu mua đất của ai mặc lòng nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 50,00$.

Phần thứ hai - Tục lệ

Sự quản điền thổ

Điều thứ 66: Làng có công điền 18 mẫu linh, cứ đệ niên tháng Giêng Tây hội đồng đấu giá bán hủy vụ được bao nhiêu tiền bỏ vào công quĩ.

Hôn lễ

Điều thứ 67: Trong làng nhà nào có con gái gả chồng không cứ lấy chồng người làng hay người làng khác đều phải nộp cheo 1,00$ sung quĩ, còn như lễ đón dâu và tiệc ăn uống vui mừng tùy tình chứ dân làng không ai được lấy lẽ gì gợi sách nhà sự chủ gì cả.

Điều thứ 68: Việc lấy vợ thì sau ngày làm lễ đón dâu được ba bốn ngày rồi thì hai vợ chồng và hai người thân thuộc phải đến hộ lại vào sổ sách giá thú.

Điều thứ 69: Làng có đám cưới, những thói chăng dây đóng cổng làm ngăn trở sự hỷ người ta trong khi đón dâu đi, thời nhất thiết cấm chỉ.

Tang lễ

Điều thứ 70: Trong làng nhà nào có người mệnh cố thì hiếu chủ đến bảo giáp trưởng ở bản giáp, người giáp trưởng phải đi mời các lão bản giáp để xem người hiếu chủ xin bao nhiêu người hộ tang thì hàng giáp phải cắt cho đủ.

Điều thứ 71: Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau, chính bổn phận mình phải làm chứ không được lấy lẽ gì hạch sách nhà sự chủ.

Điều thứ 72: Dù người hàng giáp hay người làng cũng vậy, đi đưa ma lúc đến địa mộ yên táng rồi thời chào tang chủ rồi đâu về đấy, chứ nhất thiết cấm không được vào nhà tang chủ ăn uống.

Điều thứ 73: Nhà tang chủ nhất thiết cấm không được đặt tiệc mời dân làng ăn uống mà dân làng ai đến viếng chỉ dụng hương hoa mà thôi.

Tế lễ

Điều thứ 74: Việc tế tự hội đồng cắt hai người tộc biểu để trông nom việc ấy, kỳ lễ nào có tế, hai người tộc ấy phải mời một ông ở hàng chức sắc tả văn và đặt giấy các hàng để mỗi hàng cắt hai người ra trợ tế chấp sự.

Điều thứ 75: Tết Nguyên Đán chiếu 30, ngày mồng 1, mồng 2 và mồng 3 hội đồng chi 18,00$ để sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 76: Lễ xuân thu đinh tế nhị kỳ hội đồng chi 16,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 77: Lễ kỳ thần, ngày mồng 3 tháng 3 An Nam hội đồng chi 15,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 78: Tiệc nhập đám ngày 16 tháng 3 An Nam hội đồng chi 15,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ, còn năm nào hoặc 3 năm hoặc 4 năm nhập đại tiệc lâm thời sẽ định.

Điều thứ 79: Lễ Kỳ Yên hội đồng chi 18,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 80: Lễ Thường Tân hội đồng chi 15,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 81: Tiệc chạp thần hội đồng chi 18,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 82: Lễ kỳ quan Lê, hội đồng chi 8,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 83: Ngày kỳ quan Tả, hội đồng chi 6,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 84: Ngày kỳ tử đường. Hôm 21 tháng 2 An Nam, hội đồng chi 4,00$ sửa lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 85: Tiệc Kỳ Phúc ngày mồng 10 tháng 2 An Nam.

Tiệc Hạ Điền ngày mồng 2 tháng 5 An Nam.

Tiệc Thượng Điền ngày mồng 2 tháng 7 An Nam.

Tết mồng 5 tháng 5 An Nam

Tết mồng 10 tháng 10 An Nam, hội đồng chi mỗi lễ 0,50$ giao thủ từ sửa lễ phủ tửu và tộc biểu ban tế tự phải ra cáo lễ, lễ xong rồi đồng dân thừa huệ.

Điều thứ 86: Đệ niên các tiết sự thần hễ có tế thì phải biếu ông tả văn một cái thủ lợn và những người trợ tư chấp thủ như điều thứ 74 đã nói, nghĩa là những người các hàng đã cắt ra trợ lễ thời biếu một cái cảnh, còn các hàng thời chỉ biếu đầu mà thôi. Hàng chức sắc mỗi ông một quả cau, hàng hương lão từ 70 tuổi giở lên, mỗi ông một quả cau, chánh phó hương hội đương thứ mỗi viên một quả cau, chánh phó lý đương thứ và hai người hương hội trị sự ban tế tự mỗi người 2 miếng giầu, các giầu biếu này do chính giáp trưởng phải đem biếu còn như các hàng hiện tại thừa huệ.

Việc khao vọng

Điều thứ 87: Hàng chức sắc văn giai

Một hạng chức sắc thế tập 20,00$. Một hạng không có thế tập 30,00$.

Điều thứ 88: Hàng võ giai

Một hạng thế tập chức sắc 50,00$. Một hạng không có thế tập 30,00$. Hạng binh 5,00$.

Điều thứ 89: Hàng kỳ mục

Một hạng chánh phó lý vong 5,00$.

Một hàng tộc biểu vọng 15,00$.

Điều thứ 90: Hàng hương lão

Người 50 tuổi vọng 1,00$.

Người 70 tuổi vọng 5,00$.

Điều thứ 91: Hàng nhạc

Người nào 42 tuổi chưa có thứ vị phải vọng 1,00$.

Bán thứ vị

Điều thứ 92: Ngôi thứ hương trưởng bán 50,00$.

Ngôi thứ nhị chức bán 30,00$.

Khi nào có cần bán phải xin phép.

Toạ thứ.

Điều thứ 93: Gian giữa đình hàng chức sắc, hàng này là những người đỗ tiến sỹ, phó bảng; cử nhân, tú tài, ấm thụ cùng những người có phẩm hàm văn giai và những người có văn bằng tốt nghiệp giờ lên mà đã khao vọng rồi, tựu trung những người phẩm hàm. Lạc quyên thời ngồi ở thứ cuối hàng chức sắc.

Điều thứ 94: Hàng võ giai có phẩm hàm và chánh phó hương hội kỳ mục tộc biểu.

Điều thứ 95: Gian hữu nhị

Hàng nhị chức, hàng binh, hương trưởng mua.

Điều thứ 96: Gian tả nhất

Hàng hương lão, hàng nhạc.

Điều thứ 97: Gian tả nhị

Tuần phiên và lục giáp trưởng.

Điều thứ 98: Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều cũ trái với khoán ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 99: Trong làng ai trái với những khoản ước này thì hương hội tùy tình nặng nhẹ bắt phạt.

Điều thứ 100: Đệ niên ngày sự thần, thư ký thường phải đem hương ước này đọc cho cả dân nghe.

Hương ước cộng được 100 điều.

1925 quan tổng đốc y cho chữ tại tháng 6 ngày 20 năm Khải Định thứ chín, tháng 12 ngày 20 lập khoán ước.

Quan công sức y phê cho chữ tại tàng 7 ngày mồng một.

Phú Diễn le 10 September 1942

Thừa quan trị phủ sức sao bản hương ước đệ trình quan lớn xét bẩm.

Le lý trưởng Le tiên chỉ

HƯƠNG ƯỚC THÔN TRÙ

Xã Cổ Nhuế, tổng Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa, hoặc khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương. Suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị những chức hương hội tộc biểu

1) Các họ hợp lại thành một làng, bởi vậy việc làng do các họ cử người thay mặt mà trông nom gọi là tộc biểu.

2) Theo số người trong tộc mà cử tộc biểu, họ nhớn cử 2, 3 người, họ nhỏ cử một người theo nghị định quan thống sức ngày 12 tháng 8 năm 1921.

3) Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên, thông thái có gia sản không can tội gì phải quyền công dân ở điều 21 trong hình luật An Nam, còn người đi bầu cũng phải không can án và tuổi từ 18 giở lên mới được, tộc biểu giữ 6 năm là một hạn.

4) Hết hạn 6 năm cử lại một lần, ai được tái cử thì lại được làm nữa, những người đương làm tộc biểu, thời được trừ tạp dịch như là đắp đê, canh phòng, tu bổ đường sá v.v...

5) Chức phận người tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng, lập sổ chi, thu và kiểm soát sổ ấy.

6) Các tộc biểu tự chọn trong ban một người làm chánh hương hội và một người làm phó hương hội, khi có họp hội đồng do viên chánh hội bá cáo, nếu viên chánh hội có ngăn trở việc gì, giao viên phó hội bá cáo.

7) Hương hội lại bầu 2 người trong ban một người thông hiểu thư toán làm thư ký, một người giàu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

8) Nếu trong ban không chọn được người làm thư ký và thủ quĩ, thời hương hội chọn người ngoại ban mà bầu, người được bầu làm thủ quĩ được quyền dự hương hội, còn người làm thư ký chỉ để làng hỏi ý kiến mà thôi.

9) Trừ khi có việc cần thì mở hội đồng bất thường, còn thời mỗi tháng cứ ngày mồng một, ngày rằm hội đồng một lần để bàn việc hương hội.

10) Được quá nửa số người trong ban dự hội thời có thể bàn được việc làng, bàn xong thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bày cuộc rượu phiếm, mỗi kỳ hội đồng chỉ lấy tiền công chi 0,20$ giầu nước mà thôi.

11) Hương hội bàn việc gì phải làm thành biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký của những người hương hội viên hiện tại và phải để vào công hòm mà lưu chiểu.

12) Người tộc biểu nào giờ bận không đến hội được phải có nhời kiểu, nếu ai không có duyên cớ đích thực mà tự bỏ 2 lần thời hương hội làm biên bản trình quan, sức họ ấy cử người khác thay.

13) Đương lúc hội đồng nếu trong làng có ai theo lễ phép mà hỏi điều gì, thời hương hội cũng theo lễ phép mà đáp lại, một cách minh bạch cho người ta biết.

14) Những việc hương hội được quá nửa số người ấy hợp, thời đem thi hành, nếu ý kiến không hợp thì phải bỏ phiếu, hoặc bầu bằng cách giơ tay, hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước, rồi dần đến người tộc biểu họ nhớn nhất là hết.

15) Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng, thời hương hội tự chọn trong ban nhiều là 2 người đi với lý trưởng.

16) Trừ ra khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những quan hệ quyền chung của làng, thời 2 tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng khi được mọi người hợp ý rồi sẽ trình sau.

17) Tộc biểu và lý trưởng làm việc làng mà phải đi xa trong 5km chỉ mỗi ngày 0,30$ lên phủ hạn cho một ngày, lên tỉnh hạn cho 2 ngày là cùng.

Phần thứ hai
Quan kỷ

18) Người tộc biểu nào làm việc gì trái hương ước, hoặc cả hương hội, hoặc một họ nào trong làng giác ra, thời chức sắc kỳ lão trong làng họp hội đồng mà cứu xử, hương hội chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0,20$ đến 1,00$ hay là không cho dự hương hội nữa, người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay làm tổn hại quyền lợi của làng, thời hương hội chức sắc sẽ làm biên bản trình quan bãi chức ngay.

Phần thứ ba
Sổ chi thu

19) Muốn cho làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi, thu.

20) Thường năm cứ ngày mồng một tháng 11 Tây các tộc biểu hương hội dự toán sang năm, thu những tiền gì, chi những tiền gì thời

làm thành sổ cả hương hội ký kết trình quan sở tại, kiểm soát đệ tỉnh bẩm duyệt, đến mồng một tháng Giêng Tây mới được thi hành.

21) Sổ chi, thu của làng do chánh hương hội giữ, chánh hương hội được quyền cho phép thu phát những khoản đã định ở trong sổ.

Phần thứ tư
Tiền thu

22) Thủ quĩ nhận được giấy phát lệnh của viên chánh hội, thời phải thu tiền ngay và nhận được tiền ai nộp thời phải biên vào sổ răng cưa và một nửa giao cho người nộp tiền làm biên lai, tiền nộp ấy thuộc về khoản gì thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự định cho thu món tiền ấy.

23) Ai nộp tiền mà không có thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Phần thứ năm
Tiền chi

24) Ngày nào tiền chi những việc gì thời thư ký biên ngay vào sổ chi, thu ở chương đã để dành cho biên những món tiền ấy.

25) Làng có chi tiêu bất thường hay là trước chưa có dự định, thời các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản, nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, tờ biên bản ấy phải trình tỉnh duyệt y đã rồi mới được thi hành.

26) Những món thủ quĩ chi ra mà không có phải lai của chánh hương hội thời tiền ấy coi như là chưa chi, ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ bắt người lĩnh tiền ấy giao cho mình một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của người chánh hội, cùng chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, mới được phát tiền, cứ cuối tháng hương hội kiểm quĩ một lần và làm tờ biên bản.

27) Hết năm thời hương hội tính sổ xem tiền thực thu vào là bao nhiêu, tiền thực chi ra là bao nhiêu, tiền thực còn lại là bao nhiêu yết

thì tại công sở ít là một tháng để đồng dân đều biết, hễ khi yết thị thời phải cho mõ đi rao.

28) Chi tiêu không được quá số dự đinh và cho rất tiết kiệm để cho số tiền công còn thừa làm tiền lưu trữ.

29) Món tiền lưu hạ ấy làng dùng làm việc sinh lợi hay là chi tiêu bất thường.

30) Làng đinh phụ cấp cho thủ quĩ đồng niên 6,00$, thư ký 6,00$, lý, phó trưởng, hộ lại, trưởng bạ.

31) Lý trưởng là người thay mặt làng thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng, hộ lại là người giữ sổ sinh tử, giá thú, trưởng bạ là người giữ sổ địa bạ.

32) Lý, phó trưởng, hộ lại, trưởng bạ không có quyền tự ý quyết đinh việc làng, phải theo ý chung cả hương hội.

33) Lý phó trưởng là người hành chinh trong làng đều được dự chân hương hội, trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

34) Làng cấp tiền lý, phó trưởng đồng niên 20,00$, hộ lại 60,00$, trưởng bạ 60,00$, hai chức ấy một người kiêm làm thời cũng chỉ được lĩnh tiền một chức.

35) Lý, phó trưởng đã được tiền cấp thời khi đi làm việc quan một mình không được tính mấy làng.

Bổ sưu thuế

36) Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ về thời phải tường hương hội mở hội đồng tính số bổ.

37) Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hương hội cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh mà bổ nhiều, bổ ít.

38) Khi đã bổ xong giao lý trưởng hành thu để đệ nạp, ai đã nộp sưu thuế thời lý trưởng phải biên lai cho rõ rồi giao cho người nộp tiền ngay.

39) Làng không bổ tiền ngoại phí của lý, phó trưởng nữa, vì làng đã cấp tiền có lệ nhất định.

40) Những người thiếu sưu thuế lý trưởng phải tường hương hội xử không xong sẽ trình quan cứu xử.

41) Ngày hội bổ sưu thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm chỉ trích 3,00$ tiền công, chi giầu nước mà thôi.

Sự kiện cáo

42) Trong làng có ai kiện cáo về việc dân sự hay việc thương sự trước hết phải tường hương hội hòa giải.

43) Chánh hương hội tiếp ai tường thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư, giao lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ.

44) Việc hòa giải không xong hương hội vì nguyên bị phải đi làm chứng trước toà án thì người thua kiện phải chịu phí tổn.

45) Những việc hình án dù không thể hòa giải được, những người đương sự cũng phải tường hương hội biết.

46) Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

47) Trong làng ai đi kiện vu cho ai việc gì quan xét ra quả thực thì phí tổn bao nhiêu thời người vu cáo phải chịu, lại cấm không được dự tế tự trong một năm.

48) Trừ những việc hình án không thể hòa giải được, ai tường đến hương hội làm giấy trình quan còn việc này không thuộc điều 227 trong hình luật, hương hội chiểu theo hương ước lấy nhẽ công bằng chính đáng mà phân xử, hay nên phạt 0,20$ nếu người ấy không nghe lại đi trình quan, vì bằng quan xử ra khác thì thôi, bằng lại như hương hội xử thời phạt người ấy gấp hai.

Canh trong làng

49) Canh phòng để giữ tài sản, tính mệnh chung cả làng, trừ ra những người chức sắc, khoa mục người bận làm việc các sở, người đang đi học các trường và người yếu đuối, cứ đệ niên rằm tháng 12 Tây cắt tuần phiên mới cùng mấy tuần phiên cũ chia làm 2 điếm để canh phòng đến mồng 1 tháng Giêng Tây thì tuần phiên cũ mới được về.

50) Những người tuần canh chia ra làm bốn ban, mỗi ban cắt một người đốc canh, khi trong làng có cướp bóc thời tất cả các ban canh nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay với ban đương thủ.

51) Người đứng đầu ban canh cứ gần tối phải nổi hiệu trống, mõ gọi các người tuần trong ban ra điếm, ai có phương trở việc gì phải mượn người thay nếu bỏ không canh, thời người đốc canh ban ấy phải làm giấy tường hương hội xét.

52) Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

53) Lý, phó trưởng thường phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân và căn cước, đáng nghi bắt giải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

54) Làng cử một người trương tuần một năm là một hạn đều được chu thỏa thì làng cho ngôi kỳ mục, nếu không làm hết bản phận thì phải bãi dịch, đã bãi dịch thì mất ngôi kỳ mục.

55) Đệ niên ngày 15 tháng 12 Tây, hương hội chiếu tuổi cắt 8 người tuần, cắt lượt 4 phiên mỗi phiên một năm là một hạn.

56) Người trương phiên trừ khi lý, phó trưởng làm việc quan còn lúc không cũng phải canh giữ với tuần.

57) Người trương tuần phải coi việc đê, ngòi, đường sá trong làng ngoài đồng và ngày hội đồng phải một người tuần đến phục dịch hương hội.

58) Tám người tuần phải theo trương tuần canh giữ trong làng ngoài đồng.

59) Lúa mạ hoa màu ngoài đồng và đồ vật súc sản trong làng tuần phiên phải canh giữ cho cẩn thận, nếu mất trộm thời cứ trương tuần và 8 người tuần phiên đều phải chiểu nguyên giá mà đền.

60) Khi trong làng có nhà nào mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thời phải chiểu vật giá mất mà đền cho sự chủ, như khi cướp bóc mà tuần phiên hết sức kháng cự cũng không thể giữ được thời không phải bắt đền.

61) Người làng hoặc người tuần phiên bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$, ai bắt được 1 đứa cướp làng thưởng 10,00$.

62) Quản lộ hay không có quản lộ thời người trương tuần cũng phải trông nom các đường khuyến nông và đường trong làng, thấy ai làm hủy hoại phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

63) Trương tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên thảo, nên giữ phải hỏi hương hội không được tự quyết.

64) Những người nào thảo nước, đơm cá làm trong ruộng bị cạn thời tuần bắt ngay giải trình hương hội xét, phạt từ 0,10$ đến 0,20$. Nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hương hội phạt tuần cũng như người phạm.

65) Làng định thu tiền canh hoa màu không kể nội canh hay ngoại phụ, đều đồng niên mỗi mẫu 0,60$, ngựa mỗi con 0,60$, trâu mỗi con 0,40$, bò mỗi con 0,20$, tiền ấy bổ vào thuế, giao lý trưởng thu, xong nộp hương hội sung quĩ để phát lương cho tuần.

66) Làng định cấp lương tuần phiên mỗi người mỗi tháng 2,00$, tiền lương chia làm hai kỳ 15 tháng 6 và 15 tháng 12 Tây mỗi kỳ phát một nửa.

Sự cấp cứu

67) Gặp lúc cần cấp như là lửa cháy nhà nào hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người

làng nghe động hiệu lập tức đến cứu, nếu ai hiếng nhác không đến, hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

68) Ai vì cấp cứu mà bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết làng cấp cho 20,00$, lại cho một tên nhiêu nam mãn đại và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

69) Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh. 1) phòng bệnh, 2) chữa bệnh.

70) Hương hội thường hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường cho rất sạch sẽ.

71) Cấm không ai được vứt vật uế ra đường và nhà xí dệ đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,50$.

72) Các nước giếng ăn phải cốt giữ gìn cho được trong sạch, những tổn phí về sửa sang giếng, trích tiền công quĩ mỗi năm 3,00$ để chi.

73) Khi trong làng có phát chứng bệnh gì có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc chữa.

74) Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để trong làng.

75) Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ, ao, ai phạm cấm ấy hương hội phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao, bên đường cái đi trong làng và đường ngõ ngang các xóm, ai phạm cấm ấy cũng phạt 0,50$.

Đường sá, cầu cống và đê điều

76) Người trương tuần phải coi nom đường sá, cầu cống thấy nơi nào hư hỏng phải tường hương hội sửa lại cho tốt và phải trông nom luôn để người cùng súc vật khỏi làm tổn hại.

77) Con đường chung cả làng từ cửa chùa giữa tam quan đến cửa nhà thờ đạo, áp địa phận viên thôn và tự cầu Si đến áp địa phận

Phủ Diễn, trương tuần thấy hư hỏng đâu phải tường hương hội để lấy tiền công ra đắp.

78) Ai làm việc riêng mà làm hại đến cầu cống đường sá chung cả làng thời phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

79) Ai cần tháo nước qua đường trước cần phải tường hương hội biết, tháo xong phải lấp đẹp đẽ như cũ, nếu ai tự tháo không lấp giả thời trương tuần tường hương hội xét phạt người ấy 0,50$.

80) Việc sang hộ ai được trừ đã nói ở trên, còn từ 18 tuổi đến 50 tuổi ai cũng phải đi canh, cứ cắt từ dưới giở lên từng lớp.

Sự vệ nông

81) Thường năm tháng Giêng làng tu bổ các đường khuyến nông đều rộng 5^m An Nam và khai sâu các ngòi chảy giữ nước cho tiện việc làm ruộng.

82) Các bờ ruộng đều phải đắp rộng 1^m An Nam cấm không ai được phát bờ mà không đắp lại để bờ vỡ dần thời hương hội phạt 0,20$.

83) Cấm không ai được đắp chắn qua ngòi đơm cá, khiến nước không thông, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

84) Cấm không ai được chăn trâu bò bờ ruộng khi (...) màu đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,30$, nếu trâu bò ăn lúa má của người ta thời phải đền nữa.

85) Cấm chăn vịt ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm cấm hương hội phạt 0,50$, nếu vịt phá lúa, mạ hoa màu thì lại phải đền nữa.

Các của công

86) Đã gọi là của công làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải bồi thường.

87) Khi làng có bán đông sản, hay là bất động sản, thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng phải yết thị cho mọi người đều biết trước 10 ngày.

88) Ai đấu giá cao thời được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

89) Những điều chính phủ ra lệnh cấm như thuốc phiện lậu, rượu lậu, đánh bạc lấy hồ, thời hương hội phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

90) Ai cố ý phạm cấm hương hội không thể khuyên ngăn được, thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản giao lý trưởng để giải trình quan trừng trị.

91) Những người phạm cấm ấy dù quan đã chiểu luật trị phạt rồi, nhưng làm mất phong thể làng thời hương hội phạt không cho đình trung tế tự 1 năm.

Sự giao tiếp

92) Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ có lý trưởng ra ứng tiếp, nếu đi vắng thời quan khách không biết hỏi ai như thế thời không tiện, nay định giao việc ấy cho các người hương hội.

94) Một là các người hương hội và lý, phó trưởng lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời hương hội dẫn khám, khám nếu có sự hãm trở, thời hương hội giữ gìn cho ổn thỏa, hai là khi ở trong địa giới làng có người ốm đau hay phải tai nạn gì, hương hội báo ngay tin đến tận nơi liệu phương kế mà phải cứu trợ ngay.

Sự giáo dục

95) Dạy trẻ con có học thức phổ thông, nghĩa vụ người làm cha, anh không ai được từ, làng khai một trường ấu học để dạy trẻ con trong làng.

96) Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi thời đi học cả, làng sẽ trích tiền công chi tiền việc trường và lương thầy giáo.

97) Làng dự đặt một trường công nghệ để dạy trẻ con các nghệ.

98) Làng trích tiền công để mua bút giấy cho những con nhà nghèo, mà hương hội xét thực không thể mua được.

99) Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

100) Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chia canh phòng mấy làng.

101) Những người con nuôi đã ba đời rồi mới được ra làm việc làng.

102) Ai ký táng ở đồng điền của làng dẫu mua đất của ai cũng tường hương hội biết và nộp tiền kiểm cố cho làng 3,00$ làm của công và 100 khẩu giầu.

Chia thứ hai tục lệ, quân sự, điền thổ

103) Làng có 104 mẫu 5 sào công điền, tức là ruộng tư phiên điền, chia cho 4 phiên để trợ cấp cho nhân đinh.

Giá thú

104) Trong làng ai có con gái gả chồng ở làng phải nộp cheo làng 1,00$ và 100 khẩu giầu, cheo ngoại 2,00$, chiết can lễ vật tiền ấy do hộ lại thu nhận ngay, khi đăng ký sổ giá thú đệ niên cứ mồng chín tháng Giêng An Nam, hộ lại phải tính giả dân, còn giầu kính đãi các viên chức dịch đương thứ 20 miếng và chia 4 phiên mỗi phiên 20 miếng giầu.

105) Trong làng có ai chết, người tang chủ ở giáp nào thời phải nộp vào giáp ấy 3,00$ để thay lệ kính đãi ăn uống.

Khao vọng

106) Trong làng ai có Tây, Nam khoa mục phẩm hàm chức sắc và chánh phó tổng, làng lấy tiền thay lệ khao 10,00$ lý phó trưởng 5,00$, hương dịch 3,00$.

Tế tự

107) Làng có đình thờ chung cả 4 thôn, mỗi năm lấy 10,00$ công chi phụ thêm các tiết lễ.

108) Làng có chùa thờ chung cả 4 thôn, đã có ruộng chùa giao cho sư không phải bổ lễ nữa.

109) Làng có 3 mẫu ruộng hậu điểm, ngày mồng chín tháng Giêng, làng bán thuê để lấy tiền làm lễ hậu, tùy thời giá giao trương tuần làm giỗ hậu điểm, một con gà, một vản xôi, một chai rượu và thêm 2,00$ một đĩa xôi, 1 bình rượu xong lễ hậu quán La, lễ xong rồi trưởng phiên đem về kính đãi dân, luân thứ phiên nào cũng thế.

Thi hành khoán ước

110) Kể từ ngày thi hành khoán ước ấy rồi nếu trong làng hoặc có người trên hay là người dưới trái điều gì về khoản ước, không phân khinh trọng mà phạt từ 0,20$ đến 1,00&.

111) Đệ niên cứ ngày mồng chín tháng Giêng, thư ký đem đọc khoán ước ấy cho làng đều biết.

Năm Bảo Đại thứ 13 tháng 3 ngày 19.

Le lý trưởng Nguyễn Hữu Trí

(ký tên và đóng kiểm)

(...)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG DỊCH VỌNG SỞ

Tổng Dịch Vọng, phủ Hoài Đức, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông

Chúng tôi là hương lão, kỳ mục, lý dịch làng, nhân đinh hai giáp ở làng Dịch Vọng Sở, trộm nghĩ rằng.

Nước có luật pháp, làng có khoán ước, tức là cái lẽ để duy trì nhân tâm, phong tục trong làng đã lập ra khoán ước minh bạch, thưởng phạt công bằng, thời không những lương thiện nhờ khoán ước mà dân an phận làm ăn đến như kẻ du đãng trông khoán ước cũng sinh lòng nể sợ thế thời (khoán ước làng, cùng mấy luật pháp nước, cũng là một sự không cần cho xã hội làng chúng tôi). Khi xưa có điều ước nhưng hoặc tùng cổ hoặc truyền miệng, không được rõ ràng, vậy dân chúng tôi hội họp châm chước, chỉnh đốn lại chia thành điều khoản lập sổ chi tiêu, bắt sự ăn uống để lấy tiền vào công quĩ, làm thành ba bản sổ, hai bản đệ tỉnh, phủ, một bản tại dân. Xin Quan lớn duyệt y cho dân chúng tôi được tuân nay kính bẩm.

Phần I
Nói về việc chính trị

Điều thứ 1: Đặt hội đồng

Trong 2 giáp soạn một người đàn anh đứng đắn, làm hội trưởng, lại soạn 2 người đứng đắn làm nghị viên, trong hàng nghị viên ấy, chọn người nào giầu có, biết chữ làm thủ quĩ để giữ tiền cũng như là

tiền bán chương ruộng công, tiền vọng thứ vị, tiền lan nhai và các hạng tiền công bao nhiêu, người thủ quĩ nhận tiền rồi biên lai cho người nộp tiền giữ lấy làm bằng, lại chọn một người biết chữ làm thư ký, để biên các việc thu vào, chi ra bao nhiêu biên ký các sổ, như có việc vào thời người thư ký vào sổ, rồi người nộp tiền ký vào sổ, nhưng chữ biên số tiền và chữ ký phải cho minh bạch, như có việc chi ra, thời người thư ký làm măng đa, người hội trưởng cùng với người nghị viên ký vào rồi giao măng-da cho người được lĩnh tiền đem đến thủ quĩ mà lĩnh, rồi cái măng-da ấy, người thủ quĩ giữ để cuối tháng chiểu tính lại, chọn mấy người biết chữ và thông hiểu việc cải lương làm tộc biểu, để thời thường xem xét hội đồng bàn bạc cho minh bạch một người làm lục - lộ để trông nom sai bảo nhân đinh, tuần tráng sửa sang đường ngõ cầu cống trong làng, ngoài đồng cho cao ráo, sạch sẽ, các viên hội đồng phải cùng lý dịch để xem xét các việc trong làng và việc quan mỗi tháng ngày sóc vọng thời sáng từ 8 giờ đến 11 giờ phải cùng ra công sở để bàn bạc các việc công ích và xử đoán các việc kiện cáo cho làng, như người nào vắng mặt, phải có nhời cáo phiếm, nếu bỏ vắng đến 3 ngày, không ra hội bàn, thời hội đồng bắt phạt 30 khẩu giầu, 0,30$ bạc sung công, nhược bằng người ấy không chịu, thời hội đồng trình quan thải bỏ chọn bầu người khác. Những người chân hội đồng ấy hạn 24 tháng thời thôi, những ai là người tốt thời dân lại bầu cũng được, người nào được 2 khóa 4 năm mà đứng đắn các việc ổn thỏa, thời được vào hàng kỳ mục khao vọng như lệ và phải nộp vào công quĩ 3,00$.

Điều thứ 2: Nói về việc lý, phó trưởng

Trong làng người lý, phó trưởng nào mà từ dịch hay bị cách bãi, thừa sức quan về công cử, thời cứ theo lệ nhà nước mà công cử, trong làng người nào nội tịch giầu có mà biết chữ không can khoản gì, ra công bầu người nào đã được làm lý, phó trưởng rồi, thời phải sửa đôi lợn, giầu rượu để yết thần, lễ rồi mời dân về nhà uống rượu, không chia phần, người lý trưởng coi việc binh lương, phó lý coi việc đê điều

tuần phòng, người nào làm việc mãn lệ được từ dịch, thời người ngồi chiếu kỳ mục lại được trừ tạp dịch, người nào cách bãi thời không được trừ, không được dự chiếu ấy.

Điều thứ 3: Nói về việc quản cấp công điền

Trong làng công điền 164 mẫu, đặt vào ruộng đình 1 mẫu 5 sào, Gò Chùa 8 sào ở xứ Thổ Nghi; địa phận làng hậu xã đặt vào ruộng chùa 34 sào: Cát Lai 24 sào, Tài Phùng 2 sào, Đồng Bông 8 sào, đặt ruộng học điền 11 sào: Đồng Bông 5 sào, cửa làng 1 sào, đìa Xép 5 sào; đặt ruộng lý, phó trưởng 42 sào: Đồng Bông 1 mẫu, Cát Lai 2 mẫu, Dộc Tán 5 sào, đìa Xép 5 sào, cổ bông 2 sào; đặt ruộng lính 6 mẫu: Đồng Bông 1 mẫu, Cát Lai 15 sào, Vị Lau 15 sào, Dộc Tán 1 mẫu, Gò Chùa 3 sào, hậu xã Dộc Bia 7 sào; đặt ruộng tuần 15 sào: Đồng Bông 5 sào, Cát Lai 5 sào, Vị Lai 3 sào, Gò Chùa 2 sào, đặt ruộng phường trống 2 sào, cho người mõ Cát Lai 3 sào và 6 mẫu, ruộng kỵ tại Sơn Tây, làng Dị Nậu, giao lý trưởng sửa lễ thờ hai dân, Mai Dịch xã, Phú Mỹ xã, cùng là 24 mẫu dân cư, mấy ruộng xâm mất 10 mẫu 6 sào, còn 129 mẫu 4 sào, cứ 3 năm làm một khóa, lệ trên ăn trước dưới ăn sau, sào mẫu chia đều, hoặc còn thừa 1 hay 2 mẫu không thể chia được, mấy những ruộng quả cố chưa lệ, thời để lưu công hễ có việc tu tạo đình chùa và đê điều đại công trình, mấy được bán, không thời để đến tháng 4 bán để trợ vào sưu thuế, cứ đến ngày bán, cả dân ngồi họp ai hơn tiền thời được, những người chẳng may mà chết từ 30 tháng 4 trở về trước, thời chỉ được cày phần ruộng mình năm sau mà thôi, nếu chết từ mồng 1 tháng 8 trở về sau thời vụ năm ấy không kể, được cấy 2 vụ nữa, ai đến 17 tuổi gặp khóa đảo điền thì sửa 30 khẩu giầu tường dân, dân cũng để cho ăn ruộng nhất tề, bằng người nào gian tham, con 16 tuổi bảo là 17 tuổi đã có giời đất chứng minh, trong làng ai không có chỗ ở, muốn lập vườn trại gia cư chỉ được 1 sào mà thôi, đến ngày đảo điền trừ 1 sào vào phần mình, đến khi chết thời dân cho làm đất ruộng, nhược bằng không thành lũy, thời phải giả dân không để làm ruộng riêng được, còn những người con nuôi và người ký ngụ dân cấp cho mỗi người 5 sào để chờ tuần tráng tạp dịch.

Điều thứ 4: Nói về việc bổ thuế

Hễ đến kỳ sưu thuế, lý trưởng lĩnh bài chỉ về, định ngày nào bổ thuế, đánh trống ở đình cả dân hội họp án bài chỉ, các hạng sưu thuế bao nhiêu bạc, xem cho minh bạch, chiếu tinh quân điền, quân phân san thủ hoặc công tiêu việc gì cũng biên vào minh bạch lập thành bài bổ đệ trình, không được phù lạm hoặc ai mà bổ sưu thuế, lý trưởng phải trình đến hội đồng lấy tiền công quĩ giao cho lý trưởng đệ nạp xong rồi trình quan trừng trị, về sau cấm không cho người ấy dự ngôi hương ẩm, người lý trưởng nào không đốc xuất được sưu thuế, mà quan bắt kỳ mục điền hộ phải làm, thời trong ruộng lương điền cấp cho lý trưởng phải cắt lại 1 mẫu, để góp cho hương hội làm thuế ấy.

Điều thứ 5: Nói về việc cắt tuần

Mỗi năm cứ đến ngày 18 tháng 2 chọn 1 người chân hội lão, hay là chân kỳ mục làm chủ khoán, lại chọn 1 người chân nhiều khỏe mạnh làm trương tuần, lại chọn nhân đinh năm, sáu người làm giai tuần, phải có sào gậy tử tế không được cẩu thả, đêm ngày tuần phòng trong làng ngoài đồng cho cẩn mật và đắp các đường khuyến nông thủy thế chấp phóng tùy liệu, nếu trong làng người nào tự tiện tháo nước đìa mà tuần bắt được chấp trưởng hội đồng, thời phạt người ấy 1,00$ sung công, nếu tuần không chịu trông nom để tháo mất nước đi, thời Hội đồng phạt cả tuần 1,00$ bạc sung công, còn như 2 vụ thu Hạ Điền hòa mỗi sào 1 lượm 3 gồi hoa màu, mỗi sào 0,05$, phụ canh mỗi sào 0,08$, bằng ai mất lúa tuần phải đền mỗi sào 42 lượm 3 gồi, ai mất mạ thời tuần phải đền mỗi sào giá 150 cải mạ, mỗi cải giá 0,01$, đến tháng Chạp tuần thu tiền trâu mỗi con 0,30$, bò mỗi con 0,20$, ai không có trâu bò thời thu tiền bếp mỗi nhà 0,06$, thu tiền mạ cũng mỗi sào 0,03$.

Điều thứ 6: Nói về việc bắt tráng ứng dịch

Hễ có phải bắt tráng đê điều sang hộ hậu tráng ứng dịch ở phủ huyện thì lý trưởng tường với hội đồng, chiếu sổ lần lượt mà cắt giao cho các người lý dịch cứ thế mà gọi, hễ hết lượt ai lại bắt dân, nếu

người nào đến lượt không đi để lý dịch phải thuê cứ mỗi ngày 0,30$ người không đi ấy phải chịu, nhược bằng không chịu lý trưởng cứ chiểu khẩu phần mà bán lấy đủ tiền ấy thôi.

Điều thứ 7: Nói về việc bắt lính

Hễ có trát bắt lính như thời lý trưởng xem nhà nào có 2 con giai giở lên cường tráng liên canh hợp lệ thời lý trưởng đưa đi tuyển, người nào được chính ngạch rồi, khi được mãn lệ dân 12 năm thời được ngồi chiếu kỳ mục, khao vọng cũng như người lý, phó trưởng được trừ tạp dịch, người nào làm sự phi pháp thải về thời không được viện lệ ấy.

Điều thứ 8: Nói về việc đìa đường

Phàm quan địa công lộ thừa sức bồi đắp sảm tước, thời lý dịch chiểu đinh số từ đầu giai giở xuống, quân phân mà đắp, nhưng phải theo tục dân, người nào được trừ cảnh ngoại phải kỳ mục, hội đồng, thôn trưởng, thi sinh, khóa sinh v.v... Đến như tân đìa đại công trình thời kỳ mục đắp 1 phần, nhân đinh đắp 2 phần, còn như đường đi trong làng thì người lục lộ chia phân xóm ấy phải đắp, đường khuyến nông ngoại đồng thời tuần phải đắp, chỗ nào thâm tẩm, thời dân liệu công cho thêm tiền, nếu người lục lộ đã bảo 2 hay 3 lần, vẫn không chịu đắp thời hội đồng phạt tuần 0,30$ sung công.

Điều thứ 9: Nói về việc sang hộ

Khi nước lên to có lệnh quan phải làm điếm canh nước, thời làng phải cấp cho phó lý dịch tiền để làm điếm, rồi lý trưởng cùng hội đồng họp tại công sở, chiểu số nhân đinh lần lượt cắt ra canh nước, dân thì sắm 2 đôi thúng, 2 cái cuốc, 2 cái xẻng, 2 đôi quang những đồ ấy giao cho phó lý đệ lên sang hộ, hễ để mất thời phải đền, như có lệnh quan bắt tráng tận xuất sang hộ thời lý dịch ra đê ngay, lý trưởng đệ tường hội đồng phải cắt tre lứa lập tức trù liệu cho xong, cứ mỗi cây tre thẳng giá 0,10$ đến 0,022$, cây gỗ thẳng giá 0,50$ đem nộp, nhưng phải trình quan và lấy chữ nha lại biên nhận làm bằng, rồi sau chiểu số tre gỗ phải nộp là bao nhiêu, chiết can ra tiền chiểu tiền mà quân bổ, nếu người nào không chịu trình quan nghị trị.

Điều thứ 10: Nói về việc kiện cáo

Trong làng ai có việc gì bất bình, ra thưa hội đồng, thời hội đồng cùng đương chức lý dịch họp tại công sở ... nếu bên nào trái phạt 0,30$ bạc sung công, 0,10$ giầu nước để hội đồng ngồi xử, nếu không chịu đem nhau lên cửa quan mà quan cũng xử y như hội đồng đã xử thời phạt người trái ấy nhất bội nhị, nhược bằng không chịu thời dân lại chiểu khẩu phần lấy đủ hoặc ai có việc gì đòi đến lý dịch hội đồng phí tổn bao nhiêu người thua phải chịu (...).

Điều thứ 11: Việc sinh, tử, giá thú

Trong làng ai có việc sinh, tử, giá thú phải đến nhà lý trưởng để vào sổ hay là ngày sóc vọng lý trưởng đưa sổ ra sở hội đồng thời người có việc ấy ra trường lý trưởng vào sổ cũng được, người nào việc ấy. Trong trường hợp mà không trước bạ thời phạt 0,20$ sung công (...) nếu không chịu thời dân lại chiểu khẩu phần lấy đủ.

Điều thứ 12: Việc trình báo

Trong làng ai có mua bán ruộng, nhà, đất cát phải tường lý trưởng nhận thực làm bằng hoặc mua bán trâu bò hay có khách lạ phải tường lý dịch biết, bằng lý trưởng đi vắng thời tường thủ khoán hay là hội đồng nếu không tường bắt nộp phạt 0,10$ sung công hoặc ai có việc gì mà thịt đến trâu, bò thời tường lý trưởng áp triện rồi xin phép quan.

Điều thứ 13: Việc ký táng

Hễ người làng khác có tổ mộ đem đến ký táng không cứ ở gò đống hoặc ở ruộng công dân, phải sửa cái thủ lợn, 1 ván xôi, ba bình rượu, một buồng cau để lễ thần rồi kính dân, nộp vào công quĩ năm đồng bạc như dân Phú Mỹ, Mai Dịch là làng ta có ruộng ký tại thời chỉ sửa lễ thần kính dân mà thôi khi người ta đòi nộp đủ lệ rồi thời dân cũng phải lấy cách tử tế mà cư xử, trong làng cấm không cho ai được xâm lấn táng vào ngôi mộ ấy nếu ai xâm táng bắt phải cất ngay đi và phạt 0,50$ sung công nếu không chịu thời dân chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 14: Việc cứu hỏa

Trong làng sắm lấy 2 cái ống kéo nước, còn các điếm mỗi điếm sắm 2 cái câu liêm một đôi gầu vạc, 2 gầu giá, một cái thuyền thúng, bất thời hội đồng kiểm xét đến mà điếm nào thiếu hay là hư hỏng cái nào thời phạt cả điếm 0,30$ sung công, nhà nào chẳng may phát hỏa thời tuần phiên phát đốc các đàn em ra mang những đồ ấy đi cứu hỏa, còn tuần làng thời chia làm hai, phải một nửa đi tuần chung quanh làng phòng kẻ gian đó nhân hỏa thiết phát, một nửa đi chữa cháy và quanh các đường lối chung quanh chỗ phát hỏa, người nào thừa cơ cứu hỏa hỗn độn mà lấy đồ vật gì của nhà khổ chủ, tuần làng bắt được thời phạt 0,50$ sung công và bắt cho người tuần bắt được 0,10$, nếu không chịu thời dân lại chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 15: Nói về việc trộm cướp

Trong làng ai ăn trộm gà, vịt, chó, lợn, buồng cau, trái chuối, quả na, cây tre, cái mâm, hoặc các thứ mẩu vật vân vân, tuần tráng hoặc người chủ bắt được thời chiểu giá đền cho người mất của và phạt 0,20$ sung công, mấy cho người bắt được ấy 0,10$, mấy đem ra ở công sở đánh ba mươi roi, nếu tái phạm thời phạt nhất bội nhị, đánh roi cũng thế, khi nào có trộm cướp to, thấy động hiêu thời lý dịch phải đem tuần tráng đến và những người đàn em ra ứng cứu mấy tuần, hễ người bắt sống được một đứa cướp, dân thưởng cho 1,00$, người nào chẳng may bị phải trộm cướp đánh chết, dân cấp tiền tử cho vợ con, người nào không có vợ con thì cấp cho bố mẹ, anh em 15,00$ và cho con hoặc cháu một tên nhiêu, trừ đê điều tạp dịch chung thân, lúc đưa ma thời Hội đồng lý dịch kỳ mục phải đưa đến tận nghĩa trang. Người nào bị trộm cướp đánh bị thương nhẹ, thời dân cấp cho hai đồng, bị thương nặng dân cấp cho 5,00$ để uống thuốc, như người nào đánh lấy lại của đồ vật của quân trộm cướp đã lấy, thời những đồ vật ấy hội đồng chiết can ra tiền chia làm năm thành, người mất của nhận xong phải nộp một thành để thưởng cho tuần hay người nào đánh lấy lại được của, lúc có trộm cướp là lúc cần phải cứu

đỡ nhau, nếu đồng hiệu trống đốc mà tuần hay là các hiệp con giai vắng ai thời hội đồng vào ngay nhà xem có nhà hay không, thực có nhà mà không ra ứng cứu thời phạt 0,20$ sung công nếu không chịu thời dân lại chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 16: Nói về việc cờ bạc thuốc phiện lậu, nấu rượu lậu.

Trong làng cấm không ai được chứa cờ bạc để lấy hoa hồng, ai không tuân, khoán lý dịch hội đồng bắt được quả tang lần thứ nhất bắt làm giấy xin chừa và phạt 0,50$ sung công, lần thứ hai bắt được thời phạt nhất bội nhi và giải trình quan trừng trị, còn như nhà ai có việc mà bày ra tổ tôm tai bàn một vài lúc thời không được viên lệ ấy mà sinh sự, trong làng lễ bái hay có việc hiếu hỷ cấm không ai được mua rượu lậu, nếu ai không tuân hội đồng lý dịch bắt được đạp bỏ đi, một bình giở xuống thì phạt 0,30$ sung công, nếu hai giở lên thời phạt 0,50$ sung công, trong làng cấm không ai được buôn rượu, thuốc phiện lậu, ai buôn mà lý dịch hội đồng bắt được phạt 3,00$ sung công và trình, nghị quan.

Điều thứ 17: Việc gian dâm

Trong làng ai mà trêu ghẹo đàn bà con gái hay là hiếp trắc bắt được đích thực, hội đồng phạt 1,00$ sung công, con giai con gái phải lòng nhau trong tang trên bộc, người ta bắt được đích thực hội đồng đòi cha mẹ người ấy ra công sở giao cho về dạy bảo và phạt mỗi người 2,00$ sung công, rồi bảo có lấy nhau cũng cho lấy nếu ai mà gian dâm can đến cương thường luân lý thời phạt 3,00$ sung công và trong làng ngôi nhu thường.

Điều thứ 18: Việc lễ phép

Khi tế tự thời giải chiếu trên xuống dưới, giải chiếu tam tịch lên trên, làm lễ xong rồi các cụ và chức sắc lễ chiếu tam tịch, đàn em thời lễ dưới chiếu trên, khi đi việc làng hay là đi ăn uống ở nơi đám xá quần áo phải sạch sẽ, ăn nói phải ý nhị đứng ngồi phải tốn nhượng, nếu ai tranh ăn, tranh uống, tranh phần, tranh chỗ ngồi hay say rượu nói càn to tiếng chửi mắng người này người khác thời hội đồng phạt 0,10$

sung công, nếu tái phạm phạt nhất bội nhì bằng không chịu thời dân lại chiểu khẩu phần mà lấy đủ. Trong làng ai có việc vui mừng hát chèo hát ả thời phải tường lý dịch hội đồng rồi mới được lên chầu.

Điều thứ 19: Việc hiếu để

Trong làng người nào bất hiếu bất mục để cha mẹ phải tường hội đồng, thời phạt người ấy 1,00$ sung công, người nào lăng mạ hay đánh người trên mà người trên tường lý dịch hội đồng xét có chứng thực thời gọi ra công sở khuyên bảo rồi phạt 0,10$ sung công, nếu tái phạm nhất bội nhì, nếu không chịu thời dân chiểu khẩu phần mà lấy đủ, còn như ai đánh nhau nằm vạ kêu làng nước, động đạt tuần tráng lý dịch hội đồng xét ra người nào trái nhẽ phạt 0,10$ bạc sung công và phải tạ 50 khẩu giấu, nếu không chịu thời dân chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 20: Việc liêm sỉ

Trong làng khi chèo hát con giai con gái ra đình xem đứng làm hai bên, nam tả, nữ hữu, mỗi bên cắt một người tuần đứng chỉ bảo, không được hỗn độn, nếu người nào không tuân phạt 0,10$ sung công từ 10 giờ tối giở đi ai đi đâu phải có đèn đóm, ai không tuân, tuần tráng bắt được tường lý dịch hội đồng đòi ra công sở phạt 0,20$ sung công, nếu không chịu thời dân chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 21: Việc vệ sinh

Trong làng có cái giếng để lấy nước uống thời người cục bộ phải trông nom sai bảo tuần tráng đắp bờ cho cao giáo sạch sẽ, cấm không cho ai được tắm giặt, còn đường trong làng cấm không cho ai được đổ phân đo hay bỏ những vật ô uế ra đường, ai không tuân bắt được thời phạt 0,10$ sung công, nếu không chịu thời dân chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 22: Về việc phòng bị chứng truyền nhiễm

Trong làng khi chẳng may phát bệnh truyền nhiễm, thời những người bị bệnh phải ở riêng ra một chỗ để chữa và lý trưởng phải làm giấy trình quan ngay, súc vật như trâu bò mà bị bệnh truyền nhiễm, thời nhà chủ phải tường ngay lý trưởng để lý trưởng làm giấy trình

quan con nào chết thời xin chôn và phải mang ra chỗ sau hồ ao, đào sâu mà chôn rồi đổ vôi lên trên, con nào ốm thời xin thuốc chữa, những súc vật khác tuy không phải trình báo, nhưng cách cũng phải y như cách thức đã nói ở trên, ai không tuân bắt phạt 1,00$ bạc sung công, nếu không chịu thời dân chiểu khẩu phần mà lấy đủ.

Điều thứ 23: Việc cấm trâu bò

Trong làng lệ tháng 7 tháng 8 cày cấy rồi cấm không ai cho trâu bò ra chăn đồng lúa, nhược bằng ai không tuân tuần bắt được phạt 0,30$, cho tuần đánh đứa chăn 3 roi, lợn, gà, vịt, ngỗng ra đồng ăn lúa tuần đánh, ngộ nhất nhà ai nhận lợn thời phải chuộc 0,50$ gà, vịt, ngan, ngỗng chuộc 0,10$, nếu không ai nhận thời cho tuần.

Điều thứ 24: Về việc quan về làng

Trong làng hoặc có quan ta hay là quan Tây đến làng không cứ lý dịch hay là hội đồng, hễ cứ thấy quan đến thời đón vào công sở đánh 3 hồi trống, lý dịch hội đồng phải ra hỏi quan về việc công dân để ứng tiến hoặc quan về đòi hỏi lý trưởng thời dẫn vào nhà lý trưởng, nếu quan bắt ai việc gì thời dẫn vào nhà đó phân minh. Không được trốn tránh và chạy ngược chạy xuôi láo nháo.

Điều thứ 25: Nói về việc cho vay tiền công quĩ

Trong làng hễ có tiền công quĩ cho vay, ai muốn vay thời phải ra công sở xin vay chứ không được vay riêng trong người nhà thủ quĩ và người thủ quĩ cũng không có phép cho vay riêng ở trong nhà mình được, nếu không tuân cứ cho nhau vay riêng để mất tiền công quĩ, thời cứ người thủ quĩ mà bắt đền.

Phần II
Tục lệ

(...)

Điều thứ 2: Nói về việc tế lễ

Đầu năm mồng 1 tháng Giêng cho đến 30 tháng Chạp, mỗi lễ 2 giáp, mỗi giáp 1 cân gà, 1 cân xôi, 10 khẩu giấu, 1 lọ rượu lễ rồi giáp

nào giáp ấy thụ phúc hoặc dân phong mã lễ nào muốn sửa lợn tùy nghi nhưng cũng về hai giáp sửa duy Nhập Tịch mãn tịch mỗi giáp sửa 20 khẩu giầu, Hạ Điền, Thượng Điền, xôi nước, mỗi giáp sửa 40 khẩu giầu lễ rồi giầu ấy lưu dân thụ phúc và biếu khoa trưởng chức sắc thất thập, tả văn, chủ tế, tư văn làm lễ lý trưởng, tịnh các tuần nhạc các hạng, còn mỗi tháng 2 kỳ sóc vọng, thời đã có 5 sào ruộng để những người được sắc vọng sửa luật lễ Giao Thừa đã có 1 sào ruộng giao thủ từ sửa 30 phẩm oản, 10 quả chuối, 10 liễn chè, 30 khẩu giầu chia làm 3 lễ, lễ rồi đồng dân thụ phúc.

Điều thứ 3: Về việc chủ tế tả văn

Trong làng có khoa mục chức sắc, đã khao vọng y lệ rồi, thời ông khoa mục, chủ tế, tả văn hoặc ông khoa mục có duyên nói hay thời đến ông chức sắc hoặc chức sắc, chức sắc cũng vắng thiếu, thời giao nhất nhị tràng, thế mà cũng vắng cả thời tả văn giao lý trưởng quyền tế chủ thời hai ông kỳ mục biên cáo đứng tên, không có thời giao lý trưởng quyền cả nhưng nhất nhị tràng hay là ông chủ tế hoặc phó lý trưởng quyền đều phải sửa con gà hay cải thủ lợn và giầu rượu đến.

Điều thứ 4: Về việc ruộng đình

Trong làng để 3 sào ruộng hương làng ở đình 3 sào ruộng oản, 1 sào ruộng sửa lễ cúng Giao Thừa, 1 sào sửa 2 (...), 3 sào lễ (...) mồng 1 tháng 8.

Điều thứ 5: Về việc ruộng hương đăng

Trong làng để các xứ sở công 3 sào hương đăng ở chùa và phải sửa lễ thường ngày lễ nhập hạ, lễ xuất hạ cùng lễ sóc vọng chu niên.

Điều thứ 6: Về việc học điền

Trong làng để 1 mẫu 5 sào học điền. Trong làng ai đi học thời chia nhau cày cấy, để trợ cấp (...), ai đỗ khóa sinh thời như (...) ngồi theo chiếu kỳ mục, đến 20 tuổi trở ra mà không đỗ khóa sinh thời cũng như dân đinh, ai đỗ tú tài giở lên dân đem ruộng học điền quý biếu ông ấy để làm hương thơm cho dân.

Điều thứ 7: Về việc ruộng lý trưởng

Trong làng đặt 4 mẫu 2 sào làm ruộng lộc điền, lý phó trưởng, lý trưởng về việc biếu binh lương, các việc quan thời được 2 mẫu 0 sào 3 miếng, chân sắc vọng bổ thúc. Phó lý hay là hương trưởng, coi việc đê điều tạp dịch, thời chỉ được 1 mẫu 5 sào hoặc không có phó lý, hương trưởng mà lý trưởng phải kiêm cả đê điều tạp dịch thời lý trưởng lấy cả 4 mẫu 2 sào.

Điều thứ 8: Về việc ruộng lính

Trong làng đặt 6 mẫu làm ruộng lộc điền của lính, lệ làng đi lính 6 năm là 1 khóa chính, nghĩa vụ chỉ có 2 tên lính hễ ai ra lính thời dân cấp cho mỗi người là 3 mẫu, ai ở lính được 12 năm mới về thời dân để ngồi cùng chiếu kỳ mục, ai chỉ ở được 6 năm thời cũng như dân đinh mà thôi.

Điều thứ 9: Về việc ruộng tuần phiên

Trong làng đặt 1 mẫu 5 sào làm ruộng lộc của tuần, cứ đến 18 tháng 2 về tuần thời ngày mồng 6 tháng 6 là ngày định tịch thời tuần cung tiến 30 quan tiền giao dân sửa đổ thờ tự.

Điều thứ 10: Về việc ruộng nhạc

Trong làng đặt 5 sào làm ruộng nhạc, phường trống 2 sào, phường bát âm 3 sào, mấy cho người mõ 3 sào.

Điều thứ 11: Về việc lên lão

Trong làng lệ ai đến 40 thời rằm tháng Chạp năm trước là năm 39 phải sửa 30 khẩu giầu trình dân tòng lão, đến 15 tháng Chạp năm sau là năm 40 phải sửa xôi lợn, giầu rượu để lễ thần, lễ rồi đem về mời dân từ cụ nhất giở xuống, 18 tuổi giở lên, cùng thụ phúc, đến 50 thời mồng 7 tháng Giêng sửa 1 cân gà, 2 cân xôi, giầu 30 khẩu rượu hoa 1 chai đem lễ thần rồi đem về (...) đồng dân thụ phúc (...), duy giầu thời các cụ (...) đi vắng phải đưa mỗi người một khẩu đem về, thời phải sửa một con lợn (...) đấu, giầu rượu lễ thần rồi đem về mời cụ nhất giở xuống, 18 giở lên thụ phúc, nếu vắng cứ chiếu sổ ngồi mà đưa phần (...), Đương niên, các cụ 70 hay 80 hay 90 giở lên, mà lại

sửa lễ mừng, mời đồng dân tất cả 2 giáp, thời lệ thức có biếu, không sửa thời thôi, không có biếu.

Điều thứ 12: Về việc khao vọng

Trong làng lệ ai đi học, thi đỗ cử nhân, tú tài phải sửa một con lợn, một bàn xôi, giầu rượu lễ thần mời dân (...)

Điều thứ 13: Về việc cheo cưới

Trong làng lệ ai cưới con gái (...), mấy nộp lý trưởng 1 quan tiền nộp tuần 3 quan, linh 2 người chính ngạch 2 trăm, ai có hạng lão phải nộp hàng lão 1 quan 10 quả cau.

Điều thứ 14: Nói về việc hiếu

Trong làng ai có việc hiếu giả lệ làng 1,00$, 10 quả cau người nào đến hạng lão phải giả lệ hàng lão 1,00$ 10 quả cau người nào có hàng tư văn phải giả lệ hàng tư văn 1,00$, 10 quả cau còn lệ hàng giáp, giáp nào giáp ấy giả giở lên các lệ hoặc mất mùa cau thời chiết can mỗi quả 3 khẩu cau khô.

Điều thứ 15: Nói về việc kính biếu

Trong làng lệ đệ niên tứ quý sự thần và ngày quân điền bổ thuế, hễ có bò lợn thời dân biếu đại khoa, ban kinh hạng 1 cái xôi 1 đấu, giầu mỗi ông một khẩu. Cử nhân ban cũng biếu kinh hạng một cái xôi 1 đấu, giầu mỗi ông 1 khẩu, ông tham Tây, cử nhân Tây, kinh biếu cũng thế, tú tài ban mấy tú tài Tây kính biếu cũng thế, hàng văn võ tăng cửu phẩm giở lên mấy người chánh phó tổng bổ thụ biếu thịt 1 cân, xôi 1 đấu, giầu 1 khẩu, ông nào bởi hàng tạp lưu làm đến tri huyện thời biếu theo ban tú tài, ai làm tri phủ đến án sát thời biếu theo hàng cử nhân, ông nào làm tổng đốc giở lên thời biếu theo hàng đại khoa, còn như ông bảy tám mươi giở lên khao y như lệ dân thời đầu đệ niên tứ quý sự thần và ngày quân điền bổ thuế, dân biếu kinh hạng 1 cái xôi 1 đấu, giầu 1 khẩu ai có chân khoa mục chức sắc mà tả văn, thời dân biếu kinh hạng 1 cái xôi 1 đấu, giầu 1 khẩu hoặc tam trảng hay là lý trưởng quyền, thời dân biếu 1 nửa cái kinh hạng, 1 khẩu giầu, chủ tế thụ tộ 1 cân thịt, 1 khẩu giầu, biếu hàng lão 1 cái

thủ, nửa cân xôi, 10 khẩu giấu, biếu hàng tư văn trung đình 1 cái thủ, nửa cân xôi, 10 khẩu giấu, biếu lý trưởng 1 cân thịt, 1 đấu xôi, 1 khẩu giấu hoặc ngày mãn tiền có cau lễ, thời biếu các lệ mỗi khẩu là một quả cau thời tùy nghi đãi 2 người lính kinh hạng 1 cái, hoặc hết kinh hạng thời biếu thịt một cân, đãi thủ từ thịt 1 cân xôi 1 đấu, giấu 1 khẩu, đãi 2 phường nhạc, mỗi phường 1 cân xôi nửa cân giấu 1 khẩu đãi tuần phiên thịt 1 cân, xôi nửa cân, giấu 1 khẩu, ngày mãn tịch mấy ngày xôi mới đãi đầu hát 1 cân thịt 1 cân xôi.

Các điều ở trên đã được quan trên duyệt y và cho phép thi hành rồi, ai không tuân là trái lệnh trên sẽ bị quan nghị trị.

Phụng sao y như bản chính

Dịch Vọng Sở, le 10 tháng 8 năm 1942

HƯƠNG ƯỚC LÀNG BÁT TRÀNG

Tổng Đông Dư, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh

Tôn chỉ của việc cải lương

Lệ làng, lệ truyền khẩu hay là lệ đã biên ra, xưa nay đã thi hành trong dân ta, nhất thiết không hợp thời cả, cho nên chúng ta phải sửa đổi lại những lệ ấy để hợp với những sự cần trong đời nay hơn, chúng ta đổi những điều gì có hại mà giữ những điều có ích, để cho trong họ được thịnh vượng, trong làng được yên ổn.

Lệ này sau còn có thể sửa lại nữa, tùy trình độ tiến hóa của dân và theo lệnh quan trên.

Phần thứ nhất: Việc hương chính
Tổ chức hương hội

Điều thứ 1: Nhiều họ họp lại thành một làng. Bởi thế phải có các người thay mặt các họ, gọi là tộc biểu để thu xếp việc làng. Tộc biểu ít nhất là 4 người, nhiều nhất là 20 người.

Những người đàn ông tuổi từ 18 giở lên mà xưa nay chưa bao giờ phạm vào tội làm mất quyền công dân, kể trong hình luật An Nam điều 29 khoản thứ nhất và khoản thứ năm, thì mới được đi bầu tộc biểu.

Điều thứ 2: Cứ mỗi số trăm người dự bầu thì bầu 4 người tộc biểu, quá số trăm rồi mà chửa đầy trăm cũng bầu thêm 4 người tộc biểu nữa.

Lấy số tổng cộng các người dự bầu mà chia mấy số tộc biểu đã định như thế, thì biết rằng mỗi phải phải bầu một tộc biểu có bao

nhiêu người; mỗi họ hay là mỗi giáp có bao nhiêu sổ chia ấy thì phải bầu bấy nhiêu tộc biểu.

Khi những họ hay là những giáp có ít người không đủ số chia ấy thì những họ ấy hay là những giáp ấy hợp lại mấy nhau mà bầu.

Nếu số tộc biểu bầu như thế mà kém cái số tộc biểu mà đã được phép bầu theo như số tổng cộng người dự bầu thì cứ chiểu số chia trước mỗi họ, mỗi giáp còn thừa bao nhiêu hay là mỗi phái mấy giáp còn thừa bao nhiêu, thì họ nào giáp nào hay là phái nào còn thừa nhiều hơn thì bầu trước, rồi cứ xuống dần, họ nào, giáp nào, phái nào, còn thừa ít hơn thì bầu sau.

Vả lại về việc bầu tộc biểu, dân thuận theo những nghị định do quan thống sứ đã làm ra, hay là sau sẽ làm ra về việc ấy và theo những thể thức do quan công sứ, định về việc thi hành những nghị định ấy.

Điều thứ 3: Tư cách của các tộc biểu phải có là: phải có học thức, ít nhất là 25 tuổi, xưa nay chưa bao giờ phạm vào tội làm mất quyền công dân, kể trong hình luật An Nam điều 29, tộc biểu mỗi khóa là ba năm.

Điều thứ 4: Cứ ba năm lại bầu lại cả hương hội. Các người nguyên tộc biểu có thể được bầu lại. Các người tộc biểu trong những năm làm việc, được trừ tạp dịch trong dân (đi tuần, làm đường...). Đến khi mãn khóa, thời được có ngôi thứ trong dân (tùy dân định).

Hễ có khuyết, thời hương hội lấy một người thay do cùng một họ hay là cùng một giáp với người tộc biểu khuyết bầu lên, trình quan công sứ duyệt y.

Điều thứ 5: Hương hội phải coi tất cả việc cai trị trong xã, phải làm các công vụ của dân xã, cùng thi hành các trát sức lệnh truyền của quan trên, hương hội phải lập các khoản lệ trong xã, lập sổ chi thu của hàng xã, bổ sưu thuế cùng các thuế khác, hoặc nộp vào nhà nước, hoặc thu cho sổ chi thu hàng xã và định sổ thuế của xã, thi hành sổ thu chi hàng xã; quản trị tài sản công dân và thi hành các

khoản lệ về việc tuần phòng, nhất là về việc buôn bán lậu, việc đánh bạc cùng những sự họp tập trái phép.

Các khoản thưa kiện về việc hộ hay là việc thương mại thì do hương hội xử nghị hay là do những viên cử riêng để xử nghị những việc ấy. Nếu đôi bên được hòa thuận thì phải dựng biên bản, rồi biên bản phải nộp lên quan sở tại để ghi vào sổ hòa giải.

Hương hội có thể cử một ban có 2, 3 viên tộc biểu để giao cho quyền bắt phạt các điều dân phạm vào khoản lệ tuần phòng của xã mà phạt từ 0,10$ giở lên cho đến 1,00$ là cùng, các điều phạm ấy là những điều không thuộc về các khoản mà chiểu theo điều 227 hình luật An Nam, phải giao tòa án kết nghị.

Sổ tiền phạt phải nộp vào sổ chi thu hàng xã.

Điều thứ 6: Hương hội chọn ở trong các viên có chân hội lấy một viên hội trưởng và một viên phó hội trưởng. Hương hội do hội trưởng họp khi nào hội trưởng mắc bận, do phó hội trưởng họp.

Hương hội lấy người lý trưởng, phó lý và trương tuần đương thứ, phụ vào hội đồng để bàn định.

Điều thứ 7: Hương hội đã lấy phụ thêm như thế rồi lại chọn trong các tộc biểu hoặc trong người ngoài, lấy một người thư ký và một người thủ quĩ. Cả hai người ấy phải biết viết, biết tính, người thủ quĩ phải có đủ tư lực mới được làm.

Lý trưởng, phó lý hay là trương tuần không được làm chức thủ quĩ hay là thư ký.

Điều thứ 8: Người thư ký và người thủy quĩ dẫu không phải là tộc biểu, cũng được dự vào hội đồng, người thư ký để hội đồng hỏi ý kiến, người thủ quĩ có quyền bầu định.

Điều thứ 9: Hương hội muốn cần họp mấy kỳ cũng được tùy theo công việc của hàng xã, nhiều ít hay to nhỏ thế nào, nhưng trong tháng 10 Tây phải họp một kỳ hay luôn nhiều kỳ để làm sổ chi thu và trong thượng tuần tháng Giêng Tây phải họp một kỳ để lập sổ sưu

thuế và các thứ thuế thu vào cho dân xã trong khi có việc khẩn, hương hội cũng được họp kỳ hội đồng thường hay là khi có phần nhiều quá nửa hội viên xin với viên chánh hương hội họp kỳ hội đồng bất thường thì hương hội cũng được họp.

Các kỳ hội đồng cho cả công chúng vào xem, các chánh phó tổng được quyền dự vào hội đồng các xã thuộc về tổng mình.

Điều thứ 10: - Nhời bàn của hội đồng nếu có phần nhiều quá nửa hội viên dự hội đồng thời mấy có giá trị. Khi đã dự bàn định xong rồi, các hội viên phải giải tán ngay, không được ngồi giai để ăn uống (uống rượu, hút nha phiến).

Điều thứ 11: Phải dựng biên bản các nhời bàn của hội đồng. Biên bản ấy phải có chữ ký của các hội viên có mặt lúc bàn định, rồi phải để vào tập công văn hàng xã.

Điều thứ 12: Những nhời bàn định của hội đồng, hễ có quá nửa hội viên thuận thì mấy được thi hành. Nếu hai bên không đồng ý mà bằng số người nhau, thì việc ấy lại hoãn lại đến kỳ hội đồng sau, mà nếu kỳ sau lại không đồng ý nữa mà cũng lại bằng số người nhau, thì bên nào có viên chánh hương hội thì bên ấy được.

Việc ưng thuận thì bắt đầu từ tộc biểu họ nào ít người nhất được nói trước, rồi cứ giở lên dần dần đến họ to nhất nói sau cùng.

Điều thứ 13: Việc nào mà can thiệp đến hàng xã thì một viên hương hội hay là nhiều viên hương hội không được bàn định riêng việc ấy, phải tự cho tất cả các viên hương hội đều biết rồi mới lập hội đồng bàn định được.

Điều thứ 14: Viên tộc biểu nào có mời đến hội đồng không có nhẽ gì đích đáng mà không đến dự hội đồng luôn hai kỳ thì hương hội sẽ định không cho làm tộc biểu nữa.

Viên tộc biểu nào phạm lỗi về việc chính trị (hoặc làm việc trễ nải luôn hay là thường xét thấy không đủ sức làm việc...) hoặc thất lễ mấy các viên hương hội khác, các viên này trình quan công sứ, ngài

sẽ hỏi ý kiến quan tỉnh mà định cách trừng trị (tức là khiển trách, bãi dịch hay là cách dịch).

Viên tộc biểu nào phải cách dịch hay là phải án phạt giam thì không được dự vào hương hội nữa.

Viên tộc biểu nào mà bị giấy tòa án sức bắt, thì phải tạm huyền chức.

Hành vi các công vụ hàng xã

Điều thứ 15: Viên chánh hương hội là trưởng hội đồng và lại là đầu các chức dịch và các công vụ hàng xã. Viên ấy trông nom việc trật tự trong khi hội đồng và bảo ban các nhẽ để cho thi hành các nghị định của hội đồng. Viên ấy phải trách nhiệm đến việc thu các khoản tiền, cùng việc cho chi tiền và cho giả tiền chi tiêu thuộc vào sổ dự toán của hàng xã.

Viên phó sưu thuế giúp việc viên chánh hương hội trong tất cả các việc của viên ấy và khi viên ấy vắng hay là mắc bận thì thay viên ấy. Khi chánh phó hương hội cũng mắc bận thì người tộc biểu nào làm việc lâu nhất hay là theo lệ làng có ngôi thứ cao nhất, phải coi việc phát hành, các công việc trong xã. Hương hội lại cử hai viên hội để cùng mấy lý trưởng mà thi hành những án về việc tịch biên và bán các tài sản của những người can án. Ngoài các việc riêng ấy hai viên ấy cũng phải làm các việc khác mà hương hội giao cho.

Điều thứ 16: Lý trưởng riêng là người môi giới cho chính phủ mấy hàng xã. Lý trưởng phải giữ triện, giữ các công văn, địa bạ, các sổ thuế của làng và các lệnh truyền của chính phủ. Tất cả các giấy má sổ sách ấy phải ghi vào trong một quyển sổ, sổ ấy khi lý trưởng cũ cùng lý trưởng mới bàn giao công việc thì phải ký tên vào. Nếu người lý trưởng cũ mệnh một thì người lý trưởng mới phải ký nhận cùng hai người làm chứng lấy trong các viên hương hội. Lý trưởng phải coi riêng về việc thu thuế của nhà nước cùng việc nộp sổ thuế ấy lên kho bạc. Sổ thuế ấy tất cả xã phải trách cứ đến. Lý trưởng phải coi việc thi

hành các luật lệ, các nghị định của nhà nước cùng việc làm các giấy má của quan trên sức làm và chứng nhận các đơn từ. Lý trưởng phải tùy tâm các trọng tội và khinh tội. Lý trưởng phải coi việc tuần phòng ở trong xã, việc vệ sinh chung và coi phó lý làm việc. Lý trưởng phải trông nom các đường bộ, đường thủy, phải coi các đường sắt, cầu, đường giây thép, điện báo, đường dây nói, trừ ra khi làng cử một người coi riêng về việc ấy thì lý trưởng mới không làm việc ấy.

Lương phụ cấp cho lý trưởng thì tùy tục làng cấp cho bao nhiêu, nhưng phải phát bằng sổ bạc; ngoại tiền lương ấy, lý trưởng lại được lĩnh tiền lộ phí định trong điều 21.

Lý trưởng nhận thực chữ ký không được đòi tiền nong gì sốt.

Điều thứ 17: Người phó lý hay là tùy tục làng mà lấy người trương tuần hay là xã đoàn v.v... thì người này phải tổ chức việc tuần phòng ngoài đồng áng và việc đường sá của thôn nào hay là xóm nào đã cử ra. Riêng việc đường sá, có thể cử riêng một người thủ lộ. Người phó lý, hay là tùy tục làng là người trương tuần thì có các tuần tráng của làng dưới quyền mình, người ấy phải coi việc thi hành các lệnh chuyển của quan trên thuộc về việc tuần phòng và việc trông nom trong làng.

Điều thứ 18: Người thủ quĩ coi việc giữ quĩ có các công ngân của xã. Các công việc của thủ quĩ do chánh hội kiểm soát hay là do một viên kiểm soát của hương hội cử ra; cho người ấy tiền phụ cấp cũng được.

Điều thứ 19: Người thư ký coi việc dựng biên bản các kỳ hội đồng của sưu thuế cùng giữ các sổ sách của xã giao cấp cho người ấy, lương tháng cũng được.

Điều thứ 20: Nếu hương hội xét rằng cần phải giao cho các việc hội khác các chức phận riêng để coi riêng các công việc cho được cẩn thận, như việc quản trị những công sở cùng điền địa của hàng xã, việc coi sóc cùng chữa chạy các đồ đạc, thì hương hội cũng được phép cử.

Điều thứ 21: Trừ những khi nào có nghị định của quan trên trái mấy điều này thì không kể, còn thì khi các viên hương hội mà quan trên đòi thì tiền lộ phí do hàng xã chịu. Tiền lộ phí ấy theo cái phái lai giá tính về đường đi từ làng đến nơi quan đòi xa gần thế nào, phái lai giá ấy có quan công sứ duyệt y. Nếu người tư dân xin đòi đến thì người ấy phải chịu tiền lộ phí cũng tính theo phái lai giá ấy.

Đi việc quan lâu chóng thế nào thì đã có chữ quan đòi biên nhận lúc đến lúc về.

Sổ chi thu

Điều thứ 22: Phải cần dùng một sổ chi thu hàng xã, để cho các việc tiền bạc hàng xã được hợp cách và khỏi những sự tiêu tiền vô ích.

Điều thứ 23: Sổ chi thu hàng xã ấy thì người chánh hương hội hợp đồng mấy người thư ký hàng xã và lý trưởng mà làm, rồi hương hội thỏa hợp, trong kỳ thượng bán nguyệt tháng 10 Tây. Rồi lý trưởng đệ trình sổ chi thu lên quan tỉnh, quan tỉnh bẩm đệ lên quan công sứ. Khi quan công sứ duyệt y rồi mới đem sổ ấy thi hành được.

Điều thứ 24: Sổ ấy phải làm hai bản mà viết bằng Quốc ngữ, khi nào có cần thêm chữ Nho vào thì viết cả hai thứ chữ.

Một bản thì kỳ mục giữ, một bản lưu tại tòa sứ.

Điều thứ 25: Khi chưa hết năm mà có muốn thay đổi gì vào khoản chi thu nào trong sổ ấy, thì phải có hàng xã hội bàn thỏa thuận, công sứ chuẩn y cho mới thay đổi được.

Khoản tiền thu vào

Điều thứ 26: Những khoản tiền thu trong xã thì chia ra hai thứ, một thứ gọi là thường, một thứ gọi là bất thường.

Điều thứ 27: Những khoản thu lệ thường thì có hai hạng, một hạng thì buộc phải thu, một hạng thì tùy ý thu hay không cũng được.

A. Hạng buộc phải thu là tiền này:

1/ Những tiền hương lệ (như tiền cheo, tiền nhà có việc hiếu nộp thay cỗ bàn, tiền khao, tiền vọng lão...) nộp thay để chiết can về các khoản hương tục buộc phải làm.

2/ Những tiền lợi tức thuộc về của riêng của làng (như tiền cho thuê đầm, hồ, ao, sông con, tiền cho thuê đất ruộng, tiền lãi phiếu quốc trái, tiền lãi tiền gửi nhà ngân hàng).

B. Hạng tiền không thuộc ngạch phải thu là:

1/ Thuế trâu, bò, ngựa được bỏ đến cái hạn chế của quan thống sứ nghị định là cùng;

2/ Thuế thổ trạch được thu đến cái hạn chế của quan thống sứ nghị định là cùng;

3/ Tiền ngoại phụ thu theo với thuế chính ngạch (thuế điền thổ, thuế thân hay là thuế môn bài) hạn chỉ được thu đến 10 tháng trong một năm thôi.

4/ Những tiền phạt chiểu theo lệ làng.

5/ Những tiền thu vào vụn vặt cùng là bất thời mà có, như tiền bán ngôi thứ trong làng, tiền các điền chủ nộp về khoản làng chi phí để tuần canh đồng lúa, vân vân.

6/ Những tiền người ta cúng, người ta di chúc cho hàng xã mà có phép quan công sứ chuẩn cho được nhận.

Những khoản tiền không bắt buộc trong xã phải thu đã kể ra ở mục 1, thứ 2, thứ 3 trên này thì mỗi năm lúc làm sổ chi thu hàng xã, hội đồng kê biên vào sổ, được tự do hạng nào nên kê toàn số, hạng nào nên kê một phần mà thôi, mà ấn định hạng nào thu bao nhiêu cho có hạn chế như lệ định, được tùy nghi mà kê biên. Người nào đáng nộp các hạng thuế ấy bao nhiêu thì phải kê rõ tên người ấy ra cùng số tiền định thu mà yết tại đình sở.

Không được lấy cớ gì mà miễn cho ai hạng tiền nào cả, nhất là kẻ mua vị thứ thì chỉ được miễn trừ thuế lệ gì.

Điều thứ 28: Những tiền thu gọi là bất thường thì vào hạng:

1/ Tiền của nhà nước trợ cấp cho hàng xã;

2/ Khoản bất thường gia tăng tiền ngoại phụ thu theo chính ngạch, mà thu quá cái số đã định ở khoản vừa mới kể ở trên này.

3/ Tiền bán những tài sản thuộc của riêng hàng xã.

Những khoản thu bất thường thì trước khi kê vào sổ chi thu phải có quan công sứ cho phép riêng mới được, mà tiền ấy chỉ được dùng vào những khoản bất thường chi dụng mà hàng xã đã hội đồng thỏa định, có quan công sứ chuẩn cho; khi nào những khoản chi tiêu ấy quá 20,00 đồng thời phải có quan thống sứ chuẩn cho, mới được thi hành.

Điều thứ 29: Những tiền lệ nào mà không minh kê trong sổ chi thu thì nhất thiết cấm không được thu, mà ai lạm thu thì phải theo hình luật vận nghị, mà lại phải tòa án bắt hoàn tiền ấy nữa (theo hình luật, khoản thứ 72).

Khoản tiền chi tiêu

Điều thứ 30: Những khoản chi tiêu thì phân ra sổ thường chi dụng và bất thường chi dụng:

Tiền thường chi dụng là chi vào những khoản kể sau này:

1. Tiền chi về công vụ hàng xã:

2. Tiền chi tiêu vào những khoản công ích trong xã (như tiền phí vào khoản tu bổ vào các hạng tài sản của riêng hàng xã, tiền phí vào khoản vệ sinh, cứu tế, lò sát sinh, học phí).

3. Tiền xây hay làm công quán mới cùng là khoản tu bổ cự phí.

4. Tiền chi về khoản tế tự.

Điều thứ 31: Những khoản bất thường chi dụng là:

1. Khi công sở hàng xã phải tu bổ cự phí mà khoản tiền thường thu trong xã không đủ chi được;

2. Tiền phí xây làm công quán, cùng phí về việc dẫn thủy, làm cầu cống, lấy vào tiền thường thu không đủ chi;

3. Khoản gặp cơ hoang, thủy lạc mà phải phát chẩn.

Những khoản bất thường chi dụng trước khi biên kê vào sổ chi thu thì phải có phép quan công sứ chuẩn cho mới được; khi có việc

công tác gì mới thuộc về khoản ấy mà phải phí đến hơn 20,00$ thì phải có phép quan thống sứ chuẩn cho.

Điều thứ 32: Khoản nào dự trù bao nhiêu tiền thì trong sổ chi thu đã án khoản kê sổ ra, nên không khi nào được phép chi phí việc gì quá số dự trù ấy.

Sự thực hành sổ chi thu

Điều thứ 33: Thực hành chi thu giao cho người chánh hương hội, các chi tiết thuộc về sự thực hành ấy cũng do người ấy trông coi.

Những khoản tiền mà lệ thường không làm thành sổ mà thu thì người chánh hương hội làm ra biệt phải mà thu.

Khi có chi phí khoản gì thì người ấy cũng làm phải, mà phải ấy phải đem đến chỗ công quĩ hàng xã mới chi tiền cho.

Những khoản chi tiêu không quá 20,00$ thì người chánh hương hội được tự quyền cấp phải chi; những khi mà quá số 20,00$ thì phải có hội đồng hàng xã thỏa thuận mới được chi.

Điều thứ 34: Tiền thu vào cùng tiền chi ra thì do người thủ quĩ thu chi.

Điều thứ 35: Đến kỳ Tất Niên công sổ tức là đến ngày 31 tháng Chạp Tây mà còn dư lại công ngân thì đem biên vào sổ thu năm mới.

Điều thứ 36: Người dân nào mà tự nghĩ mình phải đóng góp năng quá, thì trong hạn 15 ngày sau ngày đã yết sổ ra được phép kêu với hội đồng hàng xã. Khi hội đồng phán định mà không phục tình, thì trong hạn 15 ngày sau ngày phán định ấy được phúc khiếu tại quan công sứ. Mà khi ngài đã quyết định thế nào thì thôi không phúc khiếu đâu được nữa.

Việc tuần phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 37: Việc tuần phòng trong làng là để bảo thủ cho tất cả dân làng, giữ gìn tài sản của tất cả làng, cho nên tất cả mọi người, từ

mười tám tuổi giở lên phải đi tuần, chỉ trừ các hạng chức sắc, khoa mục, các viên tòng sự đang tại chức ở các công nha, các người học sinh ở các học đường với các người vị thành đinh cùng có tàn tật.

Người nào phải đi tuần mà vắng mặt, đến lượt mình mà không thể đi tuần được thời hoặc nhờ người thân thuộc hay là nhờ người ban đi thay hộ cho cũng được, hoặc nộp cho làng một món tiền là 6,00$ để thuê một người thay cũng được.

Điều thứ 38: Tuần đinh trong làng chia ra làm nhiều ban. Cứ lần lượt mỗi ban phải đi tuần trong ba tháng, sáu tháng hay là một năm, mỗi ban cử một người trong ban làm trương tuần. Khi có kẻ cướp đánh làng, ra hiệu thì tất cả các ban tuần đinh phải ứng hiệu và hiệp lực với ban đến lượt đi tuần.

Điều thứ 39: Tuần đinh phải sắm lấy khí giới cần có. Còn như tuần đinh nào bần cùng, dân làng giúp cho khí giới nhưng mà đến khi mãn khóa phải hoàn giả làng.

Điều thứ 40: Tùy làng to, nhỏ, mà đặt điếm canh nhiều ít. Tiền chi phí về khoản dựng điếm ấy lấy tiền công ra mà chi tiêu.

Điều thứ 41: Tối đến thời trương tuần phải đánh trống hay đánh mõ gọi tuần đinh ra điếm. Người tuần đinh nào bận việc ngăn trở phải có người thay, nếu không thời hai lần đầu phải phạt tiền là 0,10$ đến lần thứ ba phải phạt 1,00$.

Điều thứ 42: Ban đêm, tuần đinh phải đi tuần luôn chung quanh làng để phòng trộm cướp không vào trong làng được.

Điều thứ 43: Tuần đinh nào hễ bắt được một đứa kẻ trộm thời được thưởng 1,00$ hễ bắt được cướp giặc được thưởng 10,00$.

Điều thứ 44: Ai trong làng mất trộm thời trách cứ tuần đinh. Như khi nào có một việc ăn trộm xảy ra mà tuần đinh không thể tìm bắt được đứa ăn trộm thời tuần đinh phải đền cho người mất trộm, mất đồ vật giá bao nhiêu thì phải đền bấy nhiêu. Khi có cướp giặc đánh làng, nếu tuần đinh hết sức kháng cự mà không nổi, thì không phải trách cứ đến.

Điều thứ 45: Có ai lạ vào trong làng thời lý trưởng, phó lý phải kiểm sát căn cước người ấy, nếu nó không có giấy thuế thân hay là khả nghi, thời phải bắt đem nộp quan để tra cứu.

Việc đi tuần đồng điền

Tuần đinh đi tuần đồng điền

Điều thứ 46: Làng chọn một người trương tuần đồng điền với 4 người tuần đinh là số ít nhất để tuần đồng.

Điều thứ 47: Người trương tuần đồng điền kén lấy tuần đinh.

Điều thứ 48: Các người trương tuần và các người tuần đồng phải có những tư cách này: mạnh khỏe, can đảm, lương thiện và có tư lực. Ai có tiếng xấu không được xin làm chức trương tuần hay là xin làm tuần đồng.

Điều thứ 49: Các người trương tuần và các người tuần đồng phải ở dưới quyền các viên tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 50: Ai làm hư những tiểu bối để giữ ruộng khỏi lụt, tuần đinh sẽ trình với hương hội, nếu xét có thực, thời phải phạt tiền từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 51: Tuần đinh phải làm việc chắp thủy và việc phóng thủy. Nhưng mà làm công việc này phải hỏi ý kiến hương hội.

Điều thứ 52: Ai phóng thủy để bắt cá, mà làm khô ruộng thời tuần đinh bắt trình hương hội phạt từ 0,10$ cho đến 1,00$. Tuần đinh nào vì nể người ta mà để người ta làm khô ruộng thời cũng phải phạt như thế.

Điều thứ 53: Tuần đinh phải coi sóc các hoa lợi. Khi có mất trộm, thời tuần đinh phải đền người mất trộm, mất của giá bao nhiêu thời phải đền giả tất cả bấy nhiêu.

Điều thứ 54: Ngày trước tuần đồng đến khi gặt hái được lúa sương, nhưng bởi sự lấy lúa sương sinh nhiều sự khó khăn luôn luôn, thời bây giờ bãi lệ ấy. Lấy tiền trong sổ dự toán mà cấp cho các tuần đinh ấy, lương các người ấy phải dự biên vào sổ chi tiêu của làng,

khoản ấy lấy tiền của các điền hộ nộp về khoản tuần canh đồng lúa mà chi.

Điều thứ 55: Trương tuần nào đã làm việc giỏi trong 3 năm thời cũng được ngôi thứ bằng phó lý; nếu có lỗi, thời phải cắt chức mà không được ngôi thứ ấy nữa.

Sự cứu giúp

Điều thứ 56: Khi khẩn cấp (hỏa tai, cướp giặc, đê nguy sợ vỡ) tất cả dân làng, chỉ trừ những người 60 tuổi yếu ớt, còn các người khác hễ có hiệu, báo, phải tới ngay đến nơi bị nguy hiểm, nếu không mà xét ra có thực thời phải phạt từ 0,20$ cho đến 0,50$.

Điều thứ 57: Ai làm nghĩa vụ ấy mà phải thương đau, muốn làng chịu tiền chữa thuốc cũng được. Nếu phải thương đau mà thành tàn tật, thời lại được thêm chức kỳ mục. Nếu phải thương đau mà quá cố, thời gia quyến được 20,00$ tiền cấp và dân làng phải đưa đám.

Sự vệ sinh

Điều thứ 58: Muốn cho dân làng khang cường thời cần phải giữ phép vệ sinh thuộc về cách phòng bệnh và cách trị bệnh.

Điều thứ 59: Hương hội phải nhắc dân làng biết giữ trong nhà ở và ngoài đường đi cho rất sạch sẽ luôn luôn.

Điều thứ 60: Cấm không được vứt rác ra đường đi trong làng và cấm không được làm nhà xí ở trên bờ đường ấy, ai phạm vào điều này phải phạt 0,20$.

Điều thứ 61: Các nơi giếng, ao để dân sự lấy nước ăn thời phải sửa sang sạch sẽ, phí tổn bao nhiêu tiền công phải chịu.

Điều thứ 62: Khi có người mắc bệnh lây, lý trưởng phải trình quan ngay và xin cắt một quan thầy thuốc đến để chữa người mắc bệnh.

Điều thứ 63: Khi nào trong làng có một người hình như bị bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan và nếu xét nó hủi thực thời xin đem ngay người ấy vào nhà dưỡng tế. Không được vì nể mà để nó ở trong làng.

Điều thứ 64: Cấm không được vứt những quần áo của kẻ ốm hay là kẻ quá cố xuống đầm ao. Ai phạm vào điều này phải phạt từ 0,10$ cho đến 1,00$. Cũng cấm không được dựng chuồng lợn gần ao hay là để những nước dơ bẩn chảy xuống ao.

Việc sửa sang đạo lộ kiên lương đê bối

Điều thứ 65: Làng phải kén một người thủ lộ để coi sóc đạo lộ, kiên lương, đê bối, có những nơi nào hư hỏng làng phải trình hương hội để sửa sang lại. Còn như đê bối, thời người thủ lộ chỉ phải trông nom để ngăn cấm người ta hay là súc vật làm hủy hoại đê bối, có nơi nào hủy hoại thì sai người sửa sang lại và phải giữ gìn cho đê bối được vững bền. Người thủ lộ phải trình những chỗ đê bối nào hư hỏng lắm cần đến nhà nước tu bổ.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về những công việc sửa sang đã kể ở trên này thời lấy tiền công dân mà chi, hay là tùy hương hội định lấy các khoản thuế lệ nhân đinh phải đóng hay là thuế lệ thuộc về trâu bò. Việc sửa sang tiểu lộ của một thôn nào hay là của một xóm nào thì thôn ấy xóm ấy phải chịu phí tổn.

Điều thứ 67: Người nào muốn ích kỷ, làm hại đạo lộ, kiên lương của làng thời phải tu bổ lại như cũ, còn lại phải phạt từ 0,10$ cho đến 1,00$ nữa.

Điều thứ 68: Ai mà cần phải dẫn nước qua đường đi trong làng, phải trình trước hương hội, đến khi công việc xong thời phải sửa đường lại như cũ.

Điều thứ 69: Người thủ lộ nào trong ba năm làm việc tốt thời được ngôi thứ bằng phó lý. Nếu có lỗi thời phải bãi dịch.

Phương pháp để giữ gìn ruộng

Điều thứ 70: Muốn làm cho công việc canh nông được dễ, thời năm nào làng cũng tu bổ những tiểu bối và khơi các ngòi lạch và các con sông.

Điều thứ 71: Cấm không được vạt bờ ruộng nếu vạt bờ ruộng thời phải đắp lại như cũ.

Ai phạm điều này phải phạt 0,10$.

Điều thứ 72: Cấm không được chắn đăng nước sông con để bắt cá mà làm ngăn trở dòng nước chảy. Ai phạm vào điều này phải phạt 0,10$.

Điều thứ 73: Khi chưa gặt hái, cấm không được chăn trâu bò trên bờ ruộng. Ai phạm điều này phải phạt 0,10$, lại phải bồi thường cho điền chủ bị hại nữa.

Điều thứ 74: Cấm không được thả vịt xuống các ruộng mạ hay là đã cấy rồi. Ai phạm điều này phải phạt 1,00$, lại phải bồi thường cho điền chủ bị hại nữa.

Tài sản của làng

Điều thứ 75: Các người trong làng phải trông nom để bảo tồn lấy tài sản của làng. Ai làm hại phải tu bổ lại.

Điều thứ 76: Bán hay là cho thuê tài sản động vật hay là bất động vật của làng thì ai muốn mua, muốn thuê phải gửi giấy đóng dấu kín và phải niêm yết việc bán hay là việc cho thuê ấy cho cả mọi người biết 10 ngày trước ngày đấu giá.

Điều thứ 77: Ai thuận giá cao nhất thì được thầu. Tờ biên bản việc thầu giá, phải do hương hội làm, rồi lưu ở trong tập công văn trong làng với lại tờ xin thầu giá của người đã cho được thầu.

Sự trừng trị việc buôn bán lậu thuế phương chính, việc đổ rác và các việc phi pháp khác nữa

Điều thứ 78: Hương hội phải đi kiểm soát luôn luôn trong làng phòng bị và trừng trị những việc chính phủ cấm như là nạn rượu lậu, thuốc nha phiến và mở sòng đổ bác.

Điều thứ 79: Nếu ai không nghe nhời cảo giới của hương hội và cứ phạm vào những khoản đã kể ở trên ấy, hương hội sẽ báo lý trưởng bắt lấy những vật làm tang chứng, lý trưởng phải làm biên bản nhận thực việc ấy. Lý trưởng đem những vật làm tang chứng ấy với người phạm nộp quan.

Điều thứ 80: Các người phạm thuộc về những khoản trên ấy không những là luật bắt tội mà là phải phạt, không được đến đình và không được dự vào các việc tế tự công dân trong hạn 3 ngày vì lỗi đã làm xấu tiếng cho làng.

Phép tắc

Điều thứ 81: Xưa nay, chỉ có lý trưởng, phó lý đương thứ ra thừa tiếp các quan trên, khi các quan trên đến làng. Tục ấy có nhiều sự bất tiện, nghĩa là nếu lý phó trưởng đi vắng thì các quan trên không biết hỏi người nào. Bây giờ nên giao việc này cho các người có chân hương hội.

Điều thứ 82: Khi có quý quan hay là quan An Nam đến làng, thời các tuần đinh phải báo tin cho các hội viên biết ngay.

Điều thứ 83: Các hội viên và chánh phó lý phải thừa tiếp các quan ở đình với một cách rất có lễ phép. Nếu các quan muốn vào nhà dân nào để khám xét, thời phải dẫn các quan đến nhà người dân ấy; trong khi khám xét có xảy ra sự ngăn trở gì thì phải tìm cách làm cho ổn thỏa.

Khi nào trong làng có người ốm hay là có người mắc phải tai nạn gì mà hương hội được tin báo thời phải tùy sức mà cứu đỡ người ta.

Sự giáo dục

Điều thứ 84: Làm cha mẹ phải cho con theo sơ đẳng học thức, vậy lập một học đường trong làng để trẻ con phải đến học.

Điều thứ 85: Tiền chi phí về học vụ với lại tiền lương giáo sư thời lấy tiền công dân mà chi những khoản ấy.

Điều thứ 86: Cứ theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi phải đến trường học.

Điều thứ 87: Trong sổ dự toán có kê tiền để sắm đồ vật dùng về việc học để cấp cho con nhà nghèo.

Nói về những người lạ đến ở trong làng và những người lạ đem chôn ở làng.

Điều thứ 88: Chỉ những người nào có căn cước xác thực, có nghề nghiệp ấn định thời mới cho ở trong làng.

Điều thứ 89: Trừ những người lữ khách, còn những người nào có tài sản ở trong làng đều phải đi tuần.

Điều thứ 90: Ai muốn mai táng thân thuộc trong làng, phải trình hương hội và nộp tiền lệ vào công quĩ, dù mai táng ở miếng đất mình đã mua của người làng cũng phải nộp lệ ấy.

Phần thứ hai: Tục lệ
Chia công điền công thổ

(... điều thứ 90 đến điều 96 mờ không đọc được)

Điều 97: Trừ công sở không cho thuê còn những bến đất công, ai để của riêng thời phải thuê, ai không tuân chiểu phạt từ 0,50$ đến 1,00$, nếu ai thông tuân trình quan nghị trị.

Hôn thú

Điều thứ 98: Phàm người con giai, con gái xứng đôi, đính lấy làm vợ chồng trước hết phải tường hương hội. Lý trưởng xét hai bên không can thiệp gì đến luân lý thời phải biên 100 giấu, 1,00$ tiền cheo để vào sổ giá thú, nếu con gái trong làng lấy chồng làng khác, gọi là cheo ngoại, thời làng thu 1,00$ cheo và giấu cũng thế, rồi mới trước bạ, người nào không chịu thời cứ chủ nhân nhà gái mà bắt nộp bội nhị, còn những người làng làm ăn buôn bán ở xa có con gái gả chồng mà không vào làng nộp cheo, hễ làng trích ra thời cứ cha mẹ anh, em nhà có con gái ấy, chiểu hương ước bắt nộp, nếu không chịu nộp thời làm giấy trình quan bắt phải nộp cheo và nộp phạt nữa, đều bỏ 1 quĩ cả còn như các món chăng dây, nhất thiết bỏ đi.

Tống táng

Điều thứ 99: Khi có tang là sự buồn rầu, thôi cũ làm cỗ mời khách, như là đứng tiệc, nay đình nhà có tang phải tìm đất an táng cho tròn chữ hiếu mà thôi.

Điều thứ 100: Tang chủ nếu muốn mời họ nội, họ ngoại họ hiếu, họ nghĩ, tống táng mặc lòng, coi là việc riêng của tang chủ thì phải nộp món tiền ký táng mới chôn.

Điều thứ 101: Những người tang chủ nếu muốn lưu để danh tiếng cho người quá cố thời có tiền kỷ niệm: 1 lệ 20,00$, 2 lệ 15,00$, 3 lệ 10,00$ tiền ấy sung công quĩ và ghi tên người quá cố vào sổ công đức hàng xã.

Điều thứ 102: Trừ những người có bà con thân thích không kể còn người tang chủ nào tuân nộp lệ ấy, thời hội đồng trích 1,00$ tiền quĩ làm lễ phúng và đi đưa ma, những bậc khoa bảng, sắc mục, lúc đi đưa ma có cả lý dịch tuần phiên nữa, tang chủ cũng chỉ được đãi bằng giầu nước mà thôi.

Tế tự

Điều thứ 103: Tế tự các tiết trong một năm, ngày mồng một, mồng hai, mồng ba tháng Giêng, mùng năm tháng năm, ngày rằm tháng 4, tháng 8, ngày 20 tháng 12 đều dùng lễ xôi gà vàng hương, giầu rượu giao lý phó trưởng nhận biện, rồi chia về quan viên không chi tiêu quĩ.

Điều thứ 104: Ngày 15 tháng 2 lễ xuân tế, ngày trực chú tháng 4 lễ Kỳ Yên như làm đại lễ, thời ắt trong đình dùng 2 bàn xôi, 1 con bò hoặc trâu, vách tả, vách hữu, mỗi vách dùng 1 con lợn, 1 bàn xôi, 2 lễ (cầu linh xuân tế) ấy, chi mỗi lễ 60,00$ như sãi lễ, lễ chỉ dùng 2 bàn xôi, một con lợn, giá 20,00$ lấy tiền quĩ chi, giao lý trưởng nhận biện, tế rồi đồng dân thụ phúc.

Điều thứ 105: Ngày mồng 7 tháng Giêng là lễ khai hạ, mồng 10 tháng 10 là lễ thảo lâm, dùng 1 con lợn, 2 bàn xôi, tế rồi 4 ngôi thụ phúc và chia phần giao lý trưởng nhận biện mỗi lễ 20,00$ lấy tiền quĩ chi.

Điều thứ 106: Ngày kỵ thần 30 tháng 8 thuộc về vách tả, mồng 2 tháng 12 thuộc về vách hữu, cứ hai vách ấy, luân thứ mà biện lễ, không chi tiền quĩ.

Điều thứ 107: Đệ niên hủy nhật các quan lớn tiến sĩ quận công, lý trưởng biện một chai rượu đến lễ không chi tiền quĩ.

Điều thứ 108: Phàm tế tự tại đình cứ 8 giờ sáng đội lễ tại đình, dứt ba hồi trống đao quân viên nghiêm chỉnh mũ áo làm lễ, ai ra sau thời lễ sau.

Điều thứ 109: Phàm viên nào trình bằng sắc hay là việc khác có lễ, lễ tuần, cũng phải theo lệ làng, 8 giờ sáng đệ lễ tại đình, lý trưởng động trống để viên ấy lễ, nếu lý trưởng ngăn trở việc gì, thời hội đồng cử người thay không được để lễ quá giờ, lễ rồi để các quan viên thụ phúc chia phần.

Lệ vào đám

Điều thứ 110: Lệ làng trong đình chia làm 2 vách, một là vách tả, hai là vách hữu.

Điều thứ 111: Trước ngày vào đám một ngày nghênh thần, các giáp rước gia tiên phối hưởng, một ngày lễ túc yết, tỉnh sinh, một ngày lễ yên vị, ba ngày ấy đều dùng xôi gà mỗi lễ chi 1,50$, lễ rồi những viên chức 2 vách thụ phúc.

Điều thứ 112: Lệ tế có 4 ngày: ngày 1 là chẩu ngôi quan viên, lễ vật tức là lễ xuân tế đã kể ở trên, điều thứ 105 về mục tế tự, chỉ thêm 6 mâm cỗ đường (giá mỗi mâm 1,00$) lấy tiền quĩ chi, ngày thứ hai là chẩu vách tả, thứ 3 là chẩu vách hữu, lễ giảng 2 bên xôi, một con lợn, ngày 4 là chẩu các cụ, lễ dùng oản quả, 3 lễ ấy đến ngôi nào tiền ngôi ấy ứng biện, không chi tiền quĩ.

Điều thứ 113: Chẩu quan viên cho biểu trong quan viên ai là khoa mục, tước phẩm hơn nhất làm tế chủ tả văn, như viên ấy, làm quan ta, hoặc có ngăn trở việc gì, thời chiểu luân thứ cử người thay chẩu vách tả, chẩu vách hữu, chẩu các cụ, đến ngày nào thời ngôi ấy cử một người sắc mục, tổng lý cử đức xứng đáng làm tế chủ.

Điều thứ 114: Lễ vật tế rồi về chẩu quan viên, thời kinh biếu theo như lệ xuân tế, còn chẩu vách tả, chẩu vách hữu, chẩu các cụ

của ngôi nào thời ngôi ấy thụ phúc, những các viên hạ hành lễ và dựng ban nhạc sinh, quản ca tiệc nào cũng được dự cả.

Điều thứ 115: Trước ba ngày dự vào đám và chầu quan viên, phẩm tế vật cùng dầu đèn hương nến, tiền hát, các phí tổn giá 100,00$, lấy tiền quĩ chi, giao lý trưởng nhận biện, còn vách tả vách hữu các cụ ba chầu sau, thuộc ngôi nào phí tổn ngôi ấy chịu.

Điều thứ 116: Lệ đọc hương ước đình kỳ chân quan viên, chân vách tả, vách hữu, cứ đến tối cử 4 người viên chức, 2 người vào đọc, 2 người chấm câu, có nước đãi và kinh tiền 0,40$, đến tối ngôi nào thời ngôi ấy biện.

Điều thứ 117: Trọng nhất là đọc chướng lãi, chân các cụ lý hương có mời viên tế chủ và hai người vào (...) người viên chức ra đình lý trưởng (...) đến cho mặt cho ngồi viên ấy một lúc, rồi chỉnh mũ áo lên đọc (...) quan viên cầm nến, hai người viên chức đếm câu đọc rồi, có nước đãi và kinh tiền 0,40$ ngôi các cụ phải biện.

Điều thứ 118: Khi vào đám chầu quan viên, chầu vách tả, chầu vách hữu, chầu các cụ, đến tối chầu nào thời người ấy vào đương trực.

Điều thứ 119: Lệ ước văn tế có quan tiên chỉ thời rước ở nhà quan tiên chỉ, nếu không thời rước ở nhà văn chỉ.

Điều thứ 120: Khi vào đám chầu quan viên, chầu các cụ: thời lý trưởng có giầu mời và đem loan giá vào rước giầu thờ, mời viên tế chủ ngày ra mạnh, hai tối vào thị chu, chầu vách tả, chầu vách hữu, thời người đầu vách, cũng phải rước đầu thời mời tế chủ rượu chầu quan viên ấy.

Điều thứ 121: Khi vào đám, lệ cử giầu ban và thưởng hát, đánh lệnh reo thời mời giầu biếu giầu mừng các lệ theo tục.

Điều thứ 122: Tế tự các tiết, cùng khi vào đám hương hội cử hai người điển lễ, trông nom các việc hoặc có người lễ đài thời nhận lễ tiếp đãi, như có tiền phải sung quĩ.

Điều thứ 123: Không cứ ngày vào đám, hễ lễ nào thuộc về đồng dân, khi tế tục trừ kinh biếu ngoại, phạm các ngôi quan viên kỳ lão

đồng văn, nhạc sinh thụ phúc, thời cỗ bàn mâm bát hợp phí lý trưởng phải biện, còn như các giáp hoặc chiểu xuất xứ lấy phần, hoặc tại đình yết cẩn, cơm rượu bát các hạng của giáp nào giáp ấy biện.

Lệ văn chỉ

Điều thứ 124: Kỳ trước và vọng đến chỉ thuần người khoa mục cả nay đỉnh cử có bằng sắc cũng được theo lệ vào đóng.

Điều thứ 125: Dòng bên hữu khoa chức, phẩm hàm Hán học tự, người có bằng sư phạm giở lên Pháp học tự, người có bằng sơ học giở lên, dòng bên tả sắc mục, chánh phó tổng, bách hộ lý phó trưởng làm việc giở lên.

Điều thứ 126: Xuân thu hai kỳ tế đinh, lễ giảng xôi lợn, như sái lễ dùng xôi gà luân thứ liễm cấp biện lễ, không chi tiền quĩ.

Điều thứ 127: Lệ biếu hai giòng, các người trên có biếu giầu, thời chiểu thứ hết thời thôi, sinh lễ thủ nọng, chân giò, bắp thịt, tế túc một nửa lại tọa thụ phúc, một nửa chia phần.

Lệ hảo chỉ

Điều thứ 128: Xuân thu hai kỳ tế đinh, lễ dùng xôi lợn như sái lễ thời giảng xôi gà luân thứ trưởng nhân biện không chi tiền quĩ.

Lệ điển

Điều thứ 129: Lệ đến 24 tháng 9 là ngày hội lễ dùng xôi lợn, đồng hội nhân biện không chi tiền quĩ.

Lệ biếu

Điều thứ 130: Lệ xưa lễ vật tế thủ và nọng biếu tiên chỉ, thứ chỉ, nay vẫn theo lệ, như khuyết thời thủ nọng cùng chân giò, bắp thịt để súc tại đình thụ phúc và chia phần.

Điều thứ 131: Lệ biếu giầu thì sáu cơi, biếu sáu ngôi 1 là kỳ lão, 2 là khoa chức, 3 là trùm, 4 là sắc mục, 5 là tân cựu điển tế, 6 là quan viên hành lễ.

Khao vọng

Điều thứ 132: Khao vọng phẩm hàm, vị thứ tại đình, không bắt buộc làm cỗ bàn, theo lệnh quan trên cho thế nộp lấy tiền bỏ quĩ chia làm 4 hạng như sau này:

Điều thứ 133: Tứ ngũ, lục phẩm giở lên nộp tiền đóng 50,00$ thất, bát phẩm 40,00$, cửu phẩm 30,00$, miễn sao có giấy danh sắc và có bằng sư phạm bằng sơ học 20,00$. Chánh phó tổng chánh phó hương hội nộp tiền vọng 40,00$, lý trưởng 30,00$, phó lý, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu 20,00$, hương dịch khán thủ 10,00$.

Điều thứ 134: Trừ những người có khao vọng rồi không kể, người nào 30 tuổi nộp 20,00$ quĩ, gọi là tiền vọng lão, đến 60 tuổi 70 tuổi giở lên thời miễn cả, không phải nộp tiền nữa để tỏ ý kính lão.

Điều thứ 135: Phàm người nào đã nộp tiền thế vọng, biện giầu rượu lễ thần là đủ lệ, nếu ai muốn biện oản quả, hay là sinh lễ cũng cho tùy ý.

Điều thứ 136: Phàm những người nào có nộp tiền thế vọng, thời khi nào, đồng dân thụ phúc đều dự vào ngôi hương ẩm.

Bán vị thứ

Điều thứ 137: Trong làng ai muốn mua ngôi lý trưởng nộp tiền 200,00$, phó lý 100,00$, hương trưởng 30,00$. Đến như khao vọng cũng nộp tiền thế cỗ, đã định ở điều thứ về mục khao vọng trên này.

Vị thứ

Điều thứ 138: Ngôi thứ trên dưới đặt có trật tự những chức gì có quan chế, thời theo quan chế, không có quan chế thời theo tục làng.

Điều thứ 139: Ngôi thứ ở đình bên hữu, một hàng trong, chiếu thứ nhất là chiếu tiên chỉ, chiếu văn tiến sĩ, vũ quận công được ngồi, thứ nữa phó bảng cử nhân, tú tài, dân sinh, ấm sinh, lệ xưa công lấy khoa mục, tước phẩm làm trọng, nay thừa nhà nước đã đổi phép thi, thời thi đỗ chữ Hán, chữ Pháp chiếu là người khoa

mục cả, nghị định là dòng chiếu ấy theo lệ khoa mục tước phẩm chiếu trật tự mà ngồi.

Điều thứ 140: Đình bên hữu một hàng ngoài các viên sắc mục hương hội, có khao vọng chiếu thứ tự mà ngồi.

(... Thiếu từ điều 141 đến 144)

Điều thứ 145: Đình bên tả gian giữa đặt hai dòng chiếu công đức, một dòng đàn ông, một dòng đàn bà, phàm ai cúng 200,00$ giở lên thời ngồi chiếu nhất 100,00$ giở lên thời ngồi chiếu nhì, từ 100$ giở xuống, chiếu số tiền nhiều ít làm thứ tự mà ngồi, nhưng người công đức một hai trăm bạc giở lên, khi vào đám làng mời ra lễ thần, nghe hát, khi tế có phần biếu số tiền ấy trình quan sung quĩ.

Điều thứ 146: Phần lễ nào lấy tiền quĩ chi đồng dân cùng được thụ phúc cả.

Điều thứ 147: Những khoản phải chi phí thuộc về lệ làng, không được bắt người ta phải làm, cho thay những khoản chi phí ấy thời phải nộp vào công quĩ những món tiền lệ (tiền cheo, tiền nộp thay vào cỗ bàn đám ma, tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão...) y theo điều 27 trong tập lệ này đã kê (ở mục tiền thu vào).

Ngôi thứ

Điều thứ 148: Kể từ ngày thi hành tập lệ này, thì tất cả những điều lệ nào trái với tập lệ ấy đều bãi cả. Ai phạm những điều kể trong tập lệ này tùy theo nặng nhẹ phải phạt tiền theo như tập lệ làng, lại phải phạt không được dự họp việc làng trong hạn 3 ngày hay là phải truất ngôi thứ.

Điều thứ 149: Mỗi căn cứ đến kỳ vào đám, viên thư ký phải đọc tập lệ này để cho tất cả dân làng nghe.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG THỔ KHỐI

Tổng Cự Linh, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh

Lời tựa hương ước làng Thổ Khối

Trộm nghĩ xưa nay giời đất gây nên dáng người, mà người thời có họ nọ họ kia, họp nhau lại cùng ở một nơi, hóa ra một làng, làng có luân lý, ăn ở cho phải đạo, có khoản ước, giàng buộc cho hợp lệ, cũng như nhà nước có qui thức luật lệ, để khuyên răn ngăn cấm lòng dân, chính là nghĩa giời đất sinh người đặt nước làm vậy.

Làng Thổ Khối ta chia làm sáu giáp, từ đời thượng cổ đến giờ, các cụ tiền nhân đặt ra điều lệ, từ đời vua Gia Long một lần và đời vua Minh Mạng, đời vua Tự Đức bỏ nghị vài lần để dân làng noi theo, thực đã gây nên thói lối, có tiếng khen là dân quan lại văn vật ở xứ Bắc Kỳ này rồi. Chỉ tại lâu ngày, lòng người thay đổi, khuyên răn chưa ai sửa lại, cho nên trái lệ, hóa không kịp thủa xưa hưng thịnh.

Nay nhờ nhà nước bốn bể giao thông, người ta trí não mở mang thực hội văn minh tiến bộ, lại có bàn nghị hương tục cải lương.

Vậy làng ta phải hội họp quan viên kỳ lão, khoa chức, lý dịch, đồng dân châm chước lệ cũ, điều nào chính đáng thì để, còn trung gian khẩu sao xa hoa bỏ đi tất cả, sửa thành lệ mới, chép vào một quyển hương ước này để dân làng tuân theo, lâu dài mãi mãi, bớt sự xa hoa, chuyên căn công ích, thực học, thực hành cho được hợp đạo

giới đất sinh người buổi này, để dần dần noi kịp con đường văn minh, một mai thành được dân phong tốt đẹp giầu thịnh hơn xưa, thực mới khỏi phụ tấm lòng nhiệt thành trên triều đình nhà nước thương dân mà khai hóa cho dân lắm lắm. Còn điều gì chưa kịp sẽ bổ nghị sau.

Nay làm nhời tựa.

Chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ họp lại thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để trông coi, gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Theo số người trong họ, họ to cử hai ba người, họ nhỏ cử một người, họ nhỏ quá chỉ hai ba suất thời hai ba họ cử chung một người.

Điều thứ 3: Tư cách tộc biểu làng, tuổi từ hai mươi nhăm giở lên, thông thái, có gia sản, không can án phạt giam. Tộc biểu giữ việc ba năm là hết hạn.

Điều thứ 4: Hết hạn ba năm cử lại một lần, ai được tái cử thời được làm hạn nữa. Những người tộc biểu thời được trừ tạp dịch, như là canh phòng trong làng, sửa đắp đường sá vân vân. Hết hạn thì làng cho thứ vị, việc vì thứ ấy xin hết hạn ba năm đã rồi đồng dân sẽ xin hội đồng thỏa đình trình sau.

Điều thứ 5: Chức vụ tộc biểu là phát nghị quyết định việc làng, dựng sổ chi tiêu và chi thu và kiểm sát các sổ ấy.

Điều thứ 6: Các tộc biểu tự bầu một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội trưởng. Khi có hội đồng, do hội trưởng báo cáo, nếu hội trưởng ngăn trở việc gì, do phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu một người trong ban thông hiểu thư toán làm thư ký để biên sổ sách và một người giàu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không bầu được người thủ quĩ thời hội đồng cử một người làng làm thủ quĩ, người thủ quĩ ấy được quyền dự hội đồng.

Điều thứ 9: Nếu trong ban không bầu được người thư ký, thời hội đồng cử một người làng làm thư ký, người thư ký ấy thời hội đồng hỏi ý kiến mà thôi.

Điều thứ 10: Được quá nửa số người trong ban dự hội thời có thể bàn việc, bầu xong liền giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy cuộc tửu phiến.

Điều thứ 11: Hội đồng họp bàn việc gì, làm thành biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký những hội viên hiện tại và phải để vào công hòm lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu nào bận không đến hội được phải có lời cáo để hội đồng biết. Nếu ai không có duyên cớ đích thực tự bỏ đến hai lần thời hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc hội đồng những người dự hội nghị ai cũng phải theo thứ tự mà ngồi, xong việc mới được giải tán. Nếu ai thiện tiện bỏ về, hoặc là nói chuyện to tiếng, say rượu nói càn, thời lần đầu khiển trách, lần thứ hai phạt 0,20$, lần thứ ba bội phạt, đều bỏ quĩ và tư về giáp họ ấy bầu cử người khác thay. Nếu người ngoài muốn vào xem nghe cũng phải giữ phép ngồi yên, không được dự nói vào việc trong hội, ai phạm thì đuổi ra ngay. Nếu ngang nganh không ra mà lại nói càn, thời hội đồng (...) có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi việc gì, hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc hội đồng bàn được quá nửa số người ý hợp thời mới thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu, nhưng một phiếu của viên hội trưởng được kể làm hai, hoặc bỏ bằng cách giơ tay, hoặc bằng cách bỏ phiếu kín, cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất trước, rồi dần dần đến người tộc biểu họ to là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị, trách hỏi làng, thời hội đồng tự chọn nhiều nhất chỉ được hai người trong bọn đi với lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra khi có lệnh quan trên bắt làm không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến, về những việc quan hệ quyền lợi chung cả làng, thời tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng tất cả mọi người ý hợp sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng đi việc làng, mà đi xa trong năm kilômét làng không cho lộ phí, xa hơn số ấy, như là lên huyện thời làng cấp một người mỗi ngày 0,10$, như lên tỉnh cả tiền xe lửa, thời làng cấp mỗi người mỗi ngày 0,80$, còn ở lại ngày nào thì 0,40$ thôi.

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm gì trái khoản ước, hoặc cả hội đồng hay một họ nào trong làng giác ra thời chức sắc kỳ lão trong làng hội đồng mà cứu xử, hội đồng chức sắc kỳ lão ấy có quyền quở trách, hay phạt từ 0,50$ cho đến 1,00$ bỏ quĩ, hay là không cho đi hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay là hại quyền lợi của làng, thì hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy, nếu Hội đồng xử không xong, hay người tộc biểu có lỗi không phục tinh thời hội đồng làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi thu cho có chừng mực, để khỏi tốn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ ngày 1 tháng 11 Tây, các tộc biểu hội đồng dự tính sang năm, thu những tiền gì, tiêu những việc gì rồi làm thành sổ hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm sát chuyển bẩm quan trên duyệt y, rồi đến tháng Giêng Tây ngày 1 mới được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng do viên hội trưởng giữ, viên hội trưởng có quyền cho phép thu và phát những khoản tiền gì đã dự định trong ấy.

Điều thứ 22: Viên thủ quĩ nhận được của ai, phải biên vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền làm giấy biên lai, tiền ấy thuộc về khoản gì, thời thủ quĩ chép ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có viên thủ quĩ biên lai, món tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời lập tức viên thủ quĩ phải biên vào sổ chi thu vào trang đã để dành để biên những khoản ấy.

Điều thứ 25: Làng có việc tiêu bất thường, các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải đính ngay vào sổ chi thu, những khoản chi thu bất thường quá số 20,00$ thời những tờ biên bản ấy, phải trình quan trên duyệt y trước đã, rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra, mà không có chữ viên hội trưởng thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời viên thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai, xé ở sổ răng cưa và có chữ ký của viên hội trưởng, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hội đồng phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để làm lưu chiểu, nếu sơ suất hay thiếu bạc quĩ, thời viên thủ quĩ trước phải bồi thường và can cứu nữa.

Điều thứ 27: Hết năm thời hội đồng phải tính sổ chiểu thức thu vào là bao nhiêu, thức phát ra là bao nhiêu, yết thị ở đình một tháng để dân cùng biết và cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự định và phải rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa, làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29: Món tiền lưu hạ ấy làng dùng làm việc sinh lợi hay là chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng mang tiền ấy cho vay, thời lấy lãi nhẹ mà thôi, những người vay phải cầm điền sản làm tin, nếu không cầm thì làng không cho vay.

Điều thứ 31: Những điền sản cầm cho làng, giá đáng mười phần chỉ cho vay năm phần mà thôi.

Điều thứ 32: Hội đồng định cho ai vay thì làm thành biên bản và bảo người vay viết văn tự, văn tự ấy phải trước ba, biên bản thì giao viên hội trưởng giữ, văn tự thời giao viên thủ quĩ giữ, viên thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự, mà phát tiền cho người vay, những người vay tiền công đến hạn phải giả cả gốc lãi, chứ không được viết lãi làm gốc mà tăng thêm hạn lần nữa, mỗi hạn vay tiền không được quá một năm, nếu người vay tiền quá hạn không giả, thời xã hội mang văn tự ấy trình quan, rồi tiêu nhận cái điền sản cầm ấy, mà đấu giá phát mãi lấy tiền bỏ quĩ.

Điều thứ 33: Nếu số tiền ít mà người vay nhiều, mà số điền sản những người vay tiền ấy, mang cầm đều bằng nhau thời Hội đồng bỏ thăm ai bắt được thăm thời làng cho vay.

Điều thứ 34: Làng không cho những người có chân hội và vợ con người ấy vay tiền công của làng.

Điều thứ 35: Làng sẽ tùy sổ chi tiêu trong làng mà phụ cấp cho viên thủ quĩ và viên thư ký mỗi người một tháng 2,00$, số tiền ấy biên vào sổ chi thu của làng.

Phó lý trưởng

Điều thứ 36: Lý trưởng là người thay mặt làng và thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý, phó lý không có quyền tự quyết định việc làng, phải theo ý chung của tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý, phó trưởng là người hành chính, đều được dự hội đồng. Dầu trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng định cấp cho lý trưởng đồng niên 50,00$ bạc, phó lý đồng niên 15,00$ bạc, để chi phí làm việc quan.

Điều thứ 40: Lý, phó trưởng đã được tiền làng cấp cho, thời khi đi việc quan một mình không được tinh phí tổn với làng.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 41: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về, thời phải tường hội đồng mà tính bổ và lập thành sổ bổ hai bản ký kết, để trình quan sở tại phê phó, một bản mang về niêm yết tại đình cho cả làng biết.

Điều thứ 42: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hội đồng cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia ra đàn anh đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 43: Trong sổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được hàm hỗn.

Điều thứ 44: Khi đã bổ xong, hội đồng giao lý trưởng tộc biểu hành thu để nộp.

Điều thứ 45: Làng không bổ tiền ngoại phí cho lý trưởng, vì làng đã cấp tiền có lệ nhất định.

Điều thứ 46: Những người thiếu sưu thuế, lý trưởng, tộc biểu nên tường hội đồng để trình quan cứu xử và những người ký ngụ ở các nơi, cũng phải trình quan sức bắt mang thuế về nộp.

Điều thứ 47: Ngày hội bổ sưu thuế không được bày ra cuộc ăn uống, để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay là thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải, hợp nhẽ mà ai không nghe cứ ý đi thưa quan xử cũng thế thời hội đồng phạt người trái ấy 1,00$ bạc.

Điều thứ 49: Viên hội trưởng tiếp ai trình thời phải mở hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên. Nếu bên nào trái thời tùy việc phạt tiền giấy bút từ 0,10$ đến 0,50$ bỏ quĩ xong rồi thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thực giao lý trưởng trình quan sở tại vào sổ, nếu tuần phụ bắt được những người cãi chửi nhau đã răn bảo không nghe, đem trình lý dịch xã

hội thời nghị phạt trước cả hai bên mỗi bên 0,10$ rồi phân giải, bên nào trái, gia phạt 0,20$ nữa đều bỏ quĩ để trừ thói chửi nhau, nhưng làm biên bản trình quan.

Điều thứ 50: Nếu hòa giải không xong, hội đồng vì việc nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thưa kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 51: Những việc hình sự dù không có thể hòa giải được. Những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 52: Hội đồng xét hỏi sự hình phát ra, làm biên bản trình quan không được bắt bớ, hay là tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 53: Sự canh phòng là giữ tính mệnh, tài sản chung cả làng, thời mỗi năm cắt 36 người đinh tráng làm tuần phu đi tuần chia làm ba ban, mỗi ban 12 người, nhưng chỉ chi lương một ban, mười hai người mà thôi, những tuần phu ấy phải theo lý dịch trương tuần thủ phiên (ở lại dân gọi là huỳnh hạng) đêm ngày canh phòng cùng là xã hội sai bảo mọi việc, phàm những người đàn ông tuổi từ 18 đến 50 tuổi đều phải đi tuần. Trừ ra những người chức sắc miễn sai và người ở làng đã làm thôn trưởng cùng là người đi học có văn bằng tốt nghiệp sơ học, cứ một năm là một hạn, theo lịch Tây mùng một tháng Giêng ra tuần đến ngày ba mươi mốt tháng Chạp mãn về. Hễ ai đi vắng không có thể đi tuần được, thời thuê mượn người thay, hay thế nộp cho dân 3,00$ bạc bổ quĩ, cái bạc ấy để chi lương cho tuần, thời làng trừ cho đến năm mươi tuổi. Nếu người nào bỏ thiếu không chịu thời xã hội chiểu trái hương ước bắt phạt 1,00$ bỏ quĩ, nhưng bắt phải đi ra tuần, lại bỏ thiếu một lần nữa, thời nghĩ bội phạt, ai mà ngang ngạnh không chịu thời hội đồng trình quan trừng trị, mà người ở xa không chịu thuê người đi thay, không chịu nộp tiền, thời đều làm giấy trình quan tư bẩm sức đòi đích danh phải về chịu việc canh phòng với làng.

Điều thứ 54: Những người đi tuần, khi trong làng có cướp phát, nghe hiệu phải đến cứu ngay tất cả. Không cứ người làng hay là người tuần, ai mà trễ nải không chịu đến cứu thời hội đồng phạt từ 0,30$ đến 0,50$ bỏ quĩ. Nếu trong bọn tuần mà ai biếng lười và sai bảo không được việc, cùng là canh phòng sơ suất, thời hội đồng chiểu tùy tình tội mà phạt từ 0,50$ đến 1,00$ bỏ quĩ. Nếu sự quan hệ thôi làm giấy trình quan trị tội.

Điều thứ 55: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm. Người nào nhà nghèo không thể sắm được, thời làng trích tiền công ra sắm cho. Nhưng hết hạn phải giao giả làng, nếu đánh mất thời phải đền.

Điều thứ 56: Làng định hai sở điếm canh, một sở đê trước, một sở đê sau, trích tiền công để làm điếm.

Điều thứ 57: Người thủ phiên cứ gần tối thì nổi hiệu trống mõ để gọi những người tuần ra điếm mà canh. Ai có phương trở phải mượn người đi canh thay. Nếu bỏ canh thời lần đầu hội đồng bãi phạt 0,10$, lần thứ hai, thứ ba thời chiểu trái hương ước mà phạt, những tiền ấy đều bỏ quĩ.

Điều thứ 58: Tuần canh đêm phải đi luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 59: Ai bắt được kẻ trộm, làng thưởng 1,00$, bắt được kẻ cướp làng thưởng 10,00$, đều lấy bạc quĩ mà chi, còn những phạm ấy giải trình quan làm tội. Lại còn bắt được những đứa cắt trộm măng bẻ trộm hàng rào, đánh cá trộm, câu cá trộm, ở các hồ ao và ném gạch đá uế vật vào nhà người ta hay là hàng quán thời nghị phạt những đứa phạm ấy từ 0,10$ đến 1,00$, cái bạc phạt ấy chia làm hai thành, thưởng cho người bắt được một thành, còn một thành bỏ quĩ, nếu vỡ đổ đạc phải đền nữa.

Điều thứ 60: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng như trong làng có nhà mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm ấy thời phải chiểu luật giá vật mà đền cho sự chủ,

khi cướp phát tuần ra hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải đền, nếu nhà nào mất trộm mà ẩn ủy không trình, xã hội trích được, sự thực sẽ trình quan xét xử.

Điều thứ 61: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát trong làng có người nào rong chơi không chịu làm ăn và không có nghề nghiệp gì, mà tộc biểu đã khuyên bảo một hai lần, cố ý không nghe, thời lý trưởng và tộc biểu kê rõ tên tuổi trình xã hội lượng cấp khẩu lương, cho làm sai phu các sở hay là cu ly, nếu các người ấy lại không tuân, thời xã hội làm giấy trình quan bẩm giải, để khỏi sinh ngại về sau và lại phải thường thường kiểm soát các người lạ mặt vào làng, nếu thấy ai không thẻ thùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 62: Làng cử một người trương tuần và 5 người tuần để trông coi đồng điền châu thổ.

Điều thứ 63: Tuần tráng thời làng đã cắt theo như điều thứ năm mươi ba đã định ở trên.

Điều thứ 64: Tư cách tuần và trương tuần là người mạnh bạo, thực thà có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 65: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép của tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 66: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai hủy tổn phải tường Hội đồng xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 67: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến Hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 68: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải trình Hội đồng xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$ nếu tuần dong túng để nước cạn thời Hội đồng bắt phạt tiền cũng như người phạm.

Điều thứ 69: Lúa mạ hoa màu ngoài đồng, tuần phải canh cho cẩn thận mất đâu tuần phải đền nguyên giá.

Điều thứ 70: Làng cấp tiền công cho trương tuần thủ phiên, tuần phu thôi cấp cho trương tuần đồng niên 1,00$ 0,20$ thủ phiên (tức là huynh hạng) đồng niên 10,00$, tuần phu 12 tên mỗi tên đồng niên 6,00$ cái tiền ấy lấy tiền công quĩ mà chi, cứ tháng năm An Nam cấp một lần và tháng Chạp An Nam cấp một lần.

Điều thứ 71: Trương tuần làm việc ba năm cho được chu toàn thời làng cho ngôi kỳ mục, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức mất ngôi kỳ mục.

Sự cứu cấp

Điều thứ 72: Gặp lúc cần cấp như là nước nhớn, đê trụy hoặc cháy nhà hoặc kẻ cướp trừ ra những người sáu mươi tuổi và người yếu đối còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến, hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 73: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật, làng cho ngôi kỳ mục, thương đến chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng phải đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 74: Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải theo cách vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh. Nếu nhà nào có người đau yếu, nhất là tìm thuốc Tây hay là thuốc An Nam mà uống chứ không được tự thiết đàn tĩnh phụ chiếu đồng cốt, trước là tổn hại, sau không ích gì, ai phạm cấm thời nghị phạt từ 0,50$ đến 1,00$, nếu ngang ngạnh không chịu làm giấy trình quan xét xử.

Điều thứ 75: Hội đồng thường hiểu bảo cho làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ, nay làng có một sổ gác chuông, là chỗ mát mẻ nên để làm chỗ Kỳ Anh hội sở để cầu sống lâu, thời người làng từ 60 tuổi giở lên khi nhàn ra đấy chơi bời, bàn bạc những việc công ích trong làng. Nếu bàn được việc gì tư cho xã hội, hội đồng bàn lại thực là việc công ích sẽ lập biên bản thi hành.

Điều thứ 76: Giếng ăn nước phải giữ gìn cho cẩn thận sạch sẽ, những phí tổn về sự sửa giếng, trích tiền công ra mà chi.

Điều thứ 77: Cấm không được vất uế vật ra đường và làm nhà xí bên cạnh đường, ai phạm cấm thời hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 78: Khi trong làng phát ra những chứng bệnh truyền nhiễm, thời lý trưởng phải trình quan ngay, để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 79: Trong làng ai mắc bệnh hủi thời lý trưởng phải trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để trong làng.

Điều thứ 80: Những đồ dùng của người chết hoặc người ốm, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm phạt 0,30$ lại cấm không được làm chuồng lợn chuồng trâu bò ở bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ đổ bẩn có thể đổ xuống hồ ao được và cấm những người cùng các súc vật không được phóng uế ra các đường ngõ cùng mặt đê, thân đê, chân đê, ai phạm cấm phạt 0,10$.

Đường sá, cầu cống, đê điều

Điều thứ 81: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng thời trình hội đồng phải sửa, đến như việc đê điều thời thủ lộ chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, lại phải giữ cho đê lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều cần phải nhà nước tu bổ thời phải tường hội đồng để trình quan, còn như thường năm kỳ nước sông to hễ thừa quan sức bắt tre gỗ sang hộ thời tre gỗ ấy về điền hộ phải chịu, sau có phát hoàn tiền thời điền hộ lấy, con đi phu đắp đất, thời dân đinh chịu, sau có phát tiền cố công thời dân đinh lấy, chứ như năm cây mười cây tre gỗ bất thường ở đê làng, thời lấy tiền quĩ mua.

Điều thứ 82: Các đường công của làng thời làng trích tiền công mà sửa, còn các đường ngõ các xóm cùng lối nước chảy từ miếu sở qua trong làng đến đê sau thuộc về địa phận xóm nào thời xóm ấy phải khai phải đắp y thức, nếu xóm nào không tuân, thời hội đồng

chiểu vi hương ước mà phạt, ngang ngạnh không chịu thời trình quan nghĩ trị.

Điều thứ 83: Ai làm việc riêng mà hại đến cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 84: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải trình hội đồng biết, tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 85: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn thời làng cho ngồi kỳ mục cũng như phó lý, nếu không hết bổn phận thời phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 86: Thường năm phải tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, đường khuyến nông nên đắp mặt rộng 1 thước An Nam cao 2 thước An Nam, những người có ruộng hai bên đường ấy đều nên bằng lòng nhường để các điền hộ hội đắp, hễ vụ đông này gặt xong khởi công sửa đắp y thức. Nếu những người có ruộng bên đường ai không nhường cho sẽ trình quan đòi hỏi, việc đắp đường ấy là cả những người có ruộng ai ai đều phải chịu đắp, nghĩa là lợi chung cả đồng điền, nếu ai không chịu thời xã hội sẽ trích tiền công quĩ thuê đắp, xong rồi hết bao nhiêu tiền bố về điền mẫu phải chịu, mỗi mẫu là bao nhiêu sẽ thu giả vào công quĩ, còn các bờ ruộng tư, thời bốn bờ đều phải đắp rộng 1 thước An Nam và phải làm một cái quán ba gian, trên lợp rạ dưới bằng tre, để cho những người làm ruộng có chỗ nghỉ ngơi và làm sở điếm canh cho tuần một thể, trích tiền công mà chi.

Điều thứ 87: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm cấm phạt 0,10$.

Điều thứ 88: Cấm không ai được đắp đất qua ngòi để đơm cá, cho nước không thông, ai phạm cấm phạt 0,10$.

Điều thứ 89: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm phạt 0,10$ như trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa, nếu tuần không chịu bắt thời cũng phải phạt, phải đền như thế.

Điều thứ 90: Cấm chăn vịt ngoài đồng khi đã gieo mạ cấy lúa, ai phạm phạt 0,10$, nếu vịt phá hủy lúa mạ thời phải đền nữa.

Của công

Điều thứ 91: Đã gọi là của công của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ. Nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 92: Làng có 11 phiếu quốc trai, hễ thừa sức lĩnh lợi tức được bao nhiêu sẽ bỏ vào quĩ, còn như những chỗ đất bãi công châu thổ, quan cấp còn thừa không thành khu đoạn, với một khúc sông cùng các chỗ đất hoang và các thức hoa lợi, cây ở hai đoạn đê (đê trước, đê sau) cùng những chỗ đất thuộc về đình miếu như là cây nhãn, sấu, si, mít, muỗm, đều cho đấu giá, nhưng yết thị cho các người đều biết trước 18 ngày, song những các thức cây như là: nhãn, xoan, tre, thời các nhà tư gia đều cũng có giồng, nay làng định lấy tất cả các thức cây ấy làm của công dân, mà chiếu giá giả tiền (như cây nào thực to thời giả 1,00$, cây vừa thời giả 0,50$, cây nhỏ thời giả 0,20$, tre nhỡn thời giả 0,20$, cây nhỏ thời giả 0,10$ đều lấy tiền công chi giả) trong các thức hoa lợi cây ấy, những cây nào thuộc về đất đình miếu cũng là thuộc về ngôi hương lão, bao nhiêu cây, khi đấu giá được bao nhiêu tiền, chia làm ba thành, một thành chi cấp công canh giữ cho tuần, còn hai thành chi cho những người thủ từ đình miếu và giả về ngôi hương lão, để chi việc tế tự, những các hạng tiền đấu giá ở trên ấy đều bỏ vào quĩ cả rồi sau sẽ chi, nếu ai không thuận và chặt đi, chiểu y hương ước định phạt.

Điều thứ 93: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hội đồng phải làm biên bản đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 94: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng đánh bạc lấy hồ thời hội đồng phải khám xét luôn, để trừ trong làng khỏi có gian lận.

Điều thứ 95: Ai có phạm cấm như là rượu lậu, thuốc phiện lậu cùng là sòng đánh bạc to (như là xóc đĩa) mà hội đồng không có thể khuyên răn được, thời hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản giải trình quan trừng trị, còn như những người đánh bạc đấu như là đánh bài, tổ tôm, tài bàn, tam cúc, bài phụ, ích sì bài bất quay đất, thò lò, mà tuần phu bắt được, tang vật nhỏ nhặt chỉ độ 5, 0,03$ một vài hào, thời hội đồng định phạt lần đầu mỗi người từ 0,30$ đến 1,00$, lần thứ hai bội phạt, lần thứ ba làm giấy giải trình, cái số tiền phạt ấy chia làm ba thành, một thành thưởng người bắt được, còn hai thành và tang vật đều bỏ quĩ, nếu tuần phu bắt xằng thời cũng phải phạt như thế mà phải đuổi về không cho đi tuần nữa.

Điều thứ 96: Những người phạm ấy dẫu quan đã chiểu luật trị tội, nhưng làm mất phong thể trong làng, thời hội đồng phạt không được dự đình trung tế lễ một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 97: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thời quan khách không biết hỏi ai, nay định giao việc ấy cho các người hội đồng.

Điều thứ 98: Không cứ quan Tây hay quan An Nam có đến làng thời tuần phải đi báo ngay những người có chân hội đồng.

Điều thứ 99: Các người hội đồng và chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào, thời hội đồng phải dẫn xét, khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thời hội đồng phải giữ gìn cho được ổn thỏa, khi trong địa giới có ai đau yếu hay là tai nạn gì, hội đồng nghe thấy phải đến tận nơi liệu phương mà cứu cấp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 100: Sự giáo dục thời dạy trẻ con có học thức phổ thông, là nghĩa vụ của người, nên mở một trường ấu học để dạy trẻ con trong làng. Nay làng vẫn chưa kịp làm nhà trường, thời hãy ngồi

tạm ở Văn chỉ mà dậy học. Còn như sự luân lý thời phải ăn ở cho phải đạo. Như là trong làng các họ, không cứ họ nhớn họ nhỏ, đều nên dựng làm tộc phả trong họ, cho biết thế thứ và con gái lấy chồng họ ngoại là họ gì, để biết tôn thân và chi trên chi dưới cùng là họ gần họ xa, sau nữa ông bà cha mẹ, anh em con cháu vợ chồng đều lấy thứ bậc. Trên thì từ ái, dưới thì hiếu kính thảo thuận, ăn ở mấy nhau. Nếu mà trái đạo, như con cháu cãi mắng bác, chú, cậu, cô, thím, mợ, dì và vợ cãi mắng cha mẹ chồng cùng chồng mà lại đánh nhau nữa, hay là không phụng dưỡng bậc trên già yếu, giúp đỡ bậc dưới khó nghèo, ai mà phạm vào bậc nào giác thưa, thời lần đầu hãy theo hương ước bắt phạt 1,00$ bỏ quĩ. Nhưng mà làm giấy yết thị cho cả làng đều biết người ấy phạm vào cái lỗi ấy. Lần thứ hai bội phạt, nếu đến lần thứ ba và không chịu phạt thời làm giấy trình quan trừng trị. Còn như trẻ con hễ ra đường trưởng giả hay bất cứ là ai đều phải thu lễ kính nhường.

Điều thứ 101: Thường năm dự trích tiền công 130,00$ để chi tiêu việc trường học.

Điều thứ 102: Trẻ con trong làng cứ đến 8 tuổi thời phải đi học cả, nếu không học thì phải phạt.

Điều thứ 103: Làng lấy tiền công 30,00$ để mua giấy bút cấp cho những con nhà nghèo, mà hội đồng xét thực không có thể mua được và để phát phần thưởng cho học trò.

Ngụ cư và ký tảng

Điều thứ 104: Làng chỉ cho những người có căn cước minh bạch, chính đáng ngụ cư sinh sống trong làng mà thôi. Những người gia chủ phải xét, trình xã hội và phải nộp mỗi người 1 đồng để bỏ vào quĩ, rồi thời cho ở chứ tuần phiên không được sách nhiễu điều gì cả.

Điều thứ 105: Nhà nào có người lạ mặt ngủ trọ thời người gia chủ phải tường lý dịch trương tuần đến hỏi, thực là lương thiện và có thân phiếu thì thôi. Nếu người gia chủ không trình, mà xét ra, thời hội đồng bắt phạt người gia chủ 0,50$ vào quĩ.

Còn như người ngủ trọ xét ra không có thân phiếu và sự tích đáng ngờ, thời phải trình quan xét nghĩ.

Điều thứ 106: Ai ký tảng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai cũng phải trình hội đồng biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng 2,00$ bỏ quĩ.

Tục lệ

Sự quân điền thổ

Điều thứ 107: Làng không có công điền chỉ có đất bãi công châu thổ. Như thi chiểu trong sổ đinh chia từ lão nhiêu, chức sắc, miễn sai các hạng cho đến dân đinh. Nhưng tục làng lâu nay chỉ quân cấp cho dân đinh mà thôi, nay cũng nên cứ thế mà chia, thời khi nước sông cạn lý trưởng và hương hội hội tề đồng dân làm sổ quân cấp cho dân đinh và để biểu người thủ từ đinh một trượng (là 10 thước An Nam) (mỗi một trượng chiều ngang bề trong từ giáp sông cùng thẳng ra đến lợi sông cái) và người thủ từ miếu, thủ tự chùa đều 5 thước An Nam, còn thời chia đều cho dân đinh mỗi xuất được bao nhiêu, làm ra biên bản, hai bản ký kết, rồi một bản trình quan, một bản xã hội lưu chiểu.

Hôn lệ

Điều thứ 108: Phàm những con giai từ 18 tuổi giở lên, con gái từ 16 tuổi giở lên, lấy nhau làm vợ chồng, trước hết phải tường hương hội, lý trưởng xét hai bên không can thiệp đến luân lý thời phải biên một trăm giấu trình nộp tiền cheo 1,00$ bỏ quĩ và tường thư ký vào sổ giá thú, nếu con gái trong làng mà lấy con giai làng khác, thế gọi là cheo ngoại, thời làng thu 2,00$ và giấu cũng thế, rồi mới trước bạ. Người nào không chịu nộp thời cứ người chủ hôn nhà con gái mà bắt nộp nhất bội, còn những người làng đi buôn bán làm ăn ở xa, có con gái gả chồng mà không về làng nộp cheo, hễ làng trích ra thời cứ cha mẹ anh em nhà có con gái ấy mà chiểu hương ước nộp cheo nhất bội. Nếu không chịu nộp, thời làm giấy trình quan bắt phải nộp cheo và phải nộp phạt 1,00$ nữa đều bỏ quĩ cả, còn như tục cũ chăng giây nhất thiết bỏ đi.

Biếu lệ

Điều thứ 109: Tục làng lâu nay sự ăn uống kính biếu phiền phí quá, nay nên châm chước bỏ bớt đi. Phàm những tế lễ tại đình, trừ khi hội tế không kể ngoại, còn như tế một con lợn toàn sinh nguyên lệ biếu, thủ lợn, đỉnh biếu văn từ Tiến sĩ, võ từ tạo sĩ giở lên, mới được ăn biếu, bây giờ chưa có những bậc ấy, thời củ những thời tế riêng thuộc về ngôi nào thời lấy thủ lợn biếu về ngôi ấy (tức như thời tế thuộc về ngôi hương lão, thời thủ lơn biếu về ngôi hương lão, còn ngôi khác cũng thế) và ai vào mình bài (tức là chủ tế) thời cũng biếu một miếng thit to và lại biếu viên điển văn một khoanh cổ lợn.

Tế lễ

Điều thứ 110: Tốn nhất là tế lễ ở đình, nào vào đám, nào giao hiếu, giả danh là tôn giáo mà kỳ thực là khẩn trải, vậy nên châm chước sự ăn uống trong mười phần bỏ đi bẩy tám phần, đỉnh làm lệ tục hương ước, khỏi sinh phiền phí.

Khoản thứ 1: Lệ vào đám cứ năm Tỷ năm Ngọ năm Mão, năm Dần thời mở đám to, xin phép mở đám thừa quan trên cho mới được, còn như năm thường thời vào đám lệ.

Khoản thứ 2: Thường năm cứ ngày mùng chín tháng hai An Nam bày các đồ thờ ở đình miếu và rước mã ra đình miếu hai sở, thời 6 giáp mỗi giáp biện lễ một cỗ xôi, một con gà và trà hương châu lạp giầu rượu các hang, lễ xong rồi giáp mang về giáp ấy, cả giáp thụ phúc. Việc lễ ấy do sáu người thôn trưởng (mỗi giáp một người thôn trưởng) ứng biện cả thẩy hết 28,00$ sẽ trích bạc quĩ để chi.

Khoản thứ 3: Sớm ngày mồng mười, lễ vào đám thời ngôi hương lão tế, chiếu những tiền lợi tức của ngôi ấy nhiều ít giao cho viên trưởng lão năm ấy tùy tiền biện lễ, lễ xong đồng dân thụ phúc. Chiếu hôm ấy thời ngôi khoa chức tế bằng xôi gà (hai cỗ xôi, hai con gà) lễ ấy thời ngôi ấy phải chịu, không trích tiền công và không bổ, tế xong đồng dân thụ phúc.

Khoản thứ 4: Ngày hôm mười một ngôi viên dịch tế, chiếu hôm ấy ngôi hào mục tế, hai lễ ấy chiếu tiền lợi tức trong quĩ nhiều ít tùy tiền biện lễ, tế xong đồng dân thụ phúc.

Khoản thứ 5: Sáng ngày mười hai lục giáp sáu người thôn trưởng mới làm lễ xôi lợn giá 7 đồng gọi là lễ vọng chụ, đồng dân thụ phúc. Chiều hôm ấy sáu giáp lễ rã đám, lễ ấy xôi lợn hay xôi gà tùy từng giáp, xong rồi giáp nào về giáp ấy thụ phúc, hai lễ ấy những người thôn trưởng mới phải chịu.

Khoản thứ 6: Phàm những đình trung tế lễ thời những người tàn tật, cùng là những người ti tích xứ hạnh và những người chế phục nhất thiết đều không được dự, mà những người được vào việc tế thời phải khăn áo sạch sẽ, nghe hiệu thời phải đến ngay sở tế mà làm lễ. Nếu ai đến chậm đã đành, chính cổ ba hồi thời đều không được vào sở tế nữa, ai không tuân chiếu vi hương ước định phạt và không cho ra dự tế lễ ba kỳ.

Khoản thứ 7: Thường năm cứ đến tháng ba An Nam xem lịch được ngày tế tự thời làm lễ cầu mát (tức là lễ kỳ yên) biện lễ một con lợn 5,00$, một cỗ xôi 2,00$ và phẩm quả giầu rượu mũ vàng cả thảy hết 10,00$ lễ xong đồng dân thụ phục. Việc lễ ấy 6 người thôn trưởng ứng biện sẽ trích tiền công chi giả.

Khoản thứ 8: Thường năm cứ đến ngày mười hai tháng chín An Nam lễ cơm mới, 6 giáp mỗi giáp một con lợn 5,00$ lễ tại đình rồi giáp nào về giáp ấy thụ phúc, việc lễ ấy người thôn trưởng phải chịu.

Khoản thứ 9: Thường năm ngày mùng một tháng Chạp An Nam là ngày hội tế lăng tôn thần biện lễ một con lợn 5,00$, hai cỗ xôi 3,00$ và hương nến giầu rượu 2,00$ tế xong đồng dân thụ phúc. Việc lễ ấy những người thôn trưởng ứng biện rồi trích bạc quĩ chi.

Khoản thứ 10: Thường năm cứ ngày kỵ đức tôn thần và hai vị thành mẫu công ba lễ, năm được mùa mỗi lễ hai cỗ xôi, một con lợn, cộng ba lễ hết 21,00$. Năm mất mùa, mỗi lễ một cỗ xôi, một con gà

cộng hết 4,50$. Lễ xong rồi đồng dân thụ phúc. Việc lễ do những người thôn trưởng ứng biện rồi trích bạc quĩ chi.

Khoản thứ 11: Xuân thu đinh tế, xuân tế (tháng hai An Nam) do giáp tư văn tế, cứ những người trong giáp đến lượt chịu trưởng thời phải ứng biện, lễ rồi cả giáp thụ phúc không được bổ tiền, không chi tiền công.

Thu tế (tháng tám An Nam) do giáp đồng văn tế cứ những người trong giáp đến lượt chịu trưởng, thời phải biện lễ, lễ rồi cả giáp thụ phúc, không có bổ tiền, không chi tiền công.

Khoản thứ 12: Thường năm cứ ngày kỵ ba vị hậu thần và hai kỳ sêu tết một kỳ tháng ba, một kỳ tháng bảy, cộng là năm lễ mỗi lễ biện xôi gà chỉ 1,00$ cộng là 5,00$, đều do những người thôn trưởng biện lễ. Như lễ hậu thời lý phó trưởng và 6 người thôn trưởng và cùng mấy họ nhà cụ hậu thụ phúc, mà lễ sêu tết thời lý phó trưởng cùng mấy 6 người thôn trưởng thụ phúc rồi trích tiền quĩ chi giả.

Khoản thứ 13: Thường năm cứ những người thôn trưởng hễ thấy có gạo nếp mùa mới và gạo tẻ mùa mới, thời phải đong và biện giầu rượu 1,00$ lễ đình, chùa, miếu các sở, xong rồi do lý phó trưởng và 6 người thôn trưởng thụ phúc những lễ ấy 6 người thôn trưởng phải chịu.

Khoản thứ 14: Thường năm mỗi tháng hai kỳ lễ sóc, vọng (ngày mồng một và ngày rằm) biện một cỗ xôi, một con gà và giầu rượu lễ đình, miếu hai sở xong rồi ngôi làng thụ phúc. Những lễ ấy mỗi lễ chi 1,00$ cứ những người thôn trưởng cắt lượt ứng biện sẽ trích tiền quĩ chi trả.

Khoản thứ 15: Mỗi năm bốn kỳ đánh cá giếng làm gỏi thờ mỗi lần chỉ 1,00$ do 6 người thôn trưởng biện lễ, ngôi làng thụ phúc rồi trích tiền quĩ chi giả.

(...)

Khoản thứ 17: Mỗi năm cứ ngày rằm tháng Giêng An Nam là ngày thượng nguyên làng chi 6,00$ quĩ giao nhà chùa làm lễ đồng dân lễ bái.

Khoản thứ 18: Tục làng việc giữ văn tế, viết văn tế gọi là điền văn, xưa nay do đại khoa như là thi đỗ hoàng giáp, tiến sĩ, phó bảng, rồi đến trung khoa là thi đỗ cử nhân và tiểu khoa đỗ tú tài những bậc ấy được bầu làm điền văn, hiện bây giờ việc điền văn do bậc tiểu khoa viết văn. Nay thừa nhà nước cải định thì giáp thời nói bậc tiểu khoa ấy mà làm điển văn, thời lấy bậc học chữ Tây các trường mà thi đỗ cao đẳng, tứ bậc tham tá giở lên được làm điển văn, hoặc không kham thì do bậc quan chức, hay là bậc viên dịch thông hiểu chữ Nho mà đồng dân thuận bầu thời mới được làm.

Khoản thứ 19: Thường năm sửa sang ở đình miếu các sở và những đồ vật liệu và đảm phỏng 20,00$ trích bạc quĩ chi.

Tang lệ

Điều thứ 111: Nhà có tang là sự buồn rầu, quen thói bầy tiệc mời khách, như là đám hội, nay làng cải bỏ thói lệ ấy đi.

Điều thứ 112: Tang chủ nếu giàu có muốn nói với người thân tộc hay người trong giáp hộ lễ thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của người tang chủ không phải theo lệ ước mà mời kỳ mục, nếu muốn giả nợ miệng nộp thay cỗ bàn thời tùy ý, nộp từ 30,00$ giở xuống 5,00$ giở lên bỏ quĩ, cũng như là tục dân làm ma vậy.

Điều thứ 113: Trước khi chửa táng, dân làng đến viếng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 114: Đến ngày an táng chủ ở giáp nào mời giáp ấy cất, người hộ táng nghĩa là khênh quan tài và cầm đồ táng nghi nếu là tang chủ muốn xin mấy giáp để rước về nữa cũng được; còn như đồ tang nghi như đòn khênh quan tài và linh xa vân vân, thời hàng giáp phải cất người mang về lại để vào chỗ cũ cho phân minh, chứ không được như trước mà giao mặc nhà hiếu chủ, hay là bỏ ở ngoài đồng thời giáp ấy phải phạt như hương ước.

Điều thứ 115: Hàng giáp đi đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau, chính bản phận phải làm, trừ ra những người vắng nhà thời thôi.

Điều thứ 116: Tang chủ cũng phải bảo cho người làng biết ngày an táng, dầu ai nhờ tình hương đẳng đi đưa ma mà bận hay không tùy ý.

Điều thứ 117: Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy, khi an táng xong thời chào tang chủ ngay ngoài mộ địa rồi đâu về đấy, không được vào nhà tang chủ mà ăn uống.

Điều thứ 118: Tang chủ cũng nên tạ ơn hàng giáp hay người đi đưa ma ngoài mộ địa. Không được mời khách vào nhà.

Điều thứ 119: Tang chủ muốn để danh dự cho người chết, mà ghi tiền kỷ niệm làm của công của làng, thì làng cũng nhận món tiền ấy, nhiều ít tùy ý tang chủ.

Điều thứ 120: Làng sẽ làm một quyển sổ để biên các món tiền kỷ niệm ấy, lưu truyền về sau. Làng chỉ được mang một món tiền ấy làm việc công ích chung cả làng.

Điều thứ 121: Sự gửi tiền kỷ niệm là tùy tang chủ, làng không bắt ai cũng đều phải gửi.

Khao vọng

Điều thứ 122: Khao vọng là nợ miệng nhau, miếng ăn quá khẩu thành tàn, sao bằng chiết can lấy tiền làm việc công ích.

Khoản thứ 1: Ai đến tuổi lên lão thời ngày mồng một tháng Chạp An Nam năm trước phải biện 200 miếng giầu trình đồng dân rằng sang năm đến tuổi đăng thọ, rồi đến ngày mồng bẩy tháng Giêng năm sau thời phải biện giầu rượu yết lễ và nộp 10,00$ bỏ quĩ, cái bạc ấy khấu trừ cỗ bàn mời dân, còn như tục cũ nhất thiết bỏ đi, nếu những người chưa thành tổ hạng thời lệ nộp tiền phải nhất bội nhị và ai đăng thọ 70 tuổi thời chiếu thu mỗi viên 3,00$ bỏ quĩ, nhưng phải biện giầu 200 miếng mấy một bình rượu, ngày rằm tháng Giêng An Nam yết lễ xong rồi kính biếu đồng dân, như ai đăng thọ 80, 90, 100 tuổi giở lên thời chỉ biện giầu rượu như trên, yết thần rồi kính dân mà thôi.

Khoản thứ 2: Thường năm cứ tục dân tháng 11 An Nam bầu 3 người huynh hạng (là ngời thủ phiên) để trông coi tuần phiên thời chỉ phải biện một lần xôi lợn lễ thần mà thôi, còn như các thói tiệc ăn uống đều chiết lấy bạc bỏ quĩ; mỗi người nộp bao nhiêu đã đinh ở khoản thứ sáu sau này.

Khoản thứ 3: Ai mới làm thôn trưởng thời thu mỗi người 3,00$ bỏ quĩ. Cái bạc khấu trừ tiền làm cỗ thập linh và thủ hiệu.

Khoản thứ 4: Ai muốn vọng vào ngôi khoa chức thời triết tiền khao vọng chiếu theo phẩm hàm thu từ 50,00$ giở xuống, 15,00$ giở lên bỏ quĩ, hễ được lợi tức trích giáo ngôi ấy biện lễ.

Khoản thứ 5: Ai muốn vọng vào ngôi quan chức viên dịch đều triết trừ tiền khao vọng chiếu phẩm hàm lấy tiền bỏ quĩ. Quan văn, quan vũ từ ngũ phẩm giở lên mỗi viên 50,00$, lục phẩm 10,00$, thất phẩm 30,00$, bát phẩm 20,00$, cửu phẩm 15,00$ và miễn sai hạng có giấy danh sắc 10,00$, trong ngôi ấy không cứ chính đồ tạp giai, đều được chiếu phẩm hàm mà vọng cả. Thí dụ như ai đương ở hạng miễn sai mà được thăng lên hạng cửu phẩm thời trừ tiền 10,00$ vọng trước còn phải nộp thêm 5,00$ nữa thôi, ai đương ở hạng cửu phẩm mà được thăng lên hạng bát phẩm thời trừ tiền vọng trước 15,00$ còn phải nộp thêm 5,00$ thôi, còn từ hạng bát phẩm giở lên thời cứ thế mà suy tính và lại ngôi thứ trong sổ thời chiếu hạng, ai vọng trước thời viết vào trước, ai vọng sau thời viết tên ở dưới, cứ phẩm hàm thứ bậc mà viết, thí dụ như viên tòng cửu phẩm vọng trước mà viên chính cửu phẩm vọng sau thế thì viên chính cửu phẩm cũng được ở trên viên tòng cửu phẩm mà ở dưới viên chính cửu phẩm vọng trước, còn như các bậc thời cũng cứ thế mà suy.

Khoản thứ 6: Ai vọng vào ngôi hào mục đều triết trừ tiền khao vọng chiếu hạng lấy tiền bỏ quĩ.

Chánh tổng 50,00$, phó tổng 10,00$, lý trưởng 30,00$, phó lý 25,00$, thư ký 20,00$, tuần xã (tức là người trương tuần) 15,00$, huynh hạng 10,00$. Thí dụ ai đương ở huynh hạng mà làm tuần xã

thời khấu trừ tiền vọng trước 10,00$, còn phải nộp thêm 5,00$ nữa thôi. Ai đương ở hạng tuần xã mà làm thư ký thời trừ tiền vọng trước 15,00$ còn phải nộp thêm 5,00$ nữa thôi, còn thời cứ thế mà suy tính.

Khoản thứ 7: Những viên quan chức viên dịch và các viên hào mục ai đã lên ngôi hương lão rồi mà lại muốn vọng vào hai ngôi ấy nữa, thời cũng chiếu hạng thu tiền bỏ quĩ, nhưng bớt đi một nửa, chỉ phải nộp một nửa mà thôi.

Khoản thứ 8: Ai muốn mua chánh phó lý tuần xã, huynh hạng theo ngôi kỳ mục, thời hội đồng thỏa thuận rồi mới làm đơn ký kết lấy bạc bỏ quĩ, để lấy lãi làm việc công ích.

Khoản thứ 9: Những các viên và các người triết tiền khao vọng ở các hạng ở trên này, hễ ai nộp bạc phải có giấy biên lai chấp chiếu, nếu ai không có thể nộp 1 lần được thì xin nộp làm hai ba kỳ cũng được.

Khoản thứ 10: Ngôi quan chức viên dịch nhiều người đang tại chức làm việc quan, thường năm tế kỳ thời chiếu những tiền lợi tức thuộc về ngôi ấy nhiều ít tùy tiền biện lễ, mà văn tế và sổ tọa thứ, (cái sổ toa thứ ấy thời xã hội để tại hòm công) thời chiếu phẩm hàm ai cao ở trên, cứ thứ tự mà viết.

Khoản thứ 11: Kỳ tế của ngôi quan chức viên dịch thì đã có các viên chánh phó sưu thuế thủ quĩ thư ký và lý phó trưởng giao 6 người thôn trưởng làm thay, bắt tuần đệ ra đình sở tế lễ, còn như việc mạnh bái và quan chức viên dịch nhân tiện có viên nào về thì vào mạnh bái, nếu bận việc quan cả thời do xã hội lý trưởng cử một viên để thay mạnh bái, tế xong rồi đồng dân thụ phúc, kỳ tế khoa mục cùng giao 6 người thôn trưởng làm thay, cùng như ngôi quan chức viên dịch vậy.

Khoản thứ 12: Hiệu lệnh làng nào thì ngôi nào cũng có hiệu riêng, trừ ra những ngày vào đám không kể, còn như ngày thường thời đã có hiệu mõ rồi chỉ có những việc cần cấp bất thường thời mới được đánh hiệu trống, nếu lý trưởng mắc bận thì phó lý trương tuần huynh hạng được cử hiệu thay, thế mà ai không phải phận sự ấy mà thiện tiện đánh trống thời bắt phạt 0,50$ vào quĩ để nghiêm hiệu lệnh.

Vị thứ trong làng

Điều thứ 123: Vị thứ trên dưới là đặt ra có lễ văn, khiến cho trong làng có trật tự, trước hết phải theo quan chế rồi sau đến tục, làng mà ngồi cho có thứ bậc.

Khoản thứ 1: Ngôi thứ ngồi tại đình trung như gian giữa đình, trong hương ẩn tiền trở ra bao lơn, thời chiếu nhất tinh văn từ tiến sĩ, tổng đốc, vũ từ tạo sĩ, đề đốc giở lên; chiếu thứ hai là ngôi khoa chức, tức là bậc cử nhân, tú tài và chức sắc mà vọng vào ngôi ấy đã lâu. Chiếu thứ ba là ngôi hương lão, từ 70, 80, 90, 100 giở lên mà lại có từ hạng, có danh sắc văn bằng chỉ giở lên nữa mới được ngồi. Chiếu thứ tư, ngôi quan chức viên dịch văn từ lục phẩm giở lên có sắc văn và các quan phủ, huyện thực hàm với lại Tây học đỗ từ tham tá giở lên, mà vũ từ chánh phó quản cơ giở lên có sắc văn thực hàm mới được.

Chiếu thứ năm chánh phó khảo quan tức như khi dân làng mở tiệc đại hội mà dân thuận bầu làm chánh phó khảo quan mới được ngồi, 5 ngôi ngồi giữa trung ương là quí nhất cả, để chầu chực thanh tiền và xem xét hết thảy khi kỳ đại hội mọi việc cho được kính cẩn tôn nghiêm hợp lễ.

Chiếu thứ sáu, ngôi trung đình (tức là chánh phó tổng lý và 6 người thôn trưởng, để có việc thông báo các ngôi cho tiện. Các ngôi ngồi trong bao lơn, người nào cũng phải mặc áo rộng tay, nếu không thời ngồi hàng bệ ngoài.

Khoản thứ 2: đình trung hai bên bệ gạch đối ngạn. Như hai bên bệ ở trong nhất đối ngạn thời ngôi hương lão ngồi. Hai bên bệ thứ hai đối ngạn: bệ bên tả thời ngôi quan chức viên dịch ngồi, bệ bên hữu thời ngôi hào mục ngồi. Hai bên bệ thứ ba đối ngạn: bệ bên tả thời giáp tư văn ngồi, bệ bên hữu thời giáp đồng văn ngồi. Hai bên bệ thứ 4 đối ngạn: bệ bên tả thời xã binh ngồi, bệ bên hữu thời thủ biện ngồi. Ấy ngôi thứ ở đình trung như thế là chỉ có những khi vào đám đại hội hát xướng thời mới được ngồi trong bao lơn. Còn như thời tiệc

thường thường, cùng khi ăn uống thời ngồi ở bên bệ ngoài cả, chứ không được ngồi trong bao lơn.

Khoản thứ 3: Ấy những các ngôi thứ tại đình trung đã có thứ tự rõ ràng, nhưng mà ở trong hương quan, nào là cha con anh em, nào là tôn tộc sum họp mấy nhau. Đương khi việc làng hát xướng vui vẻ, người thời nhờ giời đất được sống lâu, người thời nhờ nhà nước được phẩm hàm cao đều là vinh hiển cả, thế thời khi tế lễ cứ lấy phẩm hàm cao để trong văn tế ở trên, mà lúc ngồi ăn uống nên lương nhượng hơn tuổi ngồi trên, thế mới gọi là trình lễ tương tham, tước xỉ tương nhượng, thuận hòa vi quý, để cho tốt đẹp phong hóa dân ta, đừng nên hách khí sinh ra tranh cạnh, như thế mới thực là không phụ tiếng khen của dân ta là dân quan lại văn vật ở xứ Bắc Kỳ này.

Khoản thứ 4: Dân làng nhất là ngôi hương lão, vẫn có lệ định vị thứ phân minh, thế mà lâu nay ở chốn đình trung tế lễ, thường thấy những người tàng tật ra đình lễ bái, vả lại những khi thời tiệc ăn uống, chỗ ngồi cũng vẫn lẫn lộn, nay nghĩ nên chỉnh đốn lại, phàm từ đây về sau ở trong ngôi hương lão, người nào tàng tật hay là tỳ tích xú hạnh thời không được dự vào tế tư đình trung, còn như khi tiệc ăn uống thời chiếu từng hạng, trước hết những người có giấy danh sắc giở lên, rồi thứ đến những người làm việc làng, từ cựu huynh hạng giở lên, lại thứ đến những người cựu thôn trưởng, rồi sau đến những người bạch đinh, còn những người tàng tật thì ở dưới rốt, nhưng đều lấy niên xỉ chiếu hạng mà ngồi, nếu ai không tuân chiếu vi hương ước phạt từ 0,50$ đến 1,00$ bỏ quĩ để nghiêm tục dân mà hợp lệ nhà nước, thế mà ai cương ngạnh không chịu nộp phạt thời sẽ làm giấy trình quan xét xử.

Khoản thứ 5: Tục lệ làng chia làm 6 giáp mỗi giáp một năm cắt một người thôn trưởng, thường năm cứ ngày mồng mười tháng 2 An Nam thời 6 giáp xướng danh những người thôn trưởng mới ở tại đình, người nào can khoản không được làm thôn trưởng, mà đến ngày 10 tháng 2 năm sau hết hạn gọi là cựu thôn, người thôn trưởng ấy phải thừa biện việc trong giáp và ứng biện việc làng việc quan.

Khoản thứ 6: Sổ tọa thu trong 6 giáp, thời người nào từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải thôn trưởng cả. Nếu người nào nghèo thể không kham được thì phải nói với trong giáp lượng tình cho thế nạp tiền bao nhiêu bỏ quĩ: Rồi giáp lại cắt người khác, nhược bằng ai đã xướng danh tại đình trung mà lại bỏ thời giáp ấy phải cắt người khác thay, nhưng truất ngôi thứ bỏ ấy xuống dưới người 18 tuổi. Sau người ấy biết nghĩ nói lại với giáp lại thỏa thuận cho làm thôn trưởng hay nộp tiền thời ngôi thứ lại được như cũ.

Điều thứ 124: Những các công việc trong làng chép cả vào trong quyển hương ước này, hễ thừa quan trên duyệt cho thi hành (xin in ra 11 bản, nộp tỏa, tỉnh, huyện, hương học trang, xã hội, 6 giáp đều một quyển) thời những khoản gì điều gì trái mấy hương ước này nên bỏ đi hết.

Điều thứ 125: Trong làng ai ai cũng phải tuân theo, nếu ai trái những điều khoản trong hương ước này thời hội đồng nghị phạt từ 0,50$ đến 1,00$ bỏ quĩ.

Điều thứ 126: Thường năm cứ ngày vào đám, tế xong rồi thì xã hội đem quyển hương ước này tuyên đọc tại đình để đồng dân cả làng nghe hết.

Năm Khải Định thứ sáu tháng 10 ngày mồng 10
(tức là Le 9 Novembre 1921)
Lập hương ước

HƯƠNG ƯỚC LÀNG CHU LÃO

Tổng Đông Đô, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu chiểu từ xưa, hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà bổ thêm.

Phần thứ I
Điều lệ tổng cục - chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thời phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân theo lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 Aout 1921 thời những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi phải đi xa quá trong vòng 5 km thời không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thời được tiền lộ phí mỗi ngày là 0,50$ lên huyện 0,20$ khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày,

khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá hạn 1 ngày, đi lại ở trong địa hạt xã mình, hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thời không được đòi tiền lộ phí gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc táng, thi đỗ, thăng bổ hàm chức ngôi thứ tổng lý hoặc lên lão v.v... đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này, thời ngoại giả không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ rằng cưa ra và có chữ chánh hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ chi thu xem thực thu bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường Chánh hội họp các hương hội mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thời lý phó trưởng người nào việc ấy phải hành thu đem nộp vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thời ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thời Lý trưởng phải trình quan xét.

Điều thứ 13: Ngày bổ thuế cấm hương hội không được bày ra để làng phải đóng góp nặng thêm.

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải. Trong một tháng hương hội có thường hội đồng 2 kỳ ngày 1 và ngày 15. Khi chánh hội thời 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử giá thú, hay muốn hỏi sự gì thời cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự hay thương sự kiện cáo trước hết phải trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hội tiếp ai trình thời phải lấy lẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho 2 bên, nếu hoà giải xong thời hương hội dựng biên bản lưu chiểu, 2 bên bên nguyên bị đều phải ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải sao biên bản trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hoà giải không xong hương hội cũng phải dựng biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hoà giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 19: Việc canh phòng trong làng tuần đinh canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thời hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người đương làm việc các sở, người chức sắc khoa mục, đương đi học các tràng và người có bệnh tật, người nào đi vắng, hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con hoặc gia hạ canh thay, cấm không được nộp tiền cho làng để làng thuê người canh thay cho như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có 4 thôn cử 2 người trương tuần và 28 tuần tráng.

Thôn Bến Trung 9 người.

Thôn Thương Phúc 8 người.

Thôn Quang Âm 6 người.

Thôn Phù Liễn 3 người.

Chia làm 4 ban mỗi thôn làm 1 ban, làng thời cứ một xã đoàn đốc xuất tất cả khi thường thời tuần tráng thôn nào ăn phận mà canh phòng cả dân cư đồng điền thôn ấy, khi nào có động hiệu thời tất cả 4 ban tuần và đinh tráng 4 thôn đến cứu ứng ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như câu liêm, gậy, giáo mác làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng, nếu ai có đánh mất hoặc làm hỏng cái gì thời phải chiểu giá làm mà đền ngay.

Điều thứ 22: Làng có 4 điếm canh phi tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thời 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10, lần thứ 3 thời sẽ phải giải lên toà án phạm về tội phạm vào khoản thứ 2 điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Tuần nội thôn nào đến lượt đi tuần thời phải đi tuần luôn chung quanh thôn ấy để cho kẻ gian khỏi vào chứ không được nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được 1 đứa trộm trong làng thời thưởng 1,00$ bắt được đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm hay cướp mà tuần phiên không bắt được kẻ phạm thời trương tuần và cả ban tuần nội đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm luôn hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thế cho lúa sương, thời hương hội trích tiền ấy đền cho sự chủ đã bị mất trộm hay cướp rồi đến khi phát lương cho ban ấy sẽ khấu trừ đi, một kỳ không đủ thời ghi vào sổ lương tuần để khấu trừ lương sau, hoặc lại còn thiếu trách cứ trương tuần ban ấy phải nộp đền vào rất là đủ, chứ không nên trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi thành ra không có sự thực, còn như có sự trộm cướp phát to mà ban tuần ứng cứu làm hết bổn phận thời không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng ứng cứu để đến nỗi bị mất trộm hay cướp thời cũng phải chiểu giá mà bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng thường phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ bắt giải quan xét.

Điều thứ 28: Canh ngoài đồng tuần ban nào kiểm việc trông nom đồng điền thôn ấy, khi địa phận thôn nào có động hiệu thời tất cả 4 ban tuần và đinh tráng trong thôn cũng phải ra ứng cứu ngay, khi ngoài đồng không có lúa má hoa màu thời mỗi ban trích một tuần tráng theo một trương tuần tối nào cũng phải đi tuần các đồng điền các địa phận của làng để ngăn ngự kẻ gian phi, tối sau lại cắt lượt đến trương tuần và 4 ban tuần tráng khác, còn thời lại họp mấy ban tuần nội để tuần canh trong các thôn.

Điều thứ 29: Tuần tráng cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khoẻ, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng, 1 bản giao lý trưởng trình quan sở tại, 1 bản lưu chiểu ở các

điếm sở phải cho một cái biển kê tên, những người trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bao thục thà và có gia sản người nào đem tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo phép các tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10 đến 0,30.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự tiện.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10 đến 1,00$, nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hương hội bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra không có thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thời dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa má hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền cho tài chủ.

Điều thứ 36: Không kể ngoại canh hay nội canh đồng niên mỗi mẫu thu 0,40 nộp làm hai kỳ tháng 3 một kỳ tháng 10 một kỳ, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến vụ cắt thời điền chủ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ.

Làng cấp lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát cho 2 người trương tuần đồng niên mỗi người (...) tuần tráng đồng niên mỗi người 12,00$.

Thủ quĩ đồng niên

Thư ký đồng niên

Lý trưởng đồng niên.

3 phó lý đồng niên mỗi người.

Nhưng phát làm 2 kỳ đúng vào kỳ các điền hộ nộp tiền lúasương.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm điều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thời phải bãi chức thời mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hoả tai, cướp bóc hay là đề sạt trừ những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng khác nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu nếu ai biếng trễ không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu hoả tai cần phải sẵn có đồ cứu mấy được nếu cứ tay không chạy đến mắt giương dẫu đến trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng phải trích tiền công sắm lấy 10 cái câu liêm thực tốt và sắc để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hoả tai thời tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải chữa tắt khúc thời các câu liêm ấy kéo giúp ngay đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước (từ những nhà mẹ hoả con cói) làm bằng tre mương dài độ 1m Tây đầu để vẩy nước bạt nhọn móng lợn, ống của nhà nào khắc tên gia chủ nhà ấy vào, hễ nghe hiệu biết chỗ nào hoả tai thì mỗi nhà cần phải một người đem một cái ống ấy để lấy nước chữa cháy.

Sự chữa cháy sắp xong hương hội lý phó trưởng và trương tuần phải điểm ngay xem số ống có đủ hay không. Nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước, xét thực thời những nhà chủ có ống ấy phải phạt 0,50$ còn như nhà bị hỏa tai hương hội phải đến xét khởi từ đâu vì duyên cớ gì, nếu thực là bất ý tha không phạt, hoặc xét ra người nào có ý đốt nhà làm hại người ta hay là đốt nhà để hỏi của nhà khác, thời hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trong thương mà thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 2,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh.

1. Phòng bệnh
2. Chữa bệnh

Điều thứ 41: Hương hội cần phải hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất dơ vật ra ngoài đường và làm nhà xí ra bên đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay đi xin thày thuốc về trước.

Điều thứ 45: Trong làng có mắc bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm hương hội phạt 0,30$ lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ đó có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá cầu cống đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, như đê điều thời thủ lộ phải coi xét đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê, hay là giồng giọt ở đấy và phải giữ gìn lúc nào đê cũng được tốt, khi nào có chỗ hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thời thủ lộ phải tường hương hội để trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ, phàm những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu có cần phải lấy nước thời phải xin phép quan trên cho đắt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giải trình quan toà xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thời làng cho ngồi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12 Tây hội đồng cho mõ rao, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi lấy bùn mà đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phạt cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không được đắp qua mà đơm cá khiến cho nước không (...) ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không ai được giồng giọt lúa khoai lang, khoai sọ v.v.... ở bên trong bờ sông ngòi như thế sông ngòi dễ ủng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt (...) của người ta thời phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt ngoài đồng khi đã gieo mạ và đã cấy lúa ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của công chung của làng thời làng người nào cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 Mars 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố bán chác của công làng xã, nghĩa là không được phép quan trên cho thời không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan y cho, thời dầu có lý trưởng áp triện không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thể lệ ấy đem thi hành về việc phiếu quốc trái công dân, khi có việc phải đi kiện cáo thời dân làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mấy được đi, việc cầm bán công điền công thổ đáng nhẽ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 Aril 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày 3 Mars 1906 thời cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được như vậy và cốt là làng có động sản hay bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, phải yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thời được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ rượu lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện và mở sòng gá bạc lấy hồ thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lận.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản đệ giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội nhưng mất phong thổ làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong làng.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng khách không biết hỏi ai như thế thời không tiện, nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải dùng lễ nghĩa chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho ổn thoả.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay là tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà tràng ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thày giáo sẽ lấy ở tiền công.

Điều thứ 67: Theo nhẽ trẻ con lên tám tuổi đã cho đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà tràng đã làm xong rồi thời sổ chi thu làng phải để phòng ra một món tiền, để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng đều phải trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố là 3 tiền mua đất công hoặc tư cũng không được quá 3,00$.

Phần thứ II
Tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Làng có ruộng sóc vọng 2 mẫu. Ruộng hậu đình 12 m 3 sào. Ruộng công của các thôn và ký tại công 25 m, 9 sào.

Thôn Thượng Phúc 6m7s.

Thôn Bến Trung 9m9s

Thôn Quan Âm 6m3s

Thôn Phù Liễn 3m

Tổng cộng 40m, 2 sào mỗi năm đến tháng 12 Tây đấu giá án trương lấy tiền sung quĩ, ai mua đấu giá phải chịu nộp thuế và tiền lúa sương. Khi đã mua giá được rồi thời tính tự bắt đầu giá bán từ ngày hương hội, hạn trong 1 tháng hoặc 3 tháng là cũng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước, mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu hương hội sẽ cầm lấy những ruộng bán đấu giá cho người ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng đã cày cấy người ấy cũng phải chịu mất quyền lợi riêng.

Hôn lễ – thuyết

Điều thứ 73: Ngũ luân của xã hội thời lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, 4 lễ của gia tộc thời lễ hôn trọng vào bậc thứ hai vì thế nhà nước có đặt ra luân hôn để phòng bị các điều nhầm dại. Thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dậy bảo cho tuân theo, tức như những lời phương ngôn của dân ta thường nói như là: lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống, mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói: vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa, mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách thể hôn đó, đến như tục cách thức văn minh đời nay con gái cũng phải cho ăn học, như con trai và để giữ vốn riêng cho con gái, chứ không nước nào đem con gái gả bán để lấy tiền của nhà trai, ấy luận lý phân minh là thế tinh tục hay giảm là thế so sánh

mấy hiện tục của dân ta ngày nay thời sao các điều nhầm dại không sao siết kể, phần thời trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thời mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi hết các phong tục ấy cho dễ tuân theo, vậy như các lệ hôn định như sau này.

1. Trong làng con giai tự 18 tuổi giở lên, con gái từ 18 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh (tục là lễ hỏi) bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết, để hương hội xét xem hai người định lấy nhau ấy tuổi có cấp lệ không và có điều gì ngăn trở hay không, rồi yết thị tại đình cùng hội sở trong làng 5 ngày cho ai ai đều biết, nếu tuổi hợp lệ và không có điều gì ngăn trở thời nhà trai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn biện một chai rượu và 100 miếng giầu ra đình yết thần rồi mấy nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội ấy có mặt tại đình quân hệ.

4. Cheo nội cheo ngoại

5. Khi đã nộp lệ lan nhai (tức là lệ cheo) vào sổ giá thú là hôn lệ đủ rồi không còn phải phí tổn gì mấy làng nữa, còn như những tục hủ bại chẳng dây, đóng cổng nhà gái đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làng cho lối thôi người ta thời nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,30$.

Táng lễ thuyết

Điều thứ 74: Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, ví bằng nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn làm cỗ để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không, hẳn giả nhời rằng không, trong làng mình có người nào gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say nói cười vui vẻ, thử hỏi người làm dân làng như thế có yên

không, cũng hẳn giả nhời rằng không, như việc hộ tang cho nhau thời là cái nghĩa cứu giúp cái nợ đồng lần mấy nhau chứ không phải đám ăn mà tìm đến thế là tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy ma to ma lớn, lấy thế là đủ báo hiếu cho mẹ cha vinh rượu mấy hương quan, đến nỗi tốn trăm, tốn nghìn mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại.

Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ đã không ích gì đến người chết mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu thế có lạ chưa. Cũng có người hay biết là tục giở xong hoặc quen thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi nhắm chịu là nhắm đổi không giám đổi, nay nhờ Thượng hiếu nhủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tỏ tường các tinh tục rất là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo hẳn sau này nhà có tang có thiệt người nhưng không có đến nỗi thiệt của, kẻ khó đỡ tránh được tiếng xấu mà lại được tiếng khen vậy các điều tang định sau này.

1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thời 24 giờ đồng hồ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải 100 miếng giấu (do Tộc biểu về phái người tang chủ) đến tường hương hội xem tang chủ nộp vào lệ nào, liệu mà cắt chấp hiệu đô tuỳ và các đồ tang nghi để tống tang, các lệ ấy phân biệt như sau này.

Thượng lễ 1,00$ và 2 người chấp hiệu (cắt người nhiều tuổi trong đám đô tuỳ) 70 người đô tuỳ cắt từ 49 tuổi đến 18 tuổi, trừ những người có vị thứ và người ốm đau không phải đi.

Hạ lễ 10,00$ và 2 người chấp hiệu cắt 50 đô tuỳ.

3. Trước khi chuyển cữu người chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ. Cái thực là trong đám đô tuỳ và chấp hiệu ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thời chỉ vái 3 vái, còn ai vị thứ hay

tuổi ngang hàng, hay ở dưới người chết thời phải lễ 2 lễ để rõ tình thương xót lễ kính trọng của làng, đối với vong nhân, về phần tang chủ thời đem tất cả anh em dâu, rể, trai, gái, con cháu nội, ngoại là những người phải để tang người chết từ 5 tháng giở lên ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ không có thân thích trông nom về sự tống táng, thời hương hội trích 3,00$ tiền công quĩ giao cho người xa đoàn, trương tuần mua ván mà cắt lấy 8 người tuần tráng tống táng cho người chết và lại trích 1,00$ để chi tiền giầu nước cho những người tuần tráng trong khi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp tiền lệ cho làng đi tống táng và biên sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối mấy làng và làng đối mấy nhà tang chủ 2 bên hoàn toàn không còn thiếu lễ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống, hoặc sự tiền nong hương hội xét phạt 1,00$ truất thứ vị ở đình trung trong hạn 10 ngày, chỉ sau khi an táng, nhà tang chủ nếu muốn đãi người chấp hiệu và đô tuỳ một bữa cơm thường thời tuỳ ý không cấm.

Khao vọng

Điều thứ 75: Các quan có sắc mạnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng không là phải có món tiền khao vọng mấy có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý rõ ra rằng: các bậc đạo tôn cũng lấy vị thứ đình trung là trọng để làm gương khuyến khích cho kẻ khác sau, duy hạng lão 70 tuổi giở lên sự hy vọng ở trên đời thời ít chỉ trông mong vào bậc con cháu thời nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất thêm một món tiền thời trước là trái nghĩa thượng xỉ sau nữa người ta khó theo vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thời buộc phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ ăn ngồi nhẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn kỳ tứ phẩm dĩ thượng khao vọng 30,00$.

Văn 3, 4, 6 phẩm võ 4, 5 phẩm Pháp học các khoa tiến sĩ cử nhân vọng 40$.

Văn thì 7 phẩm - võ thì 6 phẩm Pháp học tú tài, cao đẳng vọng 30,00$.

Văn 8 phẩm - võ 7 phẩm bộ thụ chánh tổng trung học tốt nghiệp, học sinh vọng 20,00$ các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các viên dự vào hạng văn giai, cứ chiểu theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng.

Văn 9 phẩm võ 8, 9 phẩm thì sai chánh tổng phó tổng đương hàm, lý phó trưởng nghị hội viên chánh phó hương hội chưa có vị thứ vọng 15$.

Lý trưởng, thủ quĩ - thư ký nội ban tộc biểu chưa có vị thứ thì cùng những người vị thứ bằng lý trưởng vọng 12,00$.

Phó lý, Thư ký ngoại ban, ban xã đoàn, quản lộ tiểu học tốt nghiệp học sinh cùng những người bằng phó lý vọng 10,00$.

Kỳ lão 50 tuổi vọng 5,00$, còn 60 tuổi giở lên chỉ phải 50 miếng giầu và một chai rượu ra đình yết thần rồi tường hương hội biết mà thôi.

Các viên chức hương lão phải nộp các lệ khao vọng trên này hễ đến kỳ nào năm nào phải nộp tiền lệ ấy thì kể bắt đầu từ ngày hương hội đưa phái thu ngân hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng phải nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ của người ấy đi và trình quan trên xét nghĩ.

Tế tự và tu tiến lễ vật

Điều thứ 76: Nguyên làng 4 thôn thờ 3 đình thần hiệu khác nhau.

Thôn Bến Trung thôn Quan Âm phụng sự một đình.

Thôn Phù Liễu phụng sự một đình.

Thôn Thượng Phúc phụng sự một đình.

Vậy đồng niên tế tự mỗi đình bao nhiêu lễ hết bao nhiêu tiền xin kê ra sau này.

A. Thôn Bến Trung và thôn Quan Âm tết Nguyên Đán 3 ngày mỗi ngày lễ gà xôi 1,50$, cộng 4,50$.

Tháng Giêng ngày mồng 4, 5, 6 tiệc đại Kỳ Phúc, lợn 3 con 30,00$, xôi 8,00$, rượu 5,00$ vàng hương hoa quả mũ mã 3,00$, giầu nước tạp chi 3,00$ và 2 cỗ xôi gà, giầu rượu 3,00$, cộng 52,00$.

Thương nguyên ngày 15 tháng Giêng xôi gà giầu rượu 2,00$, ngày mồng 8 tháng 2 tiệc sinh thần, ngày mồng 10 tháng 3 mồng 8 tháng 11, 2 tiệc thần hoá mỗi tiệc lợn 6,00$, xôi 2,00$, có hoa quả hương mạo 1,00$, rượu 1,00$, ba lễ cộng 30,00$.

Ngày 10 ân tế lợn 8 đồng, xôi 3,00$, rượu 2 đồng, hương pháo 2,00$, cộng 115,00$.

Ngày mồng 9 tháng Tư tiệc thần mộng lợn 4,00$, xôi 1,00$, hoa quả giầu rượu 1,00$, cộng 6,00$.

Ngày 15 tháng 7 tiệc Trung Nguyên xôi gà giầu rượu 1,500$.

Ngày 10 tháng 8 tiệc thánh hoá, lợn 6,00$, xôi 2,00$, hoa quả hương mũ 0,500$, rượu 1,500$ cộng 10,00$.

Ngày thi đình tế như lễ xuân tế 15,00$.

Ngày lễ Giao Thừa xôi gà giầu rượu 3,00$.

Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần giầu rượu 0,50$ cộng 12,00$.

Các ngày ky hậu

Đệ nhất hậu ngày 23 tháng 8, ruộng ky hậu 6 mẫu, sửa lợn 15,00$, xôi 2,00$, mũ áo vàng rượu hương đăng 3,00$, cộng 25,00$.

Đệ nhị hậu ngày 21 tháng Giêng ruộng ky 2 mẫu, sửa lễ lợn 8,00$ xôi hai đồng, giầu rượu mã vàng hương 2,00$, cộng 12,00$.

Đệ tam hậu ngày 17 tháng 5 (ruộng ky 1 mẫu 5 sào) sửa lễ giầu rượu vàng hương các vật cộng chín đồng.

Đệ tứ hậu ngày 23 tháng 7 (ruộng ky 1 mẫu 5 sào) sửa lễ lợn xôi, giầu rượu vàng hương các vật cộng chín đồng

Đệ ngũ hậu ngày mồng 8 tháng 8 (ruộng ky 1 mẫu 3 sào) sửa lễ lợn xôi giầu rượu vàng hương các vật cộng 8,00$.

B. Thôn Phù Liễn ngày mồng 8, 9, 10 tháng Giêng tiệc đại Kỳ Phúc, sửa lễ lợn, xôi, vàng mã, giấu rượu, hoa quả các vật cộng 10,00$.

Ngày xuân đinh tế sửa lễ gà, xôi, giấu, rượu, vàng hương cộng 2,50$.

Ngày mồng 2 tháng 7 tiệc Thượng Điển sửa lễ giấu rượu gà xôi vàng hương hoa quả cộng hai mươi năm đồng.

Ngày mồng 2 tháng 8 tiệc cầu hoà sửa lễ gà xôi, giấu, rượu, hoa quả vàng hương cộng 2,00$0,50$.

Ngày thu đinh tế sửa lễ gà xôi, giấu, rượu, vàng, hương, hoa quả cộng 2,50$.

C. Thôn Thượng Phúc ngày mồng 9, 10, 11 tháng Giêng tiệc đại Kỳ Phúc sửa lễ lợn hai con 25,00$, xôi, rượu, vàng mã, giấu cau, hoa quả cộng 1,00$ cộng các vật 36,00$.

Ngày xuân đinh tế sửa lễ gà, xôi, giấu rượu, vàng, hương hoa, quả, cộng 5,00$.

Ngày mồng mười tháng 7 tiệc Thượng Điển sửa lễ lợn, xôi, giấu, rượu, vàng, hương, hoa quả, cộng 9,00$.

Ngày mồng 10 tháng 8 tiệc cầu hoà sửa lễ lợn, xôi, giấu, rượu, vàng hương, hoa quả cộng 9,00$.

Ngày thu đinh tế sửa lễ gà, xôi, giấu, rượu, vàng, hương, hoa quả cộng 5,00$.

Ngày mồng 1 tháng 12 tiệc nạp tiết sửa lễ gà, xôi, giấu, rượu, vàng, hương hoa quả cộng 6,00$.

Ngày lễ Giao Thừa sửa lễ gà, xôi, giấu, rượu, vàng, hương, hoa qủa cộng 4,00$.

Hợp cộng 74,00$.

Lễ bốn thôn phải sửa chung

Ngày mồng 8 tháng Giêng tiệc hội lê đức thiên vương đến hàng tổng, góp tiền lễ sửa lễ chung 15,00$.

Chọn ngày trong tháng 8 sửa lễ tiến tôm đến hàng tổng góp tiền sửa lễ chung 15,00$.

Hợp cộng 30,00$.

Ba thôn tổng cộng 333,00$.

Vị thứ

Điều thứ 77: Vị thứ đình trung chia làm 4 dòng.

Dòng thứ 1: Văn 6 phẩm võ 3 phẩm giở lên cùng khoa mục, tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng, thứ đến văn 7 phẩm võ 6 phẩm giở xuống Pháp học trung học tốt nghiệp, thưởng hàm chánh phó tổng, chánh phó lý, nghị hội viên, chánh phó tổng đương cựu.

Dòng thứ 2: Chánh phó hương hội chánh phó lý, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu đương cựu thứ đến xã đoàn, xã cựu và hương mục.

Dòng thứ 3: Kỳ lão 70 tuổi giở lên thì đến (...)

Dòng thứ 4: Cựu binh đình tráng cứ chiếu niên xỉ mà ngồi, cửu phẩm hàm nhà nước cho quyên, cùng vị thứ trong làng được phép bản cứ đến chiếu phẩm trật và ngôi thứ trong các dòng mà ngồi không có phân biệt.

Phụ lệ bầu chủ tế, tả văn và lệ kinh biếu

Tế chủ tả văn cử tự chiểu quan văn võ các phẩm hàm, thứ đến chánh phó tổng nghị hội viên, chánh phó hương hội lý trưởng, nhưng tế chủ phải chọn người phẩm hạnh đoan chính, tả văn phải chọn người chữ nghĩa tinh thông.

Còn các ngày đại tiệc khi tế xong hoặc tuỳ nghi kinh biếu cho có phân biệt.

Còn các phẩm hàm từ 9 phẩm giở lên thời võ giai phải kém văn giai hai trật, các vị thứ trên này mới được tế ở đình trung.

Những người tộc biểu trước kia, không có chức phận chưa được vị thứ, khi để cử làm tộc biểu, thời cũng được vị thứ đình trung nhưng phải nộp tiền khao vọng hay tiền mua vị thứ ở trên điều thứ 75 nói ở trên.

Bán vị thứ

Khi làng cần phải bán vị thứ gì khác nữa phải trình các quan thủ chiếu tỉnh cho phép mới được.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều khoản gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước này trên thời hương hội tuỳ tình lý nặng nhẹ mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao nhiêu hoặc truất vị thứ xuống mấy bàn.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã đinh trong hương ước này lập riêng cho làng Chu Lão. Lúc thi hành thời dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải cho chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y rồi làm thành 4 bản chính.

Bản thứ 1 lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ 4 (... mất trang)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG DỤC NỘI

Tổng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế; bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

Một là: khi phải đi xa trong vòng 5 km không được tiền lộ phí.

Hai là: Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí một ngày là 0,40$ lên huyện, 0,60$ lên tỉnh. Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được

quá hạn hai ngày, khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá hạn một ngày.

Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo nhịp lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo như đã nói trong nghị định quan thống sứ, ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nêu trên, cấm không ai được bắt dân làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thắng bổ hàm chức ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi mà không có chữ chánh hương hội thì không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội phải tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu tiền, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị ít ra là một tháng để dân làng biết. Hễ yết thị phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp chỉ bài quan sức thuế về, thì phải tường với hương hội hợp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ ngày nào bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý trưởng và các phần thu người nào việc ấy phải hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai lấy ở quyển phát lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở phát lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế, cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải, trong một tháng 2 kỳ hội đồng ngày 1 và ngày 15 từ 8 giờ sáng đến 10 giờ, ai có việc gì cần đến hội đồng như lĩnh tiền, nộp tiền, xin vào sổ sinh, tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì cứ đến ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, ai có việc gì trong dân sự hay thương sự kiện cáo trước phải trình hội đồng hoà giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai thì phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải.(...), nếu hoà giải xong thì hội đồng dựng biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký vào biên bản ấy rồi lý trưởng phải sao biên bản trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hoà giải không xong hương hội cũng dựng biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án thì người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng những người có việc cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 18: Hội đồng xét hỏi duyên có việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ (... mất trang từ cuối điều 18 đến đầu điều 27...).

(...) đốc canh phải đến những tuần đi tuần luôn chung quanh làng để cho kẻ gian khỏi vào, không được chỉ ở điếm tuần 26 tuần phiên phải trách nhiệm về trộm cướp trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được thì tuần phiên phải chiếu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất những gì hương hội phải đến khám xét ngay mà chiếu giá trích tiền ấy đền ngay. Đến khi phát lương cho ban tuần sẽ khấu trừ đi nếu khấu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để đến kỳ sau, nếu không đủ phải đền vào công quĩ cho đủ.

Điều thứ 28: Sự cấp cứu hỏa tai, làng phải trích tiền công quĩ sắm cho 20 câu liêm để các điếm tuần, hễ nhà nào bất hạnh bị hỏa tai, tuần đem ngay đến chữa, mỗi nhà sắm một cái ống vẩy nước trừ người gải hoá, làm bằng tre mương dài 1 thước Tây, đầu để vảy nước vạc nhọn mỏng lợn, ống của nhà nào khắc tên gia chủ nhà ấy. Hễ nghe hiệu biết là thật hỏa tai mỗi nhà 1 người mang cái ống ấy đi lấy nước chữa cháy lúc chữa sắp xong, hương hội, lý phó trưởng và đương tuần xét số đông ấy, thiếu ống nào hay ống nào không có dấu ướt nước, xét thực thì phạt 0,50$ còn như các nhà bị hoả tai hương hội phải xét xem khởi sự tự đâu, vì duyên cớ gì thực là bất ý thì tha, xét người nào cố ý làm hại người ta, hay để lỗi của nhà khác thì hương lý bắt giải trình quan trên xét nghĩ.

Điều 29: Ban tuần phải bầu mỗi họ một người mạnh khoẻ đi tuần 1 năm nếu người nào có công lao và có sự tốt lại cử ra cũng được điều 36 làng cấp tiền lương cho không kể nội canh hay phần canh đồng niên mỗi mẫu 0,40 tiền ấy nộp vào hai tháng, tháng 5 một thứ tháng 10 một thứ thay cho lúa sương mà điền chủ phải đem nộp vào công quĩ, để phát lương cho tuần, những đứa canh và trương tuần, tuần phiên mỗi người lĩnh đồng niên 24,00$, lý trưởng 36,00$, phó lý 24,00$, thủ quĩ 12,00$, thư ký 18,00$.

Canh ngoài đồng – tuần đồng

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thì phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thì tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thì hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thì mấy dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu phải nguyên giá mà đền.

Điều thứ 37: Đốc canh làm việc được ba năm điều được chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận phải bãi chức thì phải nộp ngôi tộc biểu.

Điều thứ 38: Ai vì sự cứu bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, còn bị thương đến chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho dân làng được khoẻ cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế thường hiểu bảo người làng được biết nhà riêng đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường ai phạm cấm hội đồng phạt (...).

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch những phí tổn về giếng dân trích tiền công quĩ chi.

Điều thứ 44: Trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Làng có ai mắc bệnh hủi lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được vì nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt, lại cấm không được làm chuồng lợn và chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao hay là những chỗ bẩn có thể đổ xuống hồ chung.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống, đê điều

Điều thứ 47: Làng cắt một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều; thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hội đồng để sửa lại đến phá đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho ở đấy lúc nào cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được thì thủ lộ phải tường hội đồng đệ trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hội đồng tháo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 49a: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn thì làng cho ngồi tộc biểu cũng như phó lý nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 50: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ

tháng 11 hay là tháng 12 hội đồng cho rao mõ cho các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy, lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thời cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cả, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$ không được giống giọt (lúa, khoai lang, khoai sọ v.v...) ở bên trong bờ sông như thế, sông ngòi để úng tắc ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò ở ruộng khi lúa đã tốt ai phạm hương hội phạt 0,10$. Nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa ai phạm hương hội phạt 1,00$. Nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thì người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nên ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết ấy nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy đem thi hành và phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng có bên nguyên bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mấy được đi. Việc cầm bán công điền công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894, cùng

điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được, như vậy và cốt là khi làng có động sản hay bất động sản thì hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho dân làng biết trước khi đấu giá mười ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ thì hương hội phải khám xét báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội nhưng vì mất phong thể làng thì hương hội phạt không được dự đình trung tế tự.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thử ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện nay định giao các việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không kể quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thì tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghĩa chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thoả. Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học. Vậy khi làng có đủ tiền và làm nhà trường thì phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thì trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà tràng đã làm xong rồi thì ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là ba đồng bạc.

Phần thứ hai
Tục lệ - sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a. Cách quân phân riêng của làng xã

b. Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh trưng ao, hồ, sông, còn tiền cho thuê điền thổ tiền lãi phiếu quốc trái.

Mỗi khoản phải kê riêng từng mục. Làng có 38 mẫu ruộng hậu, mỗi năm bán đấu giá một mẫu, ước được 8,00$, sung vào công quĩ, nguyên 48 mẫu nhưng trích 10 mẫu giao các thôn nhận canh để sửa các giỗ hậu, hiện còn 38 mẫu sung công, ai mua ruộng đấu giá thì phải nộp thuế và tiền lúa sương khi đã mua đấu giá được rồi

thì tính bắt đầu từ ngày hương hội bán đấu giá, hạn trong 1 tháng hoặc 3 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội, xét cầm lấy ruộng để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng hoặc đìa cấy hay giống giọt thì người thuê chịu mất quyền lợi ấy. Còn ruộng tư văn 3 mẫu, ruộng Thường Tân 5 mẫu, ruộng sóc vong 2 mẫu, ruộng hậu 10 mẫu giao cho các (...) nhận canh, để sửa các tiệc lệ ấy đều không bán đấu giá sung công.

Hôn lệ

Điều thứ 73: Hôn lễ thuyết nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu, ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ ba, bốn, lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng giữ các điều nhầm dại, thánh hiền có để nhời lại chính đáng để dạy bảo cho dân theo, đến như những lời của dân ta thường nói (lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống), mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách để hôn đó, lại nói bằng đôi phải lứa, vợ chồng như đũa có đôi, mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế cách thể hôn đó, xem như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học bằng con giai và để giành vốn riêng cho con gái, chứ không nước nào đem con gái đem gả bán lấy tiền nhà giai, ấy luân lý phân minh là thế ấy, tinh tục hay hớm là thế có sánh mấy hiện tại của dân ta ngày nay, thì sao các điều nhầm dại không sao kể xiết được, phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi hết các tệ tục ấy cho dân tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

1. Làng ai có con giai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên phải tường hương hội biết để hương hội xét xem hai người định lấy nhau ấy tuổi có hợp lệ không, hay có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị ra tại đình

trung hội sở trong 15 ngày, cho ai lấy điều biết nếu tuổi hợp lệ hay không có điều gì ngăn trở thì nhà gái mấy được làm lễ kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biên một chai rượu mấy 100 khẩu giầu ra yết thần rồi tường hương hội biên vào sổ giả thú, giầu lễ ấy biếu hương hội.

4. Cheo nội 1,00$ cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp cheo rồi và giao sổ giả thú là hôn lễ đủ rồi không phải phí tổn gì mấy làng nữa, còn những tục hủ bại như chăng dây, đóng cửa, nhà gái cheo xóm cheo họ cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội bắt phạt 0,50$.

Điều thứ 74: Tang lễ thuyết

Khi có ai chết trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh dịch thì phải chôn ngay trong ngày hôm chết, nói rõ tục lệ tang lệ và tiền lệ nộp làng là bao nhiêu.

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vị bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy, mà giết trâu lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không, chắc trả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến ăn uống no say nói cười vui vẻ thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng giả lời rằng không, còn như việc hộ tang cho nhau thì là cái nghĩa cứu giúp cái nợ đồng lần, chứ không phải là vị đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo. Khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn lấy thế làm báo đáp cho cha mẹ vinh diên với gương quan, đến nỗi tốn trăm đến nghìn, mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại, than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thờ không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần. Khi các ngài ta thế, tế tuần kia để giả nợ miệng thiên hạ đã không ích gì đến người chết mà lại hại cho người sống gọi báo hiếu thế có lạ chi, cũng có người

hay biết là tục dở, song hoặc sợ thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi nhưng chịu là nhắm đổi không dám đổi, nay nhờ thượng hiếu rủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thật là tỏ tường các trình tục cũ là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo cho sau này nhà có tang, tuy có thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của, kẻ bô truyết tránh khỏi tiếng xấu mà lại được tiếng khen. Vậy các lệ tang đinh như sau này: Lệ khi người chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm, hạn trong 48 giờ phải mai táng, nếu chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thì trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

Nhà nào có đám ma phải sửa một 100 miếng giầu cho tộc biểu về phái người tang chủ đến tường hương hội, xem nộp về lệ nào để cắt chấp hiệu và đô tuỳ cùng các đồ tang khí, đi tống táng lệ ấy phân biệt như sau này.

Thượng lệ 10,00$, 4 người chấp hiệu cắt người đàn anh trong giáp chủ, 40 người đô tuỳ cắt trong giáp tang chủ.

Trung lệ 5,00$, 4 người chấp hiệu 24 người đô tuỳ.

Ha lệ 1,00$, 2 người chấp hiệu 18 người đô tuỳ.

Trước khi chuyển cữu thì chấp hiệu mấy đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp, hạ bái nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì vái 3 vái, còn ai vị thứ ngang hàng hay ở dưới người chết thì lễ hai lễ để tỏ tình thương xót, lễ kính trọng của làng đối mấy vong. Về phần tang chủ và là người để tang từ 5 tháng giở lên phải đáp lễ lại.

Người nào chết mà nghèo khổ không ai thân thích trông nom về sự tống táng thì hương hội trích công quĩ 3,00$ giao trương tuần mua vản rồi cắt tuần tráng đi tống táng cho người chết ấy cho chu tất, lại trích một 1,00$ nữa để chi giầu nước cho những người khi làm việc ấy.

Khi tang chủ đã nộp tiền rồi làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ của nhà tang chủ đối với làng mà làng đối với tang chủ hai bên hoàn toàn không còn thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu trích để quấy nhiễu về sự ăn uống hoặc tiền nong hương hội

thực phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung 100 ngày, chỉ có sau khi an táng, tang chủ muốn đãi người chấp hiệu và đó tuỳ bữa cơm thường thì tuỳ ý không cấm.

Điều thứ 75: Tiền vọng tiền khao tiền vọng lão v.v... mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh các viên chức có phẩm hàm và các kỳ lão là bậc xỉ tước, ai cũng kính trọng không phải là phải có món tiền khao vọng mấy có vị thứ, nhưng làng đình thu món tiền ấy là có ý tỏ ra rằng các bậc đạt tôn là cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng để làm gương khuyến khích cho kẻ sau, duy hạng lão 70 tuổi giở lên sự hy vọng ở trên đời thì ít có, chỉ mong vào con cháu thì nhiều, nếu ai sống thêm một tuổi lại mất tiền thêm một món thì trước là trái nghĩa thượng xỉ sau nữa người không theo, vậy lệ vọng tiền nên được miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mấy mua được chỗ ăn ngồi, nhẽ ấy công bình lệ này minh bạch. Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm giở lên khao vọng 50,00$. Văn ngũ lục phẩm, võ lục thất phẩm Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân 40,00$. Văn thất bát phẩm, võ lục thất phẩm giở xuống Pháp học tú tài, bổ thụ chánh tổng 30,00$. Chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó trưởng, chánh phó hương hội chưa có vị thứ Pháp học, trung đẳng tốt nghiệp, lý phó trưởng thủ quĩ, thư ký nội ban tộc biểu chưa có vị thứ 10,00$. Ngoại ban thư ký quản xã, quản thụ, quản lộ, tiểu học tốt nghiệp, học sinh, 5,00$.

Vọng hương lão 61 tuổi chia làm 2 hạng. Thượng hạng 10,00$. Hạ hạng 3,00$ và một chai rượu, 100 khẩu giầu hoặc 200 cau khô ra yết thần rồi tường hương hội biết, các viên chức hương lão nộp lệ khao vọng trên này thì kể từ ngày hương hội được phái thu ngân, hạn trong 3 tháng là cùng phải đem nộp quĩ cho đủ, nếu quá hạn không những trái hương ước lại ngăn trở sự chi thu hương hội, sẽ trừ vị thứ của người ấy đi và trình quan trên xét nghĩ.

Điều thứ 76: Việc sửa lễ vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngồi thứ trong đình, bản vị thứ v.v...

Tu tiến lễ vật

Tết Nguyên Đán 2 lễ xôi gà, cau rượu cộng 3,00$ ngày 4 tháng 3 ngày thần tích khao binh sĩ 3 lễ oản quả, giầu, rượu cộng 6,00$.

Ngày mồng 5 tháng 5, 2 lễ xôi gà, giầu, rượu cộng 4,00$ Thượng Điền, Hạ Điền 2 đình 4 lễ xôi gà cộng 8,00$, ngày 11 tháng 8 vào đám 3 ngày, mỗi ngày lợn 6,00$, xôi 2,00$ rượu 1,00$ hoa quả 1,00$ cộng 30,00$.

Ngày mồng 10 tháng 10, 2 lễ xôi gà cộng 4,00$ ngày 12 tháng 11 thần tuý 2 lợn 24,00$ xôi 8,00$ rượu 2,00$, hoa quả giầu cau 2,00$ cộng 36,00$ giao lý trưởng, tổng cộng 91,00$ còn đồng niên các lễ không phải chi tiền công như sau này.

Tháng 2 tháng 8 cúng tế những đạt hậu, trong làng đã có 48 mẫu ruộng hậu, trích ra 10 mẫu giao các người cai đám 3 thôn nhận canh để sửa lễ này.

Tế tự văn xuân thu 2 kỳ đã có 3 mẫu ruộng giao cho đang cai nhận canh sửa 2 lễ ấy, đồng niên sóc vọng đã có 2 mẫu giao cho thủ từ nhận canh để sửa lễ sóc vọng 2 đình, lễ xong chức sắc và hương lão từ 60 tuổi giở lên quân huệ.

Tiệc xôi mới 3 thôn mỗi thôn có một mẫu ruộng giao cho 3 người cai đảm nhận canh để sửa lễ Thường Tân, hương lý sửa lễ vọng đồng niên 24,00$. Vị thứ đình trung có 4 dòng chiếu ngồi, gian giữa 2 dòng, dòng bên tả từ 70 tuổi giở lên rồi đến chức sắc, phẩm hàm, tục lệ khao vọng hạng 2 giở xuống dòng bên hữu. Khoa mục, phẩm hàm từ lệ khao vọng hạng nhì giở lên rồi đến hương lão 69 tuổi giở xuống đều chiểu theo tuổi hơn kém mà ngồi.

Dòng chiếu thứ 2 gian bên tả, đương thứ phó trưởng thôn, lý dịch, quan lộ, tuần tráng v.v... Dòng thứ 2 gian bên hữu các tộc biểu và các hương chính đã trông nom công việc cho làng 3 năm không can liên gì, đều chiểu theo thứ tự mà ngồi.

Các chức hàm quyên và các vị thứ bán cứ chiểu phẩm trật cùng vị thứ trong các chiếu mà ngồi, cấm không được phân biệt, các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên thì võ giai phải kém văn giai hai trật. Các chức dịch từ phó lý giở lên thì chức dịch bầu hơn chức mua, còn như các phẩm hàm, chức dịch kẻ tân người cựu, vị thứ như nhau không được phân biệt.

Các viên chức có vị thứ trên này mấy được dự tế đình trung, nhưng người tộc biểu trước kia không có chức phận chưa có thứ vị đình trung, khi được bầu cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Bán vị thứ: Khi làng cần phải bán vị thứ gì khác nữa phải trình quan sở thương hiếu tỉnh cho phép mấy được.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các khoản cũ trái hương ước này đều bỏ đi.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước nói trên thì hương hội tuỳ tình nhẹ nặng mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự 1 hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thì thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y rồi làm thành bốn bản, chính bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở toà sứ.

Le 20 Aout 1942

Thừa sao hương ước tục lệ đệ trình

Le lý trưởng Le thư ký

Le tiên chỉ

HƯƠNG ƯỚC LÀNG CỔ ĐIỂN

Xã Tục Lệ, tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng:

Thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 4 nghị định ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

Một là: Khi phải đi xa trong vòng năm km thì không được tiền lộ phí.

Hai là: Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là: lên tỉnh 0,80$ lên huyện 0,40$.

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, khi lên huyện cả khứ hồi không được quá hạn một ngày, đi lại ở trong hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã ghi trong nghị định quan thống sứ, ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức ngôi thứ, tổng lý, hay lên lão...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã đính trong hương ước này thì ngoại giả không ai phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công qũy mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chánh hương hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quỹ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy. Cứ đến cuối tháng thời hương hội kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội phải tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết. Hễ yết thì thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong giao phần thu các họ người nào việc ấy phải hành thu mà giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc, thu tiền gì phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phát lai của nhà nước phát, sổ bổ về những khoản gì thì ở tờ phát lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế, cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 14a: Trong một tháng hương hội có thường hội đồng 2 lần là ngày 1 và ngày 15 từ 8 giờ sáng đến 2 giờ. Ai có việc cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh, tử, giá thú, hay muốn hỏi việc gì thì cứ đến ngày ấy đến sở hội đồng mà tường. Hoặc ai có việc kiện vào thuộc về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thời phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thời hương hội lập biên bản lưu chiểu nguyên, bị đều ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải sao biên bản trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hoà giải không xong, hương hội cũng dựng biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án thời người thua kiên phải chịu tiền phí tổn

Điều thứ 17: Những việc hình sự, dù không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là lệnh cho tuần tráng sách nhiễu nhà chủ sự.

Việc canh phòng trong làng

Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thẩy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con hoặc gia hạ canh thay, cấm không được nộp tiền cho làng để làng thuê người canh thay cho như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm các ban mỗi ban canh độ 3 tháng hoặc sáu tháng hoặc một năm, mỗi ban bầu 1 người trong ban làm đốc canh. Khi trong làng có cướp phát thời tất cả các ban canh nghe động hiệu, phải đến cứu ngay với ban canh đương thứ.

Phụ mục canh phòng

Điều thứ 20a: Tuần ban lấy vào các xóm (trong làng có 5 xóm) mỗi xóm 1 năm hễ đến lượt xóm nào thì xóm ấy phải cử 2 người trương tuần và 20 người tuần tráng chia làm 2 ban: 1 trương tuần và 10 người tuần tráng làm ban tuần nội, 1 trương tuần và 10 người tuần tráng làm ban tuần ngoại. Hễ khi trong làng có cướp phát thì tất cả 2 ban tuần và đinh tráng 5 xóm nghe động hiệu đều phải đến cứu ứng ngay.

Điều thứ 20b: Mỗi tối phải để 4 người tuần tráng canh điếm, còn thì trương tuần đốc suất đi tuần luôn trong làng để kẻ gian khỏi vào, tối sau lại đổi ban tuần ngoại về tuần nội, mà ban tuần nội lại ra ban tuần ngoại cho đều nhau.

Điều thứ 20c: Trong khi sự chủ mất trộm cắp, hương hội phải đến khám xét xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu, kê vào biên bản cho thực phân minh thì trương tuần và cả ban tuần nội đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, đợi khi các điền chủ nộp tiền lúa sương rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi, chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi, còn như có việc cướp phát to mà tuần ban ứng cứu làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng cứu ứng để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 20d: Canh ngoài đồng

Một người trương tuần và 20 người tuần tráng làm ban tuần ngoại để trông coi đồng điền. Khi ngoài đồng không có lúa mạ hoa màu thì chỉ trích 5 người tuần tráng theo trương tuần tối nào cũng đi tuần các đồng điền, các địa phận của làng để ngăn ngừa kẻ gian phi, còn thì lại hợp với ban tuần nội để thay đổi tuần canh trong làng.

Điều thứ 20e: Tuần tráng cứ cắt lượt và chọn những người khoẻ mạnh, trương tuần và tuần tráng phải ký nhận vào 2 bản danh sách canh phòng: 1 bản giao lý trưởng để trình quan sở tại, 1 bản lưu chiểu ở các điếm sở phải có cái biển kê tên những người trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 20g: Trương tuần và tuần tráng là lần lượt các tráng phải cắt người ra trông coi việc tuần phòng cho làng, từ ngày mồng 1 tháng 6 ta năm trước đến mồng 1 tháng 6 ta năm sau là hết hạn. Hương hội sẽ cắt đến ban tuần xóm khác. Trương tuần làm việc 1 năm thanh thoả thì cứ được theo thứ vị cũ của mình, nếu làm không hết bổn phận thì sẽ phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh của ai người ấy phải sắm phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tuỳ làng lớn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thì nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thời 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 thời phải giải lên toà án xét phạm về tội phạm vào khoản thứ II, điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$ bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thời phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phát, tuần đã hết sức kháng cự, mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân, hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử 1 người trương tuần và ít ra là (...) tuần tráng để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khoẻ.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hư tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá, làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay, giải hương hội xét, phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt như người phạm. Trừ ra không thể chiếu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ, hoa mầu, ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,40$ nộp làm 2 thứ (tháng 5, tháng 10) tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau có đến vụ gặt thì các điền chủ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ. Làng cấp lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát. Trương tuần và tuần tráng đồng niên mỗi người 12,00$, nhưng phát làm 2 kỳ đúng vào kỳ các điền hộ nộp tiền lúa sương. Cấp lương cho lý trưởng đồng niên 36,00$ thư ký 28,00$, hộ tịch 18,00$, thủ quĩ, thủ lộ, phó lý đồng niên mỗi người 12,00$ cũng phát làm 2 kỳ như trên.

Làng cấp tiền công cho tuần, không kể nội canh hay phụ canh, đều đồng niên mỗi mẫu là... hào, tiền ấy cho làm 2 thứ, một thứ tháng năm, một thứ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, tự giờ về sau cứ đến ngày vụ gặt thì điền chủ phải đem nộp lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm, đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như: hoả tai, cướp bóc hay đề sạt, trừ những người 60 tuổi giở lên và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc trọng thương thành tật, làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến chết, làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt ...

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết, cấm không được vất xuống hồ, ao, ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,50$. Lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ đó bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ, để trông coi đường sá cầu cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để

sửa lại. Đến như đê điều thì thủ lô phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn đê cho lúc nào cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thì thủ lộ phải tường hương hội kê trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải xin phép hương hội tháo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 49a: Những đường cái công, cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu có cần phải lấy nước thì phải xin phép quan trên cho đặt cống mới được. Ai không tuân hương hội bắt giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc được ba năm chu toàn, thì làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý. Nếu không làm hết bổn phận, thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước, cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay 12 hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy, lấy bùn bỏ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không được giồng giọt khoai lang, khoai sọ ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ ùng tắc ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã, nghĩa là, nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân khi có việc phải đi kiện cáo, thì dân làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi, việc cầm bán công điền, công thổ, đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 thì cấm hẳn nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy và cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ thời hương hội phải khám xét báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn có ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy, dù quan chiểu luật trị tội, nhưng mất phong thổ làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tư trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thì tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thoả. Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi, đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, tiền mua đất cũng không được quá 3,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

Làng có ao công 2 mẫu, đất công 1 mẫu 5 sào, ruộng hậu 10 mẫu 5 sào. Mỗi năm đến tháng Giêng bán trương ao công, tháng 5 bán trương đất công và ruộng công mà bán theo cách bán đấu giá được bao nhiêu tiền sung công cả.

Lại có 6 phiếu quốc trái năm 1928 hiện ký tại toà tiền lãi mỗi năm được 3.43$.

Khi bán đấu giá thì cứ bán độ 2 mẫu là 1 phiếu để tiện người mua, người mua đấu giá thì phải chịu nộp thuế và tiền lúa sương. Khi mua đấu giá được rồi phải đem tiền nộp vào công quĩ ngay, hoặc còn thiếu ít nhiều hạn trong 1 tháng đến 3 tháng là cũng phải nộp cho đủ. Nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cắm lấy những ruộng đất và ao đã bán cho

người ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử. Còn như ruộng đất hoặc đã cày cấy, ao hoặc đã thả cá, cấy rau người ấy cũng phải chịu mất quyền lợi ấy. Còn ruộng chùa hơn 4 mẫu, ruộng đèn hương đình hơn 4 mẫu, giao cho nhà sư và thủ từ cày cấy để đèn hương đình chùa và làm lương ăn đồng niên, đều không bán đấu giá sung công.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, 4 lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 2, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chỉnh đáng để dậy bảo cho tuân theo. Tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói "vợ chồng như đũa có đôi" bằng đôi phải lứa, mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thể hôn đó, đến như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học như con trai để dành vốn riêng cho con gái chứ không nước nào đem cho con gái mà gả bán để lấy tiền của nhà trai, ấy luân lý phân minh là thế, tình tục hay hơn là thế, so ngay với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao? Các điều nhầm dại không sao kể xiết được. Phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi hết các tệ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

1. Trong làng con giai từ 18 tuổi, con gái 17 tuổi giở lên mới được (...)

2. Trước khi làm lễ vấn danh (tục gọi là lễ ăn hỏi) bố mẹ 2 bên phải đến tường cho hương hội biết để cho hương hội xét xem 2 người đính lấy nhau ấy, tuổi có cập lệ không và có điều gì ngăn trở hay không, rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày cho ai nấy đều biết. Nếu tuổi cập lệ và không có ý điều gì ngăn trở thì nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong 1 tháng là cùng người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu ra đình yết thần, rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú. Giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 1,00$ cheo ngoại 3,00$.

5. Khi đã nộp lê lan nhai (tức là lệ cheo) vào sổ giá thú la hôn lệ đủ rồi, không phải chịu phí tổn mấy làng nhẽ gì nữa. Còn những tục hủ bại như: chăng giây, đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta, thời nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng nếu chết về bệnh dịch thời phải chôn ngay trong ngày chết.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, ví bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không? Chắc giả nhời rằng không. Trong làng mình gặp cảnh ngộ ấy, mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không? Chắc cũng giả nhời rằng không? Còn như việc hộ tang cho nhau, thời là cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lần, chứ không phải vị đám ăn mà tìm đến. Thế mà tục hủ lưu truyền, thói đời bạc bẽo, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn, lấy thế là đủ báo đáp cho cha mẹ, vinh hạnh với hương quan đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà mất ruộng, cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được 1, đến khi các ngài ta thế tế tuần nọ, tế tuần kia, để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết mà lại hại cho

người sống, gọi là báo hiếu thế có lạ chưa! Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm, hoặc miệng thị phi, nhẩm chịu là nhẩm, đổi không dám đổi. Nay nhờ thương hiếu nhủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tỏ tường, các tình tục rất là chính đáng, dân ta nếu bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của, kẻ bô chuyết tránh khỏi tiếng xấu, mà lại được tiếng khen. Vậy các lệ tang định như sau này:

1. Khi ai chết về mùa đông, hay không phải là bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu chết về mùa hạ hay là bệnh truyền nhiễm thời trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu cho tộc biểu và phải người tang chủ đến tường hương hội. Hương hội xem tang chủ nộp vào lệ nào liệu mà cắt chấp hiệu, đô tuỳ và tang nghi đi tống táng, các lệ ấy phân biệt như sau này: Thượng lễ 20,00$ 4 người chấp hiệu, 40 người đô tuỳ, đưa đòn đại dư. Trung lễ 10,00$ 2 người đưa đòn tiểu dư. Hạ lệ 5,00$ 1 người chấp hiệu 20 người đô tuỳ đưa đòn tiểu dư.

3. Trước khi chuyển cữu, người chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là trong đám đô tuỳ ai vị thứ hay tuổi trên người chết thời chỉ vái 3 cái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng hay ở dưới người chết thời phải lậy 2 lậy, để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với người, công dân. Về phần tang chủ, thời phải đem tất cả anh em, dâu rể, con cháu nội ngoại (là những người phải để tang người chết từ 5 tháng giở lên) ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ không có người thân thích trông nom về sự tử tang, thì hương hội trích tiền công 3,00$ tống táng người ấy cho được chu tất và trích tiền công 1,00$ để chi tiền giầu nước cho tuần tráng trong khi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ phải nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử, thế là tình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với

nhà tang chủ, 2 bên hoàn toàn không còn thiếu lễ gì nữa. Nếu ai lấy thế lực, hoặc mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc sự tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ người ấy trong hạn (...) ngày, chỉ có sau khi an táng, tang chủ nếu có muốn đãi những người chấp hiệu, đó tuỳ 1 bữa cơm thường, thời tuỳ ý không cấm.

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mình, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước, ai cũng kính trọng không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng đình thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng: cái bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khích khuyến cho kẻ sau. Duy hạng lão 70 tuổi giở lên, sự hy vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông mong vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất tiền thêm một món thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn. Đến như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ ăn ngồi, nhẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm quan, võ tam phẩm giở lên khao 50,00$ vọng 30,00$ đồng. Văn tứ ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm Pháp học tiến sĩ, cử nhân, khao 40,00$ vọng 25,00$. Văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng khao 40,00$, vọng 20,00$. Văn bát phẩm, võ thất phẩm giở xuống Pháp học trung học tốt nghiệp học sinh, bổ thụ chánh tổng, khao 35,00$, vọng 15,00$. Chánh phó tổng, nghị hội viên thưởng hàm, lý phó trưởng, chánh phó hương hội chưa có vị thứ khao 30,00$ vọng 10,00$. Lý trưởng cùng thủ quĩ tộc biểu, thư ký nội ban chưa có vị thứ khao 25,00$ vọng 10,00$. Phó lý ngoại ban thư ký, trương tuần, quản lộ, quản thụ, tiểu học tốt nghiệp học sinh, khao 20,00$ vọng 5,00$ người mua xã cựu khao 50,00$ vọng 30,00$, khi làng cần bản ngôi ấy phải xin phép quan trên cho mới được.

Hương lão khao 15,00$ vọng 5,00$ nếu người nào nghèo quá không khao vọng được, 70 tuổi giở lên không phải khao vọng chỉ phải sửa 100 khẩu giâu 1 chai rượu trước yết thần sau tường hương hội mà thôi, giâu rượu ấy ai có mặt tại đình quân huê. Các lệ khao vọng trên này chỉ trừ chánh phó tổng, chánh phó lý, trương tuần, quản lộ, quản thụ thì khi làm việc mãn lệ thanh thoả rồi mới phải nộp lệ khao vọng, đến khi phải nộp hạn trong 6 tháng phải nộp cho đủ. Còn ai phải nộp lệ khao vọng thì kể bắt đầu từ ngày hương hội phải thu tiền hạn trong 6 tháng cũng phải nộp cho đủ, ai không tuân hương hội sẽ trình quan xét xử.

Tế sự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ

Tết Nguyên Đán lợn 6,00$, xôi 2,00$, rượu 0,50$, hoa quả 0,50$, pháo 1,00$ cộng 15,00$.

Tiệc khai ha (mồng 6, 7 tháng Giêng) bò 25,00$, xôi 3,00$, gạo tẻ 5,00$, rượu 1,00$, hoa quả 1,00$, cộng 35,00$.

Tiệc miếu Om Bà (mồng 2 tháng 3, mồng 2 tháng 7) mỗi lễ lợn 6,00$, xôi 2,00$, rượu 1,00$, hoa quả 1,00$, cộng 10,00$ hai lễ hợp cộng 20,00$.

Tiệc sinh nhật đức Kiển Vị (16 tháng 3) và việc hoá nhật đức Kiển Vị (mồng 2 tháng 7) mỗi lễ lợn 12,00$, xôi 2,00$, gạo tẻ 4,00$, hoa quả, rượu, pháo 2,00$ cộng 40,00$ việc sinh nhật đức Khôn Vị (12 tháng 10) và hoá nhật đức Khôn Vị (12 tháng 11) tiệc y như lễ sinh hoá đức Kiển Vị cộng 40,00$ thường xôi gà 15,00$, xôi 0,50$, rượu 0,20$, hoa quả 0,30$ cộng 25,00$. Giao Thừa y như lễ Thường Tân, cộng 25,00$. Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần lễ oản quả 1,00$, cộng 24,00$.

Tổng cộng 179,00$.

Đồng niên 36 lễ kỵ hậu mỗi kỵ lễ oản quả 15,00$ cộng 54,00$.

Chức phận chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng cũng phải nộp tiền khao vọng

như điều 75 đã nói ở trên. Bán vị thứ khi làng cần phải bán vị thứ gì, phải trình quan thượng hiếu tỉnh cho phép.

Ngày 17 tháng Chạp An Nam kỷ niệm tử tuất cộng 15,00$.

Đồng niên tế tự, giao 2 người đương cai lĩnh tiền công quĩ ra để chi biện. Lễ Kỳ An tháng Giêng ngày 10 cộng 20,00$.

Vị thứ (vị thứ trong đình chia làm 4 dòng)

1. Triều quan văn võ: Văn tứ phẩm ấn quan, võ tứ phẩm giở lên, thứ đến văn tòng tứ, võ tòng tam giở xuống.

2. Hương lão 80 tuổi giở lên, thứ đến 70 tuổi giở xuống 57 tuổi giở lên.

3. Chức dịch: Bổ thụ chánh tổng, thứ đến chánh phó tổng, nghị hội viên, thứ đến thưởng hàm lý phó trưởng, lý phó trưởng, trương tuần, quản lộ, quản thụ, hương dịch, xã cứu.

4. Hội đồng tộc biểu: Chánh phó hương hội, thứ đến thủ quĩ, thư ký tộc biểu, ngoại ban thứ kỳ.

Các phẩm hàm quyên, các vị thứ mua, ai được chiếu phẩm trật cùng ngôi thứ trong dòng mà ngồi cấm không được phân biệt.

Các vị thứ nói ở trên này, thì võ giai kém văn giai trật, chức dịch bầu hơn chức dịch mua. Những người có vị thứ trên này, mới được dự tế đình trung, tế xong những người dự tế đều được quân huệ chứ không cử biếu ai. Duy có ngôi chủ lễ và tả văn (2 ngôi ấy chọn 3 trong hàng chiếu quan giở xuống đến chánh phó tổng, chánh phó hương hội) trong khi tế lễ khó nhọc hơn cả, mỗi tiệc trích biếu 2 ngôi ấy mỗi người 4 quả chuối hoặc 5 quả cau cho có phân biệt.

Những người tộc biểu trước kia không có.

Các thuế của làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa, thuế trâu, bò, thuế nhà cửa... v.v. thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước. Mỗi thứ thuế phải kê riêng từng mục.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này các điều khoản ước gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái với khoản ước trên thì hương hội tuỳ tình ý nhẹ nặng mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao nhiêu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần, thì thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã tinh trong hương ước này lập riêng cho làng thi dân còn phải tuân theo lề luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản chính; bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở toà sứ.

Thừa sao chính bản.

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ LƯƠNG NỖ

Tổng Tuần Lễ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ, ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị đình ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng, thể lệ như sau này:

1. Khi đi xa trong vòng 5 km thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá trong vòng ấy thì được tiền lộ phí ngày là lên tỉnh mỗi ngày 0,60$, lên huyện 0,30$ và đốc bổ thu thuế, ngày 0,30$.

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày, khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá 1 ngày.

Đi lại trong xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ, thì không được tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong làng xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ, ngày 12 tháng tám Tây năm 1921

về việc chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền, đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng thưởng hàm chức ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ lệ rồi mà đã định trong hương ước này thì ngoại ra không phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai, thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy. Cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiền chi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em ruộng phụ canh hay nội canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ, phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý phó trưởng người nào việc ấy mà hành thu mà đem vào kho bạc.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế, thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thì phải mở hội đồng lấy lẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thời lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hoà giải không xong, hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hoà giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được ăn uống hay là để tuần tráng nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng là giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thảy người làng từ 18 tuổi giở lên đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra các người đang làm việc các sở, người chức sắc khoa mục đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng, hoặc mắc việc không ra canh được, thì có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay hoặc nộp cho làng... để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm... ban, mỗi ban canh độ 3 tháng, hoặc sáu tháng hoặc 1 năm, mỗi ban bầu 1 người trong ban làm đốc canh. Khi trong làng có cướp phát, thì tất cả các ban nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban canh đương thứ.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được, thì làng cấp công sắm cho, hết ban canh phải giao giả làng.

Điều thứ 22: Tuỳ làng nhớn hay nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn tiền lập điếm, làng tính tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh, cứ đến gần tối thì nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở, phải mượn người đi thay, nếu bỏ không canh thì hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thì sẽ phải giải lên toà án xét, phạm về tội phạm vào khoản thứ 2 điều thứ 229 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn trong làng. Để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm, cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phát tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thì không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng thường phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ thì phải bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là tuần tráng, để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khoẻ.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần tráng coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm huỷ tổn thì phải tường hương hội xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi các việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội, không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá, làm ruộng bị cạn, thì tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn, thì hội đồng bắt phạt tiền, như người phạm. Trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mẩu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần, không kể nội canh hay ngoại canh, đều đồng niên mỗi mẩu là 0,80$, tiền ấy cho làm 2 thứ, một thứ tháng năm một thứ tháng 10, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến vụ gặt thì điền chủ đem nộp lúa sương cho thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm đều chu toàn, thì làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thì phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cấp cứu như là hoả tai, cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi giở lên và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu, đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết, làng cấp tiền cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho làng được mạnh khoẻ, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo những người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vứt uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,30$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân tình tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan xét thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$. Lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ, ao hay là những chỗ đó bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy hơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa chữa lại, phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt. Khi chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thì thủ lộ phải tường hội đồng kê trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải xin phép hương hội, tháo xong lại phải đắp lại kỹ lưỡng như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc được 3 năm chu toàn, thì làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng. Mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12 hội đồng cho rao mõ, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy. Lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ ruộng mà lại không đắp lại làm cho bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, phạm hương hội phạt 10,00$, cấm không được giồng giọt lúa, khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngoài dễ úng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng như khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 0,10$ nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của công của làng, thì người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn, hoặc cầm cố bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép của quan trên cho, thì không được làm tờ giao kết gì, để làng phải chịu trách nhiệm về việc tuần nông.

Những tờ giao kết, nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu có lý trưởng áp triện, cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở giấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy đang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo, thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi. Việc cầm bán công điền, công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư năm 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 tháng 3 năm 1906 thì cấm hẳn. Nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản, thì hương hội đấu giá kín. Nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính kèm theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng bạc lấy hồ, thì hương hội phải khám xét báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã báo trước mà còn cố ý phạm cấm thì bảo lý trưởng bắt tang vật, lập biên bản trình quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy, dù quan chiểu luật trị tội nhưng mất phong thổ làng thì hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong 100 ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen, khi có quan trên đến làng, chỉ có lý phó trưởng ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai như thế thì không tiện, nay định giao các việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thì tuần phải báo các tộc biểu.

Điều thứ 64: Các tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà

nào thì phải dẫn khám; khi khám có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thoả.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm trường, thì phải làm trường ở làng cho trẻ con đi học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về các việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo lẽ thì trẻ con lên tám tuổi thì phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi, thì 2 sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho các con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng của làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quân cấp điền thổ

Điều thứ 72: Ruộng hậu 21 mẫu 4 sào, ruộng công điền 9 mẫu, mỗi năm đấu giá lấy tiền sung quĩ, xã lại có 10 mẫu tam hạng thổ, ở giáp Tâm Giang cũng mỗi năm trích lấy tiền sung quĩ, ai mua đấu giá

phải đóng thuế và phải chịu tiền lúa sương, khi đã mua được rồi, thì tính bắt đầu từ ngày hội đồng bán đấu giá, trong một tháng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cầm lấy ruộng ấy để đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng đã cày cấy giống giọt người ấy cũng phải mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Trong làng con trai từ 18 tuổi con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú. Khi sắp làm lễ vấn danh (tức lễ ăn hỏi) bố mẹ hai bên phải tường cho hương hội xét xem hai bên định lấy nhau ấy tuổi có hợp lệ hay có ngăn trở sự gì không, rồi yết trong hạn 10 ngày, cho ai ấy đều biết, nếu tuổi hợp lệ và không ngăn trở sự gì, thời nhà trai mới được vấn danh để kết hôn. Khi thành hôn rồi, hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn, biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy hương hội có mặt tại đình quân huệ. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 1,00$. Khi đã nộp lệ lan nhai (tức là lễ cheo) vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không phải phí tổn mấy làng gì nữa, còn như những tục hủ bại như chăng dây đóng cổng nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp, làm cho lôi thôi việc người ta, thời nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: 1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm, hạn trong 48 giờ đồng hồ phải đem mai táng, nếu ai chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm hạn trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma, phải sửa 100 miếng giầu, giao tộc biểu về phái nhà tang chủ, phải đến tường cho hương hội biết, để xét xem nộp về lễ nào, các chấp hiệu và đô tuỳ cùng đổ tang nghi, đi tống táng, các lệ ấy phân biệt như sau này: Đại lễ 12,00$, 2 người chấp

hiệu, 24 đô tuỳ, trung lệ 8,00$, hai người chấp hiệu 16 đô tuỳ, hạ lệ 3,00$ 1 người chấp hiệu, 12 người đô tuỳ, chấp hiệu người biểu nào cất về biểu ấy, đô tuỳ cất về thôn tang chủ, chấp hiệu và đô tuỳ trích tiền công quĩ phát cho mỗi người 0,10$.

3. Trước khi chuyển linh cữu chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng cấp hạ bái, nghĩa là chấp hiệu và đô tuỳ ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết, thì chỉ vái hai vái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng thì chỉ lễ hai lễ, để tỏ tình thương xót kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ thời phải đem tất cả anh em dâu rể con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ, không có ai trông nom về sự tống táng, thời hương hội trích 3,00$ tiền công quĩ giao cho đàn anh trong giáp ấy đi tống táng, lại trích 1,00$ để chi tiền giầu nước cho những người đi làm việc ấy.

5. Khi nhà tang chủ đã nộp lệ cho làng rồi đi tống táng và vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng không còn thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước sách nhiễu nhà tang chủ về sự tiền nong hương hội phạt 1,00$ và truất vị thứ 100 ngày, chỉ sau khi an táng nhà tang chủ, nếu muốn đãi chấp hiệu và đô tuỳ một bữa cơm thường thời tuỳ ý không cấm.

Những tục lệ khác

Điều thứ 75: Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm dĩ thượng khao vọng 50,00$, văn tứ ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân tú tài vọng 30,00$ văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học tú tài cao đẳng, vọng 30,00$, văn bát phẩm, võ thất phẩm, thưởng hàm chánh phó tổng, trung học tốt nghiệp học sinh, vọng 20,00$, văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm thì sai chánh phó tổng thưởng hàm lý phó trưởng vọng 10,00$, nghị hội viên chánh phó hương hội, lý phó trưởng, từ bạch đinh làm lên phải nộp tiền khao 30,00$, tiền vọng 10$, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, tiểu học tốt nghiệp cùng những người vị thứ bằng chánh phó lý khao vọng 15,00$.

Lệ vong lão hạng 60 tuổi người giầu 2,00$, người nghèo 1,00$ và 50 khẩu giầu 1 chai rượu, trước yết thần, sau kinh dân, các vị thứ mua cử theo vị thứ mà nộp tiền khao vọng.

Các viên chức hương lão phải nộp các lệ trên này, hễ đến kỳ nào hay năm nào phải nộp các lệ ấy thời kể bắt đầu tự ngày hương hội đưa phái thu ngân, hạn trong một tháng đến 6 tháng là cùng phải nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn, không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ người ấy đi và trình quan trên kết nghĩ.

Tế tự

Điều thứ 76: Ngày tết Nguyên Đán 3,00$, mồng 7 tháng Giêng sinh nhật 17,00$, mồng 8, mồng 9, mồng 10 chi 3,00$, mồng chín tháng 3 hoá nhật chi 3,00$, mồng một tháng Tư Hạ Điền chi 2,00$, tết Đoan Ngọ 1,00$, lễ Thượng Điền 2,00$, lễ Thường Tân 2,00$, lễ Trùng Thập 2,00$, mồng chín tháng 11, 2,00$, ngày 25 tháng Chạp 2,00$, lễ Giao Thừa 1,00$, ngày 25 tháng một chi 10,00$, đồng niên hợp tế các hậu thần xuân thu nhị kỳ chi 20,00$, đồng niên 24 tuần sóc vọng hoa quả, tửu đã có đương cai.

Vị thứ đình trung chia làm 3 hạng, hạng thứ nhất trên tự triều quan văn võ, chánh phó hội, đến phó trưởng, đương cựu, hàng thứ hai từ lão 61 tuổi giở xuống đến thư ký, thủ quĩ, tộc biểu, trương tuần (không có chân lý phó cựu) tiểu học tốt nghiệp.

Hạng thứ ba trên từ lão 60 tuổi, binh, đinh (không có chức vị) đến dân đinh 18 tuổi.

Phụ tả văn và chủ tế

Cử từ triều quan văn võ cho đến lý phó trưởng mãn lệ từ dịch. Nhưng phải chọn người phẩm hạnh đoan chính mấy được.

Lệ biếu

Tả văn, tế chủ, lý phó trưởng, lệ có sát sinh biếu mỗi vị thứ mỗi vị lợn biếu chân, trâu bò biếu bắp.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều khoán gì trái với Hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên, thời hương hội tuỳ tình lý nhẹ nặng mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày tế thần, thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này, lập riêng cho làng Lương Nỗ thì dân còn phải tuân theo lề luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ ký người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở toà sứ.

HƯƠNG ƯỚC XÃ LƯƠNG QUY

Tổng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ thịnh theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 km thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là: Khi đi lên tỉnh, cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày, mỗi ngày là bốn hào. Khi lên phủ hay huyện cả khứ hồi không được quá hạn 1 ngày, mỗi ngày là 0,30$. Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921 về sự chỉnh đốn khoản chi thu làng xã và phải theo lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều 6 trong nghị định số 1950 đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ làm chức, ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi mà không có chữ chánh hương ước thì không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa, mà có chữ ký của chánh hương hội và chữ ký hoặc là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ký. Cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tinh sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân biết. Hễ yết thị phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong thì giao các tộc biểu án phần hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận tờ biên lai ấy lấy ở quyển phải lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kể những khoản gì thì ở tờ phải lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội có thường hội đồng hai kỳ là ngày mồng 1 và ngày 15 từ 8 giờ sáng đến 11 giờ ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường hoặc ai có việc thuộc về dân sự thương sự mà kiện cáo, trước phải tường hương hội hoà giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp trình thì phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thì hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị cho ký vào biên bản ấy rồi lý trưởng phải sao biên ấy trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Việc hoà giải không xong, hương hội cũng lập biên bản lưu chiểu. Nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng toà án, thì người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được đòi ăn uống hay để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, các sắc binh, các chức sắc, khoa mục các học trò đang đi học các trường và người có dị tật, còn người làng từ 18 đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng. Người nào đi vắng hoặc bận việc không đi canh được thì có thể nhờ bà con hay gia hạ canh thay, nếu xảy ra việc gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu trách nhiệm. Cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiều tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có hai hạng, hạng ngõ đề, hạng ngõ cuối. Ngõ đề cắt người trương tuần và 6 người tuần tráng, ngõ cuối cắt một người trương tuần và 6 người tuần tráng, phó lý làm đốc canh cả 2 ban khi thường thì ban tuần hạng nào cứ án phần mà canh phòng trong hạng ấy, có động hiệu thì tất cả ban tuần và dinh tráng 2 hạng phải đến cứu ứng ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh, như câu liêm, gậy, giáo, mác làng trích tiền công sắm cho hết hạn tuần phải giao trả làng. Nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiểu giá làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng đặt điếm canh phí tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 sẽ phải giải lên toà án xét.

Điều thứ 24: Ban canh đến lượt nào đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh làng để cho kẻ gian phi khỏi vào, chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, nếu trong làng có người mất trộm cướp, mà tuần không bắt được đứa phạm thì trương tuần và tuần tráng phải chiểu giá mà đền cho sự chủ. Trong khi sự chủ mất trộm cắp, hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất thế nào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thế cho lúa sương thì hương hội trích tiền đền cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi, nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để khấu kỳ lương sau, hoặc lại còn thiếu, trách cứ trương tuần ban ấy phải đền vào công quĩ cho đủ chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi, thành ra không có sự thực. Còn như có sự cướp phát. Ai mà tuần ban cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng cứu ứng, để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân, hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng có 2 hạng, mỗi hạng cắt người trương tuần và 6 người tuần tráng, kiêm việc tuần ngoại để trông coi đồng điền, khi ngoài đồng có động hiệu thì tất cả 2 ban tuần cùng đinh tráng trong làng đều phải ra cứu ứng ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt từ 18 tuổi mà chọn những người mạnh khoẻ, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 biên bản danh sách canh phòng, một bản trình quan sở tại, một bản lưu chiểu ở các điếm sở, phải có cái biểu kê, tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà và có gia sản và người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm huỷ tổn thì phải tường hương hội xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá, cho đồng bị cạn tuần phải bắt giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn, thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm. Trừ ra khi nào không chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ, hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu... hào, nộp làm 2 kỳ, một kỳ tháng năm, một kỳ tháng mười, tiền thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau, cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ cùng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát. Trương tuần đồng niên 15,00$, tuần tráng mỗi người đồng niên 1,00$, phát làm 2 kỳ đúng vào kỳ điền hộ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương.

Làng cấp lương đồng niên cho: Lý trưởng 30,00$, phó lý 15,00$, thư ký 24,00$, thủ quĩ 12,00$ (...)

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm chu toàn thì làng cho ngồi tộc biểu cũng như là phó lý, không hết bổn phận phải bãi dịch mà không được ngồi tộc biểu. Nếu trương tuần làm một năm thì không được theo lệ ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hoả tai, cướp bóc hay đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi giở lên và những người yếu đuối còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu. Nếu ai trễ biếng không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu thuỷ tai

Khi nước sông to đê điều nguy cấp cần phải sang hộ, hễ tiếp lệnh sức, hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay. Vật liệu giữ đê và lương thực đinh tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hoả tai

Sự cứu hoả tai cần phải sẵn có đồ chữa mới được. Nếu cứ tay không chạy đến mất giương mà trông dẫu trăm ngìn người cũng là vô ích. Vậy làng trích tiền công sắm lấy; cái cu liên, thật tốt và sắc để ở điếm canh nhà nào bất hạnh bị hoả tai thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải đi tắt khúc thì các cu liêm ấy kéo dỡ ngay đi. Và mỗi nhà phải sắp một cái ống vẩy nước (trừ nhà gái goả con côi), làm bằng tre bương, dài độ một thước Tây, đầu để vẩy nước vót nhon móng lợn, ống của nhà ai khắc tên chủ nhà ấy vào, hễ nghe hiệu biết chỗ nào cháy, thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến lấy nước chữa cháy. Sư chữa sắp xong, hương hội, lý, phó và trương tuần phải điểm ngay, xem số ống có đủ hay không? Nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước ướt, thì gia chủ ống ấy phải phạt 0,50$. Còn như các nhà bị cháy, hương hội phải đến xét xem khởi sự từ đâu? Vì duyên có gì. Nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc xét người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay đốt nhà để hôi của nhà khác thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc trọng thương thành tật, làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết, làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra trại dưỡng tế, không được vi nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$. Lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao hay là ở những chỗ mà nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại.

Đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội, kê trình quan. Còn những điều lệ kỹ càng về sự canh phòng đê thì phải chiểu theo nghị định ngày 1 Juillet 1917 mà thi hành.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải xin phép quan cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan xét nghĩ. Còn đường cái riêng của làng ai cần tháo nước qua

đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải sửa lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thời làng cho ngồi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi dịch. Nếu thủ lộ làm từng năm một thì không được chiểu theo lệ ấy.

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng. Mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12 hội đồng cho rao mõ, các chủ ruộng gần ngòi nào phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không được giống giọt lúa khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ ứng tắc, ai không tuân phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày 3 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã nghĩa là nếu không được phép quan

trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi. Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái cả công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo, thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi. Việc cầm bán công điền công thổ đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu vua Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng 4 năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là, khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ thời hương hội phải khám xét răn bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai, hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng làm mất phong thổ làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong 100 ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không

biết hỏi ai, như thế thì không tiện nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thoả. Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học. Vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thì ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thì còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, mua đất công hoặc tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ. Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a. Cách quân phân riêng của làng xã

b. Những hoa lợi riêng của làng xã nhà là lĩnh trưng ao, hồ, sông còn tiền cho thuê điền thổ, lãi phiếu quốc trái v.v...

Mỗi khoản phải kê riêng từng món. Làng có ruộng công 24 mẫu ruộng hoặc 33 mẫu, mỗi năm xin bán đấu giá lấy tiền sung quĩ. Ai mua đấu giá phải chịu nộp thuế và tiền lúa sương. Khi đã mua được đến giá rồi, kể đầu từ bán đấu giá hạn trong 3 tháng là cùng, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cắm lấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét nghĩ. Còn như ruộng hoặc đã cày cấy giống giọt gì thì người ấy cũng phải chịu mất lợi quyền ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, 4 lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào thứ 2, theo nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dạy bảo cho tuân theo, sức như những lời phương ngôn của dân là thường nói như là lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói vợ chồng như đũa có đôi bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự sắp ép, thế là cách thể hôn đó, xem như tục các nước văn minh đời nay con gái cũng phải ăn mặc như con trai và để dành vốn riêng cho con gái chứ không nước nào đem con gái gả bán lấy tiền của nhà trai, ấy luân lý văn minh là thế, tinh tục hay hơn là thế so sánh với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao các điều nhầm dại không sao kể xiết vì phần thì

trái mất lễ nghĩa của gia tộc chúng ta kịp nên sửa đổi các lệ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

1. Trong làng con trai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh bố mẹ hai bên đến tường hương hội biết để hương hội xét xem hai người định lấy nhau ấy tuổi hợp lệ không và có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị tại đình cùng hội sở trong 15 ngày cho ai lấy đều biết, nếu tuổi hợp lệ và không có điều ngăn trở thì nhà trai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện 1 chai rượu, 100 miếng giầu ra đình lễ thần và nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 2,00$. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lệ đủ rồi không còn phải phí tổn với làng lẽ gì nữa, còn những tục hủ lậu như chăng dây, đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Nói rõ tục lệ tang lệ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, ví bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu, lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ thử hỏi lương tâm người con cháu như thế có đáng không. Chắc trả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm làm dân như thế có yên không? Chắc cũng giả nhời rằng không, còn như việc hộ tang cho nhau là cái cứu giúp cái nợ đồng lần mấy nhau, chứ không vị đám ăn mà tìm đến, thế mà

tục hủ lưu tà, thói đời bạc bẽo, khi có việc bày ra mâm cỗ đầy, ma to chay lớn lấy thế làm đủ báo đáp cha mẹ, vinh diệu với hương quan đến nỗi tốn của, mất nhà, mất ruộng cũng không quản. Than ôi khi cha mẹ còn sống không biết chăm nuôi trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không một, đến khi các ngài tạ thế lễ tuần nọ kia để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không kính hiếu đến người chết mà lại hại cho người sống là bao, hiếu thế có lạ chưa, cũng có người biết là tục giở song hoặc quen thói truyền lại hoặc e miệng thị phi ngầm chịu trong nhà không dám đổi, nay nhờ thượng hiếu thương dân nhời diễn thuyết thực là tỏ các tình tục cực là chính đáng, dân ta bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của. Kẻ bỏ xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà lại được tiếng tốt. Vậy các lệ tang định như sau này.

1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ mai táng, nếu chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thì đúng 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 giấu báo tộc biểu, tộc biểu phải nhà tang chủ đến hương hội. Hương hội xem tang chủ nộp lệ nào liệu mà cắt chấp hiệu, đô tuỳ và các đồ tang nghi đi tống táng các lệ ấy phân biệt như sau này:

Đại lệ 12,00$ 1 người hương hội đi trông coi, 2 lệ dưới này cũng vậy: 2 người chấp hiệu cắt hàng cai đám trong giáp, 16 người đô tuỳ cắt trong hàng giáp, trung lệ 6,00$, 2 người chấp hiệu, 8 người đô tuỳ. Trước khi chuyển cữu chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì chỉ vái ba vái còn vị thứ hay tuổi ngang hàng hay ở dưới người chết phải lễ hai lễ, để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ phải đem tất cả anh em dâu rể con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

Người nào chết mà nghèo khổ không có thân thích trông nom về sự tống táng thì hương hội trích tiền công giao cho... mua ván và cắt...

tống táng cho người chết ấy lại trích 1,00$ để chi tiền giầu nước cho tuần tráng khi làm việc ấy.

Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ 2 bên hoàn toàn không còn thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc sự tiền nong hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ ở đình trung trong hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng nhà tang chủ nếu muốn (...) thời tuỳ ý không cấm.

Làng nên chọn một khu đất công cao ráo sạch sẽ chung quanh trồng cây để làm nơi nghĩa địa. Không nên mê hoặc phong thuỷ tìm chỗ này chỗ khác đã vô ích mà lại hại thêm.

Những tiền lệ khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng tiền khao, tiền vọng lão v.v... Mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm tước triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mấy có vị thứ, nhưng làng định lệ món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng, các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng để làm gương khích khuyến cho kẻ sau. Duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên sự hi vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông nom vào con cháu nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất thêm một món thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn. Đến như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mấy được một chỗ ăn ngồi lẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ân quan, võ tam phẩm giở lên khao vọng 50,00$.

Văn ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học tiến sĩ, cử nhân 40,00$.

Văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng 30,00$.

Văn bát phẩm, võ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp 20,00$.

Văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm, thì sai chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó trưởng nghị hội viên, chánh phó hương hội chưa có vị thứ 10,00$ lý trưởng và thủ quĩ, thư ký, thủ bạ, tộc biểu chưa vị thứ cùng những người vị thứ bằng lý trưởng 1,00$. Phó lý chưa có vị thứ xã trưởng quản lộ, tiểu học tốt nghiệp cùng những người vị thứ bằng phó lý 2,00$.

Lệ vọng lão 60 tuổi người giầu 2,00$ người nghèo 1,00$.

Vọng ngôi cai đám 20,00$.

Các viên chức hương lão phải nộp các lệ khao vọng trên này kể bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ người ấy đi và trình quan trên xét xử.

Tế tự

Điều thứ 76: Tu tiến lễ vật

Việc sửa lễ, vị thứ (những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình, bản vị thứ v.v...

Ngày 11 tháng Giêng Kỳ Phúc sửa lễ phẩm, cộng 3,00$.

Mồng 6 tháng 2 Khánh Hạ sửa lễ phẩm, cộng 2,00$.

Mồng 2 tháng 3 Hạ Điền sửa lễ phẩm, cộng 3,00$.

Mồng 10 tháng năm hoá nhật thần lễ phẩm, cộng 3,00$.

Ngày 11, 12, 13 tháng 8 đại Kỳ Phúc lễ phẩm, cộng 20,00$.

Ngày 25 tháng 11 Kỳ Phúc sửa lễ phẩm, cộng 3,00$.

Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần, cộng là 24,00$.

Các thư kỳ hậu sửa lễ phẩm, cộng 80 đồng.

Tổng cộng 138,00$.

Vị thứ

1. Văn võ từ cửu phẩm giở lên, hoặc khoa mục từ trung học tốt nghiệp giở lên, cứ chiểu phẩm trật cao thấp mà ngồi.

2. Chánh phó tổng nghị hội viên, chánh phó trương tuần ngôi nhiêu xã trưởng, quản lộ đương cựu, tiểu học tốt nghiệp cứ chiểu thứ hơn kém mà ngồi.

3. Chánh phó hương hội và ban tộc biểu bạ.

4. Hương lão từ 60 tuổi giở lên, cai đám, cứ chiểu niên xỉ cùng vị thứ mà ngồi.

Bán vị thứ ngôi nhiêu 15,00$ vị thứ như trương tuần.

Các người tộc biểu trước kia, không có chức phận chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu thi cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp lệ khao vọng hay tiền mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Bán vị thứ – khi nào làng cần bán vị thứ gì khác nữa thì phải trình các quan thượng hiểu tỉnh cho phép mấy được.

Điều thứ 77: Kể từ ngày thi hành khoản ước các điều khoản gì cũ với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 78: Trong làng ai trái những khoản ước trên thời hương hội tuỳ tình lý nhẹ nặng mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc truất vị xuống mấy ban.

Điều thứ 79: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem đọc hương ước này cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 80: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thi dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên.

Điều thứ 81: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành bốn bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở toà sứ.

Phụng sao chính bản

Lương Quy le 28 Aout 1942

HƯƠNG ƯỚC XÃ XUÂN CANH

Huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Bản kê khai hương ước ở xã Xuân Canh

Nguyên xã Xuân Canh chia làm 4 thôn và tục lệ của cả 4 thôn kê như sau:

1. Thôn Văn Tỉnh

Tế tự kê sau này:

- Mồng một tháng Giêng lễ Nguyên Đán và động thổ chi 2,50$

12 tháng hai lễ Xuân Tế chi 1,50$.

Mồng 7 tháng ba lễ Nhập Tịch chi 10,00$.

Mồng 8 tháng 3 chi 2.00$.

Mồng 9 tháng 3 Thất Tịch chi 10,00$.

1 tháng Tư chi 12,00$.

6 tháng Tư lễ Kỳ An cho 6.00$.

5 tháng năm lễ Trùng Ngũ chi 1,00$.

Hạ Điền chi 1,00$.

30 tháng 6 lễ Kỳ Phúc chi 1,00$.

Rằm tháng bảy lễ Trung Nguyên chi 2.00$.

Thượng Điền chi 1.00$.

6 tháng tám lễ Thánh Húy và Thường Tân chi 10,00$.

Lễ Trung Thu chi 2.00$.
30 tháng chín lễ Kỳ Phúc chi 1,00$.
Tháng 10 Trùng Thập chi 1,00$.
30 tháng một lễ Kỳ Phúc chi 1,00&.
24 tháng Chạp lễ chiêu y chi 10,00$.
Cộng ngân 87,00$.
2. Thôn Xuân Đỉnh.
Lễ Nguyên Đán 3 ngày (1, 2, 3) chi 1,50$.
10 tháng 3 Nhập Tịch chi 2,00$.
12 tháng ba Xuất Tịch chi 2,00$
16 tháng ba lễ Thánh Đản chi 5,00$.
13 tháng 8 lễ Thường Tân chi 1,00$.
15 tháng chín lễ Tiên Hiền chi 0,50$.
Lễ Tất Niên chi 1,00$.
Đồng niên sóc vọng chi 6,00$.
Cộng ngân 19,00$.
3. Thôn Thượng Lão.
Lễ Nguyên Đán và động thổ chi 4,00$.
4 tháng Giêng lễ Phần Pháo chi 6,00$
Tháng hai xuân Tế chi 3,00$.
Tháng ba lễ khởi những Hoàng Tửu và Thánh Đản chi 8.00$.
Thượng - Hạ Điền chi 3,50$.
15 tháng bảy lễ ky hậu chi 1,00$.
3 tháng tám lễ Thường Tân chi 4,00$.
12 tháng chín lễ Thánh Húy chi 8,00$.
Tháng 10 lễ Trùng thập chi 1,50$.
30 tháng Chạp Tất Niên chi 1,00$.
Cộng ngân 41,00$.

4. Thôn Vân Hoạch.

Lễ Nguyên Đán chi 1,50$.

12 tháng hai Xuân Tế chi 1,00$.

9 tháng ba lễ Phương Nghênh chi 2,00$.

10 tháng ba lễ Nhập Tịch chi 8,00$.

12 tháng ba lễ Xuất Tịch chi 8,00$.

Tháng năm lễ Đoan Dương chi 1,00$.

30 tháng sáu lễ Kỳ Phúc chi 1,00$.

13 tháng tám lễ Thánh Húy chi 6,00$.

Tháng 11 Kỳ Phúc chi 1,00$.

30 tháng Chạp lễ Tất Niên chi 1,00$.

Đồng niên sóc vọng chi 10,20$.

Cộng ngân 39,70$.

Le Tiên chỉ

Le Thứ chỉ

Le Lý trưởng

Le Phó Lý

Hôn thú

Điều (...)

1) Con giai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ hôn thú.

2) Trước khi làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên phải đến tường hội đồng kỳ mục, xét xem hai người định lấy nhau ý tuổi có hợp lệ không và có điều gì ngăn trở thì nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3) Khi thành hôn rồi, hạn trong một tháng người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn, biện một chai rượu và 100 miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói với hội đồng kỳ mục biên vào sổ giá thú - giầu ấy những người ở ban hội đồng có mặt ở đình quản huệ.

4) Cheo nội 0,50$, cheo ngoại 1,00$.

5) Khi đã nộp lệ cheo lan nhai vào sổ giá thú là bên lệ đủ rồi, không còn phi tổn mấy hàng xóm nhẽ gì nữa, còn như tục hủ lậu, chăng giây, đóng cổng, nhà giai đóng cổng nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ. Trước khi đón dâu nhà giai đến tường cho xã, khán làng sở tại biết để họ cấm không cho chăng giây, đóng cổng, nếu không tuân lệnh thì sẽ phạt 0,50$ để sung vào công quĩ làng xã.

Tống táng

Điều....

1) Khi có ai chết thì hạn trong 24 giờ đồng hồ về mùa hạ phải mang chôn, về mùa thu, đông hạn 3 ngày phải mang chôn, nếu chết về bệnh tật truyền nhiễm phải mang chôn ngay lúc mới chết.

2) Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu do người nhà tang chủ đến tường hội đồng, xem tang chủ nộp vào lệ nào, rồi cắt chấp hiệu và đô tùy cùng các đồ tang nghi đi tống táng.

Các lệ phân biệt như sau:

3) Thượng lệ nộp 2,00$, 2 người chấp hiệu, 24 người đô tùy, Trung Lệ nộp 1,00$, 1 chấp hiệu, 12 đô tùy. Hạ lệ nộp 0,50$, 1 chấp hiệu, 8 đô tùy.

4) Thượng lệ tất cả làng đi hành tương. Trung lệ từ thôn trưởng đến 18 tuổi đi hành tương. Hạ lệ 1 người thôn trưởng đi chấp hiệu và giai 18 tuổi đi hành tương.

5) Trừ những người đương vị thứ và tật bệnh không phải đi.

6) Còn những người nào chết mà không có tang chủ nhận chôn, thời hội đồng kỳ mục trích tiền công quĩ là 5,00$ cấp cho mua ván mang chôn và chi cho đô tùy mỗi người 0,10$ ở công chi tiền ra cấp.

... (mất trang đến hết)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG VẠN LỘC

Tổng Oai Mỗ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thủa trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo mục đích làm cho gia tộc thịnh giầu, dân làng trật tự san sẻ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị

Điều thứ nhất: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

Một là khi phải đi xa trong vòng năm cây lô mét thì không được tiền lộ phí.

Hai là khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí, mỗi ngày là lên tỉnh 0,60$, lên huyện 0,40$, khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn một ngày, đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

(...)

Việc canh phòng

Phụ điều thứ 20 những người đi ở trong làng và ngoài đồng thôn Sản Giã 4 người tuần giao lý trưởng đốc canh.

Khi nào ban tuần phiên, cứ án địa phân trong làng ngoài đồng mà canh, khi nào có động hiệu thì hết cả những người tuần tráng và đinh tráng đều phải đến ứng cứu ngay.

Phụ điều thứ 36 làng trích tiền lương phát cho tuần tráng, thì cứ người đốc canh thu tiền lương phát cho tuần tráng cứ đồng niên mỗi người 2,00$.

(...)

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói ra thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Ngũ luân của xã hội thì lệ hôn trọng vào bậc thứ 3, mà lễ hôn của gia tộc thì trọng vào bậc thứ 2. Vì thế nhà nước đặt ra hôn luật, để phòng đủ các điều nhầm dại. Thánh hiền có để nhời chính đáng, dậy bảo tuân theo tục như thế. Phương ngôn nói rằng lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống, mà không nói đến sự tiền tài, thế là cách đức hôn, lại nói rằng vợ chồng như đũa có đôi mà không nói đến sự xấu đẹp, thế là cách thể hôn xem tục lại, nước văn minh này con gái cũng có văn học như con giai ấy là luân lý phân minh, là thế tình tục hay hơn thế là so sánh phương tục dân ta, ngày nay các điều nhầm dại không kể sao cho hết được, phần thời trái lễ của thánh hiền, phần thời mất sự thân vui của gia tộc, nay nên sửa đổi hết các lệ tục ấy, cho để tuân theo. Vậy các lệ hôn định như sau này.

1) Trong làng con giai 18 con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2) Trước khi làm lễ vấn danh tức là lễ hôn, cha mẹ phải tường hương hội biết để xét xem hai người ấy lấy nhau có được hợp lệ không, rồi yết thị ra tại sở hội đồng hạn trong 15 ngày, nếu hợp lệ và không ngăn trở gì thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3) Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ phải dẫn hai người tân hôn, sửa một chai rượu, một trăm giấu, ra đình lễ thần trình hương hội vào sổ giá thú, giấu rượu ấy hương hội ai có mặt ở đình quân huệ.

4) Cheo nội 1,00$ mấy 1 cái mâm thau rộng 1 thước rưỡi ..., cheo ngoại 2,00$ mấy 2 cái mâm thau rộng 1 thước rưỡi ...

5) Khi đã nộp lan nhai rồi là lễ hôn đủ không phải phí tổn mấy làng gì nữa, còn như tục hủ bại như chảng giây, đóng cổng nhà thờ, cheo xóm, cheo giáp, làm cho lôi thôi việc người ta thời nhất thiết cấm chỉ, nếu ai phạm thời hương hội phạt 0,50$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quản cấp điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải kê cho rõ ra

a) Cách quân phân riêng của hàng xã.

b) Những hoa lợi riêng của hàng xã như là lĩnh trưng ao, hồ sông, ngòi, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái vân vân mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Riêng thôn Sản Giã có 30 mẫu 8 sào ruộng công là ruộng phụng tự và để chi việc tế tự các tiết, mấy 16 mẫu để quản cấp cho nhân đinh trong thôn và 8 mẫu cấp cho nhân đinh thôn Ngoại Sát, để thôn ấy đi thay thôn Sản Giã một tên lính, những mẫu ruộng ấy đồng Na Xứ, bên đông giáp xã Mạch Tràng, tây giáp Lục Canh xã Văn Phương thôn, địa phận lại có 5 sào 13 thước ruộng hậu, ai cấy thời người ấy phải làm giỗ và 4 sào ruộng tư văn giao cho điển văn cày cấy lấy 20 đấu gạo nếp, 4 đấu gạo tẻ, mấy có 4 sào ruộng nhạc giáp giao cho trưởng giáp cày cấy, bản giáp lấy 20 đấu gạo nếp, 8 đấu gạo tẻ, lại có 5 mẫu 3 sào 7 thước ruộng chùa để giao nhà chùa cày cấy để đèn hương sóc vọng quanh năm, những tích ruộng ấy cùng ở xứ đồng trong làng cả.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ vị thứ như những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ, thì cũng được ngôi thứ trung đinh bán vị thứ vân vân.

Thôn Sằn Giã thì mồng 1 đến mồng 3 tháng Giêng lễ Nguyên Đán giầu rượu mỗi ngày 0,50$ và lễ trai cụ giầu rượu 2,00$ mồng 4 lễ Nhập Tịch xôi gà giầu rượu 2,00$, mồng 5 lễ xôi gà 2,00$, mồng 6 lễ xôi lợn, giầu rượu và lễ oản quả, giầu rượu chính điện Cổ Loa cộng 14,00$, ngày mồng 7 lễ xôi gà, giầu rượu 2,00$, ngày mồng 8 lễ xôi gà 3,00$, ngày mồng 9 lễ tiết đức Thánh đăng quang xôi lợn, giầu rượu 14,00$, ngày 10 Xuất Tịch lễ xôi gà, giầu rượu 3,00$ ngày 11 khai điện lễ xôi gà, giầu rượu 2,00$.

Tháng 2 ngày 1 hội Trừ lễ xôi gà, giầu rượu 5,00$, ngày 20 cầu bình yên sửa mã, xôi gà, oản quả, giầu rượu 13,00$, ngày 10 xuân tế xôi lợn, giầu rượu 12,00$, ngày 7 tháng 3 Thánh Ky lễ xôi lợn, giầu rượu 13.00$, ngày 24 tháng 5 lễ Hạ Điền xôi gà, giầu rượu 2,00$, ngày 5 tết Đoan Ngọ lễ xôi thủ, giầu rượu 4,00$, tháng 7 ngày 14 Thượng Điền lễ xôi gà, giầu rượu 2,00$, ngày mồng 1 tháng tám tiếu hoàng trùng lễ xôi gà 3,00$, ngày mồng 11 tiết sinh nhật Đức Thánh lễ xôi lợn, giầu rượu 12.00$, Thường Tân lễ xôi gà, giầu rượu 2,00$, trung thu lễ xôi lợn, giầu rượu 15,00$, Tháng 9 xôi mới lễ gà, giầu rượu 2,00$.

Tế đinh xôi lợn, giầu rượu 14,00$.

Tháng 10 ngày mồng 10 tiết trùng thập xôi, thủ, giầu, rượu 5,00$, ngày 30 Hạ Điền giả lễ xôi, thủ lợn, giầu, rượu 2,00$, tháng Chạp ngày 25 sửa mã (thờ) lễ xôi, thủ, giầu, rượu 9,00$, ngày 28 tế chu niên xôi lợn giầu rượu 20,00$, ngày 30 nửa đêm tế Giao Thừa xôi, gà, giầu, rượu 3,00$ đồng niên sóc vọng 24 (ván xôi?) mỗi ván 1,00$ cộng 24,00$.

Tổng cộng đồng niên các tiết tế lễ.

Bản vị thứ

Người nào đi lính bị thải tuổi ngoại 40 giở lên thì phải nộp mua ngôi của làng 5,00$, ngôi tế bản phải mua 20,00$, 2 ngôi có phép quan trên thì mới bán được, các viên chức hương lão phải nộp tiền, trên này hễ đến kỳ nào hay năm phải nộp các tiền lệ ấy thì kể từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngắn hạn cho 3 tháng hay 6 tháng là cũng phải đem nộp cho đủ, nếu ai quá hạn không những là trái hương ước, lại làm ngăn trở sự chi thu, hương hội sẽ trừ ngôi thứ của người ấy đi và trình quan trên.

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão.

Mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục, văn cửu phẩm, vũ bát cửu phẩm, chánh phó tổng thưởng hàm, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chưa có vị thứ 5,00$ hoặc có vị thứ rồi 20,00$, lý trưởng 10,00$, phó lý 6,00$, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, hộ tịch, chưa có vị thứ 15,00$ hoặc có vị thứ 5,00$.

Vị thứ đình trung

Điều thứ nhất: Văn giai cửu phẩm giở lên cùng là Tây, Nam khoa mục cử nhân, tú tài, cao đẳng trung học tốt nghiệp, chánh phó hương hội, chánh phó lý thư ký, thủ quĩ hộ tịch.

Điều thứ hai: Vũ gia tứ cửu phẩm giở lên, tộc biểu, tân cựu, cai đội binh xã cựu, giám cựu... vân vân.

Điều thứ ba: Hương lão từ 50 giở lên đến tráng đinh, chiểu theo niên xỉ mà ngồi các phẩm, nhà nước cho quyền cứ phẩm trật mà ngồi các phẩm từ cửu phẩm giở lên thì vũ giai kém văn giai 2 trật, các chức dịch từ phó lý giở lên thì chức dịch bảo cử hơn chức dịch mua, phẩm hàm chức dịch vị thứ kẻ tân người cựu cũng như nhau không có phân biệt, còn vị thứ từ ngôi đảm cựu giở lên thì được dự tế đình trung. Những người tộc biểu trước kia chưa có chức phận vị thứ, khi đã cử

làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Táng tế

Điều thứ 74: Khi có ai chết, thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh thì phải chôn ngay trong ngày hôm ấy, nói rõ tục lệ, tang lệ và tiền lệ làng nộp bao nhiêu.

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn sự tử táng, trong làng xóm không ai tránh khỏi, cái khốn nạn về sự tử táng, vi bằng nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu, bò, lợn làm cỗ mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi người làm con cháu như thế có đáng không, chắc giả lời rằng không.

Trong làng mình có người nào gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống vui cười, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng giả lời rằng không, còn như việc hộ tang cho nhau là việc giúp đỡ cái nợ đồng lần, chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to, chay lớn, lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ, vinh hiển mấy hương quan, đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại, than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng, đã không ích gì cho người chết lại làm hại đến người sống gọi là báo hiếu thế có lạ không, cũng có người hay biết là tục dở, hoặc quen thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi, nhắm chịu là nhắm đổi không đám đổi, nay nhờ thượng thiên rủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tỏ tường các tinh tục, thực là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang, có thiệt người không đến nỗi thiệt của, kẻ bỏ xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà được tiếng. Vậy các lệ tang định như sau này:

1) Khi chết về mùa đông không phải bệnh truyền nhiễm thì hạn 48 giờ phải đem mai táng, mùa hè hay phải bệnh truyền nhiễm thì hạn 24 giờ phải đem chôn ngay.

2) Nhà nào có đám ma phải sửa 100 giấu do tộc biểu về phải tang chủ đến tường hương hội, xem tang chủ nộp về hạng nào, thì liệu mà cắt chấp hiệu, đô tùy và đồ tang nghi mà tống táng, lệ ấy đinh như sau này:

Thôn Sản Giã lệ 5,00$, 4 chấp hiệu 20 người đô tùy, trung lệ 3,00$, 3 chấp hiệu 12 người đô tùy, hạ lệ 1.00$, 1 chấp hiệu 12 người đô tùy.

3) Khi chuyển cữu người chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng chấp, hạ bái, nghĩa là đám chấp hiệu và đô tùy ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết chỉ bái 3 bái còn thứ vị hay tuổi ngang hàng hay tuổi ở dưới thì lễ 2 lễ, để tỉnh thương xót lẽ khinh trọng của làng đối mấy vong nhân, về phần tang chủ thì đem cả anh em rể, con cháu ngoại ra đáp lễ lại.

4) Người nào chết nghèo khó không có ai trông những việc tống táng thì hương hội trích 3,00$ công giao cho tộc biểu mua ván và cắt tuần tráng đi tống táng, lại trích 1,00$ nữa chi tiền giấu nước cho những người hộ tang ấy.

5) Khi tang chủ đã nộp tiền lệ cho làng mà biên vào sổ tử rồi, thế là tình lệ của người tang chủ đối với làng hai bên hoàn toàn không thiếu gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu tang chủ về sự ăn uống, tiền vọng hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ đinh trung hạn trong một trăm ngày, chỉ sau khi an táng nhà tang chủ có muốn đãi những người chấp hiệu đô tùy thì tùy ý không cấm; đến như người nào 50 tuổi giở lên bất hạnh mệnh một dân mấy có lệ phúng 1,00$.

Vạn Lộc le 29- Aout -1942

Phụng sao chính bản hương ước năm 1932.

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TIÊN KHA

Tổng Tuần Lễ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chú ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lệ lý phí trưởng thể lệ như sau này:

1- Khi phải đi xa trong vòng 5 ki-lô-mét thì không được tiền lộ phí.

2- Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lô phí mỗi ngày là:

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày mỗi ngày là... Khi lên huyện hay phủ cả khứ hồi không được quá hạn 1 ngày mỗi ngày là... Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ, thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ thu chi

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu hàng xã và phải theo lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định số 1950 đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân, khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức, ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão vân vân.

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không còn phải chịu khoản gì nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chứng hương hội thì không kể.

Hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra mà có chữ ký của chánh hương hội và chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì hương hội kiểm quĩ lại 1 lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phai tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ không được chia đàn anh, hay đàn em ruộng nội canh, hay phụ canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong thì giao các tộc biểu án phần hành thu giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc. Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan phán xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra sự ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội có hội đồng 2 kỳ là ngày mồng 1 và ngày 15 từ 8 giờ sáng đến 11 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự, thương sự mà kiện cáo trước hết phải tường hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp trình thì phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải sao biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Việc hòa giải không xong hương hội cũng phải lập biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án thì người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được đòi ăn uống hay là tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người hiện đang làm các sở, các sắc binh các chức sắc, khoa mục, các học trò đang đi học các trường và người có bệnh tật, còn người làng từ 18 đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi canh được thời có thể nhờ bà con hay gia hạ canh thay, nếu xảy ra sự gì thì người mượn canh cùng người canh thay đều phải chịu trách nhiệm, cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có 2 người trương tuần và 8 người tuần tráng để kiêm tuần phòng nội ngoại hợp làm một ban, khi có động hiệu thì tất cả tuần ban cùng đinh tráng trong làng đều phải đến cứu ứng ngay.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh như câu liêm, gậy, giáo mác làng trích tiền công sắm cho, hết ban tuần phải giao giả làng, nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiểu giá làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng đặt một điếm canh, phi tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm ai có phương trở, mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 sẽ phải giải lên tòa án xét.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh làng, để cho kẻ gian phi khỏi vào chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$ bắt được một đứa cướp lạng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm, thì trương tuần và tuần tráng phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải khám soát ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thuế cho lúa sương thì hương hội trích tiền ấy nộp cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi, nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để khấu kỳ lương sau hoặc lại còn thiếu trách cứ trương tuần ban ấy phải nộp đền vào công quĩ cho đủ, chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên đền cho sự chủ mà thôi thành ra không có sự thực, còn như có sự cướp phát to mà tuần ban cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng cứu ứng để đến nỗi chịu mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng cử 2 người trương tuần và 8 người tuần tráng kiêm việc tuần nội, ngoại để trông nom đồng điền, khi ngoài đồng có đông hiệu thì tất cả ban tuần cùng tuần tráng trong làng đều phải ra ứng cứu.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt từ 18 tuổi mà chọn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng 1 bản trình quan sở tại, 1 bản lưu chiểu ở các điếm sở phải có cái biểu kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép của tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, nếu ai làm hủy tổn thì phải tường hương hội xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước, những khi nên giữ nên tháo phải hỏi hương hội không được tự quyền.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá cho ruộng bị cạn, tuần phải bắt giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tuần như người phạm, trừ ra khi nào không chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh, đều đồng niên mẫu... hào, nộp làm hai kỳ, một kỳ tháng năm một kỳ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem tiền nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ, làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát trương tuần đồng niên tuần tráng, mỗi người đồng niên phát làm 2 kỳ, đúng vào điền hộ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, không hết bổn phận sẽ phải bãi dịch mà không được ngôi tộc biểu, nếu trương tuần làm một năm thì không được theo lệ ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hỏa tai, cướp bóc hay đê sạt trừ ra những người 60 tuổi giở lên và những người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai trễ biếng không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu thủy tai

Khi nước sông to đê điều nguy cấp cần phải sang hộ, hễ tiếp lệnh sức hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay vật liệu giữ

đê và lương thực đình tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để trừ chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hỏa tai

Sự cứu hỏa tai cần phải có đồ chữa mới được, nếu cứ tay không chạy đến mất giương mà trông dầu trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng trích tiền công sắm lấy cái cu liêm thật tốt và sắc để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hỏa tai thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải dỡ tắt khúc thì các cu liêm ấy dỡ kéo ngay đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước (trừ ra gái góa con côi) làm bằng tre bương dài độ một thước Tây đầu để vẩy nước vót nhọn móng lợn, ống của nhà ai khắc tên chủ nhà ấy vào hễ nghe hiệu biết chỗ nào cháy thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến lấy nước chữa cháy sự chữa sắp xong, hương hội, lý phó và trương tuần điểm ngay số ống có đủ hay không nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước ướt, thì gia chủ cái ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị cháy hương hội phải đến xét xem khởi cháy tự đâu vì duyên cớ gì? Nếu thực là bất ý thì tha không phạt hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta hay đốt nhà để hôi của nhà khác, thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc trọng thương thành tật làng cho người tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vứt uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải cách giữ gìn cho được sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra những bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra trại dưỡng tế, không được vi nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao, hay là ở những chỗ mà nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội kê trình quan, còn những điều lệ kỹ càng về sự canh phòng đê thì chiếu theo nghị định ngày 1 yuillet 1917 mà thi hành.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung cả làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải theo xin phép quan cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải trình xét nghĩ. Còn đường cái riêng của làng ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thì làng cho ngồi tộc biểu, cùng phó lý nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi dịch, nếu thủ lộ làm từng năm một không được theo lệ ấy.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 và tháng 12 hội đồng cho rao mõ, các chủ ruộng gần ngòi nào phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không được giồng giọt (lùa khoai lang khoai sọ vân vân) ở trong bên bờ sông ngòi, như thế sông ngòi sẽ ủng tắc, ai không tuân phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm không ai được chăn dắt trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dân làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi.

Việc cấm bán công điền, công thổ đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu vua Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng 4 năm 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 tháng 3 năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan cũng có thể đặc cách cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lận

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ thời hương hội phải khám xét răn bảo luôn trong làng để trừ gian lận.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà có ý phạm cấm, thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội nhưng làm mất phong thể làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám soát nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay là bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thì ở sổ chi thu phải để phòng ra 1 món tiền để mua sách vở, giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ những người ngụ cư tạm thì thôi, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, mua đất công và tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ

a) Cách quân phân riêng của hàng xã.

b) Những hoa lợi riêng của hàng xã như là lĩnh chương hồ ao sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái vân vân. Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Làng có ruộng công của đình 1 mẫu 6 sào giao cho thủ đình cày cấy đóng thuế và đèn hương quanh năm.

Làng có ruộng công của chùa 4 mẫu 3 sào giao cho nhà chùa cày cấy, đóng thuế và đèn hương sửa sóc vọng quanh năm.

Làng có ruộng công 10 mẫu 5 sào và 1 mẫu 5 sào ruộng cao rào từ xưa đến nay vẫn quân cấp cho đình để trợ sưu thuế.

Giáp Đông giáp Đoài có 1 mẫu 2 sào ruộng công, giao cho 2 người trưởng giáp cày cấy và sửa lễ tháng Giêng.

Hôn lễ

Điều thứ 73: (nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu).

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, 4, của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 2, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chỉnh đáng có dậy bảo cho tuân theo tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống", không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó lại nói (vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa) mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thể hôn đó, xem như tục các nước văn minh đời nay con gái cũng phải cho ăn học như con giai và để dành vốn riêng cho con gái chứ không nước nào đem con gái mà gả bán lấy tiền của nhà giai, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay là thế, so sánh với hiện tục của dân ta ngày nay thời sao?

Các điều nhầm dại không sao kể xiết được, phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi của các tệ tục ấy cho dễ tuân theo vậy các lệ hôn định như sau này:

1- Trong làng con giai tự 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

2- Trước khi sắp làm lễ vấn danh, bố mẹ 2 bên phải đến tường hương hội biết để hương hội xét xem 2 người định lấy nhau ấy tuổi có hợp lễ không? Và có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị ra hội đồng, hội sở trong 15 ngày ai nấy đều biết, nếu tuổi hợp lệ mà không có điều gì ngăn trở thì nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3- Khi thành hôn rồi hạn trong 1 tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu ra đình lễ thần, rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4- Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 2,00$.

5- Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lệ đủ rồi, không còn phí tổn với làng nhẽ gì nữa, còn những hủ lậu như chăng giây đóng cửa, nhà gái đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Nói rõ tục lệ tang lễ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự đau đớn nào hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vi bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu ấy có đáng không, chắc giả lời rằng không. Trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống, nhưng say nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng giả nhời rằng không, còn như việc hộ tang cho nhau là cái nghĩa cứu giúp cái nợ đồng lần với nhau, chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo, khi

có việc bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh sinh với hương quan, đến nỗi tiền trăm tiền nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ không biết nuôi trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ, tế tuần kia để giả miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu thế có lạ chưa. Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi nhắm chịu là nhắm đổi không dám đổi, nay nhờ thượng hiếu nhủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tỏ tường, các tinh tục cực là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của, kẻ bỏ xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà lại được tiếng khen, vậy các tang định như sau này:

1- Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ thì đem mai táng, nếu chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thì trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2- Nhà nào có đám ma phải sửa một trăm miếng giầu do tộc biểu về phái nhà tang chủ đến tường hương hội, hương hội xem tang chủ nộp lệ nào, liệu mà cắt chấp hiệu, đô tùy và các đồ tang nghi đi tống táng, các lệ ấy phân biệt như sau này:

Thượng lệ 2,00$, cắt 2 người chấp hiệu và 20 người đô tùy.

Trung lệ 1,00$, cắt 1 người chấp hiệu và 16 người đô tùy.

3- Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ hương ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì chỉ vái 3 vái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng hay ở dưới người chết, phải lễ 2 lễ để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ phải đem tất cả anh em dâu rể, con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4- Người nào chết mà nghèo khổ không có ai thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích tiền công giao cho mua bán

và cắt tống táng cho người chết ấy, lại trích 1,00$ để chi tiền giấu nước cho tuần tráng khi làm việc ấy.

5- Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ 2 bên hoàn toàn không còn thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ ở đình trung trong hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng nhà tang chủ nếu muốn đãi đô tùy và chấp hiệu 1 bữa cơm thường thời tùy ý không cấm.

6- Làng nên chọn một khu đất công cao ráo sạch sẽ, chung quanh trồng cây để làm nơi nghĩa địa, không nên mê hoặc phong thủy tìm chỗ này chỗ khác đã vô ích mà lại hại thêm.

Những tiền lệ khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão... vân vân, mỗi thứ tiền này phải kê ra từng mục.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mình, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lã lão lả bậc xỉ tước, ai cũng kính trọng không phải là phải có món tiền khao vọng mấy có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có để tỏ ra rằng, các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khuyến khích cho kẻ sau, suy hạng lão từ 70 tuổi giở lên sự hy vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông mong vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất tiền thêm một món thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo, vậy lệ vọng tiền lên chước miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mấy mua được chỗ ăn ngồi, lệ ấy công bằng lệ này minh mạch.

Tế tự

Điều thứ 76: Tu tiến lễ vật.

Việc sửa lễ vị thứ, những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngồi thứ trung đình bản vị thứ vân vân.

Tết Nguyên Đán ở đình 3 ngày lễ xôi gà, giầu rượu, mỗi ngày 1,00$ cộng 3,00$.

Ngày mồng 3 tháng Giêng tiệc sinh nhật đức thượng đẳng ở đình lễ xôi gà, giầu rượu, xướng ca hết 2,00$.

Mồng 4 mồng 5 tháng Giêng lễ xôi gà, giầu rượu hết 0.80$.

Ngày mồng 6 tháng Giêng lễ nhập tịch xôi lợn hết 8.00$.

Ngày mồng 7, 8 tháng Giêng lễ gà, giầu rượu hết 1.4$.

Ngày mồng 9, 10, 11, 12, 13 lễ gà, giầu rượu, xướng ca hết 6.00$.

Ngày 14 tháng Giêng lễ Xuất Tịch tiến cháo gà giầu rượu 1.50$.

Đệ niên xuân thu lễ xôi, gà, giầu, rượu hết 3,00$.

Mồng 9 tháng ba lễ hóa nhật đức thượng đẳng gà, giầu rượu 2,00$.

Mồng hai tháng Tư lễ Kỳ Phúc xôi, gà, giầu, rượu hết 1,00$.

Mồng hai tháng sáu Kỳ Phúc lễ xôi, gà, giầu, rượu 1,00$.

12 tháng bảy Kỳ Phúc xôi, gà, giầu, rượu hết 1,50$.

2 tháng tám Kỳ Phúc lễ gà, giầu, rượu, xướng ca hết 2,00$.

12 tháng 11 Kỳ Phúc lễ gà, giầu, rượu hết 1,00$.

25 tháng 12 sửa mã thờ hết 10,00$.

26, 27, 28, 29, 30 lễ gà, giầu, rượu cộng hết 2,00$.

Đồng niên 24 tuần sóc vọng do những người kỳ lão và chức sự phải sửa lần lượt mỗi tuần 1,00$.

Khi nhập sự thần những người ngôi thứ xã cựu dẫu có trở một năm cũng được mũ áo ra đình làm lễ, lễ xong cũng được ngồi tại công sở thụ huệ.

Người nào có can án hay thanh tích bất hảo thời không được dự đình trung.

Bẩu tả văn

Ngõ tả văn làm cử những người chánh phó lý có từ dịch và có chữ nghĩa tinh thông mới được làm.

Điều thứ 77: Kể từ ngày thi hành khoản ước này các khoản gì cứ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 78: Trong làng ai trái những khoản ước trên thời hương hội tùy tình lý nhẹ nặng là phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 79: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 80: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lề luật quan trên nữa.

Điều thứ 81: Quyển hương ước này phải có các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phê và quan chánh sứ duyệt y; rồi làm thành bốn bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở nha quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ 4 ở tòa sứ.

Thừa sao chính bản

Lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ PHÚC LỘC

Tổng Uy Nỗ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thủa trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chánh trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền, đinh theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho những người tộc biểu và phó lý trưởng thể lệ như sau này:

Một là: Khi phải đi xa trong vòng năm ki-lô-mét thì không được tiền lộ phí.

Hai là: Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là:

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn... ngày, khi lên phủ hay huyện cả khứ hồi không được quá hạn... ngày.

Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921, về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiếu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, khi giỗ, thăng bổ hàm chức, ngôi thứ, tổng lý, hoặc lên lão vân vân.

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoại ra không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thì phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về, thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý trưởng người nào việc ấy phải hành thu mà đem vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phải lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì tờ phải lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế, cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp năng thuế.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thời phải mở hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự mà không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần dinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con, bạn hữu canh thay hoặc nộp cho làng để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm ban, mỗi ban canh độ ba tháng hoặc sáu tháng hoặc một năm, mỗi ban bầu một người trong ban làm đốc canh, khi trong làng có cướp phát thời tất cả các ban canh nghe động hiệu, phải đến cứu ngay với ban canh đương thứ.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhớn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn tiền lập điếm làng phải trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 thì sẽ phải giải lên tòa án xét, phạm vào khoản thứ 11 điều thứ 227 trong luật bình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn quanh làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp trong làng thời thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm, cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm thì phải chiểu theo giá mất mà đền cho sự

chủ, khi cướp phát, tuần hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là tuần tráng đi trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khỏe.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh khỏe thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội, không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn, thời tuần phải bắt ngay, giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tiền, như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa ma, hoa mầu, ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh và phụ canh, đều đồng niên mỗi mẫu là... hào, tiền ấy cho làm hai thứ một thứ tháng năm một thứ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương mà

ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày vụ gặt thì điền chủ phải đem nộp lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thì phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sụt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật, làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết, làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà nêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vứt uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$ lại

cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ đó có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho lúc nào đê cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội để trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải xin phép hương hội thảo xong lại đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn, thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước, cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ đến tháng 11 hay là tháng 12, hội đồng cho rao mõ, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ấy, lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không được giồng giọt (lúa khoai lang khoai sọ... vân vân) ở bên trong hồ ao, sông ngòi, như thế sông ngòi dễ úng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng, khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho, thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dầu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký vào đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo, dầu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền, công thổ đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng 4 Tây năm 1894, cùng điều nghị định thứ 2 ngày mồng 8 tháng 3 Tây 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách cho phép cầm bán được, như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lận

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ, thời hương hội phải khám xét báo luôn trong làng để trừ gian lận.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội, nhưng vì mất phong thể làng, thời hương hội phạt không được dư đình trung, tế tự trong 100 ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có phó lý trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thì tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thì phải làm trường ở làng để cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thì trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi, thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký tảng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng, thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký tảng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là...

Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a) Cách quản phân riêng cho làng xã.

b) Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh trưng ao hồ, sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái... v.v. Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

1) Làng có 7 mẫu 1 sào 10 thước vực công, hễ năm nào nhiều cá, đồng dân đem đấu giá bán thầu để chi về việc công.

2) Làng có 1 mẫu 7 sào 6 thước ruộng công, thường năm đồng dân đấu giá bán thầu để sửa sang đình chùa, cầu cống, giếng ăn nước.

3) Làng có 9 sào 2 thước ruộng quân cấp nhân đinh hoặc khi sông nước đê điều, phu tráng canh phòng, nhân đinh cùng đấu giá bán thầu để chi những việc ấy.

4) Làng có 8 sào 2 thước ruộng chùa, giao cho nhà chùa cày cấy lo sửa các tiết và đèn hương sóc vọng quanh năm.

5) Làng có 6 mẫu 9 sào 7 thước ruộng hậu (do 18 hậu) 9 người thôn dịch luân lưu cày cấy, thường năm cứ đến ngày mồng 4 tháng Chạp sửa lễ các hậu ấy và sửa lễ về ngày mồng 8 tháng Giêng từ ngày nhập tịch đến ngày Tống Tịch.

6) Làng có 1 sào 5 thước ruộng tư văn, giao cho diển văn cày cấy, thường năm cứ đến mồng sáu tháng Giêng sửa lễ khai hạ.

7) Làng có 1 mẫu 7 sào 2 thước ruộng tế điền, người cai đám nhận cày cấy sửa lễ các tiết và dầu hương sóc vọng quanh năm.

8) Làng có 7 sào 7 thước ruộng đồng dân, trích ở số ruộng tế điền ra, đệ niên giao cho một người cày cấy để sửa lễ vào ngày mồng ba tháng Giêng và vào ngày mồng chín tháng ba.

9) Làng có 1 mẫu 2 thước ruộng tế điền, đệ niên đồng dân giao một người cày cấy hoặc bán chầu để sửa lễ về ngày rằm tháng năm, tiết Hạ Điền mồng một tháng chín, tiết cơm mới, ngày rằm tháng 9 tiết xôi mới.

Đây nói tục lệ và sự quân điền thổ thôn Nghĩa Lại.

1. Cách quân cấp kê rõ ra từng mục

2. Thôn có 3 mẫu 3 sào 2 thước ruộng công, đệ niên đồng dân đem đấu giá bán thầu, để chi về việc sửa sang đình chùa cầu cống.

3. Thôn có 7 mẫu 1 sào 10 thước vực công, hễ năm nào nhiều cả, đồng dân đấu giá bán chương để chi tiêu về việc công.

4. Thôn có 6 mẫu 7 sào 4 thước ruộng tế điền, do cai đám cấy cấy lo sửa lễ tứ quý kỵ phúc các tiết.

5. Thôn có 1 mẫu 9 sào 6 thước ruộng chùa, đồng dân giao nhà chùa cày cấy lo sửa đèn hương sóc vọng quanh năm.

6. Thôn có 2 mẫu 4 sào 10 thước ruộng hậu, do mười hai người thôn dịch cày cấy, đệ niên cứ đến ngày 25 tháng Chạp sửa lễ các hậu ấy.

7. Thôn có 9 sào 5 thước ruộng giáp Đông và 1 mẫu 3 sào 4 thước ruộng giáp Đoài, ruộng 2 giáp là 2 mẫu 2 sào 9 thước do 12 người thôn dịch luân lưu cày cấy, sửa lễ chu niên 24 tuần sóc vọng.

8. Thôn có 1 sào 5 thước ruộng Nhạc giáp, do người trưởng giáp cày cấy, sửa lễ về tiết mồng mười tháng mười.

9. Thôn có 3 sào 6 thước tư văn giao cho điển văn cày cấy, để niên cứ đến xuân, thu, hạ ngày đinh, sửa lễ đức tiên hiền.

10. Thôn có 2 sào 2 thước ruộng ngõ Bắc, người trưởng ngõ nhận cày cấy sửa lễ về ngày mồng 6 tháng Giêng.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói về thể lệ cưới hỏi và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Các lệ hôn lễ định như sau này;

1. Trong làng con giai 18 tuổi, con gái 15 tuổi, đến tuổi kết hôn, người nào lấy chồng trong làng, phải nộp món tiền cheo 1,00$, lấy chồng làng khác phải nộp 12,00$ khi nào sự giá thú đã chiếu tục lệ mà làm rồi, thời chậm nhất là trong hạn 8 ngày, phải đo cả hai vợ chồng đi cùng cha mẹ mình và hai người chứng đến khai mấy người hộ lại để đăng kỳ vào sổ giá thú không được ẩn lậu, nếu không theo mà có người giác sự ấy ra, thời người ẩn lậu ấy có lỗi, còn những món tiền cho sung dân công tiêu.

Hôn lễ về thôn Nghĩa Lại

Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu các lệ hôn lễ định như sau này:

1. Trong thôn người nào lấy chồng trong làng phải nộp tiền cheo là 3,00$ rượu 2 chai, cau 10 quả, thủ lợn 1 chiếc, gạo nếp 5 đấu. Lấy chồng làng khác phải nộp 10,00$, cau 50 quả, rượu 2 chai thủ lợn 1 chiếc gạo nếp 10 đấu, do món tiền ấy sung đồng dân công tiêu, còn các lễ đồng dân quân huệ say sưa, mê cuồng sinh sự nói càn, thì đồng dân cứ trách nhà biếu chủ phải chịu lỗi ấy.

Tang lễ thôn Nghĩa Lại

Trong thôn người nào có việc hiếu không luận nhà nghèo giầu phải nộp lệ là 3,00$, cau 50 khẩu xin đồ tùy đi hộ táng còn cơm rượu nhà hiếu chủ mà thích đãi tùy nghi.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngồi thứ trong đình bán vị thứ v.v...

Đồng niên tế tự các tiết hết bao nhiêu kẻ như sau này.

1. Đệ niên 3 ngày tết Nguyên Đán, lễ dụng oản quả, giầu rượu giá 3,00$, do cai dám phần biện lễ thành, hương, kỳ lý cùng tiêu.

2. Ngày mồng 3 tháng Giêng sinh nhật đức tiên đế lễ dụng lợn 1 con giá 20 cân, gạo nếp 10 cân, giầu rượu nửa chai, lễ thành, trừ kinh biếu đi rồi 3 giáp cùng tiêu.

3. Ngày mồng 7 tháng Giêng lễ Khánh Hạ, lễ dụng lợn biện thờ 1 con giá 50 cân, gạo nếp 10 đấu rượu nửa chai, cau 5 quả phỏng 11,00$, do giáp Thượng, Hạ cung tiêu.

4. Ngày mồng 8 tháng Giêng, từ ngày Nhập Tịch đến ngày Tống Tịch, tùy sải giảm, mỗi ngày 2 tuần lễ, lễ dụng mỗi tuần tế gà 1 con, gạo nếp 10 đấu, cau 5 quả, rượu nửa chai phỏng 2,00$ do 9 người thôn dịch cấy ruộng, phần biện do hội lễ về ngày tống dịch, lễ thành trừ kinh biếu ngoại đồng dân cùng tiêu.

5. Ngày mồng 9 tháng 3 hóa nhật đức tiên đế lễ dụng lợn 1 con giá 20 cân, rượu, gạo cau như trên, phỏng 5,00$ do đồng dân trích ở số ruộng...

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Tiền vọng tiền khao, tiền vọng lão v.v... mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

1. Trong làng người nào làm chánh phó tổng hoặc chánh phó lý đã mãn lệ vọng khao dân, chuẩn nạp 12,00$, giao đồng dân công tiêu.

Khao vọng về thôn Nghĩa Lại

Tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão v.v... mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

1. Trong thôn người nào đến tuổi 52 và tuổi 60 theo cổ lệ vọng khao dân chuẩn nộp 3,00$ dân chi tiêu việc công.

2. Trong dân người nào làm chánh phó tổng hoặc chánh phó lý đã được mãn lệ, vọng khao dân chuẩn nạp 3,00$ sung dân công tiêu, còn sửa lễ thủ lợn 1 chiếc, gạo nếp 5 đấu, cau 50 khẩu, đồng dân quán tiêu đã đặt về lệ ấy ra để sửa lễ, lễ thành trừ kinh biếu ngoại 3 giáp thượng hạ cùng tiêu.

..... (bản gốc bỏ trống các điều 3,4,5)

6. Ngày mồng 5 tháng 5 tiết Đoan Vương lễ dụng xôi gà, giầu rượu phỏng 3,00$ do đồng dân trích ở số ruộng đã đặt lệ ấy ra để sửa lễ đồng dân cùng tiêu.

7. Ngày rằm tháng 6 tiết Hạ Điền, lễ dụng xôi gà giầu rượu phỏng 3,00$ do đồng dân trích ở số ruộng và đặt lệ ấy ra để sửa lễ đồng dân cùng tiêu.

8. Ngày 12 tháng 7 ngày ứng mộng đức tiên đế tức vị lễ dụng xôi gà giầu rượu, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

9. Ngày rằm tháng 8 tiết trung thu, đồng dân quân bổ thượng hạ sửa lễ.

10. Ngày mồng 1 tháng 9 tiết Thường Tân (cơm mới), lễ dụng xôi gà, giầu, rượu phỏng 4,00$ do đồng dân trích ở số ruộng đã đặt về lệ ấy ra để sửa lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

11. Ngày rằm tháng 9 tiết thượng (xôi mới) lễ dụng xôi gà, giầu, rượu phỏng 2,00$ do đồng dân trích ở số ruộng đã đặt về lệ ấy ra để sửa lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

12. Ngày mồng 10 tháng 10 tết Trùng Thập lễ dụng xôi gà, giầu, rượu phỏng 1,00$ do cai đám sửa lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

13. Ngày mồng 4 tháng 12 chạp thần và hậu thần (do 18 hậu) lễ dụng lợn, gạo, giầu, rượu phỏng 10,00$ do 9 người thôn dịch cấy ruộng sửa lễ, lễ thành trừ kinh biếu đi rồi, còn nhiều ít 3 giáp thượng hạ cùng tiêu.

14. Ngày 22 tháng Chạp lễ trình mã, lễ dụng giầu, rượu do cai đám phần biện.

15. Ngày 28 tháng 12 lễ phong mã, lễ dụng lợn biện thờ giá 50 cân, gạo 10 đấu, rượu nửa chai, giầu cau 5 quả phỏng 11,00$ do cai đám cấy và sửa lễ, lễ thành trừ kính biếu ngoại, 3 giáp thượng hạ cùng tiêu.

16. Ngày 30 tháng 12 lễ Tất Niên, lễ dụng lợn liệu thể giá 50 cân, gạo 10 đấu, rượu nửa chai, giầu cau 5 quả phỏng 11,00$ do cai đám cấy ruộng giáp thượng hạ cùng tiêu.

17. Đệ niên 24 lần sóc vọng, lễ dụng oản quả, giầu rượu phỏng 24,00$ cai đám cấy ruộng sửa lễ.

18. Phụ lệ biếu trưởng tư văn (tức là tiên chỉ, tả văn như đệ niên các tiết, hoặc làm lễ 1 lợn thời biếu 1 nửa cái thủ, giầu 1 khẩu hoặc làm lễ xôi gà thời biếu một phần, như ngày sóc vọng có văn thời biếu giầu một khẩu.

19. Bán vị thứ, khi nào làng cần bán vị thứ gì nữa thời phải trình quan thượng hiểu tỉnh cho phép mấy được bán.

Tế tự về thôn Nghĩa Lại

Đồng niên tế tự các tiết hết bao nhiêu kê như sau này:

1. Tháng Giêng 3 ngày tết Nguyên Đán, lễ dụng oản quả, giầu, rượu, cai đám biện lễ, lễ thành hương kỳ lý dịch cùng tiêu.

2. Ngày mồng 3 tháng Giêng sinh nhật, đức tiên đế lễ dụng lợn 35 cân, gạo nếp 5 đấu, cau 10 quả, rượu nửa chai, cai đám cấy ruộng sửa lễ, đồng dân cùng tiêu.

3. Ngày mồng 7 tháng Giêng Nhập Tịch, lễ dụng lợn 60 cân gạo nếp 10 đấu, cau 50 quả, rượu 3 chai, ngày tống tịch, lễ dụng lợn 35 cân, gạo nếp 5 đấu, cau 10 quả, rượu nửa chai, do cai đám sửa lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

4. Ngày mồng 9 tháng 3 hóa nhật đức tiên đế, lễ dụng lợn 35 cân, gạo nếp 5 đấu, rượu nửa chai, cau 5 quả, cai đám dụng lễ đồng dân cùng tiêu.

5. Ngày 20 tháng 4 lễ Hạ Điền xôi gà, giầu, rượu cai đám biện lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

6. Ngày mồng 5 tháng 5 tiết Đoan Vương lễ dụng xôi gà, giầu, rượu cai đám biên lễ đồng dân cùng tiêu.

7. Ngày 12 tháng 7 Thánh Đản, lễ dụng xôi, gà, giầu, rượu cai đám dụng lễ đồng dân cùng tiêu.

8. Tháng 8 tiết trung thu đồng dân quân bổ thượng hạ.

9. Mồng 10 tháng 10 lễ dụng xôi, gà, giầu, rượu cai đám dụng lễ đồng dân cùng tiêu.

10. Ngày mồng 9 tháng 12, chạp thần, lễ dụng lợn 40 cân gạo nếp 8 đấu, rượu 1 chai, cau 5 quả cai đám biện lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

11. Ngày 22 tháng Chạp lễ trình mã thì lễ dụng lợn 40 cân, gạo nếp 8 đấu, rượu 1 chai, cau 20 quả cai đám biện lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

12. Ngày 25 tháng Chạp lễ hậu thần (do 10 hậu) lễ dụng lợn 50 cân gạo nếp 10 đấu, rượu 1 chai, cau 10 quả do 12 người thôn dịch cấy ruộng biện lễ, lễ thành đồng dân cùng tiêu.

13. Ngày 30 tháng 12 lễ Tất Niên, lễ dụng lợn biện thì 120 cân, gạo nếp 10 đấu, rượu 1 chai, cau 10 quả cai đám biện lễ, lễ thành trừ kính biếu ngoài, đồng dân cùng tiêu.

14. Đệ niên chu niên sóc vọng, lễ dụng oản quả, giầu, rượu do 12 người thôn dịch cấy ruộng sửa lễ

15. Sau vị thứ khi nào làng cần bán vị thứ gì nữa, thời phải trình quan thượng hiểu cho bán mấy được.

Các thuế làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa, thuế trâu, bò, thuế nhà cửa ...v.v. Thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước.

Mỗi thứ thuế phải kê riêng từng mục

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các điều khoản gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên, thời hương hội tùy tình lý nặng nhẹ mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành bốn bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở nha quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ 4 ở tòa sứ.

Phụng sao hương ước chính bản

Phúc lộc le 30 aout 1942

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ NGUYÊN KHUÊ[1]

Tổng Xuân Nộn, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Hoàng triều Bảo Đại thất niên bát nguyệt nhị nhật

Đông Anh huyện, Xuân Nộn tổng, Nguyên Khê xã, kỳ hào hương lý tuần thừa sức nghị định làm sổ hương ước tục lệ hội tại đình. Sổ xin kê các điều như sau này đồng dân nhất nhất sở thuận y như lệ.

Điều thứ 1: Mình niên tam nhật tiết Nguyên Đán hành lễ ngân mãi lễ ngũ nguyên lục mao hương mễ lục thập đẩu y lệ.

Điều thứ 2: Chính nguyệt sơ lục nhật lệ dân giao dịch cai đám hành lễ tại lệ dân giao dịch cai đám hành lễ tại đình sở hương mễ thập đậu số ngân nhị nguyên y lệ đồng dân thượng hạ ẩm thực y lệ.

Điều thứ 3: Lệ đệ niên chính nguyệt sơ lục nhật cai đám tứ thử phụng sự hữu phù lưu nhất phong thỉnh kỳ hòa hương lý các cục lục thập và thôn trưởng chí gia nhất tâm hoan hùy hoặc hà nhân ẩm tửu huyện hou phải lỗi tạ phù lưu nhất phong nhị thập giá y nhi lệ.

Điều thứ 4: Chính nguyệt sơ thất nhật hội đền Sóc Sơn đồng dân cử nhất nhân cai đám y mạo hành lễ sơ thất nhật thập nhị nhật tinh thần đồng dân cử cai đám tu sửa chai nghi thử phẩm đồng dân hành

---

[1] *Hương ước xã Nguyên Khê* được viết bằng chữ quốc ngữ phiên âm Hán Việt (không có chữ Hán) lại xen lẫn quốc ngữ. Do nội dung không có gì khác biệt, chúng tôi in nguyên văn để giữ lại tính lịch sử.

lễ kinh tế y lệ chinh nguyệt sơ ngũ nhật sinh thần lễ vật ngân nhị nguyên hương mễ thập đẩu y lệ.

Điều thứ 5: Tuân thủ Kỳ Yên chính nguyệt nhị thập bát nhật hành lễ tại đình sổ ngân lễ vật thập ngũ nguyên hương mễ tứ nồi đồng dân kính biếu hương lão kỳ lý ẩm thực y lệ.

Điều thứ 6: Nhị nguyệt sơ thất nhật lệ tuần đình hành lễ tại đình sổ ngân lễ bật thập ngũ nguyên đồng dân quân bị nhị giáp ẩm thực kính biếu tòng tiền.

Điều thứ 7: Nhị nguyệt thập lục nhật tam tổng hội lễ hành lễ đồng dân cử nhà giáp nhất nhân thôn trưởng tòng tiền hương tục hành lễ y lệ chi nhị thập nhất hoàn cung khánh hành hảo sự đồng dân quân bổ hứa mỗi nhân mỗi nhật tam mao hứa phụ giả chấp cỗ mỗi nhân mỗi nhật nhị mao y lệ.

Điều thứ 8: Tam nguyệt sơ tam nhật tết thành minh đồng dân hành lễ hương mễ thập đẩu ngân mãi lễ vật nhị nguyên đồng dân tòng tiền y lệ tứ nguyệt sơ thập nhất hóa thần hương mễ thập ngũ đẩu ngân mãi lễ vật thập nhị nguyên tòng tiền phụng sự lệ.

Điều thứ 9: Ngũ nguyệt sơ ngũ nhật tết Đoan Dương hương mễ thập đẩu ngân mãi lễ nhị nguyên đồng dân tòng tiền y lệ.

Điều thứ 10: Thất nguyệt sơ thập nhật lệ Thượng Điền hương mễ thập ngu đẩu ngân mãi lễ thập nguyên thập vi nhị giáp ẩm thực quân bổ tòng tiền y lệ.

Điều thứ 11: Xuân thu nhị kỳ phong y chiếu lệ hành lễ tại đình sở kỳ phong y chiếu lệ hành lễ tại đình sở kỳ hào sắc mục lý dịch lão thất thập tuế thôn trưởng ngân lễ vật lục nguyên tòng tiền y lệ.

Điều thứ 12: Bát nguyệt sổ thập nhất xuân thu hành lễ tại đình sở hương mễ thập ngũ đẩu ngân mãi lễ vật thập ngũ nguyên cập lệ thường tân lưỡng lệ hợp nhất hành lễ kinh biếu quan viên nhị giáp tòng tiền y như tục lệ.

Điều thứ 13: Thập nguyệt sơ nhất nhật hành lễ việc bàn đám hương mễ nhị thập đẩu ngân mãi lễ nhị nguyên bản nguyệt thập

nhất hành lễ Nhập Tịch kỳ hào hương lý lục thất thập hành lễ thập nhị nhất chinh lệ Kỳ Phúc hương mễ mười nối sinh lễ giá ngân thập ngũ nguyên đồng dân hành kinh biếu chùm trưởng lý dịch tòng tiền hương tục thừa hạ huệ phân vi nhị giáp y lệ tri thập tam nhất các xã nghĩa tu sửa tào soạn sinh lễ phủ tửu giá ngân nhị thập nguyên đồng dân kinh biếu các xã nghĩa ấp nhất tâm hoan hỷ xướng ca đồng nhị giáp thủ hoa ngân công bản tri tiên tòng tiền bản nguyệt thập bát nhập hương mễ nhị thập đẩu ngân lễ vật thập ngũ nguyên quân vi giáp y lệ.

Điều thứ 14: Mãn lệ Nhập Tịch hoặc hà nhân hữu tâm tham xủ đạo thịt xôi đồng dân bất ba ngân 3,00$ bạc nhược bất thụ giả bô đắc vi kỷ phó trưng y lệ.

Điều thứ 15: Thập nhị nguyệt sơ thất nhật đồng dân hành lễ hương mễ thập đẩu ngân mãi lễ nhị nguyên bản nguyệt nhi thập tam nhất hành lễ phong mã hương mễ thập đẩu 1 ngân mãi lễ tam nguyệt sơ thập nhật hóa thần hương mễ thập ngũ đẩu ngân lễ lục nguyên tòng tiền y lệ.

Điều thứ 16: Đồng dân mỗi nguyệt nhị kỳ sóc trọng lệ cai đương thứ sửa lễ hương mễ mỗi kỳ bẩy đẩu rưỡi tiêu quả bảy mươi hai quả tửu mười lăm tuổi thủ lưu năm mươi khẩu y lệ.

Điều thứ 17: Tế lễ đồng niên dân cử mỗi niên cử nhất nhân tri cai mẫu ngũ cao dĩ tu hương mễ các kỳ sóc vọng mỗi nguyệt nhị tuần đồng dân cúng lễ tòng tiền y lệ.

Điều thứ 18: Đồng dân cúng tế sự thần hương lý quan viên y mạ hành lễ sự thành hạ huệ thu lộc hà nhân vô y mạo bất đắc ngân lai y lệ, hà nhân chi lão lục thập thất thập tuế thất thập ngũ tuế lễ kinh thánh vọng dân hương mễ nhất mỗi lễ vật nhị nguyên ngũ mao tân lương ngũ thập quả y lệ.

Điều thứ 19: Họa hà nhân vi lý phá trưởng chánh phó hội trưởng ba thư ký thủ quĩ thủ ba quân lã trương tuần vọng khao dân tự thập bát tuế dĩ chi gia ẩm đửu trí hậu nhật mãn công thành tái vọng tại

đình sở đình lễ giả ngân thập nguyên hương mễ nhất nồi bạch mễ tam nồi tửu hiệu tam phủ lưu nhất bách quả tòng tiền hương tục y lệ hạ nhân mãi thủ vị giả cụ thỉnh dân thượng hạ tự thập bát tuế trí gia ẩm thực giễn cụ sướng ca nhi chủ y lệ.

Điều thứ 20: Hà nhân vi chánh phó hội trưởng ba thư ký thủ quỹ thủ bạ quản xã trương tuần vọng dân ngân y lệ 10,00$ dĩ sung về công dân y lệ.

Điều thứ 21: Hà nhân nam tử nạp lễ lan trai nhi nguyên ngũ mao tân lương ngũ thập qủa y lễ nội hương tục ngoại xã hà nhân xứ thập ngũ nguyên tân hương nhất bách quả lả lệ lan giai ngân 10,00$ thập nguyên tân láng nhất bách quả lệ bán giai thứ ba nạp ngân 6,00$ lục nguyên tân lương lục thập quả số ngân ba lệ lan nhai ấy dĩ sung vi công dân tòng tiền y lệ.

Điều thứ 22: Lệ bổng lương tuần phiên mỗi điền thổ nhị mao mỗi con triên mỗi điền thổ nhị mao mỗi con trâu ngũ mao mỗi con bò tam mao chiểu ba giăng mỗi ngũ mao tòng tiền y lệ.

Điều thứ 23: Đồng niên hoa mầu lúa mạ hoặc gian thi thất đạo tuần phiên y kỳ dá nội hương hoạc hà nhân hữu ngưu lao thử bã bất cẩn thất đạo phải đền nhất bán hoạc hà nhân hữu tâm tham thủ đạo hoa màu nội hương ngoại giã tuần thiên tróc đắc trọng giả khinh thân bẩn giả phát bạc đình sở y như lệ.

Điều thứ 24: Hà nhân chí thử cai đám cấy ruộng rồi vị đắc hương mễ tân mễ tiến thần hữu hiếu sự bất kỳ vô vi cai đám hà nhân trí thử thôn trưởng hữu tứ thân phụ mẫu bất đắc bị thôn trưởng y như lệ.

Điều thứ 25: Đồng dân hòa túc họa cốc cập thời nội hương hữu tử tôn bất đắc phóng thích ngưu lao ngộ hương lý tuần phiên bắt được phải phạt con trâu ngũ mao con bò tam mao để sung vi công bản y lệ.

Điều thứ 26: Bản xã hoặc hà nhân bách tuế minh chung nạp lệ nhất nạp ngân 8 đồng thỉnh tư thập bát ngũ thập bát dĩ thượng tòng

tiền hương tục tế lễ nạp ngân ma thứ hai nạp ngân 6,00$ thỉnh sắc mục lý dịch đô tùy ẩm thực tùy biên nạp lệ ngân nhất nguyên nhị tống táng y lệ.

Điều thứ 27: Bản xã hoặc hà nhân hữu khoa tràng thiện bá hộ lý trưởng cựu đương xuy nhượng điển văn cố chấp y lệ hoặc hà nhân chánh hội lý trưởng trưởng bạ đắc thiên bá hộ hoặc lý trưởng trưởng bạ đắc thiên bá hộ hoặc lý trưởng cựu đương thứ điển văn suy nhượng điển văn cố chấp y lệ hoặc hà nhân chánh hội Lý trưởng cựu đương thứ điển văn suy nhượng bất đắc cố chấp y lệ hà nhân hữu tứ thân phụ mẫu bất đắc cố chấp điển văn đồng dân hội tả y lệ.

Điều thứ 28: Hương lý chúng tôi hội tại đình sở trù toán đồng niên tiền cúng tế nhất bách tứ thập nhất nguyên nhất mao quân trị nhị giáp thỏa thuận quân tòng tiền phụng sự y lệ:

Điều thứ 29: Trong làng nếu người nào có con gái bỏ làng mà đi lấy chồng thiên hạ, không chịu nạp lệ lan nhai thời bố hay là anh đến tuổi sáu mươi làm lễ kinh thành thời làng không nhận tiền lễ ấy cho nữa, y lệ trong làng nếu người nào chưa có chồng mà chửa hoang thời cũng.

(... mất trang đến hết).

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NGỌC QUANG

Tổng Tuân Lễ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng hữu truyền từ trước, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều hại thì đổi điều lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh vượng, dân có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Chương thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng

Phải theo nghị định quan thống sứ ngày 20 aout 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh bản nghị định ấy thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12-8-1921 thời những tiền lệ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 kilomet thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thời được tiền lộ phí mỗi ngày là 0,40$, lên tỉnh khứ hồi không được quá 3 ngày, khi lên huyện hay lên phủ

cả khứ hồi không được quá 3 ngày, đi lại trong địa bàn xã mình hay là đi đâu không có lệnh quan trên không được đòi tiền lộ phí.

Sổ thu chi

Điều thứ 3: Sổ chi thu hàng xã phải làm theo cách thức đã nói ở nghị định quan thống sứ ngày 10 tháng 8 năm 1921, về sự chỉnh đốn sổ chi thu hàng xã và phải tuân lệnh truyền theo nghị định ấy thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân làm cỗ mời công dân khi có việc tang thi đỗ, thăng bổ hàm chức vụ tổng lý hoặc lên lão v.v... hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không phải chịu khoản gì nữa.

(...)

Điều thứ 6: Những tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ nhận của chánh hương hội thì không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối năm thì hương hội phải kiểm lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu tiền, chi bao nhiêu còn bao nhiêu yết thị phải cho mõ rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ về bổ thuế thì phải tường chánh hội, họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước nhưng hương hội cứ chiểu trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh đàn em ruộng nội canh hay ngoại canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý phó trưởng người nào việc ấy, phải hành thu mà đem nộp vào kho bạc, thu tiền gì thì phải biên

nhận, tờ biên lai cấp lấy ở quyển phải lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phải lai ấy cũng kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu thuế sưu thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải tình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hội tiếp ai trình thì hội đồng lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu sự hòa giải không xong, hương hội vì nguyên bị phải đi làm chứng trước tòa án thì người người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dầu không có phép hòa giải nhưng người có việc phải trình cho hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét là duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mạng và tài sản chung cả làng, thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người làm việc các sở, người chức sắc khoa mục, người đang đi học các trường và người có tật bệnh, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh phòng được thì có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay hoặc nộp cho làng bạc để cho thuê người canh thay.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm... ban, mỗi ban canh độ 3 tháng hoặc 6 tháng hoặc một năm, mỗi ban 1 người đốc canh khi làng có cướp phát thì tất cả ban canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban đương thủ.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được thì phải trích tiền công sắm cho, hết hạn canh phải giao giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhớn hay nhỏ mà mà lập điếm nhiều hay ít, tiền phí tổn làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh gần tối, thì phải nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mươn người đi canh thay. Nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 1 hào, lần thứ ba sẽ giải lên tòa án xét, phạm về tội phạm nào (...).

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lần đi tuần 2 lần chung quanh trong làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì được thưởng 1,00$ bắt được 1 đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp, mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ. Khi cướp phát mà tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thì không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước, đáng nghi thì bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng, tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít là tuần tráng để trông nom đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ bắt liệt nào chọn những người mạnh khỏe.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh khoẻ thực thà và có gia sản, người nào có tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền các tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 32: Coi các đường khuyến nông của làng hay ai hủy hoại thì phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ hay nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội, không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng phải cạn thì tuần bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thì hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thấy chiểu theo điều 101, trong hình luật An Nam bắt phạt tội được, thì tùy cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh hay ngoại canh đều đồng niên mỗi mẫu là...hảo, tiền ấy cho làm 2 thứ, 1 thứ tháng 5 một thứ tháng 10, tiền ấy cho lúa sương mà ngày trước tuần chưa được thay, từ đây về sau cứ đến ngày nào cắt lúa thì điền chủ phải mang nộp lúa sương cho thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc đều được chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thì phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cứu cấp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn như người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự gì cứu cấp bị thương làng cấp uống thuốc, trọng thương thành tật làng cho vị tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ mà cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là giữ bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội phải cử một người giữ nhà và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường cái, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn uống nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về việc sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát bệnh tật có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh dịch thì lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế, không được vì nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay là người chết cấm không được giặt xuống giếng, hồ, ao hay là những chỗ dơ bẩn có thể đổ xuống giếng hồ ao.

Sự sửa sang đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người để thủ lộ trông coi đường sá cầu cống và đê điều, thấy nơi nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đê điều thì thủ lộ phải coi sóc, chớ để người hay súc vật làm hủy hoại và giữ gìn chớ để cho người cày cấy vào chỗ sườn đê, hay giồng giọt gì ở đấy và phải giữ lúc nào cho đê cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng lắm mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thì thủ lộ phải tường hương hội kẻ lên trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thì phải bồi thường phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội tháo xong lại phải đắp lại kỹ lưỡng như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thì làng cho dự tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức.

Sự vệ nông

Hằng năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch giữ nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 và tháng 12 hội đồng cho mõ rao, các chủ điền gần ngòi phải khơi sâu ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ vỡ lở, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không ai được trồng khoai lang, khoai sọ ở bên bờ sông ngòi để úng tắc, ai không tuân sẽ phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng, ai phạm hương hội phạt 0,10$ nếu trâu bò ăn lúa của ai thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu vịt phá lúa mạ phải đền nữa.

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thì người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày 18-3-1906 cấm những người tộc biểu, không ai được mượn hoặc cầm cố bán của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền. Những điều

tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dầu lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả. Chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thể lệ ấy để thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc kiện cáo, thì dầu làm bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được làm. Việc cầm bán công điền công thổ đáng lẽ cứ chiểu chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20-4-1894, cùng điều thứ 2, nghị đinh ngày 8-3-1906 thì cấm hẳn, quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm, được như vậy cốt là khi làng có tòng tấu hay bất động sản thì hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì người ấy được, hương hội phải làm biên bản và đinh theo giấy tinh nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ thì hương hội phải khám xét báo luôn để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã báo trước mà còn cố ý phạm cấm thì hương hội phải báo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dầu quan đã chiểu luật trị tội, nhưng vì làm mất phong thể làng, hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong mấy ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói khi có quan trên đến làng, chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng quan khách không biết hỏi ai như thế thì không được. Nay đinh giao việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thì tuần phiên đi báo tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng lý phó trưởng phải tùy nghi chính đáng mà tiếp ở sở công. Nếu quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám, khi khám nếu có việc gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho ổn thỏa, khi ở trong địa giới có ai ốm đau, hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin lại phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cấp cứu ngay.

Việc học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học, vậy khi làng có đủ tiền làm nhà trường ở trong làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thày giáo sẽ lấy tiền công dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thì trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong thì ở sổ thu chi phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở viết, giấy bút cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và nghề nghiệp lương thiện chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời. Còn những người đã có gia sản thì phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dầu mua đất của ai, nhưng cũng phải tường hương lý biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$ và một chai rượu, một cơi giầu.

Chương thứ hai
Tục lệ trong làng

Đệ niên tứ quý kỳ phúc các tiết phụng tự và tục lệ, phụng biên như sau này:

Sửa lễ thờ và tục lệ

Điều thứ 72: Ngày 25 tháng Chạp mua mã thờ tết bao nhiêu tiền, chiếu bổ nhân đinh, ngày rước mã thờ ấy sửa lễ lợn, xôi... chiếu đúng vị thứ đồng dân quân huệ. Ngày 30 tháng Chạp tống cựu nghinh tân động thổ, sửa lễ xôi gà chiếu tùy vị thứ đồng dân quân huệ. Ngày mồng 7 tháng Giêng là ngày Kỳ Phúc sửa lễ xôi gà chiếu đúng vị thứ đồng dân quân huệ. Ngày mồng 8 tháng Giêng là ngày hóa mã thờ, sửa lễ xôi, lợn chiếu tùy vị thứ sĩ dương hành lễ hạ huệ, đồng dân quân huệ. Ngày 25 tháng Giêng sửa lễ Kỳ Yên, xôi, gà chiếu từng vị thứ đồng dân quân huệ.

Ngày mồng 3 tháng 3 sửa lễ Hàn Thực xôi, gà chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ hạ huệ, đồng dân quân huệ.

Ngày mồng 5 tháng 5 sửa lễ Đoan Dương hội xôi, gà chiếu như vị thứ ha huệ đồng dân quản huệ, ngày mồng 8 tháng 7 Thượng Điền sửa lễ xôi gà chiếu tùy sự thứ hạ dĩ tương hành lễ đồng dân quân huệ.

Ngày 14 tháng 8 trung thu xửa lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ lễ đồng dân quân huệ, kip một nồi gạo mới lễ một thể.

Ngày mồng 10 tháng 10 lễ Trùng Thập sửa lễ xôi gà, chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ hạ huệ đồng dân quân huệ.

Ngày 28 tháng 11 lễ Kỳ Phúc sửa lễ xôi chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ ha huệ đồng dân quân huệ.

Ngày 8 tháng 12 là ngày chạp thần sửa lễ xôi gà, chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ đồng dân quân huệ.

Ngày 16 tháng 7 là ngày hậu thần lễ xôi gà chiếu tùy vị thứ hạ huệ đồng dân quân huệ, đệ niên xuân thu tế tiên thánh làm lễ tả văn sửa lễ xôi gà chiếu tùy vị thứ ha huệ đồng dân quân huệ.

Ngày mồng 3 tháng 3 sửa lễ Hàn Thực xôi gà chiếu tùy vị thứ hạ huệ đồng dân quân huệ.

Ngày 28 tháng 4 là ngày Kỳ Phúc sửa lễ xôi gà chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ đồng dân quân huệ.

Ngày mồng 1 tháng 6 Hạ Điền, sửa lễ xôi, gà chiếu như vị thứ hạ huệ đồng dân quản huệ.

Ngày mồng 8 tháng 7 Thượng Điền sửa lễ xôi gà chiếu tùy vị thứ hạ dĩ tương hành lễ đồng dân quân huệ.

Ngày 14 tháng 8 trung thu sửa lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ đồng dân quân huệ, kịp một nồi gạo mới lễ một thể.

Ngày 10 tháng 10 lễ Trùng Thập sửa lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ hạ huệ đồng dân quân huệ.

Ngày 28 tháng 11 lễ Kỳ Phúc sửa lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ hạ huệ đồng dân quân huệ

Ngày 8 tháng 12 là ngày chạp thần sửa lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ dĩ tương hành lễ đồng dân quân huệ.

Ngày 16 tháng 7 là ngày hậu thần lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ hạ huệ đồng dân quân huệ. Đệ niên xuân thu tế tiên thánh làm lễ tả văn sửa lễ xôi, gà chiếu tùy vị thứ hạ huệ đồng dân quân huệ.

Sự khao vọng

Điều thứ 73: Mỗi năm bầu một người thủ từ, chiếu tùy vị thứ mua hương hết bao nhiêu đồng dân quân thụ.

Ai đến tuổi 60 ra lão phải vọng 1,20$. Còn như yết thần hoặc một con lợn, một mâm xôi, ba tiện rượu, 100 quả cau lễ thần, kính dân, đồng dân quân huệ.

Ai sinh con giai đến ngày 29 tháng Chạp phải sửa một con gà, một mâm xôi, một buồng cau, một chai rượu đem ra đình làm lễ trình dân đồng dân quân huệ.

Người nào ở làng khác đến làm con nuôi người trong làng khi nhập hạ phải nộp 4,00$ đến khi 18 tuổi đóng sưu lĩnh thẻ thì phải nộp.

Người khoa mục phẩm hàm bát cửu phẩm, thiên bá hộ, chánh phó tổng trước yết thần sau khao vọng 15,00$, mời cả dân thủ tạc, còn như phẩm phục vị thứ đình trung chiếu y trật tự.

Ai làm hộ tịch 9 năm thanh thỏa phải sửa lễ yết thần trong khi mãn tục rồi hạ huệ đồng dân quân huệ.

Ai làm quản xã, trương tuần thanh thỏa 6 năm như là việc nước sông lên, canh phòng trong làng ngoài đồng khao vọng báo chỉnh đồng dân quân cấn, còn như vị thử đồng dân đình trung chiếu theo trật tự không có lương cấp.

Ai có 3, 4, 5 anh em thì phải đi lính, mỗi người một khóa 3 năm thanh thỏa, nếu việc quan không cần thì người ấy phải chịu lỗi.

Ai mua chiếu tư văn mỗi người là 3,00$. Tiền ấy nộp về công dân để về việc tế tự các tiết, khăn áo chỉnh tề ra đình hành lễ, nếu ai không có nhiêu không được vào hành lễ.

Hôn lễ tiếp theo

Điều thứ 74: Ai sửa lễ lan nhai trong làng phải nộp công dân một cái mâm đồng y như người trước đã nộp, 50 quả cau, 1 chai rượu hạ huệ huynh thử quân huệ.

Người nào lan nhai ngoại quán thì phải nộp dân 10,00$, 100 quả cau, 1 con gà hay một mặt lợn, một nồi gạo xôi, yết thần hạ huệ đồng dân quân huệ.

Tang lễ

Điều thứ 75: Tang lễ dân đặt làm 3 hạng, hạng nhất 6,00$, 1 người chấp hiệu, 16 người đô tùy, hạng nhì 4,00$, 1 người chấp hiệu, 12 đô tùy, hạng ba 2,00$ 1 người chấp hiệu, 8 người đô tùy còn như các hạng lệ trước sửa lễ thần hoặc trâu bò lợn một mặt, một mâm xôi, 3 chai rượu, 100 quả cau, còn như nghi tiết hạng nhất, hạng nhì mời tư văn, giáp lễ, tiền đạo, thủ văn. Báo thỉnh 2 huynh thử 1 chai rượu, huynh thử huấn thị lễ nghi 1 cái khoanh lợn, 1 mâm xôi, 1 chai rượu, 50 quả cau nếu ai sửa lễ ấy hành lễ huynh thử quân huệ.

Ngọc Giang le 31 out 1942

Phụng sao

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG ĐẠI ĐỘ

Tổng Sạp Mai, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Tục lệ của xã Đại Độ, hương hội trị sự đã định phiên hội đồng ngày mồng một tháng Giêng năm 1923.

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có (...) thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời thu, mục đích làm cho gia tộc được thịnh dần, dân làng trật tự. sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chánh trị

Điều thứ 1: Việc chánh trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh - truyền đình theo bản nghị dinh ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng tám lấy năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này: một là, khi phải đi xa trong vòng 5 cây lô mét thì không được tiền lộ phí.

Hai là, khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí là lên tỉnh (...)

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, khi lên huyện (...) cả khứ hồi không được quá hạn một ngày.

Đi lại trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ thời không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921, về sự chỉnh đốn sự chi thu trong hàng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiếu theo điều thứ 6 đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng hàm chức, ngôi thứ tổng lý, hoặc lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ trong hương ước này thì ngoại giả không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa mà có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy.

Cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ thực thu vào bao nhiêu, còn thiếu bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết. Hễ yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về, thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruông nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền, không được hàm bổ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong giao các tộc biểu người nào việc ấy phải hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phát lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì ở tờ phát lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế, cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo vì dân sự, thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều 14a: Trong một tháng hương hội có thường hội đồng, 2 kỳ ngày 1 và ngày 15, từ 8 giờ sáng đến 10, giờ ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh, tử, giá thú hay muốn hỏi điều gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, hoặc ai có điều gì về dân sự hay thương sự mà kiện cáo trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thời phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực mà hòa giải cho 2 bên, nếu hòa giải xong thời hương hội dựng biên bản ấy rồi lý trưởng phải trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong, hương hội cùng dựng biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án, thời người thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự, dù không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hoặc để cho tuần trương sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng là để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi ra canh phòng được thời có thể nhờ bà con hoặc gia hạ canh thay, cấm không được nộp tiền cho làng để làng thuê người canh theo như cách mua nhiều tuần trước.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm (...) ban, mỗi ban canh độ ba tháng hoặc độ 6 tháng hoặc một năm, mỗi ban bầu một người trong ban làm đốc canh, khi trong làng có cướp phát thời tất cả các ban canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban đương thứ.

Phụ mục canh phòng

Điều thứ 20bis: Làng có 7 giáp, mỗi giáp nhận tuần phòng 1 năm, đến lượt giáp nào thời giáp ấy phải cử 1 người đàn anh làm người đốc canh và 10 người tuần tráng chia làm 2 ban 5 người tuần nội (và 1 người trông nom hội đồng sở, 5 người tuần ngoại), khi thường người đốc canh đốc xuất tuần canh, trong làng khi có động hiệu thời tất cả 2 ban tuần và đinh tráng 7 giáp phải đến để cứu ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được làng trích tiền công sắm cho, hết ban canh thì phải giao giả làng.

Điều thứ 21bis: Những người (...) khí giới như câu liêm, gậy, giáo, mác v.v... làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao

giả làng nếu ai đánh mất hoặc làm hỏng cái gì thời phải chiểu giả làm ngay.

Điều thứ 22: Tùy làng lớn hay nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn tiền lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 22bis: Làng lập 2 điếm canh một điếm ở làng, 1 điếm ở góc bến, phí tổn điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ tối thời nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi ra canh thay, nếu bỏ không canh thời 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt (...), lần thứ ba thời sẽ phải giải lên tòa án xét phạm về tội phạm vào khoản thứ 11 điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần luôn chung quanh làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 24a: Ban tuần khi đến lượt đi tuần thời phải đi luôn chung quanh làng để cho kẻ gian khỏi vào chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng, thì thưởng (...) bắt được đứa cướp thì thưởng (...).

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được phạm thời phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phát tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 26a: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cắp trong làng, như trong làng có người mất trộm cắp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm thời trương tuần và cai ban tuần nội đến phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến khám xét ngay xem (...) những gì đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực minh bạch, đến khi các điền hộ nộp tiền thế cho lúa sương thời hương hội chia tiền ấy cho sự chủ đã bị mất trộm cắp, rồi đến kỳ phát lương chi ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi,

nếu thiếu khẩu kỳ sau hoặc lại còn thiếu trách cứ trương tuần, tuần phiên ấy phải nộp đền vào quĩ cho đủ, chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi, thành ra không có sự thực. Còn như việc cướp phát to mà tuần tráng cứu ứng làm hết bổn phận thời không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần tráng không chịu hết lòng cứu ứng, để đến nỗi bị mất thời cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời phải giải quan xét.

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là (...) tuần tráng để trông coi đồng điền.

Điều thứ 28bis: Canh ngoài đồng, làng cử một người trương tuần (tức là đốc canh và 5 người tuần tráng) để trông nom đồng điền và ngày đêm phải canh ở điếm gác, đến khi ngoài đồng có đông hiệu thời tất cả 2 ban tuần và đinh tráng 7 giáp cũng phải cứu ứng ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt những người mạnh khỏe.

Điều thứ 29bis: Tuần tráng cứ cắt lượt từ 30 tuổi đến 18 tuổi và chọn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng giao lý trưởng đi trình quan sở tại, lưu chiểu ở các điếm. Sổ phải có một cái biên tên những người trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà, có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước tháo nước, nhưng khi nên giữ, nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội mà không tự quyết.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$. Nếu tuần dong tùng để nước ruộng can thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ, hoa màu ngoài đồng, tuần chỉ phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu là... hào, tiền ấy chia làm 2 thứ một thứ tháng năm, thứ tháng mười, tiền ấy thu cho lúa sương ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày vụ gặt, thì điền chủ phải đem nộp lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 36bis: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu 3,00$, nộp làm 2 thứ, một thứ tháng 5, một thứ tháng 10, tiền ấy thu cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ nay về sau hễ cứ đến gặt thời điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ, làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát, đốc canh và tuần tráng đồng niên mỗi người 12,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thì phải mất ngôi tộc biểu.

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 38bis: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$. Sự cứu hỏa tai cần phải sẵn có đồ chữa mới được, nếu tay không chạy đến mất giương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích. Vậy làng phải trích tiền công sắm

lấy 10 cái câu liêm thực tốt và cốt để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hỏa tai thời tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải chữa tắt khỏi, thời những câu liêm kéo gỡ ngay đi. Và mỗi nhà phải sắm cái ống vảy nước (trừ những nhà mẹ góa con côi), làm bằng tre bương độ 1 thước Tây, đầu để vẩy nước vạt nhọn mỏng lợn, ống của nhà ai khắc tên gia chủ nhà ấy, đều để lấy nước chữa cháy. Lúc chữa sắp xong hương hội lý phó và trương tuần phải điểm ngay số ống có đủ hay không, nếu thiếu ống nào, hay ống nào không có dấu nước xét thực thời những gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$.

Còn như các nhà bị hỏa tai hương hội phải đến xét xem khởi tự đâu, vì duyên cớ gì nếu thực là vô ý thời tha không phạt. Hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay là đốt nhà để hôi của nhà khác, thời hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan toà xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$, cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 49: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Trong khi làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải đến trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ đó bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại. Đến như đê điều làng có phần đê hơn 1000m thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thời thủ lộ phải tường hương hội kẻ trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 49bis: Phàm những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thời phải xin phép quan trên cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giải trình quan tòa xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn, thời làng cho ngồi tộc biểu, cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng. Mỗi năm cứ tháng 11 hay là 12 hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy, lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không ai được giống giọt lúa, khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ úng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thời phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vị ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiếu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm gì về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có phép quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu công trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu là bên nguyên, hay bên bị cũng phải quan trên cho phép rồi mới được đi.

Về việc bán công điền công thổ đáng lẽ cứ chiếu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894, cũng như điều thứ 2 ngày mồng 8 tháng 3

Tây năm 1906 thì cấm hẳn. Nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy và cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản, thời hương hội phải đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã báo trước mà còn cố ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trừng trị tội, nhưng vì mất phong thể làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong 100 ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ đứng ra tiếp, nếu lý phó trưởng đi vắng mà quan đến thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay đính giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thày giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền, để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký tăng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng, thì phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký tăng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết, mà phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, mua đất công hoặc tư cũng không được quá 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quân điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ

a) Cách quân phân riêng của làng xã.

b) Những hoa lợi riêng của hàng xã, như là lĩnh trưng ao, hồ, sông, còn tiền cho thuê điền, thổ, tiền lãi phiếu quốc trái v.v... mỗi khoản kê riêng từng mục, làng có một bãi đất khu Tân Phú 118 mẫu tốt xấu đều nhau, đã lở mất 45 mẫu, hiện còn 73 mẫu hai sào đình được quân cấp cộng 174 suất sưu, chia mỗi suất 3 sào, hết 52 mẫu 2 sào còn 21 mẫu làng để phần lưu trữ, hễ phần nào bị lở hoặc người

nào mới đáo tuế thời lấy phần lưu trữ cấp cho, khi phần lưu trữ chưa phải quân cấp cứ mỗi năm đem bán đấu giá để lấy tiền trợ cấp cho đình sưu, nhưng khi quân cấp phải làm một cái đồ bản hoa đất bãi ra từng khu, mỗi khu 3 sào công được 244 khu, đánh số thứ tư tự số thứ 1 đến số 244, lại làm một quyển sổ quân cấp kê các số thứ tự, theo như trong đồ bản, khi quân cấp thì dùng cách gắp thăm, ai gắp được số nào thời ký nhân vào dưới số ấy ở trong sổ quân cấp. Cứ 1 năm dồn sổ lại một lần, nghĩa là số cuối cùng năm trước đảo ngược lại làm số thứ nhất năm sau, số ở trên số cuối cùng năm trước tức là số thứ 2 năm sau v.v... cho thực công bằng, như thế mỗi năm chỉ phải thay lại sổ quân cấp mà thôi còn đồ bản không phải thay đổi gì cả. Trong một năm hiệu quân cấp bao nhiêu biên vào sổ quân cấp cho phân minh. Sổ ấy phải 2 bản để trình quan sở tại phê duyệt một bản lưu nha, một bản sưu thuế chấp chiểu. Lại có một khu đất bi 21 mẫu 5 sào, một khu đất bãi giá 3 mẫu 5 sào, một khu đất của đình 2 mẫu 1 sào. Đầm Trì (năm) 5 mẫu 5 sào đất bãi ở bên dưới, cộng các thức 32 mẫu 6 sào.

Hồ sen 1 mẫu 7 sào đều bán đấu giá từng năm một, lấy tiền sung quĩ và ruộng của ky điền 72 mẫu, hậu công 5 mẫu 6 sào cũng bán đấu trưng sung công, cứ đến ngày ky hậu mỗi ky trích lấy tiền công 1,50$ giao cho người sửa lễ, sửa một lễ gà, xôi làm lễ ky. Ai đã mua đấu giá được rồi thời tính bắt đầu từ ngày hương hội bán đấu giá, hạn một tháng hoặc 3 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn, không những là trái với hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cầm lấy đất và đầm hồ đã bán trưng cho người ấy mà bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng và đầm đã cày cấy, hoặc giống giọt gì, đầm hồ đã thả cá, thả sen người ấy cũng phải mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thế lễ cưới xin và tiền thu nộp là bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, 4 lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 2, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dậy bảo cho tuân theo. Tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói "vợ chồng như đũa có đôi" bằng đôi phải lứa, mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thể hôn đó, đến như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học như con trai, để dành vốn riêng cho con gái chứ không nước nào đem cho con gái mà gả bán để lấy tiền của nhà trai, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay hơn là thế, so ngay với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao? Các điều nhân đạo không sao kể xiết được. Phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi hết các tệ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

Trong làng con giai 18 tuổi, con gái 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

Trước khi sắp làm lễ vấn danh (tục gọi là lễ ăn hỏi, bố mẹ hai bên phải đến tường cho hương hội biết, để hương hội xét xem hai người ấy định lấy nhau tuổi có cập lệ không? Và có điều gì ngăn trở không? Rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày cho ai nấy đều biết, nếu tuổi cập lệ và không có điều gì ngăn trở thì nhà trai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

Khi thành hôn rồi hạn trong 1 tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu ra đình yết thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương liời có mặt tại đình được quân huệ; cheo nội 3,00$, cheo ngoại 6,00$. Khi đã nộp lệ lan nhai tức là lễ cheo vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không phải chịu phí tổn gì nữa.

Còn những thủ tục hủ bại như: chăng dây, đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết bệnh dịch thời phải chôn ngay trong ngày hôm chết (nói rõ tục lệ tang lễ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu).

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng; ví bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu, lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có xứng đáng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say, nói cười, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không. Chắc cũng giả nhời rằng không. Còn như hộ tang cho nhau thì là cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lần chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến. Thế mà tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo, khi có tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn, lấy thế là đủ báo đáp cho vinh dự với hương quan đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi, khi cha mẹ còn sống không biết thờ không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng thiên hạ đã không ích gì đến người chết, mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu thế có lạ chưa? Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm hoặc e tiếng thị phi, nhắm chịu là nhắm, đổi không giám đổi. Nay nhờ thượng hiểu rủ lòng thương dân, lời dẫn thuyết thực là tỏ tường, các tinh tục rất là chính đáng dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của; kẻ bô xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà lại được tiếng khen, vậy các lệ tang định như sau này.

1) Khi ai chết về mùa đông hoặc không phải là bệnh truyền nhiễm, hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu chết về mùa hạ hay bệnh truyền nhiễm hạn trong 24 giờ phải mang chôn ngay.

2) Nhà nào có việc hiếu phải sửa 100 miếng giầu do người tộc biếu về phía nhà tang chủ đem tường hương hội, hội đồng xem nhà tang chủ nộp vào lệ nào, liệu mà cắt chấp hiệu đô tùy và các tang nghi đi tống táng. Các lệ ấy phân biệt là thượng lệ 15,00$; chấp hiệu cắt chánh phó lý, 63 người đô tùy, cắt vào 7 giáp mỗi giáp chín người, trung lệ 10,00$ chấp hiệu cắt như trên 56 người đô tùy mỗi giáp 8 người, hạ lệ 3,00$ 2 người chấp hiệu (cắt vào đàn anh trong giáp người tang chủ), 20 người đô tùy (cắt vào giáp người tang chủ).

3) Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là trong đám chấp hiệu đô tùy ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì phải vái ba vái (còn ai vị thứ ngang hàng hay ở dưới người chết thì phải lạy 2 lạy để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với người vong nhân. Về phần tang chủ thì đem tất cả anh em dâu rể, con cháu nội ngoại (là những người phải để tang người chết từ 5 tháng giở lên) ra đáp lễ lại.

4) Người nào chết mà nghèo khổ không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích 3,00$ tiền công cho trương tuần mua ván mà cắt 8 người tuần tráng tống táng cho người ấy và lại trích 1,00$ để tiền giầu nước cho những người tuần tráng trong khi làm việc ấy.

5) Khi tang chủ đã nộp tiền lệ cho làng, làng đi tống táng, làng biên vào sổ tử rồi thế là trình lễ tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ, hai bên hoàn toàn không thiếu nhẽ gì nữa. Nếu ai lấy thế lực để mưu chước sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung người ấy trong hạn 100 ngày, sau khi an táng nhà tang chủ muốn đãi chấp hiệu đô tùy một bữa cơm tùy ý không cấm.

Những tiến lệ khác

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão v.v...

Mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và kỳ lão là bậc xỉ tước, ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng ấy mới có thứ vị, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng các vị đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khuyến khích cho kẻ sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giờ lên sự hy vọng ở trên đời thời ít, chỉ trông mong vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần thì lại mất thêm một món, thời trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo. Vậy là vọng tiền như trước miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thời được chỗ ăn ngồi, nhẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan dĩ thượng, võ tam phẩm dĩ thượng khao vọng 50,00$, văn tứ ngũ phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học tiến sĩ, cử nhân 40,00$. Văn thất phẩm, võ lục phẩm Pháp học tú đài, cao đẳng 30,00$. Văn bát phẩm, võ thất phẩm bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 20,00$, các phẩm hàm nhà nước cho quyền, cùng các viên dự vào hàng văn giai cứ theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng. Văn cửu phẩm, võ bát phẩm, thí sai chánh tổng, phó tổng thượng hàm, lý phó trưởng, nghị hội viên, chánh phó hương hội chưa có vị thứ 15,00$, lý phó trưởng, thư ký, thủ quĩ, tộc biểu chưa có vị thứ, cùng những người vị thứ bằng lý trưởng 12,00$, phó lý thư ký ngoại bang, trương tuần, quản lộ, quản thụ, tiểu học tốt nghiệp, học sinh cùng những người vị thứ bằng phó lý 10,00$. Lệ vọng lão 55 tuổi chia làm 3 hạng. Những người chức sắc vọng 20,00$, những người xã cựu hương trưởng vọng 15,00$, xã nhiêu và bạch đinh vọng 10,00$, đến 60 tuổi hàng lão đều sửa một lễ xôi gà ước 2,00$ yết thần rồi tường hương hội biết. Những ngôi hương sinh, phó lý mua 4,00$. Lệ hậu ai chịu hậu

đình nộp tiền ký ky 20,00$, chiết nộp tiền khao và 7 sào ruộng làm ruộng giỗ, lúc sinh thời đến các ngày tiệc cử phần biếu, khi trăm tuổi cứ đến ngày giỗ hương hội trích tiền công 40,00$ giao cho người sửa lễ, sửa một lễ gà, xôi đồng dân làm lễ, ai chịu hậu chùa nộp tiền ký ky 15,00$, chiết nộp tiền khao 20,00$ và 3 sào ruộng để làm ruộng giỗ, sinh thời dân cử phần biếu, khi trăm tuổi dân làm giỗ cũng như hậu đình. Vị thứ bản dĩ hạ ngôi xã cựu 45,00$, hương trưởng 35,00$, hương sinh 21,00$, phó lý 18,00$, khi nào cần bán 4 ngôi này phải có phép các quan cho. Các viên chức hương lão phải nộp các tiền khao vọng trên này, hễ đến kỳ nào hoặc năm nào phải nộp các tiền lệ ấy kể bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hạn trong ba tháng hoặc 6 tháng là cùng, phải nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ của người ấy đi và trình quan xét nghĩ.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ vị thứ, những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình, bán vị thứ v.v...

Tự tiến lễ vật

13 tháng Giêng lễ Nhập Tịch lợn 8,00$, xôi 2,00$, rượu 2,00$, gạo tẻ 6,00$, giầu cau, hoa quả, hương đăng 2,00$, cộng 21,00$. 14 tháng Giêng trích tịch lợn 15,00$, xôi 3,00$, gạo tẻ 7,00$, rượu 3,00$, giầu cau, hoa quả, hương đăng 2,00$, cộng 30,00$. Kỵ hậu 27 lễ, mỗi lễ sửa xôi gà 1,50$, cộng 40,00$, đồng niên sóc vọng 24 tuần, mỗi tuần sửa lễ gà xôi ước 1,60$ cộng 40,00$. Tổng cộng 130,00$, còn mồng hai tháng Chạp các giáp sửa tiệc bánh và xôi, gà không phải chi tiền công.

Vị thứ, vị thứ trong đình chia làm 8 bậc: thứ nhất, hương lão từ 55 tuổi giở lên, văn vũ từ cửu phẩm giở lên cứ chiếu theo thứ tự như lệ khao vọng mà ngồi. Thứ 2, chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh

phó hương hội đương cựu. Thứ 3, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, chánh phó hương lý đương cựu. Thứ tư, trương tuần, thủ lộ, đương lộ và hành xã cựu. Thứ 5, hàng hương trưởng. Thứ 6, những hương sinh. Thứ bảy, hàng phó lý mua. Thứ 8 khán thủ xã nhiêu.

Các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên, thời vũ giai phải kém văn giai 2 trật, các chức dịch bầu cử được hơn chức dịch mua. Còn như các phẩm hàm chức dịch kể tân, người cựu vị thế như nhau không có phân biệt.

Các viên chức có vị thứ trên này mới được dự tế đình trung. Những người tộc biểu trước kia không có chức phận chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu, thời cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay tiền mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên. Bán vị thứ khi làng cần phải bán vị thứ gì khác mà phải trình các quan thượng hiểu tỉnh cho phép mới được.

Phụ lễ bằng tả văn, chủ tế và lệ hiếu. Khi ngồi ấy thì chọn từ triều quan văn, võ khoa mục, phẩm hàm, thứ đến lý trưởng cựu mãn lệ.

Khi các ngày tiếc có sinh lễ, tế xong biếu 2 ngôi ấy một cái thủ.

Các thuế của làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa, thuế trâu, bò, thuế nhà cửa vân vân....

Thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước mỗi thứ thuế phải kê riêng từng mục.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này các điều khoản gì cũ trái với hương ước điều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên thời hương hội tùy tình lý mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng... thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành bốn bản, chính bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở nha quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở tòa sứ.

Đại Độ le 31-8-1942

Phụng sao y chính bản

Duyệt y và thi hành

Phúc Yên le 8 Mass 1923 L'adminmistrateur délégué

Ký tên và đóng dấu

HƯƠNG ƯỚC LÀNG ĐẠI ĐỒNG

Tổng Sáp Mai, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Nói về việc canh phòng

Làng có 3 xóm, xóm Đông, Bắc, Tây, mỗi xóm có 5 người tuần tráng công 15 người chia làm 3 ban, một ban tuần ngoại, hai ban tuần nội, trong năm đêm ngày đổi tuần một lần, bắt đầu từ tuần xóm Đông, ra tuần ngoại trước rồi đến tuần xóm Bắc mà xóm Đông lại vào tuần nội, xóm Tây cũng theo như thế cho lao dật đều nhau, làng thì cử một người quản xã làm đốc canh, để đốc suất ba ban tuần ấy, khi thường thì hai ban tuần ngoại xã, nội tuần canh các xóm, khi có hiệu thì tất cả các ban tuần và dinh tráng trong làng, phải đến ứng cứu ngay.

Những khí giới để canh như câu liêm, gậy, giáo mác, làng trích tiền công sắm cho, hết ban tuần phải giao giả làng, nếu ai đánh mất hoặc làm hỏng cái gì thì phải chiểu giá làm đền ngay.

Làng có 3 cổng, đặt 3 điếm canh, tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi và xóm Đông có điếm gần đường quan lộ phải cắt tuần canh ngày cho cẩn thận.

Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cắp trong làng, như có ai mất trộm cắp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì trương tuần và cả ba ban tuần nội đều phải chịu chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến xét

ngay, xét thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu, kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền hộ nộp tiền thuế cho lúa sương, thì hương hội trích ngay tiền ấy đền cho sư chủ, đến kỳ phát lương tuần sẽ khấu trừ đi, nếu khấu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để trừ kỳ lương sau, hoặc lại còn thiếu thì trách cứ trương tuần phải nộp vào quĩ cho đủ, chứ không nên trách cứ tuần phiên phải đền mà thôi, thành ra không có sự thực, còn như có sự cướp phát to mà tuần ban cứu ứng hết bổn phận, thì không phải đền, trừ ra tuần ban không chịu ứng cứu đến nỗi bị mất, thì cũng phải chịu bồi thường.

Tuần ban 3 xóm đều phải thay đổi nhau mà trông coi đồng điền, năm người tuần tráng làm một ban tuần ngoại, khi thường thì người đốc canh cũng phải đem tuần ngoại ra coi nom đồng điền, khi có động hiệu thì tất cả các ban tuần và đinh tráng trong làng phải ra ứng cứu ngay.

Tuần tráng cứ cắt lượt từ 53 tuổi đến 18 tuổi, mà kén những người khỏe mạnh, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng, một bản giao lý trưởng đệ trình quản sở tại, còn một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có cái biển để kê tên những tuần tráng và trương tuần.

Không cứ nội canh hay ngoại canh mỗi mẫu đồng niên nộp 0,50$ làm 2 kỳ, tháng 5 tháng 10, tiền ấy thay cho lúa sương, cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem tiền nộp thay lúa sương cho thủ quĩ để làng cấp lương cho tuần, lấy ở công quĩ ra phát, quản xã và tuần tráng mỗi người đồng niên là 12,00$, phát làm hai kỳ, đúng vào kỳ điền hộ nộp tiền thế cho lúa sương, cấp lương cho lý trưởng đồng niên 20,00$, phó lý 10,00$, thủ quĩ 6,00$, thư ký 18,00$, cũng phát làm hai kỳ như trên.

Sự cứu cấp

Gặp lúc cần cấp như: hỏa tai, cướp bóc, sạt đê, trừ những người 60 tuổi và những người yếu đuối, còn ai là người làng lập tức đến cứu

nếu ai nghe hiệu mà trễ biếng không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$. Sự cứu hỏa lại cần phải có đồ chữa mới được, nếu cứ tay không chạy đến mất giương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng phải trích tiền công sắm lấy 10 cái câu liêm, để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị cháy thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải dỡ tất khúc, khi câu liêm kéo dỡ mang đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vảy nước, làm bằng tre bương dài độ một thước Tây, đầu để vảy nước vạt nhọn móng lợn, ống của nhà ai khắc tên gia chủ nhà ấy vào, hễ nghe hiệu biết chỗ nào cháy thì mỗi nhà cần phải có một người, cầm cái ống ấy đến, lấy nước chữa, chữa sắp xong hương hội, lý phó và trương tuần phải điểm ngay số ống có đủ hay không, nếu thiếu ống nào hay ống nào không thấy có dấu nước xét thực, thì những gia chủ có ống ấy thì phải phạt 0,20$, còn như nhà nào phát hỏa hương hội xét xem khởi tự đâu, vì duyên cớ gì, nếu thực bất ý thì tha không phạt hoặc xét biết người nào đốt cháy làm hại người ta, hay là đốt cháy để hỏi của nhà khác, thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan tòa án xét xử.

Tục lệ

Làng có ruộng tự điền 5 mẫu 9 sào 9 thước, ruộng tế tiên hiền 10 mẫu 4 sào, ruộng hậu quan Trần triều qui quan 20 mẫu, ruộng ky hậu cựu chánh tổng sung hội viên phạm 3 mẫu, ruộng ky hậu ông Sách 5 sào, ruộng sóc vọng đình 2 mẫu 4 sào, cộng là 42 mẫu 2 sào chín thước, đều bán đấu giá từng năm lấy tiền sung vào công quĩ, ai đã mua đấu giá được rồi, thì bắt đầu hội đồng bán đấu giá hạn trong một tháng hoặc 3 tháng là cùng, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ. Nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm cho sự ngăn trở chi thu, hương hội sẽ cầm lấy ruộng đã bán đấu giá ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng đã cày cấy hay giống giọt gì người ấy cũng phải chịu mất quyền lợi ấy, còn ruộng sóc vọng Phật 3 mẫu thì giao cho nhà sư cày cấy để sửa lễ sóc vọng chùa, chứ khỏi bán đấu giá sung công.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ ba, bốn, lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa những điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dạy bảo cho tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta, thường nói như là lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói, vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự xấu đẹp, thế là cách thể hôn đó, đến như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học như con trai và để dành vốn riêng cho con gái, chứ không nước nào đem con gả bán để lấy tiền của nhà giai, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay hơn là thế, so sánh mấy hiện tục của dân ta ngày nay thì sao?

Các điều nhầm dại không kể sao cho xiết được, phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi hết cái tục ấy, cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

1. Con giai từ 18 tuổi giở lên, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ vấn danh để giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên xét xem hai người định lấy nhau ấy, tuổi có hợp lệ không? Rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày, cho ai ai đều biết, nếu tuổi hợp lệ và không có sự gì ngăn trở thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi, hẹn trong một tháng là cùng người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn, biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu, ra đình yết thần, rồi nói mấy hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 5,00$, cheo ngoại 6,00$

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lệ đủ rồi, không phải phí tổn mấy làng gì nữa, còn những tục hủ bại như: chăng giây,

đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp, làm cho lôi thôi việc người ta, thì nhất thiết cấm chỉ? Ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vi bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu, như thế có đáng không, chắc giả nhời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không? Chắc cũng giả nhời rằng không, còn như việc hộ tang cho nhau thì cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lần mấy nhau, chứ không phải là vì đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay nhớn, lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ, vinh rượu mấy hương quan, đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà mất ruộng, cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế tế tuần nọ, tế tuần kia, để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu thế có lạ chưa, cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm, hoặc e miệng thị phi, nhắm đành chịu nhắm, đổi không dám đổi, nay nhờ thượng hiếu rủ lòng thương các tình tục thực là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người, nhưng không đến nỗi thiệt của kẻ bỏ xuyết tránh phải tiếng xấu mà lại được tiếng khen. Vậy các lệ tang định như sau này:

1. Khi người chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm, hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu chết về mùa hè hay bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 giầu do người tộc biểu về phái người tang chủ đến tường dân để xem tang chủ nóp vào lê nào, liệu cắt đô tùy chấp hiệu về các đồ tang nghi đi tống táng, các lệ ấy phân biệt như sau này. Thượng lệ 5,00$ hai chấp hiệu cắt người đàn em trong xóm người tang chủ, 16 đô tùy cũng cắt vào xóm. Hạ lệ 5,00$ hai người chấp hiệu 12 đô tùy.

3. Trước khi chuyển cữu người chấp hiệu và đô tùy ra hạ bái, nghĩa là trong chấp hiệu và đô tùy ai vị thứ hay tuổi trên người chết thì chỉ phải vái ba vái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng và ở dưới người chết thì phải lễ hai lễ để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ thì phải đem tất cả anh em dâu rể con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ, không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì làng trích tiền công giao cho trương tuần mua ván và cắt lấy 8 người tuần tráng tống táng cho người chết và trích 1,00$ chi tiền giầu nước cho những người tuần làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng đi tống táng và biên vào sổ tử, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng, làng đối với tang chủ, hai bên hoàn toàn không còn thiếu lễ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống tiền nong, làng xét thực thì phải phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung trong hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng, nhà tang chủ muốn đãi người chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường thì tùy ý không cấm.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải vì có món tiền phải khao vọng, mấy có vị thứ, nhưng làng muốn thu món tiền ấy là có ý tỏ ra rằng các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khuyến khích cho kẻ hậu lai, duy hạng lão từ 70 giở lên, sự hy vọng ở đời thì ít chỉ trông nom vào con cháu thì

nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần, lại mất thêm tiền một món, trước là trái nghĩa thương xỉ sau nữa người ta khó theo, vậy lệ vọng tiến xin chước miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thời buộc phải nộp tiền khao vọng mấy mua được chỗ ăn ngồi, nhẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan giở lên, võ tam phẩm giở lên khao vọng 50,00$, văn từ ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học các khoa, tiến sĩ, cử nhân, khao vọng 40,00$. Văn thất ngũ phẩm, võ thất phẩm, bổ thu chánh tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 20,00$. Các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các viên dự vào hàng văn giai cứ chiểu theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng. Văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm, thì sai chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó trưởng, nghị hội viên chưa có vị thứ 15,00$ lý trưởng, thư ký, thủ quĩ cùng những người vị thứ, bằng lý trưởng, chưa có vị thứ 12,00$ phó lý, trương tuần, quản lộ, quản thụ, tiểu học tốt nghiệp cùng những người vị thứ bằng phó lý 10,00$, nhiêu binh đi lính sau ra yết thần, thời được ngôi nhiêu viên, các viên chức phải nộp khao vọng trên này hễ đến kỳ nào, năm nào phải nộp những lệ tiền ấy, thời bắt đầu từ ngày dân thu, hạn trong ba tháng phải nộp cho đủ nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu. Hội đồng sẽ trừ vị thử người ấy đi và trình quan trên xét nghĩ.

Tu hiến lễ vật

Mồng 7 tháng Giêng sinh nhật đức thánh Ông, thì tế cỗ chay và bát giáp tế hàn hôm và mồng 2 tháng 2 tế Khánh Hạ đức quốc vương công chúa lễ xôi, lợn, giầu, rượu và 24 tháng hai đinh tế ở văn chỉ, dùng lễ xôi, lợn, giầu, rượu, mồng 3 tháng 3 tế hóa nhật đức thánh Ông. Lễ bánh thanh miếng, xôi, lợn, hoa, quả, giầu, rượu. Rằm tháng Tám tế Thường Tân lễ hồng, chuối và giầu, rượu. Mồng chín tháng mười lễ hóa nhật đức quốc vương công chúa như lễ Khánh Hạ mồng hai tháng hai, ngày 12 tháng 11 lễ Khánh Hạ đức thánh Ông, ngày 13 lễ sinh nhật đức quốc vương công chúa là ngày đại tiệc dân rước

mã và tám giáp sửa lễ xôi, lợn, hoa, quả, giấu, rượu ra tế hai ngày, đồng niên 24 tuần sóc vọng dùng lễ oản quả.

Ky hậu

Ngày 19 tháng hai, ky hậu đức Trần triều quí quan, tám giáp sửa lễ lợn, bánh chưng, bánh giầy, tôm trứng các thức hoa quả quý, giấu, rượu ra tế ở chùa, mồng 3 tháng hai ky hậu ông cựu chánh tổng sung hội viên Phạm, lễ xôi, lợn, hoa quả, tám giáp tế bia hậu ở đình.

Các tiệc lệ kể trên ruộng tiệc nào cúng giao đương cai cày cấy lấy hoa lợi sửa lễ chứ không bổ bán gì cả.

Vị thứ đinh trung

Ban thứ nhất từ văn vũ cửu phẩm giở lên, Pháp học khoa mục từ trung học giở lên.

Ban thứ nhì hương lão từ 50 tuổi giở lên.

Ban thứ ba chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hội, chánh phó lý, thư ký, thủ quĩ, trưởng ba quan xã đương cựu.

Ban thứ tư thủ lộ, nhiêu viên, lễ sinh.

Các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các ngôi thứ hạng trong làng được phép bản, cứ đối chiếu phẩm trật vị thứ trong các ban mà ngồi. Không được phân biệt.

Lệ bầu tả văn chủ tế

Hai chức ấy phải chọn trong hàng triều quan, cùng Pháp học khoa mục, rồi đến chánh phó tổng nghị hội viên, chánh phó hương hội và lý phó trưởng.

Nhưng tả văn phải chọn người chữ nghĩa tinh thông, tế chủ phải chọn người phẩm hạnh đoan chính mấy được.

Các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên, thì võ giai phải kém văn giai hai trật, các chức dịch từ phó lý giở lên, chức dịch bầu cử hơn chức dịch mua, còn như các phẩm hàm chức dịch kẻ tàn người cựu, vị

thứ như nhau, không được phân biệt, các viên chức có vị thứ trên này mấy được dự tế đình trung.

Bán vị thứ

Khi làng cần phải bán vị thứ gì khác nữa phải trình các quan thượng hiếu tỉnh cho phép mới được.

Đại Đồng 24 Aout 1942

Le lý trưởng

(...)

TỤC LỆ CỦA XÃ HẢI BỐI

Tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Đồng dân đã định ngày 1 tháng 9 năm 1932
(Bản sao)

Chánh hội Vũ Trung, lý trưởng Lưu Hy Duẩn, thủ quĩ Lê Xuân Tiên, phó hội Nguyễn Truyền.

Phó lý Nguyễn Cần, thư ký Vũ Thiện, tộc biểu Thin, tộc biểu Lê Văn Uyên, tộc biểu Lê Văn Ve, tộc biểu Vũ Văn Cẩu, tộc biểu Nguyễn Văn Biên.

Vu Phúc Yên le 29 mas 1933 *Vu et apprové*

Phúc Yên le 10 october 1933

L'àministrateur Risisdent

P.O L'àministrateuradjoinl

(Hlisible)

Le Tuần phủ

(Hlisible)

Vu et transmis

Le tri huyện

(Hlisible)

Kỳ mục Nguyễn Văn Kế. Kỳ dịch Vũ Văn Vân, cửu phẩm đội trưởng Lưu Tân. Kỳ dịch Vũ Trữ. Kỳ lão Vũ Giao, kỳ mục Lưu Văn Khải. Cưu chánh tổng cửu phẩm Lưu Quang Đức. Kỳ mục Nguyễn Văn Lãng. Kỳ dịch Nguyễn Văn Phú. Kỳ mục Nguyễn Gia Lý. Kỳ mục Lưu Văn Bảo.

Nguyễn Văn Viện ấn chỉ Nguyễn Văn Nhâm. Kỳ cựu Nguyễn Văn Úc. Kiều Văn Son. Lê Văn Đăng. Nguyễn Văn Huệ. Nguyễn Văn Trí. Đại biểu Lê Luân. Nguyễn Văn Ngọc. Kỳ dịch Vũ Chương. Trương tuần Lê Ong. Vũ Văn Lối. Vũ Văn Thuận. Vũ Văn Ý. Vũ Văn Cố. Trương tuần Vũ Liễu. Kỳ dịch Lưu Văn Hợp, Nguyễn Văn Tuyển. Nguyễn Văn Độ. - Nguyễn Văn Pháp. Vũ Văn Bân.

Điều thứ 1: Các công chức đi làm viên quan từ 5 km giở lại, không được tiền lộ phí. Quá vòng ấy: lên huyện mỗi ngày mỗi người 0,40$ lên tỉnh 0,60$ nhưng không được quá 2 ngày.

Điều thứ 2: Việc bổ sưu thuế

Lý trưởng lĩnh chỉ bài tường (...) làng hội bổ xong. Thuế điền giáp thì trưởng giáp thu, của hãng thì trưởng hãng thu, thuế đinh sưu và tư điền thì các tộc biểu thu. Cập hạn giao lý trưởng đệ nộp. Nếu chậm thiếu thì phải trình bắt.

Điều thứ 3: Việc đê điều

Khi đê điều, lý phó trưởng chiểu các hãng đinh đa thiểu phải số phu tráng và vật liệu thuộc về đồ vật liệu theo lý phó trưởng, trương tuần làm việc.

Điều thứ 4: Việc canh phòng

1. Người nào không có nhiêu xã gì thì phải đi tuần phiên.

2. Người nào đến tuổi sau mà không có nhiêu xã gì thì phải làm hoàng đinh để theo trưởng xóm gọi phu.

3. 7 hãng có 7 điếm. Khi phải canh phòng thì các trưởng hãng phải bắt đinh tráng hãng mình ra điếm hãng ấy để canh phòng, hoặc có tổng xã điếm thì trưởng hãng cũng phải bắt phu tráng theo lý phó trưởng và trương tuần làm việc.

4. Trương tuần thôn Nhị phải giữ đồng bãi từ cống Tiểu Đậu thẳng ra sông giờ lên giáp địa phận hãng Cổ Điển. Trương tuần thôn Tử phải giữ từ cống ấy thẳng ra sông, giờ xuống giáp địa phận làng Phương Trạch.

5. Các điền chủ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương đồng niên đồng bãi lấy mỗi sào 6 xu. Khi tháng 5 cùng tháng mười, các trương tuần chiểu địa phận mình có hoa màu mà thu lấy. Nếu các điền chủ mất hoa màu chiểu số nhiều ít phải đền.

6. Trâu bò nào mà ăn hủy hoại hoa màu thì người có con vật ấy phải đền cho người có hoa màu, lại bắt phạt 0,50$ cho tuần làm giầu nước. Nếu không bắt được thì tuần phải đền.

Điều thứ 5: Việc cấp cứu

1. Gặp lúc cần cấp như cướp bóc, hỏa tai, đê sạt, trừ những người 60 tuổi và đau yếu còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu. Ai trễ biếng không đến cứu, làng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$ sung công.

2. Nếu người nào bị thương thành cố tật thì cho người ấy nhiêu nam và ngôi xã cựu, hoặc bị chết thì hai thôn hội táng và cho con người ấy một người được ngôi nhiêu nam xã cựu.

Điều thứ 6: Mọi công dân

Tài vật đã là công sản thì ai ai cũng phải giữ gìn là nghĩa vụ. Nếu người nào tổn hại thì bị bắt đền lại.

Điều thứ 7: Việc ký ngụ

Người nào mang thi hài đến ký táng thì lấy tiền kiểm cố là 3,00$ sung công để làm việc công ích trong xã, không được quá.

Điều thứ 8: Việc điền thổ

1. Làng có ruộng hậu thần của đức Quốc công để lại 52 mẫu 2 sào 7 thước ký tại đồng làng Cổ Điển.

Đặt ruộng làm hương đăng, mã, mão, sóc vọng đồng niên ông Quốc công 6 sào ruộng rẻ ở Đồng trước. Đặt ruộng làm lễ cáo yết đức Quốc

công ruộng rẻ 6 sào, ruộng chiêm 4 sào cộng là 1 mẫu. Lý trưởng 5 sào, phó lý 5 sào. Nếu 3 người thì lý trưởng 4 sào, phó lý mỗi người 3 sào thì phải chung nhau sửa lễ cáo yết. Nếu khiếm lễ làng cất lấy ruộng.

Đặt ruộng làm lễ chinh kỳ đức Quốc công 6 giáp mỗi giáp 2 mẫu 8 sào cộng là 16 mẫu 8 sào thì mỗi giáp ruộng rẻ Đồng trước 1 mẫu, đồng Bươm 1 mẫu, ruộng chiêm đồng Sau 8 sào. Giá mỗi sào là 0,80$. Người nào làm ruộng thì phải giao tiền cho trưởng giáp ấy để sửa lễ chinh kỳ. Còn thì phải để chi công ích trong giáp mà sương thuế phải nộp lấy.

Đặt ruộng làm lễ tiên hiền, tư văn Nhị 5 sào, tư văn Tự 1 mẫu cộng là 1 mẫu 5 sào đều là ruộng chiêm ở đồng Sau. Còn 31 mẫu 9 sào 7 thước thì mang bán đấu giá lấy tiền sung công quĩ để làm việc quan đồng niên hoặc công ích trong hàng xã, hoặc sửa đồ thờ, hoặc sửa nơi thờ cúng.

2) Làng có cái chợ để niên đến tháng Chạp thu tiền các cửa hàng ước được 1,00$ sung công quĩ.

3) Làng có vực công là 2 mẫu 9 sào, để niên đến tháng mười đấu giá lấy tiền sung công quĩ.

4) Làng có 1 đoạn đê hủy ở cống Tiểu Đậu 2 mẫu 9 sào 12 thước và một đoạn chỗ đê vỡ ở Giốc Ngự 2 sào 7 thước, mỗi năm bán đấu giá lấy tiền sung công quĩ.

5) Làng có cái ngòi công cứ mỗi năm đem bán đấu giá lấy tiền sung công quĩ. Ai quá hạn không nộp tiền cho làng thì làng cầm lấy bán cho người khác. Ruộng đã cấy, vực đã thả cá, người ấy cũng mất quyền lợi.

6) Làng có một khu bãi tân bồi châu thổ, về địa phận của làng Canh Chung thì quân cấp cho nhân đinh. Nhưng để cúng 4 chùa mỗi chùa khoát 4m, trường 60m. Biếu lý phó trưởng và trưởng ba về việc đo đạc mỗi người khoát 4m, đều cúng giáp tư thổ chạy suốt ra sông.

7) Còn như ruộng đình và ruộng chùa thì giao thủ từ và nhà sư làm để mua hương đăng thờ cúng.

Điều thứ 9: Hôn lễ

1) Khi thành hôn rồi, hạn trong 1 tháng là cùng phải tường mấy đương chức. Chủ hôn dẫn 2 người tân hôn (cheo nội sửa 1 chai rượu, 100 khẩu giầu, cheo ngoại 2 chai rượu, 200 khẩu giầu) ra đình yết thần (người thôn nào yết đình thôn ấy). Rồi phải nói mấy hương lý vào sổ giá thú. Giầu rượu ấy, cheo thôn nào thì thôn ấy quân huệ kể cả những người đương chức.

2) Lệ tiền cheo: Ở thôn Tứ cheo nội 100 gạch, cheo ngoại 300 viên. Ở thôn Nhì cheo nội 1,00$, cheo ngoại 6,00$. Người thôn nào thì thôn ấy thu mà tiêu riêng.

3) Khi đã nộp tiền cheo ấy vào sổ giá thú là hôn lệ đủ rồi không còn phải chịu phí tổn mấy làng nhẽ gì nữa. Còn như tục hủ bại như là chăng dây, đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp, làm cho lôi thôi sự người ta thì nhất thiết cấm chỉ.

Ai phạm thì hương lý bắt phạt 0,50$ sung công.

Điều thứ 10: Việc tang lễ

1) Khi chết về mùa đông không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ phải mang tống táng. Nếu chết về mùa hạ hay là bệnh truyền nhiễm hạn trong 24 giờ phải chôn ngay.

2) Nhà ai có đám ma phải sửa một đĩa giầu đến tường mấy chức sự cùng người trưởng giáp xem tang chủ nộp về lệ nào, liệu mà cắt chấp hiệu và đô tùy và soạn các tang nghi đi tống táng. Các lệ như sau này.

Thượng lệ 6,00$ 2 người chấp hiệu (cắt vào trong thôn giáp bàn nhì giở lên); 30 người đô tùy (cắt vào trong thôn giáp bàn tư giở xuống), nhưng phải chước cho những người học sinh và người có chức tước cùng người trở tứ thân phụ mẫu và người tộc thuộc nhà tang chủ phải trở từ 5 tháng giở lên.

Trung lệ 4,00$ 2 người chấp hiệu, 24 người đô tùy.

Hạ lệ 2,00$ 1 người chấp hiệu, 16 người đô tùy.

Lại có hang thương thượng lệ 10,00$, chấp hiệu 4 người, đô tùy 60 người và có chiêng cồng, trống cái. Bậc thượng thượng lệ ấy để đãi người khoa tước giở lên, nhưng tùy nhà tang chủ.

3) Trước khi chuyển cữu nhà tang chủ phải biện 100 khẩu giầu và 1,00$ cho thôn hay giáp làm lễ bái quan. Khi ấy tất cả những người trong thôn hay giáp tống táng nhau cùng người chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là trong thôn giáp cùng chấp hiệu đô tùy ai phẩm tước thứ vị hay tuổi ở trên người chết thì vái 3 vái, còn người ngang hàng và ở dưới người chết thì phải lạy 2 lạy để tỏ tình thương xót, lễ kính trọng của người làng đối mấy người vong nhân.

Nếu người nào phương trở việc gì không đến bái quan, phải có giầu 10 khẩu để cáo với làng, trừ người đương chức và học sinh. Về phần người tang chủ thì phải tất cả anh em dâu rể con cháu nội ngoại là những người phải để tang từ 5 tháng giở lên ra đáp lễ.

4) Khi tang chủ đã nộp tiền lệ cho thôn giáp đi tống táng và biên vào sổ tử rồi thế là trình lễ nhà tang chủ đối mấy thôn giáp, thôn giáp đối với nhà tang chủ hai bên hoàn toàn về sự chay ma không còn thiếu nhẽ gì nữa.

Nếu ai lấy thế lực mưu chước sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc tiền nong thì là phường bô xuyết thú loại, làng bắt phạt 1,00$ và truất thứ vị ở đình trung trong hạn 100 ngày.

Điều thứ 11: Việc khao vọng

1) Văn tứ phẩm ấn quan, vũ tam phẩm giở lên, khao vọng 50,00$. Văn lục phẩm, vũ ngũ phẩm giở lên, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân 40,00$. Văn thất phẩm, vũ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng 30,00$. Văn bát phẩm, vũ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 20,00$. Các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các viên dự vào hàng văn giai cứ chiểu phẩm trật mà nộp tiền khao vọng. Văn cửu phẩm, thì sai chánh phó tổng, thưởng hàm lý phó trưởng, nghị hội viên, chánh phó hương hội chưa có thứ vị 15,00$. Lý

trưởng thủ quĩ, thư ký, nội ban tộc biểu, chưa có thứ vị bằng lý trưởng 12,00$. Phó lý, thư ký, thủ quĩ ngoại ban, trương tuần, quản lộ, quản thụ, sơ học tốt nghiệp, cựu binh trừ bị, cùng những người vị thứ bằng phó lý 10,00$. Mua ngôi xã cựu 60,00$ nộp tiền khao vọng 40,00$. Mua ngôi tư văn 10,00$. Lệ lên bàn nhất các giáp vọng 10,00$ và phải sửa 1 chai rượu, 100 khẩu giầu để trình thăng bàn. Nhưng vọng bàn nhất ấy người nào đã có vọng từ hàng xã cựu giở lên thì không phải vọng ấy nữa. Các viên chức phải nộp tiền khao vọng các lệ trên này hễ đến kỳ nào hoặc năm nào phải nộp những tiền lệ ấy, kể bắt đầu từ ngày làng đưa phái thu ngân hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ. Nếu ai để quá hạn, không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho về sau; làng sẽ trừ thứ vị của người ấy đi mà trình quan trên xét nghĩ.

Điều thứ 12: Tu tiến lễ vật ở đình thôn tứ giáp.

1. Tiết Nguyên Đán 3 ngày, mỗi ngày mỗi giáp giầu, rượu, xôi, gà 1 mâm.

Mùng 4 tiệc sinh nhật đức thượng đẳng có lệ rước ra miếu hành tại mỗi giáp giầu, rượu, xôi, gà 1 mâm để tế các miếu, xong rồi rước về đình, mỗi giáp giầu, rượu, xôi, gà, lợn một mâm làm lễ yên vị. Tối hôm ấy lý phó trưởng phải biên giầu rượu, xôi, gà 1 mâm làm lễ nhập tiệc. Lễ rồi quân các hàng.

Mùng 5, 6, 7 mỗi ngày mỗi giáp xôi, gà 1 mâm làm lễ.

Mùng 8 xuất tiệc mỗi giáp giầu, rượu, xôi gà 1 mâm làm lễ xuất tiệc.

Trong các ngày sinh tiệc cũng có tuần tế của hàng lão, hàng hộ, hàng binh, hàng trung. Tế tuần gì thì của riêng hàng ấy. Nhưng Phong thì có, Sái thì không, chừ không nhất định.

Ngày 15 lễ Kỳ Yên, mỗi giáp giầu rượu, xôi, gà 1 mâm. Lễ rồi thì các giáp, giáp nào thăng bàn thì lễ trình. Mỗi người giầu rượu 1 cơi, rồi thì hàng giáp quân huệ. Người lên lão, lên bàn nhất, bàn nhì, bàn ba đều thế cả.

Thượng tuần tháng Tư lễ Kỳ Yên tiễn đức thiên quan vàng mã và giầu rượu xôi lợn 6 xóm 6 mâm.

Hạ tuần tháng 5 lễ Hạ Điền mỗi giáp giầu, rượu, xôi gà, một mâm lễ đưa tiên nông.

Ngày 14 tháng 8 lễ tiến tân hoa, quả, giầu, rượu phong thì mỗi giáp mỗi lợn, sái thì mỗi giáp mỗi gà, làm cỗ cơm mới.

Ngày 10 tháng 11, lễ hóa nhật đức thượng đẳng, mỗi giáp xôi gà 1 mâm.

Ngày 28 tháng 2, (...) tháng 5, ngày 8 tháng 7, tháng 10, ngày 28 tháng 11 lễ Kỳ Phúc. Mỗi ngày mỗi giáp giầu rượu, xôi gà 1 mâm.

Các tiết lệ trên này lý, phó trưởng mỗi người phải biện 1 cơi giầu, 12 khẩu lễ tiến yết, ngày hôm sau để làng quân huệ.

24 tiết sóc vọng mỗi tiết oản, quả, giầu, cau 1 mâm cắt lần mỗi giáp một tiết.

Các lễ vật các tiết nói ở trên là của riêng các giáp hoặc bổ góp hoặc lần lượt sửa sang ra cúng rồi của giáp nào giáp ấy quân huệ chứ không có tiền công. Đến như kinh đài thì các giáp phải sòng.

2. Văn tế thì viên trưởng tư văn viết, mà làng phải mua cơi giầu đến nhà viên ấy làm lễ thánh sư mà rước văn.

3. Tế viên thì trong hội tư văn ra tế.

4. Chủ tế ngày 1, 2, 3 tháng Giêng có 3 lý phó trưởng thì vào cả. Hoặc khiếm cớ người nào thì nhất giáp Đông, thứ nhì giáp Nam. Tuần cáo miếu, yên vị thì thứ nhất giáp Đông, thứ nhì giáp Bắc. Tuần nhập tiệc thì lý phó trưởng phải chủ cả. Nếu khiếm cớ thì nhất Đông nhì Nam. Ngày 5 trở đi cũng lý phó trưởng và nhất Đông nhì Nam đến như tuần lão, tuần trung, tuần hộ, tuần binh của hàng nào thì hàng ấy chủ lấy.

5. Bồi tế thì bàn hai phải vào.

6. Kính biếu thì ngày mùng 4 tháng Giêng biếu trưởng văn, lý phó trưởng, thủ từ mỗi người một mâm cỗ. Khi xuất tiệc thì mỗi người một cân xôi. Còn các tiết lệ, phong thì mỗi người 1 mâm cỗ, sái thì

mỗi người 1 đĩa xôi, 1 cánh gà, 1 khẩu cau. Còn hoan phẩm khoa tước, tổng trưởng thì đặc biệt hơn.

Ở đình thôn Nhị Đức thượng đẳng

1. Tết Nguyên Đán 3 ngày, mỗi ngày giầu, rượu, xôi gà 1 mâm.

Ngày mùng 4, tiệc sinh nhật đức thượng đẳng, mã mão, giầu rượu, xôi, lợn 2 mâm. Ngày hôm ấy lý phó trưởng phải sửa xôi gà 1 mâm, lễ nhập tiệc. Khi lễ rồi thì quản các giáp cùng các hàng.

Ngày mùng 5 giầu, rượu, xôi, gà 1 mâm.

Ngày mùng 6 xôi, lợn 2 mâm. Trong các ngày sinh tiệc cũng có tuần tế của hàng lão, hàng trung, hàng binh, hàng hộ, tế tuần gì thì của riêng hàng ấy, nhưng phong thì có, sái thì không.

Ngày 15 lễ Kỳ Yên, giầu, rượu, oản quả 1 mâm. Lễ rồi thì các giáp, giáp nào thăng bàn thì lễ trình. Mỗi người giầu rượu 1 cơi rồi thì đồng thôn quản huệ.

Người lên lão, người bàn nhất, bàn nhì, bàn ba đều thế cả.

Ngày 14 tháng 8 lễ tiến tân, hoa, quả, giầu, rượu, phong thì tế lợn, sái thì tế gà làm cỗ cơm mới.

Ngày 10 tháng 11, tiệc hóa nhật đức thượng đẳng, phong thì giầu, rượu, xôi, lợn 2 mâm, sái thì giầu, rượu, xôi gà 2 mâm.

Các tiết lệ trên này lý phó trưởng mỗi người phải biện 1 cơi giầu 12 khẩu, lễ tiên yết ngày hôm sau đồng thôn quản huệ.

24 tiết sóc vọng, mỗi tiết oản, quả, giầu, rượu, 1 mâm.

Các tiết lệ nói ở trên, duy tiệc sinh nhật, tiệc hóa nhật của giáp nào sửa cúng rồi giáp ấy quản huệ. Còn các tiết lệ thì công hàng thôn hoặc bổ góp, hoặc lấy tiền công ra sửa, cúng rồi đồng thôn quản huệ.

2. Văn tế thì viên trưởng tư văn viết mà làng phải sửa cơi giầu đến nhà viên ấy lễ thánh sư mà rước văn.

3. Tế viên thì các viên trong hội tư văn ra tế.

4. Chủ tế thì cắt tử lý phó trưởng và bàn nhất hai giáp giở lên, người nào chức phẩm hơn và am hiểu lễ nghi thì chủ tế.

5. Bồi tế thì cắt từ bàn nhì, người nào phương tiện thì vào.

6. Kính biếu: Tiệc chung thì biếu chung. Tiệc hai giáp sửa thì hai giáp phải xong. Trưởng văn và đương thứ lý phó trưởng và thủ từ, phong thì mỗi người một cỗ, sái thì 1 đĩa xôi, 1 cánh gà, 1 khẩu giầu. Có hoạn phẩm, khoa tước, tổng trưởng, đặc biệt hơn.

7. Ngày chính tiệc thì các khách, rể đến lễ, tiền thì để sửa đồ thờ, cau thì biếu đãi rồi con thì quân ba: hội tư văn 1 phần, 2 giáp mỗi giáp 1 phần.

Tu tiến lễ vật đức quốc công (ở đình thôn Nhị Giáp)

1. Tiết Nguyên Đán 3 ngày mỗi ngày giầu, rượu, xôi, gà 1 mâm.

2. Ngày 14 tháng 8 lễ tiến tân hoa, quả cỗ cơm mới 1 mâm.

3. 24 Tiết sóc vọng giầu rượu oản quả 1 mâm. Các tiết lệ nói trên và hương đăng mã mão đã có ruộng để thôn Nhị Giáp làm mà sửa lễ cúng.

Ngày 30 tháng 11 thì lý phó trưởng cùng các trưởng giáp phải đến nhà trưởng giáp Tây Nhị để ấn ky phong sái.

Ngày mồng 9 tháng 12 lễ cáo yết, lý phó trưởng phải sửa cau 100 khẩu, rượu 2 chai, 1 nồi nhiều gạo xôi, 1 cái mặt lợn để lễ thì cả 2 thôn chức sắc, tân cựu tổng lý, hương hội, hương dịch và các hàng kỳ cựu đến lễ rồi quân huệ. Lễ này trương tuần thôn Nhị phải tế biện.

Ngày mồng 10 lễ chính kỵ, 6 giáp mỗi giáp phong thì giầu, rượu, xôi, lợn 1 mâm, sái thì giầu, rượu, xôi, gà 1 mâm phải đệ đến tại tự sở ngài ở đình thôn Nhị, hội đồng hai thôn 6 giáp để tế. Nếu trong 6 giáp giáp nào thiếu lễ thì không được phần ruộng đã chia ở mục điền thổ, mà trình quan trên xét nghĩ.

2. Văn tế thì người trưởng văn ở thôn Nhị viết mà đồng xã phải sửa 1 cơi giầu đến nhà trưởng văn lễ thánh sư mà rước văn.

3. Tế viên thì trong hội tư văn hai thôn hội đồng để tế.

4. Chủ tế thì cắt lấy người ở giáp, thôn phụng thờ ngài làm chủ tế.

5. Bồi tế thì cắt vào từ bàn nhất 6 giáp người nào phương tiện, thông hiểu lễ nghi thì mấy vào được.

Từ chủ tế giở xuống đến quan viên tế, nếu người nào thất ngôi thì người ấy phải sửa 1 cơi giầu để lễ tạ rồi làng quân huệ. Người nào ở ngoài mà huyện nào thất lễ thì cũng phải lễ tạ như thế.

6. Kinh biếu: Biếu trưởng văn, lý phó trưởng, trưởng giáp Tây và thủ từ, phong thì mỗi người 1 mâm cỗ, 1 khẩu cau, sái thì mỗi người 1 đĩa xôi, 1 cánh gà, 1 khẩu cau.

Điều thứ 13: Chiếu lễ ở đình thôn Nhị

Có 5 bậc

1. Chiếu thứ nhất: Văn tam phẩm giở lên, võ nhị phẩm giở lên, Nam, Tây học đại khoa, niên xỉ 100 tuổi.

2. Chiếu thứ hai: Văn lục phẩm giở lên, võ ngũ phẩm giở lên, Nam học cử nhân, Tây học tham biện, niên xỉ 80 tuổi giở lên.

3. Chiếu thứ 3: Văn cửu phẩm giở lên, võ bát phẩm giở lên, Nam học tú tài, Tây học thành chung, chánh phó tổng, niên xỉ 60 tuổi giở lên.

4. Chiếu thứ tư: Võ cửu phẩm, chánh phó lý, chánh phó hội, hương trưởng, sơ đẳng tốt nghiệp, trưởng thủ bạ, thư ký, thủ quĩ.

5. Chiếu thứ năm: Tộc biểu, trương tuần, quản xã, quản lộ, quản thu, xã cựu, nhị tam bàn và cựu binh trừ bị.

Khi chưa có người tiến đạt thì tùy tiện. Khi có người tiến đạt thì phải chuyển chiếu mà để bậc cho người ấy lễ. Còn khi vào lễ, tuy rằng tước xí cùng chiếu, nhưng phải có tước hơn tước kém, tước trước xỉ sau, phải phân biệt.

Điều thứ 14: Tọa thứ đình trung

1. Văn võ từ cửu phẩm giở lên, Pháp học khoa mục từ trung đẳng, sơ đẳng giở lên, cứ chiểu phẩm trật cao thấp mà ngồi.

2. Chức dịch từ chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó lý, trưởng thủ bạ, thư ký, thủ qũy, trương tuần, quản xã, quản lộ, quản thu, xã cựu, cựu binh trừ bị và tư văn, cứ chiểu ngôi thứ hơn kém mà ngồi.

3. Hội đồng từ chánh phó hương hội đến các tộc biểu.

4. Hương lão từ bàn ba giở lên cứ theo niên xỉ mà ngồi.

Các phẩm hàm nhà nước cho quyên cùng các ngôi thứ trong làng được phép bán, cứ đối chiếu phẩm trật cùng vị thứ trong các hàng mà ngồi không được phân biệt.

Các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên thì võ giai phải kém văn giai hai trật. Các chức dịch từ phó lý giở lên thì chức dịch bầu cử hơn chức dịch mua, còn như các phẩm hàm chức dịch kẻ tân người cựu thứ vị như nhau, không có phân biệt.

Các viên chức có vị thứ trên này mới được dự tế đình trung.

Những người tộc biểu trước kia không có chức phận, không có thứ vị, khi đã được cử làm tộc biểu cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay tiền mua vị thứ như điều thứ 11 đã nói ở trên.

Bổ điều thứ 12:

1. Ngày 9 tháng 12 giáp Tây Nhị phải sửa giầu rượu một cơi đến mộ đức Quốc công lễ trình mà tảo mộ không được sơ khoáng.

2. Việc trưởng văn thôn Nhị Giáp chiểu trong hội tư văn, Nam học tự ứng thi nhất trường, Pháp học tự sơ đẳng, chức dịch từ lý phó trưởng giở lên. Có người hơn, người kém phải nhường.

(...)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG KIM NỖ

Tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Tục lệ của xã Kim Nỗ, hương hội tự sự đã định tại ngày 1 Janvier 1923.

Năm Bảo Đại thứ 17 (ngày 15 tháng 1 An Nam tức (26 Aout 1942) chúng tôi là kỳ lý làng Kim Nỗ, tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên xin thừa sao hương ước đệ trình

Vu chiểu le tri huyện

Duyệt y le tuần phủ

Duyệt y và thi hành

Phúc Yên le...

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc chỉ có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay có sách khoán ước thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo. Mục đích làm cho gia tộc được giầu, dân làng trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 13 Aout 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho những người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 km thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí, một ngày lên huyện 0,40$, lên tỉnh 0,60$, khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày, khi lên huyện cả khứ hồi không được quá hạn 1 ngày. Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ thì không được đòi tiền lộ phí và phu cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout 1921 về sự chính đốn sổ chi thu, trong làng xã và phải tuân theo lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm hẳn không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân. Khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức ngôi thứ tổng lý hoặc lên lão v.v. hễ đã đóng đủ tiền lệ đã đinh trong hương ước này thì ngoài ra không phải chịu khoản nào cả.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời coi món tiền ấy cũng như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy.

Cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thì thì phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ không được đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý trưởng thu thôn Đoài, 2 phó lý thu thôn Đông thôn Bắc, người nào việc ấy phải hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phát lai của nhà nước phát. Trong sổ bổ kê những khoản gì thì tờ phát lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Mục kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Trong một tháng hương hội có thường hội đồng 2 kỳ ngày mồng một và ngày 15, từ 8 giờ đến 10 giờ, cứ có việc gì cần đến hương hội như nộp tiền hay lĩnh tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn

hỏi điều gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự hay thương sự mà kiện cáo trước hết phải tường hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thời phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho 2 bên, nếu hòa giải xong thời sưu thuế dựng biên bản lưu chiểu, nguyên bị 2 bên phải ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải sao biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong hương hội cũng dựng biên bản lưu chiểu, hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung của làng thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con hoặc gia hạ canh thay, cấm không được nộp tiền cho làng để làng thuê người canh thay cho như mua nhiều tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có 3 đội (ba xóm Đông làm một đội, 4 xóm Bắc làm một đội, 3 xóm Đoài làm một đội) Mỗi đội cắt 8 người tuần tráng, cộng 24 người tuần tráng, làng thì cử 3 người trương tuần, làm người đốc canh, khi thường thì ban tuần đội nào án phận canh phòng dân cư và đồng điền đội ấy. Khi trong làng có động hiệu thì tất cả 3

ban tuần và tất cả đinh tráng 3 thôn phải đến ứng cứu ngay. 3 ban tuần ấy lại phải cắt lượt nhau mà trực sở hội đồng, trông nom gò đống, mồ mả cùng là rước nước mộc dục nữa.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh phòng như câu liêm, gậy, giáo mác, làng trích tiền sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng, nếu ai đánh mất hoặc hư hỏng cái gì, thì phải chiểu giá làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng lập 3 điếm canh, phí tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm ai có phương trở phải gọi người canh thay. Nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$ lần thứ 3 thì sẽ phải giải lên tòa án xét phạt phạm vào khoản thứ 11 điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Tối nào trương tuần cũng phải đem tuần tráng đi tuần các thôn để cho cướp khỏi vào chứ không được nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, ai bắt được một đứa cướp thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm thì trương tuần và cả ban tuần đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến khám xét thực, mất những gì đáng giá bao nhiêu, kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thế cho lúa sương thì hương hội trích tiền đền cho sự chủ mất trộm cắp, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi, nếu khấu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để khấu kỳ lương sau, hoặc lại còn thiếu thì trách cứ trương tuần phiên ấy phải nộp đền vào quĩ cho đủ, chứ không chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi thì ra không có sự thực, còn như có sự cướp phát ra mà ban tuần ấy ứng cứu, làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra không hết lòng ứng cứu để đến nỗi bị mất thì cũng chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Điều thứ 28: Canh ngoài đồng thôn nào cũng có ban tuần ngoại để trông coi đồng điền, có động hiệu các ban tuần cùng đinh tráng trong làng phải ra ứng cứu ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng cứ cắt lượt mà chọn những người khỏe mạnh, trương tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng, một bản giao lý trưởng đệ trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có một cái biển kê tên những người trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là những người mạnh khỏe, bạo và thực thà, có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép của tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước, những khi nên tháo nên giữ phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phiên bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$ nếu tuần dong túng để ruộng bị cạn thời tuần phiên bắt phạt tiền, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay ngoại canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,50$ nộp làm hai thứ, một thứ tháng 5, một thứ tháng 10 tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến vụ gặt thì các điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ. Làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát 3 người

trương tuần mỗi người 12,00$, lý trưởng 30,00$, 2 phó lý mỗi người 15,00$. Thư ký 15,00$, thủ quĩ 12,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc được ba năm đều chu toàn thời làng cho 1 ngôi tộc biểu cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thời mất ngôi tộc biểu.

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai cướp bóc, hay là đê sạt, trừ những người 60 tuổi hay là người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải đến cứu, nếu ai biếng trễ không đến cứu, hương hội xét thực phạt mỗi người 0,20$ đến 0,50$, sự cứu hỏa tai cần phải có đồ chữa mới được. Nếu cứ tay không chạy đến giương mắt mà trông dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích. Vậy làng trích tiền công sắm lấy 10 cái câu liêm thực tốt và sắc để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh hỏa tai thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải chữa tắt khúc thì các câu liêm mấy kéo chữa ngay đi. Và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước (trừ những nhà mẹ góa con côi) làm bằng tre bương dài độ một thước Tây, đầu để vẩy nước vạt nhọn mỏng lợn, ống của ai khắc tên gia chủ người ấy vào, hễ nghe hiệu chỗ nào thất hỏa thì mỗi nhà cần phải 1 người đem cái ống ấy đến để lấy nước chữa cháy. Sự chữa cháy sắp xong hương hội và lý phó trưởng phải điểm ngay xem số ống có đủ hay không, nếu thấy ống nào không có dấu nước, xét thực thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị hỏa tai hương hội phải đến xét xem bởi tự đâu, vì duyên cớ gì nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay là đốt nhà để hôi của người khác, thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường biểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất vật uế ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay đi xin thày thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vi nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hương hội phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ dơ bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn để lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải có nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội kê trình quan và mỗi xóm phải cắt một người thủ hạng để trông coi đường sá và trông coi tạp dịch trong làng v.v...

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại như cũ, những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu có cần phải lấy nước thì phải xin phép quan trên cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giải quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn thời làng cho ngồi tộc biểu cũng như phó lý nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12, hội đồng cho mõ rao, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ ruộng lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thời không ai được phép đắp đập qua ngòi mà đơm cá khiến cho nước không thông, ai phạm sưu thuế phạt 0,10$, cấm không được giồng giọt (lúa, khoai lang, khoai sọ v.v...) ở bên trong bờ sông ngòi, để như thế sông ngòi úng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thời phải phạt đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56; Đã gọi là của công chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày 8 Mars 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn, cầm cố, bán chác của công làng xã nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thời không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong. Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dầu có

lý trưởng áp triện, cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dầu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép thời mới được đi.

Việc cầm bán công điền, công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 Avril 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 Mars 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có đồng sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện và mở sòng gá bạc lấy hồ thời hương hội khám xét báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo mà còn có ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy là quan chiểu luật trị tội, nhưng mất phong thổ làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong 100 ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Khi có quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu và chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại công sở, nếu các quan đến khám xét nhà nào thì phải dẫn khám. Khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa. Khi ở trong địa giới làng có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ là phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thì trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi ở sổ chi thu phải để phòng một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ ở trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng ở làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố trong làng là 3,00$, mua đất tư hoặc đất công không được quá 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ

a. Cách quản phân riêng của làng xã.

b. Những hoa lợi riêng của làng xã (như là lĩnh trưng ao hồ sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãnh phiếu quốc trái...). Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Ruộng công điền làng công 46 mẫu 2 sào 8 thước 2 tấc.

1. Thôn Đông ruộng đồng thiểu 8 sào 10 thước 2 tấc, bao luân 7 sào 9 thước 9 tấc, khẩu phần 2 mẫu 4 sào 12 thước 5 tấc, triều quan 3 sào 3 thước 3 tấc, học điền 2 sào 4 thước 8 tấc, ruộng xã 3 sào 3 thước 3 tấc.

2. Thôn Bắc ruộng đồng thiểu 6 sào 13 thước 7 sào bao luân 9 sào 2 thước, khẩu phần 2 mẫu 8 sào 8 thước, triều quan 3 sào 6 thước 2 tấc, học điền 3 sào 7 thước 2 tấc, ruộng xã 4 sào 3 thước 4 tấc.

3. Thôn Đoài đồng thiểu 9 sào 2 thước 5 tấc, bao gồm khẩu phần 2 mẫu 5 sào 11 thước 1 tấc, triều quan 3 sào 5 thước, học điền 3 sào 2 thước 1 tấc, phần xã 3 sào 9 thước 3 tấc.

Thương nguyên điền ba thôn 9 sào 4 thước 1 tấc, ruộng 12 giáp ba thôn 25 mẫu 5 sào 6 thước, ruộng đồng sắn ba thôn 1 mẫu 1 sào, ruộng hương lão 1 mẫu 3 sào 9 thước ruộng Thường Tân 8 sào 6 thước 7 tấc, ruộng tinh binh giới 2 mẫu 4 sào 2 thước 3 tấc, nay xin trích bán đấu giá từng năm một lấy tiền sung quĩ (ruộng linh nội canh và ngoại canh làng Thọ Đa và làng Cổ Nhuế 72 mẫu nhưng dân bán trưng cho người làng đến năm 1924 mới hết hạn chương, hễ hết hạn ấy sẽ trích về sung công. Duy ruộng tế 6 mẫu, ruộng chùa 3 mẫu 6 sào xin giao cho các người luân canh để sửa sóc vọng và lễ tại đình, nhà chùa cấy để sóc vong đèn hương ở chùa, đồng niên ai mua đấu giá thì phải nộp thuế và chịu tiền lúa sương, khi đã mua đấu giá được rồi thì bắt đầu từ ngày hương hội bán đấu giá hạn trong một tháng hay trong 3 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái với hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cầm lấy ruộng đã bán chương cho người ấy để bán đấu giá lại, còn như ruộng đã cấy người ấy cũng phải mất quyền lợi.

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, 4 lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 2, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thành hiền có để lại nhời chính đáng để dậy bảo cho tuân theo. Tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vơ kén tông, lấy chồng kén giống, mà không nói gì đến sự tiền bạc thế là cách đúc hôn đó lại nói vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thế hôn đó, đến như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học như con giai, ấy luân lý văn minh là thế, tinh tục hay hơn là thế, so sánh với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao? Các điều nhầm dại không sao kể hết được, phần thì trái mất lễ nghĩa của thành hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta nên sửa đổi hết các tệ tục ấy cho dễ tuân theo. Vậy các lễ hôn định như sau:

1. Con trai từ 18 tuổi giở lên, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh (tục là lễ ăn hỏi) bố mẹ hai bên đến tường cho hương hội biết để xét xem hai người định lấy nhau ấy, tuổi có cập lệ không và có điều gì không rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày, cho ai nấy đều biết, nếu tuổi hợp và không có điều gì ngăn trở thì nhà trai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi, hạn trong một tháng là cùng người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn biện mâm rượu và 100 miếng giầu ra yết thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, còn giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 2,00$, cheo ngoại 4,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai (tức là lễ cheo) vào sổ thú là hôn lệ đủ rồi, không phải phí tổn với nhẽ gì nữa, còn những tục hủ bại như chẳng giầy đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh dịch thời phải chôn ngay hôm chết (nói rõ tục lệ tang và tiền lệ nộp là bao nhiêu).

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn hơn là tử táng, trong làng xóm không nhà ai thoát khỏi cái khốn nạn vì sự tử táng, ví bằng nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn để làm cỗ bàn mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng giả lời rằng không, còn như việc hộ tang cho nhau thì là cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lần chứ không phải là vì đám ăn mà tìm đến, thế là tục hủ lưu truyền, thói đời bạc bẽo. Khi có việc tang bày mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn lấy để báo đáp cho cha mẹ hãnh diện với hương quan đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng thì trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế tế tuần nọ tuần kia, để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì cho người chết, mà lại hại cho người sống gọi là báo hiếu thế có lạ chưa, cũng có người hay biết là tục giờ, song họ quen thói truyền nhiễm, hoặc miệng thị phi nhầm chịu là nhầm đổi không dám đổi, nay nhờ thượng hiểu rủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tường tỏ các tinh tục rất là chính đáng, dân ta nên biết cho nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người nhưng không thiệt của, kẻ bỏ xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà lại được tiếng khen, vậy các lệ tang định như sau này:

1. Khi ai chết về vụ đông hay là không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu chết về vụ hạ hay là bệnh truyền nhiễm thì trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Khi nhà ai có đám ma, phải sửa 100 miếng giầu đo người tộc biểu phái nhà tang chủ đem tường với hội đồng, hương hội xem nhà

tang chủ nộp lê nào liệu mà cất chấp hiệu đô tùy và đồ tang nghi để tống táng các lệ ấy phân biệt như sau này.

Thượng lê 14,00$: Ba người chấp hiệu (cất trong ban thủ hạng) 32 người đô tùy (cất nhân đinh 10 xóm).

Trung lệ 7 đồng: Hai người chấp hiệu, 24 người đô tùy.

Hạ lệ 3,00$: Một người chấp hiệu, 16 người đô tùy.

3. Trước khi chuyển cữu người chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là trong đám chấp hiệu và đô tùy ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì chỉ vái ba cái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng hay ở dưới người chết thì phải lạy 2 lạy để tỏ tình thương xót, lễ kính trọng của làng, đối với người vong nhân, về phần tang chủ thì phải đem tất cả anh em, dâu, rể, con, cháu, nội, ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ, không có thân thích trông nom về sự tống táng thì làng trích tiền công giao cho trương tuần mua ván và cất lấy 8 người tuần tráng tống táng cho người chết và trích 1,00$ chi tiền giầu nước cho những người tuần làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng đi tống táng và biên vào sổ tử, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng, làng đối với tang chủ, hai bên hoàn toàn không còn thiếu lễ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống tiền nong, làng xét thực thì phải phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung trong hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng, nhà tang chủ muốn đãi người chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường thì tùy ý không cấm.

Khao vọng thuyết

Điều thứ 75: Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải vì có món tiền khao vọng, mấy có vị thứ, nhưng làng muốn thu món tiền ấy là có ý tỏ ra rằng các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khuyến khích cho kẻ hậu lai, duy hạng

lão từ 70 giờ lên, sự hy vọng ở đời thì ít chỉ trông mong vào con cháu thì nhiều nếu cứ sống một tuần lại mất tiền thêm một món, thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn, đến những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ ăn ngồi, lẽ ấy công bình, lê nay minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan dĩ thượng, võ tam phẩm dĩ thượng. Khao vọng 50 đồng (Nhưng ai đã nộp lệ trước được bao nhiêu, thì khi nộp lệ được khấu trừ đi, chỉ phải nộp số tiền thiếu cho đủ số 50 mà thôi, thí dụ như trước đã nộp lệ khao vọng vào hạng 40,00$ rồi thì khi lên hạng 50,00$ chỉ phải nộp 10 đồng nữa mà thôi. Các lệ vọng sau này đều theo như thế). Văn tứ, ngũ, lục phẩm, võ tứ, ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân 40 đồng, văn thất phẩm, vũ lục phẩm, Pháp học tú tài cao đẳng 30,00$, văn bát phẩm, vũ thất phẩm bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 20,00$, các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các viên dự vào hàng văn giai cứ chiểu theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng. Văn bát phẩm, võ bát phẩm, thí sai chánh tổng phó tổng thưởng hàm, chánh phó lý khi hội viên chánh phó sưu thuế cùng những tộc biểu chưa có vị thứ cùng những người bằng lý trưởng 12,00$ phó lý thư ký ngoại ban, trương tuần, quản lộ quản thụ, tiểu học tốt nghiệp học sinh cùng những người vị thứ bằng phó lý 10,00$, hương lão 50 tuổi vọng 1,00$ ai khao vọng thì triết nộp tiền khao 3,00$ nữa, ai phụ ngụ trong làng đã được ba đời vọng 10,00$ mới được dự vị thứ đình trung, ai từ bé bỏ làng già mới về làng đóng góp vọng 3,00$. Các viên chức, hương lão phải nộp các lệ khao vọng trên này hễ đến kỳ lão hoặc năm nào phải nộp những tiền lệ ấy, thì bắt đầu từ ngày sưu thuế đưa phải thu ngân, hạn trong ba tháng hoặc 6 tháng là cũng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, sưu thuế xẽ trừ vị thứ người ấy và sẽ trình quan xét nghĩ. Các tiền lệ hôn, táng, khao vọng v.v... đều sung vào quĩ để chi tiêu các việc công, không thôn nào được chi tiền riêng.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ, vị thứ những người tộc biểu không có chức phận gì mà chưa có vị thứ thì cũng được ngôi thứ trung đình bản vị thứ v.v...

Tu tiến lễ vật

Tết Nguyên Đán (3 ngày) phụng nghênh thánh giá ở đồng chính ra đình hành tại mỗi ngày sửa lễ lợn 6,00$ giấu rượu hoa quả 2,00$, xôi 2,00$, 3 ngày cộng 30,00$. Tháng Giêng chọn ngày làm lễ Kỳ Yên lợn 12,00$, xôi 4,00$, rượu 2,00$, hoa quả hương sáp 2,00$, cộng 20,00$. Ba lễ Kỳ Phúc (7 tháng giêng, 18 tháng 2, mồng 10 tháng 4) mỗi lễ 1,00$, giá 10 đồng, cộng 30,00$. Lễ Ha Điền (13 tháng 5) Thường tân (tháng 8) trung thu, Kỳ Phúc (13 tháng 10) tết chạp (3 tháng Chạp) mỗi lễ y như lễ Kỳ Phúc cộng 50,00$, tiệc sinh nhật (12 tháng 7) 3 con lợn 40,00$, xôi 6,00$, gạo tẻ 6,00$, giấu rượu 4,00$ cộng 56,00$. Ngày hóa nhật (13 tháng một, một con trâu 36,00$, 2 con lợn 10,00$, xôi 5,00$, rượu 4,00$, hoa quả 2,00$ giấu nước tạp chi 3,00$. Công 60 đồng. Tổng công 246,00$. Việc tế lễ đồng niên điều biết tiền công quĩ chi biên, không thôn nào hoặc giáp nào phải sửa để riêng, còn việc sóc vọng đồng niên đã có ruộng tế 6 mẫu giao các người tuần canh để sửa lễ không phải chi tiền công quĩ.

Vị thứ trung đình chia làm ba dòng

Dòng thứ nhất: Văn lục phẩm, vũ ngũ phẩm giở lên, Pháp học tiến sĩ, cử nhân, tú tài cao đẳng thứ đến văn thất phẩm vũ lục phẩm giở xuống, Pháp học trung học tốt nghiệp.

Dòng thứ hai: Chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó sưu thuế, thứ đến lý phó trưởng, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, quản lộ, trương tuần, quản thu đương cựu.

Dòng thứ ba: Kỳ lão 70 tuổi giở lên, thứ đến 50 tuổi giở lên, các phẩm hàm nhà nước cho quyên cùng các ngôi thứ trong làng được

phép bán cũ mới chiểu phẩm trật vị thứ trong các dòng mà ngồi không có phân biệt. Các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên võ giai phải kém văn giai hai trật các chức dịch mua, còn như... phẩm hàm... người cựu như nhau, không có phân biệt, các viên chức có vị thứ trên này mới được vị thứ đình trung, những người tộc biểu trước kia chưa có chức phận chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng thay tiền mua vị thứ như điều 75 nói ở trên. Bán vị thứ khi làng cần phải bán vị thứ gì nữa phải trình quan thủ hiếu cho phép mới được, đồng niên các ngày có tiệc khi lễ xong làng nghi kính trên như lệ, còn thì các kỳ lão viên chức có vị thứ trên này đều quân huệ.

Phụ lệ bầu chủ tế, ngôi chủ tế phải chọn hàng triều quan văn võ, Pháp học khoa mục chức sắc rồi đến chánh phó lý đương thứ mà phẩm hạnh đoan chính mới được.

(...)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG LỰC CANH

Tổng Xuân Canh, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản hương ước làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương, suy xét tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính sự trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921, về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh chuyển đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 tháng tám năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 km thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thời được tiền lộ phí mỗi ngày là ...

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày mỗi ngày là 0,40$.

Khi lên phủ hay huyện không được quá 1 ngày cả khứ hồi mỗi ngày là 0,30$.

Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921 và sự chỉnh đốn chi thu làng xã và phải theo lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 nghị định số 1950 đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức, ngôi thứ tổng lý, lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thì không kể. Hễ ai lĩnh tiền thủ quĩ thì phải bắt người ấy giao cho 1 cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra, mà có chữ ký của chánh hương hội và chữ ký hay điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm quĩ lại 1 lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là 1 tháng để dân cùng biết. Hễ yết thị phải cho mõ rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về, thì phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ không được chia đàn anh, hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong thì thôn quán giao 5 người thủ dịch thu một nửa, lý trưởng 1 nửa hành thủ rồi giao cho lý trưởng đem nộp vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, sổ biên lai ấy lấy ở quyển phải lai của nhà nước phát, trong sổ bổ, kê những khoản gì thì ở tờ phải lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày họp bổ thuế, sưu thuế không được bày ra ăn uống, để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong tháng có thường hội đồng 2 kỳ là ngày 1 và 15, từ 8 đến 11 giờ sáng, ai có việc gì đến sưu thuế như lĩnh tiền nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì thì cứ đến sở hội đồng mà tường, hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự, hay thương sự mà kiện cáo, trước hết phải trường hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi hương hội tiếp trình thì phải lấy lẽ chính đáng và lòng thành hòa giải cho 2 bên. Nếu hòa giải xong thì hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải sao biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Việc hòa giải không xong, hương hội cũng lập biên bản lưu chiểu. Nếu hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thì người thua kiện phả chịu tiền phi tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự thì không có phép hòa giải, nhưng những người ấy có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ có việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, các sắc binh, các chức sắc khoa mục, các học trò đang đi học các trường và người có bệnh, còn người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng. Người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi canh được có thể nhờ bà con, hay gia hạ canh thay. Nếu xảy ra sự gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu trách nhiệm. Cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng cắt 8 người tuần tráng, phó lý ban đốc canh, khi thường thì tuần cứ ăn phần mà canh phòng dân cư và đồng điền, khi có đông hiệu cướp phát thì tất cả tuần và đinh tráng cùng ra ứng cứu.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh như câu liêm, gậy, giáo, mác, làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiểu theo giá mà đền ngay.

Điều thứ 22: Làng đặt 4 điếm canh, phí tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công ra để suy chi.

Thôn Quán đặt 1 điếm canh, thôn Văn Thương đặt 3 điếm canh.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh, cứ gần tối nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người canh thay. Nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba sẽ phải giải lên tòa án xét.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi luôn chung quanh làng để cho kẻ gian phi khỏi vào chứ không được nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cắp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm, thì trương tuần và tuần tráng đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ. Trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu? Kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thế cho lúa sương, hương hội trích tiền ấy đền cho sự chủ rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi, nếu 1 kỳ không đủ, ghi vào sổ lương tuần để khấu kỳ lương sau hoặc lại còn thiếu, trách cứ trương tuần ban ấy phải nộp đền vào công quĩ cho đủ, chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi, thành ra không có sự thực. Còn như có sự cướp phát to, mà tuần ban cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng cứu ứng để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân, hay là căn cước đáng ngờ thì bắt phải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Tuần ban kiêm việc tuần ngoại để trông coi đồng điền, khi nghe động hiệu tất cả ban tuần cùng phải ra ứng cứu ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ bắt lượt từ 18 tuổi mà chọn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng, một bản trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có biểu kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người manh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá, cho ruộng bị cạn tuần phải bắt giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$. Nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thì hội đồng bắt phạt tiền như người phạm.

Trừ ra khi nào không chiếu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,40$ nộp làm 2 kỳ một kỳ tháng năm một kỳ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương, mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ, làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ phát ra.

Trương tuần đồng niên, tuần tráng mỗi người đồng niên (...) phát làm 2 kỳ đúng vào kỳ điền hộ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương. Lúa sương thôn Quán thu 0,40$ 1 mẫu.

A. Thôn Quán cấp lương cho tuần tráng, đồng niên mỗi người 10,00$. Lý trưởng 24,00$, Phó lý 12,00$, thủ lộ 6,00$, thủ quĩ 6,00$, thư ký 15,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, không hết bổn phận sẽ phải bãi dịch mà không được ngôi tộc biểu. Nếu trương tuần làm 1 năm thì không được theo lệ ấy.

Sự cấp cứu

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hỏa tai cướp bóc hay đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi giở lên và người yếu đuối, còn người làng

nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu. Nếu ai trễ biếng không đến cứu hương hội xét thực phạt 0,20$ đến 0,30$.

Sự cứu thủy tai

Khi nước sông lên to, đê điều nguy cấp cần phải cảnh hộ, hễ tiếp lệnh sức hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay. Vật liệu giữ đê và lương thuế đinh tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi, chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hỏa tai

Sự cứu hỏa tai cần phải sẵn có đồ chữa mới được. Nếu cứ tay không chạy đến mắt giương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích, nay làng trích tiền công sắm lấy cái câu liêm thật tốt, để ở điếm canh và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước, (trừ nhà gái góa mồ côi), làm bằng tre bương, dài độ 1 thước Tây, đầu để vẩy nước vót nhon mỏng lợn, ống của nhà nào khắc tên cho nhà ấy vào. Hễ nghe hiệu biết chỗ nào cháy thì mỗi nhà cần phải có người đem cái ống ấy đến lấy nước chữa cháy. Hương hội, lý phó trưởng và trương tuần phải đến ngay, sự chữa cháy xong xem số ống còn đủ hay không. Nếu thiếu ống nào không có dấu nước ướt, thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$. Còn như cái nhà bị cháy hương hội phải đến xét xem khởi sự từ đâu? Vì duyên cớ gì. Nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc xét xem người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay đốt nhà để hôi của người khác, thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật, làng cho người tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh (một là phòng bệnh hai là chữa bệnh).

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí ven đường, ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để xin thầy thuốc về chạy chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra trại dưỡng tế, không được vị nể mà ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$. Lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng trâu ở cạnh hồ ao, hay là ở những chỗ mà nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử người thủ lộ để trông đường sá, cầu cống, đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại. Đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thủ lộ phải tường hương hội để trình quan lớn, những điều lệ ấy kỹ càng về sự canh phòng đê thì phải chiểu theo nghị định ngày 1 Juillet 1917 mà thi hành.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung của làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải xin phép quan cho đặt cống mới được. Ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan xét nghĩ.

Còn đường cái riêng của làng ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm được 3 năm chu toàn làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi dịch.

Nếu thủ lộ làm từng năm một thì không được chiểu theo lệ ấy.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng. Mỗi năm cứ tháng 11 hay 12, hội đồng cho mõ rao các chủ ruộng gần ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì không được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không được giồng giọt (lúa, khoai lang, khoai sọ v.v...) ở trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ úng tắc, ai không tuân lệnh phạt từ 0,20$ đến 0,10$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$. Nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng, khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$. Nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung làng, thì người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị đinh ngày mồng 8 tháng Mars 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã nghĩa là: nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì, làng phải làm trách nhiệm việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không có can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đây thì phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng có bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ, đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu vua Gia Long và nghị định quan Kinh lược ngày 20 tháng 4 năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 Mars 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách cho cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay bất động sản hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gà bạc lấy hồ thì hương hội phải khám xét răn bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai, hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm, thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội, nhưng làm mất phong thổ làng, thì hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý trưởng phó đương thử ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thì tuần phải đi báo cho người tộc biểu biết.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại công sở, nếu quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì, thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, tìm phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường cho trẻ học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công quỹ cả dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi đã phải cho đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi, thì ở sổ chi thu, phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người có gia sản ở làng, thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là ba đồng, mua đất công hoặc tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

A. Cách quân phân riêng của làng xã.

B. Những hoa lợi riêng của làng xã như là trưng hồ, sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái...

Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

A. Thôn Quán tự điền 1 mẫu 3 sào, hậu điền 1 mẫu 7 sào V.T Ký tại thôn Văn Thượng 1 mẫu 1 sào. Công điền 9 sào 8 thước ký tại V.T Đại tiêu hồ thổ 5 mẫu, đất 1 khu 1 sào.

Ruộng trích năm giáp 5 mẫu, bốn đó cho thuê bán hàng mỗi năm được bao nhiêu tiền công xã. Các điền thổ công thôn mỗi năm bán đấu giá 1 lần lấy tiền sung công quĩ. Duy ruộng hậu 5 giáp cộng 5 mẫu 6 sào, ký tại thôn Văn Thượng, giao 5 giáp luân canh làm ky phòng trích sung công.

Lễ Hôn

Điều thứ 73: Nói rõ lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn vào thực thứ ba, bốn, lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại. Thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dậy bảo cho tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống, mà không nói gì đến sự tiền bạc, thì là cách đức hôn đó, xem như tục các nước văn minh, đời nay con gái cũng phải cho ăn học như con trai và để dành vốn riêng cho con gái, chứ không nước nào đem con gái mà gả bán để lấy tiền của nhà trai, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay là thế, so sánh với luân tục của dân ta ngày nay thì sao, bao điều nhầm dại không sao kể xiết được? Phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi các lệ ấy cho dễ tuân theo. Vậy các lệ hôn như sau này.

1. Trong làng con trai từ 18 tuổi con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết, để hương hội xét xem 2 người định lấy nhau có hợp lệ không và có điều gì ngăn trở không? Rồi yết thị ra tại đình, cùng hội sở trong 15 ngày cho ai nấy đều biết. Nếu tuổi hợp lệ và không có điều gì ngăn trở thì nhà trai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi, hạn trong 1 tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu, gia đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội tại đình quân bổ.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lệ đủ rồi, không còn phải phi tổn với làng nhẽ gì nữa. Còn những tục hủ lậu như chăng dây, đóng cổng nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp, làm cho lôi thôi việc người ta, thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Nói rõ tục lệ tang lễ tiền lệ làng nộp là bao nhiêu?

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự đau đớn hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, ví bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn làm cỗ bàn, để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không? Chắc trả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không. Chắc cũng giả lời rằng không. Còn như việc hộ tang cho nhau là cái nghĩa cứu giúp cái nợ đồng lần với nhau, ai không phải vì đám ăn mà tìm

đến, thế mà tục hủ lưu truyền, thói đời bạc bẽo khi có việc bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn, lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh diệu với hương quan, đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ, tế tuần kia, để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu, thế có lạ chưa? Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói không giám đổi, nay nhà thượng hiếu có lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tỏ tường, các tinh tục âu là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người, nhưng không đến nỗi thiệt của, kẻ bô xuyết tránh khỏi tiếng xấu, mà lại được tiếng khen, vậy các lệ tang định sau này.

1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ thì đem mai táng, nếu chết vì mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thì trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phải nhà tang chủ đến tường hương hội. Hương hội xem tang chủ nộp lệ nào, liệu mà cắt chấp hiệu, đô tùy và các đồ tang nghi đi tống táng, các lệ ấy phải biết như sau này.

A. Thôn Quán Thượng lệ 6,00$, 2 người tộc biểu đi đưa ma 2 người chấp hiệu (cắt trong giáp tang chủ 16 đô tùy cũng cắt vào giáp tang chủ).

Hạ lệ 3,00$ người làng trong giáp đi đưa ma, còn chấp hiệu và đô tùy cũng như thường lệ.

3. Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì chỉ vái ba cái, còn ai vị thứ tuổi ngang hàng hay ở dưới người chết phải lễ 2 lễ, để tỏ tình thương xót, lễ kính trọng của làng đối với vong nhân. Về phần tang chủ phải đem tất cả anh em dâu rể con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4. Ai chết mà nghèo khổ, không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích tiền công giao cho mua ván và cắt đô tùy tống táng cho người chết ấy, lại trích 1,00$ để chi tiêu giầu nước cho tuần tráng khi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ 2 bên hoàn không còn thiếu nhẽ gì nữa. Nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn hoặc về sự tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ trong đình trung hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng, nhà tang chủ nếu muốn đãi chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường thì tùy ý không cấm.

6. Làng nên chọn 1 khu đất công cao ráo sạch sẽ chung quanh giồng cây để làm nơi nghĩa địa, không mê hoặc phong thủy tìm chỗ này chỗ khác đã vô ích mà lại hại thêm.

Những tiền lệ khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao tiền vọng lão v.v..., mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mình, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước, ai cũng kính trọng không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng các vị đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khích khuyến cho kẻ sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên, sự hi vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất thêm một món, thì trước là trái nghĩa thương xỉ, sau nữa là người ta khó theo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mấy mua được chỗ ăn ngồi, lệ ấy công bằng lệ này minh bạch.

A. Văn tứ phẩm mấy quan võ tam phẩm thực chức khao vọng 50,00$. Văn thực chức thất phẩm, võ thực chức tứ ngũ phẩm, các khoa tiến sĩ, cử nhân khao vọng 40,00$.

Văn thực chức thất phẩm, võ thực chức lục phẩm các khoa tú tài khao vọng 35,00$.

Văn thực chức bát cửu phẩm, võ thực chức thất, bát, cửu phẩm, chánh phó tổng bổ theo khao vọng 30,00$.

Văn võ hư hàm lạc quyên, thiên bá hộ 25,00$.

Lý trưởng mới làm triết nạp tiền tả đơn 12,00$, phó lý 10,00$, khi mãn lệ thanh thỏa, đều phải nộp tiền khao vọng 20,00$ thành ngôi xã cựu, thủ quĩ, thư ký, thủ bạ chưa có vị thứ từ phó lý giở lên mới làm triết nạp tả đơn 10,00$. Khi mãn lệ nộp tiền khao 20,00$ vị thứ theo ngôi xã cựu.

Tộc biểu chưa có vị thứ mới làm nộp tiền tả đơn 20,00$. Khi mãn lệ thanh thỏa nộp tiền khao 15,00$ theo ngôi thôn trưởng.

Thủ lộ mới làm triết nạp tiền tả đơn 8 đồng. Khi mãn lệ thanh thỏa nộp tiền khao 20,00$ thành ngôi dịch mục.

Trong làng ai đến ngôi bàn nhì mỗi năm cứ đến ngày mồng 1 tháng hai ta phải nộp 2,00$, ai đến ngôi hương dịch cứ ngày mồng 8 tháng Tư ta phải nộp 10,00$.

Lệ vọng lão ai đến tuổi lão nhiêu 61 tuổi phải nộp 2,00$ và 20 miếng giầu.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ, ai vị thứ tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi vị thứ trong đình bản vị thứ v.v...

A. Thôn Quán: Tết Nguyên Đán và lễ đông thổ lễ xôi, gà ở đến công là 3,00$, đến ngày mồng 8 hội chùa sửa lễ xôi, lợn là 5,00$. Ngày mồng 10 tháng 3 An Nam đại Kỳ Phúc 6 ngày sửa lễ xôi, lợn,

rượu hoàng tửu và ca công, hai lễ Nhập Tịch, Xuất Tịch từ ngày mùng 8 đến 13 chi hết 40,00$.

Ngoài mồng tám tháng Tư là sửa lễ Kỳ Yên xôi, lợn 8,00$. Tháng năm tết đỗ mới sửa oản quả hết 5,00$.

Mồng mười tháng Giêng, mồng 1 tháng 2 ta, mồng 8 tháng 3, mồng 1 tháng Tư, mồng 7 tháng 5, ngày 15 tháng 7, ngày 20 tháng 12, cộng 7 lễ thánh thọ sửa oản chuối 1,50$ x 7 = 10,50$.

Mồng 6 tháng 8 thanh đản và Thường Tân lễ xôi, lợn, rượu hoàng cộng 6,00$. Ngày mồng 10 thu tế cộng 15,00$.

Ngày 30 tháng Chạp lễ trừ tịch sửa hết 5,00$.

Thượng Điền, Hạ Điền, Trùng Thập Trùng Ngũ, Trung Thu, lập tiết mỗi tiết lễ vật 1,00$ cộng 6,00$.

Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần 1,00$, cộng 24,00$. Đèn hương 3 đền cộng 6,00$, tổng cộng 130,00$.

Vị thứ đình trung

A. Vị thứ chia làm 2 bên tả hữu:

Hàng bên tả văn trích hàm tự cửu phẩm giở lên, khoa mục xã cựu thôn trưởng văn hội chánh phó lý. Sưu thuế thủ bạ chiểu vị thứ khoa thứ niên xỉ hơn kém mà ngồi.

Hàng bên hữu võ chính hàm tự cửu phẩm giở lên văn võ đối (...) bá hộ lạc quyên, lão nhiêu bàn nhì giở lên. Trương tuần thủ lộ chiểu vị thứ niên xỉ mà ngồi.

Tiệc lễ bái những người khoa hàm thôn thưởng kỳ cựu văn hội mấy được dự. Khi tế, lễ vật có trâu, bò, lợn, thì biếu điển văn 1 cái thủ, gà 1 cái tỏi, còn thì các viên chức có ra lễ thần điều được quân huệ. Nếu vắng mặt thì biếu mỗi người một khẩu giầu, làng có khoa tràng thì được điển văn. Nếu không thì có những người có chân dự tế đình trung người nào chữ tốt tả văn, tế xong biếu một khẩu giầu để trong sự thể.

Điều thứ 77: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các điều khoản ước gì cũ trái mấy hương ước này đã bỏ đi cả.

Điều thứ 78: Trong làng ai trái mấy khoản ước trên, thời hương hội tùy tình lý nặng nhẹ mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy bàn.

Điều thứ 79: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 80: Ngoài những thể lệ định trong hương ước này lập riêng cho làng, thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 81: Quyển hương ước này phải có chữ ký các người tộc biểu, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y rồi làm thành 4 bản chính. Bản thứ nhất lưu chiểu ở làng. Bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ ba ở đình quan tuần phủ, bản thứ tư ở tòa sứ.

Chiểu theo thứ vị tuần sức ngạch lính năm 1932.

Hễ ai đi lính 6 năm mãn lệ, về thanh thỏa thời dân tặng suất nhiêu bình tịch trừ phu dịch.

Thừa sao chính bản

Le Tiên chỉ

Le lý trưởng.

HƯƠNG ƯỚC XÃ MAI CHÂU

Tổng Sáp Mai, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu chiểu từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích cho gia tộc thịnh giầu, dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đúng theo bản nghị định mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng tám Tây năm 1921, thì những tiền lộ phí cấp cho những người tộc biểu và lý phó tổng thể lệ như sau này:

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 km thì không lấy tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí, mỗi ngày là; lên tỉnh 0,60$, lên huyện 0,60$. Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày, khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá hạn 1 ngày.

Đi lại ở trong địa hạt xã mình, hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức, đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout 1921 và sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền, theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ sáu, trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân, khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức, ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không phải nộp khoản tiền gì nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thì không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai, xẻ ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thì phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan sức chỉ bài thuế về thì phải tường chánh hương hội, họp cả tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Hương hội đã có ngạch của nhà nước, nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng ngoại cư hay nội canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ bao nhiêu sưu đinh, bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý phó trưởng người nào việc ấy phải hành thu đem vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận tờ phải lai lấy ở quyển phải lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì, thì ở tờ phải lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý phó trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Trong một tháng có hai kỳ hội đồng mồng một và ngày rằm, từ tám giờ sáng đến mười giờ trưa. Ai có việc gì như lĩnh tiền hay nộp tiền, xin biên vào sổ giá thú, hay muốn hỏi điều gì, cứ ngày giờ ấy cứ đến ở hội đồng mà tường.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thì phải mở hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong về nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thì người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng người có việc cũng phải trình cho hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét rõ duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản cho cả làng thời hết thảy những người trong làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm tuần phòng, trừ ra những người đương làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục đương đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh phòng được thì có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc nộp cho làng bạc để làng thuê người khác canh thay.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm ban, mỗi ban canh độ ba tháng hoặc sáu tháng, hay một năm. Mỗi ban phải bầu một người làm đốc canh khi trong làng có cướp phát, thì tất cả ban canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay mấy ban đương thử.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh của ai thì người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được thì làng trích tiền công sắm cho. Hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhớn hay làng nhỏ mà lập điếm nhiều hay ít, phí tổn làm điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh, hễ gần tối thì nổi hiệu, trống mõ gọi những người trong ban ra điếm ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thì hai lần đầu, mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thì phải giải lên tòa án xét phạm về tội vào khoản thứ hai điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lần đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh trong làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm thì phải chiểu giá đã mất mà đền

cho sự chủ. Khi cướp phát, tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thì không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng nghi thì bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử một tên trương tuần và 12 tuần tráng để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khỏe.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào có tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo pháp luật của tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thì phải tường hương hội xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước, những khi nên giữ, nên thảo phải hỏi ý kiến hương hội không được tư quyết.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn, thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$. Nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thì hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thấy chiểu theo như điều thứ 20, trong luật hình An Nam mà bắt tội được, thì dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần. Không kể nội ngoại hay phụ canh, điều đồng niên mỗi mẫu là 0,40$ tiền ấy chia làm hai thứ, một thứ tháng năm, một thứ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa

sương mà trước tuần vẫn được thu, từ giờ cứ đến ngày vụ gặt, thì điều (...) thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn, thì làng cho vị tộc biểu, cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận, thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất vị tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cứu cấp như là hỏa tai cướp bóc, hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu ớt, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu, hương hội xét thực phạt 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cấp cứu bị thương, làng cấp tiền uống thuốc, trọng thương thành tật, làng cho vị tộc biểu. Bị thương đến chết làng cấp cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho làng được manh khỏe, cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội phải hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn uống nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về việc sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh, có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, khám thực đem ra dưỡng tế, không được vì nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 45: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vất xuống giếng, hồ, ao, ai phạm hội đồng phạt 0,50$ lại cấm không được làm chuồng lợn, hay chuồng tiêu, ở bên hồ ao, hay là những chỗ dơ bẩn, có thể đổ xuống hồ ao được.

Điều thứ 46: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, thì lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vì nể mà để ở trong làng.

Sự sửa sang cầu cống đường sá và đê điều

Điều thứ 47: Làng cắt một người thủ lô để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi đường sá chỗ nào hư hỏng, phải trình hương hội để sửa chữa lại, đến như đê điều thì thủ lô phải coi sóc chớ để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải giữ những nơi hư hỏng, giữ gìn chớ để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê, hay là giống giọt gì ở đấy và phải giữ gìn lúc nào đê cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều, mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được, thì thủ lộ phải tường ngay hương hội kẻ lên trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá và cầu cống chung của làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường thì phải xin phép hương hội, tháo xong lại đắp lại như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn thì làng cho vị tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận, thì phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu các ngòi lạch giữ nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12, hội đồng cho rao mõ các chủ điền gần ngòi phải khai ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$ nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải phạt và đền nữa.

Điều thứ 54: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá để cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không được giồng giọt lúa, khoai lang, khoai sọ... vân vân, ở bên bờ sông ngòi như thế sông ngòi dễ ứng tắc, ai không tuân sẽ phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng, khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm thì hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá hại hoa mầu nhiều quá thì phải đền nữa.

Các của công dân

Điều thứ 56: Đã gọi của chung của làng thì người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ coi giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày thứ 8 Maro 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn, hoặc cầm cố bán buôn của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho phép thời không được làm tờ giao kết gì, để làng phải chịu trách nhiệm về tiêu tiền công.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng xã, chỉ những người tộc biểu có ký tên ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy để thi hành về việc phiếu quốc gia trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo, thì dân làng là bên nguyên hay bên bị, cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mấy được đi.

Việc cầm bán công thổ công điền, đáng nhẽ cứ chiểu chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 Avril 1884 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy mà cốt là khi trong làng có động sản, hay là bất động sản, thì hương hội phải đấu giá, nhưng yết thị cho mọi người đều biết mà khi mới đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiếu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu thuốc lậu và mở cuộc đánh bạc lấy hồ, thì hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm, thì hương hội phải bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng vì mất phong thể làng, thì hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong 100 ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học. Vậy khi làng có đủ tiền làm nhà trường thì phải làm nhà trường ở trong làng cho trẻ con đến học.

(...)

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo, sẽ lấy ở tiền công dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thì trẻ con lên 8 tuổi thì phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thì ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền, để mua sổ sách giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký tảng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề lương thiện chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 71: Ai kỵ táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng đã.

Phần thứ hai
Tục lệ - Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a) Cách quản phân riêng của hàng xã.

b) Hoa lợi riêng của hàng xã như là bình trũng, ao, sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lợi phiếu quốc trái... vân vân. Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Làng có 1 mẫu châu thổ trích ra bán đấu giá sung quĩ, ruộng chùa xin ra cho nhà chùa cấy, đèn hương sóc vọng quanh năm và sửa sang các việc như ở chùa chứ không bán đấu giá sung công (ruộng chùa 1 mẫu 2 sào).

Số ruộng trên này ai đã mua đấu giá được rồi, thì tính bắt đầu tự ngày hội đồng bán đấu giá, hạn trong một tuần lễ, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hẹn, không những là trái hương ước, mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, thì hương hội cầm lấy ruộng đã bán cho người ấy mà bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng đã cày cấy, giống giọt, người ấy cũng phải mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu?

1. Trong làng con giai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi, giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh, tức là lễ hỏi, bố mẹ hai bên phải tường cho hương hội biết, để xét xem hai người định lấy nhau ấy tuổi có hợp lễ không hay có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị tại đình và hội sở trong hạn 10 ngày, nếu tuổi hợp lệ và không ngăn trở sự gì thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi, hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn sửa một chai rượu và một trăm miếng giầu ra đình lễ thần, rồi nói mấy hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy hương hội có mặt tại đình quân hưệ.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 1,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không phải phí tổn mấy làng gì nữa, còn như những tục hủ bại chăng giây đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp, làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thì hẹn trong hai ngày phải đem mai táng, nếu chết vì bệnh dịch thì phải chôn ngay trong ngày mới chết.

Nói rõ tục lệ và tục lệ làng nộp là bao nhiêu.

1. Khi ai chết về mùa đông, hay không bệnh truyền nhiễm, hẹn trong 48 giờ phải đem mai táng, về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thì hẹn 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma, phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu phải nhà tang chủ, tường cho hương hội biết, để xem nộp về lệ nào, mà cắt chấp hiệu và đô tùy cùng đồ tang nghi để đi tống táng, vậy các lệ ấy định như sau này.

Thượng lệ 10,00$, 24 người đô tùy, trung lệ, 6,00$, 12 người đô tùy, ha lệ 1,00$ 12 người đồ tùy, còn chấp hiệu thì cắt về phái giáp tang chủ.

3. Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là chấp hiệu và đô tùy ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết chỉ vái 2 vái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng thì lễ 2 lễ, để tỏ tình thương, kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ thì đem hết cả anh em dâu rể, con, cháu, nội, ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết không có ai trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích 3,00$ bạc tiền công quĩ, giao cho tộc biểu mua ván và cắt người đi tống táng, lại trích 1,00$ để chi tiền giầu nước ấy.

5. Khi đã nộp lệ cho làng xong rồi, mà biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối mấy làng, hai bên hoàn toàn (...) nếu ai lấy thế lực, mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hay tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung, trong hẹn 100 ngày tang chủ có muốn tiếp đãi chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường thời tùy ý không cấm, đến như người nào kỳ cựu chính ngạch 55 tuổi giở lên, bất hạnh mệnh một, thì dân mấy có lệ viếng 1,00$ và một đôi câu đối.

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão v.v... mỗi thứ phải kê riêng ra từng mục.

Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm giở lên vọng 50,00$, văn ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân 30,00$.

Văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng 30,00$.

Văn bát phẩm, võ thất phẩm bổ thu, chánh phó tổng, trung học tốt nghiệp, học sinh 25,00$.

Văn cửu phẩm võ bát cửu phẩm, chánh phó hương hội và tiểu học tốt nghiệp chưa có vị thứ 20,00$.

Các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các viên chức giữ vào hàng văn giai cứ theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng.

Thủ quĩ, thư ký nội ban, tộc biểu chưa có vị thứ phải nộp tiền vọng 30,00$.

Thủ quĩ, thư ký chưa có vị thứ phải vọng 30,00$.

Thủ quĩ, thư ký ngoại ban trương tuần, quản lộ, quản thụ chưa có vị thứ phải vọng 15,00$.

Tộc biểu chưa có vị thứ phải vọng 2,00$, lý trưởng vọng 12,00$, phó lý vọng 10,00$.

Hương lão 54 tuổi giở lên phải vọng 2,00$.

Bán vị thứ

Ngôi phó lý mua 30,00$ (bán ngôi ấy quan trên cho phép mấy được), các viên chức hương lão phải nộp các tiền lệ khao vọng trên này, hễ đến kỳ nào trong năm phải nộp các tiền lệ ấy, thì kể bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hẹn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để qúa hẹn, không những là trái ước, mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ của người ấy đi và trình quan trên xét nghĩ.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ, vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được vị thứ trong đình, bản vị thứ thì cũng được vị thứ, bản vị thứ... vân vân.

Lễ Nguyên Đán 3,60$, mồng 8 tháng 2 Thánh Đản ở miếu xôi, rượu, lợn, giấu, vàng mã 12,00$, mồng 9 tháng 2 lễ xôi, lợn 8,00$, 15 tháng 9 lễ thu tế xôi, lợn 12,00$. Mồng 3 tháng 4 lễ xôi, lợn 8,00$, 15 tháng 9 lễ thu tế xôi, lợn 12,00$. Mồng 3 tháng 4 kỵ hậu 1,00$ 0,50$, 12 tháng 5, 1,50$, mồng 5 tháng 6 kỵ hậu 3,00$, đồng niên 24 tuần sóc vọng mỗi tuần 0,20$.

Tháng một lễ sinh nhật đức thánh ở nhà thờ đạo 5,00$.

Vị thứ đình trung, tả vu dòng thứ nhất, văn giai từ cửu phẩm giở lên, cùng Pháp học khoa mục tiến sĩ, cử nhân, tú tài cao đẳng, Pháp học trung học tốt nghiệp, thứ đến chánh phó tổng nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý, thủ quĩ, thư ký, tiểu học tốt nghiệp... vân vân.

Dòng thứ hai võ giai từ cửu phẩm giở lên và hội đồng tộc biểu, phó lý mua, trương tuần, quản thu, quản lộ, các phẩm hàm nhà nước cho quyền, cứ theo phẩm trật mà ngồi.

Hữu vu các hương lão từ 55 tuổi giở lên, thứ đến chánh đinh cứ chiểu niên xỉ mà ngồi, các phẩm hàm tư cửu phẩm giở lên, thì võ giai kém văn giai hai trật, các chức sắc từ phó lý giở lên, kẻ tân người cựu,

vị thứ như nhau, không có phân biệt, còn như vị thứ từ ngôi hương xã giở lên mấy được dự tế đình trung, những người tộc biểu trước khi chưa có vị thứ, khi đã cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay mua vị thứ, như điều 75 đã nói ở trên.

Phụ lệ cử chủ tế và tả văn

Ngôi chủ tế và tả văn cứ đệ niên, ngày 25 tháng Giêng, hội cử người chủ tế và tả văn thì cứ hàng triều quan văn võ Tây, Nam khoa mục, thứ đến chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý đương cựu, nhưng chọn người có phẩm hanh đoan chính và trong sạch mấy được.

Lệ cử biểu, đồng niên các ngày tiệc lệ có sinh lễ, tế xong thì cử biểu, tả văn, chủ tế sinh các nhất cảnh, sinh thủ cử biểu từ triều quan ngũ phẩm giở lên, nếu chưa có triều quan thì đồng dân quân huệ.

Các thuế của làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa, thuế trâu bò, thuế nhà cửa... văn vân.

Thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước, mỗi thứ thuế kê riêng từng mục.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các điều khoản gì cứ trái mấy hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng có ai trái những khoản ước trên, thì hương hội tùy tình lý nhẹ nặng mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần, thì thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những điều lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng, thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quận chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản, chính bản thứ nhất lưu chiểu ở

làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nha quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở tòa sứ.

Mai châu le 31 1942

Chúng tôi là tiên thứ chỉ, lý phó trưởng và thu ký xin sao quyển tục lệ trong làng, theo nhu bản chinh, năm 1934.

Nay thừa sao. Le Lý trưởng (...).

HƯƠNG ƯỚC LÀNG MẠCH TRÀNG

Huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Tục lệ của làng Mạch Tràng
Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương suy xét hiện tình thời nay với sách khoán lệ thủa trước, điều nào hại thì thôi, điều nào lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921, về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 kilomet thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là:

- Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn một ngày, mỗi ngày là 0,40$.

- Khi lên phủ, hay lên huyện cả khứ hồi không được quá hạn một ngày, mỗi ngày là 0,30$.

Đi lại ở trong địa bàn xã mình, hay đi đâu mà không có lính quan trên sức, theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong làng xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921, và sự chỉnh đốn sổ thu chi hàng xã phải theo lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định số 1950 đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, khi thăng bổ hàm chức, ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão... vân vân.

Hễ đã đóng đủ lễ định trong hương ước này thì ngoại giả không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như là không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thì không kể.

Hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra, mà có chữ ký của chánh hương hội và chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy. Cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thì cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh, hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong thì hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế, thì lý trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội có thường hội đồng hai kỳ: là ngày mồng 1 và ngày 15 từ 8 giờ sáng đến 11 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giả thú. Hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự, thương sự mà kiện cáo trước hết phải tường hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp trình thì phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho 2 bên; nếu hòa giải xong thì hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải sao biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Việc hòa giải không xong, hương hội cũng lập biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thì người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự, dù không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, các sắc binh, các chức sắc, khoa mục, các học trò đang đi học các trường và người có bệnh tật, còn người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi canh được, thời có thể nhờ bà con hay gia hạ canh thay, nếu xẩy ra việc gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu trách nhiệm. Cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng cử 10 người tuần tráng theo phó lý kiêm trương tuần để canh phòng nội ngoại, khi thường thì ban tuần theo phó lý tuần canh trong làng, khi có động hiệu thì tất cả cùng đinh trong làng phải đến ứng cứu ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như câu liêm gậy, giáo, mác làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng, nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiểu giả làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng đặt 2 điếm canh, phí tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 sẽ phải giải lên tòa án xét.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh làng để cho kẻ gian phi khỏi vào, chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Cứ bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$; bắt một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp, mà tuần không bắt được đứa phạm, thì trương tuần và tuần tráng đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến khám xét ngay. Xem thực mất những gì? Đáng giá bao nhiêu? Kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền vào lúa sương, thì hương hội trích tiền ấy cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi; nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để khấu trừ lương sau, hoặc lại còn thiếu. Trách cứ trương tuần ban ấy phải nộp đền vào công quĩ cho đủ, chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên phải đền sự chủ mà thôi, thành ra không có sự thực, còn như có sự cướp phát ra mà tuần ban cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng cứu ứng, để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27; Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng cử 10 người tuần tráng kiểm việc tuần ngoại trông coi đồng điền. Khi ngoài đồng có động hiệu thì tất cả ban tuần đinh tráng trong làng cũng phải ra cứu ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt từ 50 tuổi đến 18 tuổi mà chọn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng, một bản trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có cái biển kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thì phải tường hương hội xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá cho ruộng bị can, tuần phải bắt giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thì hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ, hoa mầu ngoài đồng tuần tráng phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh, hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,60$ nộp làm 2 kỳ, một kỳ tháng năm, một kỳ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau, cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ, làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ phát ra.

Trương tuần đồng niên 12,00$ tuần tráng mỗi người đồng niên 8,00$, phát làm 2 kỳ đúng vào kỳ điền hộ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương.

Cấp lương cho lý trưởng đồng niên 36,00$ phó lý 12,00$, thư ký 15,00$, thủ quĩ 8,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu như phó lý không hết bổn phận sẽ bị bãi dịch mà không được ngôi tộc biểu. Nếu trương tuần làm một năm thì không được theo lệ ấy.

Sự cấp cứu

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hỏa tai, cướp bóc, đê sạt trừ ra những người 60 tuổi giở lên và những người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai trễ biếng không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu thủy tai

Khi nước sông to đê điều nguy cấp, cần phải sang hộ; hễ tiếp lệnh sức hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay. Vật liệu giữ đê và lương thực đinh tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi, chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hỏa tai

Sự cứu hỏa tai, cần phải sẵn có đồ chữa mới được, nếu cứ tay không chạy đến, mắt giương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng trích tiền công săm lấy cái câu liêm thật tốt và sắc để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hỏa tai thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải dỡ tắt khúc thì các câu liêm ấy kéo dỡ ngay đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước (trừ nhà gái hóa con côi) làm bằng tre bương dài một thước Tây, đầu để vẩy nước vót nhọn mỏng lợn, ống của nhà ai, khắc tên nhà ấy vào, hễ nghe hiệu cháy nhà nào, thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến lấy nước chữa cháy. Sự chữa sắp xong, hương hội, lý phó và trương tuần phải điểm ngay xem số ống có đủ hay không? Nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước ướt, thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị cháy, hương hội phải đến xét xem khởi từ đâu? Vì duyên cớ gì? Nếu thực là bất ý thì tha không phạt; hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay đốt nhà để hôi của nhà khác thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung ngoài đường cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm lý trưởng trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi lý trưởng phải trình quan khám thực để đem ra trại dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất bỏ xuống hồ ao, ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn, chuồng tiêu ở cạnh hồ ao, hay là ở những chỗ mà nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại. Đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều quá mà cần phải có nhà nước tu bổ mới được thì thủ lộ phải tường hương hội canh phòng đê thì phải chiểu theo nghị định ngày 1 juillet 1917 mà thi hành.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà hại đến đường sá cầu cống chung cả làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường cái công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải xin phép quan cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan xét nghĩ.

Còn đường cái riêng của làng, ai cần tháo nước qua đường, trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi dịch, nếu thủ lộ làm từng năm một thì không được chiểu theo lệ ấy.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12 hội đồng cho mõ rao các chủ ruộng gần ngòi nào phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$ cấm không được giồng giọt (lúa khoai lang khoai sọ vân vân) ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ ứng tắc, ai không tuân phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng, thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn, hoặc cầm cố, bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dầu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ, đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng 4 năm 1894. Cùng điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 tháng 3 năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản, đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ, thì hương hội phải khám xét răn bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm, thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy, dù quan chiếu luật trị tội, nhưng làm mất phong thể làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng, chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai như thế thì không tiện, nay đình giao việc ấy cho tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi ở sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám; khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới hễ ai ốm đau hay bị tai nạn gì, thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thì phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí việc học và cấp lương thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thì ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, mua đất công hoặc tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ - Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a) Cách quân phân riêng của làng xã như là lĩnh trưng ao, hồ, sông còn tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái... vân vân.

Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Làng có ruộng công 13 mẫu, ruộng hậu 4 mẫu, mỗi năm bán đấu giá lấy tiền sung quĩ.

Còn ruộng dầu hương đình 5 sào, giao cho thủ từ cấy để đèn hương đình quanh năm và ruộng đèn hương chùa năm mẫu giao cho nhà chùa để sư cấy, đèn hương chùa quanh năm đều không bán đấu giá sung công. Ai mua ruộng đấu giá phải chịu tiền thuế và tiền lúa sương, khi đã mua được đấu giá rồi, thì tính bắt đầu từ ngày hội đồng đấu giá, hạn trong một tháng hoặc 3 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn, không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cầm lấy ruộng đã bán chương cho người ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng hoặc đã cày cấy giống giọt thì người ấy cũng phải chịu mất quyền lợi ấy.

Ruộng quân cấp của các giáp cộng 197 mẫu 9 sào.

Giáp Nam 46 mẫu 9 sào, giáp Bắc, 75 mẫu 2 sào.

Giáp Đông 25 mẫu 5 sào, giáp Tây 50 mẫu 3 sào.

Xin chiểu lệ mà quân cấp cho nhân đinh 4 giáp.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu?

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bực thứ ba, hôn lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bực thứ 2, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dậy bảo cho tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói, như là; "lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại

nói vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thể hiện đó, xem như tục các nước văn minh đời nay con gái cũng phải cho ăn học như con giai và để dành vốn riêng cho con gái, chứ không lấy tiền của nhà giai ấy, luân lý phân minh là thế, tình tục hay là thế, so sánh với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao? Các điều nhầm lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi các tệ tục ấy cho dễ tuân theo. Vậy các hôn lệ định như sau này:

1. Trong làng con giai từ 18 tuổi con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh bố mẹ 2 bên phải đến tường hương hội biết, để hương hội xét xem 2 người định lấy nhau ấy tuổi có hợp lệ không? Và có ngăn trở điều gì không? Rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày cho ai nấy đều biết, nếu tuổi hợp lệ và không ngăn trở điều gì thì nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong 1 tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn, biện 1 chai rượu và 100 miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không còn phải phí tổn gì với làng nữa. Còn những tục hủ hậu như chăng giây, đóng cửa nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp, làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: (Nói rõ tục lệ, tang lệ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu).

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự đau đớn nào hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, ví

bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không? Chắc giả nhời rằng không. Còn như việc hộ tang cho nhau là cái nghĩa cứu giúp cái nợ đồng lần với nhau, chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hư lưu truyền, thói đời bạc bẽo, khi có việc mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn, lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ, vinh diệu với hương quan, đến nỗi tốn trăm nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế tế tuần nọ, tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì với người chết, mà hại cho người sống gọi là báo hiếu, thế có lạ chưa? Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm, hoặc e miệng thị phi, nhắm chịu là nhắm, đổi không dám đổi, nay nhờ thượng hiếu nhủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thực là tường tỏ. Các tinh tục cực là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo. Chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người, nhưng không đến nỗi thiệt của, kẻ bô xuyết tránh khỏi tiếng xấu, mà lại được tiếng khen, vậy các lệ tang định như sau này:

1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ đem mai táng, nếu chết về mùa hè hay bệnh truyền nhiễm thì trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phải nhà tang chủ đến tường hương hội, hương hội xem tang chủ nộp lệ nào liệu mà cắt chấp hiệu, đô tùy và các đồ tang nghi đi tống táng, các lệ ấy phân biệt như sau này:

Thượng lệ 6,00$ - 2 người chấp hiệu cắt vào ban tộc biểu.

20 người đô tùy cắt trong giáp nhà tang chủ.

Trung lệ 3,00$ - 2 người chấp hiệu 16 người đô tùy.

Ha lệ 1,00$ - 1 người chấp hiệu 12 người đô tùy.

3. Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết, thì chỉ vái 3 vái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng hay ở dưới người chết phải lễ 2 lễ, để tỏ lòng thương xót lễ kính trọng của làng đối với vong nhân. Về phần tang chủ phải đem tất cả anh em, dâu rể, con, cháu, nội, ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ, không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích tiền công, giao cho mua ván và cắt tống táng cho người chết ấy, lại trích 1,00$ để chi tiêu giầu nước cho tuần tráng khi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng, làng đối với nhà tang chủ 2 bên hoàn toàn không còn thiếu nhẽ gì nữa, ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc sự tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất thứ vị ở đình trung trong hạn 100 ngày.

Chỉ có sau khi an táng trong hạn 100 ngày, tang chủ muốn đãi chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường, thời tùy ý không ai cấm.

6. Làng nên chọn một khu đất công, cao ráo, sạch sẽ, chung quanh giồng cây để làm nơi nghĩa địa, không nên mê hoặc phong thủy, tìm chỗ này chỗ khác đã vô ích mà hại thêm.

Những tiến lệ khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng - tiền khao vọng lão... vân vân mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc lệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng ấy mới có thứ vị, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng; các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khích khuyến cho kẻ sau, suy hạng lão 70

tuổi giở lên sự hi vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông mong vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất tiền thêm một món, thì trước là trái nghĩa thương xỉ, sau nữa người ta khó theo. Vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn. Đến như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ ăn ngồi, lẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm giở lên khao vọng 50,00$

Văn ngũ lục phẩm, võ tứ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân khao vọng 40,00$.

Văn thất phẩm, võ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp 20,00$.

Văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm thi sai, chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó trưởng, nghị hội viên, chánh phó hương hội chưa có vị thứ 15,00$.

Lý phó trưởng, thủ quĩ, thư ký, thủ bạ, tộc biểu chưa có vị thứ cùng những người vị thứ bằng lý trưởng 12,00$.

Phó lý trương tuần, quản bộ, quản thu, tiểu học tốt nghiệp cùng những người vị thứ bằng phó lý 10,00$.

Trùm trưởng và hương trưởng vọng 10,00$ - nhiêu 10,00$ - thôn trưởng 10,00$ - hương lão 55 tuổi 10,00$; 60 tuổi giở lên phải sửa 100 khẩu giầu yết thần và tường hương hội biết mà thôi.

Ngôi vị thứ

Phó lý cựu 10,00$, hương trưởng 10,00$, trùm trưởng 10,00$, các vị thứ phải nộp lệ trên này kể bắt đầu tự ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ cho người ấy đi và trình quan trên xét xử.

Tế tự

Điều thứ 76: Tu tiến lễ vật

Việc sửa lễ - vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình, bán vị thứ... vân vân.

Nguyên Đán, xuân tế, tế Thanh Minh, Đoan Dương, Hạ Điền, Thượng Điền, Thường Tân, Trùng Thập, Giao Thừa, xôi mới, cộng 10 tiết mỗi tiết lễ xôi, gà, giầu, rượu 3,00$, cộng 30,00$.

Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần oản, quả, giầu, rượu 1,00$ - cộng 24,00$.

Ba lễ sinh hóa (mùng 7 tháng Giêng, mùng 7 tháng 3; 11 tháng 8) và ngày 30 tháng 11 mỗi lễ xôi, lợn 12,00$ - hợp cộng 48,00$.

Mùng 6 lễ tháng Giêng vào đám và mùng 9 lễ đăng quang mỗi lễ xôi, lợn 15,00$, hợp cộng 30,00$, đồng niên hương lão xuân thu hai tiết 13,00$.

Xuân tế văn chỉ lễ phẩm cộng 5,00$.

Mùng 8 tháng Giêng và mùng 10 tiến cỗ chay, mỗi lễ 5,50$ cộng 11,00$. Tổng cộng 161,00$.

Đệ niên xuân tế văn chỉ đã có tiền lợi tức của hội tư văn để sửa lễ. Không phải chi tiền công quĩ.

Vị thứ - Đình trung vị thứ chia làm 4 dòng

Dòng thứ 1 - Văn võ tự cửu phẩm giở lên. Pháp học khoa mục tư trung học giở lên.

Dòng thứ 2 - Hương lão tự 55 tuổi giở lên.

Dòng thứ 3 - Chánh phó tổng nghị hội viên, chánh phó sưu thuế, thủ quĩ, chánh phó lý.

Dòng thứ 4 - Thư ký, thủ bạ, tộc biểu, phó lý cựu hương trưởng, trùm trưởng thứ đến sắc mục thôn trưởng nhiêu.

Các phẩm hàm nhà nước cho quyên cùng các vị thứ được phép bàn, cứ đối chiếu phẩm trật cùng vị thứ trong các dòng mà ngồi, không có phân biệt.

Những người tộc biểu trước kia không có chức phận chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng, hay tiền mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Bán vị thứ - Khi làng cần phải bán vị thứ gì phải trình thủ hiến tỉnh cho phép mới được.

Kỳ hậu đồng niên có 12 kỳ hậu: 3 kỳ hậu mỗi kỳ sửa lễ vật 5,00$ - và 9 kỳ hậu mỗi kỳ 2,00$ 0,50$

Tổng cộng 37 đồng 0,50$.

Thừa sao bản chính

Le lý trưởng — Le thư ký

Le tộc biểu

HƯƠNG ƯỚC THÔN THỌ ĐA

Tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Phúc Yên le 29 Mars 1933

Le tuần phủ

Ký tên và đóng dấu

Vu et approuvé

Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh khoán ước thuở trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định mà thi hành.

Điều thứ 2: Bổ sưu thuế nhà nước, khi lý trưởng tiếp giấy quan phát chỉ bài thì phải tường hương hội mà tính bổ, sưu thuế đã có ngạch của nhà nước. Hương hội cứ theo trong bài chỉ mà bổ, trong sổ bổ phải biên rõ người nào có bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hồn, khi bổ xong thuế thì giao

cho hành thu rồi lý trưởng đem nộp vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận vào tờ biên lai ấy lấy ở quyển phái lai của nhà nước phát. Trong sổ bổ kê những khoản gì thì tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế và những người nào thiếu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 3: Sự kiện cáo trong 1 tháng hương hội có thường hội đồng 2 kỳ là ngày mồng một và ngày 15, từ 8 giờ sáng đến 11 giờ ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền xin bẩm sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự thương sự mà kiện cáo trước hết phải tường hương hội hoà giải.

Khi chánh hương hội tiếp trình thời phải lấy nhẽ chính đáng mà hoà giải cho 2 bên, nếu hoà giải xong thời hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký vào biên bản ấy rồi lý trưởng phải đem biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Việc hoà giải không xong hương hội cũng lập biên bản lưu chiểu. Hương hội vi nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án thì người thua kiện phải chịu tiền phi tổn.

Điều thứ 4: Việc canh phòng trong làng và ngoài đồng.

Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, các sắc binh, các chức sắc khoa mục, học trò đang đi học các trường và người có bệnh tật, còn người làng từ 18 tuổi giở lên, đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, bao giờ đến chân lão nhi thì thôi, người nào đi vắng hoặc bận việc không đi canh được, có thể nhờ bà con hay gia hộ canh thay. Nếu xảy ra việc gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu trách nhiệm, cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Làng cử một người trương tuần và 10 người tuần tráng kiêm nội ngoại, khi thường thì trương tuần phải đốc suất tuần tráng canh phòng trong làng và ngoài đồng, khi trong làng có động hiệu thì tất

cả ban tuần và đinh tráng trong làng phải đến ứng cứu ngay và ban tuần phải cắt lượt nhau trông nom đình chùa các sở.

Những khi giới để canh phòng như câu liêm, giáo mác, gậy, làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng, nếu ai đánh mất hay làm gẫy cái gì thì phải chiểu giá mà đền ngay.

Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điểm ai có phương trở phải mượn người đi canh thay. Nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu hương hội phạt mỗi lần 0,10$, lần thứ 3 sẽ phải giải lên toà án xét.

Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh làng để cho kẻ gian phi khỏi vào chứ không được nằm ở điếm.

Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì trương tuần và tuần phiên đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ. Trong khi sự chủ mất trộm cắp thì hương hội phải đến khám xét xem thực mất những gì đáng giá bao nhiêu, kê vào biên bản cho thực phân minh, khi các điền chủ nộp tiền thế cho lúa sương thì hương hội trích tiền ấy đền cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ trừ đi, nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để khấu kỳ sau, hoặc lại còn thiếu trách cứ trương tuần ban ấy phải nộp đền vào công quĩ cho đủ chứ không nên trách cứ tuần phiên phải bồi cho sự chủ mà thôi, thành ra không có sự thực, còn như có cướp phát lớn mà ban tuần cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét ban tuần không chịu hết lòng cứu ứng để đến nỗi phải mất, thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ thì bắt giải trình quan xét.

Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo không được làm. Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép hương hội và lý phó trưởng.

Tuần tráng coi đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hỏng thì phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Tuần trông coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ, nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Những người tháo nước đơm cá cho ruộng bị cạn, tuần phải bắt giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$. Nếu tuần đong túng để nước cạn thì hương hội bắt phạt tiền như người phạm ấy, trừ ra khi nào không chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Lúa má hoa mầu ngoài đồng tuần canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Người trong làng ra ăn cắp lúa má, hoa mầu ngoài đồng tuần phải bắt được tường hương hội phạt giao cho tuần phiên bắt quét đường sá trong làng một tuần lễ, lần thứ 2 cũng thế, lần thứ 3 bắt giải trình quan nghị phạt.

Không kể nội canh hay ngoại canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,60$ nộp làm hai kỳ, một kỳ tháng năm, một kỳ tháng mười, tiền ấy thể cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến vụ gặt thì điền hộ nộp điền mẫu thay cho lúa sương. Còn trương tuần đã có danh vọng thì không được ăn lương.

Điều thứ 5: Trừ gian lậu.

Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện, gá bạc lấy hồ, thì hương hội phải kiểm soát răn bảo luôn trong làng để trừ gian lận.

Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên lai để giải quan trừng trị.

Điều thứ 6: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội, vì làm mất phong thổ làng, mà phải phạt tù một tháng giở lên và những người làm việc không hết bổn phận, thì hương hội phạt không được dự đình trung tế tự và không được vị thứ đình trung.

Điều thứ 7: Sự học hành

Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo, làng có số ruộng học điền là 1 mẫu 7 sào 10 thước đem cấp lương cho thầy giáo để cho trẻ con trong làng đến học.

Điều thứ 8: Ngụ cư và ký táng.

Những người khác làng đến làm con nuôi, không được mua ngôi thứ đình trung và đời con, đời cháu cũng thế đến đời thứ tư mới được mua ngôi thứ đình trung.

Mới vào làng phải nộp vọng là 10,00$, đến khi thành đinh mới được ăn phần ruộng quân cấp của làng.

Điều thứ 9: làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi, trừ ra những người cư ngụ tạm thời còn những người có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 10: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, tiền mua đất công hoặc tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Điều thứ 11: Trong điều này phải nói rõ từng khoản.

Làng có công điền là 95 mẫu 9 sào 7 thước 3 tấc, đem 65 mẫu 2 sào 7 thước 2 tấc để quân cấp cho dân đinh từ 18 tuổi giở lên ai ai cũng được phần ruộng quân cấp ấy.

Còn 30 mẫu 7 sào 1 tấc để chi tiêu các khoản sau này.

Số ruộng hương đăng ở đình 3 mẫu 10 thước 7 tấc giao cho người thủ từ cấp số ruộng ấy, hương đăng nhật dạ ở đình và dầu đèn để đốt các tiệc Kỳ Phúc, mà không phải bổ phụ tiền thêm như trước, cứ đệ niên đến ngày 15 tháng 11 An Nam những người từ 50 tuổi giở lên đến 60 tuổi là qua thời sinh dục phải lên đình xin âm dương, nếu ai được, đến ngày mồng một tháng 12 phải sửa một lễ

kẻ sung giấu rượu ước 1,00$ làm lễ thần để nhận việc còn lễ ấy lý dịch đều quân huệ.

Số ruộng chùa 3 mẫu, 4 sào 5 thước giao cho người cùng chùa, cấp... ấy để sửa sang hương đăng sóc vọng các tiền và thường nguyên ở chùa không phải bổ thêm tiền gì nữa.

Số ruộng sóc ở đình 1 mẫu 8 sào 1 thước giao cho 12 người hương dịch cấp số ruộng ấy để sửa sang sóc vọng quanh năm ở đình, mỗi tuần phải 0,30$ rượu, 40 miếng cau, 30 quả chuối tiêu, chè 5 đĩa oản một mâm ước nửa nồi gạo.

Số ruộng sóc ở văn chỉ 1 mẫu 1 sào giao cho các hương hội tế lão luân chuyển cấp số ruộng ấy, sửa sóc vọng quanh năm ở văn chỉ, mỗi tuần phải 0,30$ rượu, 40 miếng cau, rượu 0,15$, chuối 30 quả, chè 5 đĩa, oản một mâm ước nửa nồi gạo.

Số ruộng cỗ chay ở đình 1 mẫu 1 sào 8 thước 3 tấc giao cho hương dịch luân canh, số ruộng ấy để sửa mỗi năm 3 tiệc cỗ chay ở đình, ngày 5 và ngày mồng 7 tháng Giêng mỗi tiệc phải sửa 100 miếng cau, (...) quả cam sành, chuối tiên 50 quả, chè 10 đĩa, rượu cúc 2 chai, bánh dầy 6 cân ước 3 nồi gạo, ngày 13 tháng 10 phải sửa 100 miếng giầu, rượu cúc hai chai, chuối tiêu 50 quả, chè 10 đĩa, bánh chưng đường hai cân ước 1 nồi gạo, bánh dầy 4 cân ước 2 nồi gạo.

Số ruộng mã ở đình 9 sào 9 thước 2 tấc giao cho hương dịch luân canh lấy tiền để mua đồ mã hai tiệc ở đình là 15,00$.

Số ruộng tiến tân ở đình 6 sào 7 thước 5 tấc, giao cho hương dịch luân canh số ruộng ấy, tiệc cơm mới phải sửa cơm một cân ước nửa nồi gạo, xôi một cân ước nửa nồi gạo, cau 40 miếng, chuối 30 quả ước 0,30$, thịt lợn 1,20$, đương thời đều quân huệ.

Tiệc xôi mới phải sửa cau 100 miếng, chuối tiêu 50 quả rượu (...), hồng 40 quả, xôi 4 cân ước 2 nồi gạo, thịt lợn 3,00$, đồng dân làm lễ quân huệ.

Số ruộng hậu ở đình và ở chùa 2 mẫu 1 sào 10 thước giao cho hương dịch luân canh làm chín tiệc hậu, mỗi tiệc hậu phải sửa vàng

(mười) một nghìn thoi, cau 40 quả, chuối 35 quả, chè 10 đĩa, rượu 0,30$, cơm tẻ 0,10$, xôi 1 cân ước nửa nồi gạo thịt lợn 1,50$, nguyên có 1 tiệc hậu mồng một tháng Tư phải mua 100 miếng cau để chức dịch đến lễ sức nhà trưởng.

Số ruộng bản lệnh ở đình 2 sào 4 thước giao cho thợ kèn cấy số ruộng ấy để thổi kèn tế thần quanh năm.

Số ruộng thượng thọ 3 sào 6 thước 7 tắc biếu các hương lão được 70 tuổi giở lên là bậc xỉ tước, mà phải khao đồng dân một tiệc thời được cấy số ruộng ấy, ai không khao được thì không được cấp số ruộng ấy, hoặc có 5 người hay 3 người mà đều khao được thời chia đều cày cấy.

Số ruộng kỳ tại đồng Cổ Nhuế thuộc xã Đa Lộc là 14 mẫu để chi các tiệc Kỳ Phúc quanh năm ở đình.

Tháng Giêng ba ngày tết Nguyên Đán 5,00$.

Tiệc sinh nhật 5 ngày là 50,00$.

Ngày 20 tháng Giêng lễ Kỳ Yên 30,00$.

Mồng 8 tháng 4 lễ hạ (...) 2,00$. Mồng 8 tháng 5 lễ Hạ Điền 2,00$.

Mồng 1 tháng 7 lễ Thượng Điền 2,00$.

Tiệc Khánh Hạ ở miếu ngày 11 và ngày 12 tháng 8 là 20,00$.

Lễ trung thu 2,00$ – tiệc hoá nhật 13 tháng 10 ba ngày là 30,00$.

Xuân thu tế đình ở văn chỉ là 20,00$.

Lễ tống tùng hai lần là 6,00$.

Lễ chạp chùa ngày 13 tháng Chạp là 3,00$

Tổng cộng chi về việc tế tự này lấy tiền ở số ruộng kỳ tại 14 mẫu không phải bổ bán gì cho dân đinh.

Hôn lễ thuyết

Điều thứ 12: Hôn lễ thuyết: trước khi sắp làm lễ vấn danh, cha mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết để hương hội xét xem người định lấy nhau có hợp lệ không và có điều gì ngăn trở không, rồi

yết thị ra đình cùng sở hội đồng trong 10 ngày cho ai ai đều biết, nếu tuổi hợp và không có điều gì ngăn trở thì nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

Người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn, biện 1 chai rượu, 100 giầu ra đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu ấy những người hương hội có mặt tại đình quán huê.

Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 5,00$.

Tang lễ thuyết

Điều thứ 13: Nhà nào có đám ma, phải sửa 100 miếng giầu đến hương hội, hương hội xem nhà tang chủ nộp vào lệ nào, liệu mà cắt hiệu, đô tuỳ và các đồ tang nghi đi tống táng, các lệ ấy phân biệt ra thượng lệ 6,00$ ba người chấp hiệu 50 người đô tuỳ cắt vào công dân. Trung lệ 3,00$ hai người chấp hiệu 30 người đô tuỳ cắt vào công dân. Hạ lệ 1,00$ một người chấp hiệu 20 người đô tuỳ cắt vào công dân. Khi tang gia đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ rồi thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ hai bên hoàn toàn không còn thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai thế lực, mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống, sự tiền nong, hương hội xét thực phạt từ 1,00$ và truất ngôi vị đình trung, hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng, nhà tang chủ nếu muốn đãi chấp hiệu và đô tuỳ một bữa cơm thường thì không cấm.

Khao vọng thuyết

Điều thứ 14: Những tiền khao vọng mỗi thứ tiền này kê riêng từng mục: văn tứ phẩm ấn quan dĩ thượng, võ tam phẩm thực chức dĩ thượng khao vọng 50,00$.

Văn tứ ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học khoa mục, tiến sỹ, cử nhân 40,00$.

Văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng 30,00$.

Văn bát phẩm, võ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng 20,00$.

Ai làm chánh phó tổng phải khao đồng dân một tiệc và phải vọng 15,00$, khi làng có tiệc giết lợn thì làng biếu một cái chân lợn và một khẩu giầu, nếu không khao vọng được thì làng không biếu.

Ai làm lý phó trưởng, thư ký, trưởng bạ, thủ hạ, trương tuần quản xã phải khao đồng dân một tiệc và phải vọng 10,00$.

Ai làm chánh phó hội, thủ quĩ, tộc biểu chân trắng không phải khao đồng dân, nhưng phải vọng 10,00$, mới được dự vào ngôi hương ẩm, đến khi mãn khoá thì thôi cũng như người giai đinh vậy, còn những người đã có danh vọng trước mà ra làm những chân ấy thì không phải khao vọng nữa, nhưng phải sửa lễ thần đáng giá 2,00$, lễ xong biếu lại chức dịch.

Ai đến 50 tuổi thì ngày 15 tháng Giêng phải sửa lễ vọng ngôi hương lão ở văn chỉ, gà 1 con đáng 0,60$, rượu 0,30$, cau 0,10$.

Ai đến ngôi hương dịch phải sửa lễ vọng ngôi hương dịch gà 1 con đáng 0,60$, rượu 0,30$, cau 40 miếng, chức dịch đều quân huê, người nào có danh vọng trước ở làng thì phải vọng 3,00$ còn người nào chân trắng phải vọng 6,00$.

Ai đến ngôi lênh nhì phải sửa lễ thần, gà 1 con đáng 0,60$, rượu 0,30$ cau 40 miếng, tiền vọng 0,50$.

Ai từ bé bỏ làng đến già mới về làng đóng góp mấy làng phải vọng 3,00$ mới được dự vào ngôi hương ẩm.

Ngôi xã nhiêu phải vọng mỗi tuổi là 0,40$, khi đến 18 tuổi giở lên các tiệc sự thần mới được dự đình trung tế tự, ai không vọng thì phải chu niên sự thần phải chịu khiêng chiêng trống không được dự đình trung tế tự.

Điều thứ 15: Cứ tiền lễ vật đã có 12 người hương dịch.

Việc sửa lễ đã có 4 người lênh nhì.

Điều thứ 16: Vị thứ đình trung chia làm 5 dòng:

Dòng thứ nhất, kỳ lão 70 tuổi giở lên thứ đến 50 tuổi giở lên.

Dòng thứ hai, các người có phẩm hàm, chánh phó tổng, nghị hội viên.

Dòng thứ ba, những chức dịch đương thứ.

Dòng thứ tư, những người làm việc đã từ dịch.

Dòng thứ năm, những giai đình và những người làm việc phải bãi dịch hoặc cách dịch.

Bán ngôi thứ

Điều thứ 17: Khi làng có tu bổ các công sở cần phải bán ra thứ gì phải trình các quan tỉnh cho phép mới được bán.

Bán ngôi xã cựu vị thứ theo như phó lý của làng lấy 10,00$ và chiết can không phải sửa rượu lấy 50,00$.

Bán ngôi hậu 60 đồng và chiết can khao vọng 50,00$.

Việc tả văn

Điều thứ 18: Việc tả văn và tế chủ ở đình ở miếu không có khoa mục giao cho lý phó trưởng, tả văn và tế chủ thì làng biếu 1 cái thủ, vĩ lợn và một khẩu giầu, hoặc có tang từ 5 tháng giở lên thì việc ấy tạm giao cho hương dịch, nhưng người phải có chân kỳ cựu, thì cái vĩ lợn lại giao cho người tế chủ ấy.

Việc bồi tế, những người hương dịch chân trắng phải vào bồi tế không được từ cáo.

Việc tế thần

Điều thứ 19: Những người có chân xã nhiêu từ 18 tuổi giở lên mới được làm lễ tế thần, nhưng phải có hia, mũ, áo. Những ngày tế có giết lợn thì làng biếu lại một cái sỏ lợn để những người đi tế đều quân huệ.

Từ ngày vào tiệc cho đến ngày mãn tiệc, ngày nào cũng phải đi tế nếu phương trở việc gì phải có giầu cảo, nếu không có nhời cảo thì hương hội phạt mỗi ngày 0,10$, mà sau không được đi tế nữa.

Còn ai đi làm lễ thì ăn uống, không đi thì thôi.

Điều thứ 20: Kể từ ngày thi hành khoán ước này các điều gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 21: Trong làng ai trái những khoán ước này thì hương hội tuỳ tình nhẹ nặng nhẹ mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 22: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần, thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân nghe.

Điều thứ 23: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước, lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lề luật của quan trên nữa.

Điều thứ 24: Quyển hương ước này phải có chữ các người chức dịch ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y rồi làm thành ba bản.

Thọ Đa le 29 Aout 1942

Thừa sao y như chính bản.

Le thư ký

HƯƠNG ƯỚC XÃ THỨ LÂM

Huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế (...), khoản lệ thuở trước điều nào dở thời đổi, điều nào hay thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng

Thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều 14 ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 thì các tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 km thì không được tiền lộ phí.

2. Khi phải đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày lên tỉnh 0,80$, lên huyện 0,40$. Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá

hai ngày, khi lên phủ hay huyện cả khứ hồi không được quá hai ngày, đốc bổ sưu thuế mỗi ngày 0,30$, mỗi vụ không được quá 5 ngày, đi lại trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921, về việc chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời dân, khi có việc tang, khi thăng bổ hàm chức, ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ trong hương ước này thì ngoại ra không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thì không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ sem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị phải cho mõ đi rao cho công chúng đều biết.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì các tộc biểu phải hành thu, giao cho lý trưởng để nộp vào kho bạc, lý phó trưởng người nào việc ấy phải hành thu mà đem nộp vào nhà kho bạc.

Điều thứ 12: Thu tiền gì phải biên nhận bằng phái lai, tờ biên lai ấy ở quyển phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ là những khoản gì thì ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12a: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp năng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay về thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải cho yên, trong một tháng có mở hội đồng hai kỳ, mồng một và ngày rằm, từ 8 giờ đến 10 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội như là lĩnh tiền, nộp tiền xin biên vào sổ sinh tử giá thú, hay muốn hỏi điều gì cứ ngày ấy đến sở hội đồng mà tường.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai thời phải trình, hương hội lấy lẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thời lý trưởng, hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký kết vào biên bản ấy, rồi lý trưởng sao biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều ký kết vào biên bản ấy rồi lý trưởng sao biên bản trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hoà giải không xong thì làm biên bản lưu chiểu, nếu hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng, thời ai thua phải chịu phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hoà giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội xét biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ gìn tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đương làm việc các sở, người chức sắc khoa mục, đang đi học trường và có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi canh được thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, còn không được nộp tiền và không được cắt như nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm bốn ban, mỗi ban canh ba tháng hay 6 tháng hoặc một năm, mỗi ban bầu một người trong ban làm đốc canh, khi trong làng có cướp phát thì tất cả trong ban canh nghe động hiệu, phải đến ngay với ban canh đương thứ. Làng cử một người trương tuần và 16 người tuần trong thôn Mạnh Tân 7 người, thôn Hương Trầm 4 người, Cổ Miếu 3 người, Biểu Khê 2 người, chia làm 4 ban, những trương tuần và tuần tráng làm ban tuần nội, những trương tuần và tuần tráng làm ban tuần ngoại, ai mười ngày đổi tuần nội ra tuần ngoại (...) mà tuần nội và tuần ngoại. Khi có động hiệu tất cả các ban tuần và đinh tráng trong làng phải đến ứng cứu ngay, trương tuần và tuần tráng hạn ba năm là một hạn, lại phải bầu lại, nếu người cũ bằng lòng làm một hạn nữa mà hương hội thoả thuận mới được.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như cu liêm, gậy, giáo, thời làng trích tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao giả làng. Nếu ai đánh mất hoặc làm hỏng cái gì thì phải đền.

Điều thứ 22: Tuỳ làng nhớn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, có bốn điếm canh làng trích tiền công chi phí tổn lập điếm.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh, cứ gần tối thời nổi hiệu trống mà gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở ngại, mượn người đi canh thay, đi canh nếu bỏ không canh thì hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thì sẽ giải lên toà án xét phạm về tội, khoản thứ hai điều 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần phải đi tuần luôn chung quanh làng để cho cướp khỏi vào chứ không được ngồi luôn ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì được thưởng 1,00$, bắt được đứa cướp thì làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm thì phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ. Khi cướp phát tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thì tuần không phải chịu trách nhiệm, trong khi sự chủ mất trộm hay mất cướp, hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu ghi vào biên bản cho thực phân minh, đến khi các điền hộ nộp lúa sương, hương hội sẽ trích tiền ấy đền cho sự chủ. Đến khi phát lương cho ban tuần phiên ấy sẽ khấu từ đi, chứ không nên chỉ trách tuần phiên phải đền mà thôi thành ra không có sự thực, còn như việc cướp phát to mà tuần phiên cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, trừ ra xét được ban tuần nào không chịu cứu ứng để đến nỗi mất cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài làng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là tuần tráng 4 thôn ban tuần ngoài đồng đồn điền. Khi ngoài đồng có động hiệu thì

cả các ban tuần tráng trong làng phải ra ứng cứu ngay. Khi ngoài đồng không có lúa má hoa mầu, chỉ trích tuần tráng một thôn 3 người theo trương tuần ngoài, tối nào cũng đi luôn các đồng và các đồng điền của làng, còn lại hợp các ban tuần nội đi luôn canh trong làng.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khoẻ, trương tuần và tuần tráng phải ký vào hai bản danh sách canh phòng, một bản giao lý trưởng trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có cái biển kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo các quyền phép của các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm huỷ tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ, nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá, làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội thì mới dùng cách phạt.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần, không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu là 0,50$, tiền ấy chia làm hai thứ, một thứ tháng 5 một thứ tháng 10, tiền ấy thế cho lúa sương mà trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày vụ gặt, thì điền chủ phải đem nộp lúa sương cho thủ quĩ, làng trích tiền công qũy mà cấp lương cho tuần tráng (...) đoàn mỗi người đồng niên 12,00$, tuần tráng đồng niên mỗi người 12,00$, thủ quĩ đồng niên 6,00$, thủ bạ

đồng niên 5,00$, lý trưởng đồng niên 24,00$, phó lý đồng niên 12,00$, thư ký đồng niên 12,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thì phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hoả tai cướp bóc, hay người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu, hương hội xét thiếu phạt từ 0,20$ đến 0,50$. Sự cứu hoả cần phải có đồ chữa, nếu tay không chạy đến, dẫu trăm nghìn người cũng vô ích, làng trích tiền công sắm lấy 20 cái cu liêm sắt, để ở điếm canh phòng khi đi cứu và mỗi nhà sắm lấy một cái ống vẩy nước để khi nghe chỗ nào cháy thì của ai người ấy đem đến vẩy nước chữa, nếu xét thực nhà nào không có phạt 0,50$, còn các nhà bị cháy hương hội đến xét hỏi sự từ đâu hay duyên cớ gì, nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà làm hại người ta, hay đốt nhà để hỏi của thì hương hội bắt giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến chết làng cấp tiền tuất 20,00$ và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người được mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế phải hiểu bảo người làng phải giữ gìn nhà và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vứt uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí ra cạnh đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được để ở làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng trâu ở cạnh hồ ao, hay là những chỗ để bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá cầu cống đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại. Đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc, đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thì thủ lộ phải tường hương hội để trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội tháo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng.

Mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12 hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không ai được giồng giọt (lúa, khoai lang, khoai sọ v.v...) ở bên trong bờ ngòi, sông, như thế sông ngòi dễ ùng tắc, ai không tuân sẽ phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa (...). Trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã, nghĩa là không được phép quan trên thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong. Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được.

Việc cấm bán công điền, công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2, niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược, ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 thì cấm hẳn. Nhưng quan trên cũng có thể có đặc cách mà có thể cầm bán được. Như vậy và cốt là khi làng có động sản hay bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị trước cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được nhưng hương hội làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ, thời hương hội phải xét báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm, thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Người phạm ấy thì dù quan chiếu luật trị tội nhưng vì mất phong thổ làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 63: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu khi có ai đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai như thế thì không tiện, nay đình giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho ổn thoả.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thì phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thì ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký tảng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ ở trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư lâm thời, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký tảng ở đồng điền của làng, dù đã mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 4,00$, mua đất làng hoặc công hoặc tư đều nộp 0,400$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quân điền thổ

Điều thứ 72: Làng có 4 thôn ruộng của công là thôn Mạnh Tân xứ Tâm Bi 8 mẫu đồng niên đấu giá làm của công làng để chi về việc mồng 7 tháng Giêng, 15 tháng 2, mồng 10 tháng tám, thôn Mạnh Tân có 3 mẫu 5 sào ruộng công, mười mẫu ruộng lĩnh 1 mẫu 2 sào ruộng hậu để đấu giá sung quĩ còn 1 mẫu tư điền và 1 mẫu miếu là ruộng công chúa, giao thủ từ cày cấy hương đăng đồng niên; 5 mẫu ruộng chùa thì giao cho sư cày cấy để chùa hương sóc vọng và sửa sang việc chùa chứ không đem bán đấu giá.

Thôn Hương Trầm có 3 mẫu ruộng linh, 4 mẫu ruộng hậu để đem đấu giá sung quĩ, còn một mẫu giầu hương giao thủ từ cấy, một ruộng chùa giao nhà sư cấy để đèn hương quanh năm chứ không bán đấu giá sung quĩ. Thôn Biểu Khê có 3 mẫu ruộng công, 3 mẫu ruộng hậu, đem đấu giá sung quĩ còn 1 mẫu 5 sào ruộng chùa giao cho sư cày cấy đèn hương chứ không đấu giá. Thôn Cổ Miếu có 3 mẫu 7 sào ruộng công đem đấu giá sung công, còn 1 mẫu ruộng chùa giao nhà

chủa cày cấy chứ không bán đấu giá; những ruộng đấu ấy ai đã mua được rồi thì tính từ ngày hội đồng bán đấu giá, hạn trong một tuần lễ phải đem nộp công quĩ cho đủ. Nếu ai để quá hạn không những là trái hương hội mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hội đồng sẽ cầm lấy ruộng, đã bán chương cho người ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử. Còn như ruộng đã cày cấy giồng giọt, hồ ao hoặc đã thả cá, cấy rau người ấy cũng phải mất lợi quyền ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 37: Nói rõ lễ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu, ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, mà lễ hôn của gia tộc thì trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước đặt ra hôn luật để phòng giữ cái điều nhầm dại, thánh hiền có để lại lời chính đáng dây bảo cho tuân theo, ức như phương ngôn nói "lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền thể cách đức hôn, lại nói vợ chồng như đũa có đôi mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là thể hôn.

Xem như các nước văn minh, đời nay con gái cũng cho ăn học như con trai và để dành vốn riêng cho con gái, chứ không nước nào đem con gái gả bán lấy tiền của nhà trai, ấy luân lý hơn là thế, tinh tục hay hơn là thế, so sánh phong tục của dân ta ngày nay thì sao, cái điều nhầm dại không kể xiết được, phần thì trái lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc. Nay nên sửa đổi hết các lệ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này:

1. Trong làng con trai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh (tức là lễ hỏi) bố mẹ hai bên tường mấy hương hội để xét xem hai người định lấy nhau ấy tuổi có hợp lệ không, hay không có điều gì ngăn trở gì thì nhà trai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn hạn 1 tháng là cùng người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn sửa 1 chai rượu, 100 miếng giầu ra lễ thần rồi nói với

hương hội biên vào sổ giả thú, giầu rượu ấy hương hội có mặt tại đình quán huê.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là lễ hôn đủ không phải phí tổn mấy làng chi nữa. Còn khi những tục trong dân đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn bằng sự tử táng, trong làng, xem không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vì bằng nhà ai gặp cảnh ngộ ấy giết trâu, giết lợn mời dân làng thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không? Chắc trả lời rằng không, trong làng mình có người nào gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng trả lời rằng không. Còn như việc hộ tang cho nhau là sự cứu giúp nợ đồng lần, chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hủ lưu truyền, thói đời bạc bẽo, khi có việc làng bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay nhớn lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh diện với hương quan đến nỗi tốn trăm, tốn nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì cho người chết lại làm hại đến cho người sống gọi là báo hiếu thế có lạ chưa. Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi nhầm thực là đổi không dám đổi.

Nay nhờ thượng hiếu rủ lòng thương dân, nhời giải thuyết thật là rõ ràng, các tinh tục thực là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu thiệt người không đến nỗi thiệt của, kẻ bỏ xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà được tiếng khen.

Vậy các lệ tang định như sau này:

1. Khi ai chết về mùa đông hay là không phải bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, về vụ hạ hay bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 24 giờ phải đem chôn.

2. Nhà nào có tang phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phái nhà tang chủ để tường hương hội, xem tang chủ nộp lệ nào, làng liệu mà cắt chấp hiệu và đô tuỳ và các đồ tang nghi mà tống tán, lệ ấy phân biệt như sau này:

- Thôn Mạnh Tân thượng hạng 15,00$ (3 chấp hiệu 16 đô tuỳ). Trung hạng 10,00$ (3 chấp hiệu 12 đô tuỳ). Hạ hạng 5,00$ (2 chấp hiệu 12 đô tuỳ).

- Thôn Hương Trầm thượng hạng 10,00$, trung hạng 6,00$, hạ hạng 3,00$ chấp hiệu đô tuỳ cũng như trên.

3. Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thương ấp hạ bái (nghĩa là trong đám chấp hiệu, đô tuỳ ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì bái 3 vái, còn vị thứ và tuổi ngang bằng với người chết thì lễ 2 lễ, để rõ tình thương xót lễ kính trọng của làng thôn mấy vong nhân, về phần tang chủ tất cả anh em, dâu rể, con cháu nội, ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết nghèo khó không có ai trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích 3,00$ công giao cho tộc biểu mua ván và cắt tuần tráng đi tống táng, lại trích 1,00$ chi tiền giầu nước cho các người làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp tiền lệ cho làng mà biên vào sổ tử rồi thế là tình tang chủ đối với làng 2 bên ven toàn không thiếu chi nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu tang chủ về sự ăn uống, tiền nong hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung trong hạn 100 ngày, chỉ có sau khi an táng, nhà tang chủ có muốn đãi những người đô tuỳ và chấp hiệu một bữa cơm thường thì tuỳ ý, không cấm, đến như người lão nào 55 tuổi giở lên bất hạnh mệnh một dân mới có lễ điếu 1,00$, 1 đôi câu đối.

Những tiền lệ khác

Các quan có sắc mệnh các viên có phẩm hàm triều đình và kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy có ý định rõ ra rằng: Các bác đạt tôn cũng lấy vị thế đình trung làm trọng để làm gương khuyến khích cho kẻ sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên, sự hi vọng ở trên đời thì ít chỉ trông nom về con cháu thì nhiều. Nếu cứ sống thêm một tuần lại mất tiền thêm 1 năm, thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo. Vậy lệ khao vọng tiền nên miễn trước là hơn.

Còn như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng, mấy mua được chỗ ăn ngồi, lẽ ấy công bằng lệ này minh bạch, văn tứ phẩm ấn quan, vũ tam phẩm giở lên 50,00$.

Văn ngũ lục phẩm, vũ tứ ngũ phẩm Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân 30,00$.

Văn thất bát phẩm, vũ lục phẩm, Pháp học tú tài cao đẳng 30,00$.

Hạ thì sai chánh phó tổng thưởng hàm, chánh phó lý vọng 30,00$. Các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng các viên chức dự vào văn giai, cứ chiểu theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng.

Văn cửu phẩm, vũ bát cửu phẩm, lý trưởng, nghị hội viên, chánh phó hương hội chưa có chân tư văn vọng 15,00$ có chân tư văn vọng 5,00$.

Thủ quĩ, thư ký, tộc biểu cùng trương tuần quản lộ, quản thủ, tiểu học tốt nghiệp chưa có chân tư văn, vọng 6,00$ có chân tư văn vọng 3,00$, ngôi tư văn 5,00$.

Hương lão 50 tuổi 6,00$ miễn trừ tạp dịch hương lão 60 tuổi.

Bán vị thứ

Ngôi xã nhiêu 50,00$, bình nhiêu 30,00$, lý trưởng mua 30,00$, phó lý mua 15,00$ (bản 4 ngôi này quan trên cho phép mới được). Các viên chức hương lão phải nộp tiền khao vọng trên này, hễ

đến kỳ nào, hay năm nào phải nộp các tiền lệ ấy thì sẽ bắt đầu từ ngày hương hội đưa phái thu tiền, hạn trong 3 tháng hay sáu tháng là cùng phải đem nộp vào quĩ cho đủ nếu ai để quá hạn, không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội xét trừ vị thứ của người ấy đi vào trình quan xét nghĩ.

Tế tự

Điều thứ 76: Thôn Mạnh Tân

Tháng Giêng tết Nguyên Đán, ngày mồng 7 tháng Giêng lệ Khánh Hạ 3,00$, 15 tháng 2 và 15 tháng 8 mỗi tiết 3,00$, mồng 10 tháng Một 16,00$, 4 tiệc này hội đồng cả làng xã, lấy số tiền quĩ về số ruộng xứ Tâm Bi, chi ngày mồng 6 tháng Giêng là ngày lệ thần sinh lễ xôi, lợn, giầu, rượu 9,00$, mồng 10 tháng Giêng là ngày lễ Kỳ Yên xôi sinh, giầu, rượu và trai bàn luân thứ 6 người hành lễ. Mỗi người 3,00$ công dân 18,00$. Ngày 25 tháng 2 lễ hậu họ Nguyễn 4,00$, ngày 15 tháng 3 là ngày thần sinh lễ giầu, rượu và xôi 40 hoa, lợn 30 hoa, 7 lễ Thượng Điền 2,00$, mồng 5 tháng 5 tết đoan Ngọ lễ 2,00$. 23 tháng 9 lễ giỗ hậu họ Dương 4,00$, tháng 9 tết Thường Tân lễ chi 6,00$. Tế xuân thu 2 kỳ mỗi kỳ 2,00$, cộng 4,00$; ngày mồng 5 tháng 9 là ngày thần hoá, giầu, rượu, xôi 40 hoa, lợn 30 hoa giá tiền 9,00$; tháng 11 Nhập Tịch từ ngày 12 đến ngày 13 duy ngày 12 xôi, lợn 15,00$ còn ngày 13, 14 mỗi ngày 6,00$ ngày 15 xôi, lợn cộng 37 đồng.

Tháng 12 ngày 8 tế lễ xôi, gà, giầu, rượu 3,00$. Đồng niên sóc vọng 24 kỳ mỗi kỳ 0,50$, cộng 12,00$.

Thôn Hương Trầm

Mồng 1 tháng Giêng lễ Nguyên Đán 3,00$, mồng 10 lễ Kỳ Yên 20,00$, mồng 10 tháng 2 lễ thần sinh 10,00$, mồng 10 tháng 4 lễ Hạ Điền 15,00$, mồng 5 tháng 5 lễ Đoan Ngọ 3,00$; mồng 10 tháng 7 lễ Thượng Điền 1,500$; lễ Đoan Ngọ 3,00$; mồng 10 tháng 7 lễ Thượng Điền 1,500$; ngày 15 tháng 8 lễ trung thu 1,500$; mồng 9 tháng 9 lễ thần hoá 10,00$; mồng 10 tháng 10 lễ Trùng Thập 1,00$.

Tháng 11 từ ngày 12 đến ngày 15 lễ Nhập Tịch xôi, lợn, giầu, rượu cộng 20,00$.

Tháng 12 ngày 7 lễ lập tiết 1,00$.

Đệ niên xuân thu lễ 2 kỳ, mỗi kỳ 2,00$ cộng 4,00$. Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần 1,00$ cộng 24,00$.

Thôn Biểu Khê

Ngày mồng 1 tháng Giêng tết Nguyên Đán lễ trai bàn 1,00$; mồng 10 lễ Kỳ Yên 6,00$; mồng 7 tháng 2 lễ thần sinh 8,00$; mồng 10 tháng 4 lễ Hạ Điền 1,200$; mồng 10 tháng 7 lễ Thượng Điền 1,00$; mồng 10 tháng 8 lễ Khánh Hạ 1,500$; ngày 20 tháng 9 lễ thần hoá 8 đồng.

Tháng 11 từ ngày 12 đến ngày 15 Nhập Tịch lễ xôi, lợn, giầu, rượu cộng 15,00$.

Ngày mồng 8 tháng 12 lễ lập tiết 0,80$.

Đệ niên lễ xuân thu 2 kỳ mỗi kỳ 0,60$, cộng 1,20$. Tết Thường Tân 3,00$ đồng niên sóc vọng 24 tuần, mỗi tuần 0,60$ cộng 14,400$.

Thôn Cổ Miếu

Ngày mồng 1 tháng Giêng lễ Nguyên Đán 1,00$.

Mồng 10 lễ Khánh Hạ và Kỳ Yên 2,00$, mồng 3 tháng 3 lễ Thanh Minh 1,00$, ngày 15 tháng 3 lễ Khánh Hạ và Hạ Điền 2 ngày, mồng 5 tháng 5 và mồng 10 tháng 7 lễ Thượng Điền 2 ngày, 15 tháng 8 lễ trung thu, xôi, gà, giầu, rượu 2,00$. Tháng 9 lễ Thường Tân xôi, gà 1,00$, 12 tháng 9 lễ thần hoá, xôi, lợn giầu, rượu 5,00$, mồng 10 tháng 10 lễ Trùng Thập 1,00$, mồng 6 tháng 11 Nhập Tịch từ ngày 12 đến ngày 15 lễ xôi, lợn, gà, giầu, rượu cộng 15,00$, mồng 8 tháng 12 lễ lập tiết 1,00$ đệ niên xuân thu 2 kỳ mỗi kỳ 2,00$. Cộng 4,00$ đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần 0,60$. Cộng 14,00$.

Vị thứ đình trung

Tả vu: Dòng thứ nhất: văn giai từ cửu phẩm giở lên cùng là Pháp học khoa tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng, trung học tốt nghiệp, thứ đến chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý, thư ký, thủ quĩ, tiểu học tốt nghiệp trưởng đinh, trương tuần, khán thủ, quản lộ, quản thủ đương cựu v.v...

Dòng thứ hai: Vũ giai từ cửu phẩm giở lên và hội đồng tộc biểu chưa có vị thứ và tân cựu binh, xã nhiêu, binh nhiêu hương mục v.v...

Hữu vu: Hương lão từ 50 tuổi giở lên đến tráng đinh.

Các hàm phẩm nhà nước cho quyền, cứ chiểu phẩm trật thứ tự mà ngồi.

Các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên thì vũ giai kém văn giai 2 trật, các chức dịch từ phó lý giở lên thì chức dịch bầu cử hơn chức dịch mua, phẩm hàm các chức dịch kẻ tân người cựu như nhau không có phân biệt, còn vị thứ từ ngôi hương mục giở lên mới được dự tế đinh trung, những người tộc biểu trước kia chưa có vị chức phận không có vị thứ đinh trung, khi đã được cử làm tộc biểu thi cũng được vị thứ đinh trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay mua vị thứ như ở điều 75 nói ở trên.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này các điều gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên thi hương hội tuỳ tình lý nặng nhẹ mà phạt hoặc không cho dự đinh trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ mấy bàn.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần, thi thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng Thư Lâm, thì dân còn phải tuân theo lễ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Còn quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan

chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản, bản chính thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ 4 ở toà sứ.

Phục lệ

Cử mạnh bái và điển văn

Ngôi mạnh bái giữ việc chủ tế, dân cử người trong hàng triều quan văn vũ, cùng Tây, Nam khoa mục, phẩm hàm, thứ đến chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý đương cựu giở lên, nhưng chọn người nào phẩm hàm đoan chính và không có tàng tật mới được.

Ngôi điển văn dùng người khoa mục, phẩm hàm và chánh phó lý đương cựu giở lên, nhưng phải chọn người biết chữ mấy được đương chức ấy.

Lệ cử biểu đồng niên các ngày tiệc lệ có sinh kế, tế xong những viên chức nào vọng từ 30,00$ giở lên, dân cử biếu một cái thủ, vọng từ 15,00$ giở lên dân thuận biếu một miếng thịt cảnh.

Hương lão từ 70 tuổi giở lên có khao vọng dân kính biếu một cái cảnh, còn thì đồng dân quân huệ.

Trong làng có 4 thôn, số tiền công của thôn nào thư ký phải biên riêng của thôn ấy để chi tiền riêng.

Thừa sao bản chính

Le lý trưởng.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG XUÂN TRẠCH

Xã Tục Lệ, tổng Xuân Canh, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Bản ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc có khẩu truyền mà không có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương suy xét cho hợp tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy thi hành.

Điều thứ 2: Chiếu theo điều thứ 24, nghị định ngày 12 tháng tám Tây năm 1921, thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý trưởng thể lệ như sau này.

Khi phải đi xa trong vòng 5 km thì không được tiền phí lộ.

Hai là khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí, mỗi ngày lên tỉnh là 0,80$, lên huyện 0,40$, khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, khi lên huyện cả khứ hồi không được quá một ngày. Đi lại trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ thời không được tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây 1921, về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ thăng bổ hàm chức, ngôi thứ hoặc lên lão v.v... Hễ đã đóng đủ lệ đã định trong hương ước này thì ngoại ra không phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bảo người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội và chữ ký của những người lĩnh tiền ấy, đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu. Yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết. Yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thì phải tường chánh hương hội hop các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên người nào bao nhiêu điền thổ, đóng sưu thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong giao các tộc biểu an phận hành thu, rồi giao lý trưởng đăng nộp vào kho bạc. Thu tiền gì cũng phải biên nhận tờ biên lai ấy lấy ở trong quyển phát lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thời tờ phát lai ấy cũng phải biên như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thời lý trưởng phải trình quan xét xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 15: Trong một tháng hương hội có thường hội đồng hai kỳ, ngày mồng 1 và ngày 15 từ 8 giờ sáng đến 10 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội như là: lĩnh tiền, tiền sưu, biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường hoặc ai có điều gì thuộc về dân sự hay thương sự mà kiện cáo trước hết phải trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hoà giải không thành hương hội cũng dựng biên bản lưu chiểu. Hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự không có phép hoà giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản để quan không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Phụ mục canh phòng

Điều thứ 20: Làng cử 12 tuần tráng theo phó lý, kiêm trương tuần canh phòng chia hai ban mỗi ban 6 người 1 ban nội 1 ban ngoại, 1 tuần lễ đổi tuần một lần cho ban lao giật đều nhau, khi thường thì ban nội theo phó lý tuần canh trong làng, khi có động hiệu thì tất cả hai ban tuần đinh tráng trong làng phải đến cứu nguy.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như câu liêm, gậy, giáo, mác làng phải trích tiền công ra sắm cho hết, ban tuần phải giao làng nếu ai đánh mất thì phải đền.

Điều thứ 22: Làng đặt 2 điếm canh phí tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

(...)

Điều thứ 24: Ban tuần nào đến lượt đi tuần nội thì phải đi tuần luôn chung quanh làng chứ không được nằm ở điếm.

(...)

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cắp trong làng như có ai mất trộm cắp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì phó lý và ban tuần phải chiểu giá đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu tiền kê vào biên bản, đợi khi các điền chủ nộp tiền thay cho lúa sương thì hương hội trích tiền ấy đền ngay cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho tuần ban ấy sẽ khấu trừ đi, còn như việc cướp phát to mà tuần ứng cứu làm hết bổn phận thì không phải đền, nếu xét ra tuần không hết lòng ứng cứu đến nỗi mất thì cũng phải bồi thường.

(...)

Điều thứ 28: Làng cử 16 người tuần tráng lần lượt thay đổi mấy ban tuần nội để trông coi đồng điền, khi ngoài đồng có động hiệu thời tất cả ban tuần và đinh tráng trong làng cũng phải ra ứng cứu ngay. Khi ngoài đồng không có lúa mạ hoa mầu thì chỉ trích 6 tuần tráng theo phó lý đi tuần các địa phận của làng, để ngăn ngừa kẻ gian phi, còn thì lại hợp với ban tuần nội để tuần canh các điếm trong làng.

Điều thứ 29: Tuần tráng cứ cắt lượt từ 40 đến 18 tuổi mà chọn những người mạnh khỏe, phó lý và ban tuần phải ký vào danh sách canh phòng, một bản giao lý trưởng đệ trình quan sở tại, một bản lưu chiểu các điếm sở.

(...)

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh, đồng niên mỗi mẫu 0,60$ chia làm hai kỳ tháng 5, tháng 10 tiền ấy thể cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ để cấp lương cho tuần, tuần tráng đồng niên mỗi người 12,00$, nhưng phát làm hai kỳ ở vào kỳ các điền hộ nộp tiền lúa sương.

Điều thứ 37: Phó lý kiêm trương tuần để trông coi việc tuần phòng trong làng, khi làm việc làng phụ cấp lương cho, nếu làm không hết bổn phận thì sẽ phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 38: Cứu cấp, sự cứu cấp hoả tai cần phải sẵn có đồ chữa mới được, vậy làng phải trích tiền công sắm lấy 6 cái câu liêm để cả ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hoả tai thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải dỡ tất khúc, các câu liêm ấy kéo dỡ ngay đi và mỗi nhà cần phải sắm cái ống vẩy nước, làm bằng tre bương dài độ một thước Tây, ống của ai khắc tên chủ nhà vào, hễ nghe hiệu chỗ nào thất hoả thì mỗi người phải đem cái ống ấy đến để lấy nước chữa cháy, chữa cháy sắp xong hương hội cùng lý phó trưởng và trương tuần phải điểm ngay xem số ống có ướt không, nếu thiếu ống nào hay ống nào không thấy nước xét thực thì những gia chủ ấy phải phạt 0,50$; còn các nhà bị hoả tai, hương hội phải đến xét xem khởi sự từ

đâu, vì duyên cớ gì nếu thực là vô ý thì tha không phạt, hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để hại người, hay để hỏi của người khác thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan xét kỹ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung của làng thì hết thảy từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ những người hiện đang làm việc các sở, người có chức sắc khoa mục, đang đi học các trường và người bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con canh thay, không được nộp tiền cho làng để làng canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia mấy ban, mỗi ban canh độ 3 tháng hoặc một tháng, mỗi ban bầu một người đốc canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban đương thứ.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào không thể sắm được làng trích tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tuỳ làng lớn hay làng nhỏ mà nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn tiền lập điếm làng trích tiền công để chi.

Người đứng đầu ban canh cứ chập tối thì nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm canh, ai có phương trở phải mượn người canh thay, nếu bỏ không canh thì 2 lần đầu mỗi lần hương hội trừ 0,10$, lần thứ 3 thì sẽ phải giải lên quan án xét phạm vào tội khoản thứ 11 điều thứ (...) trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt thì phải đi tuần luôn chung quanh làng để trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một tên trộm trong làng thời thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 6,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng như trong làng có ai mất trộm, cướp mà tuần phiên

không bắt được thời (...) không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Tuần canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là... tuần tráng để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khoẻ.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo thực thà và có gia sản người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hư tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay, giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 20 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thời mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu tuần phải bồi thường.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thời mất ngôi tộc biểu.

Sự cấp cứu

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hoả tai cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai không đến cứu thời hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và chung cho được sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay đi xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi phải tới trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao.

Sự sửa sang cầu cống đường sá đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều; thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, đừng để người ta cày

cấy vào chỗ sườn đê hay giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho lúc nào đê cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà phải cần nhà nước tu bổ mới được thì thủ lộ phải tường hương hội để trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại như cũ.

Điều thứ 49a: Phàm những đường cái công cấm không được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thời phải xin phép quan trên cho đặt cống mới được, không tuân hương hội bắt giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12 hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào.

Điều thứ 52: Cấm không ai được cắt cỏ bờ ruộng lại không (...) để bờ lở, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi đơm cá, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 1,00$.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ, ai phạm phạt 1,00$.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ giữ, ai làm tổn hại phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiếu theo nghị định ngày mồng (...) tháng 3 Tây năm 1906 cấm tộc biểu không ai được vay mượn, bán chác của công không được phép quan cho thời không được làm giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan chuẩn y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký vào đấy là phải chịu trách nhiệm, thể lệ ấy mang thi hành về khoản quốc trái của công dân, khi có việc kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền, công thổ đáng lẽ cứ chiếu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng 4 Tây năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 Tây năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được. Như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị trước cho mọi người biết. Ai đấu giá cao thì được.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng bạc thời hương hội phải khám xét để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn có ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm luật ấy dù quan chiếu luật trị tội nhưng vì mất phong thổ làng thì hương hội phạt không được dự đình trung tế tự.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói khi có quan trên đến làng, chỉ có lý phó trưởng đương thừ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thời không tiện, nay định giao các việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ cho được ổn thoả. Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn, thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi cứu cấp ngay.

Giáo dục sự học hành

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con cái đi học sơ học, vậy nên làng có đủ tiền mà làm nhà trường, thời phải làm để trẻ con đến học.

Điều thứ 66: tiền chi phí về việc học và chi lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một số tiền, để mua sách vở giấy bút cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$.

Phần thứ hai
Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

A. Cách quản riêng của làng xã.

B. Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh chương hồ ao, sông, còn tiền cho thuê điền thổ tiền lãi quốc trái v.v...

Mỗi khoản phải kê riêng từng mục, làng có ruộng công 6 mẫu 6 sào, ruộng đèn hương chùa 10 mẫu 2 thước, ruộng hậu 3 mẫu 2 sào, mỗi năm bán đấu giá lấy tiền sung công, còn ruộng đèn hương đình 2 mẫu, giao cho thủ từ cấy để đèn hương đình quanh năm, chứ không đấu giá, lại có phiếu quốc trái năm 1917, 1918, 1920 và tiền lợi tức, ai mua đấu giá phải chịu nộp thuế và tiền lúa sương, khi đã mua được rồi thì tính bắt đầu từ ngày hội đồng bán đấu giá, hạn trong 1 tháng hay 3 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn, không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu hương hội, sẽ cắm lấy ruộng đã bán chương cho người ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng đã cấy lúa hay giống giọt cũng phải chịu mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói về thể lệ cưới và tiền cheo nộp bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, bốn lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại những nhời chính đáng để dạy bảo, đến như những nhời phương ngôn của dân ta nói rằng: "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó. Vậy các lệ hôn định như sau này:

1. Làng có con trai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội để xét xem 2 người định lấy nhau ấy tuổi có cập lệ không, rồi yết thị tại đình trong 15 ngày cho ai nấy đều biết, nếu hợp lẽ và không ngăn trở sự gì thời nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng ông chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn ấy và sửa giầu, rượu ra đình yết thần rồi vào sổ giá thú.

4. Cheo nội 2,00$, cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp lệ cheo vào sổ giá thú đủ rồi không phải tốn với làng gì nữa.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, vậy các lệ tang định như sau này:

1. Hễ ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu ai chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm, thời trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phải tang chủ nộp vào lệ nào liêu mà cắt chấp hiệu, đô tuỳ và các đồ tang nghi để tống táng các lệ ấy.

Thượng lệ 10,00$ hai người đàn anh chấp hiệu, trong giáp tang chủ 16 người đô tuỳ cũng cắt trong giáp tang chủ. Hạ lệ 2,00$, 2 người chấp hiệu, 12 đô tuỳ cũng cắt trong giáp tang chủ.

3. Trước khi chuyển cữu chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thì chỉ vái ba vái, về phía tang chủ thì đem cả các con cháu, dâu rể ra đáp lễ lại.

Khi tang chủ đã nộp tiền cho làng và biên vào sổ tử rồi, thế là 2 bên làng và tang chủ hoàn toàn không thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực hay mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$, trừ có sau khi an táng, tang chủ thiết đãi những người đi hành tống bữa cơm thì tuỳ ý không cấm.

Điều thứ 75: Tiền khao vọng lão mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

Các quan có sắc lệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ

rằng các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng để làm gương khuyến khích cho kẻ sau, vậy làm lệ sau này:

Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm giở lên 50,00$, văn ngũ, lục phẩm, võ ngũ phẩm Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân vọng 40,00$ văn thất phẩm, võ lục phẩm Pháp học tú tài cao đẳng vọng 30,00$, văn bát phẩm, võ thất phẩm bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp vọng 20,00$, các phẩm hàm nhà nước cho quyền cùng dự vào hàng văn giai, cứ chiểu theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng, văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm, chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó trưởng nghị hội viên chánh phó hương hội chưa có vị thứ vọng 15,00$, thủ quĩ thư ký với ban tộc biểu chưa có vị thứ cùng những người vị thứ bằng lý trưởng vọng 12,00$, phó lý, thư ký, ngoại ban trương tuần, quản thụ, tiểu học tốt nghiệp cùng những người vị thứ bằng phó lý vọng 10,00$ trùm trưởng và hương trưởng vọng 7,00$, nhiêu cán, đấng sắc mục vọng 5,00$, thôn trưởng 2,00$, hương lão 1,00$. Hương lão 60 tuổi giở lên chỉ phải giầu, rượu thôi, mua phó lý cựu 50,00$, hương trưởng 30,00$ trùm trưởng 20,00$ nhiêu cán (...) mỗi ngôi 5,00$, khi cần bán từ ngôi phó lý cựu giở xuống phải xin phép quan mới được.

(...)

Tế tự

Điều thứ 96: Việc sửa lễ vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình bản vị thứ v.v...

Việc sửa lễ

Nguyên Đán khai thần sắc mồng 8 tháng 2 Thanh Minh, Hạ Điền, Thường Tân, Tân Ngư, Đoan Dương, Trùng Cửu, Trùng Thập... lễ các thức (*mồng 9 tháng 9, Giao Thừa* – ở đây người sao hương ước viết thừa và tối nghĩa – *TSH – chú*) cộng là 12 tiết mỗi tiết lễ oản, quả, giầu, rượu 3,00$; hợp cộng 36,00$. Đồng niên sóc vọng 24 tuần, mỗi tuần lễ

oản, quả 2,00$ cộng 48,00$, xuân thu đinh và hai lễ Kỳ Phúc (26 tháng 6, 19 tháng 11) cộng là 4 lễ, mỗi lễ xôi, gà, giấu, rượu, 3,00$; cộng là 12,00$. Hai lễ sinh hoá mồng 10 tháng 3, mồng 10 tháng 8, mỗi lễ 2 con lợn 30,00$, xôi 6,00$, gạo tẻ 8,00$, rượu 5,00$, hoa, quả, giấu, cau 2,00$, cộng 51,00$; hai lễ hợp cộng 102,00$. Nếu gặp năm nào mất mùa hương hội sẽ tuỳ nghi sai lễ. Tổng cộng 198,00$.

Còn hội tư văn tế xuân thu đã có ruộng nêng của hội tùy nghi biên lễ, không phải chi tiền công quĩ.

Vị thứ

1. Văn võ từ cửu phẩm giở lên, Pháp học khoa mục từ trung học giở lên.

2. Hương lão từ 52 tuổi giở lên.

3. Chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, thủ quĩ, chánh phó lý trưởng.

4. Thư ký, tộc biểu phó lý cựu, hương trưởng, trùm trưởng, thứ đến nhiêu, cán đăng, sắc mục, thôn trưởng.

Các phẩm hàm quyền cử đối chiếu phẩm trật trong các dòng mà ngồi, không có phân biệt các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên thời võ giai phải kém văn giai hai trật. Các chức dịch từ phó lý giở lên thì chức dịch bầu cử được hơn chức dịch mua. Còn như các phẩm hàm chức dịch kẻ tân người cựu, vị thứ như nhau không có phân biệt. Các viên chức có vị thứ trên này mới được dự tế đình trung.

Những người tộc biểu trước kia chưa có chức phận chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay tiền mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Bán vị thứ

Khi làng cần phải bán vị thứ gì khác nữa phải trình các quan thủ hiến tỉnh cho phép mới được.

Các thuế của làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa, thuế trâu, bò, thuế nhà cửa v.v... Thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước. Mỗi thứ thuế phải kê riêng từng mục.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các điều khoản gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên thì hương hội tuỳ tình ý nặng nhẹ mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã dựng trong hương ước này lập riêng cho làng, thì dân còn phải tuân theo lề luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và chữ quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ ba lưu chiểu ở nhà quan tuần phủ, bản thứ tư lưu ở toà sứ.

HƯƠNG ƯỚC XÃ YÊN HÀ

Tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên năm 1933

Khoản ước các làng lưu truyền từ trước hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc chỉ có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần chỉnh đốn suy xét hiện tình thời nay, so sánh mấy khoản lệ thời trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được cường thịnh, dân làng có trật tự, sau này sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm.

Các khoản ước sẽ định như sau này.

Kê:

Sự quân điền thổ

1. Làng có một xứ ruộng công 18 mẫu 7 sào, để 2 mẫu cuối về việc tế tự. Một mẫu luân thứ cai đám được cấy phải nuôi lợn thờ về ngày mồng 7 tháng giêng, bình quân 5 yến xôi nửa nồi, rượu 1 chai, cau 20 quả. Một mẫu ăn lượt, nuôi lợn thờ về ngày 13 tháng 11 bình quân 5 yến. Còn 16 mẫu 7 sào và một xứ 7 mẫu 9 sào cũng đất châu thổ để quân cấp cho dân đinh.

2. Làng có ruộng 8 sào để về những người chức dịch, hương dịch mỗi năm 2 người được cấy để sửa lễ sóc vọng.

3. Làng có ruộng 1 sào 3 thước, thổ 2 sào để đèn hương ở đình và ruộng 4 sào để đèn hương ở đền.

4. Làng có 5 sào 7 thước ruộng hậu, mỗi năm 2 người luân thứ niên canh hành ky.

5. Làng có ruộng 2 thửa 8 sào (sừng bò, cầu công) để những về hàng lão, ai đến lão thì được hưởng, nhưng phải xin hai lễ cáo yết về ngày mồng 6 tháng Giêng, mỗi lễ gà thiến 2 cân, xôi một số, rượu 1 chai, cau 10 quả; 4 sào (làn) nhưng người tế chủ 1 sào 6 thước, những người tả văn, nhưng 2 người cùng phải sửa mả thờ về ngày 11 tháng 11 và 7 sào giá 8 đồng luân thứ mỗi năm hai người được cấy, đến tháng ba tiệc đức thánh mẫu ở đền thời làng thu tiền.

6. Làng đặt ruộng 9 sào 4 thước, cấp lương đồng niên chánh hội, thư ký, 1 mẫu 6 sào 3 thước lương lý trưởng, 7 sào lương trưởng bạ và hộ tịch.

7. Làng có ruộng 4 mẫu 7 sào và thổ 5 sào để đấu giá.

Hôn lễ

1. Trong làng con giai từ 16 tuổi giở lên, con gái từ 13 tuổi giở lên mới làm được lễ hôn.

2. Cheo, cheo nội tiền 3,00$, giầu rượu 2 lễ mỗi lễ rượu 1 chai, cau 10 quả, cheo ngoại tiền 6,00$ giầu, rượu 2 lễ mỗi lễ rượu 1 chai, cau 25 quả, trước lễ yết thần, sau về kinh dân tiền sung công quĩ, giầu, rượu thời chức dịch, hương dịch quân huệ (mỗi lệ biệt đãi tử nhân 0,30$ cheo ngoại 0,60$).

3. Không cứ cheo nội hay là cheo ngoại, trước khi cheo người chủ hôn phải sửa cau 10 quả, cheo ngoại thêm 3 bao chè tàu đến trình hương lý để định ngày nộp cheo, khi đã định xong ngày và vào sổ nhận cheo rồi, ngoại ra như cheo họ, cheo xóm, cheo giáp, chăng dây không được sách nhiễu gì nữa.

4. Không cứ người nào khi hôn lễ đã thành rồi, hạn trong 7 ngày cả 2 bên (nhà giai nhà gái) đều phải đến nhà hộ tịch mà khai vào sổ giá thú, nếu quá hạn thời 2 bên phải chịu lỗi như nghị định nhà nước và hương hội lại phạt thêm 1,00$ để sung vào công quĩ.

Tang lễ

1. Lệ nhất 15,00$ lệ nhì 12,00$ lệ ba 10,00$.

2. Khi có người bất hạnh quyên trần là người hàng lão, thời hàng lão chấp hiếu, nếu hàng lão đều phương trở cả thời chức dịch thâm niên phải thay, là người hàng chức dịch cựu hay đương hoặc hương dịch về hàng nào thời cử người hàng ấy chấp liệu.

3. Người nào nộp thượng lệ dân cử 4 người chấp hiệu, chấp linh trống cái, chiêng lệnh thuỷ cùng các đồ tang nghi của dân đều đủ, rước đi rước về nghiêm túc, nộp trung lệ dân cử 3 người chấp hiệu không có chiêng, nộp hạ lệ không có chiêng trống các đồ tang nghi cũng đều đủ, nhưng chỉ phải rước đi không phải rước về.

4. Thượng lệ thời hoa ngân nghĩa là tiền đi đường 3,00$, trung lệ 2,50$, hạ lệ 2,00$ số tiền ấy khi dân cử hành vong nhân đến huyệt mai táng tử tế, thời những người chấp hiệu và đô tuỳ được quân san hưởng thụ.

5. Trước khi chuyển cữu thời những người chấp hiệu và đô tuỳ đều phải ra trước linh cữu để làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là những người ấy, ai thứ vị hoặc tuổi ở hàng trên vong nhân thì chỉ vái 3 vái, còn ai thứ vị hoặc tuổi ở ngang hàng hoặc ở dưới vong nhân thời phải làm lễ 2 lễ, là để tỏ tình thương xót cùng nhau rõ nghĩa kính trong của làng, về phần tang chủ phải đem cả tử, tôn, hôn tế ra đáp lễ lại.

6. Khi vong nhân tạ thế người tang chủ phải sửa 100 khẩu giầu đến tường hương lý, xin nộp lệ nào, số tiền lệ phải biện đủ mới hội dân suy cử. Khi dân đến nhà chỉ phải đón giầu nước để dân làm lễ cử hành mai táng tử tế, rồi lại phải 200 khẩu giầu nữa tạ lại dân.

7. Chiểu điều lệ của dân đã nộp đủ, tang chủ hảo tâm mời dân mấy bữa cũng được, hậu bạc tuỳ tình xin tế mấy tuần cũng thế, mỗi tuần tế 1,00$ những phẩm vật nghi tế ai hành lễ thời được quân huệ, chỉ phải biệt biếu viên tế chủ, tả văn, công dân thôi, người nào nghèo không có gì thời thôi, dân không ai được sách nhiễu gì cả. Mỗi tuần lễ tang chủ phải sửa cau 10 quả đến xin văn của ông trưởng văn rước về mới tế.

8. Những người đến ngôi chức dịch, hương dịch nộp lệ nhất lệ nhì mới được xin dân tế, còn những người chưa đến ngôi ấy bất hạnh mệnh chung chỉ được nộp lệ vào hạng ba, mà dân cử những người hương dịch chấp hiệu.

Tế lễ

1. Ba ngày tết Nguyên Đán và ngày động thổ chiểu ngôi chức dịch và hương dịch từ bàn nhất đến bàn ba, mỗi người đều phải sửa một lễ, mỗi lễ gà thiến 1 cân rưỡi, xôi một số, rượu một chai, cau 6 quả cứ thứ tự mà sửa trước sau.

2. Những người dưới những ngôi ấy, mỗi người đều phải sửa một lễ, mỗi lễ gà 2 cân, xôi 2 cân, cau 6 quả, rượu nửa chai phải sửa về những ngày đăng đám tạ dịch, Đoan Dương, Trùng Thập, Tất Niên v.v... cứ thứ tự tuỳ nghi mà dân cắt đặt.

3. Ngày mồng 6 tháng Giêng là ngày cáo yết hàng lão phải sửa.

Ngày mồng 7 tháng Giêng là ngày hoá nhật đức thượng đẳng sinh tỵ phù tửu, cai đám phải sửa về hương đăng, pháo nến 1,00$ rượu, gạo tẻ 3,00$ phường nhạc 2,00$, công 7,00$. Ngày mồng 2 tháng ba là ngày đại tiệc đức thánh mẫu ở đền, dân trích tiền công 8,00$ tùy nghi tu lễ. Ngày 14 tháng 8 là ngày tiệc Thường Tân lợn 8,00$ hương, trầm, pháo, nến 1,00$ gạo nếp 1,00$ gạo tẻ 2,00$ rượu 1,00$ cộng 13,00$. Ngày 12 tháng 11 là ngày sinh nhật đức thượng đẳng, lợn thờ luân thứ người cấy ruộng phải sửa, giấu, xôi 2,00$ hương, trầm, pháo, nến 2,00$ gạo tẻ 4,00$ phường nhạc 2,00$ giấu, rượu 2,00$ cộng 12,00$.

Mỗi năm đặt thêm 2,00$ để đèn hương và 6,00$ để sửa sang đồ tự sự và đồ trang hoàng ở đình, cộng 8 đồng.

Phụ lệ

1. Người nào đẻ con trai đến ngày tiệc tứ quý, sửa cau 10 quả, rượu 1 chai trước làm lễ sau xin nhập ha. Đến ngôi cai đám được cấy ruông 1 mẫu, phải sửa lễ về ngày mồng 7 tháng Giêng.

2. Người nào làm chức dịch gì hay thăng tám bàn đều phải sửa giầu rượu trước lễ thần sau kính dân, thăng bàn nào cũng thế.

Đến 50 tuổi ngày mồng 6 tháng Giêng phải sửa gà, xôi, cau, rượu 2 lễ, trước lễ yết sau kính dân, mỗi năm dân công sưu chia một phần tư.

Đến 55 tuổi, ngày mồng 6 tháng Giêng, buổi sáng đãi làng một bữa hậu bạc tuỳ tình, buổi chiều sửa lợn một con 3 yến, xôi một nồi, cau 30 quả, rượu 4 chai, gạo tẻ 2 nồi trước ra lễ thần sau về kính dân, đồng dân đến mừng tiền 1,00$, đối một đôi tiền công sưu dân miễn cả và được hưởng phần ruộng dân nhưng về hàng lão. Đến 60 tuổi ngày mồng 6 tháng Giêng sửa xôi, gà lễ, trước yết thần sau kính đồng dân. Đến 70 tuổi ngày mồng 6 tháng Giêng, đãi đồng dân một bữa và phải sửa lợn một con 3 yến, xôi một nồi, gạo tẻ 2 nồi, rượu 5 chai, cau 50 quả trước lễ yết thần sau kính đồng dân, đem về nhà cai đám tế tác, dân biếu ruộng 2 sào rưỡi, về sau cứ 10 tuổi lại phải yết thần khao dân như thế, biếu ruộng cũng cứ thế mà tăng lên đến một mẫu.

3. Không cứ người làm chức dịch hay phẩm tước gì cao hạ cũng phải khao dân một bữa.

4. Làm thủ khoán nghĩa là tế chủ kiêm tả văn khao dân 2 bữa, dân biệt biếu cảnh lợn, xôi một đĩa, thờ cau 10, nếu không có chức thủ khoán biếu ấy về hàng lão 70 tuổi giở lên, nếu hàng lão ấy cũng không có thời về chức dịch hương dịch được quân huê.

Tế chủ tả văn về hàng tổng lý dân bầu, phải khao dân một bữa, biếu tế chủ nhũ lợn, một bên tả văn chân lợn một cái điếu, cau 5 quả, xôi một đĩa.

5. Đại trung tiểu khoa được xung chức thực khoán, nếu không có hàng khoa phải bầu hàng tổng lý thâm niên 2 người xung chức ấy.

Tiến vọng

Đại khoa văn nhị tam phẩm, võ nhất phẩm vọng tiến 30,00$. Trung khoa văn ngũ lục phẩm, võ nhị tam phẩm Tây học tiến sỹ vọng

tiền 20,00$, tiểu khoa văn bát cửu phẩm, võ ngũ lục phẩm Tây học cử nhân, đốc học, đốc tờ, tham biện vọng tiền 10,00$. Võ bát cửu phẩm, chánh phó tổng Tây học, thông ngôn, phán sự, giáo học, tổng sư vọng tiền 8,00$ chánh phó lý xuất đội trưởng vọng tiền 5,00$. Thư ký, trưởng ba vọng tiền 3,00$, quản xã, quản đoàn, quản lộ, trương tuần, nhiêu xã vọng tiền 2,00$.

Thứ vị đình trung

Đình trung làng đặt 5 chiếu. Không cứ hàng khoa, hàng lão hay chức dịch hương dịch, mỗi hàng có thứ tự riêng, đều phải tuân theo như hương ước để giữ trong làng bao giờ cũng có trật tự (lễ hàng chiếu nào ngồi hàng chiếu ấy, đại khoa trung khoa, tiểu khoa đối niên xỉ 100, 90, 80, 70 tuổi cùng lễ chiếu nhất, vọng tiền 8,00$, niên xỉ 8,00$, tuổi lễ chiếu nhì, vọng tiền 5,00$, 3,00$ niên xỉ 55, 50 tuổi cùng lễ chiếu thứ tư, còn những người dưới ngôi hương dịch đến 17 tuổi đều lễ chiếu thứ năm.

Thừa sao chính bản

Le Lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ ĐÀO THỤC

Tổng Xuân Nộn, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu tự xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản ước thuở xưa, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục

Điều thứ 1: Chính trị trong làng thời phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 September 1921 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 September 1921 thời những tiền lệ phí cấp cho các tộc biểu lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi đi xa trong vòng 5 km thời không được tiền lộ phí.

2. Khi quá vòng ấy thời được tiền lộ phí, khi lên tỉnh mỗi người được 0,60$, đi về không được quá hạn hai ngày, lên huyện mỗi người 0,40$, đi về không được quá hạn một ngày.

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói ở nghị định quan thống sứ ngày 12 September 1921 về việc chỉnh đốn sổ chi thu làng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ sáu nghị định đã nói ở trên, cấm không ai bắt dân làm cỗ mời đồng dân khi có việc tang, thi đỗ, lệ bổ sung chức, thử vị tổng lý hoặc lên lão v.v...

Ai đã đóng tiền đủ lệ đã định trong hương ước này ngoài ra không phải chịu khoản tiền nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có chữ thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra, có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm chánh hội tinh sổ xem thực thu là bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế của nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội hợp các tộc biểu mà tinh bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh, đàn em, ruộng nội canh, ngoại canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được lẫn lộn.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong giao các tộc biểu an phận hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên

nhận, tờ biên lai ấy lấy ở sổ phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thời trong biên lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người thiếu thuế thời lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải chịu đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội phải họp hội đồng hai kỳ, ngày mồng 1 và ngày rằm từ 8 giờ đến 10 giờ, ai có việc gì hoặc cần đến hương hội như là lĩnh tiền, nộp tiền xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi sự gì, thời cứ giờ ấy đến sở hương hội mà tường, hoặc ai có sự gì kiện cáo về dân sự hay là buôn bán trước hết trình hương hội hoà giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình, thời phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thời hương hội lập biên bản để lưu chiểu, nguyên bị đều phải ký vào biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Việc hoà giải không xong hương hội cũng phải lập biên bản để lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đem làm chứng trước toà án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những sự việc hình sự dù không có phép hoà giải những người có việc cũng phải tường trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ về việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được đòi ăn uống hay là để tuần tráng tới nhiễu sự nhà chủ.

Việc canh phòng trong làng - tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mạng tài sản chung của dân thời hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 40 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người đương làm việc các sở người

chức sắc, khoa mục, đương đi học các trường và người có tật bệnh, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh phòng được, thời có thể nhờ bà con hoặc gia hạ canh thay, nếu sơ xuất sự gì, thời người mượn canh thay đều phải trách nhiệm, cấm không được nộp tiền cho làng để làng thuê người canh như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có một xóm liền khu hạt, tám người tuần tráng, phó lý trương tuần là người đốc canh cứ ban tuần và trương tuần cứ an phận mà tuần phòng trong xóm, nếu khi có động hiệu thời cả ban tuần và đinh tráng trong làng đều phải ứng cứu ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như câu liêm, giáo, mác, làng trích tiền công sắm cho, khi hết hạn phải giao trả làng, nếu ai đánh mất hoặc làm hỏng cái gì thời phải chiểu giá làm đền ngay.

Điều thứ 22: Những phi tổn tiền chữa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ đến tối thời phải nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra canh điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh hai lần đầu, mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba hương hội giải lên toà án, xét về tội phạm vào khoản thứ 11 điều 227 trong hình luật An Nam.

Điều thứ 24: Ban tuần nào đến lượt đi tuần nội cũng phải đi luôn chung quanh làng để cho cướp trộm khỏi vào, chứ không được nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được trộm trong làng thời thưởng 1,00$ bắt được cướp thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có ai mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được thủ phạm, thời thủ phiên và cả ban tuần đều phải chiểu giá mà đền cho gia chủ, trong khi sự chủ mất trộm cướp hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu, đinh vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền (...) ấy điền chủ đã mất trộm, cho đến khi phát lương cho tuần chứ không

nên chỉ trách cứ tuần phiên đến cho chủ mất trộm mà thôi, thành ra không có sự thực, còn như cướp phát mà cả ban tuần ứng cứu làm hết bổn phận thời không phải đền, chỉ trừ xét được ban tuần không chịu hết lòng ứng cứu để đến nỗi bị mất thời cũng chiếu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng thời thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy ai không có thẻ tuỳ thân hoặc giấy căn cước đáng ngờ thời phải bắt giải trình quan xét.

Điều thứ 28: Canh phòng ngoài đồng.

Điều thứ 29: Tuần tráng cứ cắt lượt từ 18 đến 40 tuổi mà toàn những người mạnh khoẻ, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách, một bản giao lý trưởng đệ trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có cái biển kê tên những người đốc canh và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm huỷ tổn thời phải tường trình hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và (...) hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước bắt cá để ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dung túng để ruộng bị cạn thời hương hội phạt tiền như người phạm, trừ khi nào không thấy chiểu theo điều 204 hình luật An Nam mà bắt tội thời mấy dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa má hoa màu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền cách đền đã nói ở điều 26 ở trên.

Điều thứ 36: Tiền lúa sương nội canh mỗi mẫu là 0,30$, mỗi sào 0,03$, ngoại canh là 0,05$ một sào, 0,50$ một mẫu. Cứ đến tháng 10 thì các điền chủ nộp cho lý trưởng và trương tuần. Khi lý trưởng, trương tuần thu hết thì giao cho đồng dân là 10,00$ tiền lương lý trưởng là 15,00$, lương phó lý là 15,00$ tiền khai báo hương hội là 15,00$. Còn thừa bao nhiêu về phần trương tuần và tuần phiên.

Điều thứ 37: Phó lý và trương tuần, trừ phó lý đã có thứ vị rồi và trương tuần làm việc ba năm có (...) đồng thời làng cho ngôi tộc biểu, nếu làm không hết bổn phận thì sẽ phải chịu trách nhiệm còn các tuần thì phải theo các việc tuần một năm.

Điều thứ 38: Sự cấp cứu gặp lúc cần cấp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê điều, trừ ra 60 tuổi và người yếu đuối còn làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu. Nếu ai biếng nản hương hội xét thực phạt 0,20$ đến 0,50$. Sự cứu hoả tai cần phải có sẵn đồ chữa mấy được, nếu cứ tay không xô đến giương mắt mà trông, dầu trăm nghìn người cũng là vô ích. Vậy phải trích tiền công sắm lấy cái câu liêm thực tốt và sắc để ở các điếm canh, nhà nào bất hạnh mắc hoạ tai thì tuần canh đem ngay đến cứu, cần phải chữa ngay đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước - trừ những nhà mẹ goá con côi - làm bằng tre độ dài bằng độ một thước Tây, ống của ai khắc tên gia chủ nhà ấy, nếu nghe hiệu chỗ nào phát hỏa thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến để lấy nước chữa cháy, sự chữa cháy sắp xong hương hội, phó lý và trương tuần phải điểm ngay số ống có đủ hay không, nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước xét thực thì nhà chủ có ống ấy phải phạt là 0,20$ đến 0,50$. Còn như các sự hoả tai thì hương hội phải đến xét xem cháy tự đâu, vì duyên cớ gì, nếu thực là bất ý thì tha không phạt, nếu xét người nào có ý đốt nhà người ta hay đốt nhà lấy của nhà khác, thời hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì cấp cứu bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng mạnh khoẻ luôn cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường phải hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất những uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 48: Các giếng ăn uống nước, phải tìm đường giữ gìn trong sạch những phí tổn để chữa giếng làng lấy tiền công mà chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra những bệnh truyền nhiễm thì lý trưởng phải trình quan ngay để xin thày thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng thấy ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vi dì để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ, ao. Ai phạm cấm hương hội phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn, chuồng tiêu bên cạnh hồ, ao hay là những đồ vật không được đổ xuống ao.

Sửa sang đường sá, cầu cống đê điều

Điều thứ 47: Làng cử trương tuần kiêm thủ lộ để trông nom đường sá và cầu cống, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thời trương tuần coi sóc, đừng cho người ta cày khoét vào giếng đê hay là trồng cây gì ở đấy và giữ gìn đê cho lúc nào cũng tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được, thời trương tuần phải tường hương hội, kê trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung của làng thời phải bồi thường phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Phàm những đường cái công, cấm không ai được đào xẻ đi qua lấy nước, nếu cần phải lấy nước thời phải xin quan trên cho đặt cống, mấy được, ai không tuân hương hội giải trình quan toà án xét.

Điều thứ 50: Thủ lộ là người đàn anh các xóm phải ra coi nom làm việc một năm chu toàn vẫn được theo ngôi thứ, nếu không làm hết bổn phận thời phải chịu trách nhiệm.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch, giữ nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng một hay tháng Chạp hội đồng cho mõ rao, các điền chủ ở chỗ nào khơi chỗ ấy lấy bùn để đổ vào ruộng mà tát.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Hương hội không cho phép thời cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà bắt cá, để cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$. Cấm không ai trồng lúa (...) ở bên trong bờ ngòi, như thế sông ngòi dễ ủng tắc, ai không tuân hương hội phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm không ai được chăn trâu, bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu cho trâu bò ăn lúa của ai thời phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm không được chăn vịt ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$ nếu vịt phá lúa mà thời phải đền nữa.

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng, thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng tám tháng ba năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu được phép quan trên cho thời được làm tờ giao kết gì, thời làng phải chịu trách nhiệm cho sự tiền nong; những tờ giao kết nếu không có chữ ký của quan trên y cho thời dẫu áp triện lý trưởng cũng không can thiệp gì

đến dân cả, chỉ những người tộc biểu ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi. Thể lệ ấy thuận thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mấy được đi, việc cầm bán công điền, công thổ, đáng nhẽ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 avuet 1894, cộng điều thứ 2 nghị định ngày mồng 8 Mars 1906, thời cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán, được như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải văn giá cẩn mà yết thị cho mọi người đều biết trước khi văn giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai văn giá cao thời được nhưng hương hội y biên bản và đính theo đồng tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu mở sòng gá bạc lấy hồ, thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai mà hương hội đã bảo trước mà còn có ý phạm cấm, thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để trình quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm cấm dù quan trên chiểu luật trị tội nhưng làm mất phong thể làng thi hương hội phạt không được dự đình trung tế tự một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng ra tiếp, nếu đi vắng thời quan trên không biết hỏi ai, như thế thời không tiện nay giao việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Khi có quan Tây hay quan ta nếu có đến làng, thời tuần phu phải đi báo các tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng lý phó trưởng phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thoả. Khi trong địa giới có ai ốm đau hay tai biến gì thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương cứu chữa ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con cái đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm nhà trường ở làng cho trẻ con đi học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí vì việc học và lương thày giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi thời phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong, thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách và giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch, có phương nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra người ngụ cư tạm thời, còn những người có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng, canh phòng của các người ngụ cư chia làm hai hạng, hạng thứ nhất 1,00$, hạng nhì 0,50$.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai nhưng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 2,00$, mua đất công và tư không được quá 2,00$.

Phần thứ hai
Hôn lễ thuyết

Điều thứ 72: Làng có con giai 16 tuổi con gái 14 tuổi giở lên thời mấy được làm lễ giá thú.

Điều thứ 73: Cheo nội là 1,00$ cheo ngoại là 4 cái mâm thau và 100 cau.

Tang lễ thuyết

Điều thứ 74: Khi có người chết về mùa đông hay không phải tử bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, nếu chết về mùa hạ hay bệnh truyền nhiễm thời hạn trong 24 giờ phải mang chôn ngay.

Người nào chết mà nghèo khổ, không có thân thích trông nom về sự tống táng, hương hội trích 3,00$ tiền công giao cho người đàn anh trong bản giáp người chết ấy, mua quan tài và cắt 4 người trong giáp ấy tống táng cho người chết và lại trích 1,00$ để chi tiêu về việc giầu nước cho những người ai làm việc ấy.

Khao vọng thuyết

Điều thứ 75: Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mấy có thứ vị, nhưng làng đình thu món tiền ấy là có ý để ra rằng các bậc đạt tôn cũng lấy thứ vị đình trung làm trọng, để làm gương cho kẻ sau, duy hạng lão 70 tuổi giở lên sự hi vọng ở trên đời thời ít, chỉ trông nom con cháu thời nhiều, nếu cứ sống một tuần lại mất thêm một món tiền thời trước trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người nào khó nghèo, vậy lệ vọng tiền lên chước miễn hẳn, còn như người chưa có thứ vị thời phải nộp tiền khao vọng mấy được chỗ ăn ngồi, lẽ ấy công bằng lệ ấy minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan, vũ tứ phẩm dĩ thượng. Văn tứ phẩm, lục phẩm, vũ tứ, ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân.

Văn thất phẩm, vũ lục phẩm Pháp học tú tài, văn bát phẩm vũ thất phẩm bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp học sinh.

Các phẩm hàm nhà nước cho chỉ cùng các viên chức dự vào hàng văn giai, cứ chiểu phẩm trật mà nộp tiền khao vọng.

Văn cửu phẩm, vũ bát phẩm thì sai, chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó hội chưa có thứ vị 10,00$.

Lý trưởng, thủ quĩ, thư ký nội ban, tộc biểu chưa có vị thứ cùng những người thứ vị bằng hàng lý trưởng 4,00$.

Phó lý, thư ký ngoại ban, xã trưởng, quản lộ, quản thụ tiểu học tốt nghiệp học sinh cùng người thứ vị bằng lý trưởng 2,00$.

Lệ vọng 50, 60 tuổi, người giàu 2,00$, người nghèo 1,00$. 50 khẩu giầu, một chai rượu trước lễ thần, sau kinh dân, các thứ vị mua cứ chiếu theo thứ vị mà nộp khao vọng.

Các thứ vị phải nộp tiền trên này bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân trong một tháng hoặc hai tháng là cùng, phải đem nộp công qũy cho đủ, nếu ai đã quá hạn thời không những là trái hương ước, mà lại làm ngăn trở cho sự văn thì hương hội sẽ trừ thứ vị của người ấy đi và trình quan trên xét xử.

Tế lễ

Điều thứ 76: Việc xưa lễ thứ vị những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được thứ vị thời cũng được thứ vị trong đình.

Đồng niên tế lễ các tiết hết bao nhiêu tiền kể sau này.

Tháng Giêng ngày mồng năm Nguyên Đán làm lễ Kỳ Phúc là 6,00$ và ngày mồng 7 là 3,00$. Tháng 2 ngày 12 tế xuân, tế là 10,00$.

Tháng Tư Hạ Điền ngày mồng 10 là 6,00$. Tháng 5 ngày 12 lễ Kỳ Phúc là 2,00$. Tháng 7 ngày 15 Thượng Điền là 6,00$. Tháng 8 thường tân lệ là 6,00$. Thu tế là 10,00$. Tháng chín ngày 10 Khánh Hạ là 2,00$.

Tháng 11 ngày 12 lệ Kỳ Phúc là ngày lễ hết là 20,00$. Hương hội cộng ngân được 72,00$. Phụ lệ bầu tế chủ tả văn.

Điều thứ 77: Tế chủ tả văn thường phải soạn từ chiếu, chủ tả văn vũ các phẩm hàm, thứ đến chánh phó tổng nghị hội viên, chánh phó hương hội, lý phó trưởng nhưng tế chủ phải chọn người phẩm hàm đoan chính mà cắt tả văn thời phải chọn người chữ nghĩa tinh tả.

Điều thứ 78: Làng Đào Thục có 20 mẫu ruộng công điền thời 14 mẫu để chi về việc lễ quanh năm, còn 6 mẫu cứ mỗi năm một lần đấu giá bán chương để lấy tiền chữa chạy vào đình, chùa, cầu cống chi đến đâu thời bán đến đấy, còn thừa bao nhiêu để chi về việc quan dịch.

Điều thứ 79: Hương ước này làng chúng tôi xin tuân theo và ký kết sau này.

Nay lập hương ước

Đào Thục Le 2 September 1942

Thừa sao

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG CỔ LOA

Tổng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thi theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự. Sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chánh trị

Điều thứ 1: Việc chánh trị trong làng thì phải triển khai theo nghị định quan thống sứ ngày 13 tháng 8 năm 1921 về việc chỉnh đốn hương ước và phải tuân lệnh truyền đinh theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng 8 Tây 1921 thi những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

1) Khi phải đi xa trong vòng năm kilômét thì họ không được tiền lộ phí.

2) Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí, mỗi ngày là 0,80$ về việc lên tỉnh không được quá hai ngày, lên huyện cả đi về 0,40$ không được quá hai ngày. Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay rẽ đâu mà không có lệnh quan trên sức, theo như lệ, thời không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong hàng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định phải thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v...

Hễ đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoại giả không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời số tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ giữ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy. Cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết. Hễ yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài về, thời phải tường chánh hương hội, họp các tộc biểu lại mà bổ sưu thuế và các người giáp trưởng tại đình sở? (26 người giáp trưởng).

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch ở nhà nước hương hội cứ theo trong bài bổ mà bổ, không chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Làng phải người nào việc ấy phải hành thu mà nộp vào kho bạc.

Mà tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy ở quyển biên lai của nhà nước phát cho làng, sổ ghi những khoản gì thì tờ biên lai kê rõ những khoản ấy.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm và tục lệ làng vẫn theo lệ Gia Long chỉ dùng giầu nước phỏng 1,00$.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội thường họp hội đồng 2 kỳ vào ngày rằm và ngày mồng một. Từ 8 giờ đến 10 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội như là lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú, hay muốn hỏi việc gì thời cứ ngày giờ ấy đến sở mà tường. Hoặc ai có điều gì kiện cáo việc dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hương hội hòa giải, hương hội xử không xong thời mới được đi trình quan.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thời phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho 2 bên, nếu hòa giải xong thời lý trưởng phải sao biên bản và ghi vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong, hương hội lập biên bản để lưu chiểu. Hai bên nguyên bị phải ký vào biên bản ấy rồi vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn. Còn phải lập biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống và để cho tuần tráng sách nhiễu sự chủ.

Việc canh phòng trong làng - Tuần tráng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung cả làng, thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, người đi vắng hoặc mắc bận không ra canh được thời có thể nhờ bà con.

Điều thứ 20: Làng cắt 2 người trương tuần và 50 người tuần tráng lại cứ lấy 4 người đốc canh, thời là cần 46 người tuần tráng chia ra 12 điếm mỗi điếm 2 người cộng 24 người. Còn 22 người tuần tráng thì 1 người đốc canh, 8 người tuần tráng, đi tuần khắp các điếm cùng trong làng. Còn 14 người tuần tráng, thời 1 người trương tuần và 2 người đốc canh thay đổi thay nhau, đốc canh đi ngoài đàng. Hễ khi trong làng có cướp phát thì mỗi điếm chỉ trừ để 1 người cai điếm, còn các trương tuần đốc canh và tuần tráng nội ngoại nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay, nếu điếm nào bỏ không có người canh, hay là nghe hiệu không đến ứng cứu, hương hội xét thực phạt mỗi người 0,50$.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh làng sắm cho như câu liêm, gậy, giáo, mác trích tiền công sắm, hết hạn phải giao giả làng nếu ai đánh mất hoặc làm hỏng cái gì thời phải chiểu giá làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng có 12 xóm đặt 12 điếm canh, phí tổn về lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người canh thay. Nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần phạt 0,10$, lần thứ ba thì sẽ phải giải lên tòa án xét phạt về tội phạm vào điều 11 - điều thứ 227 trong luật hình.

Điều thứ 24: Ban tuần nào là trương tuần hay đốc canh và 1 người tuần tráng đến lượt đi tuần thời phải đi tuần chung quanh làng, đến tối sau lại cắt trương tuần hay đốc canh và 8 người trương tuần tráng khác.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, một đứa cướp thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa trộm, thì phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ.

Điều thứ 26bis: Trong khi sự chủ mất trộm cắp, hương hội phải đến khám xét ngay, xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thay cho lúa sương, thì hương hội trích tiền ấy đền cho sự chủ đã bị mất, rồi đến kỳ phát lương cho tuần ban ấy sẽ khấu trừ đi, chứ không nên chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi thành ra không có sự thực, còn như có việc cướp phát ra mà tuần phiên ứng cứu làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét thực tuần phiên không chịu hết lòng ứng cứu để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân, hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần, hai người đốc canh, 14 tuần tráng để trông coi đồng điền, chia làm 2 ban, mỗi ban bảy người thời trương tuần đốc canh thay đổi nhau đốc suất ban tuần ấy ra tuần đồng và sau cắt lượt đến trương tuần đốc canh và tuần tráng khác.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt mà cắt những người manh khỏe, ở các điếm sở phải có cái biên kê tên những người trương

tuần, đốc canh và tuần tráng, những người ấy lại phải ký tên nhận làm 2 bản danh sách tuần phòng, một bản giao lý trưởng để trình quan sở tại, một bản để lưu chiểu.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá, làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ, hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà bồi thường, cách đền đã nói ở điều 26 trên.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh hay phụ canh, đều đồng niên mỗi mẫu là sáu hào, tiền ấy làm 2 thứ một thứ tháng năm một thứ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày vụ gặt thì điền chủ phải đem nộp lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 36bis: Cấp cho trương tuần đồng niên mỗi người:

Đốc canh đồng niên mỗi người...

Tuần tráng đồng niên mỗi người...

Lý trưởng đồng niên mỗi người...

Thủ quĩ đồng niên mỗi người...

Thủ lộ đồng niên mỗi người...

Phó lý đồng niên mỗi người...

Cũng phát làm 2 kỳ tháng năm và tháng mười.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm đều được chu toàn thì làng cho ngôi xã cựu, không làm hết bổn phận thì phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất ngôi xã cựu. Trong làng lại đặt thêm một người khán thị để trông coi ở chợ, bảo phu dịch quét dọn cho sạch sẽ và cầm chấp chứa kẻ gian phi, làm 6 năm không có sự gì xấu thì được ngôi trùm bản.

Cấp cứu

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,70$.

Điều thứ 38a: Sự cứu hỏa tai cần phải sẵn có đồ chữa mới được, nếu cứ tay không chạy đến, mắt giương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng không làm gì được. Vậy làng phải trích tiền công sắm lấy 12 cái câu liêm thực tốt để mỗi điếm canh một cái, bất hạnh nhà nào bị hỏa thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải dỡ tắt khúc thời các câu liêm ấy kéo dỡ ngay đi. Và mỗi nhà phải sắm một cái ống nước - trừ nhà mẹ góa con côi thì thôi - làm bằng tre, bương dài độ một thước Tây, đầu để vẩy nước vạt nhọn, ống của ai phải khắc tên gia chủ người ấy, hễ nghe thấy chỗ nào phát hỏa thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến để lấy nước chữa cháy, sự chữa cháy xong, hương hội, lý phó trưởng và trương tuần điểm ngay số ống nào hay ống nào không thấy ướt xét thực thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như cái nhà bị hỏa tai, hương hội phải xét xem khởi tự đâu và nguyên có gì, thực là bất ý thì tha không phạt, nếu xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay đốt nhà để hôi của, thời hương hội giao lý trưởng giải trình quan huyện để xét xử.

Điều thứ 39: Ai vì sự cấp cứu bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trong thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất chi 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về giếng ăn nước dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thày thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực, đem ra tế dường không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vất xuống hồ, ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao hay chỗ dơ bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy đến sườn đê hay giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội để trình quan.

Điều thứ 47bis: Làng không có phận đê nhưng có nhiều đoạn thành cũ nay mai tuân lệnh quan trên tổ chức sự trồng cây, thủ lộ

phải trông coi những thành ấy không được để cho người ta đào cuốc đi hay lấy đất đem đi chỗ khác.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Phàm những đường cái công, cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thời phải xin phép quan trên cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội giải trình quan xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm được 3 năm chu toàn thời làng cho ngôi xã cựu, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng. Mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12 hội đồng cho rao mõ, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi những ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 52: Nếu hương hội không cho phép thời cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không ai được giồng giọt lúa, khoai lang, khoai sọ... ở bên trong bờ sông ngòi như thế sông ngòi dễ úng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn bò ở bờ ruộng, khi lúa đã tốt ai phạm hương hội phạt 0,10$. Nếu chăn bò ăn lúa của người ta thời phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ gìn, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày 8 tháng 3 Tây năm 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho, thời không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong. Những tờ giao kết nếu không được chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm mà thôi.

Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị thì cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cấm bán công điền công thổ, đáng lẽ chỉ chiểu theo chỉ dụ năm thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị đinh quan kinh lược ngày 20 tháng Tư năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 Tây năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng phải yết thị cho mọi người biết trước 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thời được, nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu, mở sòng gá bạc lấy hồ, thời hương hội phải khám xét và báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn có ý phạm cấm, thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội, nhưng vì mất phong thổ làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu ai đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao các việc ấy cho người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào, thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường ở làng để cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Việc chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 66a: Làng hiện có đủ tiền làm nhà trường, sẽ xin phép đặt một trường Pháp việt tiểu học và xin nhà nước bổ thầy giáo cấp lương cho.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi [illegible] ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền, để mua sách vở giấy mực cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai, cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, tiền mua đất cũng không được quá ba đồng 3,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

A. Cách quản phân riêng của làng xã

B. Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh trưng ao, hồ, sông con, tiền thuế điền thổ tiền lãi phiếu quốc trái ...v.v.

Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Làng có ruộng tế 27 mẫu, ruộng linh 3 mẫu 6 sào, hồ công 3 mẫu, cộng 33 mẫu 6 sào, mỗi năm cứ đến tháng Chạp Tây đấu giá lấy tiền sung quĩ.

Làng lại có một cái chợ một trăm ba mươi gian quán ngói. Hạng nhất 40 gian, mỗi gian đồng niên thu tiền cửa hàng 1,00$ cộng 40,00$, hạng nhì 40 gian mỗi gian 0,60$ cộng là 24,00$, hạng ba 50 gian mỗi gian đồng niên 0,30$ cộng 15,00$, tổng cộng 79 đồng, để sung công quĩ.

Duy ruộng hậu 3 mẫu giao cho người nhận canh để làm giỗ hậu chứ không bán đấu giá sung công.

Ai đã mua đấu giá được rồi thì tính bắt đầu từ ngày hội đồng bán đấu giá, hạn trong một tháng đến ba tháng là cũng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cầm lấy những ruộng, hồ đã bán trương cho người ấy để bán đấu giá lại, như ruộng đã cày cấy, hồ đã thả cá, cấy rau người ấy cũng phải mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân xã hội thời lễ hôn trọng vào bậc thứ ba, bốn lễ của gia tộc thời lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thánh hiền có để lại nhời chính đáng để dạy bảo cho tuân theo, đến như những nhời phương ngôn của ta thường nói "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói: vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thể hôn đó đến nay tục các nước văn minh, con gái cũng phải cho ăn học như con trai và để dành vốn riêng cho con gái chứ không nước nào đem gả bán để lấy tiền của nhà giai, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay hơn là thế, so ngay với hiện tục của dân ta ngày nay thời sao? Các điều nhầm dại không sao kể xiết được. Phần thời trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi hết các tệ tục ấy cho dễ tuân theo. Vậy các lễ hôn định như sau này.

1. Trong làng con giai từ 18 tuổi giở lên, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh lễ ăn hỏi, bố mẹ hai bên phải đến tường hội đồng biết để hương hội xét xem hai người đính lấy nhau ấy có cập lệ hay không và có điều gì ngăn trở hay không, rồi yết thị ra tại đình hay hội sở trong 5 ngày, cho ai nấy đều biết. Nếu tuổi hợp lệ

và không có điều gì ngăn trở thời nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn biện một chai rượu và một trăm miếng cau ra đình yết thần rồi nói với hương hội biên tên vào sổ giá thú, những giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Tiền cheo nộp làm 2 lệ, cheo nội 2,00$, ngoại 4 đồng.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai (lệ cheo) vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không phải chịu với làng nhẽ gì nữa, còn những tục hủ bại như chăng giây, đóng cổng, đóng cửa, nhà gái đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta, thời nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không gì đau đớn hơn là sự tử táng, trong làng xóm không ai tránh khỏi là cái khốn nạn ấy, ví bằng trong nhà ai bị cảnh ngộ ấy mà giết trâu bò, làm lợn gà, làm cỗ bàn mời dân làng ăn uống, việc..., thử hỏi lương tâm người làm con cháu thế có đáng không, chắc giả lời rằng không. Trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ, ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế yên không, chắc cũng giả lời không. Còn như việc hộ tang cho nhau thời là cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lần, chứ không phải đám ăn mà tìm đến. Thế mà tục hủ lưu truyền thói đời bạc bẽo, khi có việc tang bày ra mâm cao, cỗ đầy ma to chay lớn, lấy thế là đủ báo đáp cho cha mẹ vinh diệu với hương quan đến nỗi tốn trăm, tốn nghìn mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi! khi cha mẹ sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài ta thế, tế tuần nọ đến tuần kia để trả nợ miệng thiên hạ đã không ích đến người chết, mà lại hại cho người sống gọi là báo hiếu thế có lạ chưa? Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc

quen thói truyền nhiễm, hoặc e miệng thị phi nhầm dai là nhầm đối không giám đổi. Nay nhờ thương hiến nhủ lòng thương dân nhời diễn thuyết thực là tỏ tường, các tinh tục rất là chính đáng dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu có thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của. Kẻ bỏ xuyết chánh khỏi tiếng xấu, mà lại được tiếng khen vậy các lệ tang đinh như sau này:

1. Khi ai chết về mùa đông hay là không phải chứng bệnh truyền nhiễm hạn trong 48 tiếng đồng hồ phải đem mai táng, nếu ai chết về mùa hạ hay là bệnh truyền nhiễm thời trong 24 tiếng đồng hồ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giấu do tộc biểu về phái người tang chủ đến tường hương hội, sưu thuế xem tang chủ nộp lệ nào liệu mà cắt chấp hiệu, đô tùy và các đồ tang nghi để tống táng, các lệ ấy phân biệt như sau này:

Thượng lệ 10,00$: Hai người chấp hiệu cắt trong ban tộc biểu, 32 người đô tùy cắt vào giáp tang chủ từ 18 đến 40 tuổi, có vị thứ bằng hàng phó lý không phải đi.

Trung lệ 6,00$: 2 người chấp hiệu 16 đô tùy

Hạ lệ 2,00$: 2 người chấp hiệu 8 đô tùy.

3. Trước khi chuyển cữu người chấp hiệu và đô tùy làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi trên người chết thời vái 3 cái, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng hoặc ở dưới người chết thời phải lậy 2 lậy, để tỏ tinh thương xót lễ kính trọng của làng đối với người vong nhân. Về phần tang chủ phải đem tất cả anh em con cháu dâu rể những người phải để tang từ năm tháng giở lên ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ không có người thân thích trông nom về sự tử táng thời sưu thuế trích tiền công 3,00$ giao trương tuần mua một cỗ ván, rồi trông nom tuần tráng tống táng người ấy cho được chu tất và trích tiền công 1,00$ để chi tiền giấu nước cho tuần trong khi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp lễ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử, thế là tình nhà tang chủ đối với làng, làng đối với nhà tang chủ hai bên hoàn toàn không còn thiếu thốn nhẽ gì nữa. Nếu ai lấy thế lực mưu chước để nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc tiền nong, sưu thuế xét thực phạt 1,00$ và truất thứ vị người ấy trong hạn 60 ngày, chỉ có sau khi an táng tang chủ nếu muốn đãi người chấp hiếu, đó tùy bữa cơm thường thời tùy ý không cấm.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc lệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ trong làng làm trọng, để làm gương khích khuyến cho kẻ sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên, sự hi vọng ở trên đời thì ít chỉ trông mong ở con cháu thì nhiều, nếu cứ sống một tuần lại mất thêm một món, thời trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta cũng khó theo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn. Đến như người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ nằm ngồi, nhẽ ấy công bằng lẽ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan giở lên, võ tam phẩm thực chức giở lên tiền khao vọng 50,00$.

Văn tứ ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học truyền môn các khoa tiến sĩ, cử nhân 40,00$.

Văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học tú tài cao đẳng, trường tốt nghiệp học sinh ba mươi đồng.

Văn bát phẩm võ bát phẩm giở xuống bổ thụ chánh tổng 20,00$.

Thủ sai, chánh tổng phó tổng thưởng hàm lý, chánh phó sưu thuế chưa có vị thứ, Pháp học trung đẳng tốt nghiệp 15,00$. Lý trưởng, thủ quĩ, tộc biểu, nội ban thư ký chưa có vị thứ 10,00$.

Thư ký, ngoại ban thủ quĩ, trương tuần quản lộ, quản thụ, tiểu học tốt nghiệp 8,00$.

Hương lão 50 tuổi vọng 5,00$ và một buồng cau (hoặc 200 cau khô) hai chai rượu yết thần rồi tường hương hội biết (người nào nghèo thời thôi) còn 61 tuổi giở lên chỉ phải biện một buồng cau 2 chai rượu yết thần mà thôi.

Ngôi xã cưu 40,00$, ngôi xã nhiêu 10,00$, ngôi trùm 30,00$. Ba ngôi này nếu có việc gì cần bán thì phải có chữ quan trên y cho phép mới được.

Các viên chức hương lão phải nộp tiền lệ khao vọng trên này hạn trong 3 tháng phải nộp cho đủ. Nếu ai để chậm trễ, không những là trái hương ước và trở ngại cho sự chi thu, thời hương hội sẽ trừ thứ vị người ấy đi và trình quan trên xét nghĩ.

Việc sửa lễ

Tết Nguyên Đán 3 ngày, mỗi ngày gà 1 con giá 1,50$, oản 0,60$, rượu 0,30$, hoa quả 0,60$, hết 3,00$ cả ba ngày công 9,00$.

Mồng 4 tháng Giêng lễ thổ thần, gà 3 con 4,50$, xôi 1,800$, rượu 0,90$, giầu cau hoa quả 1,80$. Cộng 9,00$.

Mồng 6 tháng Giêng hội tế với tám làng (Cổ Loa, Văn Thượng, Mạch Tràng, Sằn Giã, Ngoại Sát, Đài Bi, Cầu Cả, Thư Cưu), mỗi làng một lễ chay oản 1,50$, hoa quả 0,50$ cộng 2,00$.

Tối mồng sáu tháng Giêng lễ Nhập Tịch lợn 10,00$, xôi 2,00$, rượu 1,00$, hoa quả 1,00$, giầu nước 1,00$, cộng 15,00$.

Mồng 7 tháng Giêng lễ sinh nhật đức công chúa, lễ vật theo như lễ Nhập Tịch cộng 15,00$.

Mồng 9 tháng Giêng lễ tiên đế đăng quang, bò 25,00$, xôi 5,00$, rượu 2,00$, chè 1,00$, hoa quả 1,00$, cá công 3,00$, cộng 37 đồng.

Tháng hai tháng tám lễ xuân thu, định theo như lễ Nhập Tịch mỗi kỳ 15,00$, hai kỳ 30,00$.

Mồng 7 tháng 3 lễ thăng hà, theo như lễ Nhập Tịch cộng 15,00$.

Hạ Điền, Thượng Điền mỗi lễ gà 1,50$, oản quả 0,60$, rượu 0,30$, hoa quả giầu cau 0,60$, hết 3,00$, hai lễ cộng 6,00$.

Ngày 11 tháng 8 lễ sinh nhật tiên đế theo như lễ đăng quang cộng 37,00$.

Ngày 14 tháng 8 lễ Đại Khánh theo như lễ Nhập Tịch cộng 15,00$.

Tháng mười lễ Thường Tân theo như lệ Nhập Tịch cộng 45,00$.

Ngày 18 tháng 12 lễ rước mã oản, quả, giầu, rượu cộng 3,00$.

Lễ trừ tịch gà 4 con 3,20$ xôi 0,50$ rượu 0,30$ hoa quả 0,50$, pháo 0,50$, cộng 5,00$. Mỗi tháng sóc vọng 2 tuần lễ oản, quả hết 3,00$, niên cộng 36,00$.

Đồng niên tiền giầu nến, đèn, miếu và đình cộng 40,00$.

Các khoản chi phí trong 3 ngày vào đám tháng Giêng tiền hát các trò 20,00$, chiếu 6,00$, vải tây 4,00$, dầu tây 4,00$, pháo 3,00$, thợ may thợ nhạc 6,00$, chi cho tuần coi đám 3,00$ giầu, cau, chè 6,00$, rượu 6,00$ cộng 58,00$.

Tổng cộng 317,00$.

Vị thứ

Trong đình vị thứ chia làm 5 dòng.

Dòng thứ nhất: Chiếu quan văn, võ, khoa mục, văn từ phẩm ấn quan giở lên, võ tam phẩm thực chức giở lên, thứ đến văn tòng tứ, võ tòng tam giở xuống cùng khoa mục từ trung học giở xuống.

Dòng thứ hai: Hương lão từ 80 tuổi giở xuống 70 cùng 50 tuổi giở lên.

Dòng thứ ba: Chức dịch tân cựu bổ thụ, chánh tổng, thứ đến chánh phó tổng, nghị hội viên, thưởng hàm chánh phó lý, trương tuần, quản lộ, quản thụ cùng những người vị thứ bằng hàng phó lý.

Dòng thứ tư: Hội đồng tộc biểu, chánh phó hương hội thứ đến thư ký, tộc biểu, ngoại ban thư ký.

Dòng thứ năm: Các chức hàm nhà nước cho quyền, cùng các ngôi thứ trong làng được phép bán, các phẩm hàm quyền phẩm hàm quốc trái, thứ đến xã cựu, ngôi trùm bán, xã nhiêu.

Các thứ vị nói ở trên này thời võ giai kém văn giai 2 trật, phẩm hàm thực chức ở trên phẩm hàm đối thụ, các chức dịch bầu cử ở trên các chức dịch quyền hay mua.

Phụ lệ kinh biếu

Đồng niên các đại tịch như phủ Nhập Tịch đăng quan, xuân thu đinh, thắng hà sinh nhất, Đại Khánh, Thường Tân; lễ xong chiểu theo trong sổ biếu đài của làng đã định mà cử biếu, còn thời đồng dân quân huệ, như tiệc nhỏ thời tế xong chỉ hương hội và những người có mặt quân huệ mà thôi. Những người tộc biểu trước kia không có chức phận, chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu thời cũng được vị thứ đinh trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hàng tiền mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Bán thứ vị

Khi làng cần phải bán vị thứ gì nữa phải trình các quan thủ hiến tỉnh cho phép mới được.

Cổ Loa le 20 Aout 1942

Phụng sao y như chính bản

Tiên chỉ

HƯƠNG ƯỚC LÀNG MẠCH LŨNG

Tổng Sáp Mai, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời. Bởi vậy cần nên cải lương, suy sét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước điều nào hai thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng Mạch Lũng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921, về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

Một là: Khi phải đi xa trong vòng 5km thì không được tiền lộ phí.

Hai là: Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là lên tỉnh 0,60$, lên huyện 0,40$.

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá một ngày.

Đi lại ở xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan sức theo như lệ, thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiếu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm, thăng chức, ngồi thứ, tổng lý làm ngôi cao lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ trong hương ước này thì ngoài ra không cần phải chịu khoản gì nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có biên lai thời món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ của chánh hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ sem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân làng biết. Hễ yết thị thời cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em ruộng nội (...) mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ từng người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý phó trưởng người nào việc ấy, phải hành thu mà đem vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phát lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì, thì ở tờ phát lai ấy cũng kê những khoản ấy như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội đồng thuế, cấm không ai được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp được ai trình, thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời lý trưởng lập biên bản trình quan sở tại hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong, hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được ăn uống hay là để tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người làm việc hiện trong các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay hoặc nộp cho làng ...$, để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm ...(?) ban mỗi ban canh độ ba tháng hoặc sáu tháng hoặc một năm, mỗi ban bầu một người trong ban làm đốc canh, khi trong làng có cướp phát thời tất cả các ban nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban canh đương thứ.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh của ai thời người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng lớn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm canh hay ít điếm, phí tổn làm điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người canh thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu hương hội phạt mỗi lần 0,10$, lần thứ ba thời phải giải lên tòa án xét phạm về tội phạm khoản thứ hai điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn quanh làng, để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được cướp thì thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự

chủ. Khi cướp phát, tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người la mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay căn cước đáng ngờ phải trình quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cứ một người trương tuần và ít ra là 10 người hoặc 14 người để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bao, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 30: Tuần tráng thời cứ cắt lượt mà cử chọn những người mạnh khỏe.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp của tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ, nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng can, thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam bắt tội được thì mấy phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa má hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần, không kể nội canh hay phu canh đều đồng niên mỗi mẫu là 0,50$, tiền ấy chia làm hai

thứ, một thứ tháng năm một thứ tháng mười, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ nay về sau cứ đến ngày vụ gặt thì điền chủ phải đem nộp tiền sương cho thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn, thời làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, hễ không làm hết bổn phận thời làng bãi chức, đã bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sạt trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải đến cấp cứu, nếu ai biếng nhác không đến hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trong thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, lại thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$, cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng dịch hai là phòng chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trịch tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết cấm không được vất xuống hồ, ao, ai phạm cấm hương hội phạt 0,50$, lại cấm không ai được làm chuồng lợn, hay chuồng xí ở gần hồ, ao, hay là những chỗ dơ bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải trông coi, đừng để người và súc vật hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ suờn đê hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn lúc nào đê cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được thì thủ lộ phải tường hương hội kê trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong lại phải đắp đẹp đẽ như trước.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm được ba năm chu toàn, thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay 12 hội đồng phải cho mõ rao, những người có ruộng gần ngòi lạch ấy phải khơi lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát bờ ruộng mà lại không đắp để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải

đến nữa. Cấm không được giống giọt lúa, khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông, ngòi, như thế sông ngòi dễ ùng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm không ai được chăn trâu, bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 cấm không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên, hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai, niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 Tây 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được. Như vậy cốt là khi làng có động sản và bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ, thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo mà còn có ý phạm cấm, thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng vì mất phong thổ làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu ai vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao các việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lẽ chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau, hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin bảo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học. Vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm nhà trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và người có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và nộp tiền kiểm cố cho làng là...(?).

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a. Cách quân phân giêng của làng xã.

b. Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh chưng ao, hồ, sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái v.v...

Mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Làng có ruộng công điền 23 mẫu và 6 mẫu đầm công, năm trước bán chương lấy tiền mua quốc trái, đến cuối năm 1927 mới hết hạn sẽ đem bán đấu giá sung công quĩ, ai đã đấu giá được ruộng rồi thì tính bắt đầu từ ngày hương hội bán đấu giá cho thuê, hạn trong 2 tuần lễ hoặc một tháng là cùng phải đem nộp tiền vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn, không những làm trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu của hương hội, thì hương hội sẽ cầm lấy số đất ruộng ấy, để bán đấu giá lại bán cho người khác và trình quan xét, còn như ruộng ấy đã cày cấy, trồng trọt hoa mầu thì người ấy cũng mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Các lệ hôn lễ định như sau này.

Một là con trai 18 tuổi con gái từ 17 tuổi trở nên mới được làm lễ giá thú.

Hai là trước khi làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết để hương hội xét xem hai người lấy nhau ấy có hợp lệ không, không có điều gì ngăn trở thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

Ba là khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện một chai rượu, 100 miếng giầu ra đình lễ thần, rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân hưê.

Bốn là nộp cheo nội 1,00$ cheo ngoại 1,00$.

Năm là khi đã nộp lễ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không còn phải tốn với làng nhẽ gì nữa, còn phong tục hủ lậu như chăng dây, đóng cổng, nhà gái đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta, thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tục lệ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh dịch thì phải chôn ngay, trong ngày hôm chết, nói rõ tục lệ, tang lệ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

Lệ tống táng trong làng nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phái nhà tang chủ, đến tường hương hội, hương hội xem nhà tang chủ nộp về lệ nào, rồi cắt chấp hiệu và đô tùy, cùng các đồ tang nghi đi tống táng các lệ ấy phân biệt như sau này.

Lệ thứ nhất: Nộp 10,00$ cắt 3 người chấp hiệu, 20 người đô tùy.

Lệ thứ hai: Nộp 6,00$, cắt 2 người chấp hiệu 20 người đô tùy.

Lệ thứ ba: Nộp 3,00$, 1 người chấp hiệu 12 người đô tùy.

Do người chết ở giáp nào, giáp ấy phải đưa ma, mà tiền trang đô tùy thì tang chủ phải biện, mà cắt từ 18 tuổi trở lên đến 44 tuổi, trừ những người có vị thứ và những người đau ốm không phải đi.

Còn người nào chết mà không có người tang chủ nhận chôn thì hương hội trích lấy 5,00$ tiền công quĩ, cấp cho mua ván đem chôn.

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Tiền vọng khao, tiền vọng lão v.v...

Mỗi thứ tiền này phải kê riêng ra từng mục.

Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm thực chức trở lên vọng 50,00$, văn ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân 30,00$, văn thất phẩm, võ thất phẩm hưởng thụ chánh phó tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 20,00$. Văn cửu phẩm, võ bát phẩm, thí sai chánh phó tổng phẩm hàm, lý phó trưởng, trượng nghị hội viên, chưa có vị thứ bằng lý trưởng 30,00$, có vị thứ 10,00$. Lý trưởng, thủ quĩ, thư ký tộc biểu chưa có vị thứ cùng những người có vị thứ bằng 20,00$, lý phó trưởng, thư ký, thủ quĩ ngoại ban và trương tuần, quản lộ, quản thụ, tiểu học tốt nghiệp học sinh cùng những người vị thứ, bằng phó lý chưa có chân thôn trưởng vọng 15,00$ và tổng lý không còn khoản gì được trừ tạp dịch, đê phụ lý phó hương trưởng quyền mãi hoặc đơn tư bản ký kết cùng người thư ký, đã có văn bằng và nộp 20,00$ thì được trừ tạp dịch, hoặc có tân đê tân giang được trừ một nửa phần.

Vọng hương lão từ 50 tuổi giở lên, hạng nhất 10,00$, hạng nhì 5,00$, cùng lễ phẩm với 50 quả cau hoặc 200 miếng cau một chai rượu yết thần kinh dân, người nào không có chân chức gì, hạng nhất thang thụ 5,00$, được trừ tạp dịch, vọng hương trưởng 1,00$, đi lính 6 năm mãn về, vọng 30,00$, cau rượu như lệ vọng lão, thì được ngôi hương trưởng, người 2, 3 anh em phải đi lính trả sư dân và không trúng tuyển phải nộp 10,00$, khi làng cần bản vị thứ gì sẽ trình quan trên cho phép. Các vị thứ phải nộp tiền khao vọng trên này, bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng, phải đem nộp công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn thì không những trái hương ước mà lại làm ngăn trở sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ của người ấy và trình quan trên xét xử.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ vi thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình, bản vị thứ v.v...

Đồng niên tế tự các tiết hết bao nhiêu kẻ sau này, tết Nguyên Đán 3 ngày và lễ động thổ 5,00$.

25 tháng Giêng lễ Khánh Hạ, xôi, gà, giầu, rượu 30,00$. Mồng 1 tháng 2 giao hữu với làng Lũng Đông phẩm quả lễ nghi 2,00$, mồng 9 tế lễ hà thần, xôi, gà, giầu, rượu 1,50$ và lễ khai quang xôi, gà 2,00$, mồng 10 lễ Khánh Hạ 2,50$, ngày 11 lễ Khánh Hạ một con lợn 10,00$, xôi 2,00$, giầu, rượu 1,50$, 12 phẩm quả, giầu, rượu chính tiệc 3,00$, lễ tống tịnh 2 con lợn mỗi con 10,00$, xôi 2 mâm 4,00$, giầu rượu hoa quả 6,00$ xướng ca 1,00$ lễ khai sinh 1,50$, ngày14 vàng mã tạ thần với tạ thiên quan 2,60$, mồng 3 tháng 3 lễ Thanh Minh 3,00$, lễ thượng Hạ Điền 4,00$, ngày 13 tháng... lễ sinh nhật quốc vương công chúa 2,00$, 19 tháng 7 lễ hóa nhật đức tam vị thánh ông 2,00$, 14 tháng 8 lễ sinh nhật tam vị thánh ông 2,00$ lễ xôi, mới cơm mới 6,00$, 23 tháng 12 lễ khai quang 3,00$, lễ Giao Thừa 2,00$, lễ Nguyên Đán và lễ Đoan Dương đình miếu 6,00$, lễ sóc vọng đồng niên ở đình miếu 24,00$.

Cứ đệ niên mỗi giáp phải nhận tiền đã kê trên này, để sửa lễ vật quanh năm và phải trông nom những đồ tế khí sự thần, phải biện phù trà, chiếu, bát để dân ngồi và dầu đèn, trong đại tiệc thì cấp cho 5 sào đất công, còn dầu đèn đình miếu cả năm hết 6,00$ thì trích lấy tiền công quĩ giao cho người thủ từ nhận chi. Tổng cộng 144,00$.

Vị thứ đình trung chia làm hai dòng

Dòng thứ nhất tư văn giai từ cửu phẩm giở lên cùng là Pháp học khoa mục, tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng trung học tốt nghiệp đến chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, trương tuần, khán thủ, quản lộ, quản thụ

đương chức, tiểu học tốt nghiệp, cùng các ông lão có chức vị từ 50 tuổi giở lên.

Dòng thứ hai võ giai từ cửu phẩm giở lên và tân cựu binh hương nhiêu, hương mục nhiêu nam, cùng các hương lão từ 50 tuổi chưa có vị thứ giở lên, thứ đến tráng đinh, cứ theo niên xỉ mà ngồi, các phẩm hàm nhà nước cho quyền, chiếu phẩm trật mà ngồi, các chức dịch từ phó lý giở lên, thì chức dịch bầu cử hơn chức dịch mua, còn chức phẩm hàm chức dịch, kẻ mới người cũ vị thứ như nhau không có phân biệt, còn vị thứ từ ngôi hương mục nhiêu nam trở lên mấy được dự tế đình trung, chưa có chức phận không có vị thứ, khi đã làm người tộc biểu thì có được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng hay mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Các thuế của làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa thuế trâu, bò và nhà cửa v.v... thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước.

Mỗi thứ thuế phải kê riêng từng mục. Các hạng thuế kể như sau này, chiểu thuế ngoại phụ và thuế chính ngạch trong bài chỉ thì thu 10,00$ được là (...) thuế trâu mỗi con 0,40$, thuế bò mỗi con 0,20$, thuế ngựa mỗi con 0,50$.

Làng có 10 cây gạo của công dân mỗi năm đấu giá bán bông hoa gạo được 3,00$.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này các điều khoản gì cũ trái với hương ước cũng bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên, thời hương hội tùy tình lý nhẹ nặng mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản chính; bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở quan sở tại, bản thứ ba ở quan tuần phủ, bản thứ tư ở tòa sứ.

Phụ điều thứ 36: Làng cấp lương cho lý trưởng 15,00$. Phó lý 10,00$. Thủ quĩ 10,00$. Thư ký 10,00$. Trương tuần 6,00$. Tuần phiên 12 người mỗi người là 12,00$, đồng niên thủ bạ 5,00$.

Thừa sao chính bản

Mạch Lũng le 1 September 42

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG ĐỒNG NHÂN

Xã Đồng Nhân, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Thừa sao hương ước village de Dong Nhan le 27 Aout 1942

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền từ trước, hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần mới cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào thời theo, mục đích làm cho gia tộc thịnh giàu, dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Chương thứ nhất
Điều lệ tổng cục

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921, về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

Một là: Khi phải đi xa trong vòng 5km thì không được tiền lộ phí.

Hai là: Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là lên tỉnh 0,60$, lên huyện 0,40$.

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá một ngày.

Đi lại ở xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan sức theo như lệ, thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu, trong làng xã đã phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm, thăng chức, ngôi thứ, tổng lý làm ngôi cao lên lão v.v...

Hễ đã đóng đủ tiền lệ trong hương ước này thì ngoài ra không cần phải chịu khoản gì nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có biên lai thời món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ của chánh hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội phải tính sổ sem thừa bao nhiêu, chi ra bao nhiêu còn lại bao nhiêu yết thị tại đình thời phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 8: Bổ sưu thuế nhà nước, lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thời họ nào giao thu họ ấy hành thu xong giao lý trưởng đem nộp kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai lấy ở quyển phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thời ở tờ phái lai ấy cũng biên thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thời lý trưởng trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải chịu đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội có thường hội đồng 2 kỳ vào ngày mồng 1 và 15 từ, 8 giờ sáng đến 10 giờ, ai có việc cần đến hương hội như là lĩnh tiền, nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú, hay là muốn hỏi việc gì cứ đến ngày giờ ấy đến sở hương hội mà tường, hoặc ai có việc gì kiện cáo thuộc về dân sự hay là về buôn bán trước hết phải trình hương hội hòa giải, nếu hương hội xử không xong thời mới được đi kinh trình quan, nếu người nào thiện tiện vi viết thời quan nghị phạt theo điều 79.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thời phải lấy lẽ chính đáng và lòng thành thực, (...) hương hội lập biên bản để lưu chiểu 2 bên nguyên bị đều phải ký vào biên bản ấy rồi lý trưởng trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong hương hội cũng dựng biên bản để lưu chiểu, nếu hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn, nếu không chịu thời hương hội phải trình quan cứu xử, mà hương hội lại tường hộ lại xin chiểu theo điều 79 nghĩ xử.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dầu không có phép hoà giải nhưng người có việc cũng trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ về việc hình sự phát ra, lập biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thời hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm tuần phòng, trừ ra những người đương làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục người đương đi học các trường và người có tật bệnh, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh phòng được thì có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, nếu có sự gì sơ suất thời người canh thay phải chịu trách nhiệm, cấm không được nộp tiền để làng thuê người canh thay.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm hai ban, một ban dự bị và một ban đương thứ, nếu khi nào trong làng có giặc cướp phát ra thời tất cả ban tuần dự bị nghe thấy hiệu động, thời phải đến cứu ngay mấy ban đương thứ.

Điều thứ 21: Những khí cụ để canh của ai người ấy phải sắm, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích lấy tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao trả làng.

Điều thứ 22: Trong làng đặt một điếm canh chung, tiền phí tổn tiền làm điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh hễ tối thời nổi hiệu trống mõ rao gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người ra thay, mắc dở không canh thời 2 lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 thời sẽ giải lên toà án xét phạm về tội phạm vào khoản thứ 2 điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lần đi tuần thời phải đi luôn chung quanh làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thời làng thưởng 1,00$, ngày đại tiệc dân biếu 3 quả cau, bắt được một đứa cướp làng thưởng cho con hay cháu ngồi xã cựu.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thời phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ. Khi giặc cướp phát ra tuần đã hết sức chống cự mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh trong làng ngoài đồng
Tuần tráng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần ở trong ban hương dịch bàn thứ tư và cắt 4 người tuần trong làng ngoài đồng để ngăn ngự kẻ gian phi.

Điều thứ 29: Tuần tráng phải chọn người mạnh khoẻ, trương tuần và tuần tráng phải ký vào 2 bản danh sách canh phòng, một bản giao lý trưởng để trình quan sở tại, một bản để lưu chiểu, ở các điếm sở phải có các biển kê tên những người trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào có tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trông coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm huỷ hại thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 32: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu, lý trưởng và hương hội.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn, thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn, thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm. Trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam xét mà bắt tội được thời dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ các thứ hoa màu và (...) ngoài đồng tuần phải canh giữ cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh hay phụ canh, đều đồng niên mỗi mẫu 0,40$ nộp làm hai thứ, tháng năm 1 thứ, tháng 10 một thứ, tiền ấy là tiền lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ đấy về sau cứ đến mùa gặt thời các điền chủ phải đem nộp cho thủ quĩ để cấp tiền lương cho tuần, lấy ở công quĩ ra phát cho trương tuần và tuần tráng một người đồng niên 6,00$, phát làm 2 kỳ, mồng 6 tháng 7 năm trước 1 kỳ, mồng 6 tháng Giêng năm sau 1 kỳ.

Điều thứ 37: Cắt trương tuần cứ chiểu trong ban hương dịch theo thứ tự phải nhận chức trương tuần ấy, còn tuần tráng cứ lần lượt trong làng mà cắt cử trừ ra những người đã có vị thứ khao vọng thời không phải tuần, lệ cắt tuần từ mồng 6 tháng Giêng năm trước đến mồng 6 tháng Giêng năm sau là mãn lệ hương hội cắt ban tuần khác.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hoả tai, cướp bóc hay là đê sạt trừ những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai trễ biếng không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$, sự cứu hoả tai cần phải sắm có đồ chữa mấy được, nếu cứ tay không đến giương mắt mà trông dẫu có nghìn người cũng vô ích, vậy làng phải trích tiền công sắm lấy các đồ để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hoả tai thời tuần đến cứu, nếu

cần phải chữa và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước, đầu vót nhọn móng lợn, của ai khắc tên người ấy vào, hễ nghe hiệu biết chỗ thất hoả thời mỗi nhà cần có một người đem ống ấy đến để vẩy nước chữa cháy, sự chữa cháy sắp xong, thì hương hội, lý phó trưởng và trương tuần phải điểm ngay xem số ống có hay không, nếu thiếu ống nào hoặc không thấy ống không có nước thời những nhà chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị hoả tai hương hội phải đến xét xem khởi sự từ đâu, vì duyên cớ gì, nếu thực bất ý thời tha không phạt, hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta hay là đốt nhà để hôi của nhà khác, thời hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền uống thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi xã cựu, bị thương đến chết làng cấp tiền cho 20,00$ và cả làng đi đưa ma và làng cho một tên hậu trận tháng bảy (?).

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho làng được mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh: 1. Là phòng bệnh - 2. Là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế phải biểu bảo những người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vứt uế vật ra ngoài đường và làm nhà xi' ven đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng uống nước phải tìm cách giữ gìn cho sạch sẽ, những tiền phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm được, lý trưởng phải trình quan ngay xin thày thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan xét thực đem ra dưỡng tế không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay là người chết cấm không ai được vứt xuống hồ, ao ai phạm cấm hương hội phạt

0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở ven hồ ao, hay là những chỗ hồ bên bờ có thể lở xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 17: Làng bầu một người quản xã để trông nom đường sá, cầu cống và đê điều thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều quản xã phải coi sóc chớ để người và súc vật làm hư hại đến đê, đường sá và cầu cống.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng hay là cày khoét đến bờ ruộng, hương hội xét thực thời người ấy phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 1,00$ bạc.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội tháo xong rồi lại phải đắp lại như cũ.

Điều thứ 50: Quản xã làm 3 năm được chu toàn, thời làng cho vị thứ cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường niên, làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch giữ nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng mười một hay là tháng mười hai, hội đồng cho mõ rao, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thời cấm không ai được đắp đất qua ngòi mà đơm cá cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$ cấm không được giống giọt lúa, khoai lang, khoai sọ... v.v ở ven bờ ngòi để úng tắc, ai không tuân sẽ phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã cấy, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa mạ của người ta thời phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm không được chăn vịt ngoài đồng khi đã gieo mạ cấy lúa, ai phạm Hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá hại lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày 3 Mars 1906 cấm những người tộc biểu, không ai được vay mượn hoặc cầm cố bán của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thời không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thời dầu lý trưởng áp trên cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người có tên ký ở đấy phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thể lệ ấy để thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thời dân làng dù bên nguyên hay bên bị, cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ có lệnh quan trên y cho phép mới được cầm bán, như vậy cốt là khi làng có động sản hay bất động sản thời hương hội phải đấu giá, yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thời được, nhưng hương hội phải lập biên bản và đính theo giấy trình để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện, mở sòng gá bạc lấy hổ thời hương hội xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn có phạm cấm, thời hương hội phải bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm cấm dẫu quan chiểu luật trị tội nhưng vì mất phong thổ làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế lễ và những người trong làng ai ăn trộm từ con cá, lá rau giở lên, hương hội xét đích đáng phạt từ 1,00$ giở lên và kẻ phạm ấy phải chiểu giá bồi thường cho sự chủ và cấm không được dự đình trung tế lễ.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Khi có quan trên đến làng thời lý trưởng đương thứ ra tiếp nếu đi vắng giao cho hương hội.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan An Nam đến làng thời tuần phải báo hương hội và lý trưởng.

Điều thứ 64: Chánh phó lý và hương hội phải lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi ở công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, có sự gì ngăn trở phải giữ cho cẩn thận.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học, vậy khi làng đủ tiền làm nhà trường thời làm ở trong làng, thời cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp cho thầy giáo, sẽ lấy ở tiền công dân.

Điều thứ 67: Theo lẽ thời trẻ con lên 8 tuổi phải cho đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách, giấy, bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng mình, dầu mua đất của ai nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng 3,00$, mua đất công hay tư cũng thế không được quá 3,00$.

Chương thứ III
Tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: 1. Làng có ruộng công ruộng hậu cộng là 69 mẫu 4 sào 6 thước, ao công 9 mẫu 5 sào 7 thước.

2. Đặt riêng 2 mẫu ruộng đem bán chương lấy tiền làm giỗ quan thái bảo ngày 2 tháng 3, cứ chiểu bản thứ tư trong ban hương dịch mua lễ vật đem đến nhà đang cai hội họp.

3. Đặt riêng 2 mẫu ruộng dân đinh, chiểu lần lượt cấy ruộng làm bốn ban giỗ hậu, thời cứ ngày giỗ ngày 18 tháng 2, ngày 26 tháng 3 ngày 11 tháng 8, ngày 23 tháng 11, mỗi bàn giỗ phải sửa lễ 1 cái sỏ lợn cân nặng 2 quan tiền, 1 cỗ xôi nặng 11 cân, 1 chai rượu, 40 miếng giầu, 500 vàng hồ, tường dân nhận lễ ấy đem đến nhà trưởng dân làm lễ, xong rồi biếu người trưởng 1 khẩu thịt, một đĩa xôi, một miếng giầu.

4. Đặt riêng 2 mẫu ruộng dân đinh chiểu lần lượt cấy ruộng làm 1 tiệc giỗ hậu trận nghĩa là những bậc tiền nhân có công trong mấy làng, cứ đến ngày 15 tháng 7 làm giỗ hậu là tỏ ra kỷ niệm công đức tiền nhân, đến lượt ai cấy thời phải mua lễ ngày 14 yết hoặc 1 cái sỏ lợn, ngày 15 một con lợn cân nặng 30 cân, gạo nếp 12 bát lệ, gạo tẻ 36 bát lệ, 100 miếng giầu, rượu 4 chai và phải mua kim ngân tài mã, tường dân số lễ vật trước khi cúng, tế lễ xong rồi đem về nhà cấy ruộng đồng dân hội ẩm và biếu mỗi tên hậu 1 phẩm oản, 1 khẩu thịt.

5. Đặt riêng 2 mẫu 4 sào ruộng dân đinh, chiểu lần lượt cấy ruộng mỗi năm 2 người phải nuôi 2 con lợn, mỗi con cân nặng 55 cân, thường niên đến ngày 12 tháng 10 và 12 tháng 11 đem lợn đến nhà đang cai tường công dân công nhận, thụ lễ tại đình.

6. Đặt riêng 2 mẫu ruộng giao cho người thủ từ cày cấy sửa đèn hương ở đình, cứ đến ngày 30 tháng 12 người thủ từ phải sửa lễ là 32 phẩm oản, 32 quả chuối, 32 miếng giầu lễ yết thần xong rồi từ kỳ lão chức sắc hương dịch quân huệ.

7. Đặt riêng ra 20 mẫu ruộng ra giao cho hương hội theo cách thức đấu giá được bao nhiêu tiền sung vào công quĩ cả, để chi tiêu các tiết quanh năm và tu bổ những nơi đình sở hay là đắp đường sá, cầu cống và cấp lương thầy giáo và phí lộ, việc quân và cấp lương cho trương tuần và tuần tráng cùng chi tiêu các phận vụ v.v...

8. Còn 39 mẫu 6 thước thời quản cấp cho nhân đinh, sự quản cấp kể từ những bậc hương lão 57 tuổi giở lên mỗi người được 2 sào ruộng, còn bao nhiêu từ 56 tuổi giở xuống cho đến 18 tuổi cứ niên xỉ mà ăn ruộng không được tranh giành.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Ngũ luân xã hội thời lễ hôn trọng vào bậc thứ ba, bốn lễ của gia tộc thời lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm dại, thành hiền có để lại nhời chỉnh đáng để dạy bảo cho tuân theo, đến như những nhời phương ngôn của ta thường nói "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó, lại nói: vợ chồng như đũa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự xấu đẹp thế là cách thể hôn đó, đến nay tục các nước văn minh, con gái cũng phải cho ăn học như con trai và để dành vốn riêng cho con gái chứ không nước nào đem gả bán để lấy tiền của nhà giai, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay hơm là thế, so ngay với hiện tục của dân ta ngày nay thời sao? Các điều nhầm dại không sao kể xiết được. Phần thời trái mất lễ nghĩa của thành hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kịp nên sửa đổi hết các tệ tục ấy cho dễ tuân theo. Vậy các lễ hôn định như sau này.

1. Trong làng con trai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh tục này là lễ ăn hỏi, bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết để hương hội xét xem hai người định lấy ấy tuổi có cặp lệ không và không có điều gì ngăn trở thời nhà trai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Trước khi thành hôn một ngày, thời nhà trai phải sửa lễ một chai rượu cúc, 200 miếng giầu ra đình yết thần, xong rồi tường với hương hội thu cheo nộp vào quĩ, giầu rượu ấy đồng dân quân huệ, đến hôm sau nhà sự chủ mới được làm lễ rước dâu.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 10,00$

5. Hạn sau khi thành hôn 3 ngày thời bố mẹ người trai gái phải dẫn hai người tân hôn và những người làm chứng cũng phải theo đến tường viên thủ bạ biên vào sổ giá thú.

6. Khi đã nộp cheo xong rồi không phải phi tổn với làng nhẽ gì, còn những tục hủ bại như cheo giáp, chăng giây đóng cửa, nhà gái đóng cửa nhà thờ cho lôi thôi thì cấm, ai phạm hương hội phạt 1,00$ bạc.

Tang lễ

Điều thứ 74: Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn bằng sự tử táng, trong làng, xem không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử tang, ví bằng nhà ai gặp cảnh ngộ ấy giết trâu, giết lợn mời dân làng thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không? Chắc trả lời rằng không, trong làng mình có người nào gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng trả lời rằng không. Còn như việc hộ tang cho nhau là sự cứu giúp nợ đồng lần, chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến, thế mà tục hủ lưu truyền, thói đời bạc bẽo, khi có việc làng bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay nhờn lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh diện với hương quan, đến nỗi tốn trăm, tốn nghìn, mất nhà mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi! Khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ đã không ích gì cho người chết lại làm hại đến cho người sống gọi là báo hiếu thế có lạ chưa. Cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc quen thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi nhắm thực là đổi không dám đổi.

Nay nhờ thượng hiếu rủ lòng thương dân, nhời giải thuyết thật là rõ ràng, các tinh tục thực là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu thiệt người không đến nỗi thiệt của, kẻ bỏ xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà được tiếng khen.

Vậy các lễ tang định như sau này.

1. Khi có ai chết về bệnh già hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu cứ chết về bệnh dịch bệnh tả các bệnh truyền nhiễm thời phải chôn ngay trong lúc mới chết.

2. Nhà tang chủ phải sửa 100 miếng giầu, người tộc biểu về phải ấy hay là người tang chủ đến tường hương hội xem nộp lệ nào, mà cắt chấp hiệu và đô tuỳ và các đồ tang nghi đưa tống táng, tang chủ phải lễ làng rồi làng mấy vào đưa ma như thế là trái nghĩa đồng bào, tục ấy làng cấm chỉ, từ này về sau không ai được tuân theo, ai trái hương ước này phạt 0,30$ các lệ phân biệt như sau này.

Thượng lê 6,00$, 3 người chấp hiệu 1 cái trống, 1 cái chiêng 1 cái lệnh thuỷ đưa đòn đại dư và các đồ tang nghi, còn đô tuỳ tùy nhà tang chủ xin bao nhiêu làng cũng cắt cho nhưng phải nộp tiền thưởng là 1,50$ người chấp hiệu, đô tuỳ lấy.

Trung lệ 4,00$, hai người chấp hiệu 1 cái trống 1 cái lệnh đưa đòn đại dư và các đồ tang nghi, còn đô tuỳ nhà tang chủ xin bao nhiêu làng cũng cắt cho, nhưng phải nộp tiền thưởng 1,00$, người chấp hiệu đô tuỳ được lấy.

Hạ lệ 2,00$, 1 người chấp hiệu 1 cái lệnh thuỷ, 1 cái trống còn đưa đòn dư các đồ tang nghi còn đô tuỳ nhà tang chủ xin bao nhiêu làng cũng cho, nhưng phải nộp tiền thưởng 0,50$, người chấp hiệu đô tuỳ được lấy.

3. Trước khi chuyển cữu người chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là trong đám chấp hiệu và đô tuỳ, ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thời chỉ vái 3 vái, còn ai ngang hàng hay ở dưới người chết thời làm lễ thượng ấp hạ bái để tỏ tình thương xót của làng đối với người chết.

4. Về phần tang chủ thời phải đem tất cả anh em dâu rể, con cháu nội ngoại là người phải để tang người chết từ 5 tháng giở lên ra đáp lễ làng, kể từ những người ngang tuổi người chết giở xuống đến những người 18 tuổi đều phải đưa ma ra đồng cho mồ yên mả đẹp, phải theo một hàng cho đều vải 3 vải, lúc về những người chấp hiệu và đô tuỳ phải rước các đồ tang nghi về nhà tang chủ là để hết tinh của làng đi mấy nhà tang chủ, 2 bên hoàn toàn cả, không thiếu nhẽ gì, về phần nhà tang chủ phải sửa 100 miếng giầu để mời những người đô tuỳ chấp hiệu, ăn giầu xong rồi giải tán, cấm chỉ không ai được sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống, tiền bạc hay vải trong các đồ tang nghi đều không ai được lấy, nếu nhà tang chủ có hậu tình mời giầu, ăn uống, hay đặt tiền hay vải trắng quá lệ nhất thiết cấm chỉ, ai phạm làng phạt 1,00$.

5. Nhắc người chấp hiệu: nếu người chết có khoa mục, phẩm hàm, chức tước thời làng cứ phẩm hàm chức tước ngày sống cất cử, còn người nào không có chức thời cứ chiểu tuổi ngang hàng hay dưới tuổi người chết mà vào chấp hiệu, hoặc người vợ thời làng cũng phải chiểu theo chức tước hay cùng chồng cất cử.

6. Tế đám ma nhà tang chủ mời dân tế trước khi phải sửa 20 miếng giầu tường dân xin tế, mấy tuần sau lại sửa 20 miếng giầu tường viên tả văn xin văn tế, thời từ kỳ lão chức sắc hương hội, hương dịch, xã cựu giở lên là những viên chức đã có vị vọng đều được dự tế đám ma, hoặc những người có khinh tang hay trọng, làng đã cắt vào tế không được từ chối, mà những người đến tuổi hay chức tước hơn người chết chỉ đến thị lễ mà thôi, nếu thiếu người tế cũng phải vào tế đến khi tế xong rồi, nhà tang chủ mời giầu ăn uống những hậu bạc tuỳ tình, cấm không ai được sách nhiễu, sau nhà tang chủ phải sửa 100 miếng giầu để cảm ơn dân, nếu ai sách nhiễu làng phạt 0,50$.

Điều thứ 75: Lệ tiền khao vọng, lên lão, lên ngôi, bán xã cựu, bản hậu v.v...

Các quan có sắc lệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ trong làng làm trọng, để làm gương khích khuyến cho kẻ sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên, sự hi vọng ở trên đời thì ít chỉ trông mong ở con cháu thì nhiều, nếu cứ sống một tuần lại mất thêm một món, thời trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta cũng khó theo vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn. Đến như người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ nằm ngồi, nhẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm thực chức trở lên vọng 30,00$, sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 bức câu đối vóc đại hồng và một bánh pháo. Văn ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiền sĩ, cử nhân dĩ thượng vọng 12,00$, sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 bức câu đối vóc đại hồng và một bánh pháo. Văn thất phẩm, võ thất phẩm hưởng thụ chánh phó tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 10,00$, sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 bức câu đối vóc đại hồng và một bánh pháo. Văn bát phẩm, võ thất phẩm dĩ hạ Pháp học trung học, học sinh, bổ thụ chánh tổng tiền vọng 6,00$ sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 bức câu đối nhiễu điều và một bánh pháo. Thí sai chánh phó tổng, nghị hội viên, thương hàm lý phó trưởng, chánh hương hội vọng 3,00$, sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 bức câu đối đỏ và một bánh pháo. Lý phó trưởng đương thứ, trưởng ba, thủ bạ đương thứ, thư ký quản xã, trương tuần tiền vọng 3,00$, sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 bức câu đối vải hiên Tây và một bánh pháo. Những người tộc biểu chưa có chức phận gì, vọng khi đã cũ hoặc phó hương hội và thủ quĩ tiền vọng 40,00$, sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại 1 đôi liễn Tầu và một bánh pháo. Những người trước đây chưa có phận gì đã cử làm tộc biểu phải nộp tiền vọng 35,00$ sửa một tiệc rượu mời đồng dân, dân mừng lại

một bánh pháo. Nhưng các viên đã có khao vọng ở trên này và những người đương đi học các trường cùng các người binh lính, đều được tinh trừ phu tuần, tạp dịch.

1 – Lệ bán ngôi xã cựu: Nếu dân có việc cần tiền phải xin phép quan cho mới được phép bán ngôi xã cựu, lệ dịch phải nộp thành tiền là 50,00$, sửa một tiệc rượu đãi đồng dân, dân làng ký kết, giao cho viên xã cựu chấp chiểu làm bằng, còn vị thứ đóng chữ quan xã, việc kén chọn xã cựu trừ những người phạm Tây, Nam án, thanh tich bất hảo và những người ngụ cư không được bầu làm chức ấy.

2 - Hai là ai được 57 tuổi lên ngôi hương lão phải sửa xôi 1 nồi, gà 1 con, rượu 1 chai, 20 miếng giầu lễ yết thần đồng dân quán huệ. Nếu ai có muốn khao lão mời dân từ 80 tuổi trở lên, dân mừng một bức câu đối vóc đại hồng, một bánh pháo. 70 tuổi dân mừng một bức câu đối nhiễu. 54 tuổi dân mừng một đôi câu đối vải Tây, một bánh pháo.

3 – Lệ lên hương dịch có 4 ban hội là ban hương dịch. Ai lên bàn 4 vọng 3,00$, một chai rượu cúc, 100 miếng giầu. Ai lên bàn 2 vọng 2,00$, nếu ai đã có vị vọng rồi mà lên ngôi thì không phải nộp tiền lên ngôi nữa.

4 – Lệ bán hậu, nếu làng có việc cần tiêu mới được bán hậu, lệ dịch phải đặt 5 sào ruộng tốt, nếu không có ruộng thế tiền là 50,00$ và tiền lệnh 0,40$, sửa một bữa tiệc lễ thần mời đồng dân làm đơn.

Lúc ông bà hậu sinh thời, đang thường niên đến ngày 12 tháng 10 và 12 tháng 12, mỗi tiệc dân biếu một mâm cỗ, 3 quả cau, 1 be rượu, đến khi chết, dân sửa lễ viếng phúng. Sau cứ ngày giỗ, dân sửa một cái sỏ lơn, 1 mâm xôi, 1 chai rượu, 40 miếng giầu, 1 lạt vàng hộ, đến nhà trưởng làm lễ, xong rồi biếu người trưởng 1 khẩu thịt, 1 đĩa xôi, 1 miếng giầu. Lễ khao vọng đã nói ở trên này, nếu ai không có chức vị mà nộp tiền vọng thời cũng theo như tráng đinh mà thôi, đến như hễ không cứ đã nộp tiền vọng mà không khao được, thời người ấy không được đi ăn khao của người khác nữa, chỉ trừ ngôi lão, ngôi

hương dịch không phải khao chỉ phải nộp tiền vọng thôi. Nếu ai có hậu tình mời dân cũng được, hay là ai muốn tế thọ cho cha mẹ, mời dân cũng tế thọ cho, còn sự ăn uống hậu bạc tùy tình.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc tế lễ vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được thứ vị thời cũng được vị thứ tráng đinh bán vị thứ (...).

Tục tiến lễ vật

Tết Nguyên Đán 3 ngày 6,00$ tu lễ, ngày 6 tháng Giêng tiệc Khánh Hạ, tu lễ, ngày 10 tháng 2 tiệc Khánh Hạ 2,00$, tu lễ, hạ tiết kỳ an 30,00$ tu lễ, ngày 4 tháng 5 tiệc Khánh Hạ 2,00$ tu lễ, ngày 14 tháng 9 tiệc trung thu 3,00$ tu lễ.

Ngày 12 tháng 10 tiệc sinh nhật 10,00$ tu lễ.

Ngày 12 tháng 11 tiệc hoá nhật 20,00$ tu lễ.

Ngày 12 tháng 12 tiệc chạp 2,00$ tu lễ.

Ngày 30 tháng 12 Giao Thừa 3,00$ tu lễ.

Đồng niên các tuần sóc vọng mỗi tuần 0,50$ tu lễ. Đồng niên các tiệc giao cho 4 người bàn tư lĩnh tiền công quĩ ra mua lễ vật.

Tiệc cai đám

Trong hương dịch cứ 12 người chiểu niên xỉ lần lượt mỗi người nửa năm, dân trích tiền công chi tiền củi lửa, tương muối mỗi người 1,00$.

Vị thứ trong đinh chia làm hai dòng

Dòng thứ nhất: Chiếu gian văn vũ, phẩm hàm dĩ hạ đến chánh tổng, hội nghị viên, lý trưởng dĩ thượng ngồi chiếu cạp đỏ, đến như phó lý, chánh phó hương hội, thủ quĩ, trưởng ba, thủ ba, thư ký, quản xã, quản lộ, trương tuần, xã cựu, tộc biểu được ngồi chiếu cạp xanh, các chức vị nói ở trên này thời vũ giai kém văn giai 2 trật.

Các chức dịch bầu cử hơn các chức dịch mua, cứ chiếu phẩm trật thứ vị mà ngồi không kể niên xỉ.

Dòng thứ hai: Hương lão từ 57 giở lên được ngồi chiếu cạp đỏ, thứ đến ban hương dịch được ngồi chiếu cạp xanh, còn dân đinh cứ chiếu niên xỉ mà ngồi chiếu trắng.

Còn như chiếu lễ trung đinh, thứ vị ngồi chiếu nào thời cứ chiếu theo thứ tự chiếu ấy mà lễ, nếu ai không tuân mà lễ lẫn lộn phạt 0,10$.

Tế trung đinh

Cứ cắt cử chức tả văn tế chủ đọc chúc luôn ở hàng chiếu quan văn võ dĩ hạ, chánh phó tổng, nghị hội viên, lý trưởng dĩ thượng, còn đông tây xướng, các viên chấp sự luôn ở trong ban hương dịch và chánh phó hương hội, thủ quĩ, thư ký, trưởng ba, thủ ba, quản xã, trương tuần, xã cựu, tộc biểu chỉ trừ ra những người ngụ cư hay là tàng tật tuy có vị thứ nhưng không được dự tế đinh trung.

Lệ kính biếu

Đại tiệc ngày 11 tháng 12 biếu người tả văn 1 cái thăn lợn 1 tấc An Nam, nửa nồi gạo xôi, 1 chai rượu, 50 quả cau, biếu người chủ tế 20 quả cau. Biếu người đọc chúc đông tây xướng mỗi người 10 quả cau, biếu các viên chấp sự mỗi người 3 quả cau.

Những người có chức sắc đã khao vọng cùng các bậc kỳ lão từ 57 tuổi giở lên kính biếu mỗi người 3 quả cau, còn các tiệc khác hậu bạc tuỳ tình dân nghị.

Điều thứ 77: Các thuế của làng như thuế ngựa, thuế trâu, bò, thuế nhà cửa v.v....

Thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước, mỗi thứ thuế phải kê từng mục.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoán ước này các điều khoản gì cũ trái mấy hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên thời hương hội tuỳ tình khinh trọng mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế lễ, 1 hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Tùng giới

1. Nếu ai phạm Tây, Nam án, không được dự tế đình trung.

2. Người nào ăn trộm từ con cá lá rau giở lên, hương hội xét tội khinh trọng mà phạt từ 0,20$ giở lên, trong 2 lần còn phạt thêm, qua ba lần thời cả làng không ăn ngồi mấy người ấy, cho riêng một mình và cấm không được dự tế đình trung.

3. Làng đương hội họp ở nơi công sở, nếu ai ăn nói không có lễ phép mấy làng và làm náo động ở chốn công chúng, làm cho mất phong hoá của làng thời hương hội tuỳ xem tội khinh trọng mà phạt từ 0,30$ giở lên, trong 2 lần làng phạt tiền, nếu quá 3 lần lánh xa người ấy ra ngồi 1 mình, cấm không ai được ăn ngồi mấy người ấy nữa, không được dự tế đình trung.

4. Nếu ai phận phải tu lễ vật sự thần, không được tinh khiết phạt 0,20$.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào hội tế thần, thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những điều lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thời dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ ký các người tộc biểu, có chữ quan sở tại phê vào và các quan trên duyệt y, rồi mới được để lưu chiểu.

Le 29 Aout thừa sao hương ước chính bản

Đồng Nhân

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ ĐƯỜNG YÊN

Tổng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên (Hương ước năm 1932)

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ trước hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế. Bởi vậy cần mới cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào thời theo, mục đích làm cho gia tộc thịnh giàu, dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Chương thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám năm 1921 về việc chỉnh đốn hương ước và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 thời những tiền lộ phí cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

Một là: Khi phải đi xa trong vòng 5km thì không được tiền lộ phí.

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, mỗi ngày 0,60$, khi lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá một ngày, mỗi ngày 0,40$.

Đi lại ở xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan sức theo như lệ, thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921, về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng xã đã phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức, ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão v.v... Hễ đã đóng đủ tiền lệ trong hương ước này thì ngoài ra không cần phải chịu khoản gì nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có biên lai thời món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ của chánh hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ sem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân làng biết. Hễ yết thị thời cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ từng người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý phó trưởng người nào việc ấy phải hành thu mà đem vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phái lai ấy cũng kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm không ai được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội phải tường hội đồng hai kỳ là mồng một và ngày 15, trong làng ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, nộp tiền xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hoặc ai có kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp được ai trình, thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều bắt ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải giao sao biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Việc hòa giải không xong, hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được ăn uống hay là để tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người làm việc hiện trong các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, còn người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, không ra canh được thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có một khu giao cho phó lý và trương tuần phải cắt lấy tuần mà phải chọn lấy 5 người khoẻ mạnh của tộc mình để ra tuần, nếu khi có động hiệu thì đinh tráng và cả làng từ 18 đến 49 tuổi đều phải đến ứng cứu ngay.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh như câu liêm, gậy, giáo, mác phó lý trương tuần phải trích tiền lúa sương ra mà sắm cho đủ đồ dùng.

Điều thứ 22: Làng đặt điếm canh phí tổn xây dựng do công quĩ.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người canh thay nếu bỏ không canh thời hai lần đầu hương hội phạt mỗi lần 0,10$, lần thứ ba thời phải giải lên tòa án xét.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn quanh làng, để cho cướp khỏi vào (...).

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp thì thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm thì phó lý trương tuần và tuần tráng đều phải chiểu mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cướp báo

hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp lúa sương thì hương hội trích khoản lúa sương ấy đền cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy, nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ để đến kỳ sau, hoặc lại còn thiếu trách cứ phó lý trương tuần phải nộp đền cho sự chủ, nếu khi có sự cướp phát to mà tuần ứng cứu làm hết bổn phận thì không phải đền chi, trừ ra xét được ban tuần không chịu hết lòng ứng cứu để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiếu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay căn cước đáng ngờ phải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng có một khu giao cho phó lý trương tuần cắt 8 người tuần trông nom ngoài đồng, nếu ngoài đồng động hiệu thì tất cả đinh tráng trong làng đều phải ra ứng cứu ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt mà cứ chọn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần phải ký vào hai bản danh sách canh, một bản trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các sở phải có cái biển kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp của tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn, thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa má hoa mẫu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Ngoại canh đồng niên mỗi mẫu 0,40$ còn nội canh đồng niên mỗi mẫu bốn đấu thóc, đo đấu mười lăm là đấu ba bát, nộp một kỳ tháng mười, quân làm sáu phần, đưa lý trưởng một phần, còn năm phần giao cho phó lý, trương tuần và tuần tráng, nhưng mất gì phải đền ấy (...) còn hạ hoà mỗi mẫu 15 đấu đo đấu 3 bát(...), đậu cứ mười luống cho một luống nộp vào kỳ ngũ nguyệt, phó lý, trương tuần cứ chiểu thế mà thu để phát cho tuần không được thu hơn khoản gì nữa.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn thời làng cho vị thử tộc biểu, cũng như là phó lý, hễ không làm hết bổn phận sẽ phải bãi dịch, mà không được ngôi tộc biểu, nếu trương tuần làm một năm thì không được chiểu theo lệ ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đê sạt trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải đến cấp cứu, nếu ai biếng nhác không đến hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu thuỷ tai

Khi nước sông to đê điều nguy cấp cần phải sang hộ, hễ tiếp lệnh sức hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay, vật liệu trừ đê và lương thực đinh tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hoả tai

Sự cứu hoả tai cần phải có sẵn đồ chữa mới được nếu cứ tay không chạy đến mất giương mà trông thì trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng trích tiền công sắm câu liêm thực tốt để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hoả tai thì tuần đem dân đến cứu, nếu cần phải dập tắt đi thì các câu liêm ấy kéo dập ngay đi và phải sắm một cái ống phụt nước làm bằng tre dài độ một thước Tây, đầu để vẩy nước, ống của nhà ai khắc tên chủ của nhà ấy vào, nghe hiệu biết chỗ nào cháy thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống phụt ấy đến lấy nước chữa cháy, sự chữa tắt xong hương hội, lý phó trưởng và trương tuần phải đếm ngay xem số ống có đủ hay không, nếu thiếu ống nào hay ống nào không có đầu nước ướt thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị cháy, hương hội phải đến xét xem khởi sự từ đâu vì duyên cớ gì, nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta hay đốt nhà để hôi của nhà khác, thì hương hội bắt giao cho lý trưởng giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu lại thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$, làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng dịch hai là phòng chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế thường hiểu bảo người làng phải giữ ngõ riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để đón thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ coi sóc đừng để người và súc vật hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được, thì thủ lộ phải tường hương hội kẻ trình quan, còn những lệ kỹ càng về sự canh phòng đê thì phải chiểu theo nghị đinh ngày mồng một tháng bảy 1927.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải xin phép quan cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan xét nghĩ, còn đường cái riêng của làng ai cần tháo nước qua đường, trước phải xin phép hương hội tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm được ba năm chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu, nếu làm không hết bổn phận thời phải bãi dịch, nếu thủ lộ làm được một năm không được chiểu theo lệ ấy.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hội đồng phải cho mõ rao, những người có ruộng gần ngòi lạch ấy phải khơi lấy bùn đổ vào ruộng cho tốt.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát bờ ruộng mà lại không đắp để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không ai được giồng giọt lúa, khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông ngòi, như thế ai không tuân phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm không ai được chăn trâu, bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$ nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa, lại cấm không ai được ra đồng mà có lòng gian mà cắp lấy vật gì của người ta như là dây củ, đỗ, dọc khoai v.v... Tuần bắt được trình hương hội phạt từ (...) đến sáu hào, nếu tuần không bắt được người ấy thì tuần phải chịu như người phạm.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1926 cấm không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu có lý trưởng áp trên cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm giêng mà thôi. Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai, niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 Tây 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được. Như vậy cốt là khi làng có động sản và bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ, thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo mà còn có ý phạm cấm, thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng vì mất phong thổ làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự (...) ngày tế tự sự thần.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu ai vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao các việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lẽ chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa. Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học. Vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường, thời phải làm nhà trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền, để mua sách vở giấy bút cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký tảng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và người có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thì thôi, còn những người có gia sản ở làng thì phải trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký tảng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$ mua đất công hoặc tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ

Cách quản phân giêng của làng xã. Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh trung ao, hồ, sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái v.v... làng có mười mẫu ruộng công, cứ mỗi năm phó trưởng, trương tuần cấy bốn mẫu phải nộp lệ cung đãi dân nghĩa, còn giao hai mươi người thôn dịch cấy mười mẫu, phải nộp lệ thần mười hai tháng một và phải sửa sóc vọng quanh năm hai mươi bốn tuần và giao cho bốn người cai đám cấy năm mẫu, phải nộp các lệ thần quanh năm.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ ba, bốn lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để (...) lại chính đáng để dây tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó (...) mà không nói gì xấu đẹp thế là cách thể hôn, xem như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng cho ăn học như con trai và để dành tiền vốn riêng cho con gái, chứ không đem con gái bán lấy tiền của nhà trai ấy, luân lý phân minh thế, tinh tục hay là thế cứ sánh mới hiện tục của dân ta, ngày nay thì bản các điều nhầm dại không sao kể xiết được, phần thời trái mất lễ nghi của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi lại các tệ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

Một là con trai 18 tuổi con gái từ 17 tuổi trở lên mới được làm lễ giá thú.

Hai là trước khi đã làm lễ vấn danh bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết, để hương hội xét xem hai người lấy nhau ấy có hợp lẽ không, không có điều gì ngăn trở thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

Ba là khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện một chai rượu, 100 miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

Bốn là nộp cheo nội 0,20$ cheo ngoại 0,60$.

Năm là khi đã nộp lễ lan giai vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không còn phải tốn với làng nhẽ gì nữa, còn phong tục hủ lậu như chăng dây, đóng cổng nhà gái đóng cửa nhà thờ cheo xóm, cheo họ,

cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Nói rõ tục lệ tang lễ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn bằng sự tử táng, trong làng không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vi bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà trâu lợn làm lễ bàn mời dân ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không, chắc giả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ý mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ mà ăn uống no say nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân như thế có yên không, chắc cũng giả lời rằng không, phải là vì cái ăn mà tìm đến thế mà tục hủ lậu truyền thói đời bạc, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh rượu mới hương quan, đến nỗi tốn trăm tốn nghìn mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết mà lại cho người sống là bảo hiếu thế có lạ chưa, cũng có người biết là tục giở hoặc thói truyền nhiễm hoặc sợ miệng thị phi, nhắm chịu là nhắm đổi không dám đổi, nay nhờ thương hiền nhủ lòng thương, nhời diễn thuyết thực là tỏ tường các tình tục chẳng là chính đáng dân ta bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà tang dẫu có thiệt người nhưng không thiệt của. Kẻ bố quyết chánh khỏi tiếng xấu mà lại được khen, thời vậy các điều như sau này.

Một là: Khi có ai chết vụ đông hay không phải bệnh truyền nhiễm thì trong 48 giờ đem mai táng, nếu chết về vụ hạ hay bệnh truyền nhiễm thì 24 giờ phải đem chôn ngay.

Hễ là: Nhà nào có đám ma phải sửa một miếng giầu cho người tộc biểu về phải nhà tang chủ đến tường hương hội, xem nhà tang chủ nộp về lệ nào, rồi cắt chấp hiệu và đô tùy, cùng các đồ tang nghi đi tống táng các lệ ấy phân biệt như sau này.

Nhà nào giàu có mà nộp cho làng 1,00$ thì làng cắt hai người trưởng giáp của hai giáp đi chấp hiệu và đô tuỳ hai giáp đủ người chấp đồ tang nghi đi tống táng, thì nhà gia chủ phải sửa bữa cơm thường cho những người chấp sự ấy ăn mà thôi. Nhà nào nghèo không nộp được 1,00$ cho làng thì người trưởng giáp của người chết ấy phải cắt 8 người đô tuỳ ở trong giáp ấy mà đi tống táng, người gia chủ phải sửa bữa cơm thường cho các người đô tuỳ ấy ăn mà thôi.

Ba là: Trước khi chuyển cữu chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết thời chỉ vái ba vái, còn ai vị thứ hay tuổi ở ngang hàng hay ở dưới người chết phải lễ hai lễ để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ phải dẫn tất cả anh em con cháu ngoại nội ra đáp lễ cả.

Bốn là: Người nào chết mà nghèo khổ không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích tiền công cho mua ván và tống táng cho người chết ấy, lại trích 1,00$ để chi tiền giầu nước cho những người trong khi làm việc ấy.

Năm là: Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ hai bên hoàn toàn không thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu mẹo để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc sự tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và bãi vị thứ ở đình trung trong hạn một trăm ngày, chỉ có khi sau an táng nhà tang chủ nếu muốn đãi chấp hiệu và đô tuỳ một bữa cơm thường tuỳ ý không cấm.

Sáu là: Làng nên chọn một khu đất công cao ráo sạch sẽ chung quanh trồng cây để làm nơi nghĩa địa, không nên mê hoặc phong thuỷ chỗ này chỗ khác đã vô ích mà lại hại thêm.

Những tiến khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng tiền khao vọng lão v.v... mỗi số tiền phải kê ra từng mục.

Khao vọng thuyết

Một là: Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước, ai cũng kính trọng không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng đình thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng để làm gương khích khuyến cho người sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên sự hi vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông mong con cháu thì nhiều, nếu cứ sống một tuần lại mất thêm một món tiền thời trước trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người nào khó nghèo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn, còn như người chưa có thứ vị thời phải nộp tiền khao vọng mấy được chỗ ăn ngồi, lẽ ấy công bằng lệ ấy minh bạch.

Hai là: Văn tứ phẩm, vũ tam phẩm dĩ thượng, nhà giầu có khao dân được ba bữa rượu thường, hai bữa thượng hạ đồng dân ẩm thực, một bữa từ 18 tuổi trở lên, cứ những ngày đại lễ kỳ phúc và ngày tứ quý lễ thần thì biếu người ấy một cái cảnh chỉ, một cái ăn mãn đại, nếu nhà nghèo không khao cũng được nhưng không được ăn biếu ấy.

Ba là: Văn ngũ lục phẩm, vũ tứ ngũ phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân đồng thượng.

Bốn là: Văn thất phẩm, vũ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng đồng thượng, dầu có bao nhiêu người cũng chỉ được ăn một cái cảnh chỉ ấy mà thôi.

Năm là: Văn bát phẩm, vũ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp, nhà giầu khao dân được hai bữa rượu thường, một bữa thượng hạ đồng dân ẩm thực; cứ ngày đại lễ kỳ phúc và ngày tứ quý, lễ thần biếu người ỷ túc chư nhất kiến ăn mãn đại, nếu nhà nghèo không khao cũng được nhưng không được ăn biếu ấy.

Sáu là: Văn cửu phẩm, võ bát phẩm thì sai, chánh phó tổng đồng thượng.

Bẩy là: Người nào làm được chánh phó tổng, nghị hội viên khi mới làm khao dân được hai bữa rượu thường từ 18 tuổi dĩ thượng, đồng dân ẩm thực, dân dự biếu ăn vào hàng cửu phẩm nhưng đến khi mãn lệ hoặc từ dịch lại khao dân một bữa rượu thường thượng hạ đồng dân ẩm thực, dân biếu mãn đại, nếu người nào nghèo không khao được thì không được biếu ấy, giầu bao nhiêu người cũng chỉ được ăn cái biếu ấy mà thôi.

Tế tự

Điều thứ 76: Tu tiến lễ vật.

Việc sửa lễ, thứ vị

Chính nguyệt sơ tứ nhật lệ giao diệt xôi 20 cân, (...) 30 cân tửu nhất tôn đại phù lưu lễ thần cải đám nhất đám hai phần thụ.

Ngày trực từ Kỷ Yên kê tam đầu trai bàn tứ cụ bản tự và coi đám phần thụ.

Nhị nguyệt sơ nhất nhật Nhập Tịch chai bàn nhị cụ hai cái đám phần thụ.

Sơ nhị nhật suy 40 can tinh phù lưu cai đán nhất phần thụ.

Sơ tam nhật chai bàn hành lễ tổn đãi dân nghĩa lý phó trưởng trương tuần phần thụ.

Sơ tứ nhật xôi thập lục cân tửu mĩ nhất tôn, kê nhị đầu cai đám nhất đám hai phần thụ.

Xuân tế chư nhị thập ngũ cân cai đám tư văn phần thụ.

Tam nguyệt sơ nhị nhật lệ Kỷ Phúc chư tam thập cân tửu nhất tôn nhị cai đám phần thụ.

Ngũ nguyệt thập nhị nhật chư nhị thập tửu nhất tân hai cai đám phần thụ.

Thất nguyệt sở nhị nhật lê thượng chư nhị thập cân hai cái đản phân thụ.

Lệ thu tế chu nhị thập cân cai đảm tư văn phẩn thụ.

Thập nhất nguyệt sơ nhị, nhị nhất chư tam thập cân tửu nhất tân 20 người thân dịch phẩn thụ.

Thứ vị đã định sau này

Một là văn vũ tự cửu phẩm dĩ thượng Pháp học khoa mục và trung học tốt nghiệp dĩ thượng, chiểu phẩm cao thấp mà ngồi.

Hai chánh phó tổng nghị hội viên, phó trưởng, thủ bạ, thư ký, thủ quĩ... chiểu vị thứ mà ngồi.

Ba là hương lão từ 60 tuổi dĩ thượng ra đương cai tế đảm cứ chiểu niên xỉ mà ngồi.

Bán thứ vị

Ngôi nhiêu

Thứ vị theo như trương tuần (...) nhưng người tộc biểu trước kia không thứ vị chưa có chức phận, khi đã cử làm tộc biểu thì cũng được thứ vị đình trung, phải nộp khao vọng chiểu tiền mua thứ như điều nói ở trên.

Bán thứ vị

Khi nào làng cần phải bán thứ vị khác nữa, thì phải trình các quan thủ hiến có cho phép mới được.

Điều thứ 77: Kể từ ngày khoản ước này các điều gì cũ trái mới hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 78: Trong làng trái hương ước thì hương hội tuỳ tình nhẹ nặng nhẹ mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc điểm thứ vị xuống mấy ban.

Điều thứ 79: Đệ niên đến ngày vào tế thần thì thư ký phải đem hương ước này đọc đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 80: Ngoài những thể lệ đã đinh trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 81: Quyển hương ước này phải có chữ tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có quan tuần phủ và quan công sứ duyệt y, rồi làm bốn bản, chính bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ ba ở quan tuần phủ, bản thứ tư lưu toà sứ.

Phụng sao *Đường yên le 29-8-1942*

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG LÔ GIAO

Huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng, lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương, xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thủa trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 Aout năm 1921 và việc chỉnh đốn hương ước và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày12 tháng 8 năm 1921 thời những tiền lộ phí cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi phải đi xa trong vòng 5km thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là... Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn hai ngày, mỗi ngày 0,40$, khi

lên phủ hay lên huyện cả khứ hồi không được quá một ngày, mỗi ngày 0,30$.

Đi lại ở xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan sức theo như lệ, thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1924, về sự chỉnh đốn sổ chi thu, trong làng xã đã phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên cấm không ai được bắt dân làm cỗ mời công dân, khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm, thăng chức, ngôi thứ, tổng lý làm ngôi cao lên lão v.v... Hễ đã đóng đủ tiền lệ trong hương ước này thì ngoài ra không còn phải chịu khoản gì nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có biên lai thời món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ của chánh hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân làng biết. Hễ yết thị thời cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội hợp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em ruộng nội canh hay phụ canh, mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ từng người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong thì giao các tộc biểu, hành thu rồi giao cho lý trưởng đem nạp vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận, biên lai ấy lấy ở quyển phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm không ai được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội phải tường hội đồng hai kỳ là mồng một và ngày 15, trong làng ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền, xin biên vào sổ, hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, hoặc có kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp được ai trình, thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị đều bắt ký vào biên bản ấy, rồi lý trưởng phải giao sao biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hoà giải.

Điều thứ 16: Việc hòa giải không xong, hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được ăn uống hay là để tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người làm việc hiện trong các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật, còn người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, không ra canh được thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, nếu xảy ra việc gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu trách nhiệm, cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Làng cắt 1 người trương tuần và 8 người tuần tráng kiêm tuần ngoại, phó lý làm đốc canh, khi thường thì đem tuần tráng canh trong làng, khi có động hiệu thì tất cả ban tuần, cùng đinh tráng trong làng cùng phải ra cứu ứng ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như câu liêm, gậy, giáo, mác làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiểu giá làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng đặt điếm canh phí tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người canh thay nếu bỏ không canh thời hai lần đầu hương hội phạt mỗi lần 0,10$, lần thứ ba thời phải giải lên tòa án xét.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn quanh làng, để cho cướp khỏi vào chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$ bắt được đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm, thì phó lý trương tuần và tuần tráng đều phải chiếu mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cướp báo hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp lúa sương, thì hương hội trích khoản lúa sương ấy đền cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi, nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ để đến kỳ sau, hoặc lại còn thiếu, trách cứ phó lý trương tuần phải nộp đền cho sự chủ, nếu khi có sự cướp phát to mà tuần ứng cứu làm hết bổn phận thì không phải đền chi, trừ ra xét được ban tuần không chịu hết lòng ứng cứu để đến nỗi bị mất thì cũng phải chiếu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay căn cước đáng ngờ phải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng cắt 1 người trương tuần và 8 người tuần tráng kiêm việc trông coi đồng điền khi ngoài đồng có đông hiệu thì ban tuần cùng đinh tráng trong làng đều phải ra cứu ứng ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt từ... đến 18 tuổi, mà cứ chọn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần phải ký vào hai bản danh sách canh, một bản trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các sở phải có cái biển kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp của tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ, nên tháo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn, thời hội đồng bắt phạt tiền những người phạm, trừ ra khi nào không thể chịu chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mà hoa mầu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên một mẫu 0,40$ nộp làm 2 kỳ, một kỳ tháng 5, một kỳ tháng 10 tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến mùa gặt thì điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ, làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công quĩ ra phát, trương tuần đồng niên 20,00$, tuần tráng mỗi người đồng niên 15,00$ phát làm 2 kỳ đúng vào kỳ điền hộ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương; cấp lương lý trưởng đồng niên 36,00$ phó lý 24,00$, thư ký 18,00$, thủ quĩ 12,00$, thủ từ 24,00$, thủ lộ 6,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm đều được chu toàn thời làng cho vị thứ tộc biểu cũng như là phó lý, hễ không làm hết bổn phận sẽ phải bãi dịch, mà không được ngôi tộc biểu, nếu trương tuần làm một năm thì không được chiểu theo lệ ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối. Còn người làng nghe hiệu điều phải đến cấp cứu, nếu ai biếng nhác không đến hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu thuỷ tai

Khi nước sông to đê điều nguy cấp cần phải sang hộ, hễ tiếp lệnh sức hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay, vật liệu trừ đê và lương thực đinh tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi, chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hoả tai

Sự cứu hoả tai cần phải có sẵn đồ chữa mới được, nếu cứ tay không chạy đến mất giương mà trông nên trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng trích tiền công sắm câu liêm thực tốt để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hoả tai thì tuần đem dân đến cứu, nếu cần phải dập tắt đi thì các câu liêm ấy kéo dập ngay đi và phải sắm một cái ống phụt nước, làm bằng tre dài độ một thước Tây đầu để vẩy nước, ống của nhà ai khắc tên chủ của nhà ấy vào, nghe hiệu biết chỗ nào cháy thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống phụt ấy đến lấy nước chữa cháy, sự chữa tắt xong hương hội, lý phó trưởng và trương tuần phải đếm ngay xem số ống có đủ hay không, nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước ướt thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị cháy hương hội phải đến xét xem khởi sự từ đâu vì duyên cớ gì, nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay đốt nhà để hòi của nhà khác thì hương hội bắt giao cho lý trưởng giải trình quan toà án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, lại thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$, làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng dịch hai là phòng chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế thường biểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để đón thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải tới trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$ lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao, hay là ở những chỗ mà nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ coi sóc đừng để người và súc vật hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt gì ở đấy. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được, thì thủ lộ phải tường hương hội kê trình quan, còn những lệ kỹ càng về sự canh phòng đê thì phải chiểu theo nghị định ngày mồng một Juillet 1927 mà thi hành.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường công cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải xin phép quan cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan xét nghĩ, còn đường cái riêng của làng ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, tháo xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm được ba năm chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu, nếu làm không hết bổn phận thời phải bãi dịch, nếu thủ lộ làm được một năm không được chiểu theo lệ ấy.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hội đồng phải cho mõ rao, những người có ruộng gần ngòi lạch ấy, phải khơi lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát bờ ruộng mà lại không đắp để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không ai được giồng giọt lúa, khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông ngòi, như thế ai không tuân phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm không ai được chăn trâu, bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$ nếu trâu, bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$. Nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công làng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp

chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi. Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng Tư Tây năm 1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 Tây 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản và bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo mà còn có ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng mất phong thổ làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao các việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lẽ chính đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thoả.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau, hay bị tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo, phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học. Vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường, thời phải làm nhà trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và người có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thì còn những người có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, mua đất công hoặc tư không được quá 3,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quân điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ.

a. Cách quân phân giêng của làng xã.

b. Những hoa lợi riêng của làng xã như là lĩnh trưng ao, hồ, sông con, tiền cho thuê điền thổ, tiền lãi phiếu quốc trái v.v... mỗi khoản phải kê riêng từng mục.

Làng có ruộng công 28 mẫu và ruộng hậu 44 mẫu. Mỗi năm đem bán đấu giá lấy tiền sung quĩ.

Nay ruộng chùa 3 mẫu giao cho nhà sư cấy để đèn hương, chứ không trích đấu giá sung công.

Ai đã mua được đấu giá rồi, tính bắt đầu từ ngày bán đấu giá, hạn trong 1 tháng đến 3 tháng là cùng, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ cắm lấy để bán đấu giá lại.

Còn như ruộng hoặc đã cày cấy giống giọt gì thì người ấy cũng phải chịu mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ ba, bốn lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng bào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để (...) lại chính đáng để dạy tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách đức hôn đó (...) mà không nói gì xấu đẹp thế là cách thể hôn, xem như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng cho ăn học như con trai và để dành tiền vốn riêng cho con gái chứ không đem con gái bán lấy

tiền của nhà trai, ấy luân lý phân minh thế, tình tục hay là thế, cứ sánh mới hiện tục của dân ta ngày nay thì bàn các điều nhầm dại không sao kể xiết được, phần thời trái mấy lễ nghi của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi lại các tệ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lệ hôn định như sau này.

1. Con trai 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi trở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi đã làm lễ vấn danh bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết, để hương hội xét xem hai người lấy nhau ấy có hợp lệ không, không có điều gì ngăn trở thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn 2 người tân hôn biện một chai rượu, 100 miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Nộp cheo nội 1,00$ cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan giai vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không còn phải tốn với làng nhẽ gì nữa, còn phong tục hủ lậu như chăng dây, đóng cổng nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Nói rõ tục lệ tang lễ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn bằng sự tử táng, trong làng không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, ví bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà trâu lợn làm lễ bàn mời dân ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không, chắc giả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ý mà

kéo nhau đến nhà hiếu chủ mà ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân như thế có yên không, chắc cũng giả lời rằng không, phải là vì cái ăn mà tìm đến thế mà tục hủ lậu truyền thói đời bạc, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh rượu mới hương quan, đến nỗi tốn trăm tốn nghìn, mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế tuần nọ, tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ đã không ích gì đến người chết, mà lại cho người sống là báo hiếu thế có lạ chưa. Cũng có người biết là tục giở hoặc thói truyền nhiễm hoặc miệng thị phi nhằm chịu là nhằm đổi không dám đổi, nay nhờ thương hiền nhủ lòng thương nhời diễn thuyết thực là tỏ tường, các tinh tục chẳng là chính đáng, dân ta bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà tang dẫu có thiệt người nhưng không thiệt của, kẻ bỏ quyết chánh khỏi tiếng xấu mà lại được khen, thời vậy các điều như sau này.

1. Khi có ai chết vụ đông hay không phải bệnh truyền nhiễm thì trong 48 giờ đem mai táng, nếu chết về vụ hạ hay bệnh truyền nhiễm thì 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu cho tộc biểu về phái nhà tang chủ đến tường hương hội, hương hội xem nhà tang chủ nộp về lệ nào, rồi cắt chấp hiệu và đô tùy, cùng các đồ tang nghi đi tống táng các lệ ấy phân biệt như sau này.

Lệ nhất: 3,00$ 2 người chấp hiệu (cắt trong hội đồng), 20 người đô tuỳ (cắt vào xóm tang chủ).

Lệ nhì: 2,00$, 2 người chấp hiệu, 15 người đô tuỳ.

Lệ ba: 1,00$, 2 người chấp hiệu, 12 người đô tuỳ.

3. Trước khi chuyển cữu chấp hiệu và đô tuỳ ra trước linh cữu làm lễ thượng chấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ở trên người chết, thời chỉ vái ba vái, còn ai vị thứ hay tuổi ở ngang hàng hay ở dưới người chết phải lễ hai lễ, để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của

làng đối với vong nhân, về phần tang chủ phải chấp tất cả anh em con cháu ngoại nội ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết mà nghèo khổ không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích tiền công cho mua ván và tống táng cho người chết ấy, lại trích 1,00$ để chi tiền giấu nước cho những người trong khi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ, hai bên hoàn toàn không thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc sự tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và bãi vị thứ ở đình trung trong hạn một trăm ngày, chỉ có khi sau an táng nhà tang chủ nếu muốn đãi chấp hiếu và đô tuỳ một bữa cơm thường tuỳ ý không cấm.

6. Làng nên chọn một khu đất công cao ráo sạch sẽ, chung quanh trồng cây để làm nơi nghĩa địa, không nên mê hoặc phong thuỷ chỗ này chỗ khác vô ích mà lại hại thêm.

Những tiến lệ khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng tiền khao, tiền vọng lão v.v... mỗi thứ tiền này phải kê ra từng mục.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều đình và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mới có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng: các bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm gương khích khuyến cho người sau, duy hạng lão từ 70 tuổi giở lên sự hi vọng ở trên đời thì ít chỉ trông mong con cháu thì nhiều, nếu cứ sống một tuần lại mất thêm một món tiền, thời trước trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người nào khó nghèo, vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn, đến như những người chưa có vị thứ thì phải nộp tiền khao vọng mới mua được chỗ ăn ngồi, nhẽ ấy công bằng, lệ này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm giở lên khao vọng 50,00$.

Văn ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học tiến sĩ, cử nhân khao vọng 40,00$.

Văn thất phẩm, võ lục phẩm, tú tài cao đẳng 30,00$.

Văn bát cửu phẩm, võ thất bát cửu phẩm, bổ thụ chánh tổng thưởng hàm, phó tổng trung học tốt nghiệp 20,00$.

Chánh phó tổng, nghị hội viên 5,00$.

Chánh phó hương hội, thư ký, thủ bạ, thủ quĩ, tộc biểu chưa có vị thứ và phó lý trưởng, trương tuần đều 3,00$.

Ai đến 18 tuổi vọng chân hành lễ 8,00$.

Vọng lão 50 tuổi 10,00$.

Các vị thứ phải nộp các lệ tiền khao vọng trên này, tính bắt đầu từ ngày hương hội đưa phải thu ngắn hạn trong 3 tháng đến 6 tháng là cùng, phải đem nộp vào công quĩ cho đủ nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ của người ấy đi và trình quan trên xét xử.

Tế tự

Điều thứ 76: Tu tiến lễ vật

Việc sửa lễ, vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì, mà chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình, bản vị thứ v.v...

Mồng 4 tháng Giêng đản nhật sửa lễ xôi, lợn giá 10,00$.

Mồng 6 Kỳ Phúc lễ cỗ chay giá 10,00$.

Mồng 10 tháng 3 húy nhật sửa xôi, lợn giá 10,00$.

Mồng 10 tháng 7 Kỳ Phúc và tổng hoàng trùng sửa xôi, lợn giá 10,00$.

Ngày 15 tháng 7 cúng các kỳ hạn sửa xôi, gà giá 5,00$.

Mồng 10 tháng 8 đại Kỳ Phúc sửa xôi, lợn giá 30,00$.

Mồng 10 tháng 11 hoá nhật sửa xôi, lợn giá 10,00$.

Ngày 19 tháng 12 cúng các kỳ hạn sửa xôi, gà giá 5,00$.

Lễ Hạ Điền 1,00$ lễ Thượng Điền sửa xôi, gà giá 5,00$.

Đồng niên chi tiền giấu hương đình và đền công 24,00$.

Đồng niên sóc vọng 24 tuần mỗi tuần 2,00$ cộng 48,00$.

Tổng cộng 171,00$.

Vị thứ tả đình dòng nhất tư văn lục phẩm, võ ngũ phẩm giở lên, Pháp học tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng rồi đến văn thất phẩm, võ lục phẩm giở xuống trung học tốt nghiệp. Dòng thứ nhì, chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý, thủ quĩ, thư ký, thủ bạ, tộc biểu, trương tuần đương cựu.

Hữu đình dòng thứ nhất hương lão 60 tuổi giở lên. Dòng thứ hai từ hương lão chiểu vị thứ mà ngồi.

Các phẩm hàm nhà nước cho quyền, các vị thứ trong làng được phép bàn, cứ đối chiểu phẩm trật cùng ngôi thứ trong các dòng mà ngồi không được phân biệt.

Các vị thứ viên chức trên này và những người có vọng tư văn mấy được dự tế đình trung.

Những người tộc biểu trước kia không có chức phận, chưa được vị thứ, khi đã được cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng, hay tiền mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Bán vị thứ khi làng cần phải bán vị thứ gì khác phải có phép quan trên cho mấy được.

Phụ lễ kính biếu đệ niên các ngày tục lễ khi làm lễ xong hoặc nên tùy nghi cử biếu cho phân biệt.

Điều thứ 77: Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều khoản gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 78: Trong làng ai trái những khoản ước trên thời hương hội tuỳ tình nhẹ nặng nhẹ mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy bàn.

Điều thứ 79: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần, thì thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 80: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 81: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thư tư ở toà sứ.

HƯƠNG ƯỚC XÃ LƯƠNG QUÂN

Tổng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn (...) và phải tuân lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 1 nghị định ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các nghị tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này:

1. Khi đi xa trong vòng 5 cây số thì không được tính tiền lộ phí

2. Khi đi xa quá trong vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày lên tỉnh mỗi ngày (...) lên huyện (...)

Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày, khi lên phủ huyện cả khứ hồi không được quá một ngày.

Đi lại trong xã mình hay đi đâu khi không có lệnh quan trên ra sức theo như lệ, thì không được tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong hàng xã phải làm theo cách thức đã nói: trong nghị định quan thống sứ, ngày 12 tháng 8 Tây (...) về việc

chỉnh đốn sổ chi thu, trong hàng xã nghi tuân lệnh truyền, đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng thưởng hàm chức, ngôi thứ tổng lý hoặc lên lão... vân vân.

Hễ đã đóng đủ lệ rồi mà đã định trong hương ước này thì ngoài ra không chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền, thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy. Cứ đến cuối tháng, thời hương hội phải kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tinh sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, đã yết thị thời phải cho mõ đirao.

Bổ thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tinh bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng phụ canh hay nội canh mà bổ nhiều hay bổ bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý phó trưởng người nào việc ấy mà hành thu mà đem vào kho bạc.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế, thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thì phải mở hội đồng lấy lẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong, thời lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong, hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải, nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội (...), tuần tráng không được sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng là giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, thì hết thảy người làng từ 18 tuổi giở lên đến 50 tuổi, đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra các người đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục đang đi học các trường và người có bệnh tật; người nào đi vắng, hoặc mắc việc không ra canh được, thì có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc nộp cho làng để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm ban, mỗi ban canh độ 3 tháng, hoặc sáu tháng hoặc 1 năm, mỗi ban bầu 1 người trong ban làm đốc canh. Khi trong làng có cướp phát thì tất cả các ban canh nghe động hiệu, phải đến cứu ngay với ban canh đương thứ.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh, của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo, không thể sắm được thì làng cấp tiền công sắm cho, hết ban canh phải giao giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhớn hay nhỏ lập nhiều điếm hay ít điếm, làng tính tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh, cứ đến gần tối thì nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban canh, ai bỏ canh thi hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thi sẽ phải giải lên tòa án xét, phạm về tội phạm vào khoản thứ 2 điều thứ 229 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần, thì phải đi tuần luân trong làng, để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì xã thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về vụ trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm, cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thì phải chiểu giá đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phát tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thì không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng thường phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thì phải bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là tuần tráng, để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khỏe.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần tráng coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thì phải tường hương hội xét thực phạt 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi các việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến sưu thuế, không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đón cá, làm ruộng bị cạn, thì tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong tủng để nước ruộng cạn, thì hội đồng bắt phạt tiền, như người phạm. Trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt tội được, thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa ma, hoa mầu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho dân cẩn thận, mất đâu tuần phải nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần, không kể nội canh hay ngoại canh, đều đồng niên mỗi mẫu là 0,80$, tiền ấy chia làm 2 thứ, một thứ tháng năm một thứ tháng 10, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, tự giờ về sau cứ đến vụ gặt, thì điền chủ đem nộp lúa sương cho thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm chu toàn, thì làng cho ngôi tộc biểu, cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thì phải bãi chức, thì mất ngôi tộc biểu.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết, làng cấp tiền cho 20,00$ và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho làng được khỏe mạnh, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế thường hiểu bảo những người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vứt uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,30$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước, phải tìm cách giữ gìn trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay, để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan xét thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể để trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$. Lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ, ao hay là những chỗ đó bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ, để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa chữa lại, phải coi sóc đừng để người và gia súc vật làm hại đến đê; phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê, hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều quá mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thì thủ lộ tường hội đồng, kê trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng, mà làm hại đường sá, cầu cống chung của làng thì phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải xin phép hương hội, tháo xong lại phải đắp lại kỹ lưỡng như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc 3 năm được chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu, cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch nước, cho tiện việc làm ruộng. Mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12, hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng cần phải khơi ngòi ấy, lấy bùn đổ xuống ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại làm cho bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 1,00$, cấm không được giồng lúa khoai lang, khoai sọ... vân vân ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ ủng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu, bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng như khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của công của làng thì người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công hàng xã, nghĩa là không được phép của quan trên cho, thì không được làm tờ giao kết gì, để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết, nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện, cũng không can thiệp chi đến (...) chịu trách nhiệm riêng mà thôi.

Khi có việc phải đi kiện cáo, thì dân làng là bên nguyên hay bên bị, cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi, việc cấm bán công điền, công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là, khi làng có động sản hay là bất động sản thì sưu thuế đấu giá kín. Nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao, thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo tinh nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã cấm như nấu rượu lậu và mở sòng bạc lấy hồ, thì hương hội phải khám xét báo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn có ý phạm cấm thì bảo lý trưởng bắt tang vật, lập biên bản trình quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy, dù quan chiếu luật trị tội nhưng vì mất phong thể làng, thì hương hội phạt không được dự đình trung, tế tự trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen, khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao các việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thì tuần phải báo các tộc biểu.

Điều thứ 64: Các tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám; khi khám có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn gì, thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm trường, thì phải làm trường ở làng cho trẻ con đi học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về các việc học và cấp lương cho thầy giáo, sẽ lấy tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo lẽ thì trẻ con lên tám tuổi thì phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nhà trường đã làm xong rồi, thì sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho các nhà nghèo.

Ngụ cư và ký tảng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn người nào đã có gia sản ở làng, thì phải chịu trách nhiệm canh phòng của làng.

Điều thứ 71: Ai ký tảng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$.

Chương thứ hai
Tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Làng có 61 mẫu một sào 6 thước ruộng công điền, mỗi năm một lần bán đấu giá lấy tiền sung quĩ. Ruộng chùa có hơn hai mẫu giao cho nhà sư cày cấy đèn hương hoa quả quanh năm, không đem bán đấu giá. Ai mua được ruộng đấu giá thời bắt đầu tự ngày bán đấu giá, hạn trong một tháng đến ba tháng là cùng, phải nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn thì hương hội cắt lấy ruộng để bán đấu giá lại, còn như ruộng hoặc đã cấy, giống giọt thì người đó cũng phải mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Các tục lệ hôn định như sau này:

1. Con giai tự 18 tuổi, con gái tự 17 mới giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên đến trình hương hội xem hai người định lấy nhau có hợp lệ không và có điều gì ngăn trở không?

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn, biện một chai rượu và một trăm miếng giầu ra đình lễ thần, rồi nói với hương hội (...) có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 2,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là lệ hôn đủ rồi, không còn phải phí tổn nhẽ gì với làng nữa, còn tục hủ như chăng giây, đóng cổng nhà gái, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lối thôi việc của người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 5,00$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thì trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh dịch thì phải chôn ngay trong ngày mới chết.

Nói rõ tục lệ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

Lệ tống táng trong làng

Nhà nào có đám ma, phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phải nhà tang chủ đến tường hương hội, hương hội xem tang chủ nộp vào lệ nào, rồi cắt các chấp hiệu cùng đô tùy cùng đổ tang nghi tống táng.

Các lệ ấy phân biệt như sau này:

Thượng lệ nộp 6,00$, trung lệ 4,00$, hạ lệ 2,00$.

Lệ nào cắt 2 người chấp hiệu, 10 người đô tùy, do cắt từ 18 tuổi, trừ những người vị thứ và những người đau ốm thì không phải đi, còn người nào chết mà chưa có tang chủ nhận, thì hương hội trích tiền công quĩ 5,00$, cấp cho mua ván đem chôn.

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao: Tiền vọng, vọng lão... vân vân, mỗi thứ tiền phải kể ra từng mục, văn từ tứ phẩm ấn quan, võ tam tứ phẩm giở lên khao vọng 50,00$.

Văn ngũ lục phẩm, võ tứ ngũ phẩm, Pháp học, tiến sĩ, cử nhân 40,00$.

Văn thất phẩm, võ lục phẩm, Pháp học, tú tài, cao đẳng 30,00$.

Văn bát phẩm, võ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp 25,00$.

Văn cửu phẩm, võ bát phẩm, chánh phó tổng, thưởng hàm, lý phó trưởng, nghị hội viên, chánh phó hội chưa có vị thứ 25,00$.

Lý phó trưởng, thủ quĩ, thư ký, thủ bạ, trương tuần, mới làm khao vọng 10,00$.

Những người tộc biểu chưa có vị thứ 3,00$, hương lão 60 tuổi 3,00$ và 10 miếng giầu, các vị thứ phải nộp tiền khao vọng trên này bắt đầu từ ngày hương hội phát phiếu thu ngân, hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng, phải đem nộp công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những trái hương ước, mà lại làm ngăn trở sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ của người ấy đi và trình quan xét xử.

Tế tự

Điều thứ 75: Việc sửa lễ, vị thứ: Những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được vị thứ trong làng, bản vị thứ v.v...

Đồng niên tế tự các tiết hết bao nhiêu tiền kê như sau này:

Ngày 12 tháng Giêng đại tịch lễ vật 6,00$.

Ngày 21 hóa nhật 5,00$.

Tháng 2 lễ Kỳ An 4,00.$

Tháng xuân tế 3,00$.

Tháng 5 Hạ Điền 2,00$.

Tháng 7 Thượng Điền 2,00$ và cúng các hộp 2,00$.

Tháng 8 thu tế 3,00$.

Tháng 9 xôi mới 2,00$.

Ngày 12 tháng 10 lễ sinh nhật 5,00$.

Ngày 10 ất quán 3,00$.

Tháng 12 lễ Tất Niên 2,00$.

Đồng niên sóc vọng 24 tuần, mỗi tuần oản, quả, giầu, rượu 1,00$.

Cộng 24,00$.

Tháng 2 tháng 8 phong áo chầu 2,00$.

Tổng cộng 65,00$.

Vị thứ đình trung chia làm 4 dòng. Dòng thứ nhất, văn võ ngũ lục phẩm giở lên, Pháp học tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng, thứ đến văn võ lục thất phẩm giở xuống trung học tốt nghiệp, thưởng hàm chánh phó tổng, chánh phó lý, nghị hội viên, chánh phó tổng cựu.

Dòng thứ 2, chánh phó hội, chánh phó lý, thủ quĩ, thủ bạ, thư ký, tộc biểu đương cựu, thứ đến xã đoan, xã cựu và hương mục.

Dòng thứ 3, hương lão tự 70 tuổi giở lên, thứ đến 50 tuổi giở lên.

Dòng thứ 4, cựu binh, đinh tráng, cứ chiểu niên xỉ mà ngồi. Còn các phẩm hàm quyền các vị thứ mua cứ đối chiểu phẩm trật cùng vị thứ trong các dòng mà ngồi không được phân biệt.

Phụ hệ bẩu tế chủ tả văn và lệ kính biếu, tế chủ (...) tinh thông, còn như ngày đại lễ, tế xong thì tùy người kính biếu cho có phân minh.

Những người tộc biểu trước kia chưa có chức phận, vị thứ, khi đã cử làm tộc biểu thời cũng được vị thứ đình trung nhưng phải nộp tiền khao vọng như điều khoản đã xét ở trên.

Bán vị thứ, khi nào làng cần bán vị thứ gì mà phải trình quan thủ hiến tỉnh cho phép mới được.

HƯƠNG ƯỚC XÃ KINH NỖ

Tổng Oai Nỗ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Kính lễ le 30 aout 1942

Chúng tôi là tiên thứ chỉ, lý phó trưởng thừa sao sổ hương ước như sau này.

1. Đây cấp lương cho trương tuần hay xã đoàn đồng niên một người 15,00$.

Tuần tráng đồng niên mỗi người 12,00$. Thư ký đồng niên 12,00$. Lý trưởng đồng niên 25,00$. Phó lý đồng niên 18,00$. Thủ ba đồng niên 5,00$.

2. Làng có ruộng công và đất công 16 mẫu 5 sào để bán đấu giá lấy tiền sung quĩ, lại có ao đấu giá sung quĩ, 6 mẫu tự điền giao 3 thủ từ cày cấy nộp thuế thừa thời bát tuyết đèn hương 3 đình miếu vả lại phải nộp mỗi mẫu 4,00$ sung quĩ, 5 mẫu ruộng tư của các cai đấu thẩu cấy nộp thuế và làm giỗ hậu lại phải mỗi mẫu 2,00$ sung quĩ, ai mua số ruộng đất công ấy khi đã mua được rồi, thì tính bắt đầu từ ngày đấu giá cho thuê hạn trong 1 tháng là cùng phải đem tiền nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở sự chi thu cuả hội đồng, thì hội đồng cấm số ruộng đất ấy để bán đấu giá lại mà bán (...) trưng cho người khác mà trình quan xét, còn như ruộng ấy đã cày cấy hay giồng giọt hoa mầu thì người cũng phải chịu mất quyền lợi ấy.

3. Trong làng con giai từ 18 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

4. Khi sắp làm lễ vấn danh bố mẹ hai bên phải tường cho hội đồng biết để xét xem 2 người định lấy nhau tuổi có hợp lệ không, có điều gì ngăn trở không rồi yết thi tại hội đồng trong một ngày, nếu phải hợp lệ và không ngăn trở gì thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

5. Khi thành hôn rồi hạn trong 8 ngày 2 người chủ hôn giữa 2 người tân hôn nói mấy thủ bạ vào sổ giá thú.

6. Cheo nội 1,00$ và một buồng cau.

7. Cheo ngoại 2,00$ và một buồng cau.

8. Khi ai chết về mùa đông hay không phải truyền nhiễm trong 48 giờ phải đem chôn, ai chết về vụ hạ hay bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 24 giờ phải đem chôn.

9. Nhà nào có đám ma phải một trăm miếng giầu tường hội đồng, cho hội đồng biết để xét xem tang chủ nộp vào lệ nào.

10. Thượng lệ 10,00$. Trung lệ 8,00$. Hạ lệ 6,00$, Tu tiến lễ vật.

11. Ngày tết Nguyên Đán lễ đức đại vương và ba công chúa xôi, lợn, giầu rượu 4,00$.

12. Ngày mồng 10 tháng Giêng là ngày thần hiệu đức công chúa lễ trai bàn và xôi, lợn 3,00$.

13. Ngày 11 tháng Giêng cáo yết 2 đức đại đại vương lễ xôi, gà, giầu, rượu 2,00$.

14. Ngày 12 tháng Giêng là ngày thần hiệu 2 đức đại vương về chai bàn và xôi, lợn, giầu, rượu 5,00$.

15. Ngày mồng 10 tháng 3 cả ngày thần hóa vị công chúa lễ xôi, gà, giầu, rượu 2,00$.

16. Ngày (...) tháng Giêng là ngày đại Kỳ Phúc xôi, lợn, hát xướng 10,00$.

17. Ngày mồng 10 tháng 11 là ngày thần hóa hai vị đại vương xôi, lợn, giầu, rượu 3,00$.

18. Thu sương trâu bò đồng niên trâu 4,00$, bò 2,00$ một con.

19. Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng luôn phải chịu nguyên giá (...).[1]

(1) -Văn bản bị mất trang.

HƯƠNG ƯỚC XÃ TRUNG OAI

Huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

(Hương ước năm 1935 - Làng Trung Oai)

Chú ý cải lương

Khoản ước làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương, suy xét hiện trình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình tiến hóa mà cải thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị thi phải theo chỉnh chỉ dụ của đức Bảo Đại về việc chỉnh đốn hội đồng kỳ hào và phải tuân theo lệnh truyền chỉ dụ ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Cấp cho những viên đương chức làm việc quan trong làng kể như sau này.

Lên huyện có việc quan sức mỗi ngày là: 0,30$.

Lên tỉnh mỗi ngày: 0,50$.

Nhưng không phải có lệnh quan trên sức thi không được lĩnh tiền dân.

Điều thứ 3: Sổ chi thu các xã phải theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 12 tháng tám năm 1921, về việc chỉnh đốn sổ thu chi và phải theo lệnh truyền đình theo bản ấy mà thi hành

Điều thứ 4: Ai nộp tiền vào thủ quĩ, không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy cũng coi như không nộp.

Điều thứ 5: Những món tiền thủ quĩ chi ra thì phải có giấy của tiên chỉ đưa phái thì mới được phát.

Điều thứ 6: Hết năm thì hội đồng tinh sổ xem thực thu là bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu còn thừa bao nhiêu (...) tại đình, ít ra một tháng để dân biết, hễ yết thị phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 7: Lý trưởng tiếp quan phát bài thuế rồi, thì phải tường tiên chỉ kỳ hào lại mà tính bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại canh mà bổ nhiều hay ít.

Điều thứ 9: Trong sổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu, thành bao nhiêu tiền, không được hàm bổ.

Điều thứ 10: Khi bổ thuế xong thì giao các kỳ hào hành thu, rồi giao lý trưởng để nộp vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên lai nhà nước phát.

Điều thứ 11: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 12: Các khoản tục lệ thần trong làng, thì từ 25 tháng Chạp đến mồng 5 tháng Giêng và từ mồng 6 tháng Giêng là Nhập Tịch cho đến 14 tháng Giêng về việc sửa lễ đệ niên thì bốn giáp phải chia nhau sửa lễ và mỗi giáp phải một người tắm rửa sạch sẽ. Không phương cớ gì để phụng sự trông nom việc lễ nghi cùng với tế chủ do dân bầu ra, cho hết tiệc và lấy 12 người phải lên đình làm lễ cho hết tiệc, do mỗi giáp phải ba người.

Các tục lệ trong một năm là: Ngày mồng ba tháng Giêng là ngày sinh nhật đức thánh phải có xướng ca. ngày 27 tháng hai, mồng chín tháng ba, mồng hai tháng Tư, mồng hai tháng 6, mồng mười tháng bảy, mồng hai tháng tám, ngày mười hai tháng một (12 tháng 1) đều là ngày Kỳ Phúc, thì bốn giáp đều phải sửa lễ tục làm lễ đình tế, về tháng hai thì bốn giáp đều phải hội tế ở đình, tục lễ thì tùy giáp đều phải sửa lễ, làm lễ. Tục làm lễ đình tế về tháng hai thì bốn giáp đều phải hội tế ở đình, tu lễ thì tùy giáp sửa nhiều hay ít cốt tinh sạch thành tâm. Về việc cơm mới, xôi mới và các kỳ sóc vọng ở miếu quanh năm thì dân để lại 2 mẫu ở xứ Bãi Cửa là những thửa số (...) hương lão cấy một mẫu để sửa lễ ngày vọng sóc ấy và huynh thứ một mẫu để trông nom ngày sóc vọng ấy, nhưng số ruộng ấy chiểu hơn tuổi lần lượt cày cấy mà tu lễ cho công bằng không ai có ai không. Và lại để thêm 2 sào thì cũng ở xứ bãi để cấp cho phường nhạc đánh trống tế thần quanh năm. Và 7 sào cũng ở xứ Bãi Cửa cấp cho thủ từ đèn hương ở miếu thờ thần quanh năm.

Điều thứ 13: Dân có 16 mẫu ruộng công điền (...) hậu điền thì chia làm bốn giáp cày cấy, phải làm các giỗ hậu và sửa các tiệc sóc vọng ở đình quanh năm.

Điều thứ 14: Số ruộng 4 mẫu 2 sào hậu trù thì để đấu giá lấy tiền chi làm giỗ, 7 mẫu 5 sào đầm, 1 mẫu 4 sào vai cày và 5 mẫu gò dài nganh chè cấy chiêm cũng để đấu giá, chi tiêu việc bất thường trong dân.

Điều thứ 15: Ai có cha mẹ chết về giáp nào thì giáp ấy tống táng, còn về việc dân làng tế lễ thì tùy tình tang chủ, chứ dân không bắt buộc, muốn tế lúc tống táng thì cho có chiêng trống cho trọng việc hiếu.

Điều thứ 16: Việc lan nhai cheo nội 2,00$, hai chục cau và một chai rượu. Cheo ngoại 8,00$ phải bốn chục cau và một chai rượu, phải tường tiên chỉ để ra đình làm lễ thánh, giao cho thủ quĩ, còn giấu rượu thì các huynh thứ trong dân được du huệ, nhưng khi ra làm lễ

thánh thì người rể cũng phải ra làm lễ yết thần mới nhận lễ ấy. Nếu ai không theo sẽ lập hội đồng làm phạt.

Điều thứ 17: Khoa mục: Văn cửu phẩm, võ bát phẩm, chi tứ phẩm giở lên tổng lý, văn đắc từ dịch chữ nghĩa tinh thông, hội tả tại công sở thì cử ra làm chức điển văn, nhưng đã có một năm giở lên thì dân bầu người khác, khi đang làm nếu có thi giao cho lý trưởng đương thứ quyền, nếu lý trưởng có cớ giao lý quyền, khi người điển văn có cớ đã đoan thì người quyền ấy lại phải giả lại không được nhận nữa.

Điều thứ 18: Việc trông nom nội hương ấp, ngoại đồng điền, thì bầu 2 người trương tuần nhưng phải có gia sản và có tiếng tốt và 10 người tuần phu, để tuân theo hai người trương tuần, canh phòng nội hương ấp ngoại đồng điền, sương túc lúa dạ tháng mười cho tuần thu mỗi mẫu 0,30$ mùa tháng năm vụ đậu, thầu dầu, dưa, bầu, khoai lang mỗi mẫu 0,20$ lúa, ngô mỗi sào 9 cây, khoai sọ mỗi sào 6 cây, trâu mỗi con 0,20$, bò mỗi con 0,10$, nhược canh phòng bất cẩn chiểu y giá bồi thường. Còn lúa chiêm về tháng Tư thì mỗi mẫu lấy 20 lượm của chủ dân điền cắt thế nào thì lấy. Nếu không tuân thủ điền tường đến tiên thứ chỉ, phó trưởng thi phạt tuần 1,00$.

Điều thứ 19: Việc cày cấy đã xong có cấm thì theo như trước tuần phiên phải cấm trâu bò, không được dắt ở bờ, nếu người nào dắt trâu ở bờ tuần phiên bắt được mang về công sở thì phạt mỗi con 0,20$. Còn như gốc lúa non ngoài đồng, trâu, bò do tuần trông không cẩn để ăn mất ngọn mà người cắt gốc, tuần phải đền mỗi gốc hai xu. Nếu tuần bắt được người cắt gốc lúa ấy mang về công sở phạt mỗi người 0,50$, tuần phải trông nom cấm người bắt cua, bắt cá ở góc ruộng lúa. Nếu tuần bắt được phạt người bắt cua, cá ấy là 0,20$. Nếu tuần không trông nom cẩn thận thì tuần phải đền chủ điền mỗi góc 0,20$.

Điều thứ 20: Còn thứ vị trong làng như phẩm hàm, tổng lý, hương chức chiểu tòng hàng thứ vị không được hỗn độn.

Điều thứ 21: Những người tráng đinh đến tuổi 54 là tục đăng lão thì phải vọng mỗi người là 2,00$ nộp vào công quĩ và trăm giầu lễ thánh thì được tinh trừ phu dịch và được theo ngôi lão. Còn những người làm việc ở dân từ nhiêu nam bán giở lên, khi đến tuổi 54 thì chỉ có trăm giầu ra lễ thánh chứ không phải vọng 2,00$ nữa.

Điều thứ 22: Những người là con người khác làng mà đến làm con nuôi ở làng, bất cứ là nuôi từ lúc mới sinh cùng là những người đến trú ngụ đóng thuế ở trong làng, khi đến tuổi 54 thì không được vọng ngôi lão ấy.

Điều thứ 23: Những người thành tích bất hảo, can án thì không được dự đình trung, ai không tuân sẽ chiểu hương ước truất bỏ thứ vị.

Trung Oai le 30 août 1942.

Le tiên chỉ.

Le lý trưởng.

HƯƠNG ƯỚC XÃ TUÂN LỄ

Tổng Tuân Lễ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoản ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có minh văn, hoặc không có minh văn mà không có hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thủa trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chánh trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn hương ước và phải tuân lệnh đinh theo nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 14 nghị định tháng 12 Tây năm 1921 thì những tiền lệ phi cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng, thể lệ như sau này:

Một là: khi phải đi xa trong trong năm kilômet thì không có được tiền lộ phí.

Hai là: Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là... Khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn... ngày, khi lên phủ hay huyện cả khứ hồi không được quá hạn.... ngày.

Đi lại ở trong địa bàn xã mình, hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ thu chi

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định Quan thống sứ, ngày 12 tháng tám Tây năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu trong làng là phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ chức, ngôi thứ tổng lý, hoặc lên lão... vân vân.

Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoại giả không còn phải chịu khoản tiền nào cả.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy coi cũng như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền, thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy. Cứ đến cuối tháng thời hương hội phải kiểm quĩ lại một lần và phải lập biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, nhưng hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì lý trưởng người nào việc ấy phải hành thu mà đem vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên lai ấy lấy ở quyển phát lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phát lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế, cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp ai trình, thời phải mở hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời lý trưởng phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc làng giải không xong, sưu thuế vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự, dù không có phép hòa giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi điều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục đang đi học các trường và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc nộp tiền cho làng... để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 20: Làng củ 2 người trương tuần và 12 tuần tráng, thôn Lễ Pháp 1 trương tuần 8 tuần tráng, thôn Của Ải 1 trương tuần 4 tuần tráng chia làm 1 ban, (...) trương tuần và tuần tráng trong làng phải đến ứng cứu ngay, trương tuần và tuần tráng hạn 1 năm, nếu người nào bằng lòng làm 1 hạn nữa mà hương hội thỏa thuận mới được.

Phụ điều thứ 20: Việc canh phòng ngoài đồng trương tuần và tuần tráng làng, ban tuần nội ngoại để trông nom đồng điền khi có động hiệu thì tất cả 2 ban tuần và đinh tráng trong làng phải đến ứng cứu ngay, khi ngoài đồng có lúa mạ hoa mẩu thì chỉ trích người tuần tráng theo trương tuần tối nào cũng phải đi luôn các đồng điền và địa phận của làng, còn thì lại hợp với ban tuần nội để canh luôn trong làng.

Phụ điều thứ 20bis: Trương tuần và tuần tráng phải ký vào hai bản danh sách canh phòng, một bản giao lý trưởng trình quan sở tại, một bản lưu chiểu và ở các điểm canh phải có cái biển kê tên những người trương tuần và tuần tráng.

Thôn Lễ Pháp: Lệ bầu trương tuần và người mẫn cán không can khoản, có gia sản dân mới bầu làm trương tuần, hạn 3 năm làm 1 khóa, nếu tráng đinh là trương tuần hạn 5 năm làm 1 khóa, khi mãn lệ có làm lễ thần và khao dân từ 18 tuổi giở lên, bản thôn biếu đãi như người kỳ cựu. Bầu tuần phiên chia làm 4 khu, mỗi khu 2 người

hạn từ 18 tuổi giở lên, cấp lương đồng niên mỗi người 5,00$ cứ tháng 11 khi có (...), sự canh phòng bất cẩn thì phải đền, trâu 12,00$ bò 6,00$ còn lúa mạ hoa mầu y giá mà đền.

Phụ điều thứ 11: Khi bổ xong thuế các tộc biểu hành thu giao cho lý trưởng để nộp.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm (...) ban mỗi ban canh độ ba tháng hoặc sáu tháng hoặc một năm, mỗi ban một người trong ban làm đốc canh, khi nghe trong làng có cướp phát thời tất cả các ban canh nghe động hiệu, phải đến cứu ngay với ban canh phòng đương cai.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh phòng của ai người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm được, thời làng phải trích tiền công sắm, khi hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhớn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn tiền lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thì sẽ phải giải lên tòa án xét phạm về tội phạm vào khoản thứ 11, điều thứ 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần, thì phải đi tuần quanh làng, để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$ bạc.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thời phải chiểu giả đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phát, tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Canh ngoài đồng
Tuần đồng

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra là... tuần tráng để trông coi đồng điền.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cắt lượt mà chọn những người mạnh khỏe.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người mà mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thời tường hương hội xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi các việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo, phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn, thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét, phạt từ 0,10$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn, thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong luật hình An Nam mà bắt được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần tráng không kể nội canh hay phụ canh, đều đồng niên mỗi mẫu là..., tiền ấy chia làm hai thứ, một thứ tháng năm một thứ tháng mười, tiền ấy thế cho luá sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau, cứ đến ngày vụ gặt thì điền chủ phải đem nộp lúa sương cho người thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm đều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, không làm hết bản phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc hay là đẻ sạt trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu, đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 39: Ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trong thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Sưu thuế thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi lý trưởng phải tới trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết, cấm không được vất xuống hồ, ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,60$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao, hay là những chỗ dơ bẩn có thể đổ xuống hồ, ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người hay, súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giống giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội để trình quan.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$, đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội tháo xong rồi, lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận, thời phải bãi chức.

Về sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông cho tiện lợi việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12 làng khơi sâu các ngòi lạch chứa nước, hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy, lấy bùn đổ vào ruộng mà giồng bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông (...) lúa khoai lang, khoai sọ vân vân (...) ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi để úng tắc, ai không tuân sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thời phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày mồng 8 tháng 3 Tây năm 1906, cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công hàng xã, nghĩa là, nếu không được phép quan trên cho, thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi. Thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép thì mới được đi.

Việc cầm bán công điền, công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là, khi làng có động sản hay là bất động sản thì sưu thuế đấu giá kín. Nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Thôn Cửa Ải có 8 mẫu ruộng hậu đem đấu giá sung quĩ, lại có 2 mẫu 3 sào ruộng chùa giao nhà chùa cấy, chi việc chùa, 5 sào ruộng công giao thủ từ cấy chi đèn hương ở đình, ai đã có mua đấu giá thì từ ngày hội đồng đấu giá hạn 1 tuần lễ phải nộp vào quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự thu chi thì hương hội sẽ cắm lấy ruộng để đấu giá lại và trình quan xét.

Còn như ruộng đã cày cấy giống giọt, người ấy cũng phải chịu mất quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo bao nhiêu.

1. Trong làng con giai từ 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi làm lễ vấn danh tức là lễ hôn, bố mẹ hai bên phải tường cho hương hội biết để xét xem hai bên ấy tuổi có hợp lệ không, hay có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị tại đình trong hạn 15 ngày, không ngăn trở gì thì nhà giai mới được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong 1 tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn sửa chai rượu, 100 miếng giầu ra đình lễ thần, rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy hương hội có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 1,00$ cheo ngoại 2,00$

5. Khi đã nộp lệ lan nhai, vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi không phải phí tổn mấy làng gì nữa, còn khi những tục hủ bại chăng giây, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh dịch thời phải chôn ngay trong ngày hôm chết. Nói rõ tục lệ và tiền lệ làng nộp là bao nhiêu.

1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 48 giờ phải đem chôn ngay, nếu ai chết về mùa hè hay là bệnh truyền nhiễm thì trong 24 giờ phải chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa 100 miếng giầu do tộc biểu về phải tang chủ đến tường hương hội, để đem nộp về lệ nào mà người chấp hiếu và đồ tùy cùng đồ tang nghi.

Lệ ma chia làm 3 lệ:

Lệ nhất 6,00$ 4 chấp hiệu 36 đô tùy.

Lệ nhì 4,00$ 2 chấp hiệu 24 đô tùy.

Lệ ba 2,00$ 1 chấp hiệu 16 đô tùy.

3. Trước khi chuyển cữu, chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là chấp hiệu và đô tùy cứ vị thứ ai tuổi ở trên người chết thì chỉ vái 2 lễ, còn ai vị thứ hay tuổi ngang hàng thì lễ 2 lễ để tỏ tình thương xót kính trọng của làng đối với vong nhân, về phần tang chủ thì phải đem tất cả anh em dâu rể, con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nào chết nghèo khổ không có ai trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích 3,00$ tiền công giao cho tộc biểu mua ván và cắt người trong giáp ấy đi tống táng, lại trích 1,00$ để chi giầu nước cho những người làm việc.

5. Khi tang chủ đã nộp lệ và biên vào sổ tử rồi, thế là trình lễ của nhà tang chủ đối với làng không thiếu nhẽ gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống, tiền nọng, hương hội phạt 1,00$ và truất vị thứ 100 ngày, chỉ có sau khi an táng nhà tang chủ có muốn đãi những người chấp hiệu và đô thì tùy ý không cấm.

Đến như người nào 55 tuổi giở lên bất hạnh mệnh một thì dân mới có lễ điếu 1,00$ và một đôi câu đối.

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Tiền vọng tiền khao tiền vọng lão v.v... mỗi thứ tiền này phải kê riêng từng mục.

Văn tứ phẩm, vũ tam phẩm ấn quan giở lên vọng 50,00$, văn tứ, ngũ, lục, phẩm; vũ tứ, ngũ, phẩm và Pháp học khoa mục tiến sĩ, cử nhân, tú tài vọng 30,00$ văn thất phẩm, võ lục phẩm, cao đẳng vọng 30,00$; văn bát phẩm, vũ thất phẩm, bổ thụ chánh tổng, trung học tốt nghiệp 20,00$; văn cửu phẩm vũ bát cửu phẩm, thưởng hàm chánh phó tổng vọng 10,00$, nghị hội viên, chánh phó lý, chánh phó

hương hội chưa có hội viên chánh phó lý cùng chánh phó hương hội chưa có chân tư văn vọng 15,00$ có chân tư văn vọng 10,00$, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, tốt nghiệp chưa có chân tư văn 6,00$ ngôi tư văn 5,00$, hương lão 60 tuổi giở lên vọng 2,00$ được miễn trừ tạp dịch, các phẩm hàm nhà nước cho quyền, cùng các viên chức dự vào hàng văn giai, cứ theo phẩm trật mà nộp tiền khao vọng.

Bán vị thứ ngôi hương trưởng 50,00$ (khi bán ngôi ấy quan trên cho phép mới được bán) các viên chức hương lão phải nộp tiền khao vọng trên này, hễ đến kỳ nào hay năm nào phải nộp tiền lệ ấy, bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng phải đem nộp vào quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở sự chi thu, hương hội sẽ trừ vị thứ người ấy đi và trình quan trên xét nghĩ.

Thôn Lễ Pháp. - người nào có con giai vào giáp sửa 10 quả cau lễ thần, rồi tường viên điển lễ đem vào sổ đinh hoặc người nào có con nuôi xin vào giáp để đăng trình thì công dân lấy hạng 1 tuổi đến 5 tuổi 2,00$, từ 6 tuổi đến 10 tuổi 4,00$, từ 11 tuổi đến 15 tuổi 6,00$.

Tế tự

Điều thứ 76: Việc sửa lễ vị thứ: Những người tộc biểu nào không có chức phận gì, chưa được vị thứ thì cũng được ngôi thứ trong đình, bán vị thứ vân vân.

Thôn Lễ Pháp

Ngày mồng 6 đến mồng 8 tháng Giêng tiệc Kỳ Phúc và sửa mã xôi, lợn, giầu, rượu 30,00$, tháng 2 lễ Kỳ Yên xôi, lợn 10,00$, mồng 3 tháng 3 tiết Thanh Minh 1,20$, mồng 5 tháng 5 1,20$, tháng 4 lễ tẩm cốc 1,20$ 0,20$, tháng 5 lễ Hạ Điền 1,20$, tháng 7 Thượng Điền 1,20$, mồng 2 tháng 8 lễ Thần Nông 1,20$, rằm tháng 8 Kỳ Phúc xôi, lợn 10,00$ tiết mồng 10 tháng 10 1,20$, mồng 1 tháng 12 Kỳ Phúc 3,00$, 27 tháng 12 lễ phong mã xôi, lợn 5,00$, đồng niên 24 tuần sóc vọng mỗi tuần 0,50$, đồng niên kỳ hậu 12,00$, mỗi kỳ 1,00$.

Thôn Cửa Ải

Ngày mồng ... tháng Giêng tết Nguyên Đán trai bàn 1,00$, ngày mồng 3 lễ sinh nhật trai bàn 1,00$, từ mồng 6 tháng Giêng đến 14 Nhập Tịch tế thần xôi, lợn, giấu, rượu, vàng mã 15,00$, mồng 1 tháng 2 hội lễ xôi, gà 2,00$ tháng 2 đinh tế xôi lợn 6,00$, ngày 27 tháng 2 lễ sinh nhật trai bàn 1,00$, mồng 3 tháng 3 tiết Thanh Minh 1,00$, mồng 9 tháng 2 lễ hóa nhật trai bàn 1,00$, tháng 4 lễ Hạ Điền và tế quan thị xôi lợn 6,00$, mồng 5 tháng 5 tiết Đoan Dương 1,00$, mồng 9 tháng 8 Kỳ Phúc 2,00$, tháng 9 lễ Thường Tân xôi lợn 5,00$, tiết Trùng Thập 1,00$, ngày 12 tháng 11 lễ hóa nhật trai bàn 1,00$, mồng 1 tháng 12 lễ thần phong mã 2,00$, ngày 10 tháng 12 tế quan đương niên xôi, gà 2,00$, đồng niên 24 tuần sóc vọng oản, quả 12,00$, ngày 15 tháng 12 hợp tế các hậu kỳ 10,00$.

Vị thứ đình trung

Tả văn dòng thứ nhất từ văn giai cửu phẩm giở lên cùng là Pháp học khoa mục, tiến sĩ, cử nhân, tú tài.

Dòng thứ hai, chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó hương hội, chánh phó lý thư ký thủ quĩ hương mục tốt nghiệp tộc biểu chưa có vị thứ, cựu binh hương dịch nhiêu nam vân vân.

Các phẩm hàm nhà nước cho quyền cứ theo phẩm trật mà ngồi.

Các phẩm hàm từ cửu phẩm giở lên, thì võ giai kém văn giai hai trật.

Các chức dịch từ phó lý trưởng giở lên, chức dịch bầu cử hơn chức dịch mua, còn như các phẩm hàm chức dịch kẻ tân người cựu vị thứ từ ngôi hương dịch giở lên mới được đi tế đình trung. Những người tộc biểu trước kia chưa có vị thứ khi đã được cử làm tộc biểu thì cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền khao vọng, hay mua vị thứ như điều 75 đã nói ở trên.

Phụng lệ bầu chủ tế và tả văn thôn Lễ Pháp ngôi chủ tế cứ trong hàng triều quan, văn võ cùng Pháp học, khoa mục và chánh phó tổng thủ đến, lý phó trưởng giở lên hạn một năm.

Ngôi tả văn, từ hàng lý phó trưởng giở lên mới được cử làm hạn trong 3 năm cử lại một lần, nhưng phải chọn người từ 40 tuổi giở lên mà có phẩm hàm mới được. Thôn Cửa Ải từ hàng lý phó trưởng giở lên mới được cử làm chủ tế, người nào đã làm chủ tế lại kiêm cả chủ tả văn, nhưng phải có phẩm hàm mới được.

Lệ cử biếu - Đồng niên các ngày tế lễ có sinh lễ, tế lễ xong thì tùy nghi cử biếu như lệ còn thì đồng dân quân huê.

Làng có: Thôn công quĩ thôn nào biên riêng thôn ấy chỉ để tiêu riêng.

Các thuế của làng

Điều thứ 77: Thuế ngựa, thuế trâu, bò, thuế nhà cửa vân vân.

Thuế ngoại phụ vào ngạch thuế nhà nước mỗi thứ thuế phải kê riêng, từng mục.

Thôn Lễ Pháp

Đồng niên thu thuế trâu mỗi con 0,30$, bò mỗi con 0,10$ rưỡi.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các điều khoản gì cũ trái với hương ước này điều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên, thời hương hội tùy trình lý nhẹ nặng mà phạt hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần, thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này, lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lễ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y bản chính: Bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở nha quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ 4 ở tòa sứ.

Tuân Lễ le 28 août 1942

Thừa sao y bản chính

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG VÂN TRÌ

Tổng Tuân Lễ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

(Bản sao năm 1936)

Chú ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất

Điều lệ tổng cục

Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng thì phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày mười hai tháng 8 năm 1942 về việc chỉnh đốn hương hội và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo điều thứ 24 nghị định ngày 12 tháng 8 năm1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 kilomét thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi xa quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày là: khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn 2 ngày, mỗi ngày là bốn hào 0,40$ khi lên phủ hay huyện cả khứ hồi không được quá hạn một ngày, mỗi ngày là 0,10$.

Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921 về sự chỉnh đốn sổ chi thu hàng xã và phải theo lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định, số 1950 đã nói ở trên, cấm không ai bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức ngôi thứ, tổng lý hoặc lên lão vân vân! Hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước thì ngoại giả không còn phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công quĩ mà không có thủ quĩ biên lai thì món tiền ấy coi như không nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ chánh hội thì không kể.

Hễ ai đến lĩnh tiền thì thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra, mà có chữ ký của chánh hội và chữ ký hay là điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì hương hội phải kiểm kê lại một lần và phải làm biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 7: Hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết hễ yết thị phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ thuế xong thì giao cho tộc biểu và phó lý trưởng án phận hành thu rồi giao lý trưởng đem nộp vào kho bạc. Thu tiền gì cũng phải biên nhận, tờ biên nhận ấy ở quyển phải lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu thuế, lý phó trưởng phải trình quan cứu xử ngay.

Điều thứ 13: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong một tháng hương hội thường hội đồng hai kỳ là ngày mồng 1 và ngày 15, từ 8 giờ đến 11 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội như lĩnh tiền và nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự, thương sự mà kiện cáo, trước hết phải tường hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hương hội tiếp trình phải lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì hương hội phải lập biên bản lưu chiểu, nguyên bị điều ký vào biên bản ấy rồi lý phó trưởng phải sao biên bản ấy trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Việc hòa giải không xong hương hội cũng lập biên bản lưu chiểu. Nếu hương hội vị nguuyên bị mà phải đi làm chưng trước tòa án thì người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải và những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, trừ ra những người đang làm việc các sở các sắc binh, các chức sắc khoa mục, các học trò đang đi học các trường và các người có bệnh tật, còn người từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi canh được thời có thể nhờ bà con hay gia hạ canh thay, nếu xảy ra việc gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu trách nhiệm. Cấm không ai được nộp tiền cho làng để cho canh thay như cách mua nhiều tuần trước.

Điều thứ 20: Làng có 3 thôn, mỗi thôn cử một người trương tuần và 7 người tuần tráng, cộng 3 người trương tuần và 21 người tuần dân cử khi thường thì người đốc canh đốc thúc tuần tráng, khi có động hiệu thì tất cả tuần ban và đinh tráng trong làng phải ra ứng cứu ngay.

Điều thứ 21: Những khi giới để canh như câu liêm, gậy, giáo, mác làng trích tiền công sắm cho, hết hạn tuần phải giao giả làng nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiểu giả làm đền ngay.

Điều thứ 22: Làng đặt điếm canh phí tổn tiền sửa điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, (...) nếu hương hội phạt 0,10$, lần thứ 3 sẽ phải giải lên tòa án xét.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn chung quanh làng để cho kẻ gian phi khỏi vào chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được đứa ăn cướp thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần không bắt được phạm, thì trương tuần và tuần tráng đều phải chiểu giá mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm cắp hương hội phải đến khám xét ngay xem thực mất những gì? Đáng giá bao nhiêu kê vào biên bản cho thực phân minh, đợi khi các điền chủ nộp tiền thế cho lúa sương thì hương hội trích tiền ấy đền cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy, sẽ khấu trừ đi, nếu một kỳ không đủ thì ghi vào sổ lương tuần để khấu trừ lương sau, hoặc lại còn thiếu trách cứ trương tuần ban ấy phải nộp tiền vào công quĩ cho đủ chứ không chỉ trách cứ tuần phiên phải đền cho sự chủ mà thôi, thành ra không có sự thực, còn như có sự cướp phát to mà tuần ban cứu ứng làm hết bổn phận thì không phải đền, chỉ trừ ra xét được tuần ban không chịu hết lòng cứu ứng đến nỗi bị mất thì cũng phải chiểu giá bồi thường.

Điều thứ 27: Lý phó trưởng phải thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải trình quan xét.

Điều thứ 28: Làng cử 3 người trương tuần và 21 người tráng kiêm việc tuần ngoại, để trông coi đồng điền của làng, khi có đông hiệu thì tất cả tuần ban và đinh tráng trong làng phải ra ứng cứu ngay.

Điều thứ 29: Tuần tráng thì cứ cắt lượt mạnh khỏe, trương tuần và tuần tráng phải ký vào hai bản danh sách canh phòng, một bản trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có cái biển kê tên trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy tổn thì phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước nhưng khi nên giữ nên thảo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá cho ruộng bị cạn tuần phải bắt giải hương hội xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tiền như người phạm, trừ ra khi nào chiểu luật trị tội thì mới phạt tiền

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,50$ nộp làm hai kỳ, một kỳ tháng năm và một kỳ tháng mười tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày gặt thì điền hộ phải đem nộp tiền lúa sương cho thủ quĩ, làng cấp tiền lương cho tuần lấy ở công qũy ra phát, trương tuần đồng niên 15,00$, tuần tráng mỗi người đồng niên 13,00$ phát làm 2 kỳ, đúng vào kỳ điền hộ nộp tiền điền mẫu thay cho lúa sương.

Cấp lương đồng niên cho lý trưởng, phó lý, thư ký, thủ quĩ.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc 3 năm được chu toàn thì làng cho ngôi tộc biểu cũng như là phó lý, không hết bổn phận sẽ phải bãi dịch mà không được ngôi tộc biểu. Nếu trương tuần làm 1 năm, không được theo lệ ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần cấp như là hỏa tai, cướp bóc hay đê sạt trừ ra người 60 tuổi giở lên và những người yếu đuối còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai trễ biếng không đến cứu hương hội xét thực phạt 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu thủy tai

Khi nước xuống đê điều, sông to đê điều nguy cấp cần phải sang hộ, hễ tiếp lệnh sức, hương hội phải đốc đinh tráng đến cứu hộ ngay,

vật liệu giữ đê và lương thực đinh tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi chứ không bổ cho dân đinh.

Sự cứu hỏa tai

Sự cứu hỏa tai cần phải sẵn có đồ chữa mới được, nếu cứ tay không chạy đến mất giương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích, vậy làng trích tiền công mà sắm lấy cái câu liêm thật tốt và sắc để ở điếm canh, nhà nào bất hạnh bị hỏa tai thì tuần đem ngay đến cứu, nếu cần phải dỡ, tắt khúc và các câu liêm ấy kéo giỡ đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước - trừ nhà gái góa con côi - làm bằng tre bương, dài độ một thước Tây, đầu để vẩy nước vót nhọn mỏng lơn, ống của nhà ai khắc tên nhà ấy vào, hễ nghe hiệu chỗ nào cháy, thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến lấy nước chữa cháy, sự chữa sắp xong hương hội, lý phó và trương tuần phải điểm ngay xem số ống có đủ hay không, nếu thiếu ống nào hay ống nào không có dấu nước ướt, thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0,50$, còn như các nhà bị cháy hương hội phải đến xét xem khởi từ đâu vì duyên cớ gì; nếu thực là bất ý thì tha không phạt, hoặc ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, đốt nhà để hôi của nhà khác, thì hương hội bắt giao lý trưởng giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 2,00$ và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Cái giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc hủi lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra trại dưỡng tế, không vi nể mà để ở trong làng được.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,50$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao hay là ở những chỗ nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cống và đê điều, thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như đê điều, thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đê điều, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê hay là giồng giọt ở đây. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được. Thời thủ lộ phải tường hương hội để trình quan, còn như về sự canh phòng đê điều thì phải chiểu theo nghị định ngày mồng 1 juullet 1917 để thi hành.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung cả làng thời phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Những đường cái công, cấm không ai được đào xẻ lấy nước đi qua, nếu cần phải lấy nước thì phải xin phép quan cho đặt cống mới được, ai không tuân hương hội bắt giao lý trưởng giải quan xét nghĩ, còn đường cái riêng của làng ai tháo nước qua đường phải xin phép hương hội, tháo xong lại phải đắp lại như cũ.

Điều thứ 50: Thủ lộ ba năm chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì bãi dịch. Nếu thủ lộ làm từng năm một thì không được theo lệ ấy.

Sự vệ nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12 hội đồng cho mõ rao, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón

Điều thứ 52: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng, không đắp lại để lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì không được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$ cấm không được giống giọt lúa khoai lang, khoai sọ v.v... ở bên trong bờ sông, như thế sông ngòi dễ ủng tắc, ai không tuân phạt 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 54: Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hương hội phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mạ thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị đinh ngày mồng 8 tháng ba Tây năm 1906 cấm những tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm cố, bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho, thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong.

Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên cho, thì dẫu lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đây là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thể lệ ấy mang thi hành về việc phiếu quốc trái của công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dầu làng bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép mới được đi, việc quan cấm bán công điền công thổ đáng nhẽ cứ chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu vua Gia Long và nghị đinh quan kinh lược ngày 20 tháng Tư năm 1906, thì cấm hẳn nhưng quan trên cũng có thể đặc cách cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thời hương hội phải đấu giá, nhưng yết thị cho mọi người trước hết khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản, đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều mà chính phủ có lệnh cấm như rượu lậu và thuốc lậu hoặc mở sòng bạc lấy hồ, thì hương hội phải khám xét dặn bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội đã bảo trước mà còn cố ý phạm cấm, thì hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải trình quan trên trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy, dù quan chiểu luật trị tội, nhưng vì làm mất phong thể làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong làng.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng, chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp. Nếu vắng mặt thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện nay đinh giao việc ấy cho các tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng tuần đi báo các tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp đãi ở sở công. Nếu các quan muốn khám xét

nhà nào thì phải dẫn khám. Khi khám nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa. Khi ở trong địa giới có ai ốm đau hay bị tai nạn thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường học thì làm trường ở trong làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương thầy giáo, sẽ lấy tiền công ở dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thì trẻ con lên 8 tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi mà trường học đã làm xong rồi, ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền mua sách vở, giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng, thời phải trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 3,00$, mua đất công hoặc tư cũng không được quá 3,00$.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quản điền thổ

Điều thứ 72: Trong điều này phải nói rõ:

a) Cách quản phân riêng của hàng xã.

b) Những hoa lợi riêng của hàng xã coi như là trưng ao, hồ, sông con, tiền cho thuê điền, thổ, bãi, phiếu quốc trái vân vân.

Mỗi khoản kê riêng từng mục: Làng có đầm công mẫu (đông giáp địa phận xã Kim Nỗ, tây giáp địa phận xã Thọ Đa) mỗi năm đem đấu giá lấy tiền sung vào công quĩ.

Lại có cái chợ là đất công đình ước chừng 6 sào lĩnh xin đến 23 và 28 tháng 12 là ngày phiên chợ, thì thu giải những người bán hàng ước độ 12,00$ và mang đấu giá cho những người làm lều quán để bỏ vào công quĩ.

Lại có ruộng công đình 18 mẫu (nguyên làng có 2 chùa, chùa Cả, chùa Thổ) ruộng chùa Cả 8 mẫu 8 sào, giao ủy cho sư cấy để sang sửa và hương đăng ở chùa, nhưng phải nộp cho dân mỗi năm là 30,00$ để sung vào công quĩ, ruộng chùa Thổ 1 mẫu giao cho sư cấy để sửa sang và hương đăng vào chùa, nhưng mỗi năm cũng phải nộp 15,00$ để bỏ vào công quĩ.

Duy dân có 18 mẫu ruộng (do trừ một mẫu ruộng hậu lăng quan thái giám ngày 27 tháng 4 là ngày giỗ, ruộng ấy đấu giá được bao nhiêu tiền để sửa lễ cúng ngài cả; còn 17 mẫu đem đấu giá, lấy tiền sung vào công quĩ để chi về việc tế tự và các kỵ hậu.

Ai đấu giá được ruộng cũng phải nộp tiền thuế và tiền lúa sương, ruộng chùa cũng thế khi đã mua được đấu giá rồi thì tính bắt đầu từ ngày hội đồng bán đấu giá, hạn trong một tháng hoặc ba tháng là cùng, phải đem nộp tiền vào công quĩ cho đủ. Nếu ai để quá hạn thì không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu. Hương hội sẽ cầm lấy ruộng đã bán chương cho người, để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử, còn như ruộng hoặc cày cấy, giồng giọt, đầm đã thả cá hoặc sinh lợi gì thì những người ấy cũng phải mất cả quyền lợi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: (Nói rõ thể lệ cưới xin và tiền cheo nộp là bao nhiêu).

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, bốn lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật

hôn để phòng ngừa các điều nhầm đại, thành hiền có để lại nhời chính đáng dạy bảo cho tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách thức hôn đó. Lại nói, vợ chồng như đũa có đôi bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến sự xấu đẹp, như thế là cách thể hôn đó, xem như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học như con giai và để dành vốn riêng cho con gái, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay hơm là thế, so sánh với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao, các điều nhầm dại không sao kể xiết được, phần thì trái lẽ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc, chúng ta kíp nên sửa đổi cái lễ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lễ hôn định như sau này.

1. Trong làng con giai 18 tuổi, con gái từ 17 tuổi giở lên mới được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh, bố mẹ hai bên phải đến tường hương hội biết, để hương hội xét hai người định lấy nhau ấy tuổi hợp lệ không và có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày cho ai nấy đều biết, nếu tuổi hợp lệ và không có điều gì ngăn trở, thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi, hạn trong 1 tháng là cùng, người chủ hôn phải dẫn hai người tân hôn biện 1 chai rượu và trăm miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói với hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy những người đương thứ có mặt tại đình quân huệ.

4. Cheo nội 4,00$ cheo ngoại 5,00$.

5. Khi đã nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lễ đủ rồi, không còn phải phí tổn với làng nhẽ gì nữa, còn những hủ lậu như chăng giây, đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tục lệ

Điều thứ 74: Nói rõ tục lệ, tang lệ và tiền lệ nộp là bao nhiêu.

Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự đau đớn nào hơn là sự tử táng, trong làng xóm không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vì bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ mà giết trâu, lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không, chắc giả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy, mà kéo nhau đến ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không, chắc cũng giả nhời rằng không, còn việc hộ tang cho nhau là cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lần mấy nhau, chứ không phải vì đám ăn mà tìm đến, thế mà hủ tục lưu truyền, thói đời bạc bẽo, khi có việc bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay nhớn, lấy thế làm đủ báo đáp cho cha vinh diện với hương quan, đến nỗi tốn trăm, tốn nghìn, mất nhà mất ruộng, cũng không quản ngại, than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thời không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không biết được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết, mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu; thế có lạ chưa, cũng có người hay biết là tục giở, song hoặc thói truyền nhiễm hoặc e miệng thị phi, nhẩm chịu là nhẩm, đổi không dám đổi, nay thượng hiếu nhủ lòng thương dân, nhời diễn thuyết thì là tỏ tường, các tình tục là chính đáng, dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu thiệt người nhưng không đến nỗi thiệt của, kẻ bô xuyết tránh khỏi tiếng xấu mà lại được tiếng khen, vậy các lệ tang như sau này:

1. Khi ai chết về mùa đông hay không phải bệnh truyền nhiễm hạn 48 giờ thì phải đem mai táng, nếu chết về mùa hè hay là bệnh truyền thì trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa trăm miếng giầu do tộc biểu về phía nhà tang chủ đến tường hương hội, hương hội xem tang chủ nộp lệ nào, liệu mà cắt chấp hiệu đô tùy và các đồ tang nghi đi tống táng, lệ ấy phân biệt như sau này.

Đại lệ 15,00$ hai người chấp hiệu, cắt trong ban tộc biểu, 60 người đô tùy cắt vào các biểu (...).

Trung lệ 10,00$, hai người chấp hiệu 40 người đô tùy.

Tiểu lệ 5,00$, một người chấp hiệu 20 người đô tùy. Khi nộp lệ phải biện chai rượu và mười miếng giầu ra lễ yết thần.

3. Trước khi chuyển cữu chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thương ấp hạ bái, nghĩa là ai vị thứ hay tuổi ngang hàng, hay ở dưới người chết phải lễ 2 lễ, để tỏ tình thương xót lễ kính trọng của làng đối với vong nhân. Về phần tang chủ phải đem tất cả anh em, dâu rể con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người chết mà nghèo khổ, không có thân thích trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích tiền công giao cho người mua ván về cắt đô tùy tống táng cho người chết ấy, lại trích 1,00$ để chi về tiền giầu nước cho tuần tráng làm việc ấy

5. Khi tang chủ đã nộp lệ cho làng, làng đi tống táng và biên vào sổ tử rồi thế là tình về nhà tang chủ đối với làng và làng đối với nhà tang chủ. Hai bên hoàn toàn không còn thiếu gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu nhà tang chủ về sự ăn uống hoặc sự tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất thứ vị ở đình trung trong hạn trong 100 ngày, chỉ có sau khi an táng nhà tang chủ nếu muốn đãi chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường thì tùy ý không cấm.

6. Làng nên chọn khu đất công cao ráo sạch sẽ chung quanh giồng cây để làm nơi nghĩa địa, không nên mê hoặc phong thủy tìm chỗ này chỗ khác đã vô ích lại hại thêm

Những tiền lệ khao vọng

Điều thứ 75: Tiền vọng, tiền khao, tiền vọng lão vân vân.

Mỗi thứ này phải kê riêng từng mục.

Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh, các viên chức có phẩm hàm triều chính và các kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là có món

tiền khao vọng mà có thứ vị, nhưng làng đình thu món tiền ấy là có ý để tỏ ra rằng, các bậc đạt tôn cũng lấy thứ vị đình trung làm trọng để làm gương khích khuyết cho kẻ sau. Duy hạng lão 70 tuổi giở lên, sự hy vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông nom vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất tiền thêm một món, thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa người ta khó theo vậy lệ vọng tiền nên chước miễn hẳn, đến như những người chưa có thứ vị thì buộc phải nộp đi khao vọng mấy mua được chỗ ăn ngồi, lẽ ấy công bằng lệ này minh bạch.

Văn thất phẩm, võ lục thất phẩm, Pháp học các khoa tiến sĩ, cử nhân, Pháp học tốt nghiệp khao vọng 50,00$.

Văn thất phẩm võ thất phẩm giở xuống Pháp học tú tài, cao đẳng khao vọng 30,00$, vọng nữa 20,00$.

Chánh phó tổng thưởng hàm, nghị hội viên cùng chánh phó hương hội chưa có thứ vị ngôi xã cựu khao 50,00$ vọng 30,00$.

Chánh phó lý quản, tổng quản xã, trương tuần cùng thư ký, trưởng bạ, thủ quĩ chưa có thứ vị khao 20,00$ vọng 10,00$.

Tộc biểu chưa có vị thứ phải nộp tiền khao vọng 10,00$ khi vọng lão người nào không có chức phận gì, đến năm mươi tuổi phải nộp tiền vọng 2,00$, cau 30 quả, người nào có chức phận rồi đến 50 tuổi nộp 1,00$, cau 30 quả, đến 60 tuổi phải nộp 3,00$, cau 30 quả.

Cứ đến 30 tháng 11 đem tiền ra tại đình yết thần và nộp tiền công quĩ.

Lên ngôi nhiêu 10,00$, người nào đi linh được 3 năm vọng 3,00$, 6 năm vọng 2,00$ ngồi vào hàng cựu binh, các thứ vị phải nộp lệ khao vọng trên này phải bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hạn trong 3 tháng hoặc 6 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở sự chi thu, hương hội sẽ trừ thứ vị người ấy để ra trình quan trên xét xử.

Tế tự

Điều thứ 76: Tu tiến lễ vật.

Việc sửa lễ vị thứ những người tộc biểu nào không có chức phận gì mà chưa được vị thứ thì cũng được ngồi thứ trong đình bản vị thứ... vân vân.

Tết Nguyên đán mỗi ngày lệ gà, oản, giầu, rượu 3,00$, 3 ngày cộng 9,00$, lễ Khánh Hạ đức đại vương ngày mồng 6 một con lợn 10,00$, oản 3,00$, hoa, quả, giầu, rượu 1,00$.

Ngày mồng 7 một con lợn 3,00$, oản 2,00$, hoa, quả, giầu, rượu cộng 3 ngày là 30,00$.

Tháng 3 lễ dâng oản, quả, giầu, rượu 3,00$; ngày 14 tháng Tư lễ nhập tiệc ngày hóa đức đại vương, ngày 14 một con lợn 3,00$, oản 2,00$, giầu rượu 1,00$, ngày hôm 15 chính tiệc một con gà 2,00$, oản 1,00$ giầu, rượu 1,00$ cộng 24,00$ lễ sắm sửa ngựa, mũ mã tháng năm lễ hạ giá 38,00$.

Ngày 14 tháng 8 lễ sinh nhật đức đại vương một con lợn 8,00$, oản 1,00$, giầu rượu 1,00$; ngày hôm 15 chính tiệc một con lợn 10,00$, oản, giầu, rượu 5,00$.

Ngày16 lễ xuất tiệc một con lợn 3,00$ oản, giầu, rượu 2,00$ cộng trong 3 ngày là 35,00$.

Lễ cơm mới 8,00$ xôi, chuối 8,00$ cộng 2 lễ là 16,00$, lễ thượng nguyên, trung và hạ nguyên mỗi lễ 3,00$ cộng 3 lễ 9,00$.

Lễ Thanh Minh, Trùng Ngũ, Trùng Thập, triều thiên 4 lễ 8,00$, ngày 30 tháng 11 lễ gà, oản 3,00$, ngày 30 tháng 12 gà oản 5,00$, lễ tống cựu nghênh tân, động thổ lễ 3,00$.

Hai lễ hậu bà ở tại đình mỗi lễ 5,00$ cộng 2 lễ 10,00$ và thay hậu mỗi ky 2,00$ cộng 4 ky 8,00$.

Đồng niên sắc vọng cộng 24,00$, xướng ca đồng niên 12,00$.

Đồng niên chi tiền hương thờ ở đình 36,00$.

Chi lương thủ từ phụng sự tại đình đồng niên 10,00$ và 1 mẫu 5 sào ruộng, nếu không bảo được thủ từ thì ban tộc biểu phải trông nom phụng sự và giữ đồ khí tế ở đình.

Vị thứ đình trung chia làm 6 dòng.

Đông đình cửa cấm chiếu chủ tế tả văn:

Dòng thứ nhất, hương lão từ 60 tuổi giở lên và chiếu 50 tuổi.

Dòng thứ hai, phẩm hàm từ nhất phẩm chí cửu phẩm thiên bá hộ, chánh phó tổng, nghị hội viên, chánh phó lý có vọng mãn lệ cùng chánh phó quản tổng mãn lệ, chánh hội mãn lệ và thư ký, trưởng bạ mà có bằng thị chúng mãn lệ thì mới được ngồi và ai có bằng Pháp Việt tốt nghiệp.

Dòng thứ ba, quản xã, trương tuần cùng tộc biểu thủ quĩ, thủ lộ mãn lệ và thủ bạ.

Tây đình cửa cấm chiếu tân binh, thủ từ.

Dòng thứ nhất võ giai tự cai đội chí cựu binh mãn lệ nhưng phải đủ giấy trương trình.

Dòng thứ 2 các hàng đương thứ.

Dòng thứ 3 những xã nhiêu, nhưng cũng phải vào theo với hội đồng và cựu binh quân huệ.

Phụ lệ bầu chủ tế tả văn:

Ngôi chủ tế phải cử hàng phẩm hàm đến hàng chánh phó tổng, chánh hương hội, chánh phó lý nhưng chọn người từ 50 tuổi giở lên, xưa nay không còn khoản gì mãn lệ và chữ nghĩa tinh thông mấy vào làm chủ tế.

Ngôi tả văn phải cử trong hàng khoa mục, phẩm hàm rồi đến chánh phó tổng, chánh phó lý, cùng chánh phó hội mãn lệ, sau này không còn khoản gì chữ nghĩa tinh thông mới được bầu làm tả văn.

Người hành văn phải cử trong hàng đương thứ chánh phó hội, chánh phó lý, thư ký, trưởng bạ chữ tinh thông mấy bầu làm hành văn. Đến như đông tây xướng phải cử trong hàng kỳ cựu chánh phó quản tổng, cai đội quản lệ mãn lệ và chữ nghĩa tinh thông, nhưng tuổi từ 50 tuổi giở lên mới được làm đông tây xướng.

Phụ lệ kinh biếu:

Đình trung tế tự xong rồi biếu hàng cử nhân, tú tài, văn xuất chính từ lục phẩm dĩ thượng, võ tam phẩm giở lên có khao vọng ba tiệc, mỗi tiệc biếu một cái sỏ lợn tế chủ tả văn, mỗi kỳ tiệc biếu mỗi ngày mỗi người một cái chân lợn, oản một phẩm, cau 1 quả, chỉ duy biếu riêng người tả văn có ngày mồng sáu tháng Giêng 1 cái sỏ lợn, oản 3 phẩm, cau 3 quả, rượu 1 nậm và biếu người hành văn 3 tiệc mỗi tiệc 1 cái chân lợn, chức sắc hàng cựu dịch có khao vọng mỗi người 1 quả cau.

Còn các hàng đương thứ như chánh phó hội, chánh phó lý, thủ quĩ, trưởng ba, cứ tiệc biếu 1 cái nấm lợn, oản mỗi ngày 1 phẩm, còn các tiệc nhỏ như sóc vọng và các kỵ hậu, lễ xong trừ kinh biếu đi rồi, còn những người đương làm việc quan đều được quân huệ. Còn như các kỵ hậu, lợn thì biếu trưởng hậu 1 cái còng lợn, oản 1 phẩm, cau 1 quả, nếu cúng giỗ gà thì biếu giỗ đầu oản 1 phẩm, cau 1 quả.

Còn những ngày đại tiệc trừ kinh biếu đi rồi những người nào có vị thứ đình trung mà khao vọng đủ và các hàng đương thứ đều được quân huệ.

Điều thứ 77: Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều khoản gì cũ trái với hương ước này điều bỏ đi cả.

Điều thứ 78: Trong làng ai trái những khóa ước thời hương hội tùy tình lý nhẹ nặng mà phạt hoặc không cho ra đình trung tế tự một hạn là bao nhiêu lâu, hoặc truất thứ vị xuống mấy ban.

Điều thứ 79: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho dân cùng nghe.

Điều thứ 80: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên.

Điều thứ 81: Quyển hương ước này phải có chữ của người tộc biểu ký, chữ của quan sở tại phê, các chức quan tuần phủ và quan chánh sứ cùng duyệt y, rồi làm thành bốn bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu nhà quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tuần phủ, bản thứ tư ở tòa sứ.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG VIÊN NỘI

Tổng Tuần Lễ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên

Chủ ý cải lương

Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần lên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản lệ thủa trước.

Điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Điều lệ tổng cục
Chính trị

Điều thứ 1: Việc chính trị trong làng phải chiểu theo nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921, về việc chỉnh đốn hương ước và phải tuân theo lệnh truyền đính theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 2: Chiểu theo nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 thì những tiền lộ phí cấp cho các người tộc biểu và lý phó trưởng thể lệ như sau này.

1. Khi phải đi xa trong vòng năm cây số thì không được tiền lộ phí.

2. Khi đi quá vòng ấy thì được tiền lộ phí mỗi ngày như lên tỉnh 0,50$, lên huyện 0,25$, đốc thuế 0,30$ một ngày một người, khi lên tỉnh cả khứ hồi không được quá hạn một ngày.

Đi lại ở trong địa hạt xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan trên sức theo như lệ, thời không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức đã nói trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 Tây năm 1921 về việc chỉnh đốn sổ chi thu, trong hàng xã và phải tuân lệnh truyền đình theo bản nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 4: Chiểu theo điều thứ 6 trong nghị định đã nói ở trên, cấm không ai được bắt dân phải làm cỗ mời công dân khi có việc tang, thi đỗ, thăng bổ hàm chức, ngôi thứ tổng lý hoặc lên lão... vân vân, hễ đã đóng đủ tiền lệ đã định trong hương ước này thì ngoài ra không phải chịu khoản nào nữa.

Điều thứ 5: Ai nộp tiền vào công qũy mà không có thủ quĩ biên lai thời món tiền ấy cũng coi như chưa nộp.

Điều thứ 6: Những món tiền mà thủ qũy chi ra mà không có chữ chánh hương hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của chánh hương hội, chữ ký hay điểm chỉ của những người lĩnh tiền ấy, cứ đến cuối tháng thì sưu thuế phải kiểm quĩ lại một lần và phải làm biên bản để lưu truyền.

Điều thứ 7: Hết năm thời hương hội phải tính sổ xem thực thu vào bao nhiêu, tiêu đi bao nhiêu, còn thừa bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết, hễ yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 8: Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ thuế về thời phải tường chánh hương hội; họp các tộc biểu lại mà tính bổ.

Điều thứ 9: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 10: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 11: Khi bổ xong thì các tộc biểu làm bài bổ giao cho lý trưởng phải hành thu mà đem nộp vào kho bạc, thu tiền gì cũng phải biên nhận vào, biên lai ấy lấy ở quyển sổ phái lai của nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì, thì ở tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 12: Những người nào thiếu sưu thuế thời lý trưởng phải trình quan xét xử.

Điều thứ 13: Ngày hôm bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 14: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Trong một tháng hương hội thường hội đồng hai kỳ là ngày mồng 1 và ngày 15, từ 8 giờ đến 10 giờ, ai có việc gì cần đến hương hội lĩnh tiền và nộp tiền, xin biên vào sổ sinh tử, giá thú hay muốn hỏi việc gì thì cứ ngày giờ ấy đến sở hội đồng mà tường, hoặc ai có việc gì thuộc về dân sự, thương sự mà kiện cáo, trước hết phải tường hương hội hòa giải.

Điều thứ 15: Khi chánh hội tiếp ai trình thực phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời lý trưởng lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 16: Nếu việc hòa giải không xong hương hội vị nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 17: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 18: Hương hội xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan. Không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh phòng trong làng
Tuần đinh

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng thì hết thảy người làng, từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc khoa mục, đang đi học các trường và người có bệnh tật. Người nào đi vắng hoặc mắc bệnh không ra canh được thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay cho và không được (...) như cách mua nhiêu tuần trước.

Điều thứ 20: Những người đi tuần chia làm 2 ban, mỗi ban canh độ 3 tháng hoặc 6 tháng hoặc nếu mỗi ban bầu một người trưởng ban làm đốc canh. Khi trong làng có cướp phát thời tất cả các ban canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban canh đương thứ, làng cử hai người trương tuần và mười tuần tráng chia làm 2 ban, 1 trương tuần và 5 tuần tráng làm ban tuần nội. 1 trương tuần và 5 tuần tráng làm ban tuần ngoại, cứ 10 ngày đổi tuần nội ra tuần ngoại mà tuần ngoại vào tuần nội, khi có động hiệu thì tất cả các ban tuần và đinh tráng ở trong làng phải đến cứu ngay, trương tuần và tuần tráng hạn mỗi năm là một hạn lại phải bầu lại. Nếu những người cũ bằng lòng làm một ban nữa mà hương hội thỏa thuận mấy được, những người có tài sản làng cấp đất đai và không được làm thì làng phạt 1,00$.

Điều thứ 21: Những khí giới để canh của ai thời người ấy phải sắm, phải khắc tên vào, người nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công mà sắm cho, hết ban canh phải giao để giả làng.

Điều thứ 22: Tùy làng nhớn hay làng nhỏ mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn tiền lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 23: Người đứng đầu ban canh, cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điểm, ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần hương hội phạt 0,10$, lần thứ ba thì sẽ phải giải lên tòa án xét, phạm về tội phạm vào khoản thứ 2 điều 227 trong luật hình An Nam.

Điều thứ 24: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luân chung quanh làng để cho cướp khỏi vào, chứ không được chỉ nằm ở điếm.

Điều thứ 25: Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 26: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng như trong làng có người mất trộm cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thời phải chiếu giá đã mất mà đền cho sự chủ, trong khi sự chủ mất trộm hay mất cướp thì hương hội phải xét khám ngay xem thực mất những gì, đáng giá bao nhiêu, kê vào biên bản cho được phân minh, đợi khi các điền hộ nộp tiền thế lúa sương hương hội trích tiền ấy đền cho sự chủ, rồi đến kỳ phát lương cho ban tuần ấy sẽ khấu trừ đi chứ không chỉ trách tuần phiên phải đền mà thôi, thành ra không có sợ thực, làm hết bổn phận thì không phải đền trừ... cứu chúng để đến nỗi mất cũng phải chiếu giá bồi thường.

Canh ngoài đồng (tuần đồng)

Điều thứ 28: Làng cử một người trương tuần và ít ra 5 tuần tráng để trông coi đồng điền, 1 trương tuần và 5 tuần tráng là ban tuần ngoại để trông đồng điền, khi ngoài đồng có đồng hiệu thì các ban tuần và đinh tráng phải ra cứu ngay, khi ngoài đồng không có lúa má hoa màu, thì chỉ trích người tuần tráng theo trương tuần tối nào cũng phải đi luôn các đồng điền và địa phận của làng, còn thì lại hợp với ban tuần nội để canh luôn trong làng.

Điều thứ 29: Tuần tráng thời cứ cách mà chọn luôn những người mạnh khỏe, trương tuần và tuần tráng ký vào 2 bản danh sách canh

phòng một bản giao lý trưởng đệ trình quan sở tại, một bản lưu chiểu, ở các điếm sở phải có biển kê những người trương tuần và tuần tráng.

Điều thứ 30: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 31: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp của các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 32: Tuần coi đường khuyến nông của làng thấy ai làm hư tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 33: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ, nên tháo nước phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyền.

Điều thứ 34: Những người tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hương hội xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$. Nếu tuần dong tùng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt như người phạm, trừ ra khi nào không thể chiểu theo điều thứ 201 trong bộ luật hình An Nam mà bắt tội được thì mới dùng cách phạt tiền.

Điều thứ 35: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 36: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh hay phụ canh, đồng niên mỗi mẫu 0,50$, tiền ấy cho làm 2 thứ 1 thứ tháng 5, 1 thứ tháng 10, tiền ấy thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến ngày gặt thì người điền chủ phải đem nộp lúa sương cho người thủ quĩ, thuế trâu mỗi con 0,40$, bò mỗi con 0,20$, làng trích tiền quĩ cấp cho tuần thì trương tuần hay xã đoàn mỗi người đồng niên 10,00$, tuần tráng mỗi người đồng niên 10,00$ lý trưởng cả năm 20,00$, thư ký đồng niên 10,00$, thủ quĩ đồng niên 4,00$, thủ ba 5,00$.

Điều thứ 37: Trương tuần làm việc ba năm, điều được chu toàn thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý trưởng, không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã phải bãi chức thì mất ngôi tộc biểu.

Sự cứu cấp

Điều thứ 38: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai, cướp bóc, đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu, hương hội xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Sự cứu hỏa phải có đồ chữa, nếu tay không chạy đến mà trông dẫu nghìn người cũng vô ích, vậy làng trích tiền công sắm lấy 20 cái câu liêm sắt để ở điếm canh, phòng khi đi cứu và mỗi nhà sắm lấy một cái ống vẩy nước để khi nghe chỗ nào cháy thì của người nào mà người ấy đem đến vảy nước mà chữa (...) xét thực ai không có thì phạt 0,10$, còn các nhà bị cháy hương hội phải đến xét hỏi tự đâu hay là duyên cớ gì, nếu thực là vô ý thì tha không phạt, hoặc xét ra người nào dụng ý đốt nhà làm hại người, hay để hòi của thì hương hội bắt giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 39: Ai vì cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi tộc biểu, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20,00$ cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 40: Muốn các người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 41: Hương hội thường hiểu bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 42: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 43: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về việc xây giếng trích tiền công để chi.

Điều thứ 44: Khi trong làng phát ra bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay để xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 45: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải có tờ trình quan khám thực, dẫn ra dưỡng tế không được vi nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 46: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm phải hội đồng phạt 0,10$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở gần hồ, ao hay là những chỗ đó bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 47: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội (...) coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng giữ gìn đừng để cho người ta cày cấy vào chỗ sườn đê, hay là giồng giọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho lúc nào đê cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời thủ lộ phải tường hương hội kê trình quan, việc làm đê đường cho người tráng đinh vào làng gọi đến 2 lần mà chậm, thiếu, làng phạt 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 48: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung cả làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 49: Ai cần thảo nước qua đường trước phải xin phép hương hội, thảo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ, ai không tuân hương hội giải trình quan tòa án xét nghĩ.

Điều thứ 50: Thủ lộ làm việc ba năm được chu toàn, thời làng cho ngôi tộc biểu cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về việc nông

Điều thứ 51: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay tháng 12 hội đồng cho quan mõ rao, các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 52: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại mà để bỏ lở dần đi, ai phạm hương hội phạt 0,10$.

Điều thứ 53: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0,10$, cấm không được giống giọt lúa, khoai lang, so... vân vân ở bên trong bờ sông ngòi, như thế sông ngòi dễ ủng tắc, ai không tuân phải phạt từ 0,10$ đến 0,20$.

Điều thứ 55: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hương hội phạt 1,00$, ai để vịt phá lúa mạ phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 56: Đã gọi của chung của làng, thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 57: Chiểu theo nghị định ngày 8 tháng 3 năm 1906 cấm những người tộc biểu không ai được vay mượn hoặc cầm bán các của công hàng xã, nghĩa là không được phép quan trên cho, thì không được làm tờ giao kết gì để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong, những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho, thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp chi đến làng cả, chỉ những người tộc biểu có tên ký ở đấy mà phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi. Thể lệ ấy mang thi hành về phiếu quốc trái công dân.

Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị, cũng phải có lệnh quan trên cho phép thời mới được đi.

Việc cầm bán công điền công thổ đáng lẽ phải chiểu theo chỉ dụ năm thứ hai niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20 tháng 4 Tây năm 1894, cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8 tháng 3 Tây năm 1906 thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Như vậy cốt là khi làng có động sản hay là bất động sản thì hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày.

Điều thứ 58: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 59: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu và thuốc lậu, mở sòng gá bạc lấy hổ, thời hương hội phải khám xét bảo luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 60: Ai hương hội bảo trước còn cố ý phạm cấm, hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 61: Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng vì mất phong thể làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 62: Theo thói quen khi có quan trên đến làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người tộc biểu.

Điều thứ 63: Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo ngay các tộc biểu.

Điều thứ 64: Các người tộc biểu cùng chánh phó lý phải lấy lễ nghi chỉnh đảng mà tiếp đãi tại sở công, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa, khi ở trong địa giới ai có ốm đau hay bị tai nạn gì, thì hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi tìm phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 65: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học sơ học, vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường học, thời phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 66: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy ở tiền công của dân.

Điều thứ 67: Theo nhẽ thời trẻ con lên tám tuổi đã phải đi học.

Điều thứ 68: Khi nào trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền, để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mới làng.

Điều thứ 71: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là 6,00$.

Phần thứ hai
Tục lệ
Sự quân điền thổ

Điều thứ 72: Làng có 4 mẫu 6 sào 10 thước 3 tấc ruộng công, lại có ngòi và khe công 8 mẫu đấu giá sung quĩ, còn ruộng hậu tư của 5 giáp là 31 mẫu 3 sào 10 thước giao hương hội đấu giá sung quĩ, mỗi mẫu giá 15,00$ sau sẽ chiểu như hương ước trích lấy số tiền 18,70$ chuẩn giao cho các giáp nhận cúng hậu, còn 4 mẫu 1 sào 10 thước ruộng chùa và 1 mẫu 9 sào 9 thước ruộng đền đức thánh Trần giao nhà sư mấy giáp trưởng cày cấy hương đăng và 3 sào ruộng giá ngự cai đám cấy để làm lệ tiến tân không bán đấu giá; ai đã mua đấu giá được rồi thì tính từ ngày hội đồng đấu giá hạn một tuần lễ phải nộp vào quĩ cho đủ, nếu ai quá hạn, không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở sự chi thu thì hương hội cắm lấy ruộng hay ngòi khe công để bán đấu giá lại và trình quan xét, còn như đã cấy cày, giống giọt người ấy cũng phải chịu mất lãi ấy.

Hôn lễ

Điều thứ 73: Nói rõ thể lệ cưới cheo và tiền cheo nộp bao nhiêu.

Hôn lễ thuyết

Ngũ luân của xã hội thì lễ hôn trọng vào bậc thứ 3, bốn lễ của gia tộc thì lễ hôn trọng vào bậc thứ hai, vì thế nhà nước có đặt ra luật hôn để phòng ngừa các điều nhầm đại, thánh hiền có để lại nhời chính đáng dạy bảo cho tuân theo, tức như những nhời phương ngôn của dân ta thường nói như là "lấy vợ kén tông lấy chồng kén giống" mà không nói gì đến sự tiền bạc, thế là cách thức hôn đó. Lại nói, vợ chồng như đũa có đôi bằng đôi phải lứa, mà không nói gì đến sự xấu đẹp, như thế là cách thể hôn đó, xem như tục các nước văn minh đời nay, con gái cũng phải cho ăn học như con giai và để dành vốn riêng cho con gái, ấy luân lý phân minh là thế, tinh tục hay hớm là thế, so sánh với hiện tục của dân ta ngày nay thì sao, các điều nhầm dại không sao kể xiết được, phần thì trái lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc chúng ta kíp nên sửa đổi cái lễ tục ấy cho dễ tuân theo, vậy các lễ hôn định như sau này:

1. Trong làng con giai từ 18 tuổi con gái từ 17 tuổi giở lên mấy được làm lễ giá thú.

2. Trước khi sắp làm lễ vấn danh tục là lễ hỏi, bố mẹ hai bên phải tường cho hội đồng biết, để xét xem hai người định lấy nhau ấy tuổi có hợp lệ hay không, có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị tại sở hội đồng trong 15 ngày, nếu hợp lệ mà không ngăn trở gì thì nhà giai mấy được làm lễ vấn danh để kết hôn.

3. Khi thành hôn rồi hạn trong một tháng là cùng, người chủ hôn dẫn 2 người tân hôn phải sửa 1 chai rượu, một trăm miếng giầu ra đình lễ thần rồi nói mới hương hội biên vào sổ giá thú, giầu rượu ấy hương hội có mặt tại đình quán huệ.

4. Cheo nội 1,00$, cheo ngoại 1,00$.

5. Khi đã có nộp lệ lan nhai vào sổ giá thú là hôn lễ không phải phi tổn với làng gì nữa.

Còn như những thủ tục chăng giây đóng cửa nhà thờ, cheo xóm, cheo họ, cheo giáp làm cho lôi thôi việc người ta thì nhất thiết cấm chỉ, ai phạm hương hội phạt 0,50$.

Tang lễ

Điều thứ 74: Tang lễ thuyết

Cõi nhân sinh không sự gì đau đớn bằng sự tử táng, trong làng không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng, vì bằng trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà trâu, lợn làm lễ bàn mời dân ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không, chắc giả lời rằng không, trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ý mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ mà ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân như thế có yên không, chắc cũng giả lời rằng không, phải là vì cái ăn mà tìm đến thế mà tục hủ lậu truyền thói đời bạc, khi có việc tang bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chay lớn, lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ vinh rượu mới hương quan, đến nỗi tốn trăm tốn nghìn mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại, than ôi khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm phần không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế tuần nọ tế tuần kia để giả nợ miệng cho thiên hạ, đã không ích gì đến người chết mà lại cho người sống, là báo hiếu thế có lạ chưa, cũng có người biết là tục giở hoặc thói truyền nhiễm hoặc miệng thị phi nhẩm chịu là nhẩm đổi không dám đổi, nay nhờ thương hiền nhủ lòng thương nhời diễn thuyết thực là tỏ tường, các tinh tục chẳng là chính đáng, dân ta bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà tang dẫu có thiệt người nhưng không thiệt của, kẻ bố quyết chánh khỏi tiếng xấu mà lại được khen, thời vậy các điều như sau này.

1. Ai chết về vụ đông và không phải bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 48 giờ phải đem mai táng, về mùa hạ hay là bệnh truyền nhiễm thì hạn trong 24 giờ phải đem chôn ngay.

2. Nhà nào có đám ma phải sửa một trăm miếng giầu, một chai rượu đến tường hội đồng, xem tang chủ nộp về lệ nào giao người tộc biểu về phải người tang chủ cắt đô tùy trong giáp người tang chủ ấy để mua đồ táng nghi đi tống táng, lệ ấy phân biệt như sau này:

Lệ 1: 6,00$ (sáu đồng bạc) 2 chấp hiệu 36 đô tùy thì hương hội tư văn vào hàng giáp tế.

Lệ 2: 4,00$ (bốn đồng bạc) 1 chấp hiệu 24 đô tùy chỉ có hương hội hàng giáp tế.

Lệ 3: 2,00$ (hai đồng bạc) 1 chấp hiệu 16 đô tùy chỉ có giáp tế tiên chỉ, đô tùy thì tang chủ phải chịu.

3. Trước khi chuyển cữu chấp hiệu và đô tùy ra trước linh cữu làm lễ thượng ấp hạ bái, nghĩa là trong đám chấp hiệu hay đô tùy ai thứ vị hay tuổi ở trên người chết chỉ vái 3 cái, còn thứ vị hay tuổi ngang hàng hay ở dưới thì lễ 2 lễ để tỏ tình thương xót, lễ kính trọng làng đối với vong nhân, về phần tang chủ đối với vong nhân thì đem cả anh em dâu rể con cháu nội ngoại ra đáp lễ lại.

4. Người nghèo khó chết không có ai trông nom về sự tống táng, thì hương hội trích 3,00$ tiền công giao cho tộc biểu mua ván và cắt tuần tráng đi tống táng, lại trích 1,00$ để chi tiền giầu nước cho người đi làm việc ấy.

5. Khi tang chủ đã nộp tiền lệ cho làng mà biên vào sổ tử rồi thế là trình lễ tang chủ đối với làng 2 bên hoàn toàn không thiếu gì nữa, nếu ai lấy thế lực mưu chước để sách nhiễu tang chủ về sự ăn uống, tiền nong, hương hội xét thực phạt 1,00$ và truất vị thứ đình trung, hạn một trăm ngày, chỉ có sau khi an táng, nhà tang chủ nếu có muốn đãi những người chấp hiệu và đô tùy một bữa cơm thường thì tùy ý không cấm; như người chức sắc hay người 70 tuổi giở lên bất hạnh mệnh một, dân mới có lễ điếu 1,00$ và một đôi câu đối.

Những tiền lệ khác

Điều thứ 75: Khao vọng thuyết

Các quan có sắc mệnh, các viên có phẩm hàm nhiêu đinh và kỳ lão là bậc xỉ tước ai cũng kính trọng, không phải là phải có món tiền khao vọng mấy có vị thứ, nhưng làng định thu món tiền ấy là có ý để tỏ lòng rằng, bậc đạt tôn cũng lấy vị thứ đình trung làm trọng, để làm

gương khuyến khích cho kẻ sau, duy lão hạng từ 70 tuổi giở lên, sự hi vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông nom về con cháu thì nhiều, nếu ai cứ sống thêm 1 tuần lại một lần thêm 1 mòn, thì trước là trái nghĩa thượng xỉ, sau nữa là người ta khó theo, vậy lệ khao vọng nên chước miễn hẳn, còn như những người chưa có vị thứ thì buộc phải nộp tiền với khao vọng mấy mua được chỗ ăn ngồi, nhẽ ấy công bằng sự này minh bạch.

Văn tứ phẩm ấn quan, vũ tam phẩm giở lên 50,00$, văn ngũ phẩm, vũ tứ ngũ phẩm giở lên.

Pháp học các khoa tiến sỹ và cử nhân 30,00$, văn thất phẩm, vũ lục phẩm, Pháp học tú tài, cao đẳng vọng 30,00$, văn bát phẩm vũ thất phẩm, thưởng hàm chánh phó tổng, trung học tốt nghiệp học sinh 20,00$, văn cửu phẩm, vũ bát phẩm, thí sai chánh phó tổng thưởng hàm, lý phó trưởng, nghị hội viên vọng 20,00$, chánh phó hương hội, chánh phó lý vọng 30,00$, phó tổng chưa có chân xã nhiêu vọng 20,00$, có chân xã nhiêu vọng 6,00$, nếu có chân phó lý cựu thì chỉ phải nộp 2,00$, tộc biểu chưa có chân xã vọng 50,00$, có chân nhiêu chưa có chân xã vọng... tộc biểu mà có chân lý phó cựu vọng 1,00$, ngôi tư văn 3,00$, ai làm tộc biểu mãn lệ ba năm lại phải vọng 30,00$, ăn ngồi theo làng phó lý hương lão, từ 55 tuổi vọng 6,00$ và lên linh xứ giáp 2,00$ và 1 cơi giầu, 1 chai rượu trình hội đồng biết thì được trừ tạp dịch.

Bán vị thứ

Ngôi lý trưởng mua 50,00$, phó lý mua 30,00$ (có chân xã), xã mua 20,00$ (có chân nhiêu), nhiêu mua 20,00$, bán 4 ngôi ấy do quan trên cho phép mới được bán, các viên chức và hương lão phải nộp tiền các lệ khao vọng trên này, hễ đến kỳ nào hay năm nào phải nộp các tiền lệ ấy, thì kể bắt đầu từ ngày hương hội đưa phiếu thu ngân, hạn trong ba tháng hoặc 6 tháng là cùng phải đem nộp vào công quĩ cho đủ. Nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu hương hội, xã trừ vị thứ của người ấy và trình quan xét nghĩ.

Tế tự

Tu tiến lễ vật

Tối Giao Thừa và 3 ngày Tết mỗi ngày 1,00$, lễ động thổ 1,00$, mồng 6 tháng Giêng vào đám xôi, lợn, giầu, rượu 15,00$, ngày 7 xôi, gà, giầu, rượu 15,00$, ngày mồng 9 Xuất Tịch tế ngoài đồng xôi, lợn, giầu, rượu 15,00$, ngày tháng 2 Kỳ An 5,00$, mồng 3 tháng 3 lễ Hàn Thực 1,00$, tháng 2 xuân tế 3,00$, ngày mồng 10 lễ Thánh Đản 10,00$, mồng 1 tháng 4 lễ tẩm cốc 1,00$, Hạ Điền 1,00$, mồng 5 tháng 6, 7, 8 lễ Thánh Đản xôi, lợn, giầu, rượu 15,00$, tháng 6 lễ Kỳ Phúc 1,00$, tháng 7 Thượng Điền 1,00$, lễ tiến tân 1,00$, tháng 8 thu tế 3,00$. Ngày 14, 15, 16 lễ Thánh Đản công 15,00$, tháng 9 lễ Kỳ Phúc 1,00$. Mồng 10 tháng 10 lễ Kỳ Phúc 1,00$, ngày 24 tháng 10 lễ Thánh Đản 10,00$, tháng 11 lễ Kỳ Phúc 1,00$, tháng Chạp Kỳ Phúc 1,00$, ngày 25 lễ tiến mã 10,00$, đồng niên hương đăng 18,00$, đồng niên sóc vọng 24 kỳ, mỗi kỳ 1,00$ cộng 24,00$.

Lễ hậu công dân.

Ngày 24 tháng 2 lễ 1,00$.

Ngày 27 tháng 4 lễ 4,00$.

Ngày 17 tháng 10 lễ 1,00$.

Các kỳ hậu tự về các giáp can cáng không phải chi tiền công quĩ như sau này:

Tháng Giêng ngày 10 lễ 4,00$, ngày 27 lễ 2,00$, ngày 13 lễ 2,00$.

Tháng 2 ngày mồng 9 lễ 1,20$, ngày 18 lễ 1,80$, ngày 24 lễ 1,80$.

Tháng 2 ngày 28 lễ 2,00$.

Tháng 3 ngày 23 lễ 2,00$, ngày 17 lễ 1,80$, ngày 25 lễ 2,00$.

Tháng 3 ngày 26 lễ 1,95$, ngày 29 lễ 1,95$.

Tháng 4 ngày 7 lễ 2,00$, ngày 9 lễ 1,00$.

Tháng 5 ngày 2 lễ 2,00$, ngày 11 lễ 1,80$, ngày 13 lễ 1,60$.

Tháng 5 ngày 23 lễ 1,90$.

Tháng 6 ngày 4 lễ 4,00$.

Tháng 7 ngày 8 lễ 1,80$, ngày 11 lễ 1,80$.

Tháng 8 ngày 18 lễ 1,90$.

Tháng 10 ngày 19 lễ 2,00$.

Tháng 11 ngày 23 lễ 2,00$.

Tháng 12 ngày 7 lễ 1,80$, ngày 27 lễ 2,00$.

Các việc tế lễ cúng và ky hậu tất cả hết là 285,70$.

Vị thứ đình trung

1) Văn lục phẩm, vũ ngũ phẩm giở lên, Pháp học các khoa tiến sỹ, cử nhân cứ theo phẩm chức mà ngồi.

2) Văn bát phẩm, vũ thất phẩm giở lên, Pháp Việt tú tài, cao đẳng, học sinh, bổ thụ chánh phó tổng chiểu theo phẩm trật mà ngồi.

3) Văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm và chánh phó tổng nghị hội viên cùng các phẩm hàm nhà nước cho quyền, thứ đến trung đẳng tốt nghiệp học sinh, chiểu theo thứ vị và phẩm hàm mà ngồi.

4) Bậc đạt tôn hàng tản cựu chánh phó hương hội, chánh phó lý, thủ quĩ, thư ký cùng những người theo hàm chánh phó lý và những người có chân xã mua, thứ đến tiểu học tốt nghiệp học sinh, cứ chiểu theo thứ vị trong các hàng mà ngồi, phải có trật tự các phẩm hàm, từ cửu phẩm giở lên thì võ giai kém văn giai 2 trật, các viên chức từ hạng chánh phó lý giở lên thì man lệ hơn chức bầu cử mới, mà chức bầu cử hơn chức mua, các viên chức từ hàng xã quyên có học thức giở lên mới được vọng tư văn và mới được dự đình trung.

Các tộc biểu người nào trước kia không có chức phận và không có vị thứ gì, khi đã được bầu cử làm tộc biểu cũng được vị thứ đình trung, nhưng phải nộp tiền mua vị thứ mới tiền nộp khao vọng như điều thứ 75 đã nói ở trên.

5) Kỳ lão từ 55 tuổi giở lên cứ chiểu theo niên xỉ mà ngồi.

Các thuế cuả làng.

Điều thứ 77[1]

[1] Trong văn bản không có.

Điều thứ 78: Kể từ ngày thi hành khoản ước này các điều khoản gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 79: Trong làng ai trái những khoản ước trên thời hương hội tùy tình lý nhẹ nặng mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu hoặc truất vị thứ xuống mấy ban.

Điều thứ 80: Đệ niên đến ngày vào đám tế thần thời thư ký phải đem hương ước này mà đọc cho dân cùng nghe.

Điều thứ 81: Ngoài những thể lệ đã định trong hương ước này lập riêng cho làng Viên Nội, thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 82: Quyển hương ước này phải có chữ các người tộc biểu ký, có chữ quan sở tại phê, có chữ các quan tuần phủ và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành 4 bản chính, bản thứ 1 lưu chiểu ở làng, bản thứ 2 lưu chiểu ở quan sở tại, bản thứ 3 ở dinh quan tuần phủ, bản thứ 4 ở tòa sứ.

Phụ lệ

Bầu tế chủ, điển văn và giám viên.

Chức tế chủ 1 năm cắt 2 người đạt tôn sung làm chức ấy.

Chức điển văn cắt từ lý trưởng đương thứ giở lên, có người hơn thì người kém phải nhường.

Chức giám viên giữ đèn hương 1 năm thì cắt lần lượt trong các giáp, luân thứ đến giáp nào thì giáp ấy cử người tinh thông biết lễ mới được đang chức ấy, khi giao nhận đồ thờ thì 2 người giám viên mới cử phải có lễ, hiện có tân cựu chánh phó lý hương hội chứng kiến, mà việc tế lễ chung thì cũng cắt lần lượt các giáp cắt biên một năm, cũng lần lượt theo vào giáp giám viên, cứ giám viên chiểu nhận số tiền giao lĩnh trưởng giáp mua các hạng lễ vật cần biện việc tế lễ chung ấy, còn đến như giỗ hậu các giáp thì cứ giáp nào lĩnh trưởng giáp ấy biện lễ cùng cựu hậu cùng.

Lệ cử biểu

Phàm những tết lễ có tế sinh thì cử biểu tư văn, chủ tế, giám viên còn thì đồng dân quân huệ.

Đến như tết lễ nhỏ thì chỉ những người hương hội và những người dự tế đình trung quân huệ mà thôi, đến như lễ sóc vọng thì từ xã mua giở lên đều được quân huệ, còn tiết lễ nhỏ thì những người có chân xã mua ra làm lễ thì cũng đều được quân huệ, nếu không ra làm lễ thì thôi. Làng có lệ nhà nào nhiều anh em mà tình nguyện ra lính, những người ít anh em mà tình nguyện khi đã được trúng tuyển mãn khóa 6 năm, thì làng cho ngôi xã mua, nhưng phải nộp tiền vọng 6,00$, người lính nào đương khóa lính vì việc chiến trận mà chết, thì làng cho con hoặc cháu một tên nhiêu nam, nhưng phải nộp tiền vọng 3,00$ sung quĩ.

Phàm những người tổng lý, chánh phó hội, thư ký, thủ quĩ không hết bổn phận mà phải cách hoặc bãi dịch, không được dự tế đình trung và không được trừ tạp dịch mà lệ trừ dịch được trừ.

Tục lệ của xã Viên Nội hương hội trị từ (...) tại ngày hội đồng 15 (...) 1925.

Chánh hương hội và hội viên ký ở dưới chánh hương hội Nguyễn Văn Lợi ký Quốc ngữ, Lý trưởng Nguyễn Văn Tất ký tên đóng triện. Phó sưu thuế Nguyễn Văn Sỹ ký chữ Nho. Thủ quĩ Nguyễn Văn Quý ký chữ Nho. Thư ký Ngô Văn Ngọc ký Quốc ngữ. Phó lý Nguyễn Văn Sinh các người tộc biểu Nguyễn Văn Tỳ, Nguyễn Văn Đỉnh, Ngô Văn Biên, Nguyên Văn Hương, Nguyễn Văn Miễn, Trần Văn Trinh, đều ký chữ Nho cả.

Phụng sao y như bản chính trong hương ước tại làng Viên Nội le 29.8.1942

Le tiên chỉ.

HƯƠNG ƯỚC XÃ CƯỜNG NỖ

(Bản sao năm 1936)

Chúng tôi là hương lý kỳ lão xã Cường Nỗ, tổng Uy Nỗ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên xin làm hương ước như sau này.

Việc chính trị trong làng
Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ nhất: Lý trưởng tiếp quản phát bài chỉ về, phải hội hương hội cả 3 thôn để tính bổ.

Điều thứ hai: Sưu thuế đã có ngạch nhà nước phải theo trong bài chỉ mà bổ không được hàm hỗn.

Điều thứ ba: Khi bổ sưu thuế giao lý trưởng hay các tộc biểu hành thu thời tùy ý, nhưng đến hạn nộp thời phải giao cho lý trưởng đem nộp vào kho bạc.

Điều thứ tư: Ngày hội bổ thuế cấm không được ăn uống phi phạm gì cả.

Mục canh phòng

Điều thứ nhất: Làng có 3 thôn. Phan Xá, Dãn Dị và Đảm Nỗ. Mỗi thôn cắt 5 người tuần và mỗi thôn lại phải có lý trưởng hoặc trương tuần làm đốc canh. Khi thường thì ban tuần thôn nào cứ an phận mà tuần phòng trong làng và ngoài đồng thôn ấy. Khi thôn nào có động

hiệu thì cả ban tuần 3 thôn phải đến ứng cứu. Đường hoả xa cùng đường giây thép thời phải tuần, 3 thôn phải cắt chia nhau mà canh phòng cho có chuyên trách.

Điều thứ hai: Ban tuần thôn nào phải chịu trách nhiệm việc canh phòng về thôn ấy, nếu sơ khoáng để mất thoát việc gì, bất cứ trong làng hay ngoài đồng đều phải chịu giá mà bồi thường một phần ba hay hai phần ba, thì tuỳ ý sự chủ mà châm chước.

Điều thứ ba: Lương tuần thời phải theo lệnh quan trên như mỗi sào lúa thời được lấy 2 lươm, mỗi lượm ba búng, người chủ cắt mỗi búng thế nào thì phải lấy thế, không được lấy hơn ra.

Lứa ngô cứ mỗi sào được lấy 25 bắp, khoai lang, khoai sọ, vụ đậu cứ 30 luống được lấy 1 luống, mạ mỗi sào được lấy 3 cái.

Việc quan dịch

Việc quan dịch trước kia 3 thôn vẫn có 1 người lý trưởng và 2 phó lý để ứng hành công vụ, nhưng nay một thôn đã có 1 người lý trưởng và 2 thôn mỗi thôn lại có 1 người trương tuần, thay vào 2 người phó lý khi trước để đi lo liệu việc quan. Thời những việc quan dịch 3 thôn chiểu theo số đinh mà chịu trách nhiệm không được ganh ty.

Việc tế tự

Thôn Phan Xá

Điều thứ nhất: Trong thôn có 3 mẫu 2 sào ruộng tế tự, hàng năm giao đương cai cày cấy sửa các tiết sau này.

Ngày mồng 7 tháng Giêng sửa lễ sinh nhật đức tiền Lý.

Ngày mồng 7 tháng Giêng sửa lễ sinh nhật đức hậu Lý.

Ngày mồng 10 tháng Giêng sửa lễ ban yên về sự tích đức tiền Lý.

Tháng năm sửa lễ Thượng Điền và Hạ Điền.

Lễ Trùng Ngũ tháng 5.

Lễ Trùng Thập tháng 10.

Lễ xôi mới và cơm mới.

Lễ thượng nguyên và trung nguyên.

Ngày mồng 2 tháng 1 lễ kỷ niệm đức âm phù công chúa.

Ngày 25 tháng Chạp lễ phụng nghinh mã thờ.

Và đồng niên 24 tuần sóc vọng lễ hội, trừ cúng tứ quý Kỳ Phúc là mồng 9 mồng 10 tháng 3, mồng 9 tháng 4, mồng 9 và 12 tháng 7, ngày 15 tháng 8 và 18 tháng 10.

Các tục lệ kê trên này đương cai phải tuỳ nghi mà tu sửa.

Điều thứ 2: Trong thôn có 5 sào ruộng tư văn, hàng năm giao đương cai cày cấy để sửa lễ xuân tế và thu tế.

Điều 3: Trong thôn có để 1 mẫu 5 sào ruộng để giao thủ từ cày cấy chi đèn hương quanh năm ở đình.

Điều thứ tư: Trong thôn có 17 mẫu ruộng hậu. Ruộng ấy là ruộng của các tiền nhân đặt hậu khi trước, hàng năm vẫn giao số ruộng ấy cho người cai đám để sửa vào những ngày giỗ hậu là ngày 27 tháng Chạp, ngày ấy giỗ 10 vị hậu và đến các ngày giỗ sau giỗ 8 vị hậu nữa, thời người cai đám phải sửa cả mồng 6 tháng 3, mồng 5 tháng 5, mồng 1 và 21 tháng 6, 21 tháng 8, 20 tháng 9, mồng 4 tháng 10 và 19 tháng Một[1].

Điều 5: Trong thôn có 3 mẫu 5 sào ruộng chùa. Đồng niên giao cho nhà sư cày cấy để mua giầu hương cúng Phật và sửa một Kỳ Yên.

Điều 6: Trong thôn có 14 mẫu 6 sào 8 thước ruộng công ở bên trong đê và có 3 mẫu 1 sào 7 thước ruộng công ở bên ngoài đê, những ruộng ấy khi trước nhà nước lấy đất đắp đê thành ra ruộng sâu, mấy năm về trước vẫn bỏ cỏ hoang, sau trong làng có lũ dân đinh ra khai khẩn, nhưng nay ruộng ấy vẫn còn xấu lắm, thì đồng thôn đều bằng lòng cho lũ dân đinh khai khẩn cày cấy và phải nộp thuế, hễ khi nào thành ra ruộng tốt thì đem ra quân cấp.

---

[1] Tức là tháng 11 âm lịch theo cách gọi dân gian (TSH - chú).

Mục hôn lễ

Điều thứ nhất: Cheo nội phải nộp 1,00$ và nhà giai phải sửa giầu rượu ra làm lễ thần.

Điều thứ hai: Cheo ngoại phải nộp 2,00$ và nhà gái phải sửa giầu rượu ra làm lễ thần.

Mục tang lễ

Điều thứ 1: Việc tống táng có ba lệ nhất 2,00$, lệ nhì 1 đồng và lệ ba 100 miếng giầu, số tiền ấy là để sau khi đưa đám về thì để thù lao cho những người đô tuỳ đi hộ tang, còn sự cỗ bàn tiếp đãi thì tuỳ ý tang gia.

Điều thứ 2: Trong ba lệ ấy tuỳ theo tang gia nhà giàu nhà nghèo ai muốn nộp lệ nào cũng được chứ không bắt buộc.

Mục khao vọng

Điều thứ 1: Các phẩm hàm nhà ân thưởng, cùng các viên chức vào hàng văn giai, cùng các vị thứ mua thời cứ chiểu theo viên thứ mà nộp. Khao vọng thời cho tuỳ tục.

Điều thứ 2: Trong thôn ai lên lão 50 hoặc 60 thì phải 1 chai rượu và 100 miếng giầu ra lễ thần và đồng thôn quân huệ.

Thôn Đảm Nỗ

Việc tế tự

Điều thứ nhất: Trong thôn có để 12 mẫu ruộng tế tự, giao người cai đám đương thứ để sửa các tiệc lễ sau này.

Ngày mồng 7 tháng Giêng lễ sinh nhật đức thánh ông.

Ngày mồng 8 tháng Giêng sửa lễ Kỳ Phúc.

Ngày mồng 2 tháng 2 sửa lễ sinh nhật đức thánh bà.

Ngày mồng 2 tháng 1 sửa lễ đức thánh hoá.

Ngày mồng 9 tháng 1 sửa lễ đức thánh bà hoá.

Để 1 mẫu 5 sào ruộng giao đương cai cùng cấy, để mua tiền thờ hai đến.

Để 2 mẫu ruộng giao luân thứ cày cấy, để sửa lễ xuân đinh và thu đinh.

Và 1 mẫu 5 sào ruộng giao cai đám cày cấy, mua giầu hương sáp cúng tế trong một năm.

Để 3 mẫu ruộng giao đương cai cày cấy, để sửa lễ sóc vọng một tháng đôi tuần.

Các tiệc lệ kể trên này các đám và đương cai phải tuỳ nghi tu sửa.

Điều thứ 2: Trong thôn có 7 mẫu ruộng hậu, ruộng ấy là của các người đặt kỵ hậu, hàng năm giao ruộng ấy cho đều lượt cày cấy để làm giỗ ông hậu bà hậu.

Điều thứ 3: Trong thôn có 3 mẫu 6 sào ruộng chùa, giao cho nhà chùa cày cấy, để hàng năm đèn hương ở chùa và sửa sang trong chùa.

Mục hôn lễ

Điều thứ 1: Việc lan giai trong làng lấy nhau thời phải nộp 1 đồng và 50 miếng giầu.

Điều thứ 2: Người khác làng đến lấy nhau thời phải nộp 2,00$ và 100 miếng giầu.

Mục tang lễ

Điều thứ 1: Việc tống táng chia làm 3 lệ. Lệ thứ nhất phải nộp 2,00$ mấy 50 miếng giầu thời được 20 người đi tống táng. Lệ thứ 2: nộp 1,00$ 50 miếng giầu thời được 16 người đi tống táng. Lệ thứ 3: Người nào nghèo quá thời nộp 30 miếng giầu thời được 12 người đi tống táng.

Điều thứ 3: Trong lệ ấy, ai muốn nộp lệ nào thời tuỳ ý tang chủ chứ không bắt được ai cả.

Điều thứ 4: Số tiền nộp lệ ấy khi đưa đám về để thù lao cho những người đi tống táng.

Mục khao vọng

Điều thứ 2: Trong thôn ai lên lão 60 tuổi thời phải biện 1 chai rượu và 50 miếng giấu ra làm lễ thần rồi đồng thôn quân hệ.

Thôn Dân Dị

Việc tế tự

Điều thứ 1: Trong thôn có để 8 mẫu 9 sào ruộng cúng tế hàng năm, giao cho người đương cai cày cấy để sửa các tiết lệ sau này.

Ngày 12 tháng Giêng sửa lễ Kỳ Phúc.

Ngày 12 tháng 8 sửa lễ sinh nhật đức thánh.

Ngày 12 tháng 1 sửa lễ ky nhật đức thánh

Đệ niên tháng hai giao cho dân 8,00$ để mua mũ thờ và tế đức tiên hiền và đồng niên phải sửa 24 tuần sóc vọng.

Điều thứ 2: Trong thôn có để 4 mẫu 1 sào ruộng chùa, đồng niên giao cho nhà chùa cày cấy để đèn hương cúng Phật quanh năm và sửa sang trong chùa.

Mục hôn lễ

Điều thứ 1: Cheo nội phải 1,00$ và 30 khẩu giấu, cheo ngoại phải 2,00$ và 50 khẩu giấu.

Mục tang lễ

Điều thứ 1: Việc hiếu chia làm 3 lệ. Lệ thứ nhất nộp 2,00$ và 50 khẩu giấu thời đồng thôn đi hộ táng. Lệ thứ hai nộp 1,00$ và 30 khẩu giấu thời ai từ 18 tuổi đến 40 tuổi đều đi hộ táng. Lệ thứ ba nộp 15 khẩu giấu thời 10 người đi hộ táng.

Điều thứ 2: Số tiền nộp lệ ấy là khi đi hàm tống về để thù lao cho những người đi hộ táng.

Điều thứ 3: Trong ba lệ ấy ai muốn nộp lệ nào cũng được. Không bắt buộc gì cả

Điều thứ 4: Trong ba lệ ấy ai muốn nộp lệ nào cũng được không bắt buộc gì cả.

Mục khao vọng

Điều thứ 1: Trong làng ai lên 60 tuổi chỉ phải giầu rượu lễ thần rồi đồng dân quân hệ, không phải tiền vọng gì cả.

Tổng luận

Nói tóm lại trong xã có 3 thôn, việc cúng tế đình chùa thôn nào riêng thôn ấy, nên việc tế lễ việc ẩm thực cùng việc hiếu, việc hỉ và việc lan nhai thôn nào riêng thôn ấy cả, còn việc quân dịch quanh năm phí tổn bao nhiêu thời 3 thôn phải chịu chia đều số đinh, rồi thôn nào chịu bao nhiêu phải gánh ngần ấy, nếu thôn nào không chịu gánh như hương ước trên này trình quan trên xét xử.

Vậy lập hương ước này ký kết và trình quan trên phê duyệt làm bằng.

Cường Nỗ le 28 oau 1942

Thừa sao, chính bản

Lý trưởng.

MỤC LỤC

	Trang
• Phong tục xã Hoàng Xá	5
• Hương ước thôn Đỗ	22
• Hương ước thôn Thị Cấm	40
• Hương ước làng Yên Nội	57
• Hương ước làng Vĩnh Kỳ	80
• Hương ước làng Tây Mỗ	92
• Hương ước làng Trung Tựu	143
• Hương ước làng Đại Mỗ	162
• Hương ước làng Phú Diễn	187
• Hương ước thôn Trù	200
• Hương ước làng Dịch Vọng Sở	213
• Hương ước làng Bát Tràng	227
• Hương ước làng Thổ Khối	250
• Hương ước làng Chu Lão	277
• Hương ước làng Dục Nội	297
• Hương ước làng Cổ Điển	312
• Hương ước xã Lương Nỗ	331
• Hương ước xã Lương Quy	344
• Hương ước xã Xuân Canh	361
• Hương ước làng Vạn Lộc	365
• Hương ước làng Tiên Kha	372

- Hương ước xã Phúc Lộc 389
- Hương ước xã Nguyên Khuê 406
- Hương ước làng Đại Độ 423
- Hương ước làng Đại Đồng 443
- Tục lệ của xã Hải Bối 452
- Hương ước làng Kim Nỗ 464
- Hương ước làng Lực Canh 482
- Hương ước xã Mai Châu 500
- Hương ước làng Mạch Tràng 515
- Hương ước thôn Thọ Đa 533
- Hương ước xã Thứ Lâm 544
- Hương ước làng Xuân Trạch 563
- Hương ước xã Yên Hà 579
- Hương ước xã Đào Thục 585
- Hương ước làng Cổ Loa 598
- Hương ước làng Mạch Lũng 617
- Hương ước làng Đồng Nhân 632
- Hương ước xã Đường Yên 652
- Hương ước làng Lô Giao 670
- Hương ước xã Lương Quân 688
- Hương ước xã Kinh Nỗ 700
- Hương ước xã Trung Oai 702
- Hương ước xã Tuân Lễ 707
- Hương ước làng Vân Trì 721
- Hương ước làng Viên Nội 740
- Hương ước xã Cường Nỗ 759

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

109 Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội
ĐT: HC - TH: 04.3.7339361 - PH: 04.3.8439034
Các ban biên tập: 04.3.7341742 - 04.3.8438953 - 04.3.8439033
Fax: (84-4) 3.8438951 - Email: nxbtdbk1998@yahoo.com

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 2

TRƯƠNG SỸ HÙNG ***(Chủ biên)***

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. TRỊNH TẤT ĐẠT

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TS. ĐỖ THỊ MINH THÚY

Biên tập:	**TRẦN BÍCH NGA - THÀNH NHÂN**
Trình bày bìa:	**NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Kỹ thuật vi tính:	**THÀNH NAM**

In 2000 cuốn khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần INSAVINA
Giấy phép xuất bản số 46-2009/CXB/15-06/IĐBK
In xong và nộp lưu chiểu năm 2010

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

Hương ước Hà Nội T2 (QD)
13011000000006
138,000

Giá: 138.000đ